

NGÔ QUANG THIÊN

**MÔN**

**KÌ THI**

**THPT Quốc gia**

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

## **NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**16 Hàng chuỗi - Hai Bà Trưng - Hà Nội**

Điện thoại: Biên tập: (04) 39714896;

Quản lý xuất bản: (04) 39728806; Tổng biên tập: (04) 39715011;

Fax: (04) 39729436

### ***Chịu trách nhiệm xuất bản:***

**Giám đốc - Tổng biên tập: TS. PHẠM THỊ TRÂM**

Biên tập chuyên ngành:

**PHẠM THỊ THU HƯƠNG**

Biên tập xuất bản:

**PHẠM THỊ THU HƯƠNG**

Chế bản:

**Công ty Cổ phần CCGROUP Toàn Cầu**

Trình bày bìa:

**Công ty Cổ phần CCGROUP Toàn Cầu**

Đối tác liên kết:

### **CÔNG TY CỔ PHẦN CCGROUP TOÀN CẦU**

Địa chỉ: Số 10 Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

### **SÁCH LIÊN KẾT**

## **KÌ THI THPT QUỐC GIA**

Mã số: 2L - 984PT2018

In 5.000 cuốn, khổ 22x27,5cm tại Công ty CP in SGK tại Tp. Hà Nội

Địa chỉ: Tổ 60, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội.

Số xác nhận ĐKXB: 3102-2018/CXBIPH/08-276/ĐHQGHN, ngày 31/8/2018

Quyết định xuất bản số: 1201 LK-XH/QĐ - NXB ĐHQGHN, ngày 11/9/2018

In xong và nộp lưu chiểu năm 2018.

# Lời cảm ơn

## ***Các bạn thân mến!***

Cuốn sách này là kết tinh thành quả của những con người nhiệt thành, vững vàng và tâm huyết. Bởi thế, tôi muốn dành lời cảm ơn, lời tri ân chân thành và sâu sắc nhất tới họ.

Xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo Tổ Ngữ văn - Trường THPT Chuyên Thái Nguyên và các thầy cô giáo Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã trang bị cho tôi một hành trang vững chắc để có thể chia sẻ những giá trị trên quý này tới các bạn học sinh cả nước.

Xin cảm ơn nhãn hiệu CCBook với những bạn trẻ năng động, sáng tạo, tài năng và nhiệt tình đã hỗ trợ tôi rất nhiều trong quá trình hoàn thiện cuốn sách.

Cuối cùng, xin cảm ơn các bạn độc giả đã lựa chọn cuốn sách này. Tác giả rất mong nhận được sự ủng hộ và phản hồi của độc giả để cuốn sách hoàn thiện hơn.

Tác giả

**Ngô Quang Thiện**

Các bạn đọc giả thân mến! Trước khi lấp đầy hành trang cho kì thi Trung học phổ thông Quốc gia năm 2019, tôi muốn dùng những trang viết đầu tiên của cuốn sách này để đem đến cho các bạn một tâm thế thoải mái và vững vàng nhất

Trong trường ca "Mặt đường khát vọng", Nguyễn Khoa Điềm tâm sự:

"Nhưng em biết không  
Có biết bao người con gái, con trai  
Trong bốn ngàn lớp người giống ta lứa tuổi  
Họ đã sống và chết  
Giản dị và bình tâm  
Không ai nhớ mặt đặt tên  
Nhưng họ đã làm ra Đất Nước"

Văn học không đem đến cho chúng ta một sự thoát li. Nó là tiếng nói của đời sống chân thực. Hãy cùng chúng tôi đến với cuộc đời của một con người "giản dị và bình tâm" như vậy và hãy ghi lại những xúc cảm của bạn sau khi đọc xong câu chuyện này nhé!

Nguyễn Văn Thương sinh năm 1938, tại xã Lộc Hưng, Trảng Bàng, Tây Ninh. Ông là thiếu tá tình báo, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Khi bị địch bắt, mua chuộc bằng đồ ăn, gái đẹp, biệt thự, xe hơi... không thành, quân đội Mỹ đã dùng những màn tra tấn cực kỳ dã man đối với ông Thương. Chỉ trong 3 tháng, 10 ngón chân của ông lần lượt bị bẻ gãy, hai chân bị cưa 6 lần, cụt đến qua đầu gối...

Năm 1969, sau khi bị bại lộ thân phận do tên Chiến Cá chỉ điểm, lúc này, ông đang chuyển rất nhiều tài liệu mật từ căn cứ về Sài Gòn. Trên đường về, quân Mỹ phát hiện ra ông và cho trực thăng vây bắt. Đến cánh đồng ấp Mỹ Phước (Bình Dương), một số máy bay Mỹ hạ độ cao, cho quân đổ bộ quyết bắt bằng được người tình báo giao liên. "Lúc này, tôi đã giấu xong tài liệu vào lòng cây rồi nấp vào một chỗ kín đáo. Khẩu súng chỉ còn 21 viên đạn. Chờ địch tới gần 15 thước, tôi bắn 20 viên đạn tiêu diệt nhiều lính Mỹ. Viên cuối cùng tôi định tự sát, nhưng nghĩ lại lời thề Đảng viên không được tự sát, tôi quyết dụ chúng đến gần để tiêu diệt cướp súng. Để đánh lừa lính Mỹ, tôi vờ đầu hàng, tiến về phía máy bay. Khi chúng hạ độ cao, hạ thang dây, tôi cướp súng của một tên địch và bắn liên tiếp vào ổ chia lửa của máy bay. Một chiếc bốc cháy, nhiều máy bay khác lao tới đổ quân bao vây. Lúc này tôi đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, tôi bị thương và bị chúng dùng báng súng đập gãy cánh tay, gãy lịm" - ông Thương kể.

Bị bắt về Sài Gòn, ông Thương được lính Mỹ dẫn về ngôi biệt thự rất sang trọng có tên Hoa Hồng. Ở đây có sẵn một "bông hồng" xinh đẹp, dịu dàng, mang dáng dấp một thiếu nữ con nhà lành, cô học thức chờ đón và chăm sóc ông. Tại phòng khách, một người lính Mỹ đeo quần hàm Đại tá

chỉ cho ông xấp tiền 100 000 USD, chiếc xe hơi, ngôi biệt thự và nói "tất cả những thứ này là của ông, điều kiện duy nhất là thừa nhận ông chính là Nguyễn Văn Thương".

Không chỉ vậy, nếu ông Thương chịu hợp tác thì chúng sẵn sàng trao cho một bộ quần phục hai bông mai cấp Trung tá trên vai ản. Sau 100 ngày ở trong ngôi biệt thự, dù dùng tiền, nhà cửa và gái đẹp không thể mua chuộc được ông Thương, quân Mỹ bắt đầu áp dụng "giai đoạn 2" với những màn tra tấn tàn độc, khủng khiếp.

Trong quá trình bị bắt giam, chúng dùng đủ mọi đòn tra tấn dã man để nhám khai thác thông tin từ ông. "6 lần cưa chân của giặc Mỹ khiến tôi không thể nào quên được. Để bắt đầu cho việc hành hình tôi, chúng trói chặt tôi lên chiếc bàn rồi bẻ gãy hai ngón chân út khiến tôi đau đến tận tim" – Ông Thương nhớ lại.

Khi các vết thương ở bàn chân chưa lành, ông Thương tiếp tục bị quân Mỹ cưa chân. Mỗi lần, bọn chúng cưa một đoạn, chúng cưa bằng gang tay, khi thì chỉ vài cm, khi thì một đoạn. "Trong nhiều ngày, chúng dẽ cưa chân tôi 6 lần và đây là quãng thời gian đau đớn khủng khiếp nhất. Mỗi lần chuẩn bị cưa, chúng lại áp dụng nhiều thủ đoạn tra tấn tâm lý kéo dài sự căng thẳng, kéo dài sự đau đớn. Hết đánh lại cưa, cưa xong lại chữa trị cho lành, gắp lành chúng lại cưa. Có đợt, cưa xong chúng lại đưa tôi ra làm vật thí nghiệm cho bác sĩ Mỹ thực tập. Cứ như thế, chúng cưa nhiều lần, cưa nhiều đoạn và cho đến lần thứ 6 thì tôi đã vĩnh viễn mất đi đôi chân".

Lòng can đảm và sự anh dũng của Thiếu tá Nguyễn Văn Thương khiến cho những tên đầu sỏ, "đỏ tẽ" của đế quốc Mỹ lúc đó cũng phải thốt lên: "Tao thua rồi, mày là sinh vật thép".

Đến năm 1973, sau Hiệp định Paris, ông được thả tự do về đoàn tụ với gia đình với thân hình không còn lành lặn. Dù đôi chân cụt gần hết cùng hàng trăm vết thương do địch tra tấn khiến ông đau nhức nhưng đôi mắt ông vẫn sáng ngời tình yêu Tổ quốc. Ông thường xuyên tham dự các buổi giao lưu, truyền ngọn lửa cách mạng cho thế hệ măng non của đất nước. Ông mãi là tấm gương sáng về lòng yêu đất nước và ý chí bất khuất trong mọi nghịch cảnh.

Có lẽ, khi đọc đến đây, trong lòng mỗi chúng ta đều trào dâng một xúc cảm mãnh liệt về sự căm thù tội ác man rợ của đế quốc, lòng biết ơn thành kính đối với người con anh dũng của Việt Nam và nhiều hơn thế. Đó là điều kì diệu mà nghệ thuật ngôn từ đem tới.

Văn học làm cho ta sống đầy những xúc cảm nhân bản nhất của một con người. Bởi thế, với mỗi tiết học Ngữ văn, hãy tìm cho mình một bài học để làm đẹp thêm tâm hồn và nhân cách, các bạn nhé!

Cuốn sách *Đột phá 8+ môn Ngữ văn kì thi THPT Quốc gia* là "bì kíp" tổng hợp kiến thức ba phần bám sát cấu trúc đề thi THPTQG trong những năm gần đây: Đọc hiểu, Nghị luận xã hội và Nghị luận văn học. Bởi thế, để khai thác triệt để nội dung của cuốn sách, các em cần tạo cho mình một thói quen tiếp nhận song hành với việc luyện tập. Có rất nhiều phương pháp luyện tập mà các em có thể ứng

dụng. Tuy nhiên, với cuốn sách này, chúng tôi muốn giới thiệu đến các em một phương pháp không mới nhưng rất hiệu quả, nhất là đối với việc học tập môn Ngữ văn: phương pháp Sơ đồ tư duy. Mỗi sơ đồ là một phần tổng hợp kiến thức trọng tâm mà các em cần có trong hành trang kì thi môn Ngữ văn của mình.

Chuyên đề Nghị luận văn học: Tất cả các tác phẩm đều được trình bày dưới hình thức sơ đồ tư duy logic, đầy đủ, bắt mắt. Song, với mỗi giai đoạn văn học, chúng tôi đem đến một cách tiếp cận khác nhau:

Các tác phẩm văn học dân gian trong chương trình lớp 10: hệ thống các mảng kiến thức theo thể loại. Với những kiến thức về đặc trưng thể loại, độc giả có thể ứng dụng hệ thống lí thuyết để đọc hiểu bất kì một tác phẩm nào.

Các tác phẩm văn học trung đại trong chương trình lớp 10 và lớp 11: hệ thống các tác phẩm theo 2 mạch chủ đề để người đọc có thể nắm bắt được khối lượng kiến thức lớn trong thời gian ngắn.

Các tác phẩm văn học hiện đại trong chương trình lớp 11: được trình bày dưới dạng cô đọng kiến thức trọng tâm với các sơ đồ tư duy theo từng phần để người đọc tiếp nhận kiến thức từ tổng quát đến chi tiết.

Các tác phẩm văn học hiện đại trong chương trình lớp 12: được trình bày chi tiết, tỉ mỉ từ sơ đồ tư duy tổng quát đến sơ đồ tư duy theo từng phần nội dung. Đồng thời, đem đến cho người đọc cách tiếp cận mới mẻ, đơn giản, dễ hiểu, dễ thuộc của các tác phẩm. Bên cạnh đó, vì kiến thức lớp 12 là trọng tâm nên chúng tôi thiết kế hệ thống kiến thức cần đạt và bài viết mẫu bao gồm các thao tác: phân tích, bình giảng, liên hệ, mở rộng để cung cấp một nguồn ngữ liệu phong phú, hấp dẫn, tạo ra chiều sâu kiến thức.

Chuyên đề Đọc hiểu tổng hợp lại kiến thức Tiếng Việt và Lâm văn trong toàn chương trình THPT theo từng hệ thống như 6 phương thức biểu đạt, 6 phong cách ngôn ngữ, 6 thao tác lập luận, 10 biện pháp tu từ thường gặp... Bên cạnh đó, trong chuyên đề này, các em sẽ nắm được một số lỗi hay mắc phải khi làm bài và cách khắc phục để đạt tối đa điểm phần Đọc hiểu.

Chuyên đề Nghị luận xã hội giúp độc giả nhận biết các dạng Nghị luận xã hội thường gặp và những "công thức" dễ dàng áp dụng để chinh phục các dạng bài thuộc chuyên đề này. Điểm nhấn của chuyên đề là tổng hợp "bí kíp" làm bài, chỉ ra những nhầm lẫn, sai lệch thường mắc phải và cách khắc phục theo từng dạng đề.

**\* Những yếu tố để đạt điểm 8+ bài thi môn Ngữ văn kì thi THPTQG:**

Thể hiện đầy đủ trên 80% nội dung kiến thức đề bài yêu cầu.

Với câu hỏi yêu cầu nhận biết, các em cần trình bày ngắn gọn, chính xác, tránh dài dòng.

Với câu hỏi yêu cầu thể hiện quan điểm cá nhân, các em cần trình bày rõ ràng, lập luận chặt chẽ.

Câu Nghị luận xã hội và Nghị luận văn học, các em cần đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn, bài văn; xác định đúng và triển khai mạch lạc vấn đề nghị luận; chính tả, dùng từ, đặt câu chuẩn ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt; bài làm có tính sáng tạo, hấp dẫn.

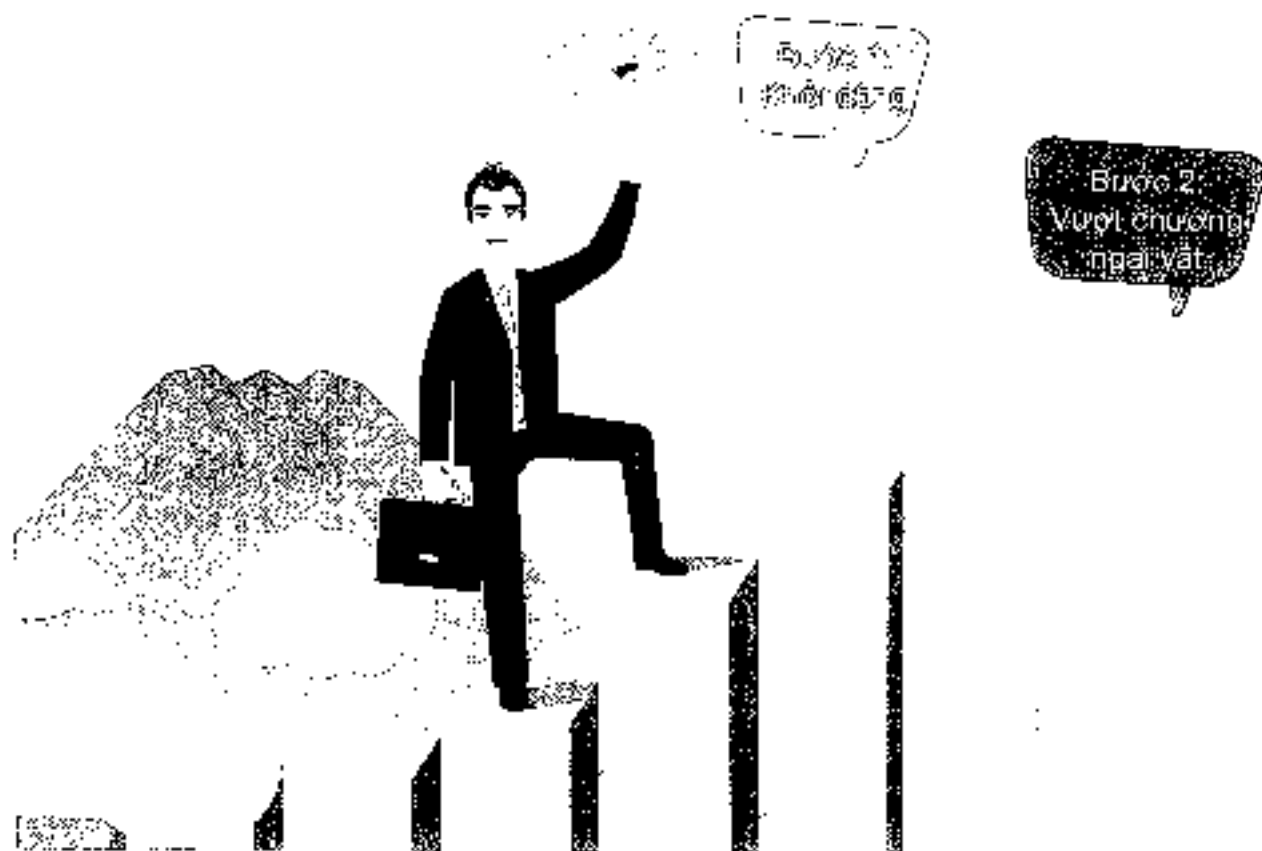
· Một số điểm cộng cho bài thi THPTQG môn Ngữ văn:

+ Hình thức trình bày sáng sủa: sử dụng bút nét to, mực đen, chữ viết không cần quá đẹp nhưng phải sạch sẽ, dễ nhìn.

+ Mở bài và Kết bài ấn tượng, độc đáo.

+ Bài văn sử dụng những ‘câu văn có cánh’, những đoạn bình giảng, liên hệ tạo ra chiều sâu cho phần thi.

**\* Lộ trình chinh phục điểm 8+ bài thi môn Ngữ văn kì thi THPTQG:**



## CHUYÊN ĐỀ: CHUẨN BỊ THI THPTQG

### ➤ Bước 1: Khởi động

Hãy coi việc học Văn như một ngọn núi mà chúng ta cần chinh phục. Để bắt đầu hành trình đầy gian nan ấy, chúng ta cần phải chuẩn bị những điều kiện “cần và đủ”. Chúng tôi gọi, đây là bước Khởi động.

Chúng ta cần chuẩn bị cho mình ba điều: **THÁI ĐỘ, KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG** để lấp đầy hành trang chinh phục đỉnh 8+ môn Ngữ văn kì thi THPTQG.

Về thái độ: luôn tạo cho mình một tâm thế **cầu tiến, nỗ lực**, suy nghĩ tích cực và đặt mục tiêu cụ thể cho từng khoảng thời gian. Hãy nghiêm khắc với chính mình!

Về kiến thức: cuốn *Đột phá 8+ môn Ngữ văn kì thi THPT Quốc gia* sẽ là một người hướng dẫn viên nhiệt tình, tài năng, có đầy đủ những yếu tố để cùng bạn chinh phục đỉnh cao tri thức. Hãy tuyệt đối tuân thủ những gì mà người hướng dẫn viên này yêu cầu nhé!

Về kỹ năng: luôn luôn tư duy, tiếp thu và luyện tập là “kim chỉ nam” cho hành động rèn kỹ năng của các bạn.

### ➤ Bước 2: Vượt chướng ngại vật

Lộ trình vượt chướng ngại vật của chúng ta như sau: Nghị luận văn học → Đọc hiểu → Nghị luận xã hội.

Nghị luận văn học là chương ngại vật đầu tiên và khó vượt qua nhất. Về bản chất, phần Nghị luận văn học chiếm 50% tổng điểm của toàn bài thi nên chúng tôi sắp xếp đầu tiên để các em có thời gian luyện tập nhiều hơn, chú trọng hơn vào phần quan trọng này.

**Đọc hiểu** là chương ngại vật thứ hai, chiếm 30% tổng điểm. Để vượt qua chương ngại vật này, các em cần nắm chắc trong tay những kiến thức về Tiếng Việt, Lâm văn và một số kỹ năng cần thiết khác.

Nghị luận xã hội là chương ngại vật cuối cùng, chiếm 20% tổng điểm. Sở dĩ, chúng tôi sắp xếp chuyên đề này ở phần cuối để các em có thời gian cập nhật những sự kiện tiêu biểu mang tính thời sự và bổ sung vào kho tàng dẫn chứng của mình, tạo nên tính thuyết phục cho phần thi Nghị luận xã hội.

## CHUYÊN ĐỀ: TĂNG TỐC

Tăng tốc là quá trình các em đã có trong mình những kiến thức, kỹ năng cần thiết, đầy đủ. Hãy vẽ lại những sơ đồ tư duy để khắc sâu trí nhớ, tăng cường tính hệ thống trong tư duy. Song hành với việc này, các em hãy làm đẹp cho ngôn ngữ bằng cách tìm đọc những cuốn chuyên sâu về cả ba chuyên đề, tìm và ghi lại những câu văn hay, những đoạn bình giảng “có cánh”, giàu hình ảnh và biến chúng thành “tài sản riêng” trong hành trang của mình nhé!

### ➤ Bước 3: Về đích

Đây là giai đoạn nước rút của kì thi. Các em hãy bắt tay vào việc tìm hiểu và luyện tập các dạng đề thi THPTQG và cần thời gian làm bài thật chính xác, phù hợp cho mỗi câu.

Bước vào kì thi với tâm thế tự tin, chủ động và bản lĩnh. Hãy ghi tên mình trên đỉnh núi 8+ môn Ngữ văn kì thi THPTQG 2019 nhé!





# Mục lục

## CHƯƠNG 1: CHUYÊN ĐỀ ĐỌC HIỂU TÁC PHẨM VĂN HỌC

<b>Bài 1: Tìm hiểu một số thể loại văn học dân gian</b>	12
<b>Phần 1:</b> Truyền thuyết, Cổ tích và Truyện cười	12
<b>Phần 2:</b> Ca dao	18
<b>Bài 2: Tìm hiểu một số chủ đề Văn học Việt Nam thế kỉ X-XIX</b>	22
<b>Phần 1:</b> Chủ đề yêu nước	24
<b>Phần 2:</b> Chủ đề nhân đạo	34
<b>Bài 3: Tìm hiểu một số tác phẩm Văn học hiện thực giai đoạn 1930 – 1945</b>	40
<b>Phần 1:</b> Một số đặc điểm chung	40
<b>Phần 2:</b> Tìm hiểu một số tác phẩm văn học hiện thực giai đoạn 1930 - 1945 trong chương trình phổ thông	43
Hai đứa trẻ	43
Chữ người tử tù	52
Hạnh phúc của một tang gia	60
Chí Phèo	72
Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài	84
<b>Bài 4: Tìm hiểu một số tác phẩm thơ giai đoạn 1930 – 1945</b>	94
<b>Phần 1:</b> Một số nét khái quát về thơ ca giai đoạn 1930 - 1945	94
<b>Phần 2:</b> Tìm hiểu một số tác phẩm thơ ca giai đoạn 1930 - 1945 trong chương trình phổ thông	96
Vội vàng	96
Đây thôn Vĩ Dạ	110
Trăng giăng	119
Chiều tối	130
Tự ấy	136
<b>Bài 5: Hướng dẫn Đọc hiểu một số tác phẩm văn học giai đoạn 1945 – 1975</b>	144
Tuyên ngôn độc lập	144
Tây Tiến	157
Đất Nước (trích <i>Thường ca Mập đường khát vọng</i> )	178
Sông	200

## **CHUYÊN ĐỀ: ĐỌC HIỂU VÀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

Người lái đò Sông Đà (trích).....	214
Vợ chồng A Phủ (trích).....	227
Vợ nhặt.....	235
Rừng xà nu.....	246
Việt Bắc.....	259
<b>Bài 6: Hướng dẫn Đọc hiểu một số tác phẩm văn học sau 1975.....</b>	<b>281</b>
Ai đã đặt tên cho dòng sông (trích).....	281
Hồn Trương Ba, da hàng thịt (trích).....	294
Chiếc thuyền ngoài xa.....	304

## **CHƯƠNG 2: CHUYÊN ĐỀ LÀM QUEN VỚI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC DẠNG ĐỀ LIÊN KẾT**

<b>Phần 1: Dạng đề so sánh văn học.....</b>	<b>315</b>
<b>Phần 2: Dạng đề liên hệ văn học.....</b>	<b>324</b>

## **CHƯƠNG 3: CHUYÊN ĐỀ ĐỌC HIỂU VÀ NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

<b>Bài 1: Chuyên đề Đọc hiểu</b>	
<b>Phần 1: Một số lưu ý khi làm bài Đọc hiểu.....</b>	<b>335</b>
<b>Phần 2: Một số kiến thức trọng tâm.....</b>	<b>338</b>
<b>Bài 2: Chuyên đề Nghị luận xã hội</b>	
<b>Phần 1: Một số lưu ý khi làm bài Nghị luận xã hội.....</b>	<b>353</b>
<b>Phần 2: Một số kiến thức trọng tâm.....</b>	<b>354</b>

....

## **Chương 1**

# BÀI 1: TÌM HIỂU MỘT SỐ THỂ LOẠI VĂN HỌC DÂN GIAN

## Phần 1 TRUYỀN THUYẾT, CỔ TÍCH VÀ TRUYỆN CƯỜI

### 1.1. MỞ ĐẦU

#### 1. Đặc điểm nhận biết

Truyền thuyết, Cổ tích và Truyện cười là ba thể loại thuộc tự sự dân gian. Đó là những tác phẩm văn học dân gian với một chuỗi các sự kiện, nhân vật, tình huống... được đặt trong bối cảnh xã hội đương thời. Sự kiện này làm nảy sinh sự kiện kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc nhằm thể hiện một ý nghĩa. Ba thể loại này giúp người kể giải thích sự việc, lí giải, tìm hiểu các hiện tượng tự nhiên, các tập tục thói quen của con người, thể hiện thái độ, mơ ước nhân dân... Khi tiếp cận, phân tích một tác phẩm tự sự dân gian, các em cần quan tâm đến việc khai thác các yếu tố: ngôi kể, cốt truyện, nhân vật, nghệ thuật... để từ đó rút ra nội dung tư tưởng mà tác giả dân gian gửi gắm.

#### 2. Phân loại

PHÂN LOẠI							
TRUYỀN THUYẾT			CỔ TÍCH			TRUYỆN CƯỜI	
Truyền thuyết lịch sử	Truyền thuyết anh hùng	Truyền thuyết về địa danh, danh nhân văn hóa	Cổ tích loài vật	Cổ tích thần kì	Cổ tích sinh hoạt	Truyện cười kết chuỗi	Truyện cười không kết chuỗi

#### 3. Một số lưu ý của từng thể loại

- **Truyền thuyết:** Là sự kết hợp giữa yếu tố lịch sử và yếu tố tưởng tượng hoang đường. Nó phản ánh quan điểm, sự đánh giá, thái độ và tình cảm của nhân dân về các sự kiện lịch sử.
- **Cổ tích:** Là câu chuyện được nhân dân hư cấu, có chứa nhiều yếu tố hoang đường, kì ảo để thể hiện thái độ, mơ ước của nhân dân.
- **Truyện cười:** Là những truyện có kết cấu chặt chẽ, kết thúc bất ngờ, kể về những việc xấu, trái tự nhiên trong cuộc sống, có tác dụng gây cười nhằm giải trí, phê phán.

Thường sử dụng ngôi kể số 3

Phạm ảnh từ điểm nhìn khách quan

Phù hợp với đặc trưng truyện miệng, tính cụ thể

Kết cục của các nhân vật

Tư tưởng, quan niệm, mơ ước

NGÔI KỂ

PHẠM  
ẢNH  
TIẾP CẬN

CỐT TRUYỆN

NỘI DUNG TƯ TƯỞNG

NHÂN VẬT

Tên gọi, lai lịch, nghề nghiệp

Ngọạ hình

Tính cách

Hành động

Kết cục thân thế

Trình bày

Thất niên

Phát triển

Đạo trào

Mở nút

Yếu tố Truyện	CỐT TRUYỆN	NHÂN VẬT	NỘI DUNG TƯ TƯỞNG
Truyện An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thủy	<p>1. Thần Kim Quy giúp An Dương Vương xây thành, thần tặng cho một chiếc vuốt làm nỏ đánh thắng quân Triệu Đà.</p> <p>2. Triệu Đà cầu hôn Mị Châu cho Trọng Thủy. Trọng Thủy đánh tráo nỏ thần của An Dương Vương và mang về cho Triệu Đà đem quân đánh Âu Lạc.</p>	<p>1. Nhân vật An Dương Vương: Vị vua có tầm nhìn xa, trông rộng, yêu nước, có công lao với đất nước, dân tộc nhưng rơi vào bi kịch nước mất - nhà tan do chủ quan, mất cảnh giác trước kẻ thù, ỷ lại vào nỏ thần. Kết truyện, An Dương Vương rút kiếm chém đầu Mị Châu và được Rùa Vàng rẽ nước dẫn xuống biển.</p> <p>2. Nhân vật Mị Châu: là con gái của An Dương Vương, kết hôn với Trọng Thủy. Bị Rùa Vàng kết tội là giặc và bị chém đầu, Mị Châu phải trả giá cho sự cả tin, mù quáng của mình vì chỉ nghĩ đến tình nghĩa vợ chồng, quên đi nghĩa vụ đối với</p>	<p>1. Chi tiết kết truyện thể hiện sự ngưỡng mộ đối với vị anh hùng dân tộc, bất tử hoá người anh hùng An Dương Vương.</p> <p>2. Thể hiện sự bao dung, cảm thông đối với sự trong trắng, thơ ngây của Mị Châu khi phạm tội một cách vô tình. Bài học về mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung, giữa nhà và nước...</p> <p>3. Với Trọng Thủy, chàng bế tắc giữa hai tham vọng và đã phải trả giá đắt yếu cho sự già dối. Nhân dân ta đã thể hiện lòng nhân ái với nạn nhân của bi kịch tình yêu với chi tiết ngọc trai – nước giếng.</p>

	<p>3. Triệu Đà đánh thắng Âu Lạc, An Dương Vương thua chạy. Mị Châu bị thần kết tội và bị cha chém đầu, máu chảy xuống biển theo lời thề thành ngọc trai. Trọng Thủy thương tiếc vợ, lao đầu xuống giếng tự vẫn. Về sau, nhân dân mò được ngọc trai, đem đi rửa ở giếng nước ấy thì thấy ngọc trong sáng ra.</p>	<p>đất nước, lao cơ hội cho Trọng Thủy đánh cắp nó thần.</p> <p>3. Nhân vật Trọng Thủy: con trai của Triệu Đà được cử sang kết hôn với Mị Châu. Trọng Thủy lợi dụng tình cảm của Mị Châu để đánh tráo nó thần, giúp cha đánh chiếm Âu Lạc. Kết truyện, Trọng Thủy hối lỗi muốn mạng, thương tiếc vợ nên lao đầu xuống giếng tự vẫn. Ngọc trai rửa ở giếng nước này trở nên trong sáng.</p>	
Tấm Cám	<p>1. Tấm và Cám là hai chị em cùng cha khác mẹ. Cha mất sớm, Tấm ở cùng di ghè. Tấm hiền lành, chăm chỉ, bị di ghè đối xử tệ bạc, vất vả, khổ cực; Cám thì được cưng chiều.</p> <p>2. Tấm bị mẹ con Cám chèn ép: lừa lấy mất giò tép, giết thịt cá bống, không cho đi hội... Lần nào Bụt cũng hiện lên giúp đỡ. Ngày hội làng, Bụt giúp Tấm nhặt thóc và cho Tấm quần áo đi trẩy hội.</p>	<p>1. Nhân vật Tấm: là một cô gái đáng thương, hiền lành, chăm chỉ, chịu khổ, nhẫn nại. Tấm mồ côi cả cha lẫn mẹ từ sớm, sống cùng và luôn bị mẹ con di ghè chèn ép, hăm hại. Tấm phải hóa thân nhiều lần, thành nhiều thứ để đấu tranh giành lại cuộc sống và hạnh phúc của mình. Cuối cùng, Tấm trở về làm hoàng hậu.</p> <p>2. Mẹ con di ghè là nhân vật phản diện, đại diện cho cái ác, thế lực chèn ép con người. Hai nhân vật này hăm hại Tấm hết lần này đến lần khác. Đây là những con người độc ác, gian ngoan, xảo quyệt và tham lam. Cuối truyện bị trừng trị thích đáng.</p>	<p>1. Phản ánh xung đột thường gặp trong mối quan hệ di ghè - con chồng trong gia đình phong kiến.</p> <p>2. Thể hiện triết lí sống ở hiền gặp lành, ác giả ác báo qua kết cục của các nhân vật. Khẳng định sức sống bất diệt của cái thiện, luôn chiến thắng cái ác, cái xấu.</p> <p>3. Thể hiện mơ ước của nhân dân về xã hội công bằng, nhân ái và hạnh phúc.</p>

	<p>3. Tấm trở thành hoàng hậu vì đi vừa chiếc giày thử thách của nhà vua.</p> <p>4. Tấm bị mẹ con Cám giết hại. Tấm biến thành con chim vàng anh, cây xoan đào, khung cửi, quả thị.</p> <p>5. Nhà vua nhận ra Tấm và đón Tấm về cung. Mẹ con Cám bị trừng trị.</p>	<p>3. Ông Bụt: là nhân vật chức năng có mọi phép thuật toàn năng, là đại diện cho công bằng, luôn đứng về phía những con người khổ cực, lương thiện. Lần nào Tấm bị mẹ con di ghê hành hạ, hăm hại, Bụt cũng hiện lên dùng phép thuật để giúp đỡ.</p>	
Tam đại con gái	<p>1. Anh học trò đốt hay khoe mẽ, nhận lời làm thầy đồ dạy trẻ.</p> <p>2. Thầy gặp mặt chữ "kế", bị học trò hỏi gặp nên thầy trả lời luống cuống trả lời là chữ "dù dỉ" - "Dù dỉ là con dù dỉ".</p> <p>3. Thầy bảo học trò đọc khế vì sợ lộ đốt.</p> <p>4. Thầy tìm đến thổ công, được đại âm dương, thầy cho học trò đọc to.</p> <p>5. Thầy gặp chủ nhà, bị chủ nhà hỏi lại, thầy lấp liếm sự đốt bằng lí sự cùn.</p>	<p>Nhân vật thầy đồ được giới thiệu là anh học trò đốt nhưng hay khoe chữ, dám nhận lời dạy trẻ. Không chỉ đốt chữ, khoe mẽ mà thầy đồ còn mê tín và có thói giầu đốt, lấp liếm, lí sự cùn.</p>	<p>1. Phê phán thói giầu đốt - một tật xấu có thật trong nội bộ nhân dân, đặc biệt của các hạng thầy đồ rơm trong xã hội phong kiến lúc suy tàn.</p> <p>2. Ngầm ý khuyên răn mọi người, nhất là những người đi học, chớ nên giầu đốt mà hãy mạnh dạn học hỏi không ngừng.</p>

<p><b>Nhưng nó phải bằng hai mày</b></p>	<p>1. Cải và Ngô đánh nhau, dẫn nhau lên thưa kiện Lí trưởng. Cải đút cho thầy 5 đồng, Ngô “biện chề là” 10 đồng.</p> <p>2. Lí trưởng xử kiện không điều tra, không phân tích mà kết án ngay Ngô thắng.</p> <p>3. Lí trưởng dùng hành động, ngầm giải thích cho Cải lí do vì sao Ngô thắng kiện – là do Ngô “phải” bằng hai lần cải.</p>	<p>1. Nhân vật Cải và Ngô: là những người dân thường nhưng đều bị đồng tiền tác động dẫn đến thói đút lót khi đi xử kiện.</p> <p>2. Nhân vật Lí trưởng: là quan phụ mẫu, “đèn trời soi xét” nhưng lại để đồng tiền làm nghiêng lệch cán cân công lí, lộ rõ bản chất quan tham, ăn hối lộ.</p>	<p>1. Chế giễu thực chất việc xử kiện tại chốn công đường trong xã hội phong kiến Việt Nam suy tàn.</p> <p>2. Lên án thói ăn hối lộ, làm nghiêng lệch cán cân công lí của người xử kiện và thói đút lót của người dân.</p>
--	--	---	--

Khi tiếp cận và phân tích các tác phẩm tự sự dân gian, các em nên quan tâm đến phần **Một số lưu ý của từng thể loại** để có định hướng tư tưởng chính xác nhất. Dưới đây là một số yếu tố cần làm sáng tỏ khi phân tích.

## 1. Ngôi kể

Hầu hết các tác phẩm tự sự dân gian (trong đó có truyền thuyết, cổ tích và truyện cười) đều được kể theo ngôi thứ ba, điểm nhìn của người đứng bên ngoài. Lối kể theo ngôi thứ 3 xuất hiện khá sớm, được hiểu như “người ta kể”. Thông thường, ngôi kể này tồn tại dưới hình thức người kể giấu mình.

Phần lớn, các câu chuyện dân gian đều do tập thể nhân dân sáng tạo nên. Ẩn sâu trong mỗi câu chuyện là một triết lí sống, một thái độ, một mơ ước... của người lao động. Khi là ngợi ca, thương xót, khi lại phê phán, mỉa mai. Đồng thời, tự sự dân gian cho phép người kể tái hiện toàn vẹn một chuỗi các sự kiện từ mở đầu đến kết thúc để thể hiện một nội dung tư tưởng nào đó. Chính vì thế, câu chuyện sẽ trở nên chân thực hơn bao giờ hết khi người kể chuyện không tham gia vào các tình tiết mà đóng vai trò là nhân vật đứng bên ngoài bao quát toàn bộ sự việc. Điều này khiến cho việc phản ánh trở nên khách quan hơn.

## 2. Cốt truyện

Cốt truyện của truyền thuyết, cổ tích hay truyện cười thường cấu tạo theo mô hình cốt truyện của tác phẩm tự sự với 5 giai đoạn:



+ **Trình bày** là phần đầu tiên của văn bản. Ở phần này, tác giả dân gian thường giới thiệu về hệ thống nhân vật với các đặc điểm cụ thể về ngoại hình, hoàn cảnh, phẩm chất, công việc... Đồng thời, đặt các nhân vật vào trong những tình huống đời sống cụ thể, tuy nhiên chưa có biến cố lớn.

+ **Thắt nút** là giai đoạn các nhân vật đối diện với những tình huống có vấn đề nhưng chưa tìm ra cách giải quyết. Đây chính là biến cố đầu tiên của cả hệ thống biến cố tạo thành xung đột của cốt truyện. Phần thắt nút có nhiệm vụ bộc lộ trực tiếp những mâu thuẫn được tích tụ một cách âm ỉ từ trước, các nhân vật sẽ đứng trước những thử thách, đòi hỏi phải bày tỏ những thái độ, chọn lựa cách xử sự, hành động, phản ứng, từ đó bộc lộ rõ tính cách.

+ **Phát triển** là phần quan trọng và dài nhất của cốt truyện bao gồm nhiều cảnh ngộ, sự kiện và biến cố khác nhau. Tính cách nhân vật chủ yếu được xác định trong phần này. Nó có thể được thay đổi thông qua các bước ngoặt, môi trường khác nhau.

+ **Cao trào** là phần bộc lộ cao nhất của xung đột. Lúc này, xung đột đã phát triển đến độ gay gắt, quyết liệt, đòi hỏi phải được giải quyết theo một chiều hướng nhất định. Cao trào thường là một khoảnh khắc, một thời điểm ngắn nhưng có tác dụng quyết định đối với nhân vật trung tâm.

+ **Mở nút** là phần giải quyết xung đột của tác phẩm một cách cụ thể. Ở đây, tác giả trình bày những kết quả của toàn bộ xung đột trong cốt truyện. Phần kết thúc cần được giải quyết một cách tự nhiên, phù hợp với qui luật của cuộc sống. Văn học dân gian thường có phần kết thúc phù hợp với ước muốn chủ quan của con người.

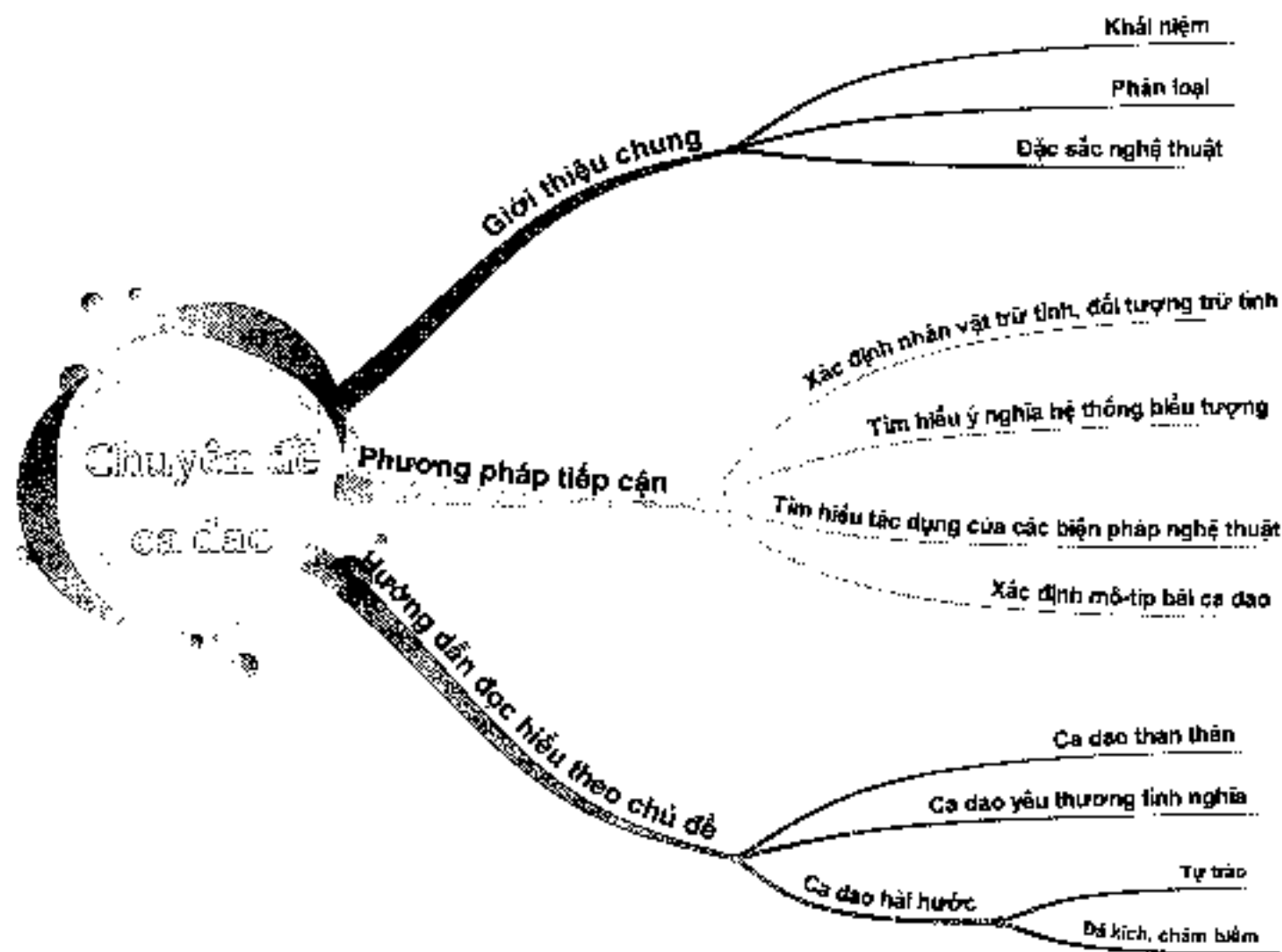
Những yếu tố trên đây là một gợi ý để các em tiến hành phân tích tác phẩm thuộc thể loại truyện thuyết, cổ tích hay truyện cười. Có thể, một tác phẩm không bao chứa đầy đủ 5 yếu tố của cốt truyện hay thứ tự sắp xếp cũng không lần lượt. Song, các em cần chú ý vào tính trọn vẹn của một tác phẩm để phát hiện và chỉ ra nghệ thuật xây dựng cốt truyện của tác giả dân gian.

### 3. Nhân vật

Nhân vật trong tác phẩm văn học là trung tâm thể hiện nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Nhân vật có thể là người, là những con vật, sự vật (được nhân hóa). Khi tiếp cận với truyện thuyết, cổ tích hay truyện cười, các em cần quan tâm nhiều hơn đến phương diện này. Một số đặc điểm có thể khai thác ở nhân vật: tên gọi, lai lịch, nghề nghiệp, ngoại hình, tính cách, hành động, kết cục thân thế... Đặc biệt chú ý đến hành động của nhân vật trước những tình huống đặt ra trong tác phẩm bởi qua cách xử lý những tình huống đó, nhân vật có thể bộc lộ tính cách, phẩm chất... của mình.

### 4. Nội dung tư tưởng

Văn học dân gian mang trong mình sự đánh giá, nhìn nhận, lí giải, khát vọng... của nhân dân. Chính vì thế, khi kể bất kì một câu chuyện nào, tác giả dân gian cũng gửi gắm một nội dung tư tưởng sâu sắc. Để nhận ra được chiều sâu của giá trị tư tưởng, các em cần chú ý đến kết cục của các nhân vật và kết thúc của câu chuyện. Đó là một trong số những yếu tố góp phần thể hiện rõ nét giá trị của tác phẩm



## 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CA DAO

### 1. Khái niệm

Là lời thơ trữ tình dân gian, thường kết hợp với âm nhạc khi diễn xướng, được sáng tác nhằm diễn tả đời sống nội tâm con người.

### 2. Phân loại (Theo nội dung chủ đề)

- Ca dao than thân
- Ca dao yêu thương tình nghĩa
- Ca dao hài hước

### 3. Đặc sắc nghệ thuật

- *Dung lượng*: ngắn gọn (từ 2 đến trên dưới 20 câu).
- *Thể thơ*: phần lớn được viết bằng thể lục bát, song thất lục bát cùng các biến thể của chúng.

- **Ngôn ngữ:**

- + Giản dị, gần gũi với lời nói hàng ngày, giàu hình ảnh so sánh, ẩn dụ.
- + Có lối diễn đạt bằng một số công thức mang đậm sắc thái dân gian (mô-típ nghệ thuật).

- **Cách cấu từ:**

- + Phủ: pho bày, diễn tả một cách trực tiếp, không thông qua so sánh về người, việc, tâm tư, tình cảm.

**Ví dụ:** Đường vô xứ Nghệ quanh quanh/ Non xanh nước biếc như tranh họa đồ; Nhớ ai ra ngắm vào ngôi Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai;...

- + Tỉ: dùng các hình ảnh so sánh, ẩn dụ để bộc lộ tâm tình của người lao động.

**Ví dụ:** Nhớ ai bồi hồi bồi hồi/ Như đứng đồng lừa như ngồi đồng than; Thuyền về có nhớ bến chăng/ Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền;...

- + Hứng: chỉ những bài ca dao trước nói đến "cảnh" (bao gồm cả sự vật, sự việc) sau mới bộc lộ "tình" (tình cảm, ý nghĩ, tâm sự)

**Ví dụ:** Trên trời có đám mây xanh/ Ở giữa mây trắng, chung quanh mây vàng/ Ước gì anh lấy được nàng/ Để anh mua gạch Bát Tràng về xây...

Xác định mô-típ của bài ca dao

Tìm hiểu mô-típ của bài ca dao

Tìm hiểu, liệt kê nội vố bài ca dao khác cùng mô-típ

Liên hệ, so sánh để làm rõ chủ đề tư tưởng...

Tìm hiểu tác dụng của các biện pháp nghệ thuật

Xác định các biện pháp nghệ thuật trong bài ca dao

Phân tích tác dụng của các biện pháp nghệ thuật

**TIẾP CẬN  
CA DAO**

Tìm hiểu hệ thống biểu tượng

Xác định các biểu tượng được sử dụng trong bài ca dao

Chỉ ra giá trị thẩm mỹ của các biểu tượng

Xác định nhân vật trữ tình

Nhân vật trữ tình là ai

Cách xưng hô

Thái độ phản ánh

Đặc điểm của nhân vật trữ tình

Nhân phiên

Nhân công

# Phân tích bài ca dao “Thân em như hạt mưa sa”

## GỢI Ý ĐỌC HIỂU BÀI SỐ CHỦ ĐỀ CA DAO

<div>Tiêu chí</div> <div>Chủ đề</div>	Nhân vật trữ tình	Hệ thống biểu tượng	Biện pháp nghệ thuật	Mô-típ
Ca dao than thân	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân vật trữ tình là người phụ nữ, xưng “<i>Em</i>”, thái độ phản kháng thực tại bất công.</li> <li><b>Đặc điểm:</b> không được làm chủ số phận, bị coi rẻ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Biểu tượng:</b> tấm lụa đào, củ ấu gai...</li> <li><b>Ý nghĩa:</b> là những biểu tượng thể hiện sự đối lập giữa ngoại hình và phẩm chất, giữa giá trị bản thân và số phận <math>\Rightarrow</math> ẩn dụ cho thân phận những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Biện pháp tu từ:</b> ẩn dụ, so sánh, câu hỏi tu từ.</li> <li><b>Tác dụng:</b> góp phần thể hiện một cách sinh động, kín đáo và sâu sắc lời than thân của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.</li> </ul>	Những bài ca dao bắt đầu bằng “ <i>Thân em</i> ”: <i>Thân em như giếng giữa làng; Thân em như miếng cau khô; Thân em như hạt mưa rào; Thân em như hạt mưa sa</i> .. đều thể hiện thân phận nhỏ bé, nổi chìm, bấp bênh, đau khổ của người phụ nữ trong xã hội phong kiến
Ca dao yêu thương, tình nghĩa	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân vật trữ tình là người con gái trong tình yêu, xưng “<i>Em</i>”, bộc lộ nỗi nhớ nhung tha thiết với người yêu.</li> <li><b>Đặc điểm:</b> nhân vật trữ tình là một người giàu tâm tư, tình cảm. Từng trạng thái cảm xúc được khắc họa trong đêm đều tập trung thể hiện nỗi nhớ nhung triền miên, khắc khoải của cô gái đối với người mình yêu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Biểu tượng: khăn, đèn, mắt...</li> <li><b>Ý nghĩa:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ “<i>Khăn</i>”: gợi lên vật trao duyên gợi nhớ kỉ niệm, nhắc lại 6 lần, tả nỗi nhớ triền miên.</li> <li>+ “<i>Đèn</i>”: gợi đêm khuya, sự chờ đợi, thao thức, tả nỗi nhớ dằng dặc theo thời gian</li> <li>+ “<i>Đôi mắt</i>”: Cửa sổ tâm hồn, diễn tả tâm trạng, hỏi mắt như hỏi chính mình, tả nỗi nhớ khắc khoải, không yên.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Biện pháp tu từ:</b> điệp ngữ, ẩn dụ, nhân hóa <math>\rightarrow</math> thể hiện nỗi nhớ đa diết, thường trực của nhân vật trữ tình.</li> <li>Kết hợp thể thơ bốn chữ với lục bát <math>\Rightarrow</math> thể hiện sự chuyển đổi tâm trạng từ nhung nhớ sang bồn chồn, lo lắng, bồn chồn, lo lắng ở mức độ cao hơn.</li> </ul>	Bài ca dao dường như không câu từ theo mô-típ về mặt hình thức.

**Nhân vật trữ tình** là chủ thể bộc lộ tình cảm trong bài ca dao. Việc xác định nhân vật trữ tình sẽ giúp cho người đọc thấu hiểu những tâm tư, tình cảm trong bài ca dao một cách chính xác nhất. Lời nói, tình cảm, cách nhìn nhận của một cô gái sẽ mềm mại hơn, ý nhị hơn, đậm thắm hơn một chàng trai. Bởi thế, chúng ta không thể đồng nhất các nhân vật trữ tình và phân tích theo một giọng điệu mà phải xác định rõ yếu tố này. Một số đặc điểm để nhận biết các nhân vật trữ tình là: cách xưng hô, hoàn cảnh, thân phận, thái độ thể hiện trong bài ca dao...

Yếu tố thứ hai cần làm rõ khi tiếp cận một bài ca dao là **hệ thống biểu tượng**. Ca dao hay bất kỳ một tác phẩm văn học nào đều được xây dựng trên cơ sở của ngôn ngữ hình tượng. Qua lớp vỏ ngôn từ, tác giả sáng tạo nên những biểu tượng mang tính nghệ thuật để ẩn dụ (hay hoán dụ) cho một đối tượng nào đó trong đời sống. Ca dao dù mang trong mình tính tập thể, được sử dụng rộng rãi trong mọi tầng lớp lao động nhưng đó không phải những lời ăn tiếng nói xuống xã mà vô cùng ý nhị, tinh tế, kín đáo. Những thông điệp ấy được thể hiện qua hệ thống biểu tượng nghệ thuật. Bởi thế, khi đi phân tích, tiếp cận một bài ca dao, các em cần tìm ra những hình ảnh, chi tiết có giá trị biểu tượng và lý giải chúng.

**Các biện pháp nghệ thuật** là yếu tố thể hiện chất tri tuệ của tác giả trong các tác phẩm văn học. Chúng đem tới cho tác phẩm sự lôi cuốn trên bề mặt ngôn từ và chiều sâu hàm ẩn trong ngữ nghĩa. Chính vì thế, khi khai thác một bài ca dao, chúng ta cần phát hiện và phân tích giá trị của các biện pháp nghệ thuật để hiểu đủ, hiểu đúng, hiểu sâu và hiểu kĩ bài ca dao.

Hiện tượng liên kết tác phẩm thành chuỗi diễn ra rất phổ biến ở ca dao. Những bài ca dao có chung **mô-típ** thường cũng thể hiện một chủ đề, một tư tưởng. Việc tìm hiểu những tác phẩm khác có cùng mô-típ với bài ca dao sẽ giúp cho người đọc dễ liên hệ, so sánh và đào sâu kiến thức.

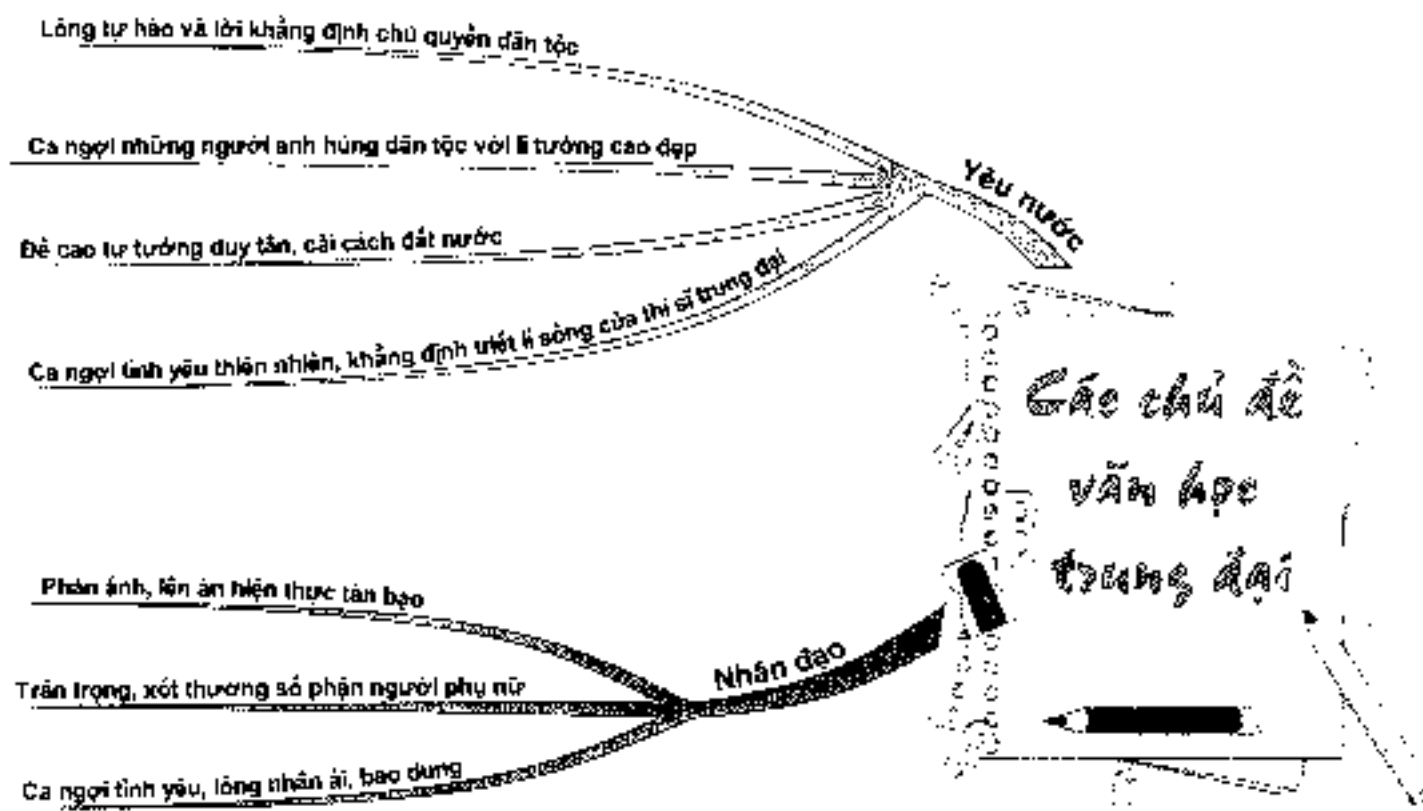
Bên cạnh những yếu tố chính đã liệt kê, khi tiến hành cắt nghĩa bài ca dao, các em cần trau dồi cho mình vốn kiến thức lịch sử, xã hội nhất định để tự tìm đáp án cho câu hỏi *Tại sao con người lại phản ánh như vậy trong ca dao? Tại sao ca dao lại có sức trường tồn với thời gian?*

Khi tiến hành phân tích, tìm hiểu một bài ca dao, các em cần khai thác triệt để bốn yếu tố trên. Thứ tự khai thác có thể thay đổi nhưng cần đảm bảo bài phân tích, cảm nhận có đề cập đến các yếu tố: **Nhân vật trữ tình**, **Hệ thống biểu tượng**, **Biện pháp nghệ thuật** và đặt bài ca dao trong hệ thống các bài ca dao có cùng mô-típ (nếu có) để liên hệ, so sánh, tạo ra chiều sâu kiến thức cho bài viết.

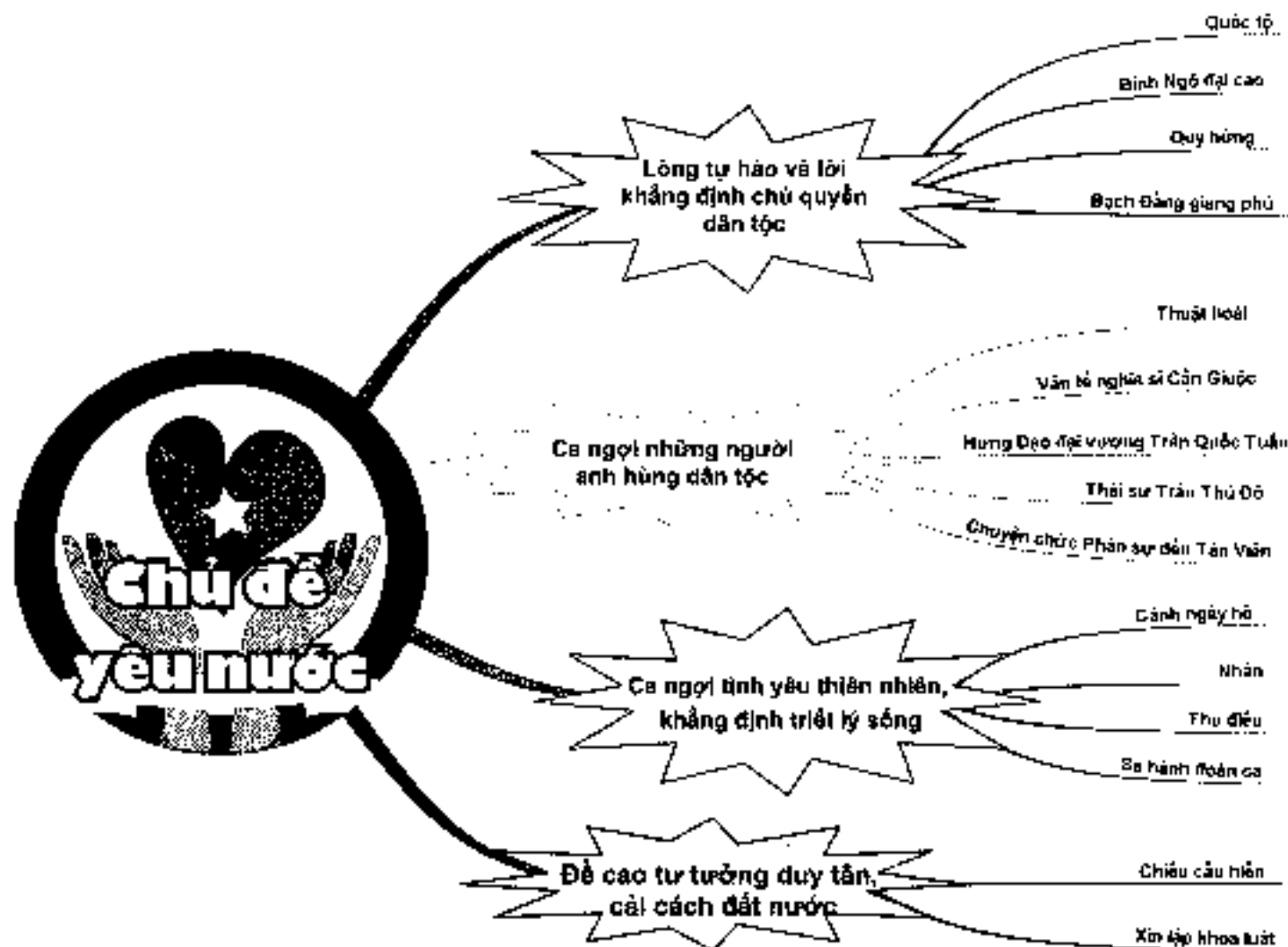
## BÀI 2: TÌM HIỂU MỘT SỐ CHỦ ĐỀ VĂN HỌC VIỆT NAM THẾ KỈ X - XIX

Chủ đề Xã hội				Chủ đề Nhân đạo		
Lòng tự hào và lời khẳng định chủ quyền dân tộc	Ca ngợi những người anh hùng dân tộc với lí tưởng cao đẹp	Đề cao tư tưởng duy tân, cải cách đất nước	Ca ngợi tình yêu thiên nhiên, khẳng định triết lí sống của thi sĩ trung đại	Phản ánh, lên án hiện thực tàn bạo	Trân trọng, xót thương số phận người phụ nữ	Ca ngợi tình yêu, lòng nhân ái, bao dung
1. Quốc tộ 2. Bình Ngô đại cáo 3. Quy húng 4. Bạch Đằng giang phú	1. Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc 2. Thuật hoài 3. Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn 4. Thái sư Trần Thủ Độ 5. Chuyện chức phán sự đền Tản Viên 6. Chi khí anh hùng	1. Chiếu cầu hiền 2. Xin lập khoa luật	1. Cảnh ngày hè 2. Nhân 3. Thu điếu 4. Sa hành đoản ca	1. Vào phủ chúa Trịnh 2. Chạy giặc 3. Vịnh khoa thi Hương 4. Tiễn sĩ giấy	1. Độc Tiểu Thanh kí 2. Nỗi thương mình 3. Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ 4. Tự tình II	1. Thề nguyền 2. Trao duyên 3. Nỗi thương mình 4. Lẽ ghét thương 5. Thương vợ

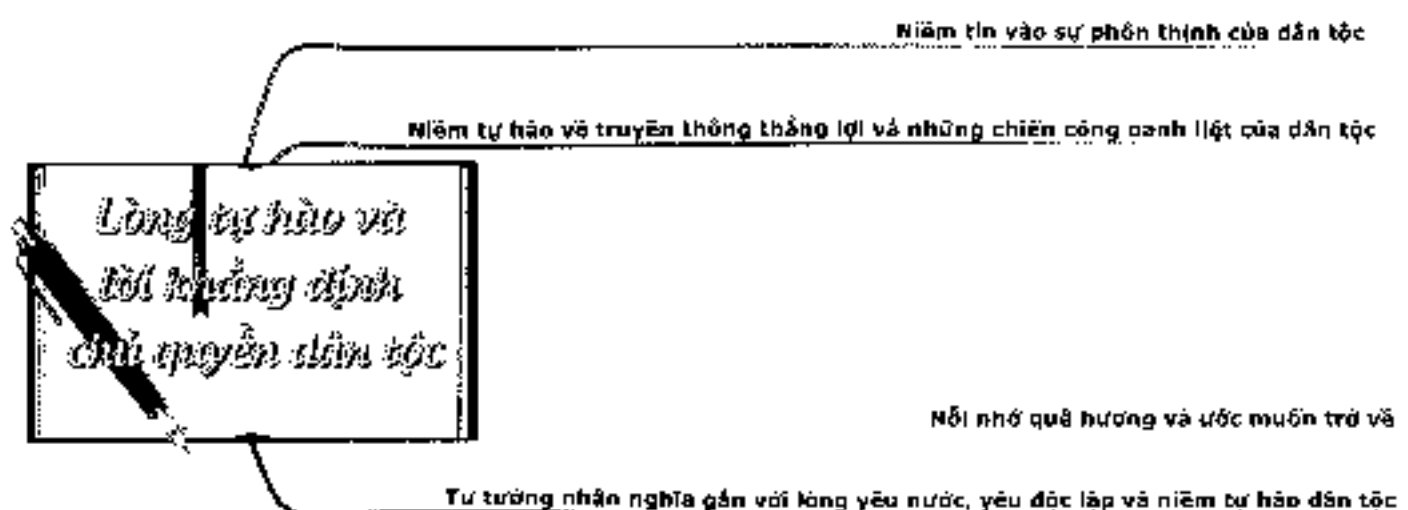
**Lưu ý:** Cách phân chia các tác phẩm/ trích đoạn theo chủ đề chỉ mang tính chất tương đối theo quan điểm của người viết. Mỗi tác phẩm/ trích đoạn có thể thuộc nhiều chủ đề khác nhau. Tuy nhiên, dựa vào đối tượng chính phản ánh trong tác phẩm/ trích đoạn đó, chúng tôi gợi ý có thể chia thành hai nhóm chủ đề lớn, tương ứng với 7 chủ đề bộ phận như bảng trên. Đây là một hướng tiếp cận giúp các em có thể nắm bắt được tinh thần của các tác phẩm Văn học Việt Nam trung đại trong chương trình Ngữ văn hiện hành.



## Phần 1 CHỦ ĐỀ YÊU NƯỚC



### 1. Lòng tự hào và lời khẳng định chủ quyền dân tộc





<p><b>1.1 Niềm tin vào sự phồn thịnh của đất nước</b></p> <p><i>Quốc tộ như đằng lạc, Nam thiên lý thái bình, Vô vi cư điện các, Xử xử tức đao binh.</i></p> <p><b>Quốc tộ - Thiền sư Pháp Thuận</b></p>	<p>Đây là một trong những bài thơ sớm nhất có tên tác giả của văn học viết Việt Nam. Nó chứa đựng một tư tưởng lớn lao trong việc nhìn nhận về vận mệnh quốc gia theo quan điểm nhà Phật của thiền sư. Yếu nước, yếu dân phải xuất phát từ chính việc lựa chọn đường lối trị nước của vua. Bài thơ của Thiền sư Pháp Thuận kết hợp với bài thơ "<b>Nam quốc sơn hà</b>" tạo nên một vị thế hết sức quan trọng không chỉ trong lịch sử văn học mà cả trong lịch sử tư tưởng chính trị của đất nước. Nó đã thành công khi vừa đề xuất được hệ thống tư tưởng chính trị hoàn chỉnh để định hướng cho sự phát triển của một hệ thống chính quyền làm chủ đất nước vừa thỏa mãn yêu cầu bảo vệ chủ quyền quốc gia vừa đáp ứng nguyện vọng của người dân.</p>
<p><b>1.2. Nỗi nhớ quê hương với những vẻ đẹp bình dị, thân thuộc và ước muốn trở về</b></p> <p><i>Lão tang diệp lạc tâm phương tận. Táo đạo hoa hương giải chĩnh phí. Kiến thuyết tại gia bản diệc hảo, Giang Nam tuy lạc bất như quy.</i></p> <p><b>Quy hương - Nguyễn Trung Ngạn</b></p>	<p>Tìm hiểu bài "<b>Quy hương</b>" (Nguyễn Trung Ngạn), lòng yêu nước được gửi gắm trong nỗi nhớ quê hương với những vẻ đẹp bình dị, quen thuộc và ước muốn trở về. Hàng loạt những hình ảnh quen thuộc được tác giả liệt kê: dâu già, tầm chín; lúa sớm, cua béo. Một vùng quê thanh bình đã mang cho tác giả những cảm xúc rất đáng nhớ, mang những phong vị quê hương đậm đà bản chất của dân tộc. Tình yêu quê hương, yêu gia đình đã được thể hiện rất sâu sắc trong bài thơ này, tác giả thể hiện tình yêu quê hương của mình qua việc vẽ ra một khung cảnh thiên nhiên gần gũi và quen thuộc với quê hương đất nước.</p>
<p><b>1.3. Niềm tự hào về truyền thống thắng lợi và những chiến công oanh liệt của dân tộc qua tác phẩm "<b>Bạch Đằng giang phú</b>" của Trương Hán Siêu</b></p>	<p>Qua những hoài niệm về quá khứ, "<b>Bạch Đằng giang phú</b>" của Trương Hán Siêu thể hiện niềm tự hào về truyền thống của dân tộc, tư tưởng nhân văn trong việc đề cao vai trò, vị trí của con người trong lịch sử. Nhân vật khách được xem là hiện thân của tác giả với thú ngao du, thường ngoạn cảnh sắc đi tới chiến trường xưa và được các bộ lão kể lại những chiến công oanh liệt. Khách không chỉ yêu mến cảnh sắc thiên nhiên mà còn tràn đầy niềm tự hào, cảm phục những con người vĩ đại làm nên chiến thắng vẻ vang cho dân tộc:</p>

	<p>Hội nào bằng hội Mạnh Tân: như vương sư họ Lê,  Trận nào bằng trận Duy Thủy: như quốc sĩ họ Hàn,  Kìa trận Bạch Đằng mà đại thắng,  Bới đại vương coi thế giặc nhân.  Tiếng thơm còn mãi, bia miệng không mòn.</p>
<p><b>1.4. Tư tưởng nhân nghĩa gắn với lòng yêu nước, yêu độc lập và niềm tự hào dân tộc trong tác phẩm “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi</b></p>	<p>Không lấy cảm hứng từ quá khứ, “<b>Bình Ngô đại cáo</b>” như một bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của dân tộc trực tiếp khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc. Tác phẩm có thể chia thành bốn đoạn, mỗi đoạn đều có một chủ đề riêng nhưng tất cả đều hướng tới tư tưởng chủ đạo, xuyên suốt của tác phẩm, đó là tư tưởng nhân nghĩa gắn liền với lòng yêu nước, yêu độc lập và niềm tự hào dân tộc. Khái niệm quốc gia, dân tộc của Nguyễn Trãi được trình bày một cách khá đầy đủ (ở thời điểm đó) và có một bước tiến dài so với “<b>Nam quốc sơn hà</b>”. Những yếu tố được Nguyễn Trãi đưa ra để xác định độc lập chủ quyền của dân tộc là cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán, nền văn hiến lâu đời, lịch sử riêng, chế độ riêng với “hào kiệt đời nào cũng có”:</p> <p>Như nước Đại Việt ta từ trước  Vốn xưng nền văn hiến đã lâu  Núi sông bờ cõi đã chia  Phong tục Bắc Nam cũng khác  Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập  Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.</p> <p>Đây có thể coi là những lời tuyên ngôn đánh thép khẳng định quyền tự do, độc lập của quốc gia. Trong lời tuyên bố kết thúc, cảm hứng về độc lập dân tộc và tương lai đất nước đã hòa quyện với cảm hứng về vũ trụ khi “bĩ”, khi “hối” nhưng quy luật là hướng tới sự sáng tươi, phát triển, càng phác họa sâu đậm niềm tin và quyết tâm xây dựng lại đất nước của nhân dân ta khi vận hội duy tân đã mở.</p>

## 2. Ca ngợi những người anh hùng dân tộc

### 2.1. Niềm tự hào về chí nam nhi và khát vọng lập công danh, mang âm hưởng hào khí Đông A:

*Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu*

*Tam quân tì hổ khí thôn ngưu*

*Nam nhi vị liễu công danh trái*

*Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu.*

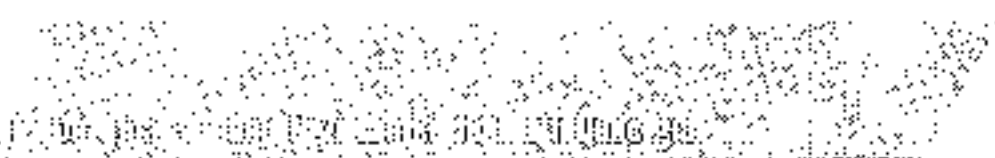
**Thuật hoài - Phạm Ngũ Lão**

Người anh hùng trong mọi thời đại đều được ca ngợi. Khác với hình ảnh người anh hùng cứu nước chống Pháp, Mĩ, người anh hùng qua văn học trung đại là những con người có chí lớn với nước nhà, luôn hun đúc tinh thần, ý chí kiên cường gánh vác cả giang sơn.

**“Thuật hoài”** thể hiện niềm tự hào về chí nam nhi và khát vọng chiến công của người anh hùng khi Tổ quốc bị xâm lăng. Đó là bức chân dung tự họa của danh tướng Phạm Ngũ Lão. Để trở thành người anh hùng của nước nhà, đáng nam nhi phải mang khát vọng cháy bỏng: khao khát lập chiến công để đền ơn vua, báo nợ nước. Phạm Ngũ Lão nói đến “công danh” là thứ công danh được làm nên bằng máu và tài thao lược, bằng tinh thần quả cảm và chiến công. Đó không phải là thứ “công danh” tầm thường, đậm màu sắc anh hùng cá nhân mà là công danh của kẻ nam nhi trung quân ái quốc, đem hết sức lực để khẳng định vai trò của mình trước thời cuộc. Nợ công danh như một gánh nặng mà kẻ làm trai nguyện trả, nguyện đền bằng xương máu và lòng dũng cảm. Không chỉ *“lống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu”*, mà tướng sĩ còn học lập binh thư, rèn luyện cung tên chiến mã, sẵn sàng chiến đấu.

### 2.2. Hình tượng người tướng quân toàn đức, toàn tài Trần Quốc Tuấn trong tác phẩm *“Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn”*

Phẩm chất nổi bật ở Trần Quốc Tuấn được khắc họa là trung quân ái quốc. Lòng trung với vua của Trần Quốc Tuấn thể hiện ở tinh thần yêu nước sâu sắc và ý thức trách nhiệm cộng dân đối với đất nước. Ông hết lòng lo tính kế sách giúp vua giữ nước an dân. Lòng trung của ông được đặt trong hoàn cảnh có thù thách, bản thân ông cũng bị đặt trong mối mâu thuẫn giữa “hiếu” và “trung”. Trần Quốc Tuấn đã đặt “trung” lên trên “hiếu”, nợ nước trên tình nhà. Bên cạnh phẩm chất trung quân ái quốc, Trần Quốc Tuấn còn là một vị tướng anh hùng đầy tài năng, mưu lược đồng thời là con người có đức độ lớn lao. Dù trong bất kì hoàn cảnh nào, bất kì quan hệ nào, Trần Quốc Tuấn vẫn là một mẫu mực của một vị tướng toàn đức, toàn tài. Ông không những được nhân dân ngưỡng mộ mà cả quân giặc cũng phải kính phục.



<p><b>2.3. Hình tượng thái sư tài năng, mưu trí, trung thực, ngay thẳng, tôn trọng luật pháp trong tác phẩm “Thái sư Trần Thủ Độ”</b></p>	<p>Thái sư Trần Thủ Độ là một nhân vật lịch sử đặc biệt, từng được xem là nhà chính trị có nhiều mưu mô, thủ đoạn, thậm chí có lúc tàn nhẫn. Nhưng đánh giá một cách khách quan, ông lại là người có công lớn trong việc khai sáng, phò trợ nhà Trần. Ông đã đem hết lòng trung thành tận tụy, tài năng và mưu trí của mình để phò vua, giúp nước. Thông qua bốn tình tiết, tính cách của ông được bộc lộ rõ nét: Ông không biện minh cho mình khi có người nói xấu ông; khen thưởng người giữ đúng luật pháp; dạy cho những kẻ hay chạy chọt bài học; thẳng thắn bày tỏ thái độ của mình.</p>
<p><b>2.4. Hình tượng người trí thức khảng khái, chính trực, dũng cảm trong tác phẩm “Chuyện chức phán sự đền Tản Viên”</b></p>	<p>Không đạt tới danh anh hùng thời đại nhưng Ngô Tử Văn trong “<i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i>” được ca ngợi là người trí thức khảng khái, có nghĩa khí. Việc làm của Ngô Tử Văn mang nhiều ý nghĩa. Nó vừa thể hiện sự khảng khái, chính trực và dũng cảm muốn vì dân trừ hại, vừa thể hiện tinh thần dân tộc mạnh mẽ qua việc diệt trừ tên giặc xâm lược hung bạo, bảo vệ Thổ thần nước Việt, người từng có công giúp Lý Nam Đế chống ngoại xâm.</p>
<p><b>2.5. Hình tượng người anh hùng có bản lĩnh, ý chí phi thường trong trích đoạn “Chí khí anh hùng”</b></p>	<p>Trong kiệt tác “<i>Truyện Kiều</i>”, người anh hùng xuất hiện dưới ngòi bút Nguyễn Du phải:</p> <p style="text-align: center;"><i>Quyết lời dứt áo ra đi, Gió mây bằng đã đến kì dặm khơi.</i></p> <p>Với “<i>Chí khí anh hùng</i>”, Nguyễn Du đã xây dựng được một hình tượng người anh hùng li tường hoàn toàn mới. Có thể nói Nguyễn Du đã thực sự thành công khi xây dựng hình tượng nhân vật này bằng chính tài năng nghệ thuật thể hiện ở sự sáng tạo độc đáo nghệ thuật và tấm lòng yêu thương con người sâu sắc của ông.</p>
<p><b>2.6. Hình tượng những người nông dân anh hùng trong tác phẩm “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”</b></p>	<p>Trong văn học, phái đến thế kỉ XIX, Nguyễn Đình Chiểu - nhà nho dùn con mắt yêu thương và trân trọng để viết những trang “<i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i>”, hình tượng người nông dân mới thực sự xuất hiện trong văn học. Đó là hình tượng đẹp, bi tráng và đáng tự hào trong cuộc đấu tranh của những người nông dân - anh hùng dân tộc. Họ đều là những con người bình thường.</p>

chân chất "côi cút làm ăn, niềng lo nghèo khổ". Lòng yêu quê hương và ý căm thù giặc sâu sắc đã biến họ từ những người bình thường trở thành những chiến sĩ đánh giặc, sẵn sàng hi sinh để bảo vệ nơi mình sinh sống. Khát vọng đánh đuổi quân xâm lược, khát vọng độc lập, yên ổn làm ăn thôi thúc họ:

*Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu, bầu ngòi; trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu, nón gõ.*

*Họ chiến đấu không quản ngại cái chết, chết mà còn để lại tiếng vang:*

*Những làn lòng nghĩa lâu dưng, đâu biết xác phàm vội bỏ.*

Nguyễn Đình Chiểu đã dùng tâm lòng động cảm để dựng lên hình tượng hoành tráng, hiển ngang của những người anh hùng nông dân. Họ chết mà vẻ vang, một lòng vẫn yêu nước, quyết đánh đuổi lũ giặc. Hình ảnh người nông dân đánh giặc cho ta cái nhìn về cả một thời đại - thời đại dân tộc vùng lên chống lại kẻ thù xâm lược.

### 3. Đề cao tư tưởng duy tân, cải cách đất nước

#### Tư tưởng trọng dụng, động viên hiền tài

Đề cao  
tư tưởng  
duy tân,  
cải cách  
đất nước

#### Tư tưởng canh tân đất nước

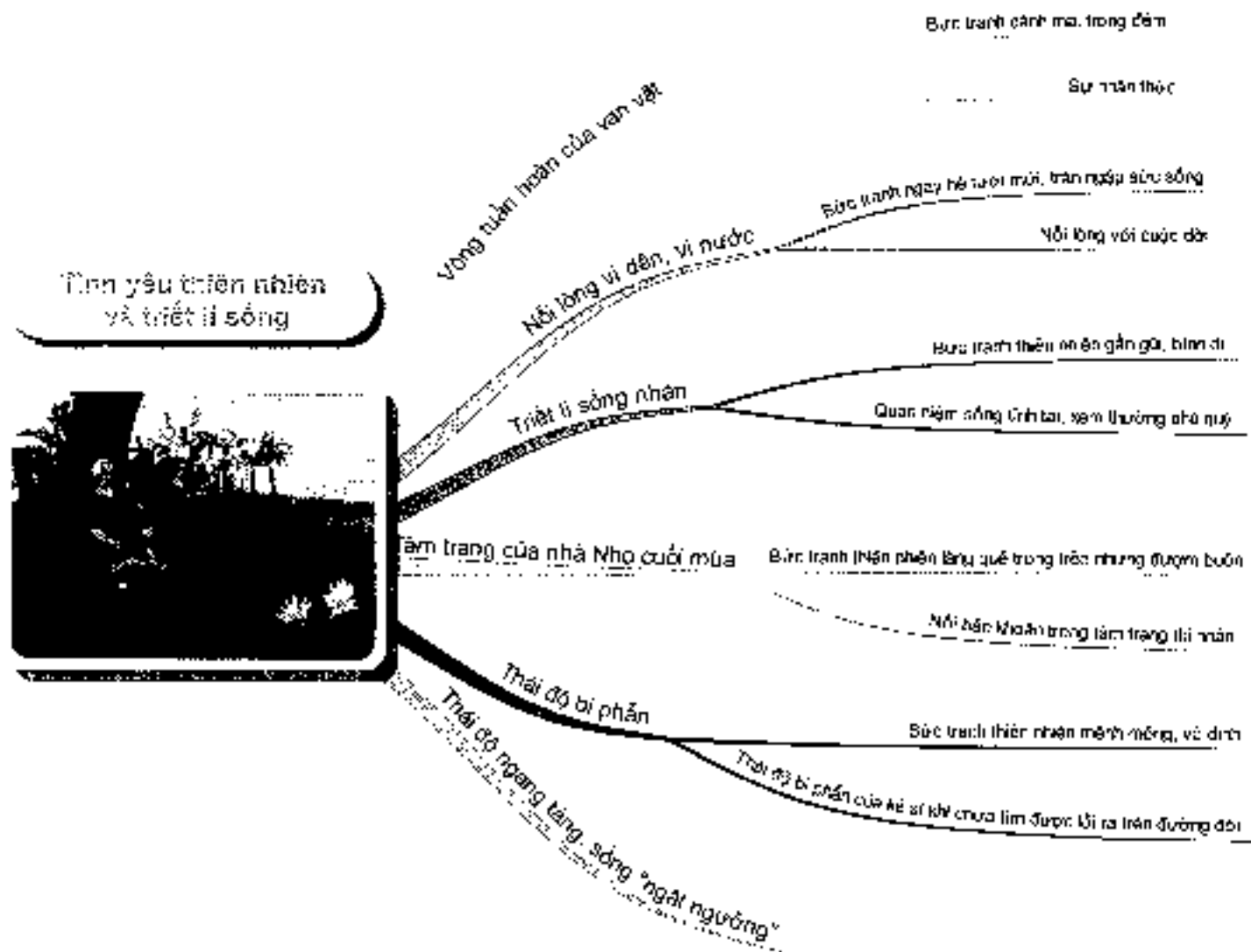
**3.1. Tư tưởng trọng dụng hiền tài, chủ trương động viên trí thức Bắc Hà tham gia xây dựng quê hương trong tác phẩm “Chiếu cầu hiền”**

“**Chiếu cầu hiền**” là một bài văn nghị luận có tính mẫu mực. Trong bài chiếu, ta thấy được chủ trương đúng đắn của vua Quang Trung sau ngày dẹp yên thù trong giặc ngoài, đó là tầm nhìn xa trông rộng xuất phát từ tấm lòng vì dân, vì nước của ông. “**Chiếu cầu hiền**” thể hiện tầm nhìn chiến lược của vua Quang Trung trong việc nhận thức về vai trò quan trọng của hiền tài đối với đất nước. Muốn đất nước được yên ổn và phát triển vững chắc, tiến bộ, người có tài đức là nhân tố không thể thiếu. Cầu hiền gần như là một quy luật tất yếu đối với các triều đại tiến bộ khi mới ra đời. Tính mẫu mực của bài chiếu thể hiện ở sự chặt chẽ và logic của các luận điểm, ở tài thuyết phục khéo léo và thái độ khiêm tốn, chân thành của người viết. Cách lập luận của Quang Trung rất tế nhị, sắc bén, giàu sức thuyết phục để có thể chiêu mộ được người hiền ra giúp vua xây dựng và làm giàu cho nước nhà. Ngô Thì Nhậm nắm vững chiến lược cầu hiền của vua Quang Trung và đã thể hiện tư tưởng chiến lược đó qua bài chiếu ngắn gọn nhưng đầy sức thuyết phục.

**3.2. Tư tưởng canh tân đất nước trong tác phẩm “Xin lập khoa luật”**

Tác phẩm “**Xin lập khoa luật**” là một minh chứng điển hình cho tư tưởng canh tân đất nước trong thời phong kiến của các nhà canh tân. Cải cách đất nước có ý nghĩa quan trọng trong mọi thời đại xưa và nay. Với cái nhìn tiến bộ và đầy tinh thần trách nhiệm, Nguyễn Trường Tộ đã chỉ rõ vai trò của luật pháp đối với sự ổn định của xã hội. Tư tưởng canh tân đất nước trong bản điều trần được ông thể hiện bằng những lập luận chặt chẽ, gần với thực tế và yêu cầu thời đại. Tuy không được nhà vua đánh giá cao vì còn chìm trong phong kiến với lối trị nước bằng Nho giáo nhưng tư tưởng tiến bộ của ông cách đây hàng trăm năm đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Đối với đất nước luôn là vấn đề thời sự, trọng đại của dân tộc, nhất là trong thời kì toàn cầu hóa và hội nhập như hiện nay.

#### 4. Tình yêu thiên nhiên và triết lí sống

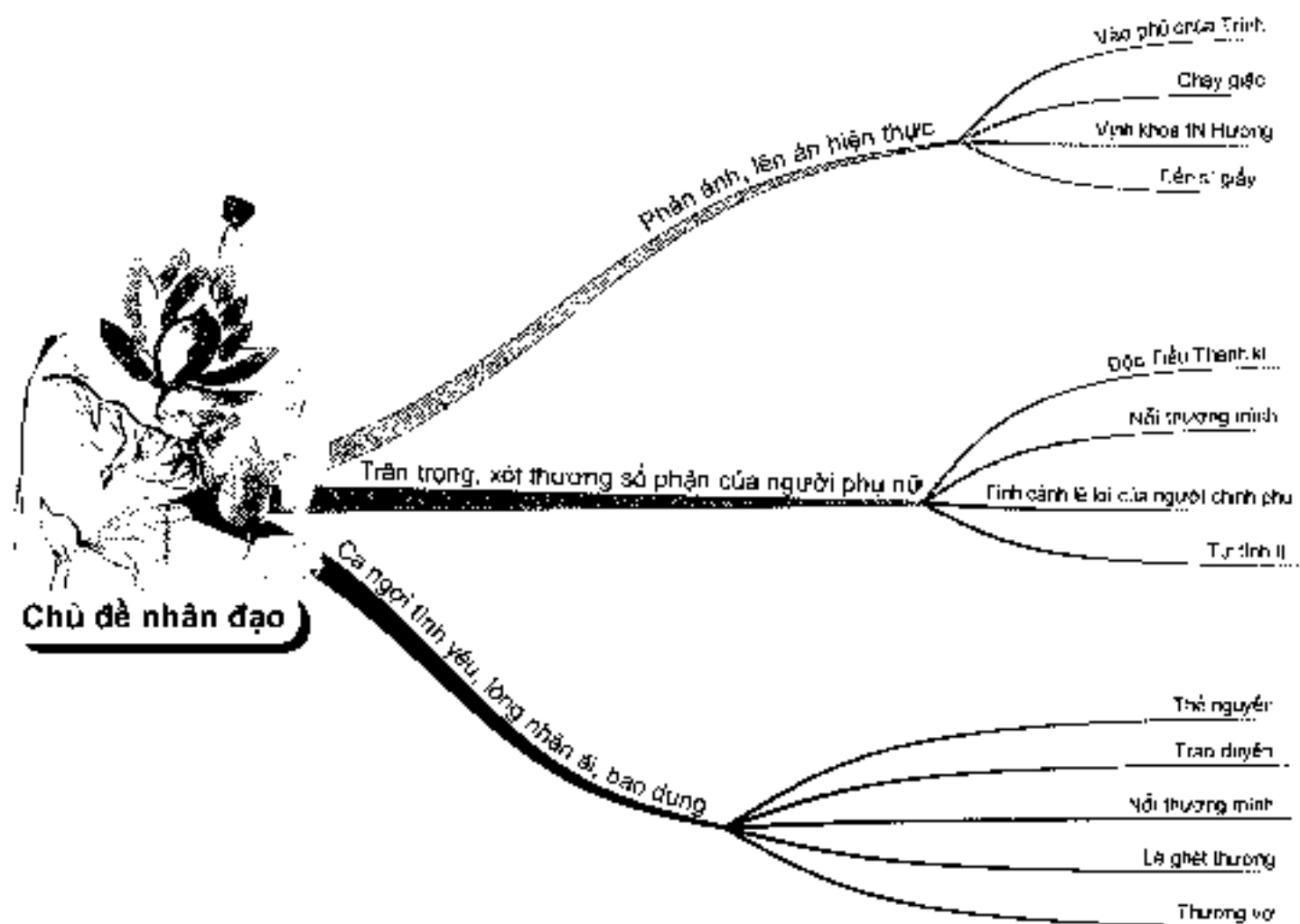


<p><b>4.1. Vòng tuần hoàn của vạn vật qua tác phẩm “Cáo tật thị chúng”</b></p> <p><i>Xuân khứ bách hoa lạc Xuân đáo bách hoa khai Sự trục nhãn tiền quá Lão tòng đầu thượng lai Mạc ví xuân tàn hoa lạc tận Đình tiền tạc dạ nhất chi mai</i></p>	<p>Tác phẩm “<b>Cáo tật thị chúng</b>” được Mãn Giác thiền sư đọc cho các đệ tử nghe khi ông lâm trọng bệnh. Bài thơ thể hiện điểm nhìn lạc quan của thi nhân khi nhận ra hình ảnh cảnh mai nở trong đêm xuân tàn. Đó cũng là triết lí nhân sinh, vòng tuần hoàn của vạn vật mà ông chiêm nghiệm được. Bên cạnh đó, “<b>Cáo tật thị chúng</b>” còn thể hiện tinh thần lạc quan, yêu thiên nhiên của thi nhân.</p>
<p><b>4.2. Nỗi lòng vì dân, vì nước của kẻ sĩ ở ẩn trong tác phẩm “Cánh ngày hè”</b></p> <p><i>Rồi hồng mắt thuở ngày trường Hòa lục đùn đùn tán rợp giương Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ Hồng liên trì đã tiễn mùi hương Lao xao chợ cá làng ngư phủ Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương Dẽ có Ngu cầm đàn một tiếng Dân giàu đủ, khắp đòi phương</i></p>	<p>Trong “<b>Cánh ngày hè</b>”, Nguyễn Trãi hướng ngòi bút làm nổi bật sức sống mãnh liệt của mùa hè. Cảnh ngày hè của ông thể hiện cảnh sắc thiên nhiên tươi mới, tràn ngập sự sống. Yêu thiên nhiên, ông vẫn canh cánh “<i>một tấc lòng ưu ái cũ</i>”, nỗi lo của ông là tám sao dân chúng được sống trong cảnh thái bình. Dù trở về hòa mình với thiên nhiên, Nguyễn Trãi vẫn thường trực nỗi lòng của con người thời cuộc.</p>
<p><b>4.3. Triết lí sống nhân, hòa hợp với thiên nhiên trong tác phẩm “Nhân”</b></p> <p><i>Một mai, một cuộc, một cần câu Thoắt thân đâu ai vui thú nào Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ Người khôn người đến chốn lao xao Thu ăn măng trúc đông ăn giá Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao Rượu đến cội cây ta sẽ uống Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao</i></p>	<p>Nguyễn Bỉnh Khiêm khi về ở ẩn đã tự cho mình thú “nhàn”. Quan niệm sống nhân và nhân cách của Nguyễn Bỉnh Khiêm coi thường danh lợi, luôn giữ được tâm hồn thanh cao hòa hợp với thiên nhiên, đó là lối sống của những nhà Nho giàu lòng yêu nước nhưng do hoàn cảnh xã hội mà trở về sống ẩn dật.</p>



<p><b>4.4. Tâm trạng của nhà Nho cuối mùa trong tác phẩm “Thu điếu”</b></p>	<p>Nguyễn Khuyến lấy những sự vật gần xung quanh để thể hiện tình yêu hòa cùng thiên nhiên với nỗi băn khoăn của một nhà Nho cuối mùa. Bức tranh mùa thu nơi vùng quê Bắc Bộ và sự chuyển động tinh tế nhẹ nhàng của sự vật làm nổi bật không gian nhỏ, gần gũi, cảnh vật động mà tĩnh, con người thư thái, ung dung nhưng đượm buồn.</p>
<p><b>4.5. Sự phân uất của kẻ sĩ đương thời khi chưa tìm được con đường đi, lối ra cho cuộc đời trong tác phẩm “Sa hành đoản ca”</b></p>	<p>Cảnh sắc thiên nhiên không phải bao giờ cũng đem đến cho thi nhân cảm hứng về cái đẹp của nó. “<i>Sa hành đoản ca</i>” của Cao Bá Quát là ví dụ điển hình. Tác giả dùng hình ảnh bãi cát dài để thể hiện tâm trạng bi phẫn của kẻ sĩ trước thời cuộc khi chưa tìm được lối ra trên đường đời.</p>
<p><b>4.6. Thái độ sống ngang tàng, phóng khoáng trong tác phẩm “Bái ca ngất ngưỡng”</b></p>	<p>Nếu các nhà Nho có thù thường ngoạn cảnh sắc thì Nguyễn Công Trứ khi cáo quan về hưu lại chiêm nghiệm cuộc đời mình cùng thái độ sống “ngất ngưỡng”. “<i>Bái ca ngất ngưỡng</i>” đã làm rõ thái độ ngang tàng, một lối sống chân thật, dám khẳng định bản lĩnh cá nhân vượt ra ngoài khuôn khổ Nho giáo.</p>

## Phân 2 CHỦ ĐỀ NHÂN ĐẠO



*Yêu nước* và *Nhân đạo* là hai mạch nguồn chính trong dòng chảy văn học dân tộc. Nếu chủ đề *Yêu nước* hướng con người ta đến những giá trị, những nhận thức lớn lao thì chủ đề *Nhân đạo* lại đưa văn học về soi chiếu vào trong số phận mỗi người. Nhân đạo là vì con người. Bởi thế, những tác phẩm/trích đoạn nằm trong nhóm chủ đề này đều là tiếng nói về quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc nhân bản. Khi là ngợi ca, trân trọng những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống, khi lại lên án những thế lực khiến con người điêu đứng. Đặc biệt hơn cả là tiếng nói đồng cảm, xót xa cho những kiếp người éo le, khổ đau, không được làm chủ số phận. Với những ý nghĩa đó, chủ đề *Nhân đạo* đã đem tới cho độc giả những xúc cảm **thanh thật** và nhân văn nhất.

## 5. Phán ánh, lên án hiện thực

Vua chúa ăn chơi, sa đọa, triều đại suy đồi

Ách thống trị của thực dân

Triều đình bù nhìn,  
không quan tâm  
đến đời sống nhân dân

Nhân dân lầm than



Thi cử rối ren, lộn nhộn, không có quy củ

Phán ánh, lên án hiện thực

### 5.1. Hiện thực vua chúa ăn chơi sa đọa, triều đại suy đồi trong tác phẩm "Vào phủ chúa Trịnh"

"*Vào phủ chúa Trịnh*" nói đến cuộc sống xa hoa trong phủ chúa trong khi dân chúng lầm than, đói nghèo. Lê Hữu Trác đã thẳng thắn ghi chép lại những điều mắt thấy tai nghe, tái hiện hình ảnh chúa Trịnh Cán khá sinh động. Nơi xa hoa ấy đã làm cho con người trở nên hao mòn, mất hết nhuệ khí, lại chứa toàn bọn ngu dốt như quan chánh đường và các quan thái y chỉ lo dùng thuốc công phạt theo ý mình. Thế tử - nạn nhân của sự ngu dốt, của sự thừa thãi quá mức nơi phủ chúa. Đó cũng chính là những biểu hiện rõ nét nhất của một triều đại suy đồi đã đến lúc mặt vắn, diệt vong, là sản phẩm của một nội cung chỉ biết xu nịnh. ăn chơi phê phởn không lo cho cuộc sống của nhân dân lao động.

### 5.2. Hiện thực nhân dân lầm than dưới ách đô hộ thực dân và sự bù nhìn của triều đình

Bài thơ hiện lên như một trang lịch sử dân tộc đầy đau thương: thực dân Pháp xâm lăng, bờ cõi quốc gia khó giữ. Những khung cảnh chân thực, đầy bi ai hiện lên và lồng ghép trong đó chính là tình yêu thương của tác giả đối với dân tộc, đối với đất nước. Ngòi bút nhân đạo vừa

phong kiến trong tác phẩm "Chạy giặc"	thương vừa hận, hận lũ cướp nước, hận lũ gieo rắc lửa than, đẩy nhân dân đến chỗ khốn cùng.
5.3. Hiện thực thi cử, phong tước lộc nhậm, rồi ren, không có quy củ trong tác phẩm "Vịnh khoa thi Hương" và "Tiến sĩ giấy"	"Vịnh khoa thi Hương" của Trần Tế Xương hướng đến đối tượng đang ra sức duy trì chế độ thi cử Tây - Ta hỗn độn để thấy bối cảnh xã hội rồi ren, không có quy củ. Cũng giống như Trần Tế Xương, Nguyễn Khuyến phê phán, chế nhạo những "Tiến sĩ giấy" - sản phẩm của xã hội nửa Tây nửa Ta đó.

## 6. Trân trọng, xót thương số phận của người phụ nữ



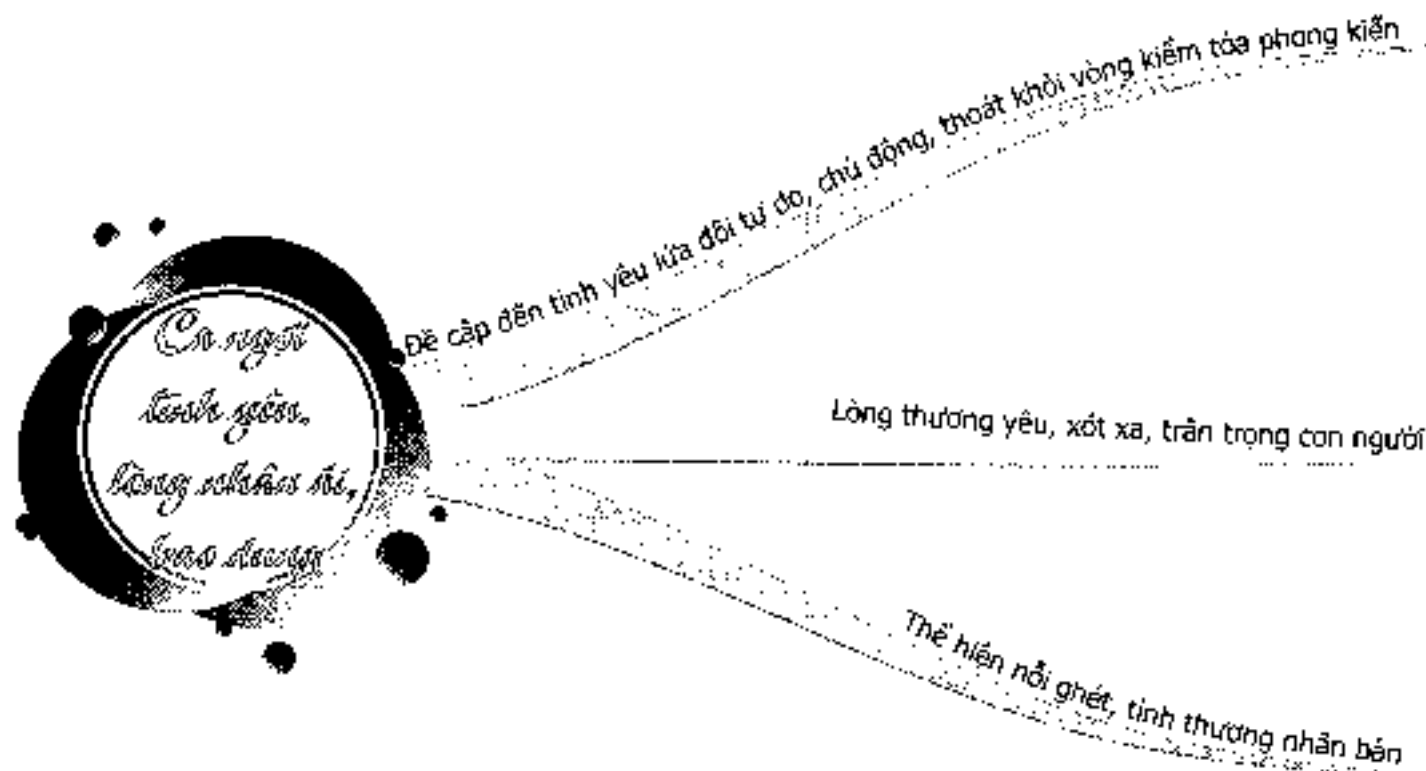
Bị kịch người phụ nữ tài hoa bạc mệnh

Tâm trạng bức xúc, oán hận của người phụ nữ trước thực tại

Nổi lẻ loi, nhưng nhớ triền miên, khắc khoải của người chinh phụ

<p><b>6.1. Bi kịch người phụ nữ tài hoa bạc mệnh trong trích đoạn “Nỗi thương mình” và tác phẩm “Độc Tiểu Thanh kị”</b></p>	<p>Trong <b>“Truyện Kiều”</b>, Nguyễn Du đã khái quát bi kịch ngàn đời của phái đẹp qua hai câu thơ:</p> <p style="text-align: center;"><i>Đau đôn thay phận đàn bà</i> <i>Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung!</i></p> <p>Bi kịch ấy được ngòi bút tài hoa của thi hào thể hiện sinh động qua số phận mười lăm năm lưu lạc của nhân vật Thúy Kiều. Đoạn trích <b>“Nỗi thương mình”</b> là tâm sự nàng Kiều với những tủi nhục, xót xa cho cảnh sống chốn lầu xanh. Điều này còn được tác giả đề cập trong <b>“Độc Tiểu Thanh kị”</b>. Nguyễn Du thương cho người con gái tài năng mà chết đi trong oan uổng, không người thương xót:</p> <p style="text-align: center;"><i>Chi phần hữu thân liên tử hậu,</i> <i>Văn chương vô mệnh lụy phần dư.</i></p>
<p><b>6.2. Tâm trạng oán hận, bức xúc của người phụ nữ trong tác phẩm “Tự tình II”</b></p>	<p>Nữ sĩ Hồ Xuân Hương, người được nhà thơ Xuân Diệu trân trọng và kính phục đặt cho danh hiệu là <b>“Bà chúa thơ Nôm”</b> cũng rất nổi tiếng với những bài thơ viết về chủ đề người phụ nữ. Ở bài thơ <b>“Tự tình II”</b>, nữ sĩ Xuân Hương đã bộc bạch tâm trạng oán hận, bức xúc cao độ của bản thân và cũng là tâm trạng của bao phụ nữ cùng cảnh ngộ trong xã hội phong kiến.</p>
<p><b>6.3. Nỗi lẻ loi, nhưng nhớ triền miên, khắc khoải của người chinh phụ trong trích đoạn “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”</b></p>	<p>Qua lời người chinh phụ trong <b>“Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”</b>, tác giả thể hiện sự thấu hiểu và đồng cảm với nỗi cô đơn, sầu tủi của người vợ có chồng đi lính. Đồng thời, lên án cuộc chiến tranh phong kiến phi nghĩa khiến cho đôi lứa phải xa lìa.</p>

## 7. Ca ngợi tình yêu, lòng nhân ái, bao dung



<b>7.2. Lòng yêu thương, xót xa, trân trọng con người trong trích đoạn "Trao duyên", "Nỗi thương mình" và tác phẩm "Thương vợ"</b>	<p>Lòng yêu thương, trân trọng con người biểu hiện trước hết trong "Truyện Kiều" với các đoạn trích "Trao duyên", "Nỗi thương mình". "Trao duyên" là lời gửi gắm, cậy nhờ đầy đớn đau của Thúy Kiều với người em để mình thực hiện chữ hiếu. Đến "Nỗi thương mình", Nguyễn Du viết lên những dòng thơ mang nỗi xa xót trước thực tại é chề của nàng Kiều. Từ đó, tác giả khẳng định tâm lòng rộng mở, thái độ trân trọng, đồng cảm với cuộc đời nàng Kiều, rộng hơn là những người phụ nữ nhỏ bé trong xã hội đang chịu bất công trước những thế lực tàn bạo.</p> <p>Cùng thuộc nhóm chủ đề này, "Thương vợ" (Trần Tế Xương) là bài thơ điển hình khi nhắc đến chủ đề người phụ nữ mà cụ thể là người vợ. Tác giả bộc lộ tình cảm yêu thương, trân trọng, thấu hiểu với những gian truân, lam lũ, vất vả của người vợ.</p>
<b>7.3. Thể hiện nỗi ghét, tình thương nhân bản trong trích đoạn "Lẽ ghét thương"</b>	<p>"Lẽ ghét thương" là những lời thơ tâm huyết về nỗi ghét tình thương nhân bản của Nguyễn Đình Chiểu. Nhân vật ông Quán trở thành lá hiện thân của tác giả. Những tình cảm yêu, ghét rạch ròi</p>

	<p>được ông Quán nói ra ngay sau khi chứng kiến cảnh Lục Văn Tiễn, Vương Tử Trực, Bùi Kiệm và Trịnh Hâm cùng thi tài xướng họa tại quán ăn của mình. Tình thương chính là điểm tựa, là động lực tinh thần để nhà thơ lên tiếng phê phán những bọn xấu xa, những kẻ độc ác. Bên cạnh đó, hiển hiện trong lời ông Quán là cả cõi lòng của một con người, thể hiện một cách sâu sắc sự cảm thông, xót xa của ông đối với những bậc hiền nhân quân tử, kiểu mẫu của đạo Nho, muốn hành đạo giúp vua, cứu dân nhưng không thành ..</p>
--	---

Trong văn học dân gian và văn học hiện đại Việt Nam, các em đã và sẽ được tiếp cận với rất nhiều tác phẩm nằm trong hai nhóm chủ đề Yêu nước và Nhân đạo. Tuy nhiên, "*Văn học mang hơi thở của thời đại*". Ở mỗi giai đoạn, mỗi thời kì, văn học sẽ phản ánh những đối tượng khác nhau, những tư tưởng khác nhau, kết tinh những thành tựu riêng biệt về cả nội dung và nghệ thuật. Vì thế, việc so sánh, liên hệ các tác phẩm chỉ mang tính chất tương đối. Không nên dùng đặc trưng của giai kì này để so sánh làm nổi bật, nâng cao giai kì kia. Những gợi ý đọc hiểu dưới đây sẽ giúp các em có cái nhìn tổng quan nhất về những tác phẩm văn học Việt Nam giai đoạn thế kỉ X đến XIX.

## BÀI 3: TÌM HIỂU MỘT SỐ TÁC PHẨM VĂN HỌC HIỆN THỰC GIAI ĐOẠN 1930 - 1945

### Phần 1 MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CHUNG

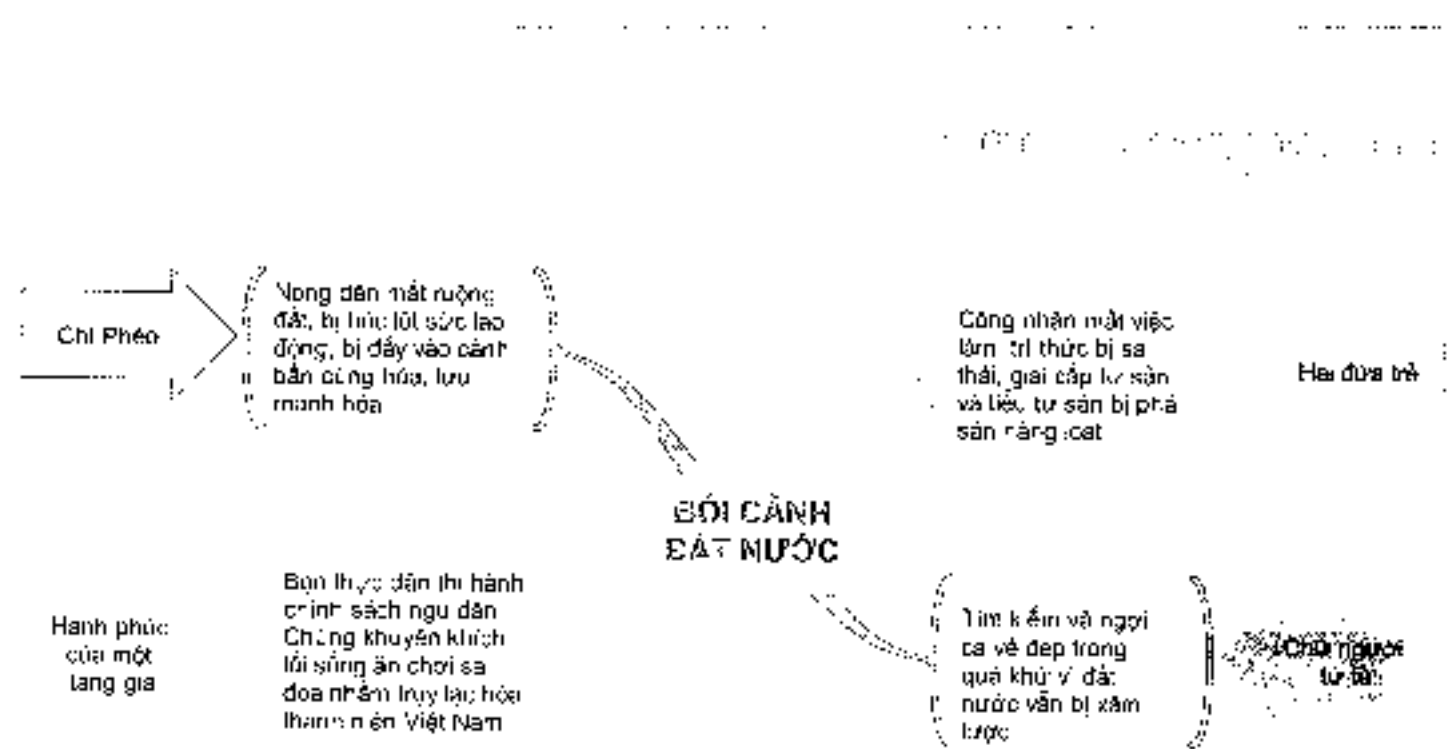
#### 1. Bối cảnh trong các tác phẩm đều có nét tương đồng với bối cảnh đất nước đương thời

Năm 1858, Pháp nổ tiếng súng đầu tiên tại bán đảo Sơn Trà, chính thức xâm lược nước ta. Cho đến giai đoạn 1930 - 1945, nước ta vẫn là thuộc địa của Pháp. Bởi thế, sau khi Chiến tranh thế giới lần thứ I kết thúc, Pháp rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế trầm trọng và kéo dài nên chúng đã tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần 2 và thực thi chính sách bóc lột kinh tế ở nước ta. Lúc này, mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam đều bị bóc lột:

- + Nông dân mất ruộng đất, bị bóc lột sức lao động, bị đẩy vào cảnh bán ruộng hóa, lưu manh hóa.
- + Công nhân mất việc làm, tri thức bị sa thải, gia cấp tư sản và tiểu tư sản bị phá sản hàng loạt.
- + Bên cạnh đó, bọn thực dân thi hành chính sách ngu dân. Chúng khuyến khích lối sống ăn chơi sa đọa nhằm truy lạc hóa thanh niên Việt Nam. Ở thành thị, những tiệm hút, nhà chứa, sông bạc mọc lên như nấm. Phong trào Âu hóa, "vui vẻ trẻ trung" như một nạn dịch lan tràn, thu hút thanh niên vào các chợ phiên, tiệm nhảy, các cuộc thi áo tắm, sắc đẹp...
- + Mặt khác, thực dân Pháp cũng thi hành chính sách đàn áp, khủng bố trắng với các cuộc khởi nghĩa, thúc đẩy mâu thuẫn dân tộc, mâu thuẫn giai cấp ngày càng sâu sắc, quyết liệt...

Các nhà văn đều mượn nguyên liệu từ chính đời sống thực tại để vẽ nên những mảng màu trong bức tranh văn học hiện thực giai đoạn này. Đó là hình ảnh người nông dân bị tha hóa, lưu manh hóa trong tác phẩm "*Chí Phèo*" (1941) của Nam Cao. Đó là hình ảnh chị em Liên phải rời xa cái huyện náo, sáng rực của tuổi thơ để về sống tại con phố huyện Cẩm Giàng nghèo khổ, tăm tối vì bỏ mất việc trong "*Hai đứa trẻ*" (1938) của Thạch Lam. Đó là hình ảnh người tử tù nhưng vẫn giữ cho mình tư thế hiên ngang, bất khuất và tấm lòng hiệt nhơn liên tài của Huân Cao trong "*Chữ người tử tù*" (1938) của Nguyễn Tuân. Đó còn là một đám tang mà tử con cháu bất hiểu tổ chức cho cụ cố tổ theo lối Tây - Tàu - Ta lẫn lộn trong "*Hạnh phúc của một tang gia*" (Trích "*Số đỏ*" - 1936) của Vũ Trọng Phụng... Dù không phải là tất cả nhưng những sự kiện, những biến cố, những hoàn cảnh trong các tác phẩm giai đoạn này đều phần nào được lấy nguyên liệu từ bối cảnh hiện thực của đất nước. Với những tác phẩm ấy, văn học giai đoạn 1930 - 1945 đã thực hiện đồng thời hai sứ mệnh: hiện đại hóa văn học (sứ mệnh tự thân) và đấu tranh cho giai cấp, dân tộc





## 2. Những đặc sắc về phương diện nội dung, tư tưởng

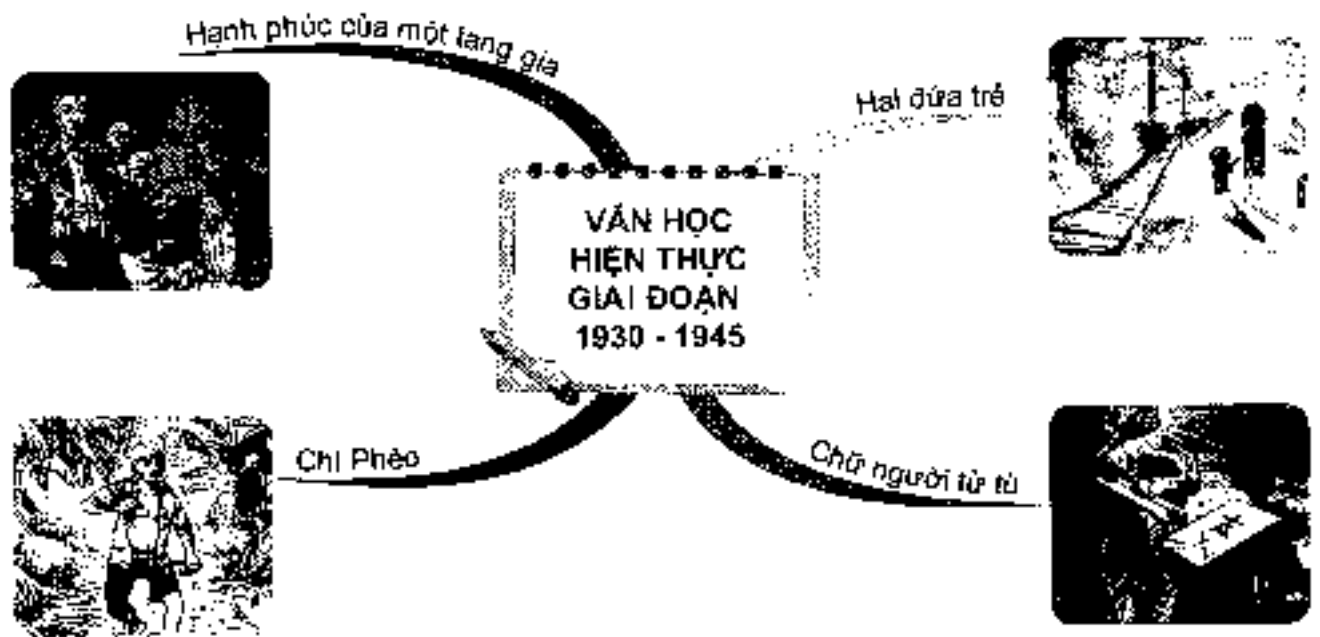
Văn học hiện thực giai đoạn này vẫn tiếp nối hai mạch nguồn chính đó là yêu nước và nhân đạo. Tuy nhiên, điểm mới của hai dòng chủ nghĩa này là chúng được phát huy trên tinh thần dân chủ. Lòng yêu nước gắn liền với quê hương, đất nước, trân trọng truyền thống văn hóa dân tộc, ca ngợi cảnh đẹp quê hương.

Chủ nghĩa nhân đạo giai đoạn này lại gắn với sự thức tỉnh ý thức cá nhân của người cầm bút. Những sáng tác văn học giai đoạn này là một minh chứng cho tư tưởng "nhà văn là người thư kí trung thành của thời đại". Từng tầng lớp, từng thói xấu, từng kiểu người, từng nỗi đau... trong xã hội đều được phản ánh một cách chân thực. Đó chính là tiếng nói phơi bày hiện thực, lên án chế độ bạo tàn của bè lũ thực dân. Nhà văn như nhìn thấy nỗi đau từ trong tâm khảm của mỗi con người. Bởi thế, những con người khổ đau, những kiếp sống lay lắt, nghèo khó, đói rét, tha hóa, bán rẻ, những giá trị nhân phẩm đổi thay... - hệ lụy của xã hội thuộc địa đều được đưa vào trong từng trang văn, lời thơ một cách sống động. Tư tưởng chủ đạo của những tác phẩm văn học trong giai đoạn này là: nghệ thuật vì nhân sinh. Đúng như nhà văn, "Ông Vua phóng sự đất Bắc" từng nói: "Các ông báo tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết, còn tôi và những nhà văn như tôi chủ trương nhà văn là cuộc đời".

Khi khai thác giá trị về mặt nội dung, tư tưởng của tác phẩm văn học hiện thực giai đoạn 1930 - 1945, các em cần đặt tác phẩm vào trong bối cảnh lịch sử cụ thể. Đồng thời, đặc biệt quan tâm đến hoàn cảnh ra đời của tác phẩm. Bên cạnh đó, các em cần lưu ý đến nội dung chủ đạo của hai mạch nguồn: chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân đạo để nắm bắt được giá trị tư tưởng mà nhà văn gửi gắm trong tác phẩm.

### 3. Những đặc sắc về phương diện nghệ thuật

Văn học hiện thực giai đoạn 1930 - 1945 đạt được những thành tựu lớn về phương diện nghệ thuật. Trước hết là về mặt thể loại. Văn học hình thành và phát triển nhiều thể loại, nổi bật là truyện ngắn, tiểu thuyết và phóng sự. Bên cạnh đó, các tác giả đã xây dựng hàng loạt hình tượng nghệ thuật điển hình đầy đặn, sinh động về mọi tầng lớp, giai cấp trong những hoàn cảnh điển hình tiêu biểu của xã hội Việt Nam. Với những đóng góp về mặt nghệ thuật, các nhà văn của giai đoạn này đã góp phần hoàn thiện quá trình hiện đại hóa văn học thế kỉ XX.



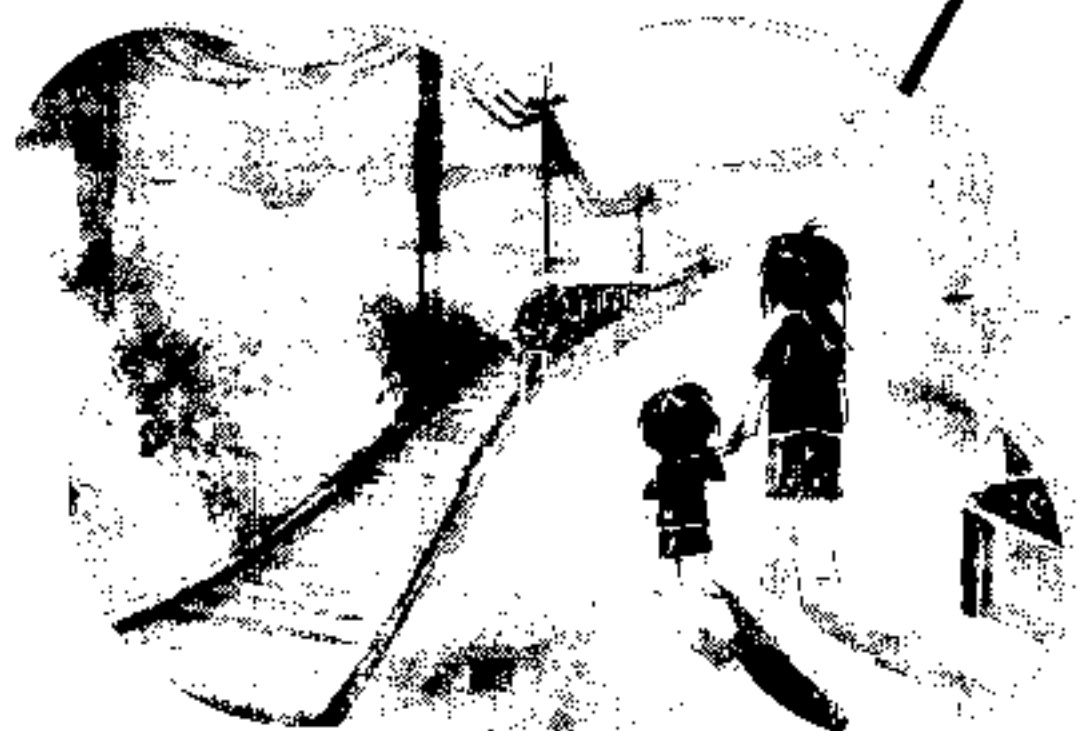
**Phần 2 TÌM HIỂU MỘT SỐ TÁC PHẨM VĂN HỌC HIỆN THỰC GIAI ĐOẠN 1930 - 1945 TRONG CHƯƠNG TRÌNH PHỔ THÔNG**  
**Văn bản**

**Thạch Lam**

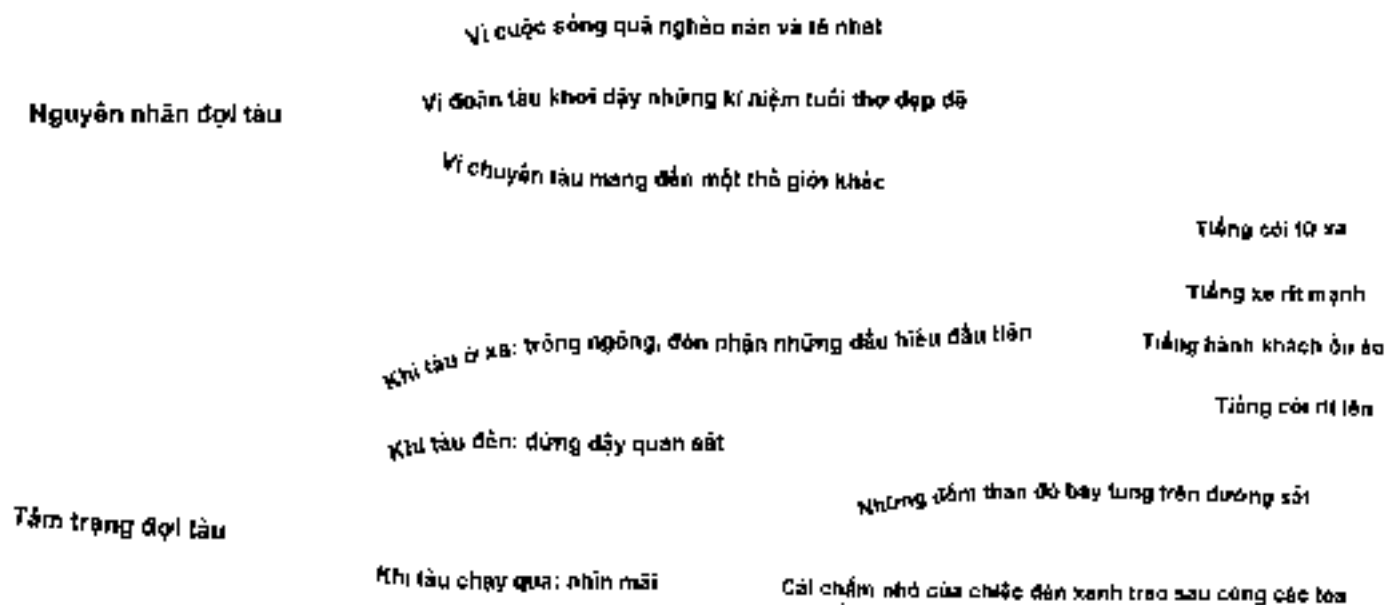
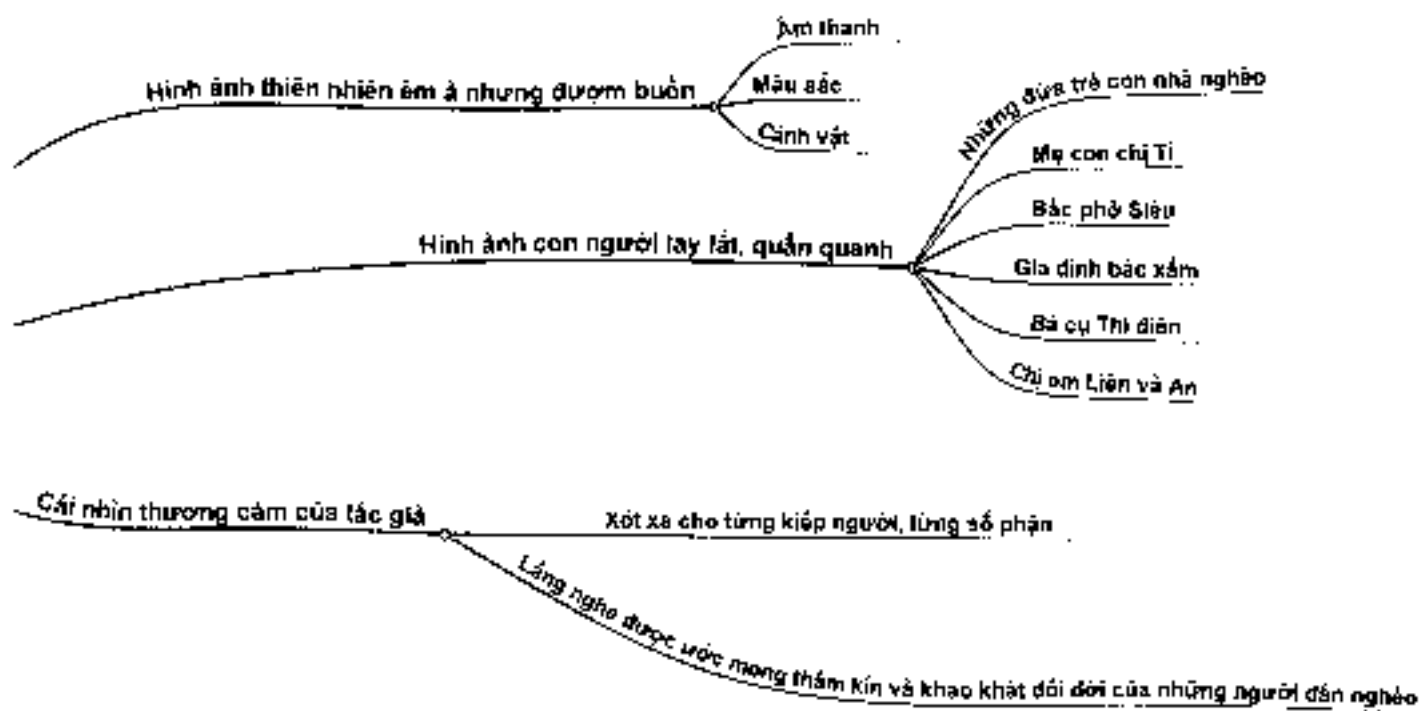
<b>TÁC GIẢ</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thạch Lam (1910 - 1942) tên thật là Nguyễn Tường Lân, sinh ra ở Hà Nội trong một gia đình công chức gốc quan lại. Ông là em ruột của nhà văn Nhất Linh, Hoàng Đạo và là thành viên chính của Tự lực văn đoàn.</li><li>- Tuổi thơ Thạch Lam sống ở quê ngoại - phố huyện Cẩm Giàng. Hải Dương, sau đó, ông theo cha về Thái Bình. Đây là quãng thời gian Thạch Lam có những trải nghiệm chân thực và cụ thể nhất. Điều này được ông thể hiện rất rõ nét trong những sáng tác của mình, đặc biệt là truyện ngắn "<i>Hai đứa trẻ</i>".</li><li>- Thạch Lam là con người điềm đạm, đôn hậu và tinh tế. Ông lặng lẽ thể hiện niềm cảm thương chân thành đối với những người nghèo khổ xung quanh.</li><li>- Ông có quan điểm văn chương tiến bộ và lành mạnh.</li><li>- Thạch Lam là cây bút truyện ngắn xuất sắc với phong cách độc đáo.</li><li>- Thạch Lam có đóng góp đáng kể vào sự phát triển của văn xuôi hiện đại Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.</li></ul>
<b>TÁC PHẨM</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- "<i>Hai đứa trẻ</i>" là một trong những truyện ngắn xuất sắc nhất của Thạch Lam.</li><li>- Truyện được trích trong tập "<i>Nắng trong vườn</i>" (1938).</li><li>- Nội dung:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Miêu tả diễn biến tâm trạng hai đứa trẻ lúc chiều tà, khi đêm xuống và khi đoàn tàu vụt đến, vụt đi trong đêm khuya.</li><li>+ Bức tranh phố huyện với cuộc sống tù đọng, quẩn quanh, nghèo khổ.</li><li>+ Sự lay tỉnh, thức gọi ước mơ về cuộc đời đang sống hơn, tươi sáng hơn.</li></ul></li><li>- Nghệ thuật:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, xây dựng truyện không có cốt truyện.</li><li>+ Sử dụng hiệu quả nghệ thuật đối lập giữa bóng tối và ánh sáng, quá khứ và hiện tại, hiện thực và ước mơ.</li></ul></li></ul>

## Hai đứa trẻ

Bức tranh  
phổ huyện  
lúc chiều tối



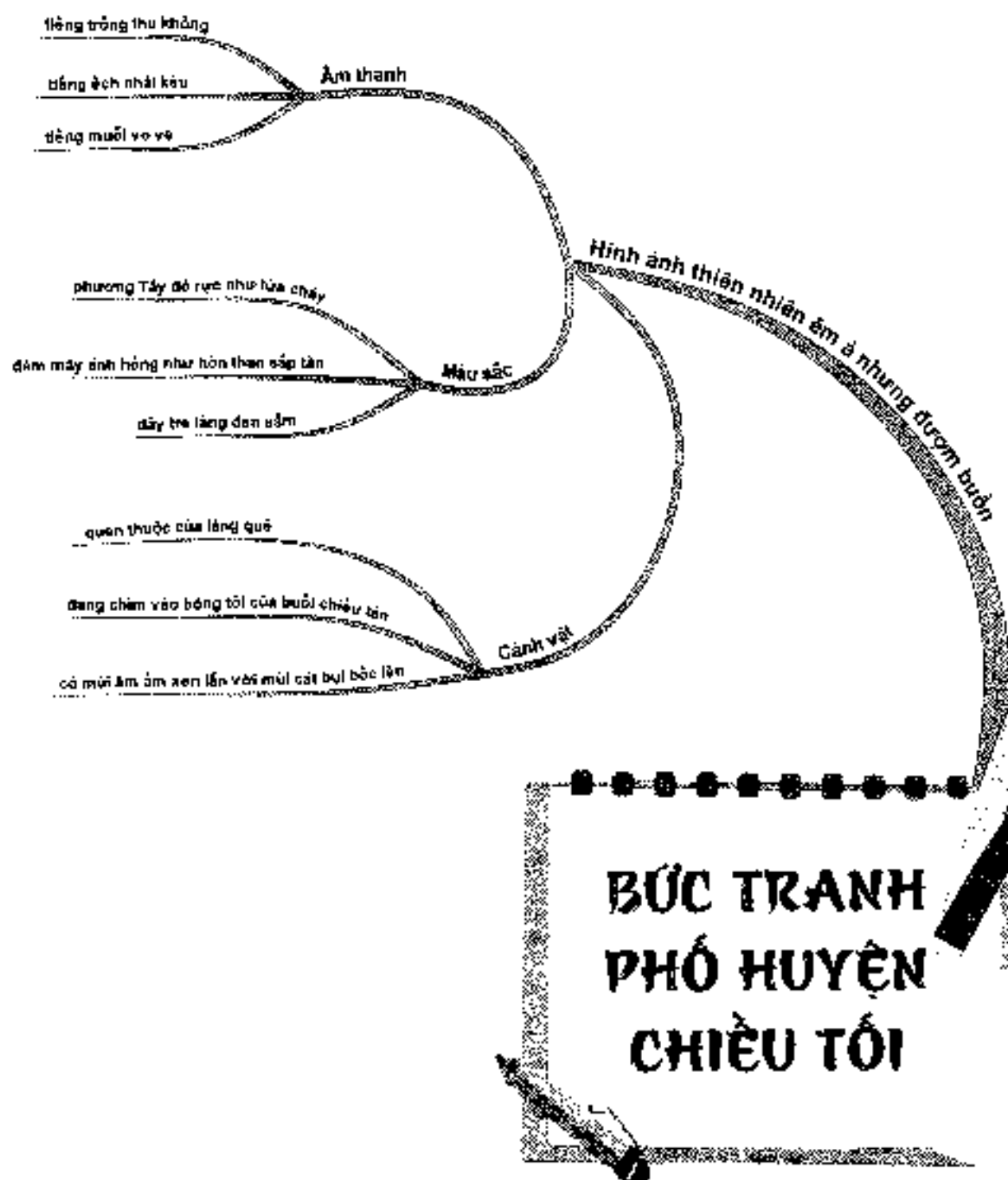
Tâm trạng  
đợi tàu của  
hai đứa trẻ



# ĐỀ THI VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN

## II. TÌM HIỂU MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA VĂN BẢN

### 1. Bức tranh phố huyện lúc chiều tối



nhặt nhanh rác dưới, vô buổi, vô thuê, là nhón, là mĩa

lăm sự sống trong những thuê thừa thuê, vứt đi

Những đứa trẻ con nhà nghèo

Mẹ con chị Ti

ngày đi mả của bà búp, tối dọn hàng nước để cầu may

chộp miếng, chờ dài ngoằn ngoằn

Bác phở Siêu

gánh phở xa xỉ với người dân một dãy

ở hàng

ngồi ngon, ngồi trần manh chiếu rách để hát mua vui

thằng con nhỏ bỏ trốn đất nghịch rác bẩn

ở khách

Gia đình bác xẩm

sảy ruy

Bà cụ Thi điên

đến và đi với những tiếng cười khàn khàn

cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu

Chị em Liên và An

và quá vì thấy một việc

Hình ảnh con người tay lắt, quần quanh

Cái nhìn thương cảm của tác giả

Xót xa cho từng kiếp người, từng số phận

Lắng nghe được ước mong thầm kín và khao khát đổi đời của những người dân nghèo

**\* Hình ảnh thiên nhiên**

- Âm thanh:

+ tiếng trống thu không vang ra để gọi buổi chiều

+ tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng

+ tiếng muỗi vo ve

- Màu sắc:

+ phương Tây đỏ rực như lửa cháy

+ cỏ đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn

+ dầy tre làng đen sẫm lại trong ánh hoàng hôn

- Khung cảnh làng quê quen thuộc đang chìm trong bóng tối của buổi chiều tàn. Tất cả đang bốc lên mùi âm ảm xen lẫn với mùi cát bụi tạo thành mùi đặc biệt của quê hương xứ sở.

⇒ Đó là bức tranh thiên nhiên quen thuộc, gần gũi, êm à, nên thơ nhưng đượm buồn.

**\* Hình ảnh con người**

- Những đứa trẻ con nhà nghèo: trên nền cảnh của một buổi chợ chiều đã vãn, trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và lá mía. Đó là những phế thải không còn giá trị nhưng mấy đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ vẫn lom khom đi lại tìm tòi, nhặt nhạnh, tìm kiếm sự sống từ những gì thừa thãi, vứt đi. Hình ảnh đó nhấn mạnh sự nghèo nàn, xơ xác của phố huyện.

- Mẹ con chị Tí ngày đi mò cua bắt tép, tối đến dọn hàng nước dưới gốc bàng, bán vài thứ lặt vặt để cầu may. Cái chệp miện và thờ dài ngao ngán của chị Tí đủ cho ta thấy kiếp đời lắt lay, mù mịt, không tương lai, không ánh sáng của chị.

- Bác phở Siêu: "đến với cái bóng mệnh mang, ngã xuống đất một vùng". Phở bác Siêu là một thứ quà xa xỉ, nhiều tiền, không bao giờ mua được đối với những người dân nơi con phố huyện. Bác phở Siêu bởi thế mà ế hàng.

- Gia đình bác Xẩm: nghèo nàn (ngồi trên manh chiếu rách để mua vui, thằng con nhỏ bò trên đất nghịch rác bẩn) và cũng đang rơi vào tình trạng ế khách (cái thau chờ tiền vẫn chông chờ).

Dù mỗi người một thân phận và cánh đời khác nhau nhưng cuộc sống của người dân phố huyện dường như cạn kiệt sinh lực. Họ như bước lên sân khấu cuộc đời để độc diễn một bản đơn điệu với sự lay lắt, đời nghèo, mòn mỏi, không hề có sự thay vai, đổi cảnh. Viết về những người dân nơi con phố huyện, Thạch Lam đã dành cho họ những giọt lệ thâm kín của tình thương. Tình thương ấy không phải là tình thương của kẻ bề trên ban phát cho kẻ dưới, cũng không phải tình thương mơ hồ, chung chung mà là sự cảm thương cho từng kiếp người, từng số phận. Điều đáng quý nhất là trong cuộc sống đơn điệu buồn vầy ấy, tác giả lắng nghe được mong ước thâm kín của những người dân nghèo. Đó là niềm tin, là hy vọng dẫu mong manh, là cứu cánh tinh thần để giúp người dân nơi đây vượt lên khỏi tăm tối, tù đọng.



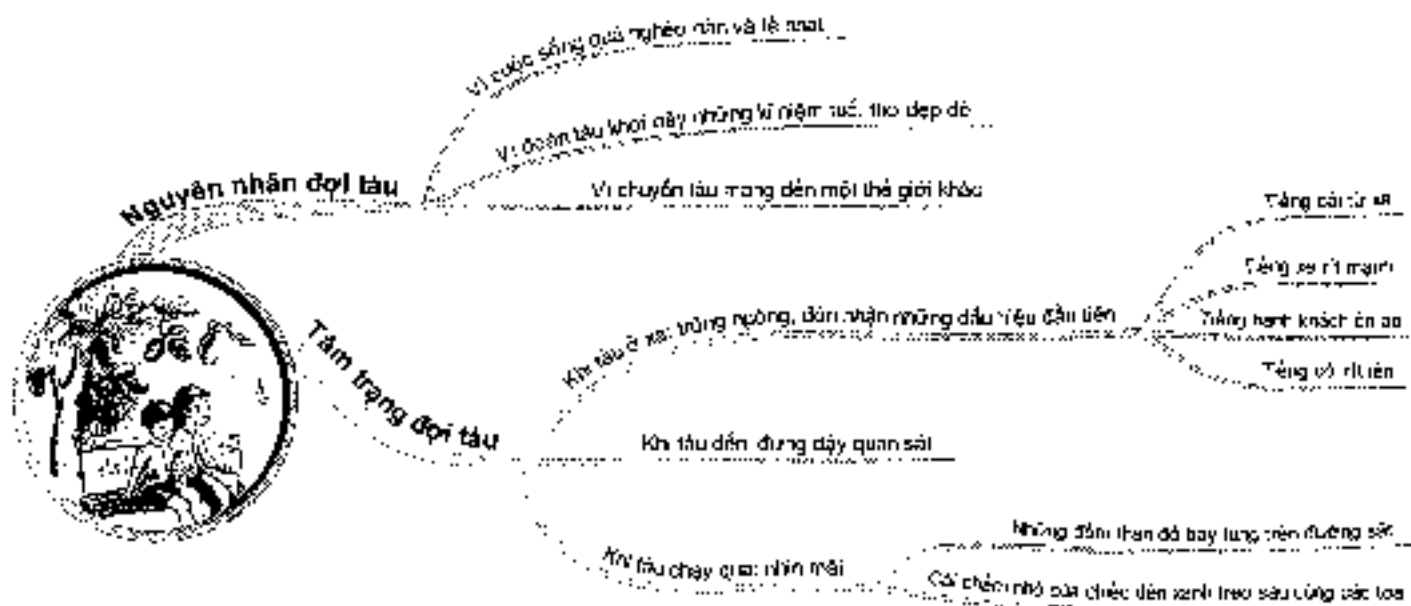
- Bà cụ Thị điên: say rượu, mang đến và mang đi tiếng cười khanh khách trong đêm tối.

- Chị em Liên: trông cửa hàng tạp hóa nhỏ xiu nơi con phố huyện. Ngày xưa, gia đình Liên khá giả, thầy Liên chưa mất việc, hai chị em còn biết đến hương vị và ý nghĩa cuộc đời qua những chuyến đi chơi Bờ hồ, được uống nước xanh đỏ. Còn bây giờ, gia đình Liên sống ở một vùng quê nghèo khó.

\* **Cái nhìn cảm thương của tác giả**

- Xót xa cho từng kiếp người, từng số phận.
- Lặng nghe được mong ước thầm kín và khao khát đổi đời của người dân nghèo.

## 2. Tâm trạng chờ đợi chuyến tàu đêm của chị em Liên



### \* Nguyên nhân dẫn đến cảnh đợi tàu

- Vì cuộc sống của người dân phố huyện và chị em Liên quá nghèo nàn, đơn điệu, buồn tẻ.
- Vì đoàn tàu khơi dậy những kỉ niệm tuổi thơ đẹp đẽ, trong sáng của chị em Liên. Đoàn tàu đem đến kỉ ức về một Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực, vui vẻ và huyên náo.
- Vì hai chị em muốn được nhìn chuyến tàu. Đó là hoạt động cuối cùng của đêm khuya. Trong con mắt trẻ thơ, đoàn tàu không chỉ là hoạt động chạy đến, chạy đi mà là một thế giới khác, thế giới của ước mơ, khát vọng về một tương lai tươi sáng, ý nghĩa hơn.

### \* Tâm trạng đợi tàu

- Liên và An đón nhận đoàn tàu từ những dấu hiệu đầu tiên. Tuy còn ở trong màn đêm sâu thẳm nhưng đoàn tàu đã báo trước bằng tiếng còi từ xa vọng lại kéo theo ngọn gió xa xôi. Rồi sau đó là người gác ghi với chiếc đèn có ngọn lửa xanh biếc sát mặt đất như ma chơi. Và rồi, hai chị em nghe thấy tiếng dồn dập, tiếng xe rít mạnh, tiếng hành khách ồn ào khe khẽ và tiếng còi rít lên, đoàn tàu rầm rộ đi tới.
- Đoàn tàu đến, hai chị em đứng dậy để quan sát thấy các toa đèn sáng chum, chiếu ánh sáng cả xuống đường. Những toa hạng trên sang trọng lấp lánh đồng và kền và các cửa kính sáng.
- Dù đoàn tàu đã vụt đi để lại những đốm than đỏ bay tung trên đường sắt nhưng hai chị em vẫn cứ nhìn mãi, nhìn mãi, đắm đuối trông theo cái chấm nhỏ của cái đèn xanh treo trên toa sau cùng, xa xa mãi rồi khuất sau rặng tre.

**Nỗi chờ đợi của Liên và An bắt đầu khắc khoải từ khi bóng chiều xuống, đêm về và phố huyện vào khuya. Hai đứa trẻ chờ đợi từng bước đi của thời gian, từng bước xích lại gần của chuyến tàu: tàu sắp đến, tàu vượt qua, tàu đi rồi chỉ còn lại ánh đèn ghi đỏ xa mãi rồi khuất sau rặng tre. Đêm tối lại bao bọc phố huyện. Tâm trạng đợi tàu của hai chị em Liên vừa kiên trì, khắc khoải, vừa mong đợi, hào hứng, thiết tha.**

Lưu ý

Ý  
NGHĨA  
CỦA  
CHI  
TIẾT  
ĐOÀN  
TÀU  
ĐÊM  
QUA  
PHỐ  
HUYỆN

SỰ ĐỐI LẬP  
GIỮA  
ÁNH SÁNG  
VÀ BÓNG TỐI  
TRONG  
BỨC TRANH  
PHỐ HUYỆN

- Đoàn tàu tới làm xáo trộn cả màn đêm yên tĩnh của phố huyện, làm sống dậy trong kí ức Liên về một vùng ánh sáng êm đềm tuổi thơ.

- Vì sống trong không gian tù đọng, yên tĩnh và khao khát sự hoạt động nên Liên đã nhận ra con tàu mang một chút thế giới khác đi qua. Thế giới ấy khác hẳn với vầng sáng leo lét nơi ngọn đèn chị Ti, ánh lửa của bác phó Siêu... Đó là thế giới nhộn nhịp, đông vui, giàu sang và đầy ánh sáng. Đoàn tàu tới đã đưa cô bé Liên vào cõi mơ tưởng, hoài niệm rồi sau đó vụt đi để trả lại cho con phố huyện đêm tối bao bọc xung quanh, "đêm của đất quê" và ngoài kia đồng ruộng mênh mang, yên lặng. Tuy nhiên, bằng cái nhìn thấu hiểu, yêu thương, Thạch Lam đã nhận ra dư âm mà đoàn tàu để lại trong tâm hồn Liên. Cô bé "thấy mình sống giữa bao sự xa xôi không biết, như chiếc đèn con của chị Ti chỉ chiếu sáng một vùng đất nhỏ".

- Có thể thấy, Liên và An như hai cây chồi non còn tươi nguyên nhựa sống yêu đời, nhưng các em phải tồn tại trên mảnh đất cằn cỗi, trên miền đời bị quên lãng. Nhà văn đã tưới mát cho hai chồi cây ấy bằng việc sáng tạo ra chi tiết đợi tàu để các em biết nuôi tiếc và khát khao, hướng về phía ánh sáng và âm thanh của cuộc sống. Thạch Lam đã trao tặng cho hai chị em chiếc phao tinh thần để họ không bị chìm ngập trong cái "ao đời bằng phẳng".

- Qua chi tiết đợi tàu của chị em Liên, nhà văn gửi gắm thông điệp về tình người và tình đời: Hãy biết nâng niu, trân trọng những ước mơ nhỏ bé của tuổi thơ, hãy hướng về cuộc sống có ý nghĩa hơn, hãy đốt mình lên như Xuân Diệu từng viết:

*"Thả một phút huy hoàng rồi chợt tối  
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm"*

Cả vũ trụ thăm thẳm, bao la, mịt mù. Chống lại với màn đêm là ánh sáng từng hột, từng khe. Đó là "một chấm lửa nhỏ và vàng" của gánh phở bác Siêu, là ngọn đèn leo lét của hàng nước chị Ti, là từng hột sáng, khe sáng yếu ớt lọt qua phen nứa... Những ánh sáng ấy không làm cho con phố huyện sáng hơn mà ngược lại, càng nhấn chìm không gian làng quê vào bóng tối. Không phải ngẫu nhiên, ngọn đèn dầu nơi hàng nước chị Ti được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Bởi nó là biểu tượng cho những kiếp người vô danh, nhỏ bé, sống lay lắt trong đêm trường của xã hội cũ.

**Văn bản**

# CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

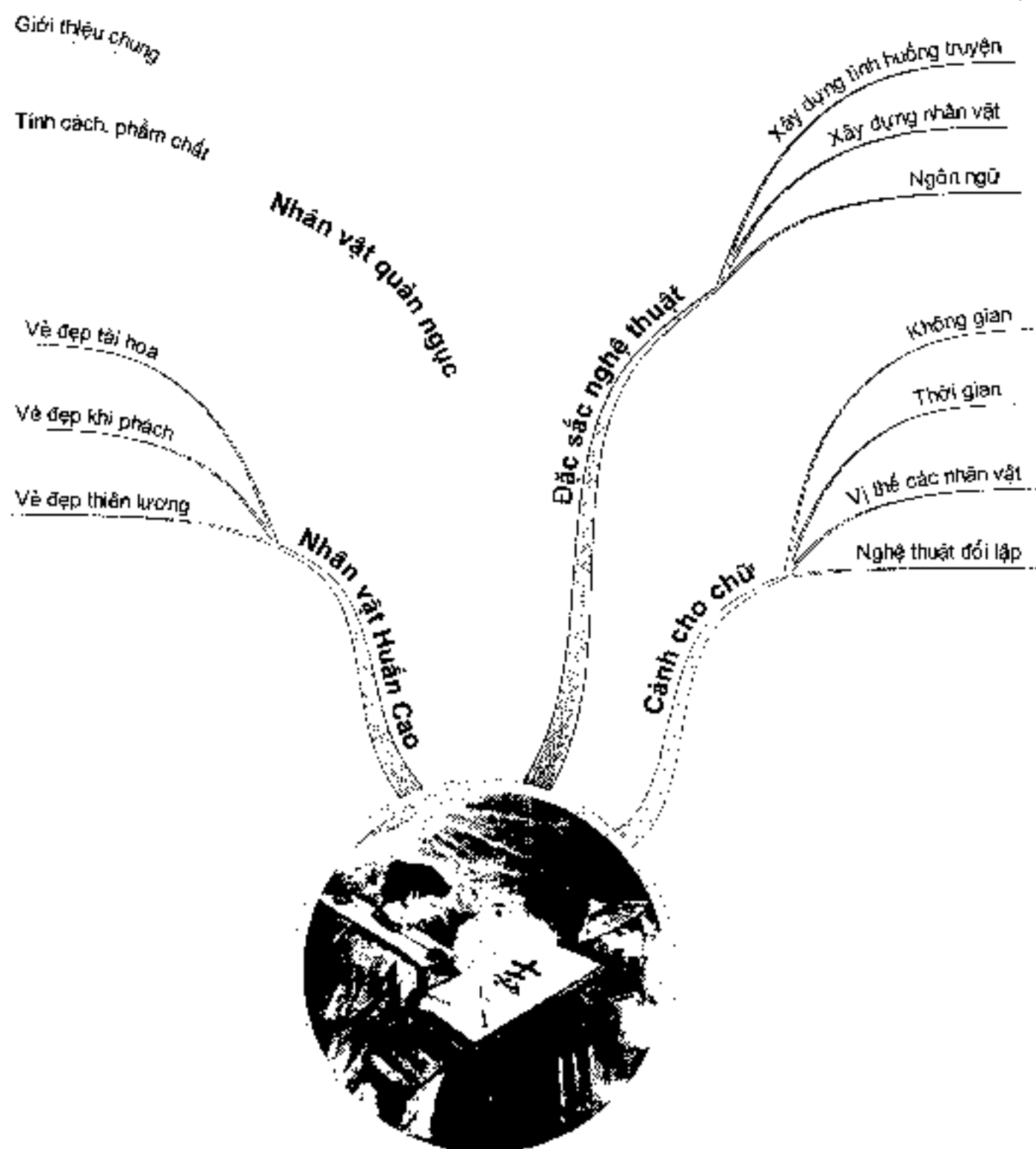
**Nguyễn Tuân**

## I. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý VỀ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

- Nguyễn Tuân (1910 - 1987) là một nhà văn lớn trong nền văn học hiện đại Việt Nam.
- Ông là một người nghệ sĩ có cá tính độc đáo và giàu ý thức về bản ngã.
- Là nhà văn rất mực tài hoa, uyên bác.
- Nguyễn Tuân là người có trách nhiệm cao với nghề văn. Các sáng tác của ông giàu lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc.
- Nhận định:
  - + "Là một cái định nghĩa về người nghệ sĩ" (Nguyễn Minh Châu).
  - + "Nguyễn Tuân là người suốt đời đi tìm cái đẹp, cái thật" (Nguyễn Đình Thi).

- Nhan đề: "Chữ người tử tù" in trong tập "Vang bóng một thời" năm 1940. Đây là tập truyện ngắn viết về một thời đã qua nay chỉ còn vang bóng. Nhân vật chính trong tác phẩm là những nho sĩ cuối mùa tài hoa bất đắc chí nhưng vẫn quyết giữ thiên lương và sự trong sạch của tâm hồn bằng cách thực hiện cái đạo sống của người tài tử. Mỗi truyện trong "Vang bóng một thời" đi vào một cái tài, một thú vui tao nhã. Với ý nghĩa này, nhan đề truyện ngắn "Chữ người tử tù" đã khái quát nên sự tài hoa trong nghệ thuật viết chữ mà người xưa gọi là thư pháp của người tử tù Huấn Cao.

- Tình huống truyện: Xoay quanh cuộc gặp gỡ éo le giữa Huấn Cao và viên quản ngục. Trên bình diện xã hội, Huấn Cao là tử tù, viên quản ngục là công cụ của nhà nước phong kiến mà Huấn Cao chống lại. Như vậy, họ là những kẻ đối nghịch với nhau. Trên bình diện nghệ thuật, Huấn Cao là người viết chữ đẹp nổi tiếng, quản ngục lại là người say mê chữ đẹp. Như vậy, họ lại là tri kỉ. Cuộc gặp gỡ này tự thân nảy sinh nhiều mâu thuẫn.



# Chữ người tử tù

## 1. Nhân vật Huấn Cao

Viễn quán ngục và thấy thơ lại nhắc đến

Lời miêu tả chữ ông Huấn

Vẻ đẹp tài hoa

Đứng cầm đứng lẫm chống lại cái ác, cái xấu

Sự nghiệp không thành, bị nhốt an tử hình

Không hề hối tiếc hay run sợ

Vẻ đẹp khí phách

Trân trọng giá trị con người

Chỉ cho chữ những người biết quý trọng cái đẹp

Khi biết sở nguyện cao quý của quán ngục, Huấn Cao

Vẻ đẹp thiên lương

cái đẹp

cái tài

Cảnh cho chữ tỏa sáng

khí phách

thiên lương

Không để tâm đến lời dục dâm của tên lính ập gái

Dỗ gông thách phục, tuyên chiến với nhà tù

Tự do nhận rượu thịt và coi đó là việc vẫn làm trong cái bình sinh

Kính trọng, coi trọng sự ăn cần của viên quản ngục

Vui vẻ cho chữ

Ăn hột chân thánh

Đan dồ, nhân như những lời lăm huyệt

### \* Về đẹp tài hoa:

- Mở đầu tác phẩm, Huân Cao chưa trực tiếp xuất hiện nhưng tài viết chữ của ông đã được viên quản ngục và thầy thơ lại nhắc đến với thái độ ngưỡng mộ và thần phục: "Huân Cao! Hay là người mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn ca tụng cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp đó không?", "Chữ ông Huân đẹp lắm, vuông lắm". "Có được chữ ông Huân mà treo là có được báu vật trên đời".

- Chữ ông Huân là chữ tượng hình, là nghệ thuật thư pháp, nghệ thuật dành cho tao nhân mặc khách có văn hóa và khiếu thẩm mỹ, biết thưởng thức cái đẹp của chữ và cái sâu của nghĩa.

### \* Về đẹp khí phách:

- Sống trong xã hội ngột ngạt, bất công, một người yêu cái đẹp như Huân Cao không thể không căm giận, bất bình. Vì thế, ông đã dũng cảm đứng dậy chống lại cái ác, cái xấu, chống lại triều đình phong kiến mục ruỗng. Sự nghiệp không thành, Huân Cao bị bắt giam và bị kết vào tội đại nghịch bất đạo, lĩnh án tử hình.

- Tuy đứng trước bản án tử hình nhưng ông không mấy may nuối tiếc về những việc mình đã làm:

+ Khi bước chân vào nhà giam, Huân Cao lạnh lùng thúc mạnh đầu thành gông xuống đất làm nên một trận mưa rệp trên nền đá xanh. Rõ ràng, uy quyền và bạo lực không thể khiến cho người tử tù bận tâm bằng mấy con rệp. Đó là biểu hiện cho khí phách của người anh hùng.

+ Trong phòng giam chờ ngày ra pháp trường, Huân Cao vẫn tự do nhận rượu thịt do quản ngục biệt đãi, coi đó là việc vẫn làm trong cái hừng bình sinh. Người tử tù đã biến nhà lao thành giang sơn của mình, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng.

- Trong con mắt của Huân Cao, những kẻ đại diện cho giai cấp thống trị chỉ là lũ "tiểu nhân thị oai" hèn kém, đáng khinh. Vì vậy, dù biết thế giới ngục tù đầy sự lừa lọc, tàn nhẫn và xấu xa, trước sự ăn cần của quản ngục, ông vẫn tỏ ra khinh miệt, đồng dặc trả lời: "Người hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều. Là người đừng bước chân vào đây". Câu nói này đã làm sáng lên dũng khí uy vũ bất năng khuất của người tử tù. Về đẹp khí phách của Huân Cao đã nâng lên thành một tầm cao mà ở dưới là cử chỉ chấp tay, bái lạy và lời nói lễ phép của quản ngục, thơ lại xin lĩnh ý.

*Nhân vật Huân Cao hiện lên như một định nghĩa hoàn chỉnh, hoàn mĩ về con người tài hoa, uy vũ, khí phách và giàu nhân cách. Ông là hiện thân của một trong những vẻ đẹp vang bóng của thế hệ nhà Nho cuối mùa tài hoa nhưng bất đắc chí. Đồng thời, qua hình tượng nhân vật Huân Cao, Nguyễn Tuân còn gửi gắm những quan niệm về cái đẹp, về người nghệ sĩ: Cái đẹp không thể chung sống với cái xấu xa, tội lỗi; cái thiêng liêng, thánh thiện không thể tồn tại trong một môi trường dung tục, tầm thường.*



**\* Về đẹp thiên lương:**

- Bên cạnh một con người ngạo nghễ, hiên ngang còn có một tấm lòng biết trân trọng giá trị con người.

- Tài viết chữ của Huân Cao rất nổi tiếng nhưng ông không lấy tài năng làm thứ để mưu sinh, kiếm tiền. Ngược lại, tính ông vốn khoáng đạt, trù chủ tri kỉ, ông không ép mình cho chữ bao giờ. Huân Cao chỉ thực sự động lòng trước những ai biết quý và trân trọng cái đẹp.

- Tường quán ngục là kẻ tâm thường, làm nghề thất đức, Huân Cao không hề giấu diếm sự khinh miệt, thái độ coi thường của mình. Nhưng khi biết được sở nguyện cao quý của ông, Huân Cao không những vui vẻ cho chữ mà còn thốt lên những lời hối hận chân thành: "Nào ta có biết đâu một người như thầy quán đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa ta phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ". Câu nói này cho thấy quan niệm nhân sinh và phẩm chất, tâm hồn cao đẹp của Huân Cao, sống là phải xứng đáng với những tấm lòng. Vì vậy, hành động cho chữ của ông là sự đền đáp của một tấm lòng với một tấm lòng. Huân Cao đã dạn dỏ, nhả nhủ những lời tâm huyết tới viên quán ngục. Ông khuyên thầy quán ngục nên rời khỏi chốn dơ bẩn, về quê để sống một cuộc đời thanh sạch, có vậy thú chơi chữ mới có thể ngời sáng vẹn toàn giá trị. Lời khuyên cho thấy một quan niệm sâu sắc của nhà văn: cái đẹp không thể chung sống với cái xấu xa, tội lỗi; cái thiêng liêng, thánh thiện không thể tồn tại trong một môi trường dung tục, tầm thường.

- Về đẹp thiên lương của Huân Cao được thể hiện tập trung nhất ở cảnh cho chữ bởi ở đó, cái đẹp, cái tài, thiên lương và khí phách đã lên ngôi và tỏa sáng.

## 2. Nhân vật quán ngục

Làm nghề coi ngục, công cụ chân áp của xã hội

Có sở thích độc đáo, thanh cao là chơi chữ

Giới thiệu chung



Tính cách, phẩm chất

Biết nhẩm tiền tài

Thiên lương trong sáng

Biết đãi từ từ

Tha thiết hướng về cái đẹp truyền thống

Nâng niu, trân trọng văn hóa ở đời

Cúi đầu rơi lệ

Bái lịnh

- **Giới thiệu chung:** Quán ngục là người làm nghề coi ngục, là công cụ chân áp của xã hội đương thời nhưng ông lại có một sở thích độc đáo, thanh cao là chơi chữ.

- **Quán ngục là một người có tấm lòng biết nhẩm tiền tài:**

+ Ông có thái độ biết đãi từ từ vì biết tài viết chữ của Huân Cao là một hiện thân đỉnh cao về cái đẹp.

+ Ông tha thiết hướng về cái đẹp, hướng về văn hóa truyền thống mà cụ thể ở đây là nghệ thuật thư pháp.

+ Ông luôn nâng niu, trân trọng cái văn minh, văn hóa ở đời.

- **Quán ngục là một người có thiên lương trong sáng:**

+ Trước lời khuyên của Huân Cao, quán ngục rơi lệ và xin bái lịnh.

+ Đây là chi tiết nhỏ nhưng làm nên một nhân cách lớn: cúi đầu trước thiên lương, trước cái tài, cái đẹp.

**"Quán ngục là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn, xô bồ"; "cái thuần khiết xem vào giữa một đồng cặn bã"**

### 3. Cảnh cho chữ



- **Không gian:** thông thường, người ta cho chữ ở những nơi sang trọng, sạch sẽ như thư phòng nhưng ở đây lại là chốn lao tù chật hẹp, ẩm ướt, bẩn thỉu...

- **Thời gian:** cho chữ trong đêm khuya, khi người viết chữ chuẩn bị linh án từ hình (tình huống đầy nghiệt ngã).

- **Vị thế các nhân vật:** Có một sự đổi ngôi kì lạ diễn ra:

+ Kê tù tù chân vương xiềng nhưng lại lự dọ về tinh thần còn quản ngục có quyền hành tự do về thân thể nhưng bị gông về tinh thần.

+ Từ tù ung dung, đỉnh đạc cho chữ và giáo huấn: Quản ngục khúm núm, run run nhận lời giáo huấn.

⇒ Tường như ở chốn ngục tù chỉ có cái xấu, cái ác ngự trị nhưng ở đoạn cho chữ, cái đẹp đã được khai sinh và cứu vớt con người.

- **Nghệ thuật đối lập:** Nguyễn Tuân đã sử dụng rất hiệu quả nghệ thuật đối lập giữa ánh sáng và bóng tối, giữa cái hỗn loạn, xô bồ, dơ bẩn của nhà lao với cái thanh khiết, cao cả của nền lụa trắng và nét chữ đẹp đẽ; giữa người tù tù đang ban phát cái đẹp với viên quản ngục đang khúm núm linh hội và vái lạy

⇒ Thủ pháp nghệ thuật đặc sắc này đã tô đậm sự vươn lên thẳng thắn của ánh sáng với bóng tối, cái đẹp với cái xấu xa, cái thiện với cái tàn ác

*Cảnh cho chữ bắt đầu được đặc tả bởi bóng tối lao tù rồi dần nhen lên và tỏa sáng rực rỡ. Dù thời gian sống của Huân Cao không còn nhưng cái đẹp ông sáng tạo nên đang đi vào cõi bất tử. Cái đẹp trở nên vĩnh hằng, cảnh cho chữ được coi là một cảnh tượng "xưa nay chưa từng có".*

**Văn bản**

# HẠNH PHÚC CỦA MỘT TANG GIA

(Trích "Số đỏ")

**Vũ Trọng Phụng**

## I. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý VỀ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

- Vũ Trọng Phụng (1912 - 1939), "sinh ra trong một gia đình nghèo gia truyền", sống chật vật, bấp bênh bằng nghề viết văn, làm báo.
- Khác với những nhân vật trong các sáng tác, Vũ Trọng Phụng "là một con người bình dị, khuôn phép, nề nếp".
- Sống giữa đất Hà Thành, hàng ngày ông được chứng kiến xã hội thành thị trụy lạc, nhờ nhặng nên ông căm ghét xã hội tư sản thực dân thời nát, xấu xa, nhờ nhặng đương thời. Ông đã nện toàn bộ khối căm hờn vào xã hội "chó đũa" qua những trang hiện thực trào phúng xuất sắc.
- Vũ Trọng Phụng là nhà văn có sức sáng tạo dồi dào, là "Ông Vua phóng sự đất Bắc". Có nhiều đóng góp vào sự phát triển văn xuôi hiện đại Việt Nam.

## TÓM TẮT TIỂU THUYẾT "SỐ ĐỎ"

Xuân Tóc Đỏ	Tên biên thái	Nhà cải cách xã hội	Độc tò Xuân, sinh viên trường thuốc	Anh hùng cứu quốc		
Xuân Tóc Đỏ là một đứa trẻ mồ côi, lang thang đầu đường xó chợ, sống bằng nghề trèo me, trèo sấu, kiếm ăn qua ngày	Vì có hành động vô giáo dục nên Xuân bị cấm bắt giam	Xuân được bà Phó Đoan (một cụ bà Tây dâm đẳng) bảo lãnh và gởi thiệu làm ở nhà may Âu Hóa	Xuân Tóc Đỏ vô tình chữa khỏi bệnh cho cụ cố tử, hân học thuốc bài, rao thuốc lậu và bước vào giới thượng lưu	Xuân Tóc Đỏ vô tình gây ra cái chết của cụ cố tử	Xuân Tóc Đỏ hãm hại quân quân vọt để là người tham gia trận đấu giao lưu với quân quân Xiêm nhưng được lệnh phải thua	Xuân Tóc Đỏ được tung hô, được thưởng, được tham gia nhiều hội và trở thành con rể của cụ cố Hồng

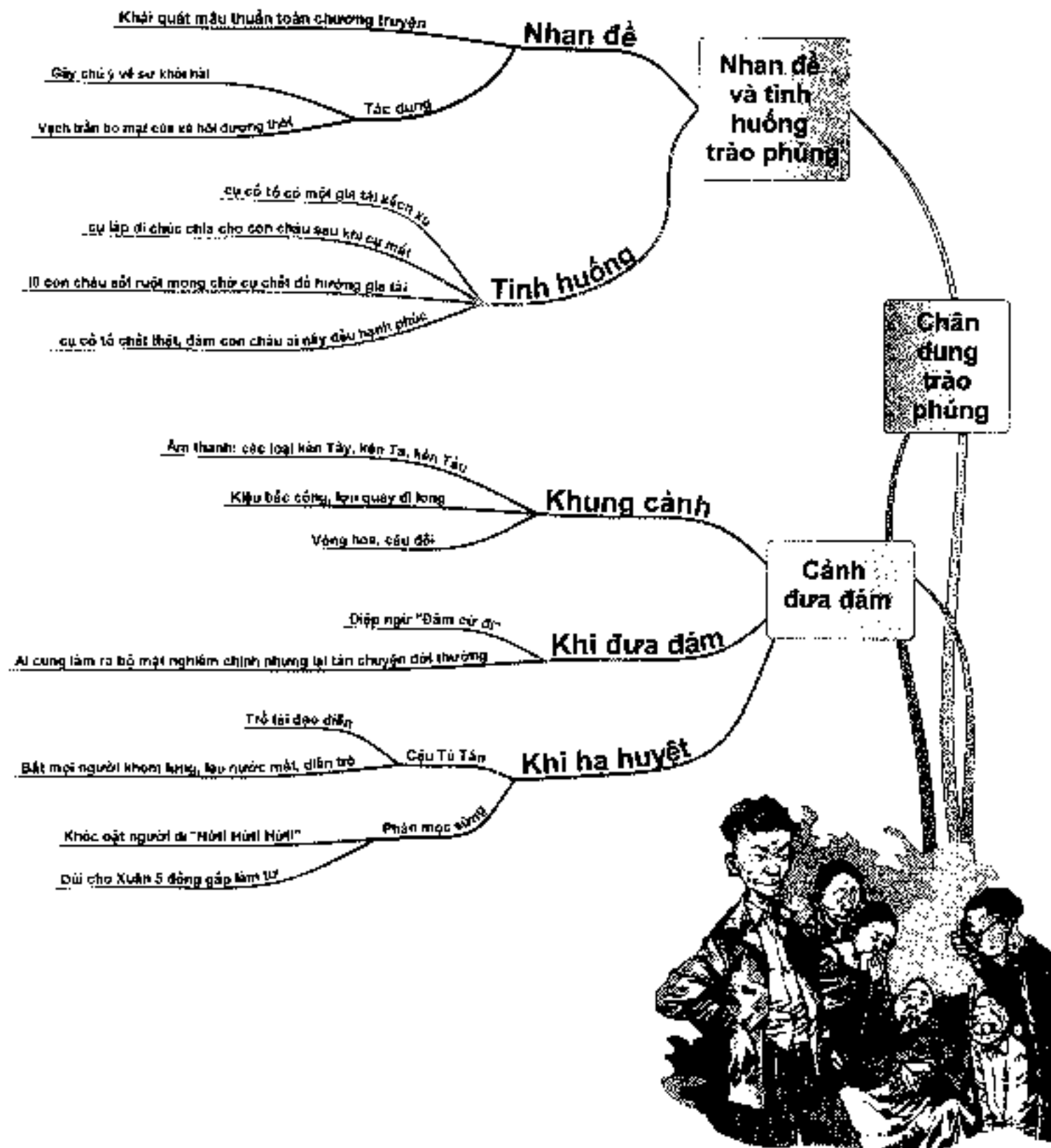
- "**Số đỏ**" thể hiện tiếng nói lên án, đả kích sâu cay xã hội tư sản Việt Nam nhỏ nhãng, đồi bại, thối nát mà tác giả gọi là xã hội "**chó đốm**".

- "**Số đỏ**" là tiểu thuyết kết tinh nhiều giá trị nghệ thuật, nổi bật nhất là nghệ thuật trào phúng đặc sắc. Mỗi chương truyện là một màn hài kịch, mỗi nhân vật là một chân dung biếm họa.

- Đoạn trích thuộc chương 15 của tiểu thuyết "**Số đỏ**".

- Nhan đề "**Hạnh phúc của một tang gia**" do chính tác giả đặt. Nhan đề vừa hé mở nội dung cốt lõi của đoạn trích, vừa thể hiện giá trị trào phúng đặc sắc.

# Phân tích truyện ngắn "Đám cưới chuột"



## Cụ cố Hồng

Con trai cụ cố Tô, một người đồ tể nhưng thích được khen gái cả

Trong lúc chờ chửi chửi, ông dùng hòm thuốc phien và làm nhảm một câu vô nghĩa

Nhờ có cái chết của cha mà được phổ biến sự già nua, ốm yếu

## Cô Tuyết

cháu gái của cụ cố Tô

Nhân dịp đám tang ông nội để được diện bộ y phục "ngây thơ"

Đuối lòng mặt vì nhớ nhân tình

## Văn Minh

cháu đích tôn của cụ cố Tô, nhà có cách xã hội danh giá

Về mặt đám đám chiêu chiêu

Hạnh phúc tột đỉnh khi được lượng gia tài

## Cậu Tú Tân

Cháu của cụ cố Tô

Sương diện lên vì đồ sẵn sàng mấy cái máy ảnh lâu nay đã không

Nhân dịp ông nội qua đời, biến đám tang thành triển lãm ảnh

## Phán mọc sùng

Con rể của cụ cố Hồng

Thuở Xuân Tóc Đỏ là cao tự hư hỏng của vợ khiến cụ cố Tô ghét

Hạnh diện vì dơ sùng và hình lại đem đến cho hắn vài ngàn đồng

## Một số chân dung khác

gắng thật nghề, buồn rầu

tên dơ, Mìn toa

sung sướng vì được thuê gác trật tự

Xuân Tóc Đỏ

Hạnh phúc vì được tặng thêm danh giá và thanh thế

Bạn bè cụ cố Hồng

được khoe các loại huân huy chương

được khoe các loại râu ria

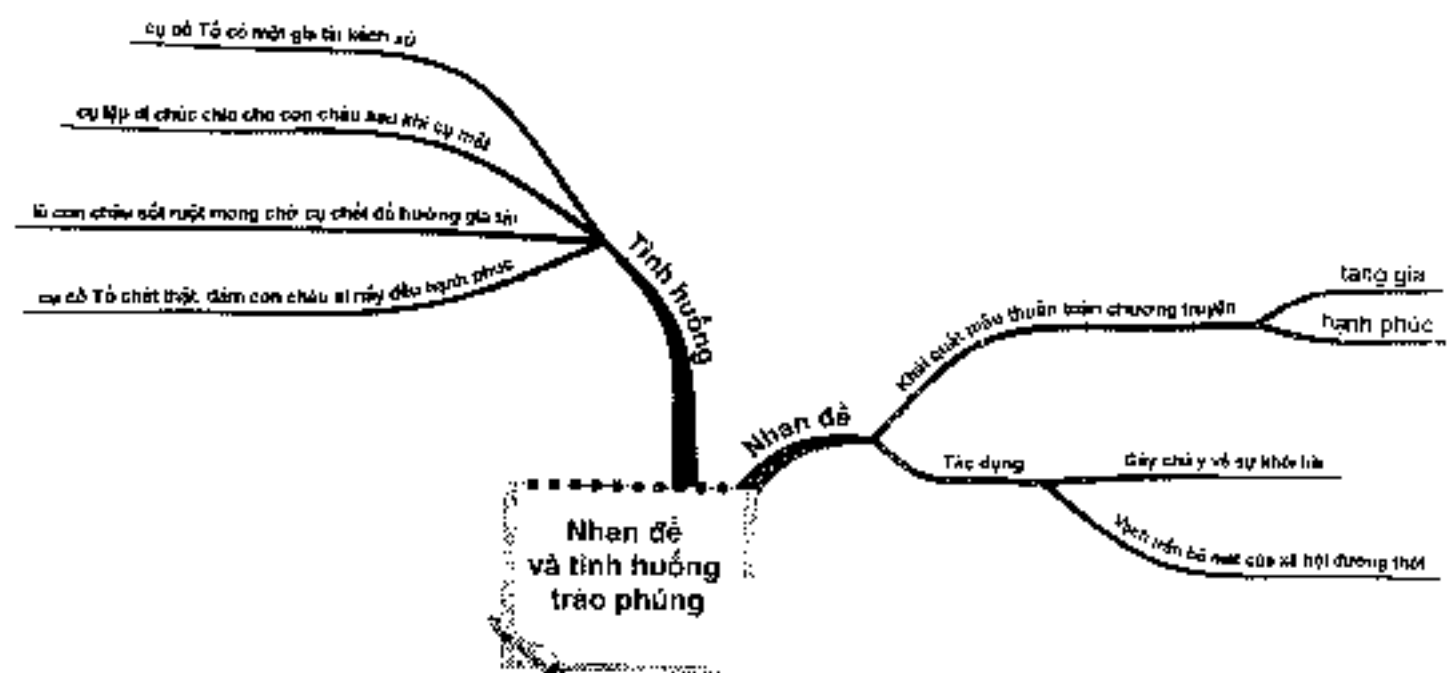
Trai thanh gái lịch

được nhìn thấu lên da trắng thấp thỏ của cô Tuyết

được tụ họp để tấn công, chửi bới, bình phẩm, ghen tuông nhau

## TÌM HIỂU MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA VĂN BẢN

### 1. Tình huống trào phúng và nhan đề của chương truyện



#### \* **Tình huống trào phúng:**

- Cụ cố tổ có một gia sản kỉnh xù nhưng lại ghi vào di chúc, gia sản sẽ được chia sau khi cụ cố Tổ chết. Vì vậy, lũ con cháu ai nấy cũng mong chờ cái chết của cụ.

- Và rồi, cụ cố Tổ "**chết thật**", chết bình tĩnh. Cái chết ấy đã đem lại niềm hạnh phúc to lớn cho con cháu.

#### \* **Nhan đề:**

- Nhan đề đã khái quát mâu thuẫn của toàn chương truyện bởi "**hạnh phúc**" là nói tới những điều may mắn, mãn nguyện, vui sướng tràn đầy còn "**tang gia**" là nói tới đau thương, mất mát, bối rối. Nhan đề này là sự đối lập, mâu thuẫn giữa hạnh phúc và bất hạnh, trang nghiêm thánh kinh và nhỏ nhăng, một niềm vui thật với đám ma giả.

- Nhan đề vừa gây được sự chú ý khôi hài, vừa vạch ra bộ mặt thối nát, xấu xa, giả dối, nhỏ nhăng của xã hội đương thời. Đồng thời, nhan đề cũng dự báo một màn bi hài kịch diễn ra với những cảnh ngược đời cười ra nước mắt trong chương truyện.

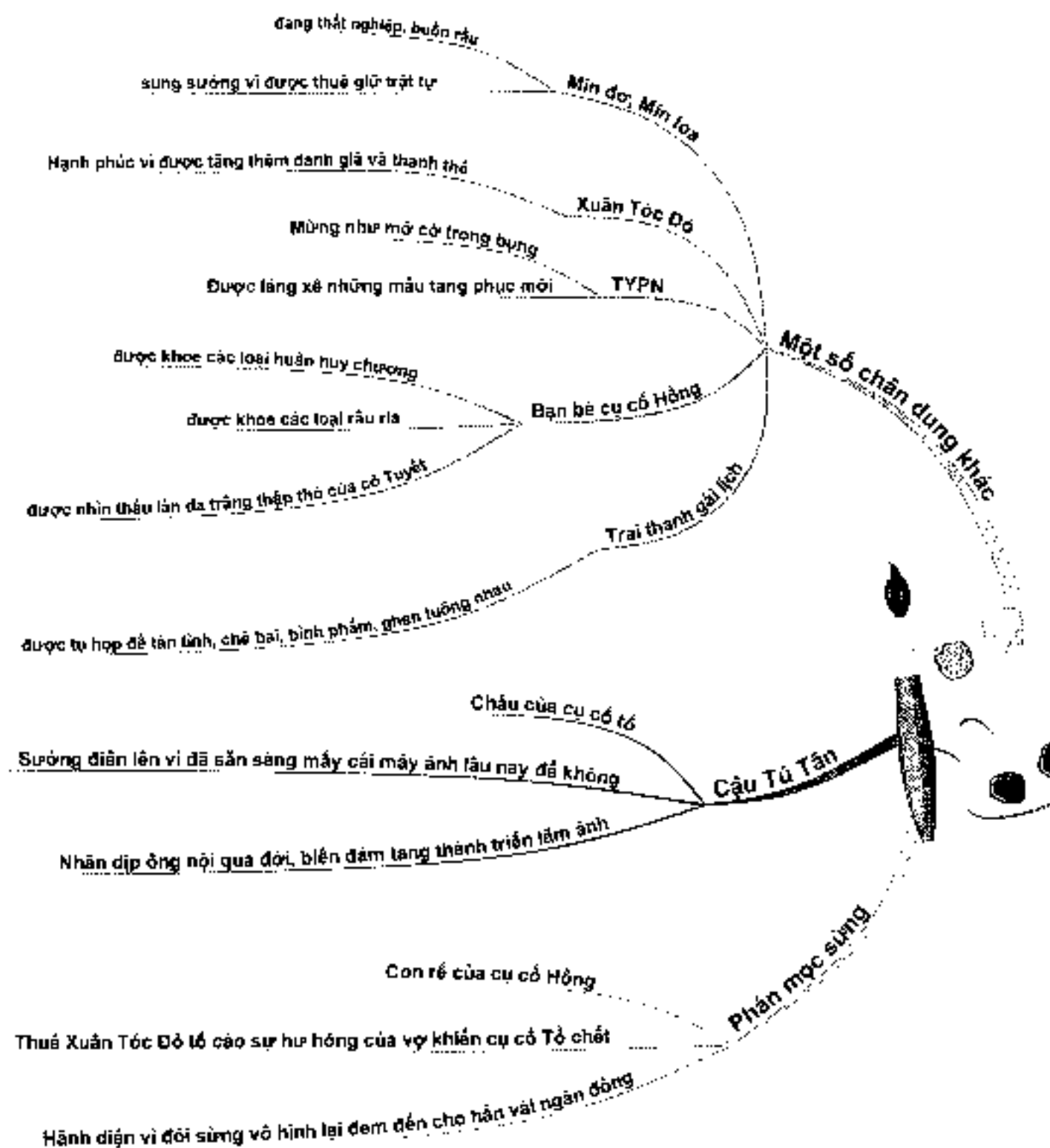
*Tình huống và nhan đề của chương truyện đã toát lên ý vị trào phúng sâu cay. Chúng đã phần nào đã lột tả được sự bằng hoại về đạo đức truyền thống của lũ con cháu đại bất hiếu, vô học cũng như đám bạn bè tự xưng là thượng lưu, trí thức, văn minh nhưng mất hết nhân tính.*

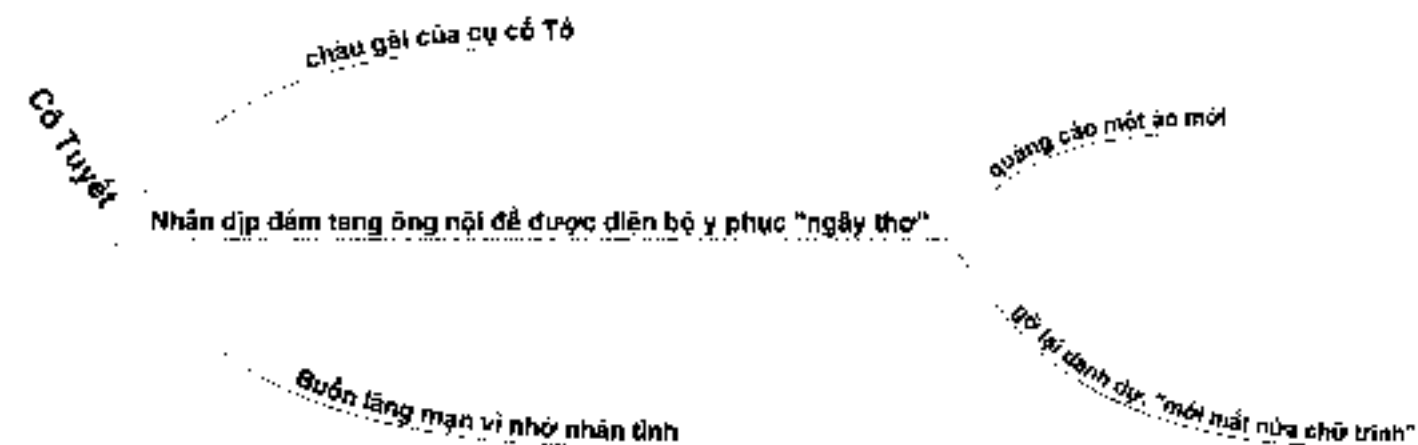
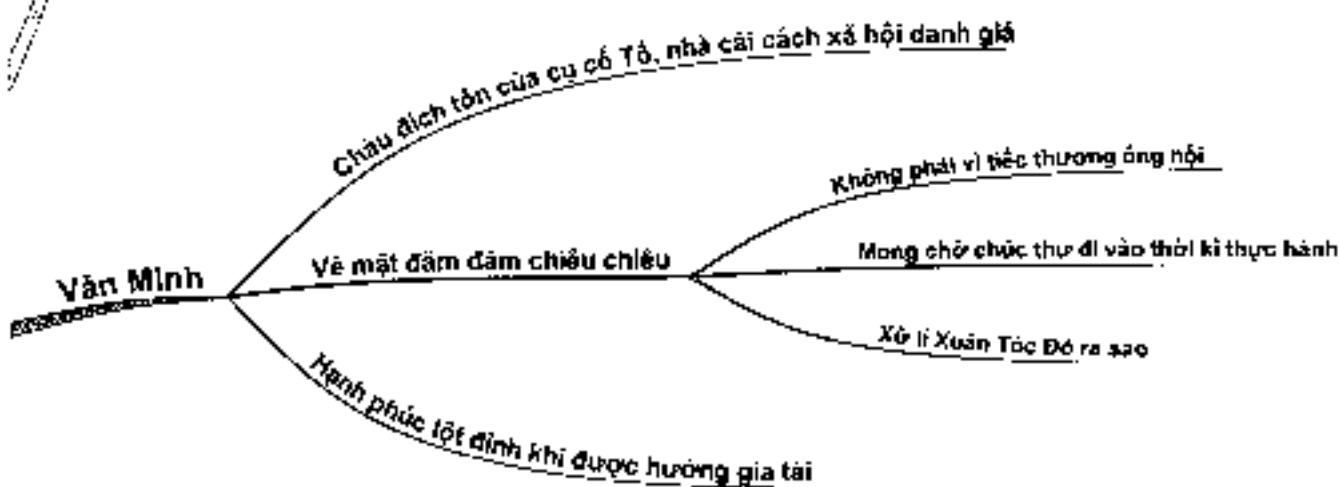
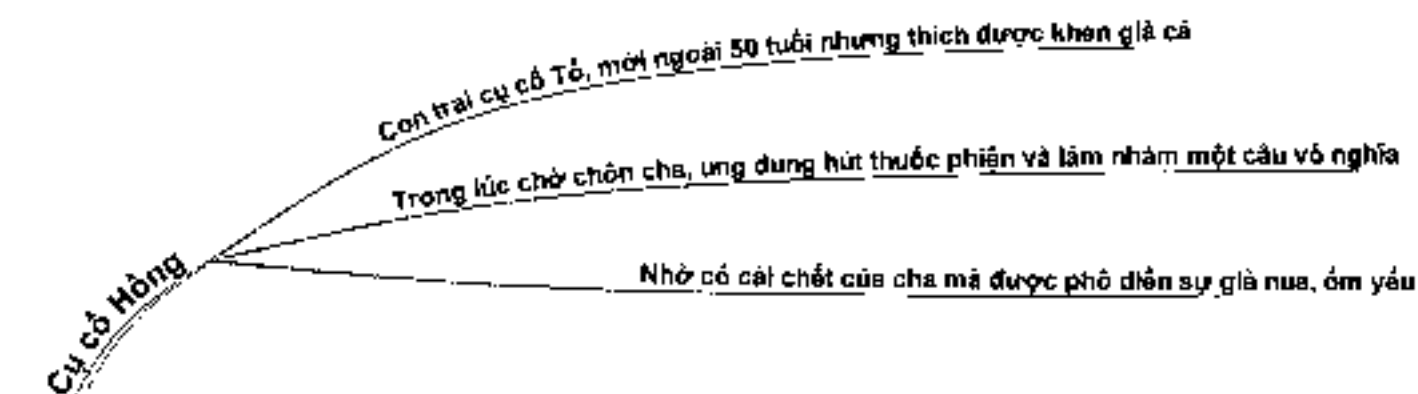


*"Số đỏ" là một tác phẩm "ghê gớm" có thể làm  
vinh dự cho mọi nền văn học*

**Nguyễn Khải**

## 2. Chân dung trào phúng





## 2.1. Cụ cố Hồng

- Cụ cố Hồng là con trai của cụ cố tổ. Mới ngoài 50 tuổi thôi nhưng rất thích thiên hạ gọi là "cụ cố", thích được khen là già cả.
- Xưa nay, cụ chỉ diễn trò già cả trong nhà, bây giờ nhờ cái chết của người cha mà cụ Hồng sung sướng nhâm nghiệm mất lại, mơ màng đến lúc được mặc áo xô gai, tụ tập chống gậy, vừa ho vừa khạc mếu mào giữa phố đông đã được thiên hạ trầm trồ khen: "Úi kìa, con giai nhớn đã già đến thế kia kìa!"
- Trong lúc người cha chưa được đem chôn, cụ Hồng ung dung nằm hút thuốc phiện, miệng lải nhải nói đi nói lại một câu: "Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!"

⇒ Trước cái chết của bậc sinh thành, nếu là người con có hiếu, có Hồng phải nức thương, lo lắng tang gia cho chu toàn nhưng trơ trêu thay, ông ta lại mong chờ cái chết của cha hơn cả bởi vì chỉ có nhờ cái chết ấy, ông ta mới có dịp phô diễn sự già nua, ốm yếu của mình trước thiên hạ. Cụ Hồng chẳng khác nào một diễn viên hề lên sân khấu để chờ đợi những lời khen.

## 2.2. Văn Minh

- Văn Minh là cháu đích tôn của cụ cố tổ, là "nhà cải cách xã hội" danh giá.
- Văn Minh xuất hiện với vẻ mặt đầm đăm chiêu chiêu, rất hợp một với một tang gia nhưng không phải ông ta xót thương, bởi rồi vì ông nội qua đời mà đang phẫn vãn, suy nghĩ làm thế nào để cái chúc thư đã vào thời kì thực hành và phải xử lí Xuân Tóc Đỏ ra sao khi hắn có hai cái tội nhỏ và một cái ơn to

⇒ Văn Minh là một kẻ dơ liện, bất lương, tàn nhẫn khi coi cái chết của ông nội đã mờ ra kỉ nguyên mới tươi sáng để chia chác và hưởng thụ.

## 2.3. Cô Tuyết

- Nhân dịp đám tang đông đúc của ông nội, cô được diễn bộ y phục "Ngây thơ", vừa để quảng cáo một quần áo mới, vừa để gỡ lại danh dự đang bị thiên hạ hiểu lầm là hư hỏng. Cô muốn thông qua đám tang thanh minh rằng mình "chưa mất cả chữ trinh"
- Trong tang gia, cô Tuyết phảng phất một nỗi buồn lãng mạn. Nhưng đó không phải là nỗi buồn thương tiếc người ông quá cố mà là cô đang mong nhớ nhân tình Xuân Tóc Đỏ.

⇒ Cô Tuyết hiện lên là một đứa cháu gái vô cảm, bất hiếu, hư hỏng, suy đồi đạo đức.

Tất cả mọi người, từ đám con cháu trong gia đình đến những người ngoài xã hội đều tìm kiếm được niềm "hạnh phúc" riêng ở đám ma cụ cố tổ. Niềm "hạnh phúc" kì dị này qua ngòi bút của Vũ Trọng Phụng như có sức lây lan rất rộng, rất sâu: từ người bẻ trên đến người bẻ dưới, từ người trong tang gia đến người ngoài tang gia, từ khó chủ đến khách đi đưa đám. Kẻ mừng vui vì được chia gia sản, kẻ sung sướng vì được diễn trò hề cho thiên hạ xem, kẻ thì sướng điên lên khi được chạy theo thú vui, mục đích, nhu cầu cá nhân... Tất cả tạo nên những bức chân dung biếm họa mà tâm điểm là sự lố lăng, kệch cỡm, bất đạo, vô sỉ của một xã hội "chó đẻ", nửa mùa. Ngòi bút trào phúng sâu sắc của Vũ Trọng Phụng cũng là tiếng nói thể hiện thái độ căm phẫn của ông đối với xã hội đầy rẫy những vô cảm, xấu xa và dơ liện.

## 2.4. Cậu Tú Tân

- Tú Tân sướng điên lên vì đã sẵn sàng mấy cái máy ảnh lâu nay để không.
- Nhân dịp may là ông nội qua đời, cậu đã toại nguyện ước mơ, chỉ huy các nhà tài tử thi nhau bấm máy ảnh như dự hội chợ triển lãm.

⇒ **Tú Tân là một người cháu đại bất hiếu. Trước cái chết của ông nội, Tú Tân không những không tiếc thương, xót xa mà ngược lại, còn coi đó là một dịp may "sướng điên lên". Anh ta chạy theo thú vui cá nhân mà quên đi đạo lý làm người.**

## 2.5. Phán mọc sừng

- Phán thuê Xuân Tóc Đỏ tố cáo sự hư hỏng của vợ mình trước đám đông dẫn tới cái chết của cụ tổ.
- Có vợ ngoại tình nhưng ông Phán không biết nhục mà còn hãnh diện vì không ngờ rằng đôi sừng vô hình trên đầu mình lại đem đến cho hắn vài ngàn đồng.

⇒ **Vì lợi lộc, Phán mọc sừng đánh đổi nhân phẩm để trở thành kẻ tàn nhẫn, vô liêm sỉ, đáng khinh.**

## 2.6. Một số chân dung khác

### a. Hai cảnh sát Mìn đơ, Mìn toa

Hai cảnh sát Mìn đơ, Mìn toa đang thất nghiệp và buồn rầu như nhà buồn sắp vỡ nợ bỗng được thuê đến giữ trật tự cho đám tang thì vui sướng tột cùng. Có lẽ thấy, đám tang ấy hỗn loạn đến mức nào mà cần phải mượn đến bàn tay của người thực thi luật pháp để giữ gìn sự an toàn.

### b. TYPN

Ông TYPN mừng như mở cờ trong bụng vì nhân có tang gia mà được lăng xê những một tang phục đặc sắc nhất của tiệm may Âu Hóa.

### c. Xuân Tóc Đỏ

Xuân hạnh phúc vì nhờ có cái chết của cụ tổ mà hắn được gia tăng danh giá và thanh thế.

### d. Bạn bè cụ cố Hồng

Bạn bè cụ cố Hồng là đại diện cho tầng lớp thượng lưu trong xã hội. Nhân có đám tang đông vui, tấp nập, họ được đeo lên người đủ các loại huân huy chương và khoa thêm kiểu dáng, màu sắc của những bộ râu ria "lún phún". Điều mỉa mai nhất của các ông tài to mặt lớn là cử đi sát lĩnh cứu để có cơ hội xúc động khi nhìn thấu làn da trắng thập thò sau bộ áo "Ngầy thơ" của cô Tuyết

### e. Giai thanh gái lịch đưa đám

Chúng tụ họp lại để tán tỉnh nhau, bình phẩm nhau, chê bai nhau, ghen tuông, hện hờ nhau... với vẻ mặt buồn rầu giả tạo của những người đi đưa ma.

⇒ **Đám ma cụ cố tổ không chỉ đem đến "hạnh phúc" cho đám con cháu trong gia đình mà còn khiến cho những người ngoài gia đình "vụ lợi" nhiều niềm vui khôn xiết. Đường như cái chết của cụ là một cuộc chia chác niềm hạnh phúc ở đời cho những con người lố lằng, dễ tiện, vô cảm của một xã hội thu nhỏ.**

### 3. Cảnh đưa đám

Âm thanh: các loại kèn Tây, kèn Ta, kèn Tàu

Kiệu bát cồng, lợn quay di lọng

Vòng hoa, câu đối

Khung cảnh

Điệp ngữ "Đám cứ đi"

Khi đưa đám

Âi cũng làm ra bộ mặt nghiêm chỉnh nhưng lại tàn chuyện đời thường

Cảnh  
đưa đám

Trở lại đạo diễn

Cậu Tú Tân

Bắt mọi người khom lưng, lau nước mắt, diễn trò

Khi hạ huyệt

Khóc oặt người già "Hút! Hút! Hút!"

Phân mọc sùng

Dù cho Xuân 5 đồng gấp làm tư

**- Khung cảnh, âm thanh của đám tang:**

- + Các loại kèn Tây, kèn Ta, kèn Tàu thì nhau rộn lên.
- + Có kiệu bát cống, lợn quay đi lọng.
- + Có vòng hoa, câu đối...

⇒ Một đám ma khoe sang, khoe giàu nhưng bát nháo, hủ lậu, nhố nhăng như một đám rước, một đám hội.

**- Khi đưa đám:**

+ Điệp ngữ "Đám cứ đi" lặp lại hai lần nhấn mạnh sự tương phản giữa bề ngoài hào nhoáng và thực chất trống rỗng bên trong. "Đám cứ đi" nhắc nhở người đọc, đây là một đám tang chứ không phải một đám hội, là mất mát, đau thương chứ không phải hạnh phúc, viên mãn.

+ Vây mà trò trêu thay, "Ai cũng làm ra bộ mặt nghiêm chỉnh" nhưng không một chút mây may thương tiếc. Sự giả dối, vô đạo. tàn nhẫn của mấy trăm con người đi đưa đám cứ thản nhiên hiện hữu và kéo dài đến vô tận.

**- Khi hạ huyệt:**

+ Cậu Tú Tân không những không rơi một giọt nước mắt cho ông nội mà còn chứng tỏ tài năng không đứng chỗ. Cậu bắt mọi người khom lưng, lau nước mắt để cậu chụp cho khỏi giống nhau. Thậm chí, đám bạn cậu Tú Tân còn trèo lên các ngôi mộ khác để "tác nghiệp".

+ Phán mọc sùng diễn trò đại bịp với tiếng khóc "Hút! Hút! Hút!". Tiếng khóc lạ kì, trơ trẽn ấy vang lên cùng với hành động hấn dúi cho Xuân tờ giấy bạc 5 đồng gấp làm tư để trả ơn vì Xuân đã góp công giết chết người đang nằm trong quan tài để nặng thêm hàu bao.

*"Thật là một đám ma to tát có thể làm cho người chết nằm trong quan tài cũng phải mỉm cười sung sướng, nếu không gật gù cái đầu". Chi tiết cảnh đưa đám đã đẩy bi hài kịch của tang gia lên đỉnh điểm. "Đây là cái bi của người chết, cái hài của xã hội, cái vô phúc của gia đình giàu sang lắm tiền nhiều của nhưng thiếu tình người".*

## I. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý VỀ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

### 1. Tác giả (1915 - 1951)

#### a. Cuộc đời

- Nam Cao tên thật là Trần Hữu Tri. Ông sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo ở Hà Nam.

- Ông sớm tham gia Cách mạng và bị giặc Pháp giết hại năm 1951.

- Nam Cao sáng tác văn học từ năm 1936, ban đầu theo chủ nghĩa lãng mạn thoát li với những bần truồng tình dễ dãi. Nhưng từ năm 1941, ông mới chứng tỏ được tài năng độc đáo và khẳng định con đường nghệ thuật đúng đắn: vi hiện thực cuộc sống, vi con người.

- Con người Nam Cao có ba đặc điểm cơ bản:

+ Là người thẳng thắn, trung thực, luôn tự đấu tranh với bản thân để vượt khỏi lối sống nhỏ nhen, tầm thường và vươn tới những ước mơ.

+ Ông luôn day dứt, ăn năn, sám hối về những gì chưa hoàn thiện để từ đó nêu lên những triết lí sâu sắc.

+ Có sự gần gũi sâu nặng và đầy ắp ân tình với những người nông dân nghèo bị lãng nhục.

⇒ Nam Cao là một trong những nhà văn lớn và có tầm ảnh hưởng nhất trong nền văn học hiện đại Việt Nam.

#### b. Sự nghiệp

\* **Quan điểm nghệ thuật:** Nam Cao là nhà văn luôn trăn trở về hai chữ "sống" và "viết". Qua các sáng tác, ông đã thể hiện quan điểm nghệ thuật nhất quán và tiến bộ của mình.

+ **Nghệ thuật vi nhân sinh:** "Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối. Nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than".

+ **Giá trị nhân đạo:** "Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn".

+ **Đạo đức người cầm bút:** "Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có".

#### \* Đề tài sáng tác:

- Trước Cách mạng, Nam Cao tập trung vào 2 mảng đề tài chính là đề tài tri thức tiểu tư sản (Đời thừa, Sống mòn, Giăng sáng...) và đề tài người nông dân (Chí Phèo, Lão Hạc, Một bữa no...)

- Sau Cách mạng, Nam Cao ca ngợi cuộc kháng chiến chống Pháp và khẳng định lập trường đúng đắn với nhân dân, đất nước (Đôi mắt, Nhật kí ở rừng...).







(Nguồn ảnh: Internet)

### \* Phong cách nghệ thuật

- Nam Cao có biệt tài phân tích và diễn tả tâm lí nhân vật, đi sâu vào từng ngõ ngách tâm lí con người để dựng lên những nhân vật tự tưởng có tầm khái quát độc đáo
- Ông thường chú ý tới những đề tài nhỏ nhặt trong đời sống, từ đó khám phá ra những giá trị nhân văn để khái quát thành những bài học nhân sinh sâu sắc.
- Phong cách Nam Cao như một chiếc phích trong nóng ngoài lạnh. Bên ngoài giọng tự sự lạnh lùng, khách quan với những đại từ nhân xưng như: lão, hắn, thị, cụ... là giọng trữ tình sâu lắng, sôi nổi, thiết tha, trĩu nặng yêu thương.
- Ngôn ngữ trong các sáng tác của Nam Cao rất uyển chuyển, tinh tế, gần gũi với lời ăn tiếng nói của nhân dân.

## 2. Tác phẩm

### a. Hoàn cảnh sáng tác

Dựa vào những cảnh thật, người thật mà Nam Cao được chứng kiến và nghe kể về làng Đại Hoàng quê mình, bức xúc trước hiện thực tàn khốc đó, ông đã viết thành truyện năm 1941.

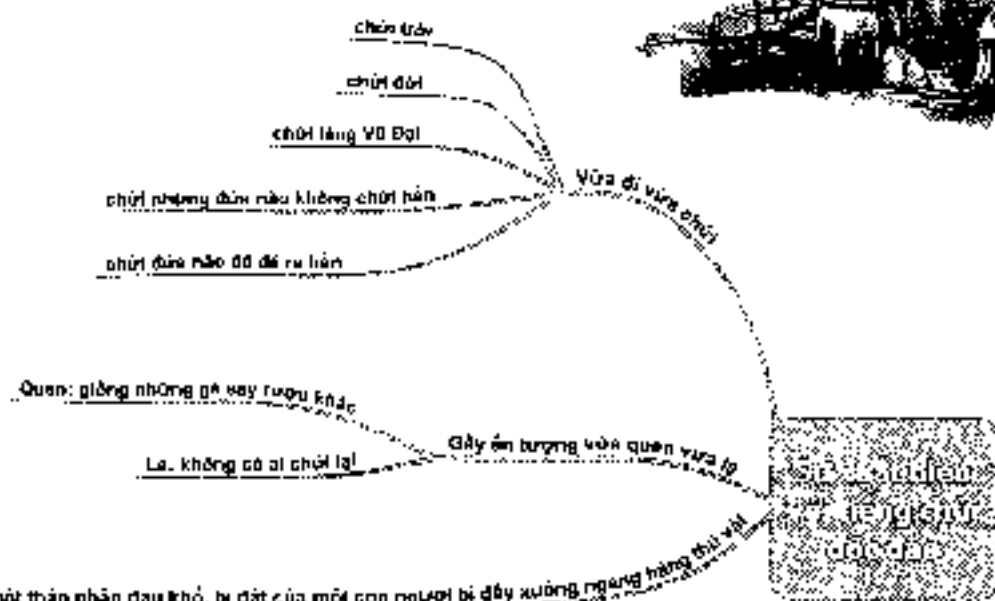
## ĐỀ BÀI VÀ ĐỀ TÀI VÀO LỚP HỌC

### b. Nhan đề

- Lúc đầu, Nam Cao đặt tên cho tác phẩm là "**Cái lò gạch cũ**". Với nhan đề này, nhà văn đã thể hiện thái độ bi quan về sự quẩn quanh, bế tắc của người nông dân trong xã hội cũ. Đồng thời, tạo nên một kết thúc đầu cuối tương ứng, cất lên tiếng kêu cứu thống thiết: hãy cứu lấy quyền sống, lương tri của con người

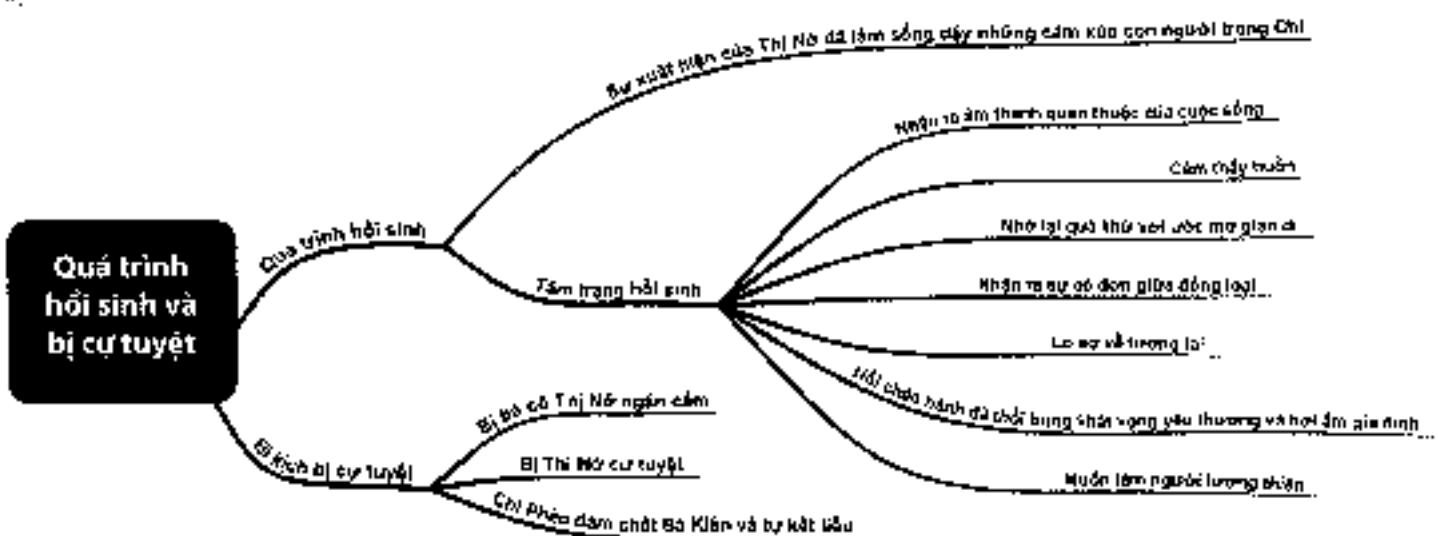
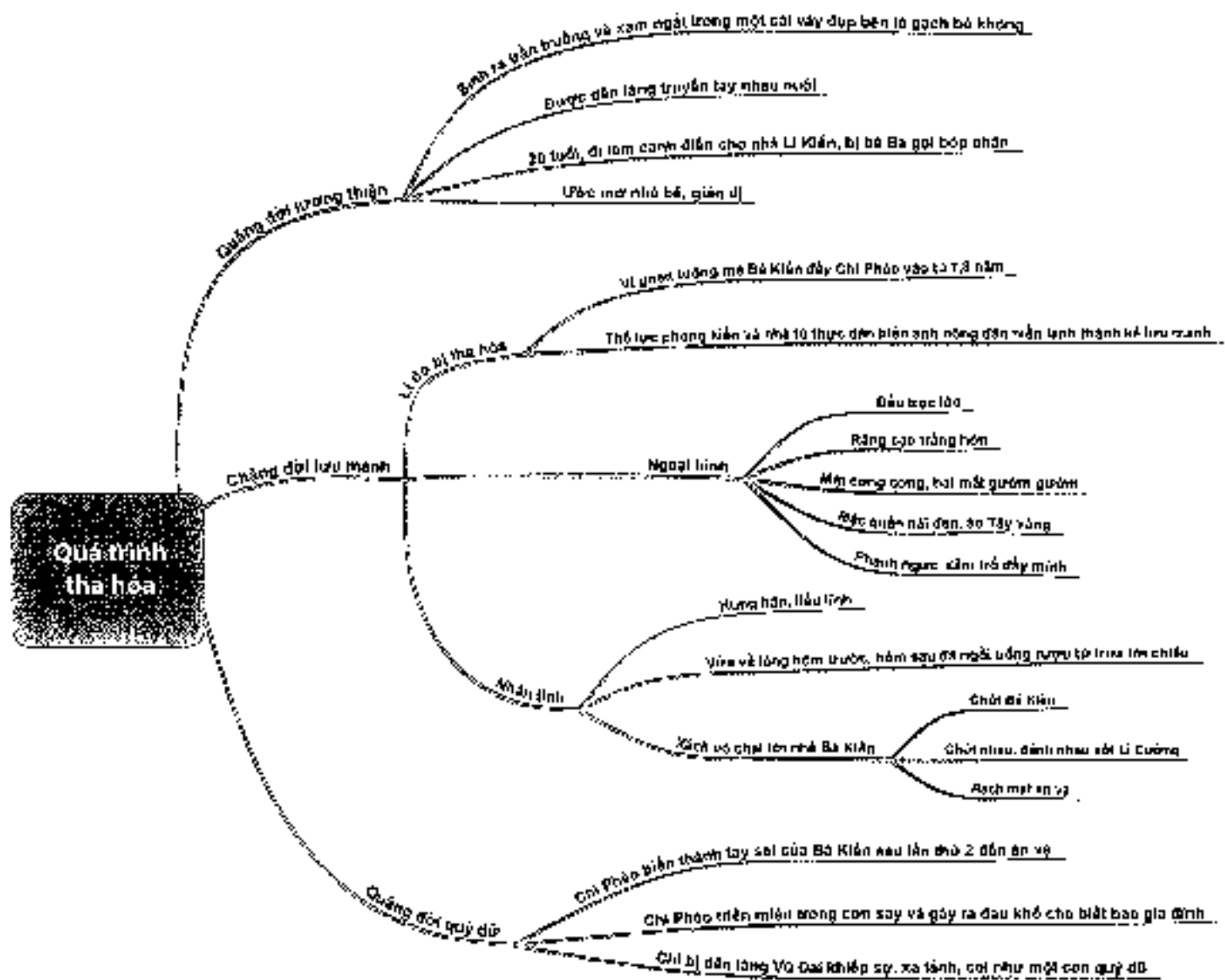
- Năm 1941, khi in thành sách lần đầu, Nhà xuất bản Đời Mới Hà Nội đã tự đổi tên là "**Đôi lứa xứng đôi**". Với nhan đề này, Nhà xuất bản muốn gợi sự hiếu kỳ, gây chú ý, tò mò cho độc giả về mối tình Chí Phèo - Thị Nở mà có người cho rằng đó là cuộc tình "người - ngợm". Vì vậy, tên gọi này dường như biến mối tình của hai con người khốn khổ trở thành trò cười tạo định hướng sai lệch, hời hợt cho độc giả khi thưởng thức.

- Năm 1946, khi in lại trong tập "**Luống cày**" do Hội Văn học Cứu quốc xuất bản, Nam Cao đặt lại tên là "**Chí Phèo**". Điều này thống nhất với cách đặt tên trong một số tác phẩm khác của ông. Chí Phèo là nhân vật chính, là linh hồn của truyện ngắn. Với nhan đề này, tác giả muốn nêu ra số phận bi thương của Chí Phèo bị vùi dập, đọa đầy, tha hóa, biến chất, đến khi nhận thức được thì bị cự tuyệt quyền làm người. Nhan đề này vừa mang giá trị hiện thực, vừa mang giá trị nhân đạo sâu sắc.



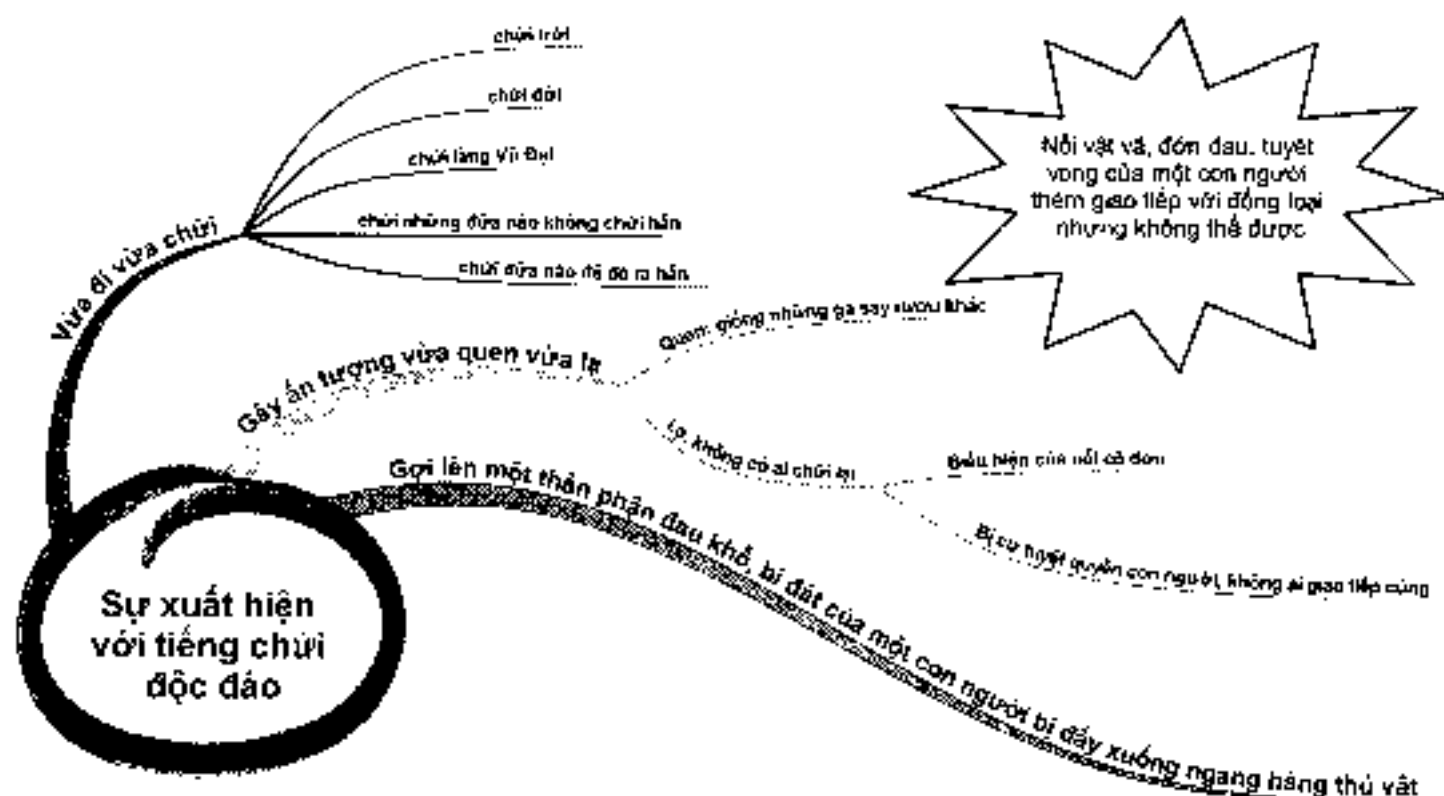
Gọi lên một thân phận đau khổ, bi đát của mỗi con người bị đẩy xuống ngang hàng thú vật





## II. TÌM HIỂU MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA VĂN BẢN

### 1. Sự xuất hiện của Chi Phèo với tiếng chửi độc đáo



- Mở đầu tác phẩm, Nam Cao cho nhân vật xuất hiện bằng một hình ảnh độc đáo: Chi Phèo vừa đi vừa chửi. Hần chửi trời, chửi đời, chửi làng Vũ Đại, chửi những đứa nào không chửi nhau với hần và chửi kẻ đã đẻ ra hần. Sau tiếng chửi mơ hồ, trừu tượng ấy là nỗi vật vờ, đờn đau, tuyệt vọng của một con người thêm giao tiếp với đồng loại mà không thể được.

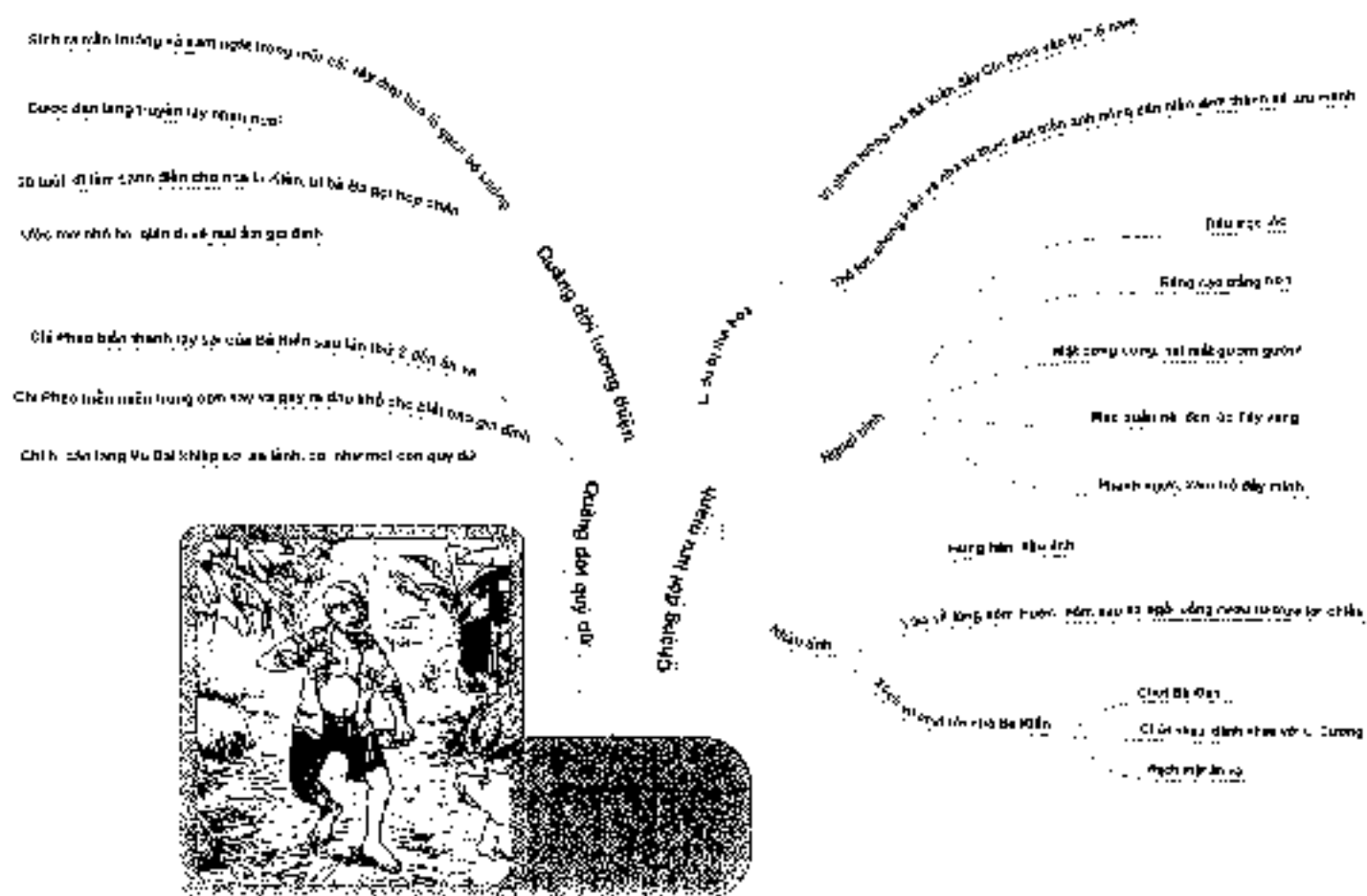
- Bằng cách vào truyện này, Nam Cao đã gây ấn tượng với nhân vật chính vừa quen, vừa lạ. Chi Phèo say như bao gã ngấp chìm trong men rượu nhưng hần lại khác đời bởi những tiếng chửi cất lên mà không có ai thêm để ý.

- Đây là biểu hiện của nỗi cô đơn rợn ngợp vì ai đó chửi lại Chi nghĩa là còn thừa nhận hần là người, còn bằng lòng giao tiếp, đối thoại với hần. Nhưng Chi cứ chửi rồi lại nghe, xung quanh vẫn là sự im lặng đáng sợ. Có chăng chỉ là "ba con chó dữ với một thúng say rượu".

- Nam Cao đã hé mở cho người đọc thân phận đau khổ, bị đày của một con người bị đẩy xuống ngang hàng thú vật.

*Tiếng chửi của Chi Phèo là phản ứng của con người đau đớn, bất mãn bởi ít nhiều, Chi đã ý thức được sự bạc bẽo, ngang trái ở đời. Với ngôn ngữ trần thuật, khắc họa chân dung nhân vật rất đặc sắc cùng sự kết hợp ngôn từ một cách sinh động, Nam Cao đã khắc họa nhân vật của mình với một đặc điểm độc đáo, hé mở một bi kịch bị tước đoạt quyền làm người.*

## 2. Quá trình tha hóa của Chí Phèo



### a. Quảng đời lương thiện của Chí Phèo

• Chí Phèo sinh ra "trần truồng và xám ngắt trong một cái vại đục để bên cái lò gạch bỏ không". Chí lớn lên bơ vơ, không cha mẹ, không họ hàng thân thích, không tác đất cắm dùi, hết đi ở cho nhà này lại đi ở cho nhà khác. Đến năm 20 tuổi, Chí đi làm canh điền cho nhà Lí Kiến.

- Dù trang đời thơ ấu và thanh niên của Chí nhọc nhằn, vất vả, đắng cay nhưng anh vẫn có thể ngẩng cao đầu vì mình là con người lương thiện có lòng tự trọng và ý thức về nhân phẩm. Anh biết đâu là tình yêu chân chính, đâu là thói dâm dục xấu xa bởi khi bị bà Ba gọi bóp chân, anh "chỉ thấy nhục mà chưa yêu đương gì".

- Chí có ước mơ nhỏ bé, giản dị và chính đáng như biết bao người dân lương thiện khác: một gia đình nho nhỏ, chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải.

Với hình tượng nhân vật Chí Phèo, Nam Cao đã nêu lên một hiện tượng khá phổ biến, có tính quy luật ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng, đó là việc những người nông dân lao động lương thiện bị xã hội đẩy vào chỗ cùng đường, bị cướp đi cả hình hài lẫn tính người. Họ đã quay lại đáp trả bằng con đường lưu manh để tồn tại. Trước Chí Phèo còn có Năm Thọ, Binh Chức, sau Chí Phèo có thể còn có Chí Phèo con bước ra từ cái lò gạch cũ.

### **b. Chặng đời lưu manh của Chí Phèo**

- Lí do bị tha hóa: Chí vì một lí do vu vơ mà Bà Kiến đã đẩy Chí Phèo vào tù. Thế lực phong kiến cấu kết với nhà tù thực dân để tước bỏ quyền sống, quyền hưởng tự do của Chí trong 7, 8 năm trời. Chúng đã hủy diệt phần người của Chí, biến anh nông dân hiền lành lương thiện ngày trước trở thành kẻ lưu manh.

- Ngoại hình của kẻ lưu manh: "Hắn về lớp này trông khác hẳn, mới đầu chẳng ai biết hắn là ai. Trông đặc như thằng sắng dãi! Cái đầu thì trọc lốc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất cong cong, hai mắt gườm gườm trông gớm chết! Hắn mặc quần nải đen với áo Tây vàng. Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ rồng, phượng với một ông tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế. Trông gớm chết!"

- Nhận tính: từ người hiền lành như đất, Chí trở nên hung hãn, liều lĩnh. Mỗi hành động và lời nói của hắn đều giống như của một tên đầu bò chính hiệu.

- Vừa về làng hôm trước, hôm sau đã thấy hắn ngồi uống rượu từ trưa đến chiều rồi say khướt.

- Hắn xách vỏ chai sang nhà Bá Kiến, gọi tên tục ra chửi rồi đánh nhau với Lí Cường, lăn lộn dưới đất, lấy vỏ chai rạch mặt, vừa kêu vừa la làng ầm ỹ.

⇒ **Chế độ phong kiến và thực dân tàn bạo đã hủy hoại phần người lương thiện để biến Chí thành kẻ lưu manh.**

### **c. Quãng đời quỷ dữ**

- Sau lần thứ hai đến nhà Bà Kiến ăn vạ, Chí đã bị tên cường hào nham hiểm, độc ác lợi dụng làm tay chân cho hắn. Từ đây, Chí Phèo triển miên trong những cơn say, ăn trong lúc say, ngủ trong lúc say, thức dậy vẫn còn say. Và khi say, hắn làm bất cứ thứ gì mà người khác sai hắn làm. Chí đã phá nát bao nhiêu gia đình, bao nhiêu hạnh phúc, làm chảy máu và nước mắt bao người dân lương thiện.

- Chí Phèo đã trở nên xa lạ với tất cả mọi người. ai cũng tránh mặt, khiếp sợ bởi sự hoành hành của con quỷ dữ làng Vũ Đại.

Với hình tượng Chí Phèo, Nam Cao không chỉ tố khổ cho người nông dân mà còn gián tiếp lên án thế lực thống trị tàn ác, bất công, đã man trá tước đoạt hình người và hồn người của những người nông dân nghèo khổ, lương thiện. Đây chính là một trong những nét giá trị nhân đạo sâu sắc của tác phẩm.



### 3. Quá trình hồi sinh và bị cự tuyệt



#### a. Quá trình hồi sinh

- Cuộc gặp gỡ giữa Chí Phèo và Thị Nở trong đêm trăng nơi vườn chuối ven sông: Dù Thị Nở là một người dân bà xấu "ma chê quỷ hờn", lại dở hơi, nhà có má hủi, bị dân làng Vũ Đại xa lánh "như tránh một con vật rất bẩn" nhưng bằng tình yêu thương và lòng nhân ái, Thị đã giúp Chí Phèo dần dần hồi sinh những xúc cảm rất con người.

- Tâm trạng hồi sinh của Chí:

+ Lần đầu tiên, Chí Phèo không say để nhận ra không gian quen thuộc của cuộc sống đời thường. Trong phút giây tỉnh táo ấy, anh đã sống lại những cảm giác thực sự của một con người để thốt lên "Chao ôi là buồn!".

+ Nỗi buồn khơi lại ước mơ của một thời trai trẻ về một gia đình nho nhỏ. Trong sự thức tỉnh, Chí thốt ra một tiếng nấc nuốt "buồn thay cho đời" và anh giật mình lo sợ: "Đời rét ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đời rét và ốm đau". Như vậy, sau nhiều ngày sống trong vô thức, Chí bắt đầu hồi sinh và suy nghĩ về cuộc đời mình.

Với ngòi bút tinh tế và sắc sảo, Nam Cao đã diễn tả thành công quá trình thức tỉnh của Chí Phèo. Từ một kẻ chuyên rạch mặt ăn vạ, từ một con quỷ dữ làng Vũ Đại, Chí đã dần dần hồi sinh những phẩm chất và năng lực vốn có của một con người. Anh nhận ra cái duyên của một người đàn bà: "Tình yêu làm cho cô duyên". Anh mong mỏi chân thành được ở mãi bên Thị Nở và bày tỏ một cách tự nhiên, mộc mạc: "Hay là mình sang đây, ở với tớ một nhà cho vui". Thị ra, chỉ cần một chút lòng thương cũng đủ làm sống dậy bản tính lương thiện của một con người đằng sau hình hài quỷ dữ.

+ Thị Nở xuất hiện cùng nồi cháo hành đã thổi bùng khát vọng yêu thương và hơi ấm gia đình mà chưa một lần nào hắn cảm nhận được. Nhận bát cháo hành từ Thị Nở mà hắn ngạc nhiên và "thấy mất mình hình như uơn uớt" vì Chi không phải cướp giật, dọa nạt gì mà vẫn được người khác cho. Hắn nhìn bát cháo bốc khói mà băng khuông xao xuyến thấy lòng mình như con trẻ. Chi muốn làm nũng với Thị như với mẹ. "Ồi sao mà hắn hiền". Tia sáng thiện lương ấy trong hình hài con quỷ dữ đã khơi nhóm thành một khát vọng thiết tha: "Trời ơi! Hắn thêm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biết bao! Thị Nở sẽ mở đường cho hắn. Thị có thể sống yên ổn với hắn thì sao người khác lại không thể được. Họ sẽ lại nhận hắn vào cái xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện..."

#### **b. Bị kịch bị cự tuyệt**

- Ước mơ giản dị đến tội nghiệp của Chi Phèo là được sống yên bình bên người đàn bà xấu "mà chế quý hơn" như Thị Nở cũng không thể thực hiện được. Con đường trở lại làm người của Chi vừa hé mở đã bị đóng sầm lại ngay bởi bà cô Thị Nở. Bà không cho cháu đi lấy một kẻ chuyên rạch mặt ăn vạ, đó cũng là thành kiến ghê tởm của dân làng Vũ Đại.

- Khi bị Thị Nở trút vào mặt tất cả những lời cay nghiệt của bà cô, Chi ngán người không nói gì bởi Chi ngạc nhiên, thất vọng. Anh như vẫn ngồi thấy hương cháo hành thoang thoảng nơi đây, hơi cháo của tình người, tình thương ấm áp. Bởi vậy, khi Thị Nở ra về, Chi đuổi theo nắm lấy tay Thị như nỗ lực cuối cùng để níu giữ một niềm hi vọng trở về với con đường hoàn lương duy nhất. Hành động này chứng tỏ Chi luôn khao khát tình yêu thương, hạnh phúc, khao khát được sống như một con người lương thiện.

- Tuy nhiên, Thị Nở đã gạt ra và dúi thêm cho Chi một cái ngã "lăn khoèo" xuống đất. Đến lúc này, Chi mới thực sự đau đớn, tuyệt vọng. Hắn lấy một hòn gạch vỡ toan đập đầu ăn vạ nhưng muốn thế thì Chi phải say. Song, càng uống, Chi càng tỉnh ra, "tỉnh ra chao ôi là buồn". Chi nhận ra trong nỗi buồn xa xót ấy vẫn thoang thoảng hương cháo hành khiến hắn ôm mặt "khóc rưng rức", khóc cho sự bất hạnh, cô đơn cùng cực của đời mình.

**Trái tim Chi đã biết rung lên những nhịp đập yêu thương, mong ước. Sức mạnh của tình yêu thương thật kì diệu, lớn lao. Từ chi tiết bát cháo hành, Nam Cao đã soi vào tác phẩm ánh sáng nhân đạo sâu sắc, đẹp đẽ. Đồng thời, khẳng định sức sống bất diệt của thiện lương.**

**Khao khát được hoàn lương, sống một cuộc đời bình thường như bao người vừa nhen nhóm đã bị vùi tắt. Bị cự tuyệt, Chi Phèo đã đánh đổi mạng sống của mình để gìn giữ lại ánh sáng thiện lương còn sót lại. Từ cái chết của Chi Phèo, một tiếng kêu thống thiết đã vang lên: Hãy cứu lấy con người, hãy ngăn chặn bàn tay tội ác của bọn thống trị tàn bạo để trả lại quyền sống chân chính cho những người nông dân cùng khổ.**

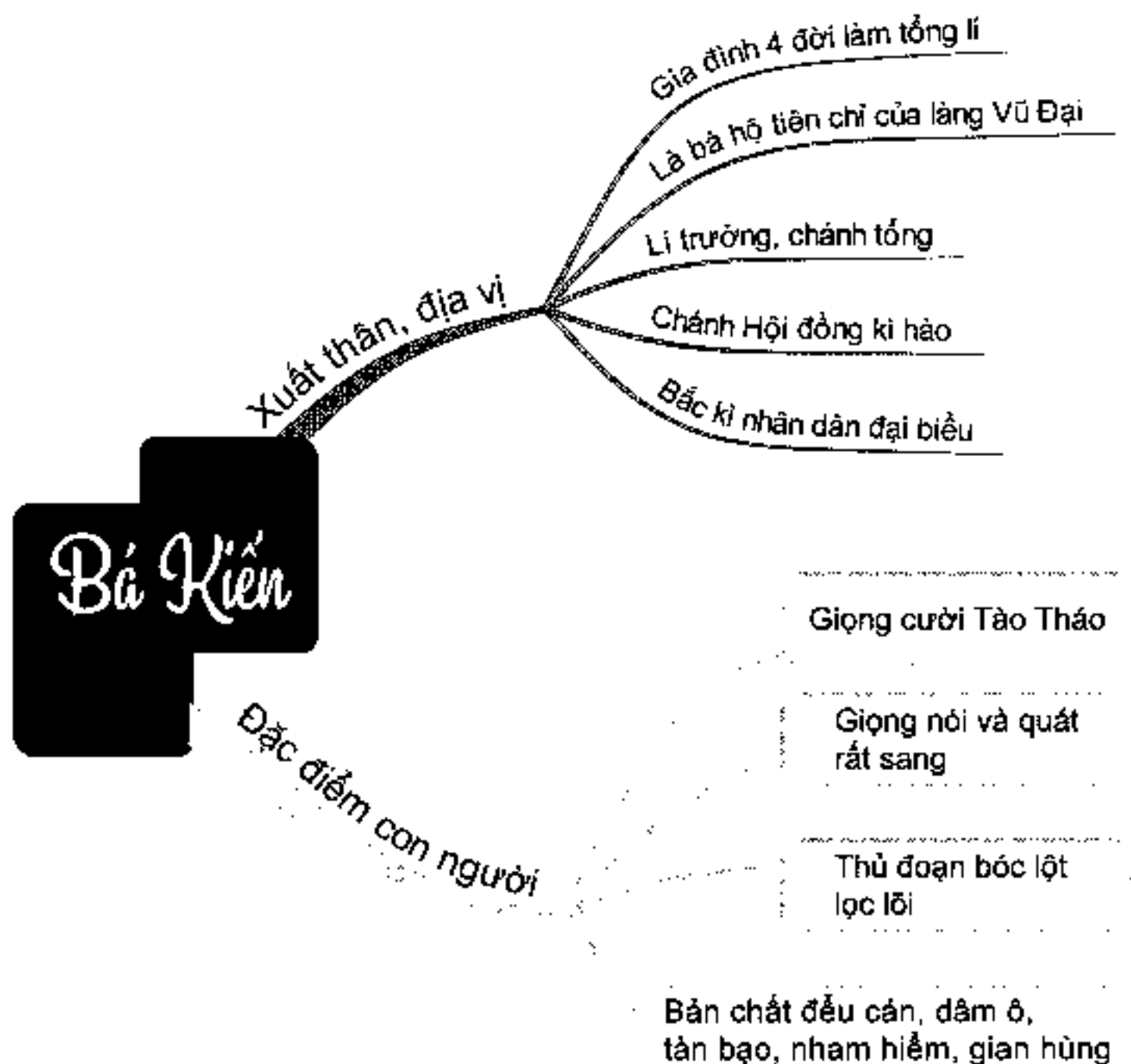


- Trong sự vật vã, đau khổ, Chí xách dao đi với câu nói làm nhảm: *"Hèn tự phải đến cái nhà con đi Nờ kia. Đến để đâm chết cả nhà nó, đâm chết cái con khom già nhà nó"*. Tưởng rằng tội ác thẳng thề, con quỷ dữ trong Chí lại trỗi dậy hoành hành nhưng không, Chí đã rơi nước mắt thì lương tâm, lương tri đã sống dậy, phần người đã vượt trội để chiến thắng cái ác, chiến thắng quỷ dữ. Sau bao nhiêu năm lầm lũi, Chí đã nhận ra kẻ thù thực sự của mình, đó là Bá Kiến. Chính Bá Kiến mới là người đẩy Chí vào tù, cướp đi phần nhân hình và nhân tính của một con người thiện lương, đẩy Chí ra giữa sa mạc khô khát tinh người. Bởi thế, Chí xách dao đi một mạch qua nhà Bá Kiến. Lần này, Chí không đến để đòi tiền mà để đông đặc đòi quyền sống, đòi lại danh dự và nhân phẩm:

+ Những câu nói dứt khoát, đầy kiêu hãnh vang lên: *"Tao không đến đây xin năm hào"; "Tao đã bảo tao không đòi tiền"; "Tao muốn làm người lương thiện"* nhưng sau đó lại là câu hỏi dồn đau: *"Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho mất được những vết mảnh chai trên mặt này?"*. Làm thế nào Chí có thể trở về để sống một cuộc đời bình thường như bao con người lương thiện khác? Chí không tự trả lời được! Bá Kiến không trả lời được! Dân làng Vũ Đại cũng không thể trả lời được. Bởi thế, kết truyện dẫn đến một kết cục tất yếu xảy ra: Chí đâm chết Bá Kiến và tự kết liễu cuộc đời mình. Hành động của Chí không phải là sự mù quáng của men rượu mà là kết quả của việc Chí Phèo đã hồi sinh, đã nhận thức được cảnh ngộ đầy éo le của cuộc đời mình. Trước đây, để tồn tại, Chí phải bán linh hồn mình cho quỷ dữ, giờ đây, anh phải đánh đổi sự sống của mình để giữ lấy ánh sáng thiện lương. Như vậy, cái chết của Chí Phèo có ý nghĩa tố cáo sâu sắc xã hội thực dân phong kiến tàn bạo đã đẩy người dân lương thiện vào chỗ chết.

- Trước cái chết của Chí Phèo, người dân làng Vũ Đại vẫn thản nhiên buông lời cay đắng. Có người nói xa xôi: *"Trời có mắt đấy, anh em ạ!"* Người khác thì nói toạc: *"Thằng nào chứ hai thằng ấy chết thì không ai tiếc! Rõ thật bọn chúng nó giết nhau, nào có cần phải đến tay người khác đâu"*. Điều này thể hiện sự căm phẫn của xã hội với những tội ác mà "con quỷ dữ" Chí Phèo gây ra.

# Phân tích nhân vật Bá Kiến



mềm nắn rắn buông

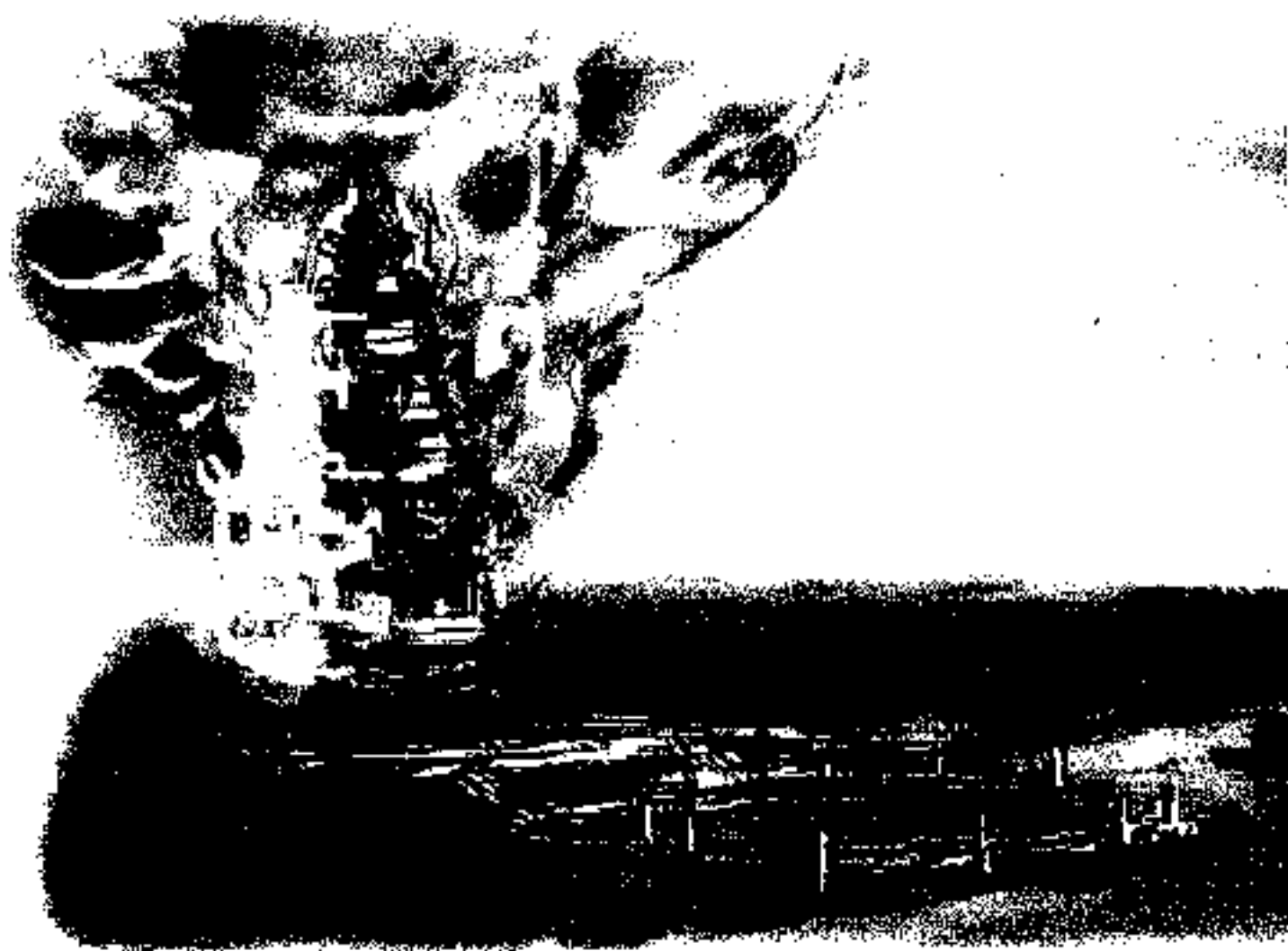
bám thẳng có lúc chứ không bám thẳng tọc đầu

ngắm ngắm đẩy xuống sông, nhưng rồi lại dắt nó lên để nó đến ơn

đập bán đập ghé đời cho được năm đồng, nhưng được rồi thì lại vắt trả lại năm hào "vi thương anh từng quả"

# NGUYỄN HUY TƯỚNG

## NGHỆ SĨ TÀI NĂNG VÀ TÁC GIẢ



### 1. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý VỀ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

#### 1. Tác giả Nguyễn Huy Tường (1912 - 1960)

- Là nhà văn yêu nước, sớm tham gia cách mạng.
- Là người nghệ sĩ tài năng, có thiên hướng về đề tài lịch sử, thành công ở hai thể loại: tiểu thuyết và kịch.

- Một số sáng tác:

+ Tiểu thuyết: *Đêm hội Long Trì* (1942); *An Tư công chúa* (1944); *Truyện Anh Lục* (1955); *Bốn năm sau* (1959); *Sống mãi với Thủ Đô* (1960); *Là cô thêu sáu chữ vàng về Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản...*

+ Kịch: *Vũ Như Tô* (1943); *Cột đồng Mã Viện* (1944); *Bắc Sơn* (1946); *Những người ở lại* (1948); *Anh Sơ đầu quân* (lập kịch, 1949); *Lũy hoa* (1960)...

# *VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI*

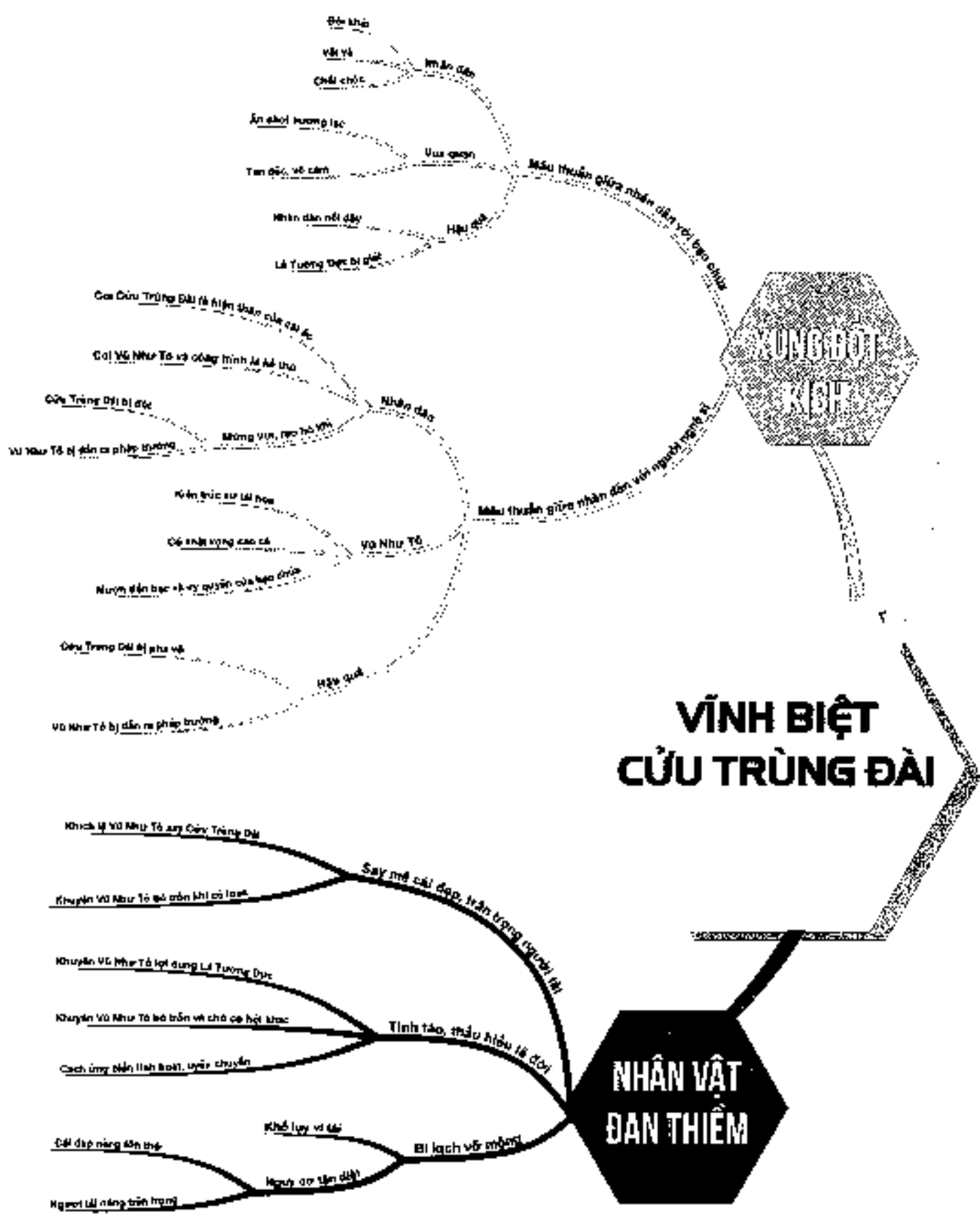
*(Trích “Vũ Như Tô”)*

**Nguyễn Huy Tưởng**

## **2. Tác phẩm**

- “Vũ Như Tô” là ở kịch đầu tay gồm 5 hồi, phản ánh bi kịch lịch sử. Tác phẩm viết về một sự kiện có thật ở Thăng Long khoảng năm 1516 - 1517 dưới thời Lê Tương Dực.
- Trích đoạn “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài” thuộc hồi V - hồi cuối của tác phẩm.

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA  
MÔN VĂN  
LỚP 12



# NHÂN VẬT VŨ NHƯ TÔ

Kiến trúc sư kỳ lạ

Là một người tiêu phẩm ngàn năm chưa hề có một

Chỉ vậy bởi là chim hoa hiện lên trên mảnh lụa thần tình

Có thể sai khác gạch đá như viên lương cảm quân

Quá bị vua và tướng Dục địa giết

Tên chết xây Cửu Trùng Đài

Vì nhận ra nỗi cực khổ của nhân dân

Luôn ấp ủ khát vọng dân tài cùng tạo hóa

Không ai có nhân cách, là đường nghệ thuật

Kiến trúc sư kỳ lạ

Vì lòng tự hào, tự tôn dân tộc

Vì mong muốn xây dựng một công trình

Để vươn nghệ thuật cao đẹp

Yên như tiếng sao

Để dân ta nghìn thu con cháu đời

Nó sang trọng và siêu đẳng

Nó cao cả và đắm máu

Dam mê sáng tạo trở thành phú phiếm, ác tướng

Cửu Trùng Đài được xây dựng

Chôn ăn chơi của vua chúa

Để rồi, xương máu của nhân dân làm than

Sự hủy diệt của Cửu Trùng Đài

Cái chết của dân tộc

Cửu Trùng Đài bị đốt

Vũ Như Tô bị dân ra pháp trường

Đến chúng nó cũng vấp, rơi rớt

Nhân cực

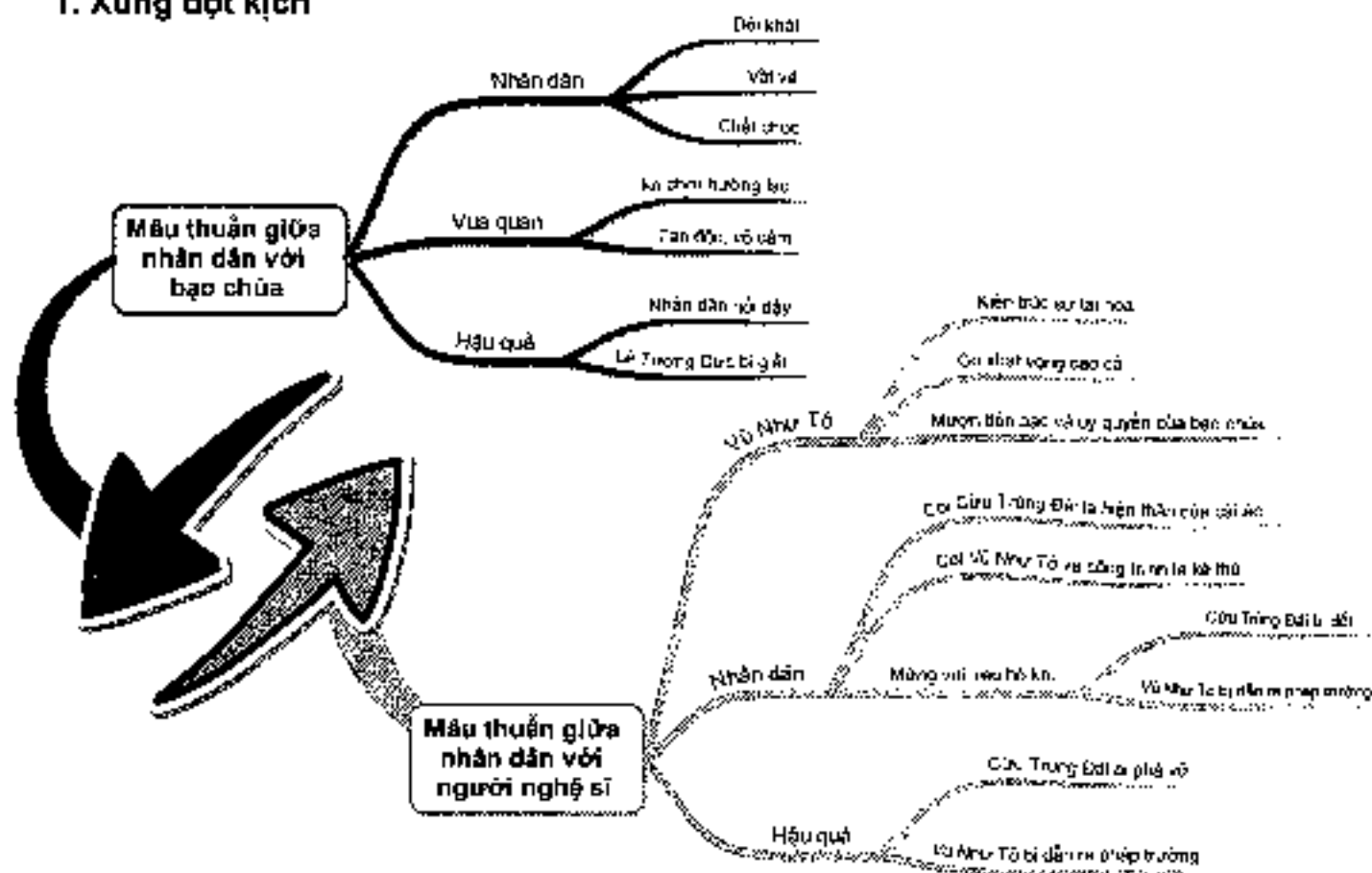
Vũ Như Tô không nhận ra sự mâu thuẫn

Thách thức và chấp nhận

Đi kịch với mạng

# 

## 1. Xung đột kịch



### \* Xung đột giữa nhân dân với bạo chúa

- Nhân dân: vì Cửu Trùng Đài mà đói khát, vật vạ, chết chóc.
- Vua quan: xây Cửu Trùng Đài nguy nga, tráng lệ để ăn chơi, hưởng lạc trên xương máu của nhân dân ⇒ tàn độc, vô cảm.
- Hậu quả: nhân dân nổi dậy, Lê Tương Dục bị giết.

⇒ **Mâu thuẫn đã trở thành xung đột, phát triển đến mức đỉnh điểm và được giải quyết trên lập trường nhân dân.**

### \* Xung đột giữa nhân dân với người nghệ sĩ

- Vũ Như Tô: là một kiến trúc sư tài hoa, có khát vọng cao cả nhưng lại mượn uy quyền và tiền bạc của bạo chúa để thực hiện ước mơ.
- Nhân dân: coi Cửu Trùng Đài là hiện thân của cái ác, coi Vũ Như Tô và công trình là kẻ thù nên mừng vui, reo hò khi Cửu Trùng Đài bị phá vỡ, Vũ Như Tô bị đưa ra pháp trường.

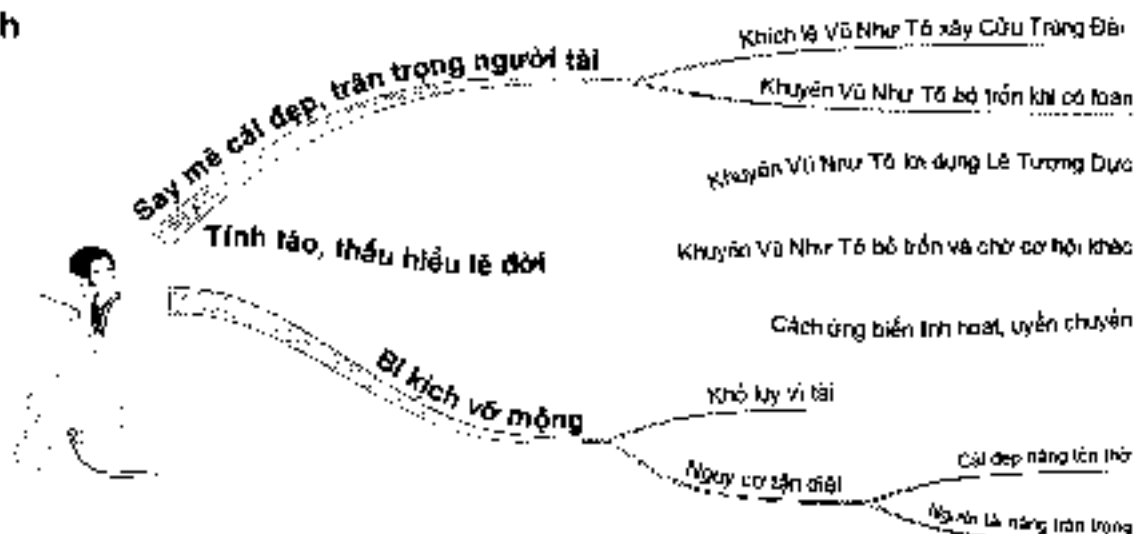
⇒ **Vũ Như Tô chỉ đứng trên lập trường của người nghệ sĩ phụng sự cái đẹp mà không đứng trên lợi ích thiết thực của nhân dân để sáng tạo nghệ thuật.**

**Mâu thuẫn giữa nhân dân với bạo chúa được dứt khoát giải quyết trên lập trường của nhân dân. Song, bi kịch của người nghệ sĩ Vũ Như Tô không thể giải quyết được. Mâu thuẫn ấy chứa đựng một vấn đề lớn lao, sâu sắc: Cần xử lý đúng đắn giữa quan hệ của nghệ thuật với đời sống, người nghệ sĩ phải đứng trên lập trường của nhân dân.**



## 2. Nhân vật kịch

### a. Đan Thiềm



**\* Đan Thiềm là một cung nữ say mê cái đẹp, trân trọng người tài**

- Bà khích lệ Vũ Như Tô xây Cửu Trùng Đài với lòng tự tôn, tự hào dân tộc bởi nàng nhận ra giá trị trường tồn của cái đẹp nếu Cửu Trùng Đài được hoàn thiện.

- Khi có biến loạn, Đan Thiềm khuyên Vũ Như Tô nên bỏ trốn để bảo toàn tính mạng của người tài.

**\* Đan Thiềm là một người tính táo, thiếu hiểu lẽ đời**

- Khi Vũ Như Tô nhất định không chịu xây Cửu Trùng Đài cho bọn vua quan ăn chơi xa xỉ, Đan Thiềm đã nhận ra đó là một biểu hiện có phần cố chấp bởi khát vọng sáng tạo cái đẹp "tranh tình xáo cùnh hóa công" của Vũ Như Tô sẽ không bao giờ có thể thực hiện, tài năng của ông sẽ bị uổng phí. Bởi thế, Đan Thiềm khuyên Vũ Như Tô lợi dụng Lê Tương Dực để thực hiện hoài bão lớn lao của một người nghệ sĩ.

- Khi có biến loạn, Đan Thiềm là người nhận ra tương lai tiêu vong của Vũ Như Tô và Cửu Trùng Đài, bà chỉ ra nguyên nhân và đốc lòng khuyên Vũ Như Tô nên trốn đi.

⇒ Cách nhận thức, ứng biến của Đan Thiềm rất linh hoạt, uyển chuyển. Bà là một người thức thời, biết nắm bắt tình thế.

**\* Bị kích vỡ mộng**

- Đan Thiềm là một người khổ lụy vì tài. Bà luôn đau đầu một tấm lòng chân thành với cái đẹp, với người tài. Thậm chí, bà sẵn sàng đánh đổi cả mạng sống của mình để người nghệ sĩ tài hoa được sống.

- Cuối cùng, sau mọi nỗ lực nhưng cái đẹp bà tôn thờ, người tài bà trân trọng vẫn có nguy cơ tận diệt.

**Đan Thiềm là một người yêu cái đẹp nhưng không đắm chìm trong mộng tưởng mà thức thời, nhạy bén, tính táo để động viên, khích lệ, giúp đỡ Vũ Như Tô. Bà là biểu tượng của những người mê đắm cái đẹp và cái tài.**

b. Vũ Như Tô

Kiến trúc sư tài hoa

Là một người siêu phàm ngàn năm chưa dễ có một

Chỉ vẩy bút là chim hoa hiện lên trên mảnh lụa thần tình

Có thể sai khiến gạch đá như viên tướng cầm quân

Nghệ sĩ có nhân cách, lí tưởng nghệ thuật

VŨ NHƯ TÔ

Nó sang trọng và siêu đẳng

Nó cao cả và đắm mầu

Đam mê sáng tạo trở thành phù phiếm, ảo tưởng

Cầu Trưng Đài được xây dựng

Chốn ăn chơi của vua chúa

Mồ hôi xương máu của nhân dân làm than

Bị kịch vô mộng

Thách thức và chấp nhận

Sự hủy diệt của Cầu Trưng Đài

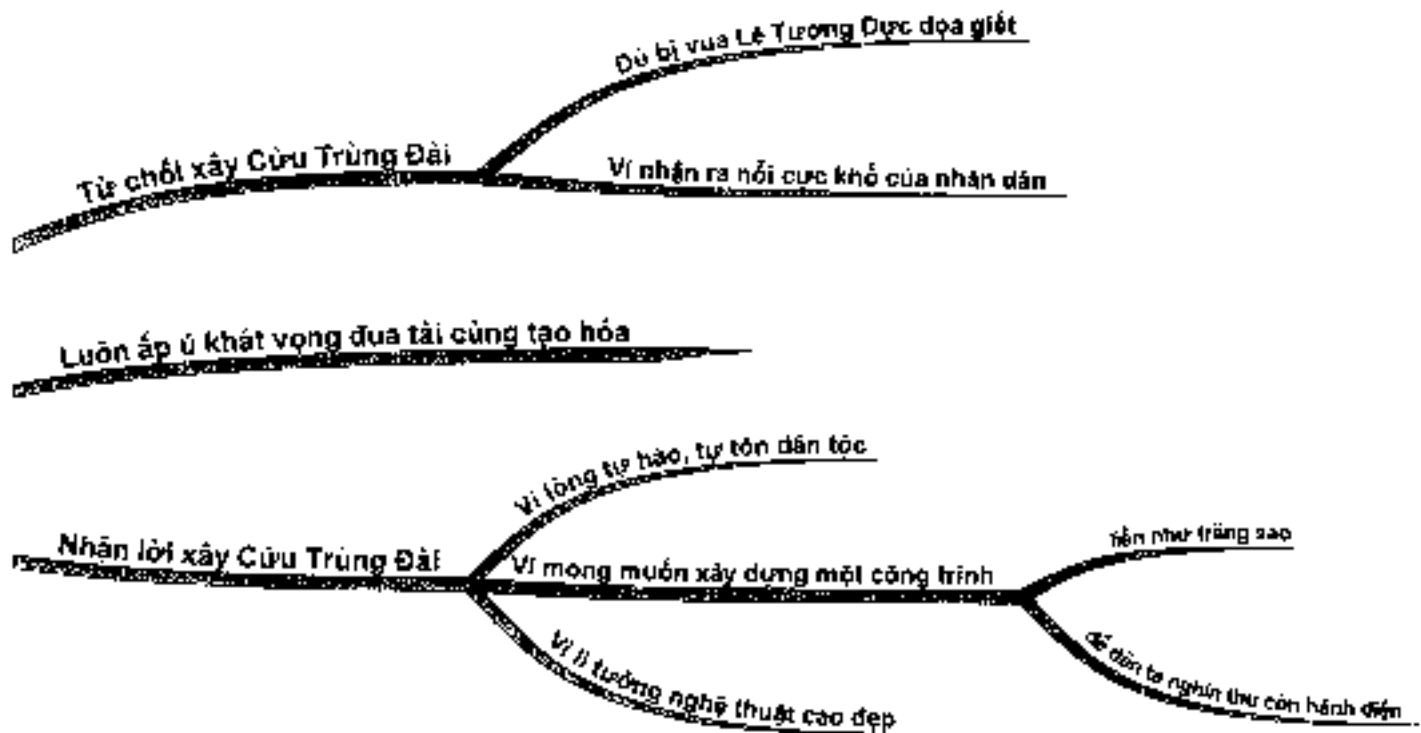
Cải chết của bản thân

Kết cục

Cầu Trưng Đài bị đốt

Vũ Như Tô bị dẫn ra pháp trường

Dân chúng mừng vui, neo hò



**\* Vũ Như Tô là một kiến trúc sư tài hoa**

- Qua lời của các nhân vật, đặc biệt là qua thái độ ngưỡng mộ của cung nữ Đan Thiềm, tài năng của Vũ Như Tô được khắc họa rõ nét:

- + "Là người siêu phàm ngàn năm chưa dễ có một".
- + "Chỉ vẩy bút là chim hoa đã hiện lên trên mảnh lụa thần tình, biến hóa như cảnh họa công".
- + "Có thể sai khiến gạch đá như viên tướng cầm quân".

**\* Vũ Như Tô là người nghệ sĩ có nhân cách, có hoài bão và li tưởng nghệ thuật cao cả**

- Vốn yêu cái đẹp và gần gũi với nhân dân nên mặc dù bị vua Lê Tương Dực dọa giết, Vũ Như Tô vẫn ngẩng cao đầu, hiên ngang từ chối xây Cửu Trùng Đài cho bạo chúa.

- Tuy nhiên, trong sâu thẳm tâm hồn ông luôn áp ú khát vọng đưa tài cùng tạo hóa và tự tin rằng mình đủ sức xây một công trình nguy nga, tráng lệ gấp nhiều lần ki quan ông tận mắt trông thấy ở Trung Quốc, Ấn Độ.

- Khi biết rằng mình có thể mượn tay bạo chúa để thực hiện hoài bão lớn, Vũ Như Tô đã nhận lời xây Cửu Trùng Đài vì lòng tự hào dân tộc, muốn đem đến cho đất nước một tòa lâu đài "liền như trăng sao" để dân ta "nghìn thu còn hãnh diện".

*Vũ Như Tô là người tài chứ chưa phải bậc hiền tài. Cái đẹp mà ông theo đuổi chưa bắt rễ từ hiện thực cuộc đời. Ông chưa nhận ra rằng, nghệ thuật chỉ tỏa sáng khi nó gắn liền với đời sống và lên tiếng vì quyền sống, vì hạnh phúc của con người. Bởi thế, bi kịch vỡ mộng của Vũ Như Tô đem đến cho độc giả một tình cảm đa diện, vừa trân trọng tài năng, vừa cảm thông sâu sắc với tài năng và số phận của người nghệ sĩ trong xã hội cũ.*

**\* Bí kịch vỡ mộng của người nghệ sĩ**

- Trên thực tế, đam mê sáng tạo của Vũ Như Tô trở thành phù phiếm, ảo tưởng. Nó sang trọng và siêu đẳng, nó cao cả và đắm mầu như một bông hoa ác.

- Vũ Như Tô chỉ đắm mình trong mộng tưởng. Ông dành tất cả tâm huyết để xây dựng Cửu Trùng Đài. Bởi vậy, ông không hề nhận ra một sự thật: Cửu Trùng Đài là nơi ăn chơi chác táng cho lũ vua quan nhưng nó được xây lên từ mồ hôi và xương máu của nhân dân lầm than.

- Hồi cuối của vở kịch tập trung làm nổi bật tâm trạng căng thẳng của Vũ Như Tô khi phải tìm kiếm câu trả lời: Xây Cửu Trùng Đài là đúng hay sai? Có công hay có tội? Vũ Như Tô không thể trả lời thỏa đáng câu hỏi đó bởi ông chỉ đứng trên lập trường của người nghệ sĩ mà xa rời cuộc sống lầm than, khổ khổ của nhân dân; chỉ đứng trên lập trường của cái đẹp mà không đứng trên lập trường của cái thiện để hiểu mong muốn bình dị, chính đáng của người dân nghèo. Vì thế, hành động Vũ Như Tô lựa chọn là không chạy trốn cũng không điều hòa được mâu thuẫn. Ông thách thức và chấp nhận sự hủy diệt của Cửu Trùng Đài, chấp nhận cái chết.

- Cho đến hồi cuối, người nghệ sĩ vẫn chưa nhận ra được sự thất bại của giấc mộng xây Cửu Trùng Đài, chưa thoát được khỏi những ảo vọng của bản thân:

+ *"Đời ta chưa tận, mệnh ta chưa cùng".*

+ *"Ta sẽ xây một tòa đài vĩ đại để tỏ lòng tri kỉ".*

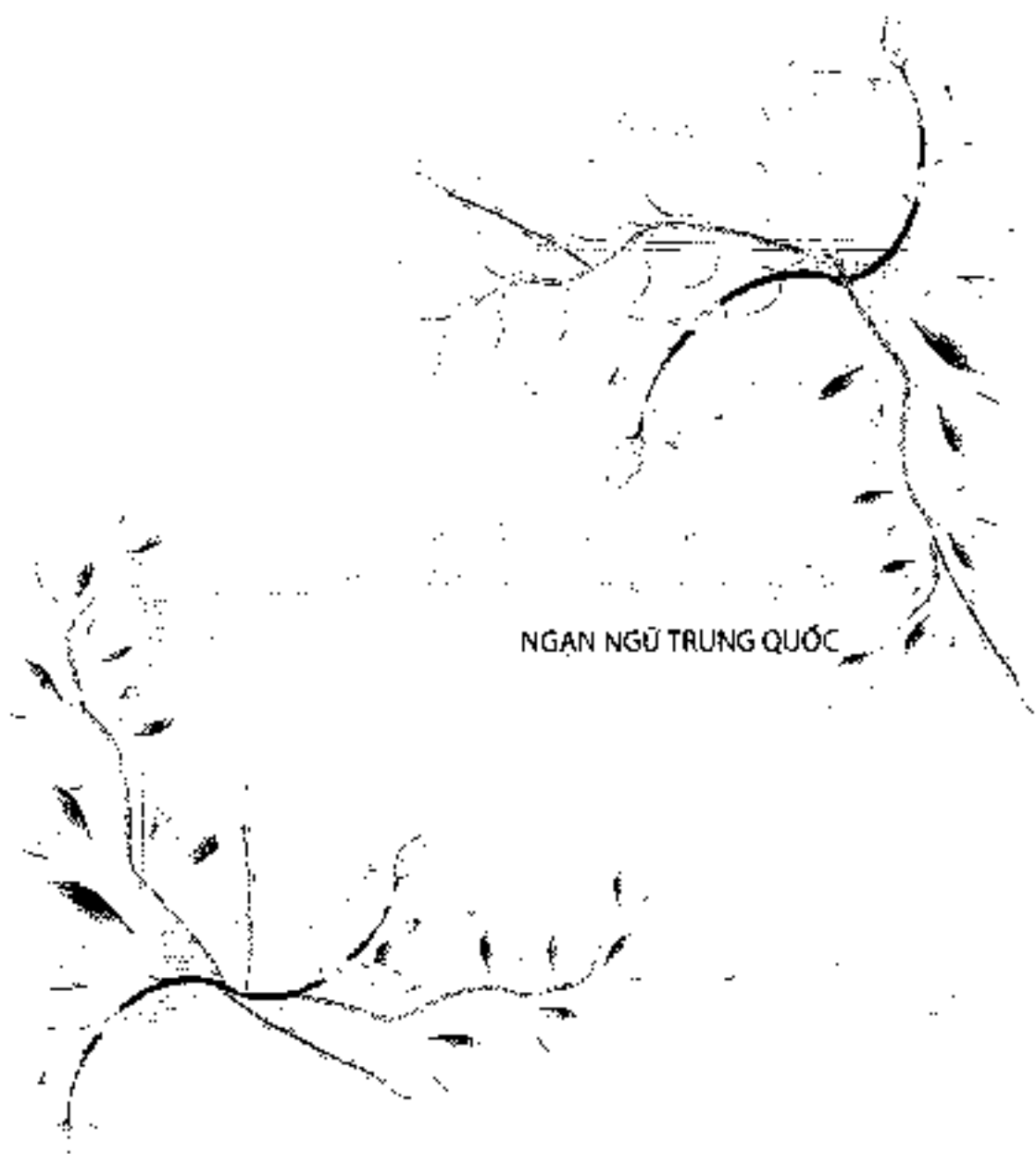
- Kết cục:

+ Cửu Trùng Đài bị đốt.

+ Vũ Như Tô bị giải ra pháp trường.

+ Dân chúng mừng vui, reo hò.

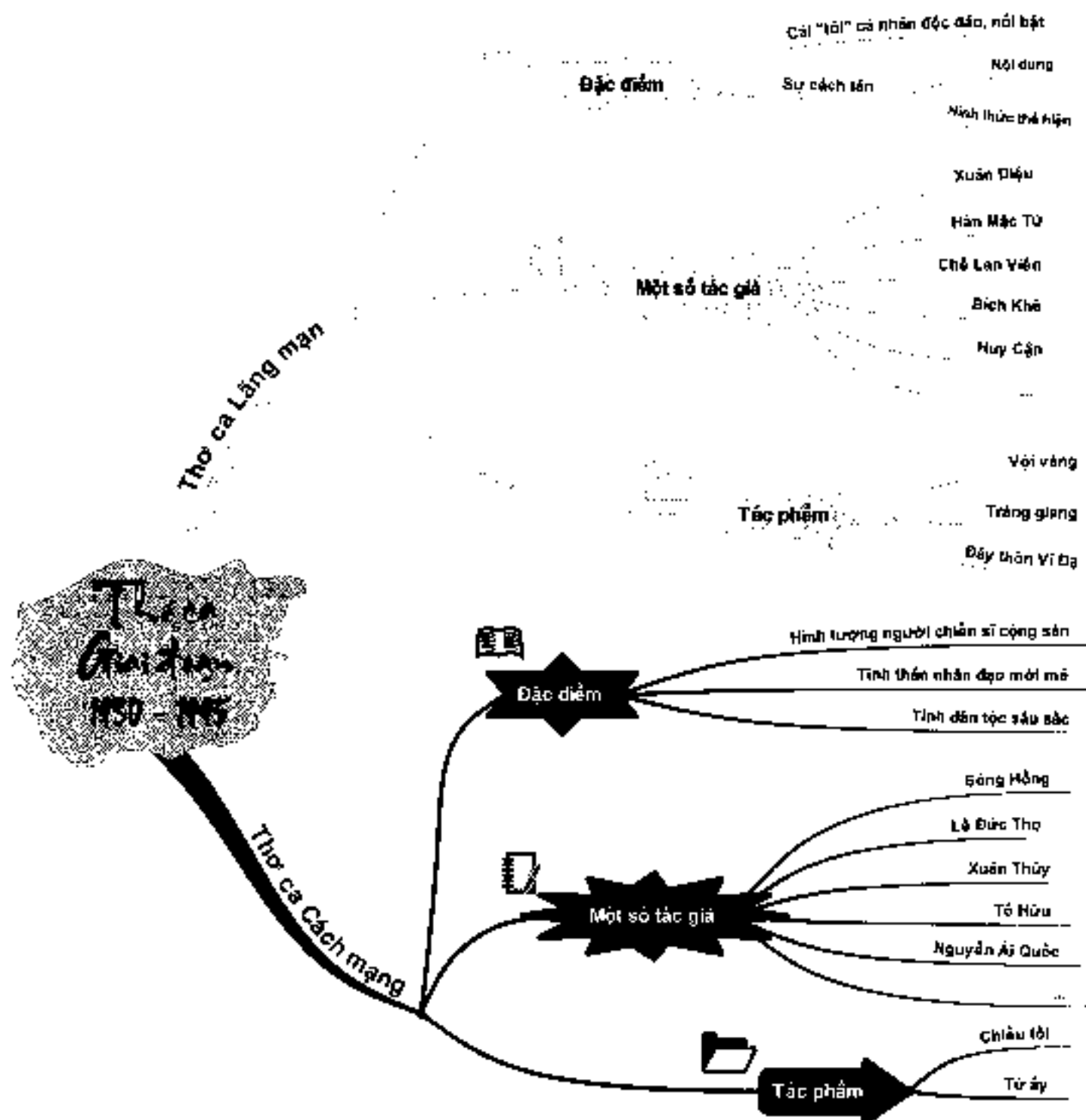




NGÂN NGŨ TRUNG QUỐC

# BÀI 4: TÌM HIỂU MỘT SỐ TÁC PHẨM THƠ CA GIAI ĐOẠN 1930 - 1945

## Phần 1 MỘT SỐ NÉT KHÁI QUÁT VỀ THƠ CA GIAI ĐOẠN 1930 - 1945



Thơ ca giai đoạn 1930 - 1945 chia thành hai bộ phận: **thơ lãng mạn** và **thơ cách mạng**. Hai bộ phận này tồn tại và phát triển song hành cùng với nhau. Trong đó, thơ lãng mạn thuộc bộ phận văn học công khai, thơ cách mạng thuộc bộ phận văn học không công khai.

Thơ Cách mạng phản ánh ba nội dung chính: hình tượng người chiến sĩ cộng sản, tinh thần nhận đạo mới mẻ và tính dân tộc sâu sắc. Một số nhà thơ tiêu biểu của bộ phận này là Sóng Hồng, Lê Đức Thọ, Xuân Thủy, Tố Hữu, Nguyễn Ái Quốc...

Thơ lãng mạn (phong trào Thơ mới) mang cái "tôi" cá nhân độc đáo, mới mẻ với sự cách tân về cả nội dung và hình thức thể hiện. Một số cây bút tiêu biểu: Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Chế Lan Viên, Huy Cận...

# Vội vàng

Tôi muốn tắt nắng đi  
Cho màu đừng nhạt mất.  
Tôi muốn buộc gió lại  
Cho hương đừng bay đi.

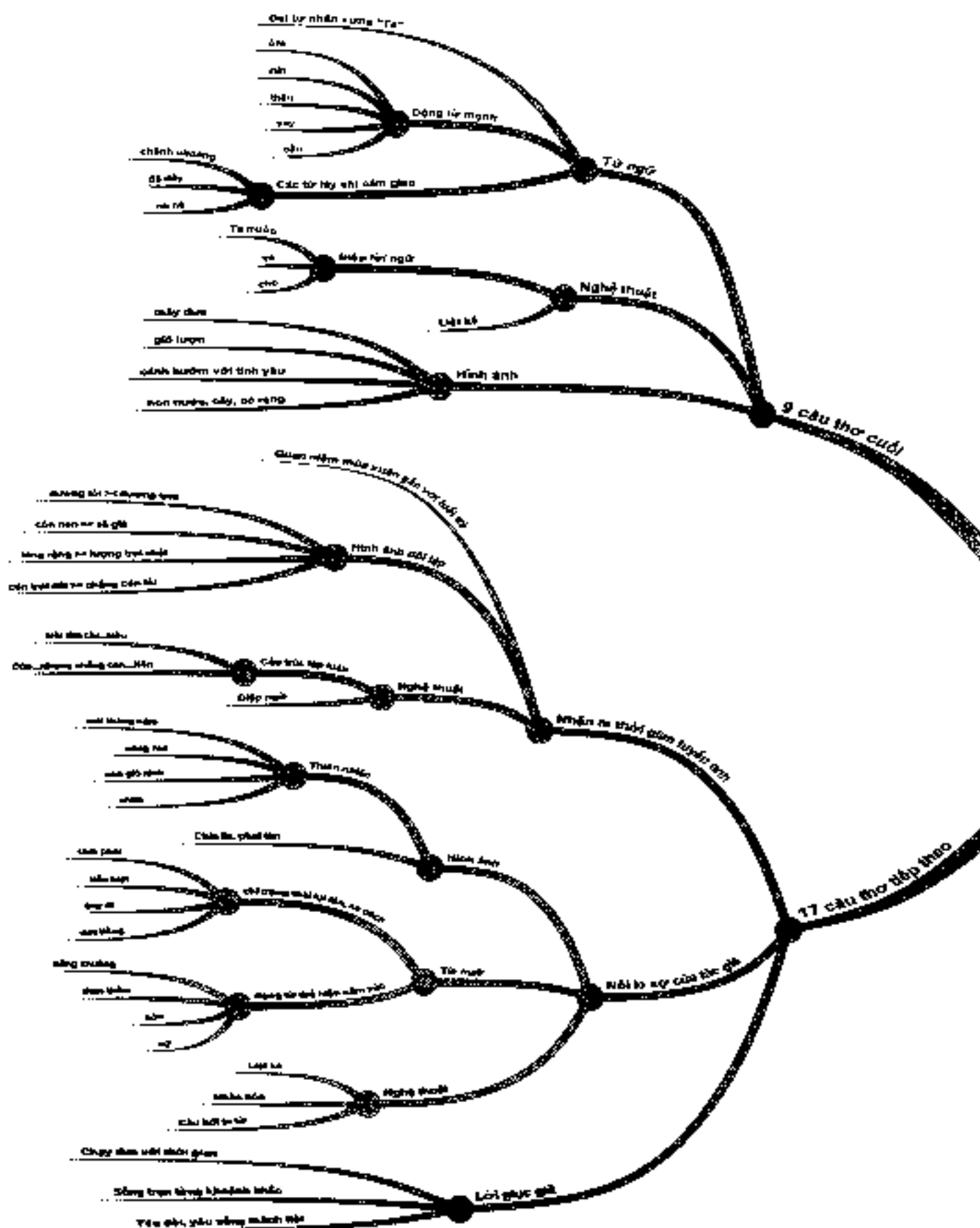
Của ong bướm này đây tuần trăng mật;  
Này đây hoa của đồng nội xanh rì;  
Này đây lá của cành tơ phơ phất;  
Của yến anh này đây khúc tình si;  
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi,  
Mỗi sáng sớm, thần Vui hằng gõ cửa:  
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần;  
Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa:  
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.  
Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,  
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,  
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.  
Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật,  
Không cho dài thời trẻ của nhân gian,



Mỗi làm chỉ rằng xuân cũn tuần hoàn.  
Mỗi tuổi trở chẳng hai lần thắm lại!  
Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,  
Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời;  
Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi,  
Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt...  
Cơn gió xinh thì thào trong lá biếc,  
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi ?  
Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi,  
Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa ?  
Chẳng bao giờ. ời ! Chẳng bao giờ nữa...  
Mau đi thôi ! Mùa chưa ngả chiều hôm,  
Ta muốn ôm !

Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn;  
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,  
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,  
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều  
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,  
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,  
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;  
- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi !

Hương Giang

[illegible]

4 câu thơ đầu

9 câu thơ tiếp theo

Từ ngữ  
Động từ: nhận, trông, được  
Động từ nhận dùng "Được"  
Ngôn ngữ  
Động từ nhận lại là  
Lời nói trong các cuộc đời

Ngôn ngữ  
Khả năng nói là nước muốn ngừng xuống  
Khả năng nói là một cái tim yêu đời, hay sống

Ngôn ngữ  
Động từ  
Thế cho từ ngữ

Từ ngữ  
Từ "của" dùng để đầu  
Sự xuất hiện đầy đặc của các từ chỉ đến "của"  
vui  
ngon  
hình ảnh  
hình ảnh

Hình ảnh  
Thần thoại  
Động từ, động từ, "sống non biển rộng"

Ngôn ngữ  
Lịch sử  
Động từ "Này đây"  
Động từ "đến đây" cho hàng mi  
Động từ "Tháng giêng ngon như một cặp môi đỏ"  
Động từ tạo ra câu thơ ngắn gọn

Ngôn ngữ  
Động từ nói gần  
Thần thoại một lần  
Khả năng nói gần, tận hưởng  
Động từ nói gần

# ĐỀ THI VÀO LỚP 10 CHUYÊN VĂN HỌC VÀ TIẾNG ANH

## LỊCH SỬ VĂN HỌC VIỆT NAM - THƠ MỚI VÀ THƠ MỚI NHỎ VÀ TẬP PHÁP

### 1. Tác giả Xuân Diệu (1916 - 1985)

**Hoài Thanh:** "Thơ Xuân Diệu là một nguồn sông dào dạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này. Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống với vàng, sống cuồng quýt, muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình... Xuân Diệu là nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới".

**Thế Lữ:** "Xuân Diệu là một người của đời, một người ở giữa loài người. Lầu thơ của ông xây dựng trên đất của một tấm lòng trần gian".

**Nguyễn Đăng Mạnh:** "Xuân Diệu là nhà thơ của niềm giao cảm hết mình giữa con người với con người, một phát hiện và hạnh phúc tuyệt vời mà cuộc sống trần thế ban phát cho nhân loại. Đến với Xuân Diệu, không có giao cảm với con người thì cuộc đời chỉ là se mạc, hư vô".

**Vương Trọng:** "Cây đời mãi mãi xanh tươi.  
Tình yêu mãi mãi cần tới thiết tha  
Thơ anh mãi mãi là hoa  
Cho đời lúc hái làm quà tặng nhau".

Một số nhận định

Ông (Xuân Diệu)  
thơ tình

Cuộc đời  
 Quê hương  
 Quê cha: Hà Tĩnh  
 Quê mẹ: Bình Định  
 Con người  
 Thừa hưởng văn hóa Hán học từ cha  
 Tri thức Tây học chịu ảnh hưởng của văn hóa Pháp

(Thơ) Thừa kế ảnh hưởng từ văn hóa Hán qua văn hóa Việt và phương Đông và phương Tây

Thơ  
 Gợi hương cho gió  
 Ngọn quốc kì  
 Tuyên tập Xuân Diệu  
 ...  
 phần thống vàng  
 Trường ca  
 Văn xuôi  
 Miền Nam nước Việt

Sự nghiệp

Phê bình, tiểu luận  
 Thanh niên với quốc văn  
 Tiếng thơ  
 Những bước đường tư tưởng của tôi  
 Phê bình gián tiếp thơ

Sáng tác nhiều thể loại nhưng nổi bật vẫn là thơ

Địch thuật

Thi hào Nêđéc  
 V.L. Lenin  
 Vây giữa tình yêu  
 Những nhà thơ Bungari  
 ...

## 2. Tác phẩm "Vội vàng"

### a. Xuất xứ

- Sáng tác năm 1938
- In trong tập "Thơ thơ"

### b. Bố cục

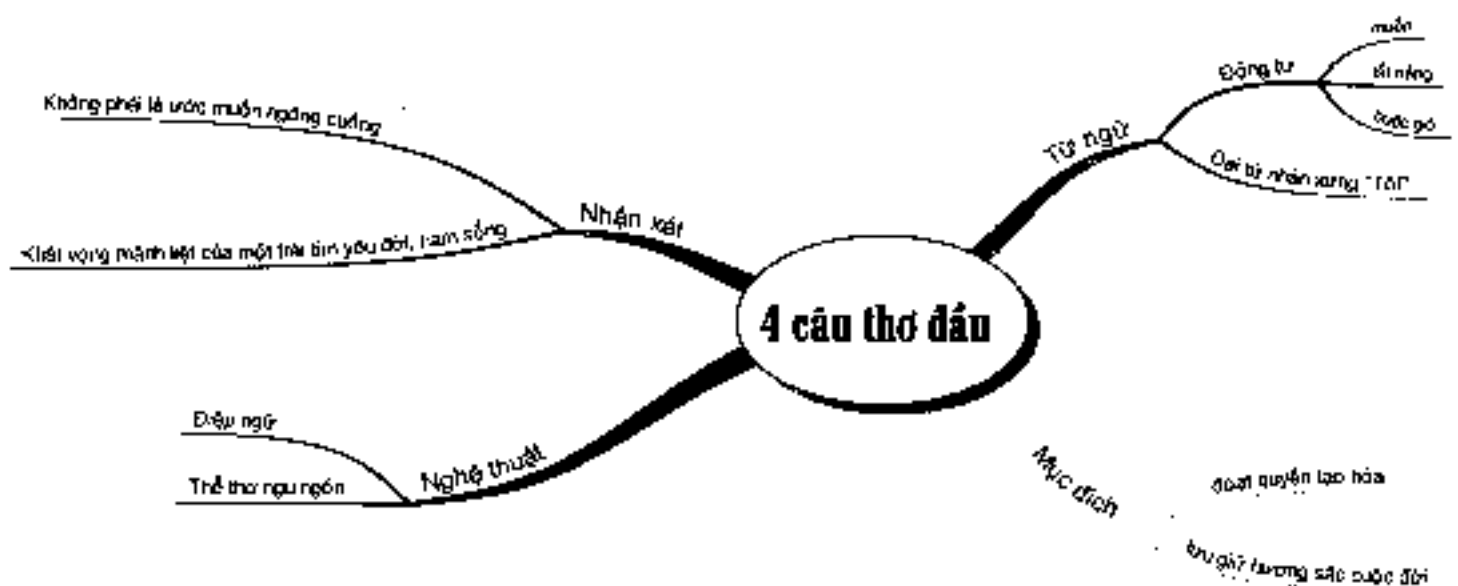
4 phần:

- Phần 1 (4 câu thơ đầu): Ước muốn đoạt quyền tạo hóa.
- Phần 2 (9 câu thơ tiếp): Thiên đường mặt đất.
- Phần 3 (17 câu thơ tiếp): Thời gian tuyến tính.
- Phần 4 (9 câu thơ cuối): Khao khát giao cảm, hòa nhập tuyệt đối.

### c. Bài thơ là gì? Phân tích 4 câu thơ đầu của bài thơ

#### 1. Ước muốn đoạt quyền tạo hóa

*Đi muốn tài năng gì  
Chia mình đường chật hẹp  
Đi muốn hết giờ lại  
Thơ hương đang bay đi*



**\* Từ ngữ:**

- Đại từ nhân xưng "Tôi": đồng đặc, quyết liệt vang lên thể hiện tư thế của con người cá nhân giữa đất trời, vũ trụ.
- Sử dụng những động từ thể hiện niềm khao khát cá nhân "muốn", "tắt nắng", "buộc gió".

**\* Mục đích:**

Tác giả muốn "tắt nắng", "buộc gió", muốn đoạt quyền tạo hóa để ngăn chặn sự già nua, tàn tạ và lưu giữ lại những hương sắc của cuộc đời đẹp tươi.

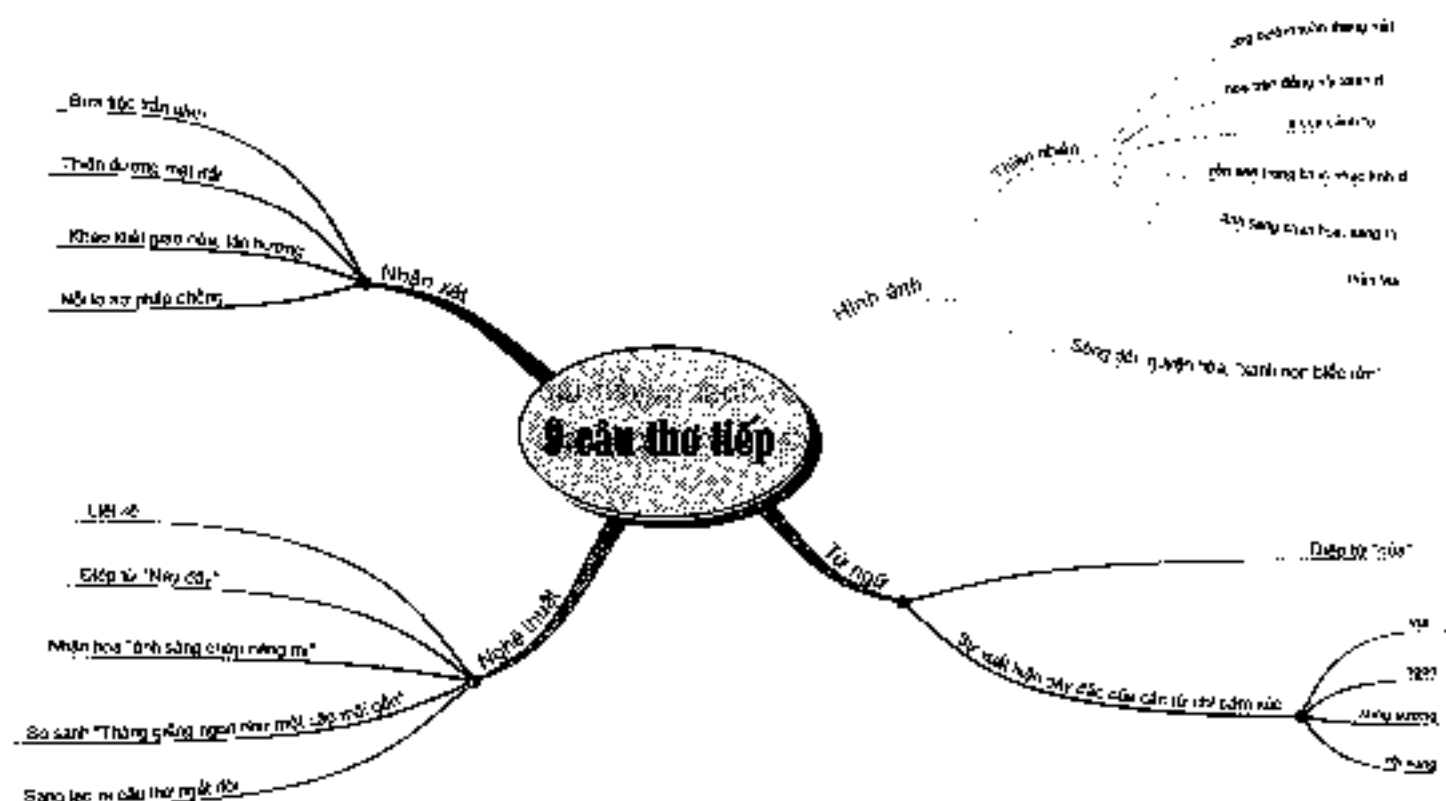
**\* Nghệ thuật:**

- Thể thơ ngũ ngôn cùng với điệp ngữ "Tôi muốn" nhằm nhấn mạnh khát vọng khỏe khoắn, mãnh liệt muốn chế ngự thiên nhiên.

*Không hề là những ước muốn nông cuồng, bốn câu thơ đầu vang lên đã thể hiện khát vọng mãnh liệt của một trái tim yêu đời, ham sống. Nó như một lời tuyên ngôn về lí tưởng sống giàu chất nhân văn: Sống say đắm, sống nồng nàn để lưu giữ vĩnh viễn những vẻ đẹp của cuộc đời.*

## 2. Thiên đường mặt đất

## Phân tích bài thơ "9 câu thơ Hết"



**- Hình ảnh thiên nhiên sống đời, quây quần hòa, "xanh non biếc rờn", căng tràn sự sống:**

- + Ong bướm đang trong tuần tháng mật nên tất bật, hăng say, hối hả
- + Vẻ đẹp của những bông hoa rực rỡ trên nội cỏ xanh rì
- + Sắc xanh biếc của những chiếc lá non trên cánh tơ
- + Đôi yến anh chao liệng, ca hát những khúc nhạc tình si mê đắm, quây quần hòa
- + Ánh sáng bình minh chan hòa, sáng rọi
- + Niềm vui ngây mới

**- Từ ngữ:**

- + Từ "Cửa" đứng đầu câu, xuất hiện nhiều lần:
  - như một dấu nối liên kết giữa khổ 1 và khổ 2, thể hiện sự liên mạch của bài thơ.
  - để chỉ sự sở hữu trực tiếp
- + Sự xuất hiện dày đặc của các từ ngữ chỉ cảm xúc:
  - "vui", "ngon", "sung sướng": niềm vui, niềm hạnh phúc tột độ của thi nhân khi được đắm mình trong bữa tiệc trần thế.
  - "vội vàng": sự lo âu pháp phông trở lại.

Xuân Diệu đã "đốt cảnh bông lai, xua ai nấy về hạ giới" để chiêm ngưỡng bức tranh thiên đường mật đất, thường thức bữa tiệc trần gian. Qua bức tranh mùa xuân tươi đẹp ngập tràn sức sống, ta có thể thấy niềm khao khát mãnh liệt của thi nhân trước cảnh sắc tuyệt mỹ của thiên nhiên, đất trời.



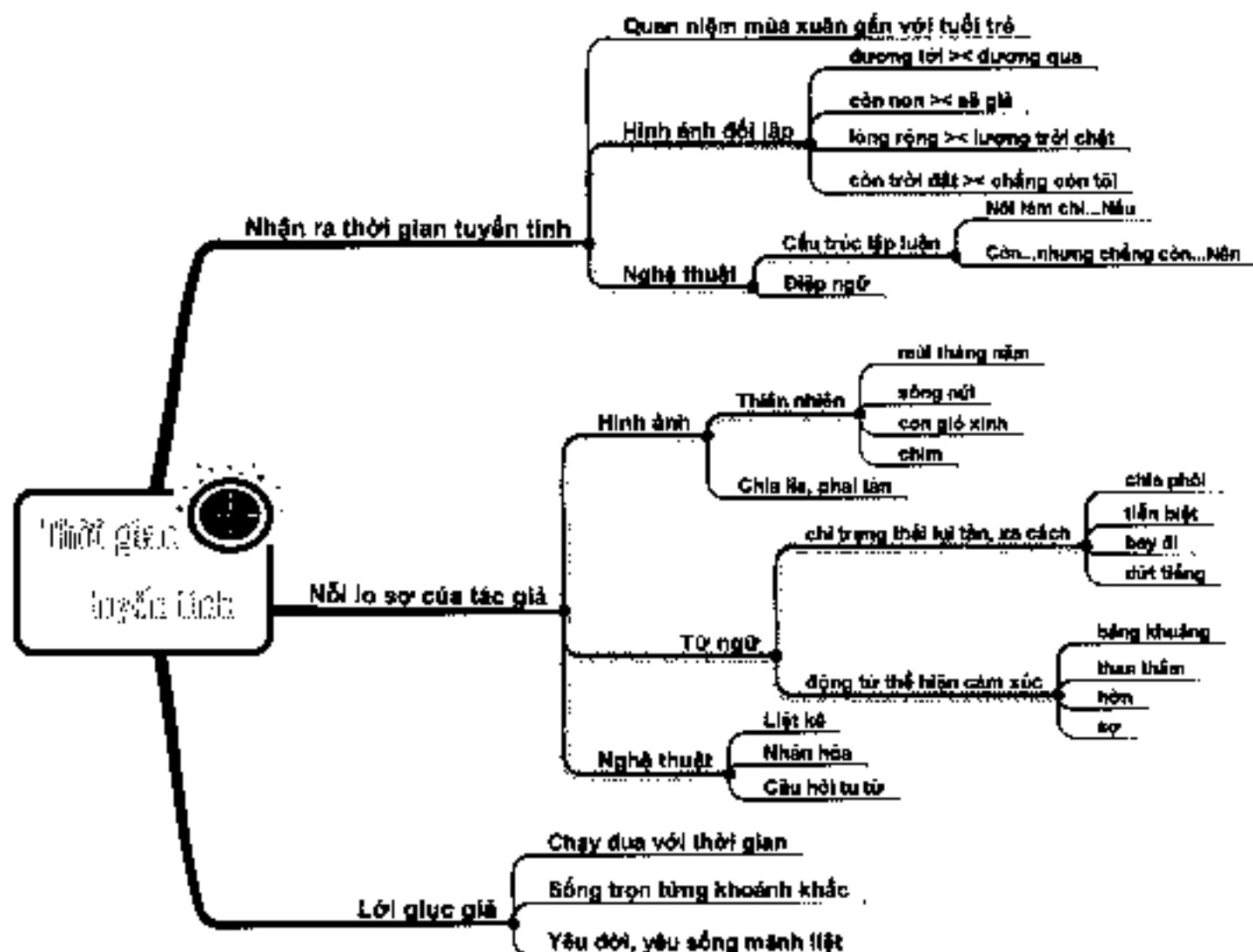
#### - **Nghệ thuật:**

- + **Liệt kê:** thể hiện sự giàu có, phong phú của hương sắc cuộc đời.
- + **Điệp ngữ "Này đây":** luyến láy giữa các dòng thơ vừa như tiếng reo vui kinh ngạc, vừa như lời kể hân hoan, tự hào về vẻ đẹp của mùa xuân căng tràn sức sống.
- + **Nhân hóa "ánh sáng chớp hàng mi":**
  - Xuất phát từ quan niệm "người ta là hoa đất", lấy con người làm trung tâm của vạn vật.
  - Ánh bình minh tinh khôi không phải phát ra từ mặt trời mà từ đôi mắt của người thiếu nữ mang tên "Ánh sáng".
- + **Sơ sánh "tháng giêng ngon như một cặp môi gần":**
  - **Khẳng định gián tiếp:** con người là chuẩn mực của cái đẹp trong nhân gian.
  - **Cụ thể:** hữu hình hóa hình ảnh "tháng giêng" trừu tượng.
  - **Nghệ thuật chuyển đổi cảm giác** tạo cảm giác gần gũi, ngọt ngào, say đắm.
- + **Câu thơ bị ngắt đứt:** thể hiện sự bưng bít của thi nhân. Ông phấp phỏng lo sợ ngay khi đang say đắm giao hòa cùng vạn vật. Đồng thời, nêu lên một thông điệp ý nghĩa: Phải hưởng thụ mùa xuân ngay khi xuân vừa tới để khi hạ đến không ai phải nuối tiếc, xót xa.

*Hình ảnh thơ đẹp, táo bạo, độc đáo góp phần thể hiện mong muốn được giao hòa đến tận cùng của nhà thơ với cuộc đời. Bên cạnh đó, tác giả thể hiện nỗi lo sợ khi những điều tuyệt vời đang dần trôi qua.*

### 3. Thời gian tuyến tính

Thời gian tuyến tính là thời gian được diễn tả theo một trục thẳng, có đầu và cuối, thể hiện sự trôi chảy liên tục của thời gian. Trong văn học, thời gian tuyến tính thường được sử dụng để kể chuyện, mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian. Thời gian tuyến tính có thể được chia thành hai loại: thời gian thực và thời gian hư cấu. Thời gian thực là thời gian được diễn tả theo đúng quy luật của thực tế, trong khi thời gian hư cấu là thời gian được diễn tả theo quy luật của tác giả. Thời gian tuyến tính là một khái niệm quan trọng trong văn học, giúp chúng ta hiểu được cách mà tác giả sử dụng thời gian để kể chuyện và thể hiện tư tưởng.



**\* Tác giả nhận ra thời gian tuyến tính**

- Quan niệm mùa xuân gắn với tuổi trẻ:

- + Mùa xuân là biểu tượng cho thiên nhiên tươi thắm, cho tuổi thanh xuân đẹp nhất của đời người.
- + Cuộc đời sẽ tàn khi mùa xuân qua đi.

- Hình ảnh đối lập: đương tới - đương qua; còn non - sẽ già; lòng rộng - lượng trời chật; còn trời đất - chẳng còn tôi  $\Rightarrow$  thể hiện những quan niệm sâu sắc về thời gian và tâm trạng tiếc nuối, vội vã khi nhận ra sự hữu hạn của đời người trước dòng chảy tuyến tính quặn xiết.

- **Nghệ thuật:**

- + Cấu trúc lập luận: Nói làm chi... Nếu; Còn... nhưng chẳng còn... Nên: nói ý thơ, giải thích về sự khám phá mới mẻ.

*Khác với những thi nhân trung đại giai đoạn trước, Xuân Diệu nhận ra, thời gian không phải một vòng tuần hoàn. Không phải "xuân đi xuân lại lại", thời gian chính là một dòng chảy tuyến tính một đi*

+ Điệp ngữ: nghĩa là tạo thành câu định nghĩa, giải thích về sự phát hiện của tác giả về mối liên hệ giữa cuộc đời vô hạn chảy trôi và thời gian sống hữu hạn của con người.

**\* Nỗi lo sợ của tác giả**

- Hình ảnh thiên nhiên mùa xuân với: mùi tháng, năm, sông núi, con gió xinh, chim muông...

- Kết hợp với những từ ngữ chỉ trạng thái lụi tàn, xa cách: rơm vụn chia phôi, tiễn biệt, bay đi, dứt tiếng và những động từ thể hiện cảm xúc trực tiếp: băng khuâng, than thầm, hờn. sợ đã thể hiện nỗi lo sợ khi tất cả những điều tươi đẹp đang tan tác, chia lìa.

- **Nghệ thuật:** liệt kê, nhân hóa và câu hỏi tu từ đã giúp tác giả thể hiện cảm xúc một cách ấn tượng, sâu sắc và hấp dẫn hơn.

**\* Lời giục giã**

- Không phải là thái độ sống gấp gáp, hưởng thụ mà là cái tôi tích cực can kháng định. Lưu luyến với đất trời nhưng không đắm chìm vào ảo tưởng mà thể hiện bằng hành động chạy đua với thời gian, níu kéo thời xuân sắc của đời người.

- Sống trọn từng khoảnh khắc, từng phút giây để không uổng phí hương của gió, màu của nắng...

- Đó là lòng yêu đời, lòng ham sống mãnh liệt của thi nhân.

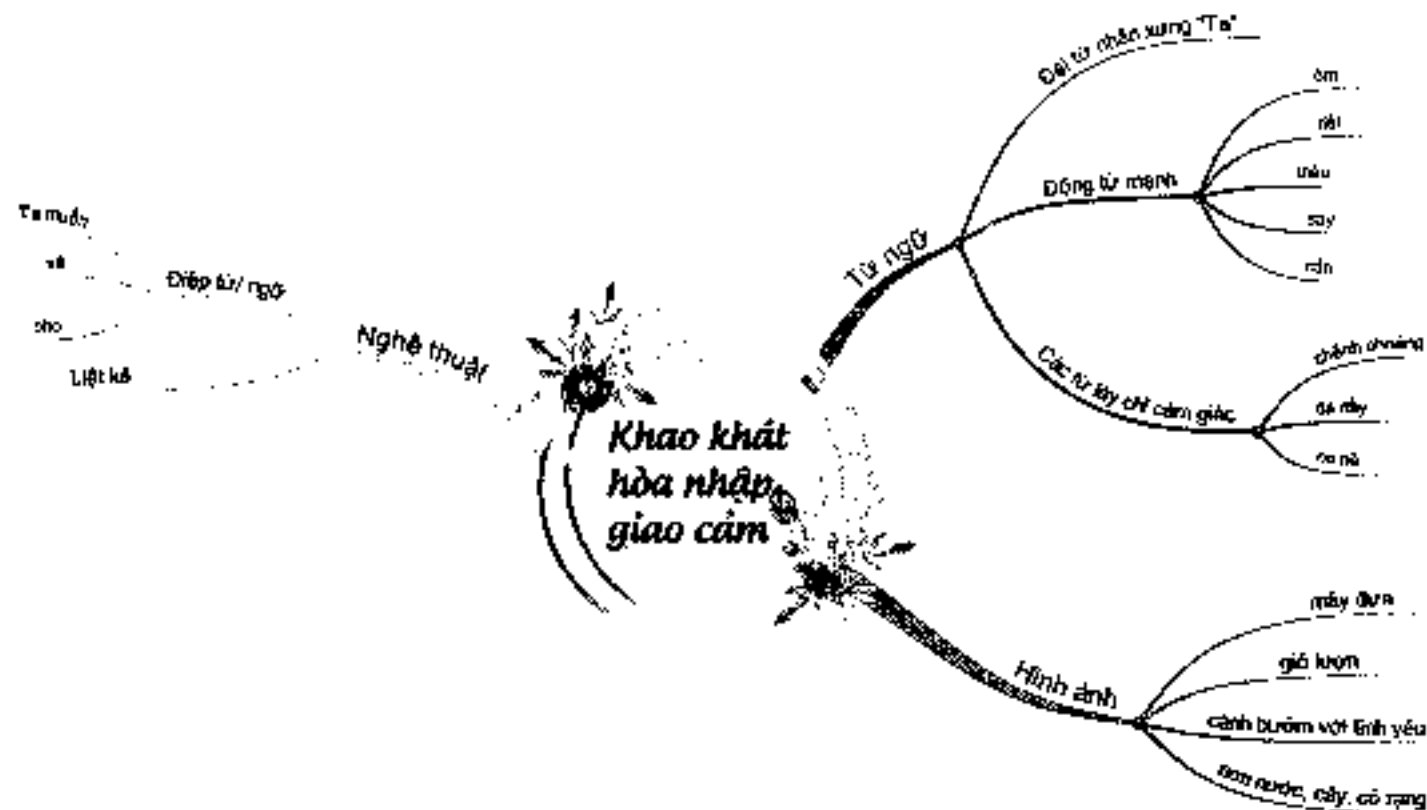
*không trở lại, mỗi giây phút qua đi là một mảnh đời đã mất. Vì thế, tác giả cuống quýt, lo âu, thức nức và cất lên lời giục giã hãy sống nhanh, sống gấp, sống trọn từng phút giây.*

#### 4. Khao khát giao cảm, hòa nhập

Đến khổ thơ cuối, tác giả đã thể hiện khát vọng giao cảm, hòa nhập của mình với thiên nhiên và con người. Đó là khát vọng được sống hòa nhập với thiên nhiên và con người, được sống trọn vẹn trong từng khoảnh khắc của cuộc đời.

Tác giả đã thể hiện khát vọng này bằng những câu thơ ngắn gọn, súc tích, giàu hình ảnh và cảm xúc. Những câu thơ như: "Tôi muốn sống hòa nhập / Với thiên nhiên và con người" thể hiện khát vọng được sống hòa nhập với thiên nhiên và con người, được sống trọn vẹn trong từng khoảnh khắc của cuộc đời.

Khát vọng này là khát vọng của tất cả con người, khát vọng được sống hòa nhập với thiên nhiên và con người, được sống trọn vẹn trong từng khoảnh khắc của cuộc đời. Đó là khát vọng được sống hòa nhập với thiên nhiên và con người, được sống trọn vẹn trong từng khoảnh khắc của cuộc đời.



#### \* Từ ngữ

- Ở khổ thơ đầu, tác giả xưng "Tô" để thể hiện bản lĩnh cá nhân. Khổ thơ cuối đã chuyển thành đại từ "Ta" rất tự nhiên ⇒ Cảm xúc của cái "tôi" cá nhân đã tìm thấy sự đồng điệu với cái "ta" cộng đồng để khao khát sự sống được trọn vẹn, đủ đầy. Câu thơ "Ta muốn ôm" thất lại giữa bài thơ khiến ta liên tưởng đến vòng tay thi nhân đang dang ra quên quýt, níu giữ cuộc đời.

- Các động từ mạnh phát triển theo cấp độ từ thấp đến cao nhằm thể hiện những trạng thái, cảm xúc mỗi lúc một nồng nhiệt. Những từ láy chỉ cảm giác căng tràn, hả hê, kết hợp uyển chuyển, lồng ghép, hiện hiện giữa những dòng thơ đã góp phần thể hiện: nhà thơ không chỉ giục giã mà còn hăm hở ôm ghi lấy sự sống để tận hưởng hương sắc và ngọt ngào của đời.

Qua đoạn thơ ta thấy tâm hồn Xuân Diệu rất tinh tế và nhạy cảm luôn rộng mở để đón nhận mọi sắc màu, hương thơm, vị ngọt của cuộc đời. Quan niệm sống của tác giả vừa thực tế vừa lãng mạn đậm chất nhân văn, những hình ảnh trong khổ thơ cuối là những hình ảnh mang tính biểu tượng chỉ khái quát tổng thể toàn vẹn, hoàn mĩ nhất của cuộc sống tuổi trẻ. Ta cảm thấy như Xuân Diệu đưa người đọc đi vào từng chặng của niềm hạnh phúc, đắm say giống như

**\* Hình ảnh**

Bổ ngữ cho những động từ mạnh là các hình ảnh "mây đưa", "gió lượn", "cánh bướm", "tình yêu", "non nước", "cây", "cỏ rặng"... kết hợp với biện pháp tu từ liệt kê khiến cho bức tranh mùa xuân hiện lên với những màu sắc, đường nét sinh động.

**\* Nghệ thuật**

- Điệp ngữ "Ta muốn" lặp đi lặp lại với âm hưởng khẩn thiết trở thành cao trào của khát vọng sống. Điệp từ "và", "cho" xuất hiện tạo nên âm hưởng dồn dập, gấp gáp như nhịp điệu của những bước chạy đua của thi sĩ với thời gian, với sự sống.

- Liệt kê: tạo nên bức tranh mùa xuân đa sắc màu, hấp dẫn, lôi cuốn.

- Câu thơ kết: đỉnh cao của sự trọn vẹn, tận hưởng. Mùa xuân trong "Vội vàng" hồng như trái quả ngọt ngào mà thi sĩ muốn cắn vào tận hưởng. Đây quả là sự giao cảm tạo bạo của trái tim căng đầy sự sống và tình yêu.

*con ong đắm chìm trong mật  
hoa và bay ra ngất ngây trong  
bầu một ngọt của nó.*

Ước muốn đoạt quyền  
tạo hóa

Vì phát hiện ra

Thiên đường mặt đất

*Mạch  
cảm xúc*

giật  
mình  
nhận  
ra

Khao khát giao hòa  
tuyệt đối

nên

Thời gian tuyến tính

Đây

thôn

Vĩ Dạ

Hàn Mặc Tử

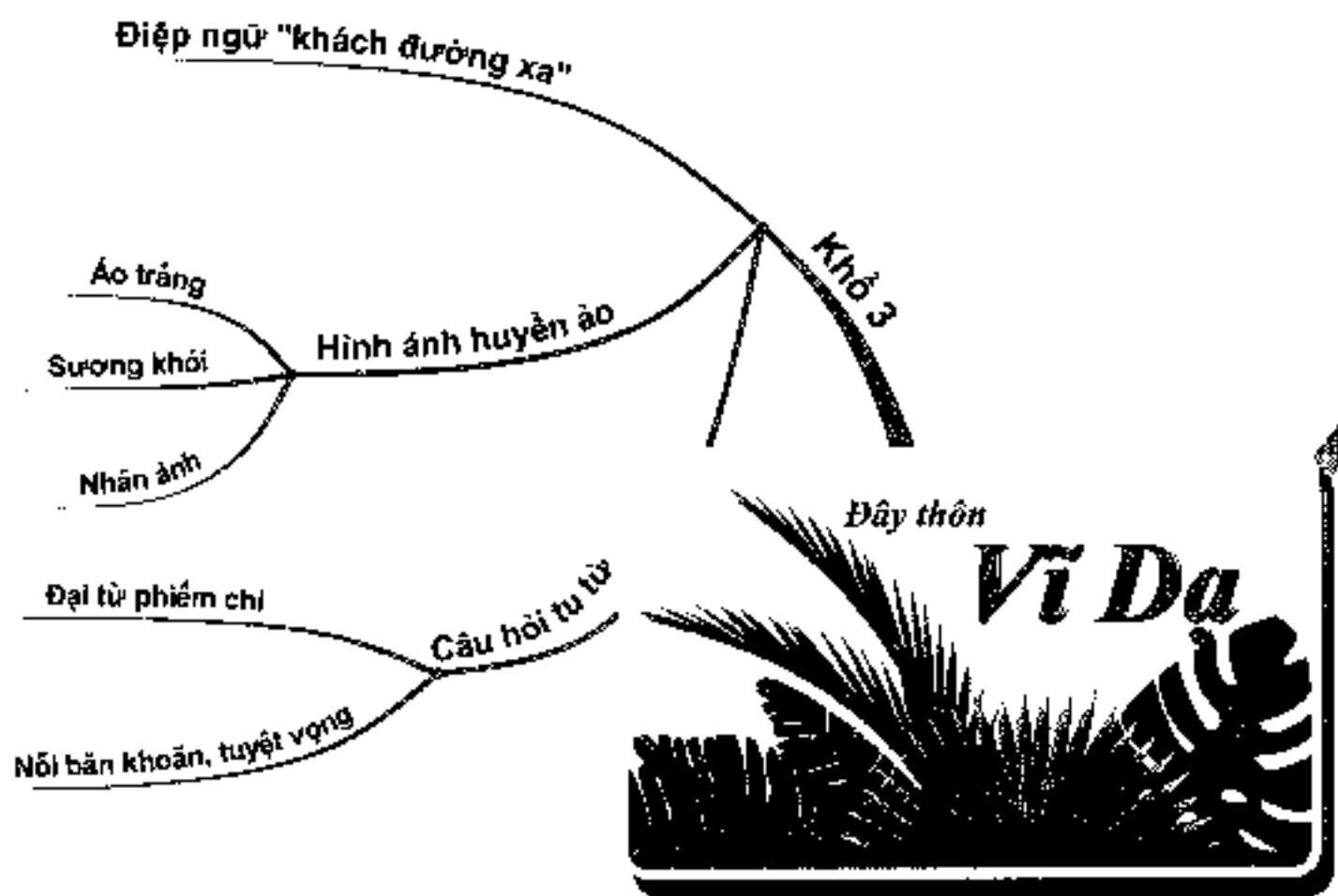


Gác anh không rõ chơi thén M?  
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên  
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc  
Lá trúc che ngang mặt chữ điền

Gié thóc lồi gié mây đường mây  
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay  
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó  
Có chở trăng về kịp tối nay?

Mơ khách đường xa, khách đường xa  
Áo em trắng quá nhìn không ra  
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh  
Ai biết tình ai có đậm đà?

# Phân tích bài thơ





Phần 1

Hình ảnh	Ý nghĩa	Giọng điệu thân tình	
		Lời trách móc nhẹ nhàng	
		Lời mời gọi chân tình, tha thiết	
		Lời tự vấn	
Hình ảnh	Ý nghĩa	Năng hàng cau	
		Năng mới lên	
		mướt quá	
		xanh như ngọc	
Hình ảnh	Ý nghĩa	Khuôn mặt của cô gái Huế	
		Khuôn mặt của nhà thơ	
		Điệp từ "gió", "mây"	
		Từ ngữ không theo quy luật tự nhiên	

Thiên nhiên không hòa hợp

Nhịp thơ 4/3

Đại từ phiếm chỉ "ai"

Hình ảnh "trắng"

Từ "kịp"

Nhân hóa

Động từ gợi tâm trạng

Phần 2

Nỗi lo âu, phấp phồng

Nỗi buồn trĩu nặng

## NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý VỀ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

### 1. Tác giả Hàn Mặc Tử (1912 - 1940)

- Sinh năm 1912 tại thị xã Đồng Hới (Quảng Bình).
- Xuất thân trong một gia đình công giáo nghèo, hồi nhỏ sống ở gần Động Cát, chợ Chùa Me, Quảng Ngãi ⇒ hình thành nên kỉ ức về cõi không gian liêu trai, mờ ảo.
- Thời niên thiếu từng sống ở Huế ⇒ Kỉ ức về thời kì tươi đẹp nhất cuộc đời.
- Cuộc đời: Mất năm 1940 tại trại phong Tuy Hòa ⇒ Cuộc đời tái hoạ bạc mệnh, đầy bi thương, đường tình đau đớn.
- Phong cách: Là nhà thơ thuộc trường phái thơ siêu thực, quan niệm thơ độc đáo, khác lạ, cái nhìn siêu thực, ngôn ngữ lạ hóa.

### 2. Tác phẩm

\* **Hoàn cảnh sáng tác:** Lấy cảm hứng từ một cuốn bưu thiếp mà Hoàng Cúc gửi cho Hàn Mặc Tử sau khi biết được tình yêu đơn phương mà Hàn Mặc Tử dành cho mình (1938).

#### \* **Bố cục (3 phần)**

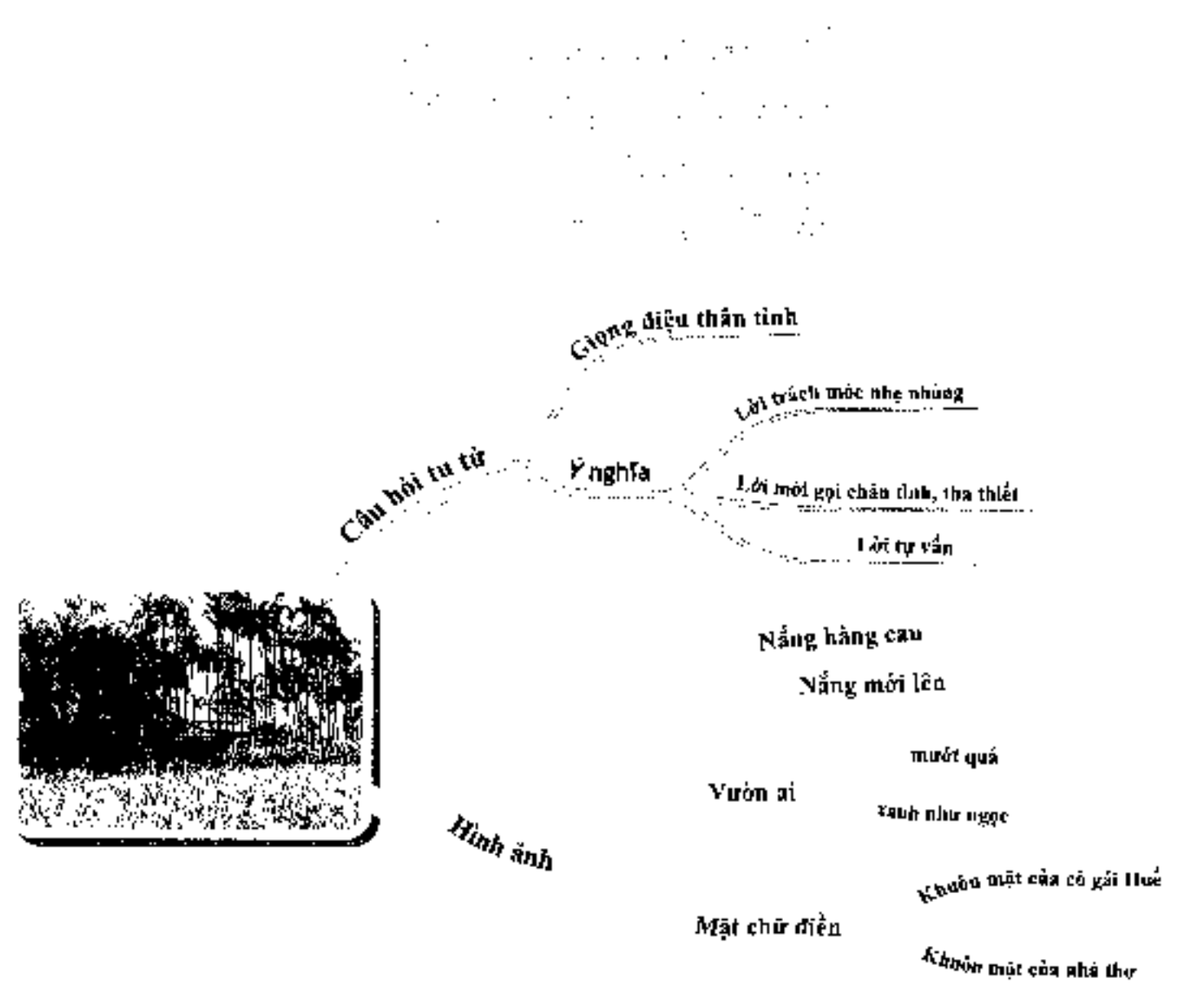
- **Phần 1 (khổ 1):** Không gian cảnh vườn thôn Vĩ, nét đặc trưng của thiên nhiên xứ Huế với nỗi nhớ da diết.
  - **Phần 2 (khổ 2):** Không gian bên sông trăng thực ảo đan xen và tâm trạng buồn đau, chia lìa.
  - **Phần 3 (khổ 3):** Không gian thiên nhiên chấp chờn gắn với cảm xúc mơ tưởng, hoài nghi.
- ⇒ **Thiên nhiên vận động theo logic của tâm trạng**

*“Trước không có ai, sau không có ai, Hàn Mặc Tử như một ngôi sao chổi xoẹt qua bầu trời văn học Việt Nam với cái đuôi chổi lửa rực rỡ của mình”*

*“Tôi xin hứa hẹn với các người rằng, mai sau, những cái tâm thương, mực thước kia sẽ biến tan đi, và còn lại của cái thời kỳ này, chút gì đáng kể đó là Hàn Mặc Tử”*

*Chế Lan Viên*

**1. Không gian cảnh vườn thôn Vĩ, nét đặc trưng của thiên nhiên xứ Huế với nỗi nhớ da diết**



<p><b>- Câu hỏi tu từ, giọng điệu thơ thân tình da diết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lời trách móc nhẹ nhàng.</li> <li>+ Lời mời gọi chân thành tha thiết.</li> <li>+ Lời phân thân tự hỏi chính mình.</li> </ul> <p>⇒ Nỗi niềm đau xót, tiếc nuối ngẹn ngào có nhiều hối tiếc.</p>	<p><b>Khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp, đơn sơ nhưng hết sức ấn tượng và giàu sức sống, con người đôn hậu, dịu dàng, đậm thắm. Cảnh và người thôn Vĩ trong kí ức và tưởng tượng càng tươi đẹp bao nhiêu</b></p>
---	--

### - Hình ảnh

- + Nắng hàng cau.
- + Nắng mới lên.
- + Vườn ai mướt quá xanh như ngọc.

→ Thiên nhiên hiện lên trong trẻo, âm áp, tinh khôi, đầy sức sống, tươi đẹp mơn mớn.

#### + "Mặt chữ điền":

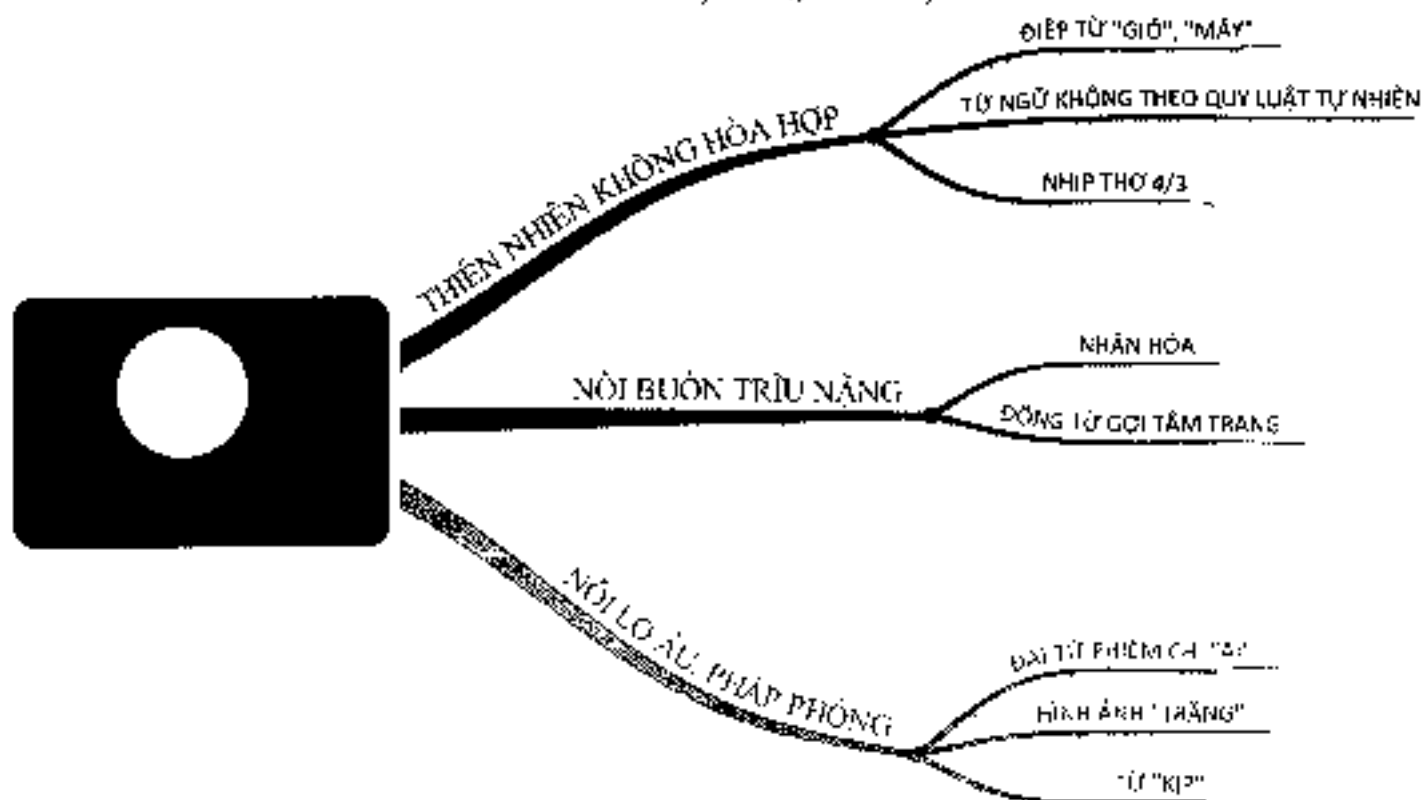
- Khuôn mặt cô gái Huế.
- Khuôn mặt của nhà thơ.

⇒ Hình tượng thơ đa nghĩa, độc đáo, ấn tượng, khắc họa nét đẹp kin đáo, đặc trưng của con người xứ Huế, tạo nên cái thần của thôn VI.

thi Hàn Mặc Tử càng đau khổ và nuối tiếc bởi không thể nào quay trở về được nữa. Đây là cái "tôi" buồn bã, cô đơn khắc khoải của Thơ mới.

## 2. Không gian bên sông trắng thực ảo đan xen và tâm trạng buồn đau, chia lìa

*Thơ lên lời gió, sóng đương vàng  
 Lòng nước bên thềm, hoa bắp lay  
 Thuyền ai cập bến sông trăng đã  
 Có nhớ trăng cô kịp tết này?*



**\* Hình ảnh thiên nhiên không hòa hợp**

- Điệp từ "gió", "mây" tạo ra sự cố định, ngăn cách giữa những sự vật thiên nhiên.

- Thông thường, gió thổi mây bay là quy luật một chiều không thể chia cắt nhưng câu thơ lại hàm chứa những từ ngữ không tuân theo quy luật tự nhiên: Gió đi đường của gió, mây bay tới của mây, mây gió chia lìa, li tạt đoạn tuyệt với nhau.

- Nhịp thơ 4/3 đã cắt đôi câu thơ, ngắt "gió" và "mây" ra thành hai thái cực.

→ Hình ảnh thiên nhiên không hòa hợp chính là do mặc cảm về thân phận. Hàn Mặc Tử yêu thiên nhiên và cuộc sống vô cùng, tuy nhiên lại không thể trở về cuộc sống đời thường được nữa (căn bệnh vẫn bị người đời xa lánh).

**\* Nỗi buồn triu nặng**

- Nhân hóa: Dòng nước "buồn thiu"

- Động từ gợi tâm trạng kéo theo: "láy"

⇒ Từ "láy" tự nó không vui, không buồn nhưng trong cảnh này, sông nước hay chính nỗi buồn của mấy nước đã xâm chiếm vào hồn hoa bấp bên sông và tạo thành một nỗi buồn triu nặng trong lòng thi nhân. Nỗi buồn ấy xuất phát từ sự cô đơn, mặc cảm, day dứt không yên lòng, vẫn còn nhiều điều nuối tiếc.

**\* Nỗi lo âu, pháp phông**

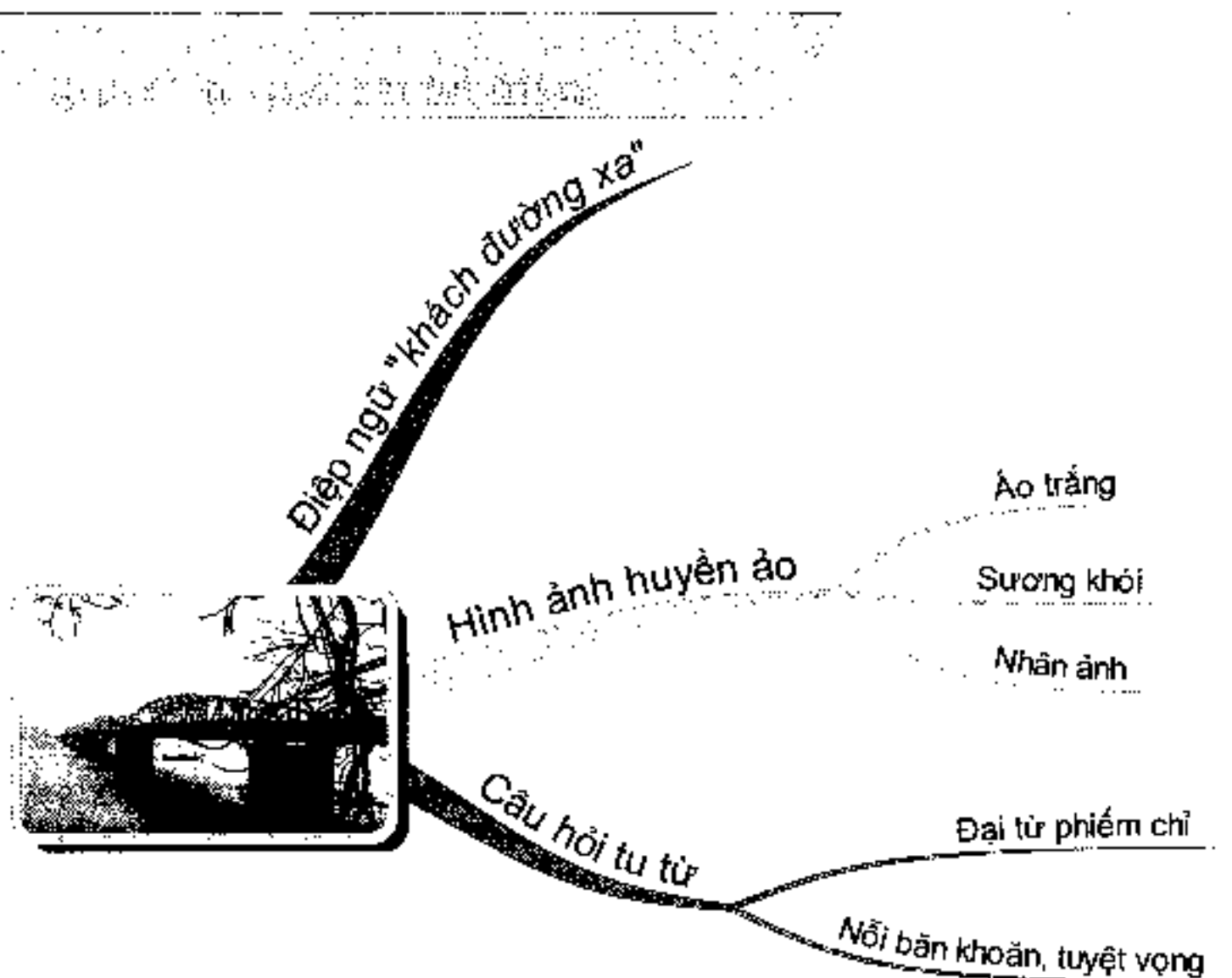
- Đại từ phiếm chỉ "ai", câu hỏi tu từ ⇒ sự mong lung, vô định.

- Hình ảnh "trăng" là tri kỷ và niềm tin cậy ⇒ Thiên nhiên tràn ngập ánh trăng tạo nên một cõi liêu trai, huyền ảo không có thực. Trăng là thứ duy nhất đi ngược lại xu thế chảy trôi của vạn vật để tìm về với thi sĩ. Trăng là điểm tựa, là niềm an ủi, là toàn bộ hi vọng về sự thấu hiểu, là cầu nối đưa nhà thơ trở về với đời thực.

- Từ "kịp" là hiện thân cho nỗi lo sợ của tác giả. Thi nhân lo sợ vì quỹ thời gian còn lại quá ít ỏi mà khát vọng giao cảm với thiên nhiên và cuộc đời vẫn còn đông đầy, tha thiết.

*Cái tôi cô đơn bị bỏ rơi, bị quên lãng giữa dòng đời tội nghiệp. Yêu cuộc sống đến mãnh liệt nhưng lại gặp phải hoàn cảnh bị thương*

**3. Không gian thiên nhiên chấp chờn gắn với cảm xúc mơ tưởng, hoài nghi**



- **Điệp ngữ** "khách đường xa" có sức gọi tà, ngắt nhịp 4/3 tạo nhịp điệu khẩn trương gấp gáp  $\Rightarrow$  Nhấn mạnh sự mong đợi tha thiết, lời khẩn khoản van nài nhưng người xưa thật xa xôi, tất cả trở nên vô vọng.

- **Hình ảnh**: màu áo trắng mờ ảo trong sương khói khiến cho dáng hình con người nhòa đi trước mắt, nhòa đi cả trong tiềm thức. Màu áo trong tâm tưởng vốn tràn đầy kỉ niệm nay lại trở nên nhạt nhòa, xa cách.

- **Câu hỏi tu từ** cùng với đại từ phiếm chỉ "ai" - lời từ đa nghĩa.

$\rightarrow$  Thiên nhiên chập chờn, ma mị, mộng ảo, vận động theo logic của tâm trạng. Đó là cái tôi đau thương, nhạt nhòa không ra đường nét, là nỗi niềm hoài nghi, khắc khoải, mong chờ trong vô vọng, là tâm trạng đau thương, mặc cảm không dám trông mong vào sự đậm đà của tình người trong chốn nhân gian.

*Một tình yêu đơn phương, day dứt đến tội nghiệp. Nỗi niềm băn khoăn, day dứt khôn nguôi càng nhấn mạnh khao khát được sống, được giao cảm, yêu thương và chia sẻ với cuộc đời.*

## **Văn bản**

### **Huy Cận**

#### **1. Tác giả Huy Cận (1919 - 2005)**

- Sinh ra trong một gia đình nhà Nho nghèo ở Hà Tĩnh.
- Lúc nhỏ, ông học ở quê, sau vào Huế học trung học, đấu tù tại Pháp; rồi ra Hà Nội học trường Cao đẳng Canh nông.
- Huy Cận có thơ đăng báo từ năm 15 tuổi, trở nên nổi tiếng với tập "Lửa thiêng".
- Trước Cách mạng, Huy Cận được biết đến như một thi sĩ hàng đầu trong phong trào Thơ mới. Thơ ông có nỗi ám ảnh thường trực là nỗi buồn nhân thế, nỗi bi sầu kéo dài.
- Sau Cách mạng, Huy Cận là nhà thơ tiêu biểu với tiếng thơ yêu đời, lạc quan, căng tràn sức sống.

#### **2. Tác phẩm**

##### **a. Hoàn cảnh sáng tác**

- Huy Cận sáng tác khi còn là sinh viên Trường Cao đẳng Canh nông.
- Vào một buổi chiều thu năm 1939, Huy Cận đứng ở bờ Nam bên Chèm sông Hồng ngắm cảnh không gian mênh mông và nghĩ về kiếp người nhỏ bé, trôi nổi, vô định.

##### **b. Ý nghĩa nhan đề và lời đề từ**

- Nhan đề: Ngay từ thi đề, nhà thơ đã khéo gợi lên vẻ đẹp cổ điển mà hiện đại cho bài thơ. "Tráng giang" là một cách nói chệch đầy sáng tạo của Huy Cận. Hai âm "ang" đi liền nhau đã gợi lên trong người đọc cảm giác về con sông, không chỉ dài vô cùng mà còn rộng mênh mông, bát ngát. Hai chữ "tráng giang" mang sắc thái cổ điển trang nhã, gợi liên tưởng về dòng Trường Giang trong Đường thi, một dòng sông của muôn thuở vĩnh hằng, dòng sông của tâm tưởng.
- Lời đề từ: nhấn mạnh không gian mênh mông và nỗi thương nhớ sâu thẳm trong lòng người.

##### **c. Bố cục**

4 phần:

- Phần 1 (Khổ thơ 1): Khung cảnh sông nước mênh mông, bất tận.
- Phần 2 (Khổ 2): Cảnh cồn bển hoang vắng trong nắng chiều.
- Phần 3 (Khổ 3): Cảnh bãi trời, bờ xanh hoang vắng.
- Phần 4 (Khổ 4): Tâm sự nhớ quê và nỗi niềm của nhà thơ.

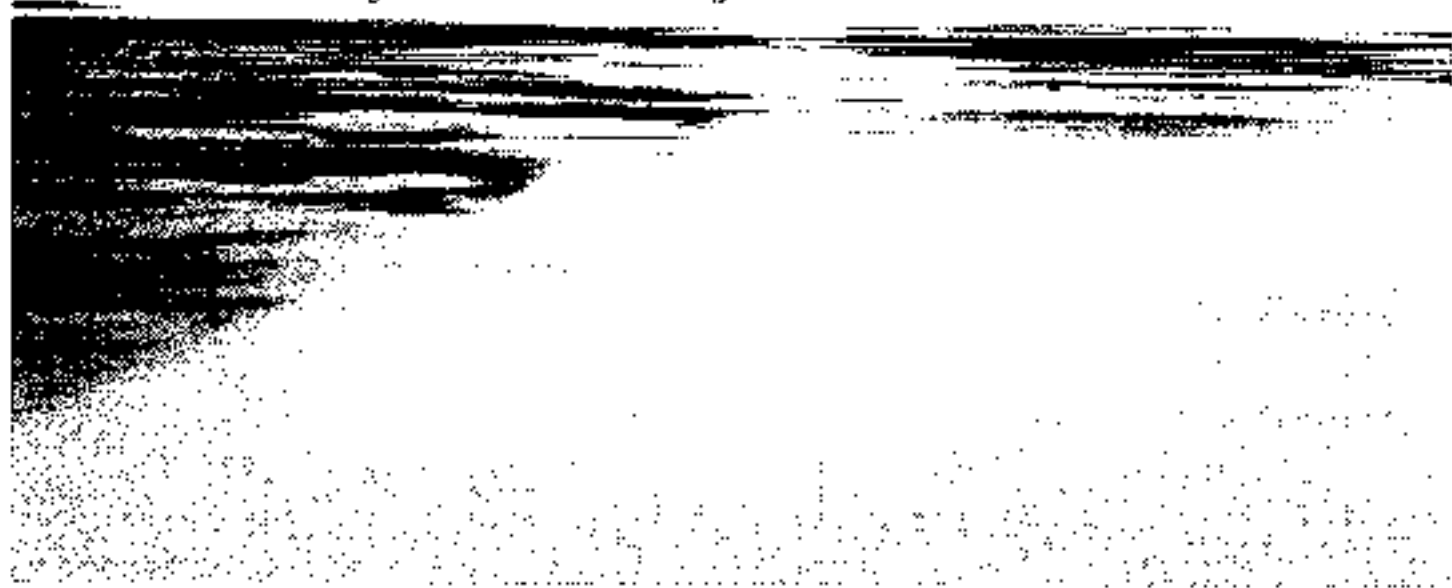
Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài

(H.C  
Trần Khánh Giư)

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,  
Con thuyền xuôi mái nước song song.  
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả,  
Củi một cành khô lạc mấy dòng.

Cỏ đước chen bờ như biển đen  
Tiên rồng sóng nước cuộn sóng triều  
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả

Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.



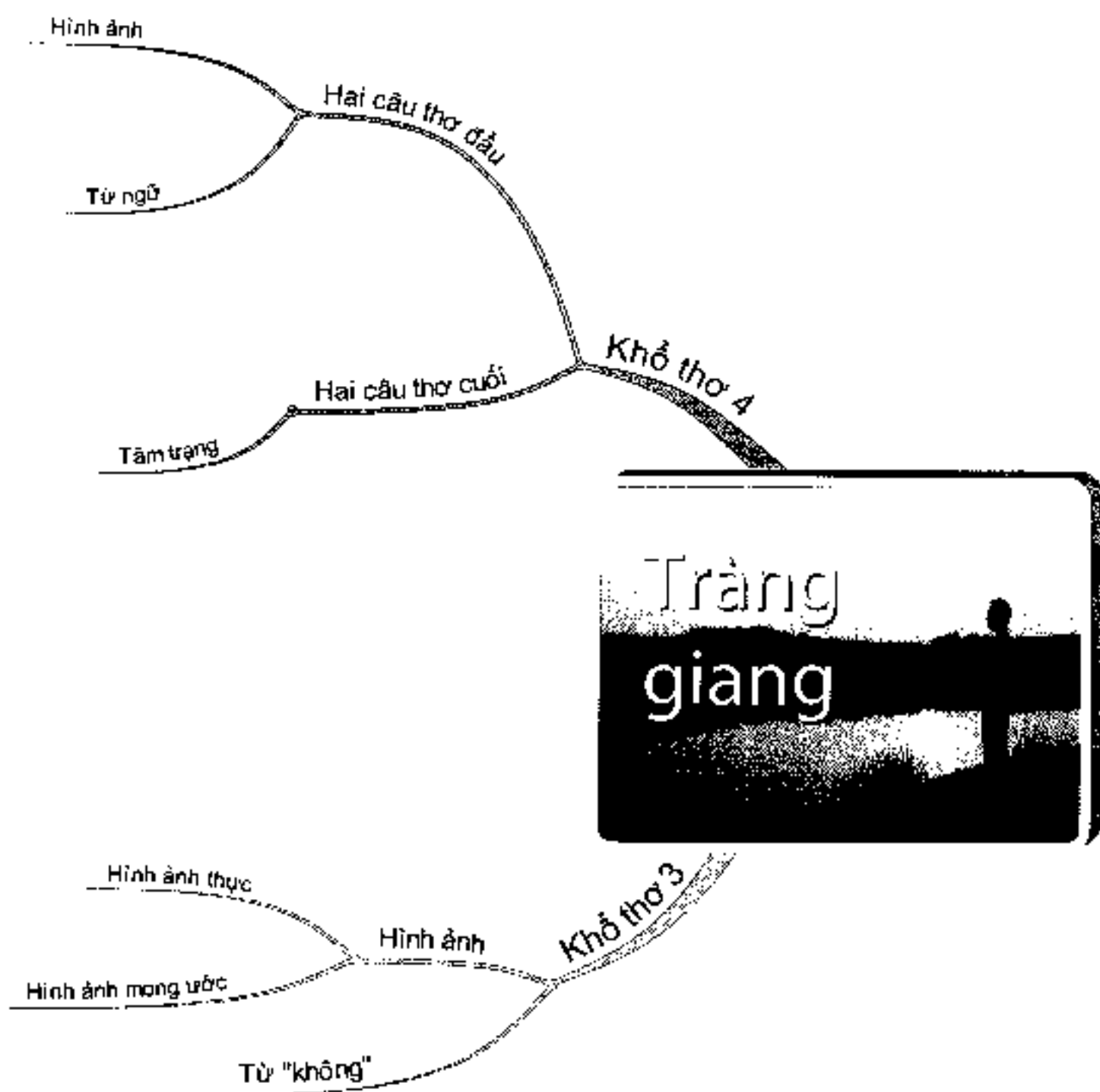


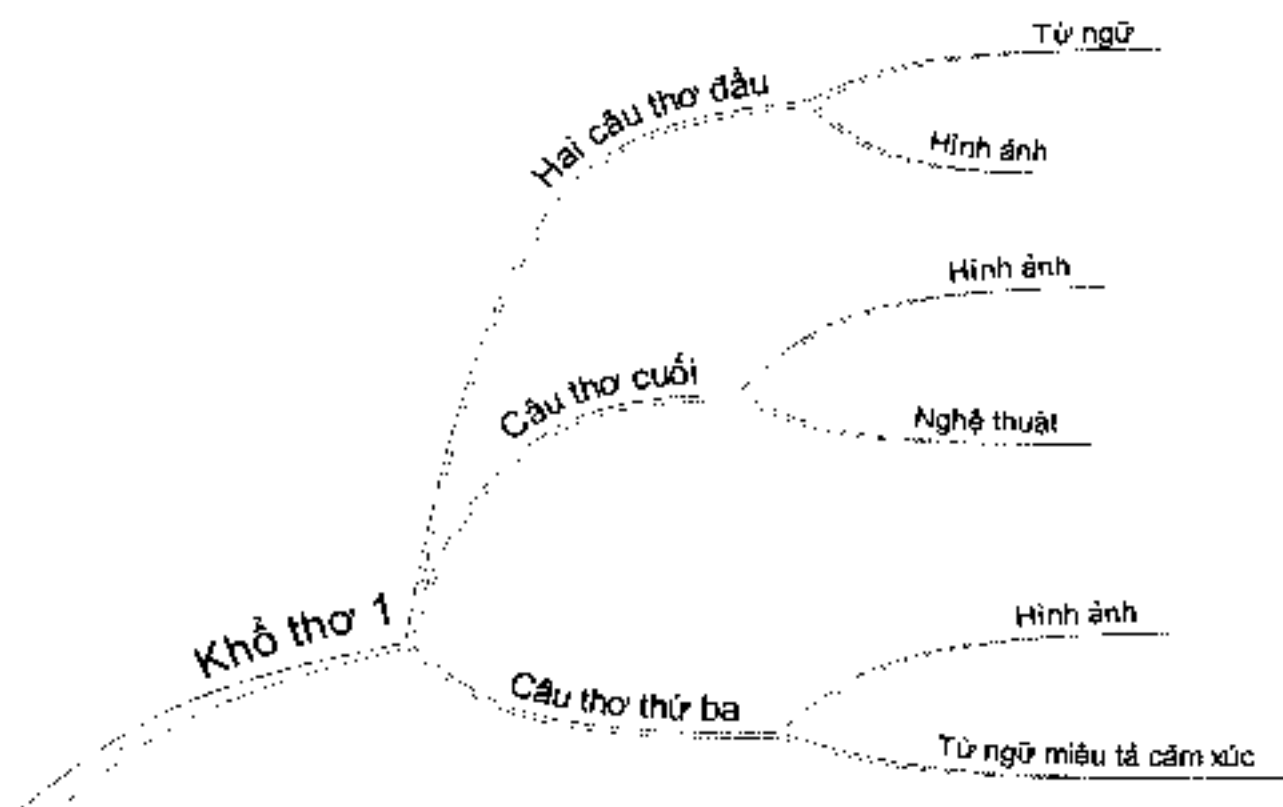
# Trăng Giang

Trăng Giang là một vùng  
đất đai màu mỡ, có nhiều  
rừng cây và đồng cỏ  
rộng lớn.

Trăng Giang là một vùng  
đất đai màu mỡ, có nhiều  
rừng cây và đồng cỏ  
rộng lớn.  
Không khí trong lành và  
thoải mái.

## Hùng Cường





Khổ thơ 2

Hai câu thơ đầu

Từ ngữ

Hình ảnh

Âm thanh

Hình ảnh

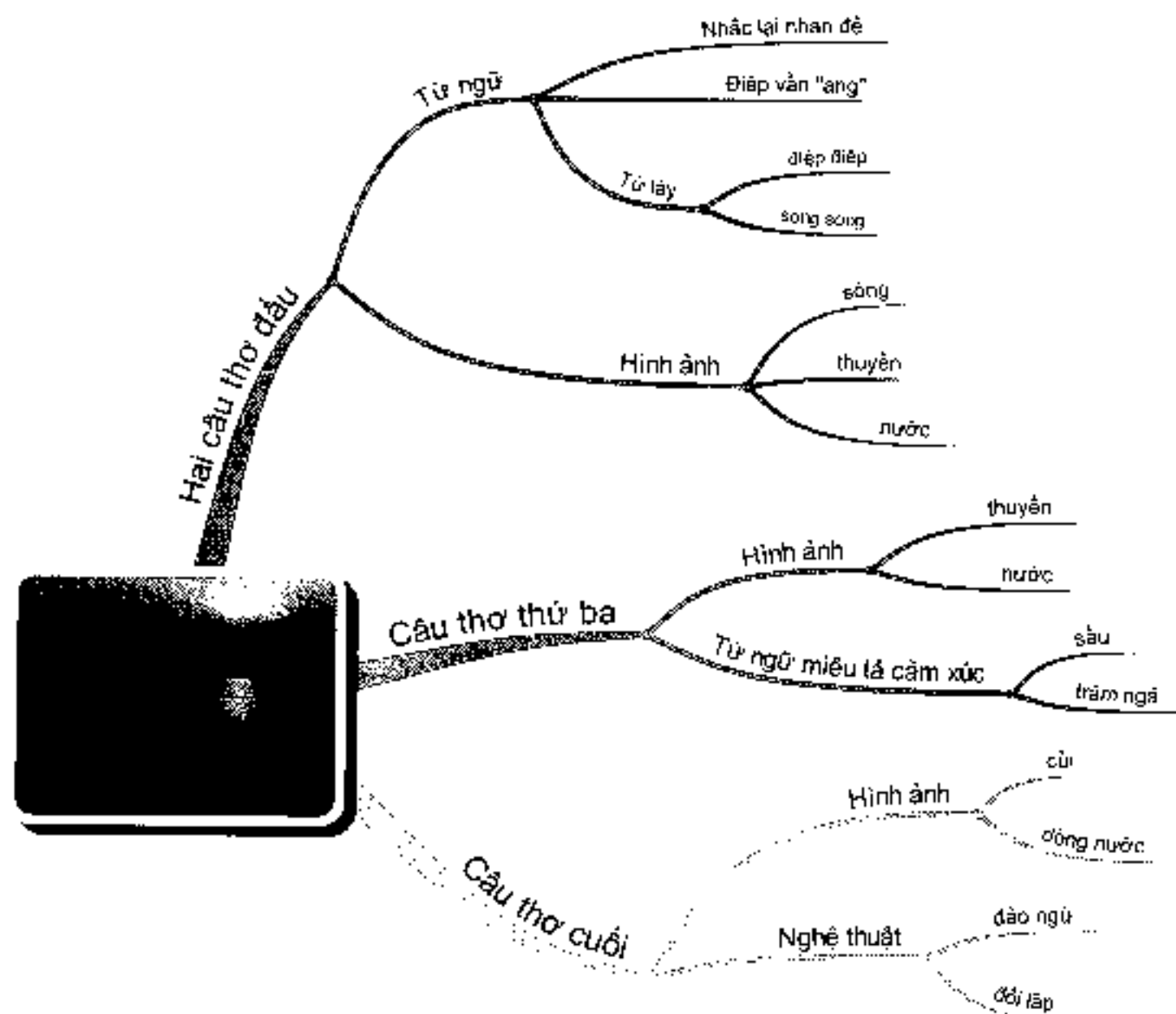
Hai câu thơ cuối

Tính từ

## II. TÌM HIỂU MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA VĂN BẢN

### 1. Khung cảnh sông nước mênh mông, bất tận

*Từng gợn trăng quang buồn điệp điệp,  
Cơn thuyền xuôi mái nước song song.  
Thuyền và nước lại, sau trau ngát  
Chỉ một cảnh khác lục mênh mông.*



\* Hai câu thơ đầu

- Câu thơ mở đầu nhắc lại nhan đề "*Trăng giăng*" với cách điệp vần "ang": gợi sự ngân vang xa cổ kính

- Từ láy "điệp điệp", "song song": Khung cảnh sông nước gắn với tâm trạng buồn da diết, khôn nguôi.

- Hình ảnh

+ "Sóng": gợn lên từng đợt như những nỗi buồn chông chênh trong tâm trạng.

+ "Thuyền" và "nước": vốn luôn giao hòa nhưng trong câu thơ này lại lạc điệu, li cách.

\* Câu thơ thứ ba

- Hình ảnh: "thuyền" và "nước" lặp lại từ câu thơ trên nhưng vẫn không hề có sự đồng điệu mà còn tan tác hơn với nghệ thuật đối "thuyền về" > < "nước lại".

- Từ ngữ trực tiếp miêu tả cảm xúc "sầu trăm ngả": nỗi buồn từ trong lòng người lan rộng ra khắp cánh vật, đất trời.

\* Câu thơ cuối

- Hình ảnh độc đáo "củ một cánh khô tạc mấy dòng": sự trôi nổi, bấp bênh của thân phận cỏ cây hay cũng là của số kiếp con người giữa cuộc đời sóng gió trầm luân.

- Nghệ thuật đảo ngữ và đối lập: tăng sức gợi hình, gợi cảm và giá trị biểu đạt cho câu thơ.

Với âm điệu nhịp nhàng, trầm buồn, các từ láy đặc sắc, đối ý, hình ảnh độc đáo, chi tiết mới mẻ, Huy Cận đã phác họa nên một nỗi buồn bơ vơ, bế tắc của lòng người trước không gian sông nước mênh mông, rợn ngợp, hoang vắng.

## 2. Cảnh còn bên hoang vắng trong nắng chiều

1. 在下列各数中，哪些是质数？哪些是合数？  
 2. 在下列各数中，哪些是质数？哪些是合数？  
 3. 在下列各数中，哪些是质数？哪些是合数？  
 4. 在下列各数中，哪些是质数？哪些是合数？

Đầu tiên, bạn cần chọn một chủ đề cho bài thơ của mình. Có thể là một cảm xúc, một sự kiện, một người, hoặc một địa điểm. Sau đó, hãy nghĩ về những hình ảnh, âm thanh, và mùi hương mà bạn muốn đưa vào bài thơ. Tiếp theo, hãy chọn một thể loại thơ phù hợp, chẳng hạn như thơ lục bát, thơ thất ngôn, hoặc thơ tự do. Cuối cùng, hãy viết bài thơ của mình, cố gắng sử dụng ngôn ngữ sinh động và giàu hình ảnh.

Hai câu thơ đầu



Hai câu thơ cuối

lơ thơ  
đầu hiu  
đầu  
từ ngữ  
từ phiếm chỉ  
còn nhỏ  
gió  
Hình ảnh  
làng xa  
Âm thanh  
chợ chiều tan vãn  
Hình ảnh  
nắng xuống  
trời lên  
sông dài  
trời rộng  
bến  
Tĩnh từ  
sầu chót vót  
cô liêu

**\* Hai câu thơ đầu**

- Từ ngữ:

+ Khổ thơ bắt đầu bằng một câu thơ với hai từ láy gợi hình "lơ thơ" và "đầu hiu": gợi tả nỗi buồn và sự nhỏ nhoi, thưa thớt, lạnh lẽo.

+ Từ phiếm chỉ "đầu" kết hợp với âm thanh "tiếng làng xa" có hai cách hiểu:

Âm thanh rất nhỏ, rất khe của phiên chợ chiều đã vãn vọng về từ một nơi xa không xác định.

Không có âm thanh tiếng chợ chiều.

⇒ Dù là cách nào thì khung cảnh tràng giang đều hiện lên mênh mông, vắng vẻ, hiu hắt.

- Hình ảnh: được mở rộng ra so với khổ thơ trước. Bức tranh thiên nhiên ở đây không chỉ có mênh mông sông nước mà còn có cồn nhỏ, có gió thổi, có xóm làng, có nắng chiều, có trời cao... nhưng vẫn toát lên vẻ hiu quạnh, lặng ngắt. Những dấu hiệu của cuộc sống xuất hiện như những nốt nhạc cao hiểm hoi giữa bản đàn trầm buồn triền miên. Nó càng tô đậm thêm nỗi cô đơn của con người.

**\* Hai câu thơ cuối**

- Hình ảnh "nắng xuống", "trời lên", "sông dài", "trời rộng", "bến cô liêu" đã vẽ nên một không gian rộng mênh mông, vô cùng, vô tận ở mọi sự vật, mọi chiều kích.

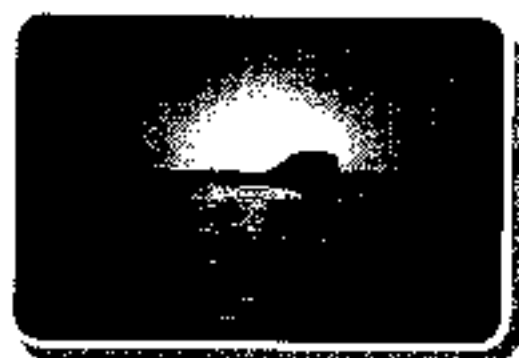
- Những tính từ gợi cảm xúc: "sâu chót vót", "bến cô liêu" là sáng tạo đặc biệt của Huy Cận

⇒ Không gian mở rộng ra ba chiều: sâu thăm thẳm, cao chót vót, rộng mênh mông.

**Nhà thơ đã khắc họa một bức tranh thiên tràng giang mở rộng ra đến bến bờ, trời đất. Từ không gian ấy, ta nhận ra sự ám ảnh về cái vô biên và sự trống trải tuyệt đối của cảnh vật và lòng người.**

**3. Cảnh bèo trôi, bờ xanh hoang vắng**

Đàn vịt trời bay ngang trời  
 Đàn vịt trời bay ngang trời  
 Đàn vịt trời bay ngang trời  
 Đàn vịt trời bay ngang trời



Hình ảnh

Hình ảnh thực

bèo dạt nổi rãng

bờ xanh tiếp bãi vàng

chuyến đi

chiếc cầu

điệp từ

Từ "không"

từ phủ định gắn với những hình ảnh trong mong ước

#### \* Hình ảnh:

- Hình ảnh thực "bèo dạt về đâu hàng nổi hàng": những cánh bèo trôi nổi, phôi dạt trên sông nước ⇒ gây ám ảnh về số phận lạc lõng, cô đơn, vô định của con người trên dòng đời vô tận.

- Hình ảnh mong ước: con người mong muốn tìm tới những hình ảnh gần gũi, thân quen với cuộc sống trước cái vô cùng của vũ trụ. Đó là một chuyến đò ngang qua lại, là một chiếc cầu nối đôi bờ xa cách → Mong ước cô phần nhỏ bé, bình dị.

\* Từ ngữ: phó từ phủ định "không" lặp đi, lặp lại gắn với những hình ảnh mong ước của tác giả khiến cho những mong ước ấy dần bình dị, bé nhỏ cũng trở nên vô vọng. Cảnh vật lại rơi vào hoang vắng, lạnh lẽo. Con người lại rợn ngợp, lẻ loi giữa "bờ xanh tiếp bãi vàng".

*Nhà thơ lại nhìn về dòng sông, nhìn cảnh xung quanh mong mới có chút gì quen thuộc mang lại hơi ấm cho tâm hồn đang chìm vào giá lạnh, cô đơn. Nhưng thiên nhiên đã đáp trả sự khao khát ấy bằng những hình ảnh càng quạnh quẽ, đìu hiu và lòng người lại rợn lên những lẻ loi, trống vắng.*

#### 4. Tâm sự nhớ quê và nỗi niềm của nhà thơ

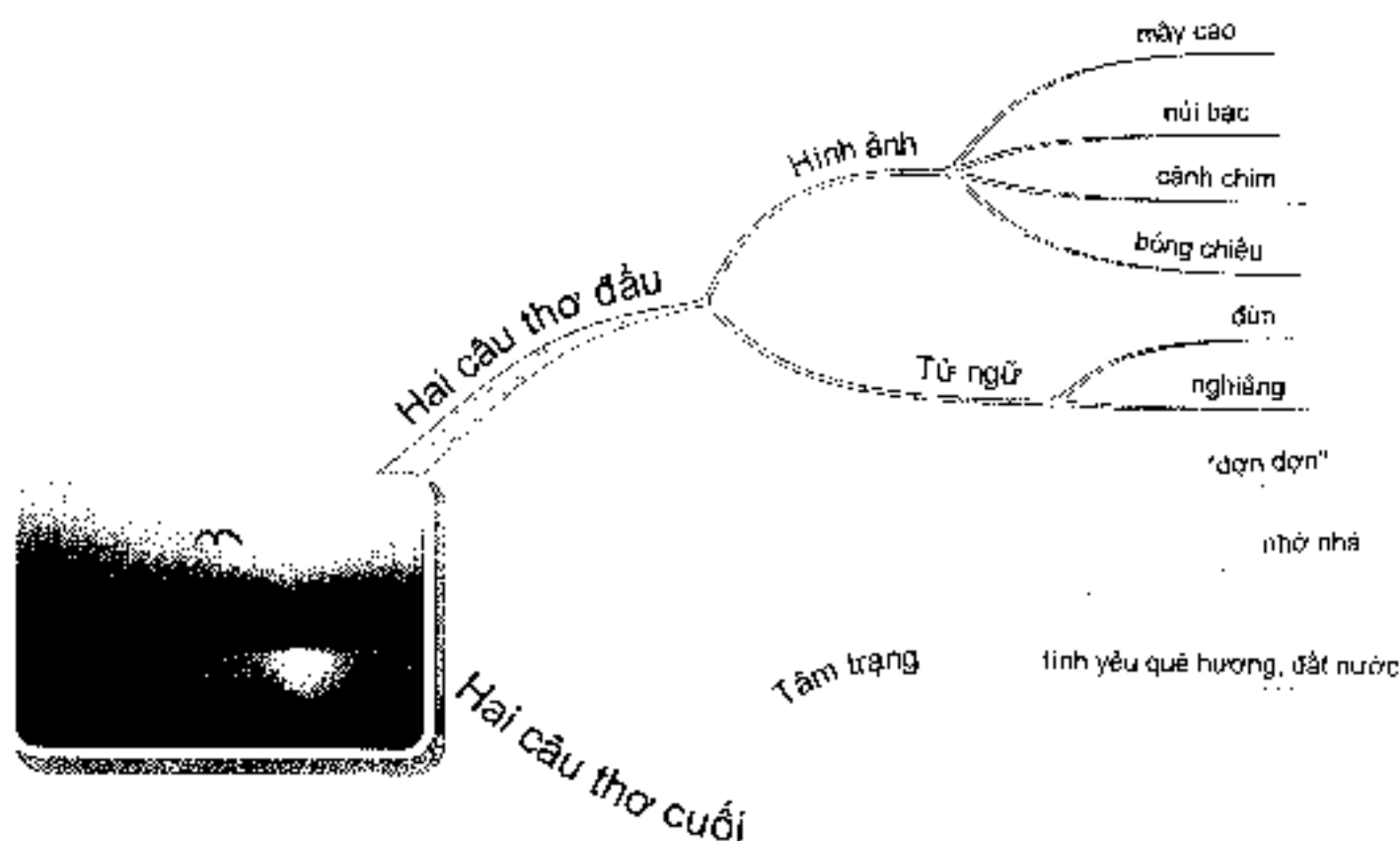
*- Lộp lộp mây các đóa núi bạc*

*- Bên nghiêng cánh ước bóng chèo xa*

*- Lòng quê dợn dợn vời con nước*

*Không khiêu hân rưng nhớ nhà.*





### \* Hai câu thơ đầu

- Hình ảnh: thiên nhiên hùng vĩ với “mây cao” xếp thành nhiều tầng tạo nên liên tưởng về dãy “núi bạc” khổng lồ, với cánh chim nhỏ cô đơn, nhỏ bé và bóng chiều bao phủ, sá xuống trùm lên mọi cảnh vật.

#### - Từ ngữ:

+ “đùn”: khiến mây như chuyển động, có nội lực từ bên trong, từng lớp từng lớp mây cứ đùn ra mãi. Đây cũng là một nét thơ đầy chất hiện đại, bởi nó đã vận dụng sáng tạo từ thơ cổ điển quen thuộc.

+ “nghiêng”: bóng hoàng hôn dường như sa xuống quá nhanh khiến cho cánh chim phải nghiêng lệch để bay về phía trời xa xăm

### \* Hai câu thơ cuối

- Từ láy “dợn dợn” là một sáng tạo của Huy Cận, chưa từng thấy trước đó. Từ láy này hô ứng cùng với cụm từ “với con nước” cho thấy một nỗi niềm băng khuâng, cô đơn của “lòng quê”.

*Bài thơ mờ ra bằng tiếng sóng trên sông nước, kết thúc bằng tiếng sóng trong tâm hồn con người. Cảnh vật vẫn diu hiu và quanh vắng. Con người bói thế mà trờ trăn với bao nỗi niềm. Đó là nỗi niềm nhớ quê hương khi đang đứng giữa quê hương, nhưng quê hương đã không còn. Đây là nét tâm trạng chung của nhiều nhà Thơ mới lúc bấy giờ, một nỗi lòng đau xót trước cánh mắt nước.*



Chiến

toà

Hồ Chí Minh

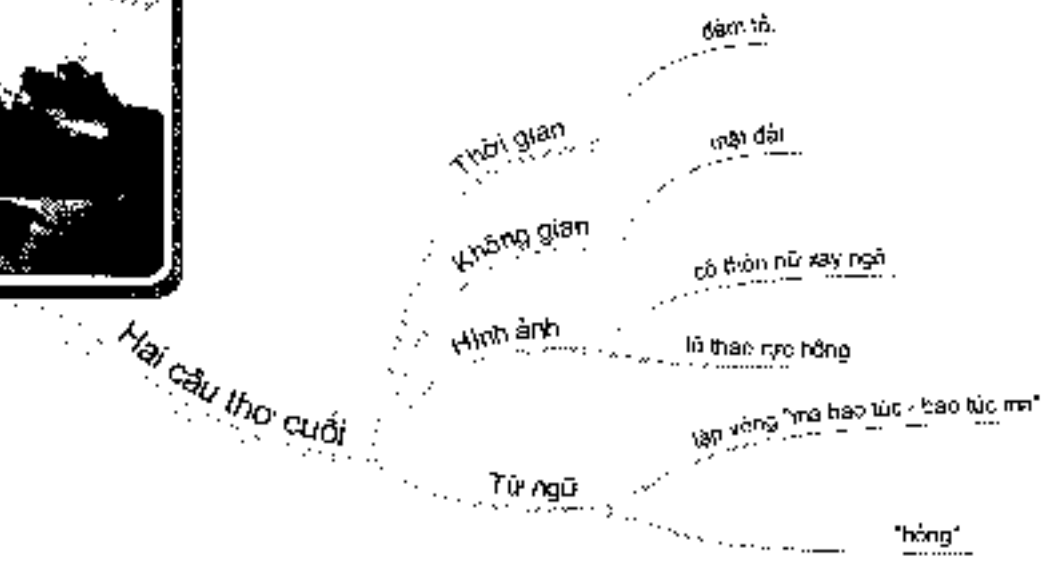
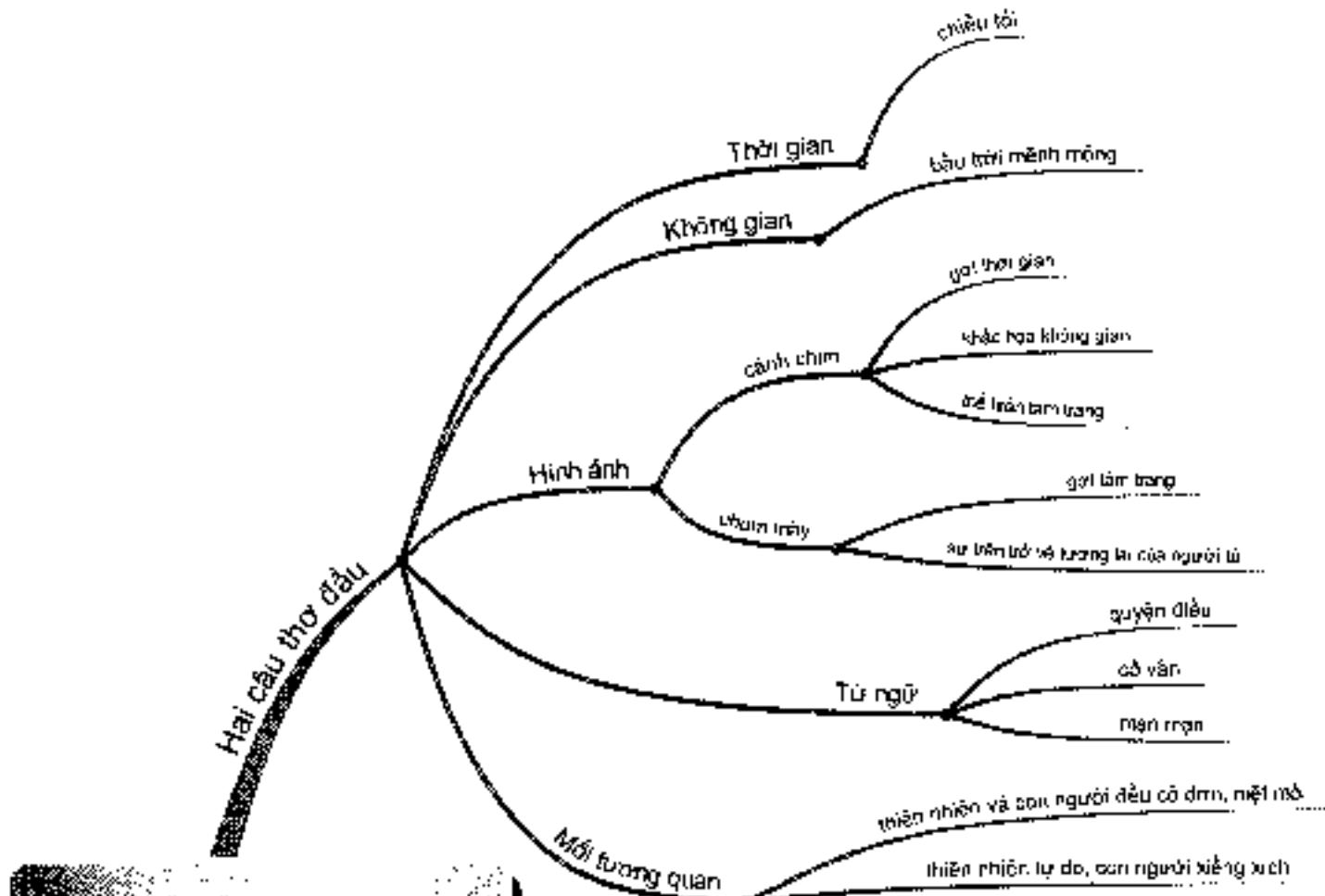
Nhà văn

Quên đi sự lớn tâm tức thì  
Có văn mà mất là thiên không  
Sơn thôn thi sĩ mà bao túc  
Bao túc mà hoàn lo dĩ hồng.

Dịch thơ:

Chim mới về rừng tìm chốn ngủ  
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không  
Cô em xóm núi xay ngô tối  
Xay hết, lò than đã rực hồng.

# 



## 1. Tác giả Hồ Chí Minh (1890 - 1969)

- Quê quán: xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
- Hồ Chí Minh là nhà chính trị lỗi lạc, nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc.
- Phong cách nghệ thuật: vừa cổ điển, vừa hiện đại.

## 2. Tác phẩm

### a. Tập thơ "Nhật kí trong tù"

- Đây là tập nhật kí bằng thơ được Bác sáng tác trong khoảng thời gian bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam tại Quảng Tây (từ năm 1942 - 1943).
- Tập nhật kí gồm 134 bài thơ viết bằng chữ Hán.
- Nội dung: Tập thơ phản ánh một cách chân thực bộ mặt xấu xa, đen tối của nhà tù Tưởng Giới Thạch và một phần xã hội Trung Quốc. Đồng thời, tập thơ còn là bức chân dung tự họa con người, tinh thần Hồ Chí Minh.
- Nghệ thuật: Tập thơ là sự kết hợp hài hòa giữa màu sắc cổ điển và tinh thần hiện đại.

### b. Bài thơ "Chiều tối"

1. *Chiều tối* (tên chữ: *Điêu tối*)

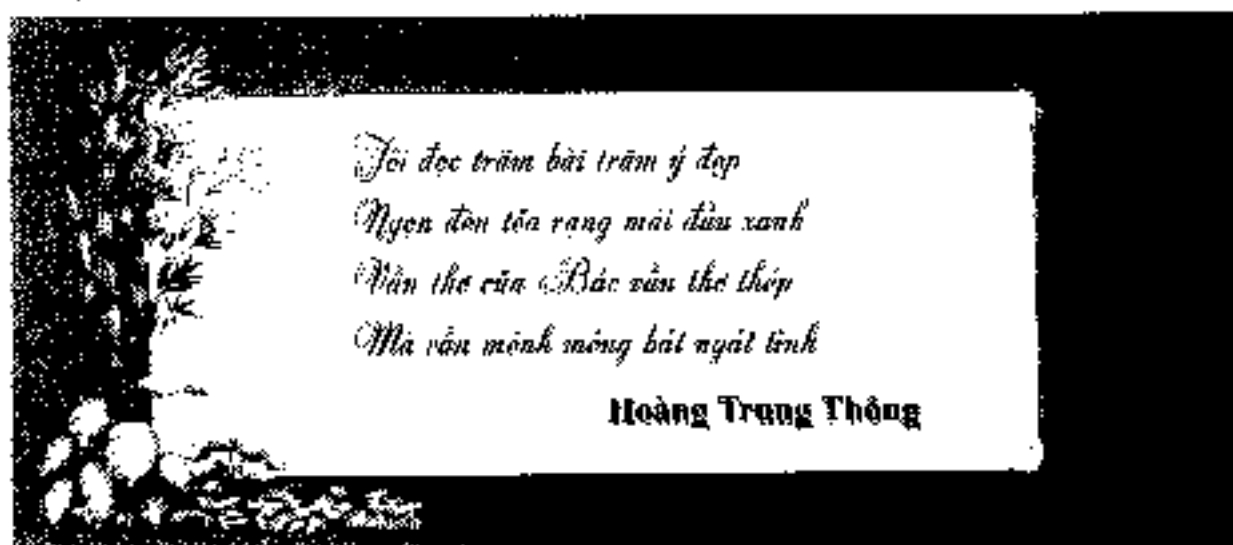
- Bài thơ được sáng tác vào khoảng 4 tháng đầu Bác bị cầm tù – đây là quãng thời gian vô cùng cực khổ của Người.
- Bài thơ "Chiều tối" được khởi hứng ở cuối chặng đường chuyển lao của Bác từ nhà tù Tĩnh Tây đến nhà tù Thiên Bảo vào lúc chiều tối.

2. *Chiều tối*

Là bài thơ số 31 trong tập "Nhật kí trong tù" của Hồ Chí Minh.

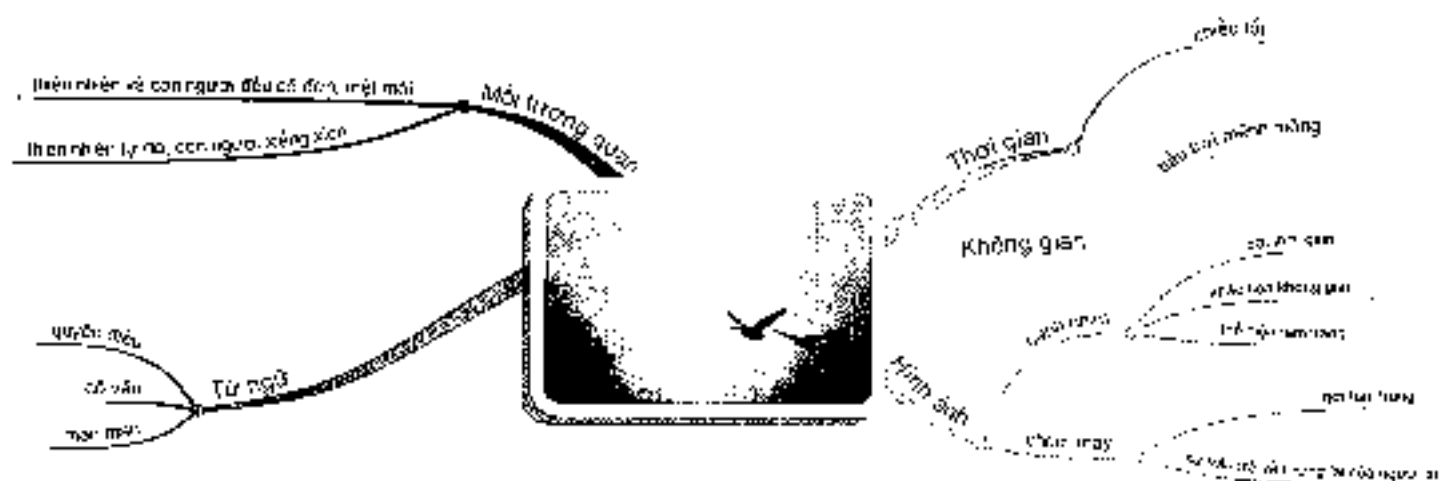
3. *Chiều tối*

- Phần 1 (Hai câu thơ đầu): Bức tranh thiên nhiên.
- Phần 2 (Hai câu thơ cuối): Bức tranh con người.



## 1. Bức tranh thiên nhiên

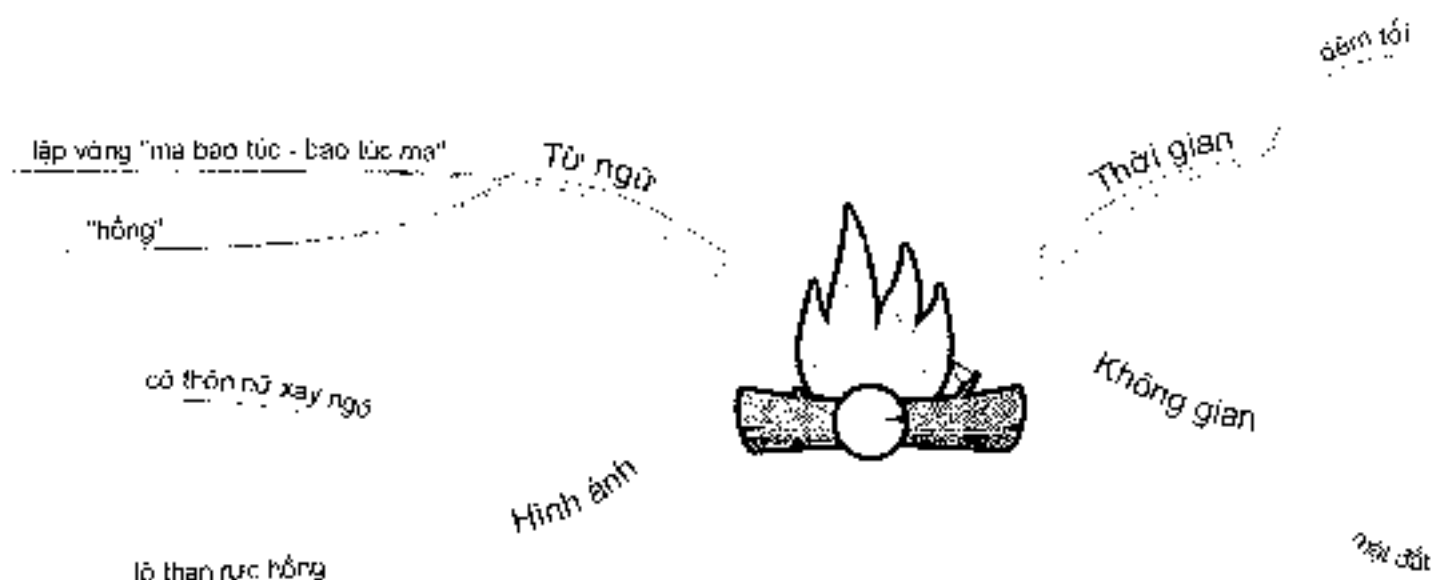
Thiên nhiên đẹp quá đi rồi,  
 Nhưng sao lòng lại buồn lòng  
 Chàng đi qua chốn này rồi  
 Lòng chàng như gió thoảng rồi.



- **Thời gian:** chiều tối
- **Không gian:** bầu trời mênh mông
- ⇒ Miêu tả từ xa, tầm nhìn bao quát.
- **Hình ảnh:**
  - + Cảnh chim: không chỉ gọi thời gian, khắc họa không gian mà còn thể hiện tâm trạng.
  - + Chòm mây: trực tiếp gọi tâm trạng cô đơn và sự trăn trở và tương lai của người tù.
- **Từ ngữ gắn với hình ảnh:**
  - + "quyên điếu": cảnh chim mới mệt tìm nơi chốn sau một ngày mệt mỏi kiếm ăn.
  - + "cô vân": chòm mây cô đơn, lẻ loi trôi trên bầu trời.
  - + "mạn mạn": chậm chậm, lững lờ trôi nổi.
- ⇒ Đây là những từ ngữ nhuộm màu tâm trạng.
- **Mối tương quan giữa thiên nhiên và con người:**
  - + Giống nhau: đều đang cô đơn, mệt mỏi sau một ngày dài.
  - + Khác nhau: thiên nhiên tự do tự tại còn con người đang trong cảnh xiềng xích.

**Bức tranh chiều hôm trong thơ Bác mang vẻ đẹp cổ điển, tả ít mà gợi nhiều. Thiên nhiên hiện lên với những hình ảnh, đường nét được buồn nhưng cũng thể hiện bản lĩnh của người tù, người chiến sĩ, thi sĩ. Vượt qua hoàn cảnh đầy nghiệt ngã của bản thân, người chiến sĩ - thi sĩ ấy đã nâng niu vẻ đẹp của thiên nhiên, thể hiện niềm khao khát tự do cháy bỏng và phong thái ung dung, làm chủ hoàn cảnh.**

## 2. Bức tranh con người lao động



- **Thời gian:** đêm tối

- **Không gian:** mặt đất

⇒ Thời gian chuyển từ chiều muộn đến đêm tối, không gian chuyển từ bầu trời xuống mặt đất.

- **Hình ảnh:**

+ Cô thôn nữ xay ngô tới sự xuất hiện của con người lao động là tâm điểm của bức tranh.

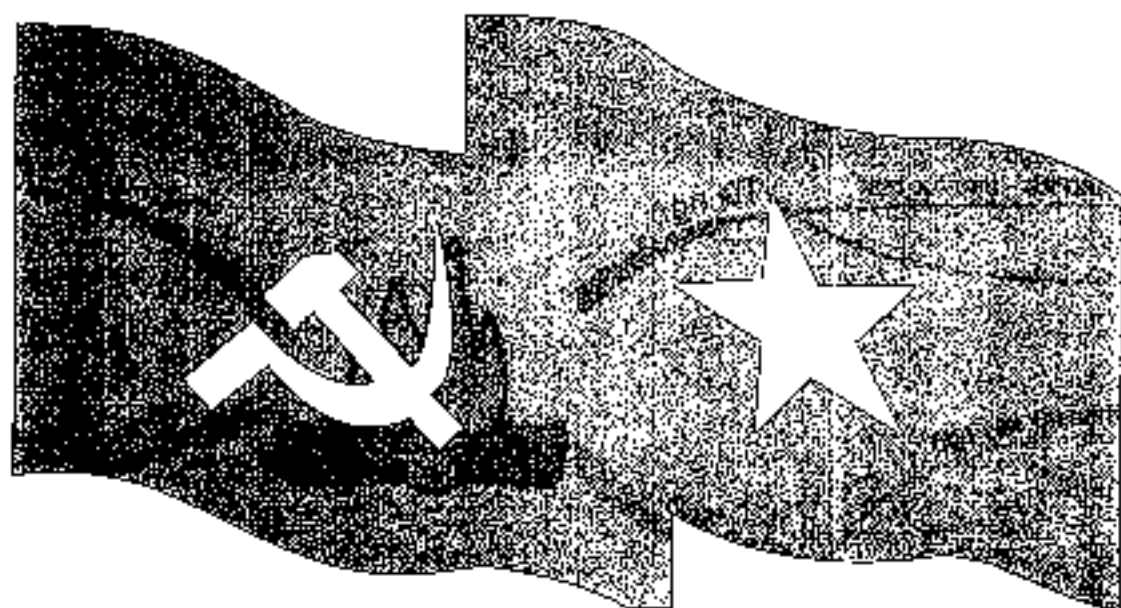
+ Lò than rực hồng: gợi bước đi của thời gian. Đồng thời, là hình ảnh biểu tượng về sự lạc quan, tươi sáng - chất hiện đại của thi phẩm.

- **Từ ngữ:**

+ lập vòng "ma bao túc - bao túc ma": diễn tả vòng quay của chiếc cối xay ngô → con người lao động hăng say.

+ "hồng": nhân tự của cả bài thơ gợi bước đi của thời gian, làm bừng lên và sưởi ấm không gian chiều tối lạnh lẽo vùng sơn cước, nhện lên niềm vui, sức mạnh cho người tù ⇒ hướng tầm nhìn về phía sự sống và ánh sáng.

*Bức tranh chiều tối được điểm tô bằng hình ảnh con người và cuộc sống lao động hăng say. Thời gian và không gian chuyển động từ chiều tàn đến đêm muộn. Không gian tường như đặc dày, bủa vây bởi bóng đêm nhưng lại được thắp lên ấm áp bằng ánh lửa của sự sống, của niềm lạc quan và của tương lai.*



# Từ ấy

Tố Hữu

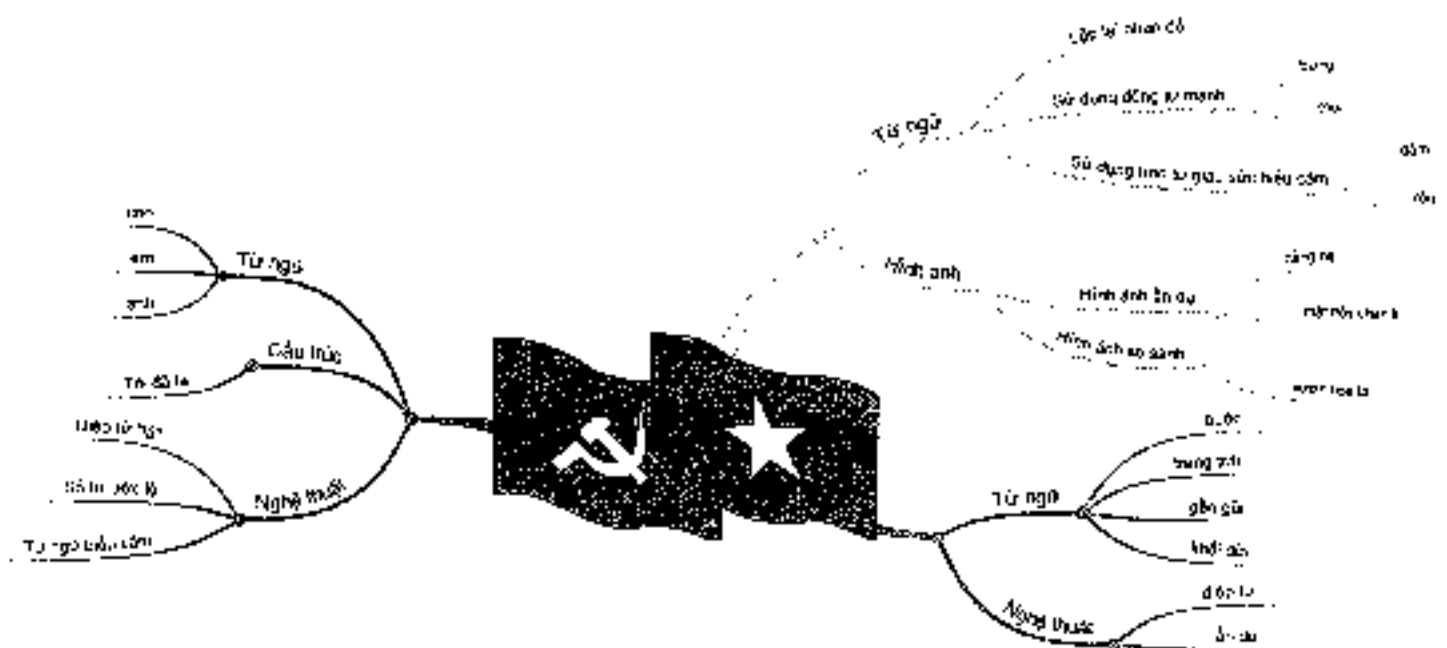


Sứ ải trong tôi bừng nắng hạ  
Mặt trời chân lý chói qua tim  
Hồn tôi là một vườn hoa lá  
Rất đậm hương và rộn tiếng chim...

Tôi buộc lòng tôi với mọi người  
Để tình trang trải với trăm nơi  
Để hồn tôi với bao hồn khổ  
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời

Tôi đã là con của vạn nhà  
Là em của vạn kiếp phôi pha  
Là anh của vạn đầu em nhỏ  
Không ác cảm, cù bất cù bơ...

# 



## 

### 

- Tổ Hữu (1920 – 2002) tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành.
- Quê: Làng Phú Lai, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế.
- Năm 1938: Giác ngộ lý tưởng cách mạng.
- Năm 1938: Được kết nạp vào Đảng Cộng sản → Sự nghiệp thơ ca gắn liền với sự nghiệp cách mạng.
- Là nhà thơ trữ tình chính trị.
- Có 7 tập thơ tiêu biểu.
- Năm 1994: Huân chương Sao vàng.
- Năm 1996: Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật, Giải thưởng Văn học ASEAN.
- Là nhà thơ lớn của dân tộc, “Là cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam hiện đại”.

### 

#### 

- Bài thơ “Từ ấy” được viết năm 1938, nằm trong phần “Máu lửa” của tập thơ “**Từ ấy**” (1937 – 1946)
- tập thơ đầu tay của Tổ Hữu. gồm ba phần “Máu lửa”, “Xiềng xích”, “Giải phóng”.

#### 

- Được khơi nguồn từ một sự kiện có thật trong cuộc đời nhà thơ.
- Trong khi một số thanh niên cùng thời đang “băn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời” và có người lầm đường lạc lối thì Tổ Hữu, chàng thanh niên 18 tuổi đã tìm được con đường đi tới lý tưởng, con đường ánh sáng. Bài thơ “Từ ấy” đã ghi lại những kỉ niệm đáng nhớ ngày Tổ Hữu được đứng vào hàng ngũ của Đảng.



c. *Nhan đề*

"*Từ ấy*" là thời điểm, là mốc đánh dấu bước ngoặt trọng đại, thiêng liêng trong cuộc đời và sự nghiệp của Tố Hữu. Nó là ấn tượng không quên để ghi lại cảm xúc như nhà thơ viết: "*Tâm hồn trong trẻo của tuổi 18, đôi mươi, đi theo lí tưởng cao đẹp, dám sống, dám đấu tranh*".

d. *Bố cục*

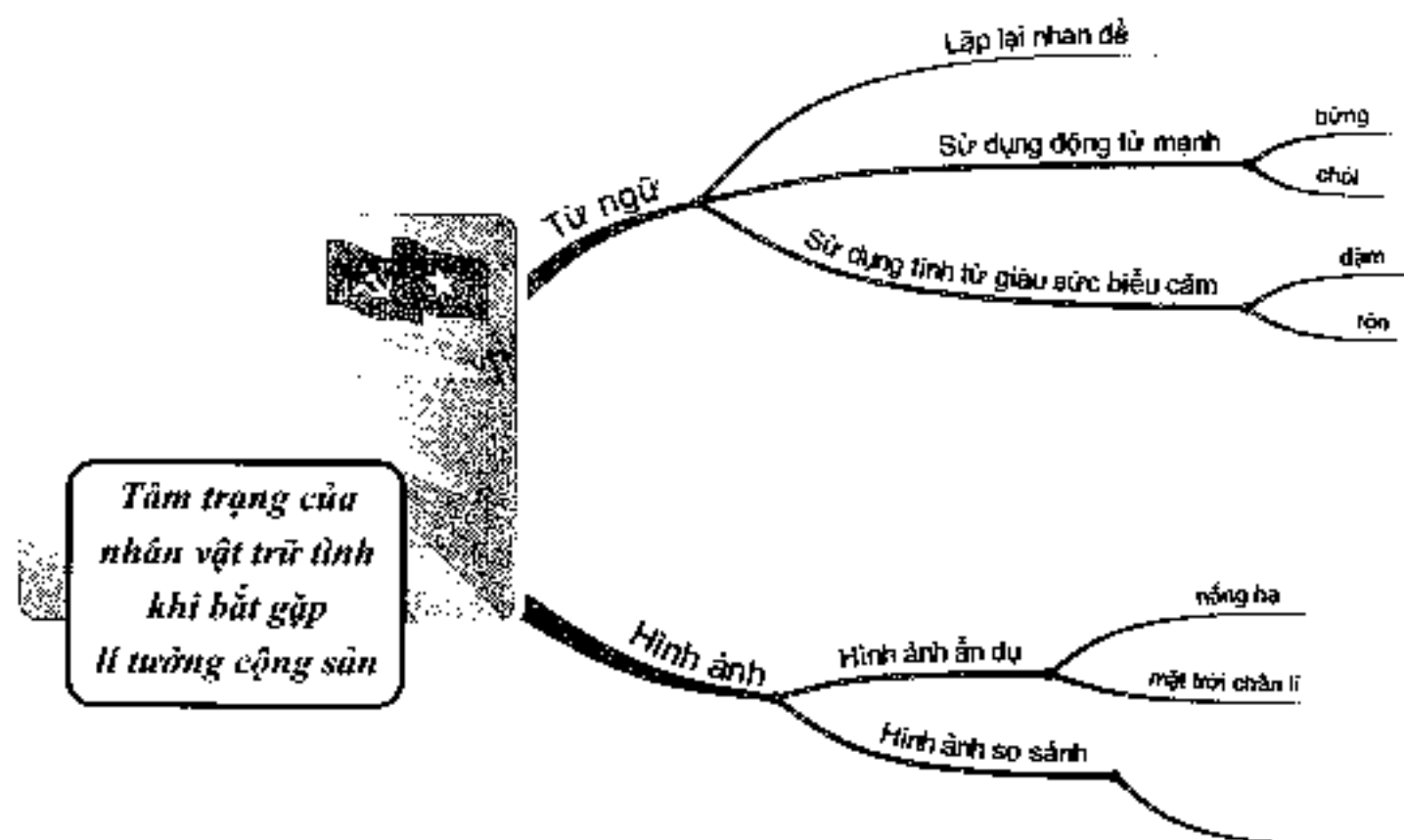
- Phần 1 (Khổ 1): Tâm trạng của nhân vật trữ tình khi bắt gặp lí tưởng cộng sản.
- Phần 2 (Khổ 2): Những nhận thức mới của nhân vật trữ tình.
- Phần 3 (Khổ 3): Sự chuyển biến sâu sắc của nhân vật trữ tình.

*Hàì Thanh*

## II. TÌM HIỂU MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA VĂN BẢN

### 1. Tâm trạng của nhân vật trữ tình khi bắt gặp lí tưởng cộng sản

*Ứt ấy trong tôi bừng nắng hạ  
Mặt trời chân lí chói qua tim  
Hồn tôi là một vườn hoa lá  
Rất đậm hương và rộn tiếng chim*



- Từ ngữ:

- + Lặp lại nhan đề "Từ ấy": nhấn mạnh thời điểm giác ngộ lí tưởng cộng sản của nhà thơ.
- + Sử dụng các động từ mạnh (bùng, chói) và các từ ngữ giàu sức biểu cảm (đắm, rộn): thể hiện niềm vui sướng, say mê của nhân vật trữ tình trong buổi đầu đến với lí tưởng cộng sản.

- Hình ảnh:

- + Hình ảnh ẩn dụ "năng hạ": Ánh sáng của lý tưởng cách mạng đã bừng lên, soi sáng tâm hồn đang u tối, nhận thức đang u mê của nhân vật trữ tình.
- + Hình ảnh ẩn dụ "mặt trời chân lí": Ánh sáng của chân lí, của lý tưởng cộng sản vô cùng chói lọi đã chiếu vào, soi vào trái tim – tâm hồn yêu nước của nhà thơ trẻ.
- + Hình ảnh so sánh "vườn hoa lá" – chính là vườn xuân, vườn lòng nhà thơ. Tổ Hữu sung sướng đón nhận lí tưởng cộng sản cũng như cỏ cây đón nhận ánh sáng mặt trời. Hồn người" đã trở thành "vườn hoa", một vườn xuân đẹp ngào ngạt hương thơm, rực rỡ muôn sắc hoa lá, ngập tràn ánh sáng, rộn ràng tiếng chim hót.

Với bút pháp trữ tình lãng mạn, kết hợp với hình ảnh so sánh, ẩn dụ cùng với những từ ngữ gợi hình gợi cảm.....khổ thơ 1 đã diễn tả niềm vui sướng, say mê của nhà thơ trong buổi đầu đến với lý tưởng cộng sản.

## 2. Những nhận thức mới của nhân vật chữ tình

The first two studies were conducted in the United States, and the third was conducted in the United Kingdom. The first study was a cross-sectional survey of 1,000 U.S. adults, and the second was a longitudinal survey of 1,000 U.S. adults. The third study was a cross-sectional survey of 1,000 U.K. adults. The first two studies found that the majority of respondents reported that they had used a mobile phone in the past 12 months, and that the majority of respondents reported that they had used a mobile phone in the past 12 months. The third study found that the majority of respondents reported that they had used a mobile phone in the past 12 months, and that the majority of respondents reported that they had used a mobile phone in the past 12 months.

buōc

trang trái

gản gủi

khởi đầu

diệp tử

**ឯក ជួ**

Từ ngữ

### Nghệ thuật

*Những nhận thức  
mới của nhân vật  
trữ tình*

# 

### - **Từ ngữ:**

+ "Buộc": tức là thắt chặt những vật thể vốn là riêng rẽ thành một khối. Còn ở đây, nhà thơ nói buộc lòng tức là buộc tình cảm, buộc tấm lòng của mình với mọi người  $\Rightarrow$  qua đó thể hiện ý thức quyết tâm cao độ muốn thoát khỏi giới hạn của cái tôi cá nhân để hướng vào cái ta cộng đồng.

+ "Trang trải": sự trải rộng tâm hồn ra với đời. Nhà thơ đã dùng cảm bước ra từ cái tôi cá nhân tiểu tư sản để gắn bó với cuộc đời trong tình hữu ái giai cấp.

+ "Gắn gũi": gần nhau về quan hệ tinh thần, tình cảm, đó là sự gắn bó ruột thịt.

+ "Khối đời": chỉ một khối người đông đảo, cùng chung lý tưởng, là sức mạnh tập thể.

*Nhân vật trữ tình đã có nhận thức mới về lẽ sống. Lẽ sống mới được đặt ra ở đây là "cái tôi" hòa vào "cái ta", mối quan hệ hài hòa giữa riêng – chung, cá nhân – cộng đồng. Đó là mối quan hệ đoàn kết, gắn bó, tạo ra sức mạnh trong cuộc đấu tranh cách mạng của dân tộc.*

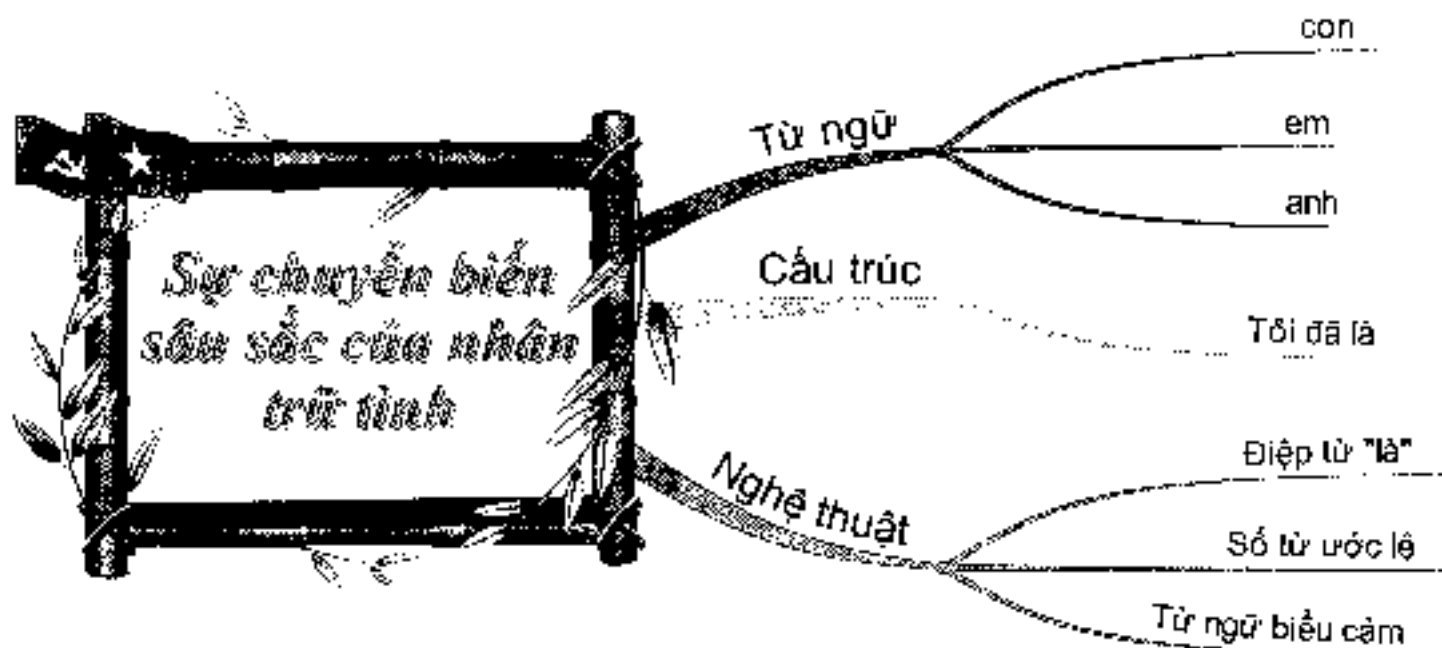
### \* **Nghệ thuật:**

- Điệp từ "đề" tạo nhịp thơ dồn dập, thôi thúc, hăm hở.

- Hình ảnh ẩn dụ "khối đời" chỉ sức mạnh đoàn kết nhân dân.

### 3. Sự chuyển biến sâu sắc của nhân vật trữ tình

*Tôi đã là con của vạn nhà  
- Là em của vạn kiếp phôi pha  
- Là anh của vạn đầu em nhỏ  
Không ai con, em, anh cả cả...*



**- Từ ngữ:**

"Con – em – anh": chỉ quan hệ gia đình thân thiết. Nhà thơ tự coi mình là con, là em, là anh. Tức tự coi mình là con của đại gia đình lớn nhân dân, đồng thời chỉ mối quan hệ ruột thịt gắn bó với đại gia đình lớn đó.

**- Cấu trúc:**

"Tôi đã là..." khẳng định rõ ràng nhận thức của tác giả về vị thế của mình trong gia đình lớn, khẳng định ý thức tự giác, chắc chắn, vững vàng của tác giả.

**- Nghệ thuật:**

- + Điệp từ "là" mang tính khẳng định.
- + Số từ ước lệ "vạn" chỉ số nhiều, rất nhiều.
- + Từ ngữ biểu cảm "kiếp phôi pha", "củ bắt củ bơ": thể hiện tấm lòng đồng cảm, xót thương tới những kiếp người đau khổ, bất hạnh, những con người lao động vất vả.

***Sự chuyển biến sâu sắc trong tình cảm: Khẳng định sự gắn bó, ý thức trách nhiệm đối với đại gia đình dân tộc.***

# BÀI 5: HƯỚNG DẪN ĐỌC HIỂU MỘT SỐ TÁC PHẨM VĂN HỌC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945 - 1975

*Văn bản*

## TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

*Hồ Chí Minh*

L. TÌM HIỂU CHUNG

1. Hoàn cảnh sáng tác

### HOÀN CẢNH SÁNG TÁC



- Ngày 19/8/1945, Cách mạng tháng Tám thành công ở Hà Nội, chính quyền chính thức về tay nhân dân.



- Ngày 26/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về Hà Nội. Tại căn nhà số 48 phố Hàng Ngang, Bác soạn thảo "Tuyên ngôn Độc lập".



- Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản "Tuyên ngôn Độc lập" tại quảng trường Ba Đình rực rỡ cờ hoa, trước hàng chục vạn đồng bào.



2. Mục đích sáng tác

MỤC ĐÍCH SÁNG TÁC

Đề nghị Quốc hội  
thông qua và ban hành  
Luật về quyền tự do  
báo chí.

Đề nghị Quốc hội  
thông qua và ban hành  
Luật về quyền tự do  
báo chí.

Đề nghị Quốc hội  
thông qua và ban hành  
Luật về quyền tự do  
báo chí.

3. Nội dung

NỘI DUNG

Nội dung  
Luật về quyền tự do báo chí

Nêu cơ sở pháp lý  
cho bản tuyên ngôn

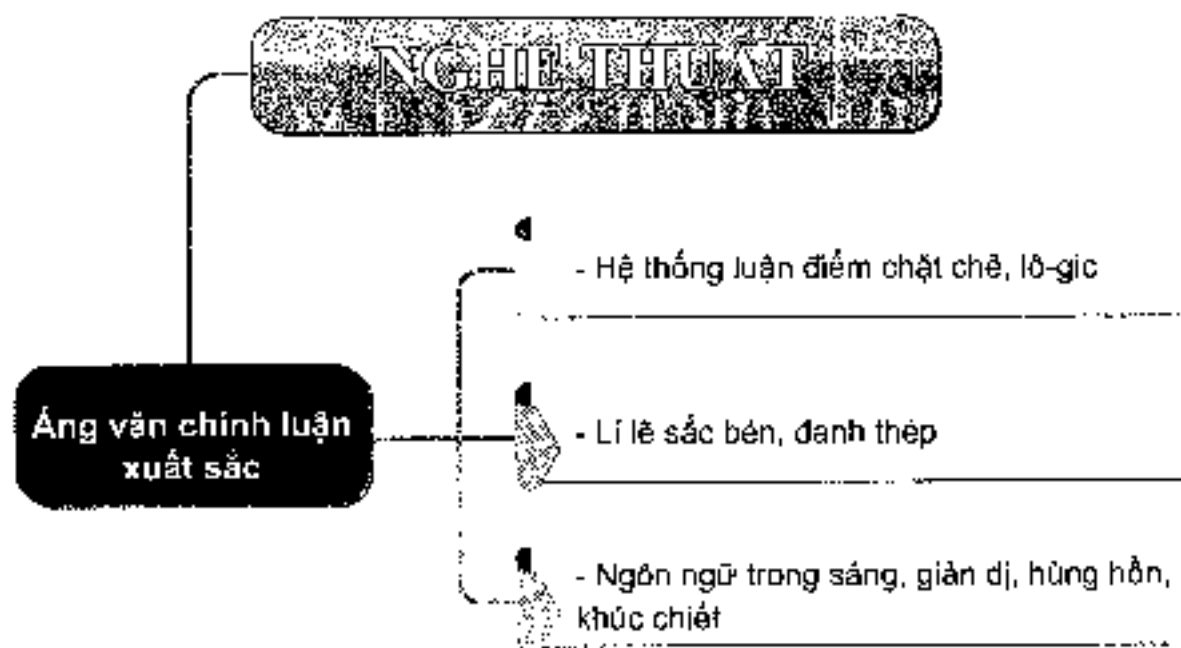
Tiếp theo đến  
“dân chủ cộng hòa”

Bản cáo trạng tội ác  
của thực dân Pháp đã  
chà đạp lên pháp lý

Phần còn lại

Khẳng định nền độc  
lập và ý chí quyết tâm  
bảo vệ nền độc lập  
non trẻ của đất nước

#### 4. Nghệ thuật



“Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam  
là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn,  
song chân lí ấy không bao giờ thay đổi”.

**HỒ CHÍ MINH**

Cơ sở pháp lý



Đảng Cộng Sản Việt Nam  
Ban Chấp Hành Trung Ương  
Ban Tuyên Giáo Trung Ương



Ban Tuyên Giáo Trung Ương

Địa điểm nghiên cứu: Huyện Lũy Phấn

Tổng biên tập viên: **Đỗ Văn Xuân**

၂၅၃၈-၈၈၂၈ နံပါတ်

Đặc biệt, dựa trên các phương pháp tri giác điện não đồ, dùng lý lẽ của chúng để phân tích lý tính.

မူရင်းကဏ္ဍမှ ရှိသော ပုံရိပ်များကို ပြန်လည် ဖန်တီးပါ။

Vùng thể hiện tư hệ với nhau của Đức và là sự đồng giáo vào phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới

Không định nước nhìn dân nhà gọi ra đặng biết là đi quốc được dân về quyền độc lập dân tộc

Muc. dly.

Đội ngang hàng ta cuộc cuộc mạng, cơ nền độc lập thể hiện năm lý học, tự bản dân tộc

025411.html

Lúc này có thể chia ra thành như sau:

Trong những di sản văn hóa của nhân loại

Hiện quyết nhất này đã được thông qua, yêu cầu lưu trữ và sử dụng tại địa phương.

Loi của Bộ Kinh tế thị trường phải đáp ứng chính trị và chính pháp.

**၇.၂၅၄၃။** ဝိသိ မာရ်ဝံဂ္ဂါ ငါး သင်္ကတေ တေ နှစ် ခု စွဲ ပါ သော

✓ check in

Thi hñrh ahpəŋ cħəŋ ƣəħ ƣəħ

**Lipman et al.**

Đến nay, tỷ lệ tiêm chủng vắc-xin phòng bệnh đã đạt 98,5%.

‘*မိုး*’ နေ့စဉ် ယဉ်ကျေး၊ ခပ်ပင်ပန်း

Bức thư nhân dân ca ngợi vua mới

Làm hiện cũng như các tầng lớp nhân dân lao động

Dân số và dân cư đang biến đổi nhanh chóng ở nước ta.

Châu Âu Gốc và Nguyên Nhân Năm

We didn't

मानव संसाधन विकास विभाग, भारत सरकार

Ta giành chính quyền từ tay Mỹ.

Loại máy in đã được mua ở đâu? (địa chỉ mua)

Đã có mặt: 10 người, 0 người vắng mặt.

### Figure 1b

Đáp ngữ "Sợ một ta" mô phỏng âm hưởng hùng hồn cho tập kiêu dũng, anh hùng.

Vệ sinh cũng đang được đặc biệt chú trọng

ኢትዮጵያን ለማዳን ለሚሞከሩት ሰላማዊ ሰነዶች ስምምነት ላይ ማግኘት ይቻላል።

Việt Nam anh hùng tự giành lại độc lập tự do  
Việt Nam anh hùng: giữ Hài đã khám hàng và nhận đạo hồ sơ khi kết thúc thời hạn

Đan uyển bô hình bronze

Khánh định danh 17 (9 nữ/8 đ) có độ phù hợp với đồ 1 và chấp nhận toàn bộ

Thủ tướng Chính phủ đã quyết định bổ nhiệm và nhậm chức ông Trần Văn Sơn.

[illegible]

Lớp luận các hình thực tiễn:

Tác dụng: tạo nên ấn tượng lung linh, minh mẫn

2007 12 21

# Pháp luật và quyền con người

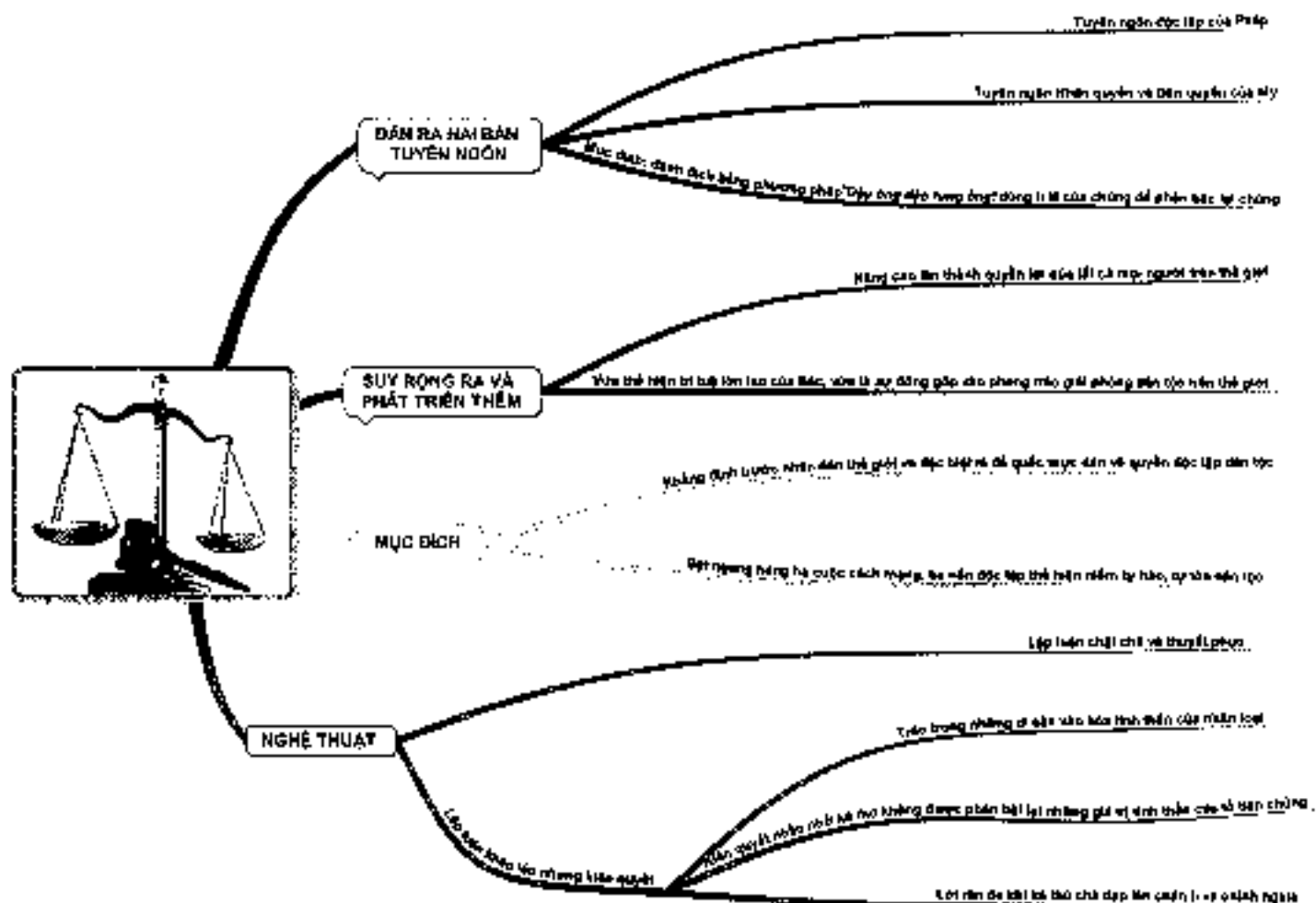
## 1. Cơ sở pháp lí

Hội đồng bảo cả nước,

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói: "Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.



- Dẫn ra hai bản tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp và Mỹ → Đánh địch bằng phương pháp "Gậy ông đập lưng ông".
- Suy rộng ra thành quyền lợi của tất cả các dân tộc trên thế giới.
- Mục đích:
  - + Khẳng định trước nhân dân thế giới và bọn đế quốc rằng quyền độc lập tự do của dân tộc ta phải là tất yếu.
  - + Thể hiện niềm tự hào về quyền bình đẳng khi đặt ngang hàng ba cuộc cách mạng, ba nền độc lập.
- Nghệ thuật
  - + Lập luận thuyết phục, chặt chẽ.
  - + Lập luận khéo léo, mềm mỏng nhưng có sức chiến đấu cao.

**Khẳng định chân lí về quyền bình đẳng tất yếu của con người nói chung và của dân tộc Việt Nam nói riêng. Qua lời nhắc nhở khéo léo, người viết tuyên ngôn tỏ ra tôn trọng những di sản tính thần của nhân loại. Đồng thời, ngầm trong cách trình bày, dẫn chứng này còn là lời răn đe: Nếu kẻ thù cố tình vấy bẩn ngọn cờ chính nghĩa của nhân loại thì nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới sẽ không để chúng yên.**

## 2. Bàn cáo trạng tội ác của thực dân Pháp

"Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

{...}

Phép chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa."

[illegible]

TỜ CÁO VÀ LẬT TẤY BỘ MẶT THẬT CỦA PHÁP

PHÂN BẮC LẠI NHỮNG LỜI KHỜ CÔNG CỦA PHÁP

PHÂN BẮC LẠI NHỮNG LỖI KHƠE CÔNG CỦA PHÁP

ARGENT, FATUAS

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tô cáo và lật tẩy bộ mặt thật của thực dân Pháp: không phải là những người khai hóa mà là những kẻ xâm lược.</li> <li>+ Về chính trị: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tuyệt đối không cho dân ta một chút tự do nào.</li> <li>• Thi hành những chính sách dã man.</li> <li>• Lập ra các nhà tù nhiều hơn trường học.</li> <li>• Đàn áp và tằm mầu các cuộc khởi nghĩa.</li> </ul> </li> <li>+ Về kinh tế: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bóc lột nhân dân ta lời xương tủy.</li> <li>• Vơ vét tài nguyên của cải.</li> <li>• Chèn ép các nhà tư sản Việt Nam.</li> <li>• Lạm bán cùng hóa các tầng lớp nhân dân lao động.</li> <li>• Đầu độc nhân dân bằng rượu cồn và thuốc phiện.</li> </ul> </li> <li>- Chỉ rõ sự thật, phản bác lại những lời khoe công của thực dân Pháp: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phản bác lại lời khoe công bảo hộ <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trong 5 năm, Pháp bán nước ta cho Nhật 2 lần.</li> <li>• Chúng ta giành chính quyền từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp.</li> </ul> </li> <li>+ Phản bác lại lời tuyên bố Đông Dương là thuộc địa của Pháp.</li> </ul> </li> <li>- Nghệ thuật: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đưa ra các mốc thời gian xác thực, có tính thuyết phục cao.</li> <li>+ Lập lại các từ ngữ "Thật sự là" vừa làm tăng thêm sự hùng hồn của bản tuyên ngôn, vừa khẳng định chân lí không thể chối bỏ.</li> </ul> </li> </ul>	<p><i>Có thể nói, Hồ Chí Minh đã đưa ra trước dư luận Quốc tế những lí lẽ và dẫn chứng đầy sức thuyết phục để kết luận thực dân Pháp đã phơi bày bản chất đế hèn, tàn ác của chúng. Vì thế, Việt Nam xóa bỏ hết những hiệp định Pháp đã kí, xóa bỏ mọi đặc quyền của chúng trên đất nước ta.</i></p>
---	--

### 3. Khẳng định nền độc lập và ý chí quyết tâm bảo vệ nền độc lập non trẻ của đất nước

Bởi thế cho nên, chúng tôi, lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

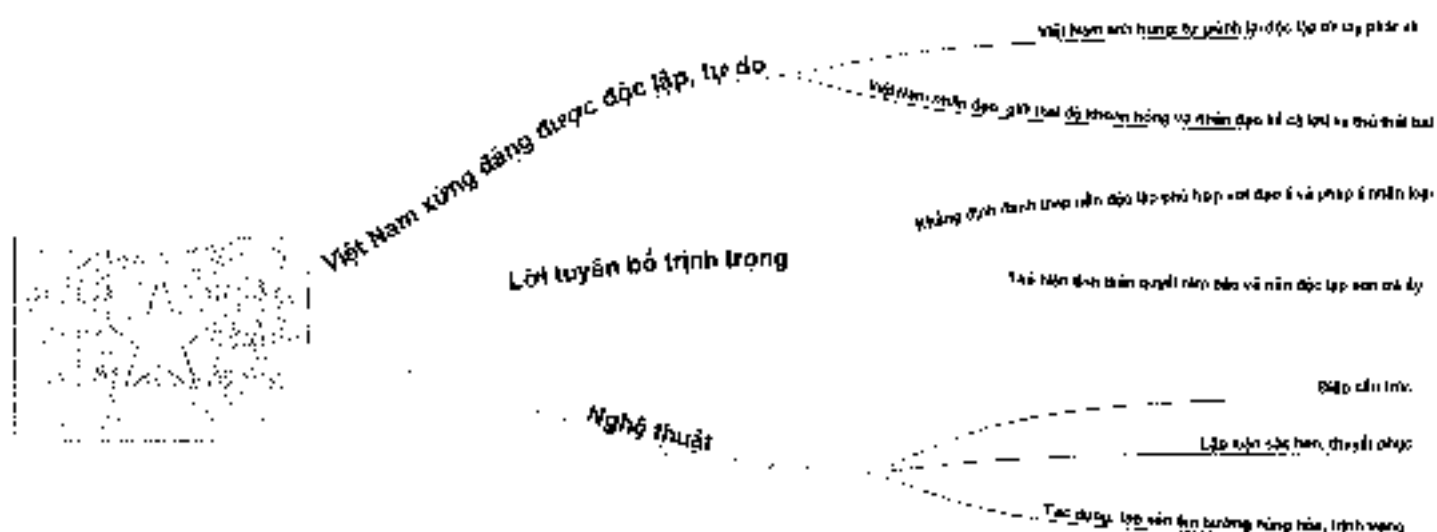
Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Têhêrăng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Vì những lẽ trên, chúng tôi, lâm thời chính phủ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trình trọng tuyên bố với thế giới rằng: Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập.

Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.





<ul style="list-style-type: none"> <li>- Việt Nam xứng đáng được độc lập, tự do:</li> <li>+ Việt Nam anh hùng: giành lại lãnh thổ chủ quyền từ tay phát xít khi Pháp phản bội Đồng minh đang Đồng Dươg cho Nhật.</li> <li>+ Việt Nam nhân đạo: trước những tội ác tàn bạo của thực dân Pháp, nhân dân Việt Nam vẫn giữ thái độ khoan hồng và nhân đạo, kể cả khi kẻ thù thất bại.</li> </ul> <p>⇒ Một dân tộc kiên cường, anh dũng yêu hòa bình như vậy phải được độc lập, tự do. Đó không chỉ là quyền, là tư cách mà còn là một hiện thực không thể thay đổi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lời tuyên bố trịnh trọng:</li> <li>+ Khẳng định danh thếp nền độc lập phù hợp với đạo lý và pháp lý nhân loại.</li> <li>+ Thể hiện tinh thần quyết tâm bảo vệ nền độc lập non trẻ ấy.</li> <li>- Nghệ thuật: điệp ngữ khiến cho lời tuyên ngôn thêm hùng hồn, danh thếp.</li> </ul>	<p><b>Khép lại bản “Tuyên ngôn Độc lập”, Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định và nhấn mạnh chân lý tồn tại của nền độc lập dân tộc. Đồng thời, thể hiện một cách kiên quyết và chắc chắn tinh thần quyết tâm bảo vệ, giữ gìn nền độc lập ấy.</b></p>
--	--

### III. BẢN TUYÊN NGÔN 1945

Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt quốc dân đồng bào đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Bản *Tuyên ngôn độc lập* ngắn gọn nhưng chứa đựng những nội dung bất hủ, không chỉ có giá trị lịch sử, văn hóa đối với dân tộc Việt Nam, mà còn có ý nghĩa thời đại sâu sắc.

Mở đầu bản *Tuyên ngôn độc lập* là lời hiệu triệu thiêng liêng mà Bác hướng tới đồng bào cả nước. Tuy nhiên, đối tượng Bác hướng tới còn là bọn đế quốc thực dân, trong đó có Pháp và Mỹ. Bởi thế, Hồ Chí Minh dẫn ra những lời bất hủ trong bản *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ và *Tuyên ngôn nhân quyền, dân quyền* của Pháp. Đây là cách đánh địch bằng chiến thuật "gậy ông đập lưng ông". Bác đã dùng lời lẽ của kẻ thù để phản bác lại chúng. Hồ Chí Minh không chỉ trích lại bản tuyên ngôn của Mỹ mà còn suy rộng và phát triển thêm: "Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do". Như vậy, từ quyền lợi của cá nhân con người, Bác đã nâng lên thành quyền lợi của tất cả các dân tộc trên thế giới. Ý kiến của Bác vừa thể hiện tầm tri tuệ lớn lao, vừa là sự đóng góp vào phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Hồ Chí Minh đưa ra hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mỹ nhằm mục đích khẳng định trước nhân dân thế giới và đặc biệt là trước bọn đế quốc, thực dân về quyền độc lập, tự do của dân tộc ta là tất yếu. Nếu như trong bản tuyên ngôn của Đại Việt ở thế kỉ XV, Nguyễn Trãi đặt ngang hàng nước ta với các cường quốc, triều đại phong kiến phương Bắc:

*"Nước Việt ta từ trước  
Đã xưng nhà văn hiến đã lâu  
Lịch sử bệ cõi đất châu  
Phước tự hào Nam cũng khinh  
Trên biển, dưới trời, John huc đời xây nền độc lập  
Cùng Hàn, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương"*

**(Bình Ngô Đại cáo)**

thì Hồ Chí Minh cũng vậy. Bác đặt cuộc cách mạng và nền độc lập của dân tộc ta ngang hàng với cuộc cách mạng và nền độc lập của Pháp và Mỹ nhằm thể hiện niềm tự hào, tự tôn dân tộc về quyền bình đẳng của ta trước kẻ thù. Lập luận trong phần đầu của bản tuyên ngôn rất chặt chẽ và thuyết phục, khéo léo và mềm mỏng nhưng kiên quyết và có sức chiến đấu cao. Khéo léo vì người viết tuyên ngôn tỏ ra trân trọng những di sản văn hóa tinh thần của nhân loại. Từ những tuyên ngôn bất hủ của Pháp và Mỹ, Bác kiên quyết, dứt khoát nhắc nhở bọn đế quốc thực dân không được phản bội những giá trị tinh thần của tổ tiên chúng ta để lại. Không được chà đạp lên chân lí mà cả nhân loại đã thừa nhận. Ngầm trong cách trình bày, trích dẫn này còn là lời răn đe, nếu kẻ thù cố tình làm vậy bản ngon cơm chính nghĩa, nhân đạo thì nhân dân Việt Nam và thế giới sẽ không để chúng yên.

Ở phần mở đầu bản *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh đã khẳng định chân lí về quyền bình đẳng tất yếu của con người nói chung và của dân tộc Việt Nam nói riêng. Đây là cơ sở pháp lí, là nền tảng tư tưởng mà Bác đã xác lập cho bản tuyên ngôn. Nhà thơ, nhà lí luận phê bình Chế Lan Viên đã nhận ra sự hấp dẫn đặc sắc của phần mở đầu: *"Nghệ thuật lập luận của Hồ Chí Minh là quá táo đối với chúng ta, quả lựu đạn đối với kẻ thù, thà không ra, nuốt không vào"*.

Phần tiếp theo của bản tuyên ngôn lịch sử là bản cáo trạng tội ác thực dân Pháp đã chà đạp lên công lí và chính nghĩa. Hồ Chí Minh đã tố cáo và lật tẩy bộ mặt thật của thực dân Pháp. Chúng không phải là những nhà khai sáng, khai hóa mà thực chất đó là những kẻ xâm lược, khai tử dân tộc Việt Nam. Bản cáo trạng của Bác mở đầu bằng hai chữ *"Thế mà"* như một bản lề chứa đựng nhiều kịch tính. Bác đã lập trung lí lẽ và chứng cứ để cho nhân dân thế giới hiểu rõ tội ác không thể dung thứ của bọn đế quốc thực dân đối với dân tộc ta.

Về chính trị, thực dân Pháp tuyệt đối không cho ta một chút quyền tự do nào. Chúng thi hành luật pháp dã man, lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Đàn áp và tẩm máu các cuộc khởi nghĩa của ta. Về kinh tế, chúng bóc lột nhân dân ta tới tận xương tủy, vơ vét tài nguyên của cái. Chúng đặt ra nhiều thứ thuế vô lí, chèn ép các nhà tư sản Việt Nam, làm bần cùng hóa các tầng lớp nhân dân lao động. Thực dân Pháp đầu độc dân ta bằng rượu cồn và thuốc phiện, gây ra thảm cảnh đau thương *"hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói"*. Như vậy, Hồ Chí Minh đã dùng thực tế lịch sử để thể hiện những lập luận và lí lẽ đầy sức thuyết phục.

Phần tiếp theo, Hồ Chí Minh đã phản bác những lời khoe công *"báo hờ"* của thực dân Pháp bằng việc chỉ rõ sự thật: *"Trong năm năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật"* và chúng ta giành chính quyền từ tay phát xít Nhật chứ không phải từ tay Pháp. Việc người viết tuyên ngôn đưa ra những mốc thời gian cụ thể và dẫn chứng xác đáng đã tạo nên độ tin cậy cho bản tuyên ngôn và bác bỏ mọi luận điệu của thực dân Pháp. Chúng khoe công với dân tộc Việt Nam nhưng chính chúng cũng là kẻ hèn mạt, bán nước ta cho kẻ khác. Thực dân Pháp tuyên bố Đông Dương là thuộc địa của chúng nhưng Hồ Chí Minh đã vạch mặt: *"Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa"*: *"Sự thật là dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp"*. Những từ ngữ lập đi lập lại như một điệp khúc nối tiếp nhau vừa tăng thêm sự hùng hồn của bản tuyên ngôn, vừa khẳng định chân lí không thể chối bỏ.

Có thể nói, Hồ Chí Minh đã đưa ra trước dư luận Quốc tế những lí lẽ và dẫn chứng đầy sức thuyết phục để kết luận: thực dân Pháp đã phơi bày bản chất đế hèn, tàn ác của chúng. Vì thế, Việt Nam xóa bỏ hết những hiệp ước Pháp đã kí, xóa bỏ hết những đặc quyền của Pháp trên đất nước ta.

Bác tiếp tục đưa ra những lập luận sắc bén để khẳng định quan điểm về quyền được hưởng độc lập, tự do của dân tộc. Nếu thực dân Pháp có tội phạm bởi Đồng minh, đảng Đồng Dương cho Nhật thì Việt Nam anh dũng chống lại Nhật, giành lại lãnh thổ chủ quyền của mình. Nếu thực dân Pháp bóc lột những hèn nhát, vô nhân đạo trong hành động thẳng tay giết nốt số đồng tù chính trị thì nhân dân ta vẫn giữ thái độ bao dung, khoan hồng và nhân đạo kể cả khi kẻ thù bại trận. Một dân tộc yêu chính nghĩa và hòa bình, một dân tộc bất khuất, kiên cường như thế phải được hưởng độc lập, tự do. Đây không chỉ là quyền, là tư cách cần có mà còn là một hiện thực không thể thay đổi của một dân tộc anh hùng. Nghệ thuật điệp ngữ khiến cho lời tuyên ngôn như thêm phần hùng hồn, đánh thép.

Sau khi trình bày những lí lẽ thấu tình đạt lí, người viết tuyên ngôn trịnh trọng tuyên bố: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”. Lời kết thúc của bản tuyên ngôn phù hợp với đạo lí và pháp lí của nhân loại. Sau hơn 80 năm thực dân Pháp đàn áp và đồ hộ, lời tuyên ngôn của Bác vút cao để thể hiện lòng tự hào dân tộc sâu sắc. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời là nhà nước tự do, độc lập, là sự thật lịch sử không ai có thể chối cãi được. Vì thế, toàn thể dân tộc ta quyết đem toàn bộ tinh thần, ý chí, sức mạnh để bảo vệ nền độc lập thiêng liêng ấy.

*Tuyên ngôn Độc lập* là một tác phẩm chính luận mẫu mực có kết cấu chặt chẽ, lí lẽ hùng hồn, luận cứ, luận chứng xác thực. Bản tuyên ngôn được viết bởi tâm huyết, trí tuệ và thể hiện quan điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh. Có thể coi, đây là một “áng thiên cổ hùng văn” của thời đại Cách mạng mới.

## Văn bản

### Quang Dũng

#### 1. Tác giả

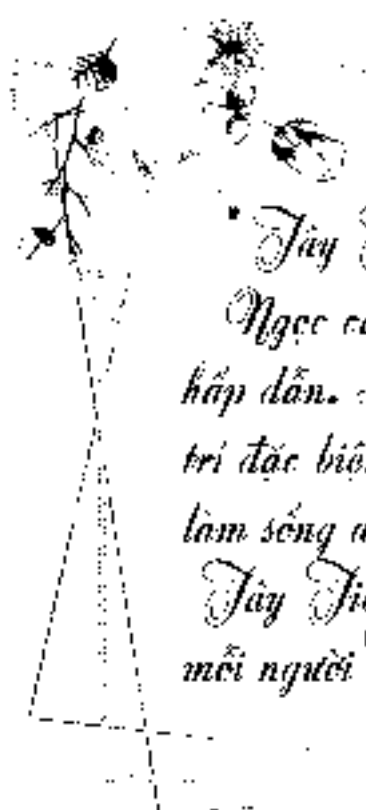
- Quang Dũng (1921-1988), quê ở huyện Đan Phượng - Hà Nội.
- Ông là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, vẽ tranh...
- Thơ Quang Dũng vừa hồn nhiên, vừa tinh tế mang vẻ đẹp hào hoa, phóng khoáng đậm chất lãng mạn.
- Các tác phẩm chính: *Rừng biển quê hương* (in chung, 1957), *Mùa hoa gạo* (truyện ngắn, 1950), *Máy đầu ô* (1986), *Thơ văn Quang Dũng* (tuyển thơ văn, 1988)...

#### 2. Tác phẩm

- Sau khi Cách mạng tháng 8 thành công, Quang Dũng gia nhập bộ đội. Năm 1947, ông tham gia đoàn quân Tây Tiến với chức vụ Đại đội trưởng.
- Tây Tiến là đơn vị bộ đội thành lập năm 1947 có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào bảo vệ biên giới Việt – Lào, địa bàn hoạt động suốt miền núi Tây Bắc từ Châu Mai, Châu Mộc sang Sầm Nưa cho tới miền Tây Thanh Hoá. Ngày ấy nơi đây còn rất hoang vu, hiểm trở, núi cao sông sâu.
- Những người lính trong đoàn quân Tây Tiến năm ấy chủ yếu là học sinh, trí thức ra đi từ những mái trường, từ phố phường Hà Nội chiến đấu trong những hoàn cảnh rất gian khổ, vô cùng thiếu thốn về vật chất, chết vì sốt rét nhiều hơn là vì súng đạn. Tuy vậy, các anh vẫn phơi phới tinh thần lạc quan anh hùng.
- Người lính mang trong mình sự trẻ trung khoẻ khoắn, hào hoa, thanh lịch. Ở họ vừa cháy bỏng lí tưởng "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" vừa mang trong mình nét lãng mạn mộng mơ. Nét độc đáo này của người lính Tây Tiến đã thực sự làm hồn thơ Quang Dũng rung động.
- Cuối năm 1948 Quang Dũng chuyển sang đơn vị khác, khi dự hội nghị toàn quân ở Phù Lưu Chanh tác giả bồi hồi nhớ lại những kỉ niệm kháng chiến cùng đồng đội ở đơn vị cũ trong những tháng năm ở miền biên cương Tây Bắc. Những ngày tháng gian khổ mà hào hùng ấy đã rung lên những dây tơ xúc cảm trong tâm hồn nhà thơ viết nên bài thơ "Tây Tiến". Bài thơ ban đầu có tựa đề "Nhớ Tây Tiến" in trong tập thơ "Mây Đầu Ô".

Tây Tiến biên cương mở khời lửa  
Quân đi lớp lớp động cây rừng  
Và bài thơ ấy, con người ấy,  
Vẫn sống muôn đời với núi sông"

(Lam Giang)




*Tây Tiến* giống như một viên ngọc.

Ngọc càng mài càng sáng, càng lấp lánh và hấp dẫn. Đó là một bài thơ kì diệu và có một vị trí đặc biệt trong lòng công chúng... một bài thơ làm sống dậy cả một trung đoàn, khiến địa danh

*Tây Tiến* trường tồn trong lịch sử và kí ức mỗi người "

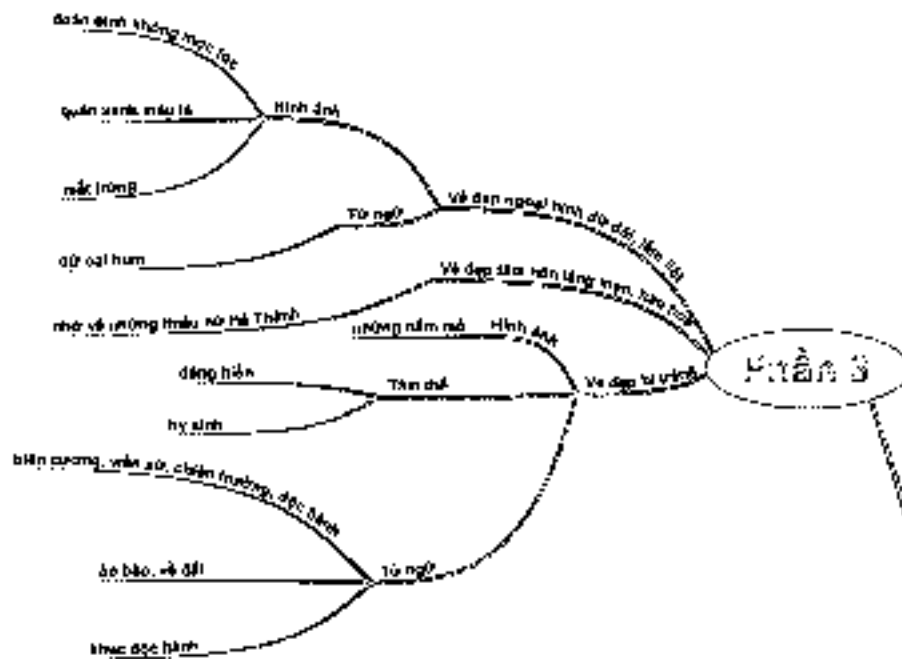
(Phạm Xuân Nguyên)



"Ai nói rằng *Tây Bắc* là xứ rừng thiêng nước độc xin hãy một lần để cho tâm hồn mình lắng lại để chất thơ *Tây Bắc* ngấm vào hồn "

(Khuyết danh)

# ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN THI TUYỂN SINH VÀO ĐẠI HỌC NĂM 2000

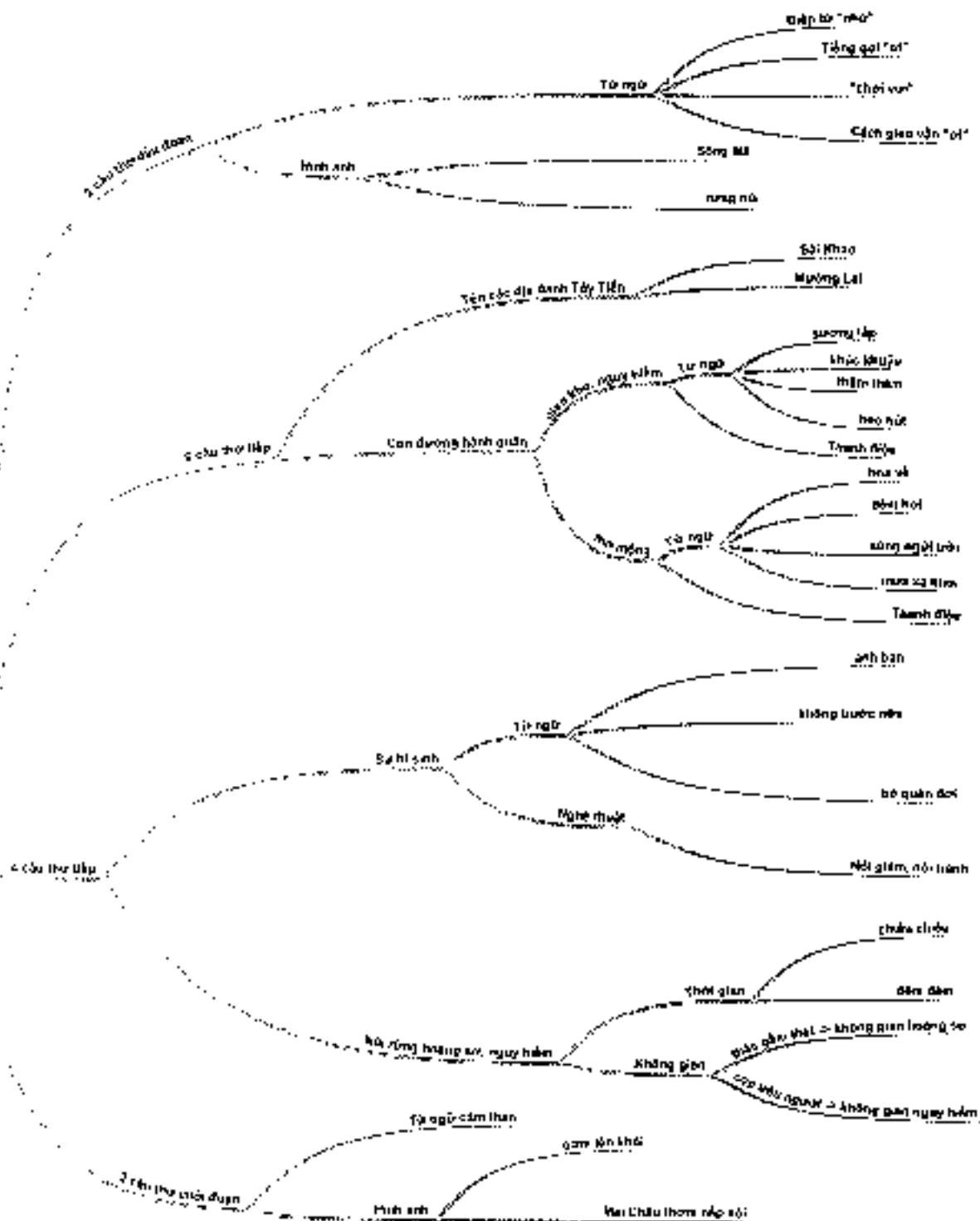


## Tân Tiến





Phần 1



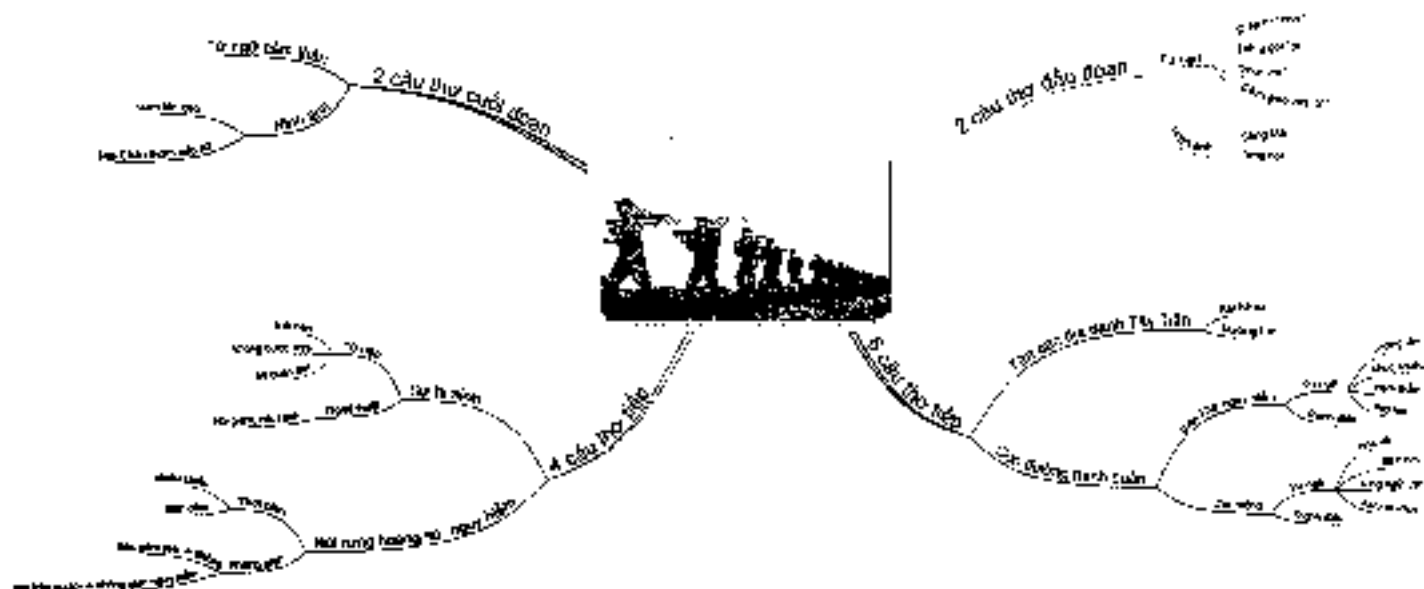
## II. GỢI Ý PHÂN TÍCH

### 1. Về đẹp thiên nhiên Tây Bắc và hình tượng người lính bộ đội cụ Hồ

"Từng đồi cao rồi Tây Tiến  
Như có dòng núi nước chảy..."

20

"Hè hi Tây Tiến còn tồn tại  
Mai Chèo nữa em, thêm này rồi"



Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi  
 Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi  
 Sải Khao sương lấp đoàn quân mỏi  
 Mường Lát hoa về trong đêm hơi  
 Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm  
 Heo hút cồn mây súng ngửi trời  
 Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống  
 Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

**- Từ ngữ:**

+ Điệp từ "nhớ" lặp lại 2 lần và tiếng gọi đáp "ơi" đầy thân thương: nhấn mạnh và tăng chiều sâu của cảm xúc.

+ "chơi vơi": là lơ lửng giữa khoảng không vô định; "nhớ chơi vơi" là nỗi nhớ da diết, miên man, lửng lơ. Đây là đặc sắc trong việc sử dụng từ ngữ của nhà thơ.

+ Cách gieo vần "ơi": thể hiện sức lan tỏa của nỗi nhớ.

**- Hình ảnh:**

+ Sông Mã: con sông theo suốt bước đường hành quân của người lính.

+ rừng núi: thiên nhiên gần gũi, đồng hành.

⇒ Nỗi nhớ mênh mông, tha thiết tạo nên âm hưởng của bài thơ.

- Các địa danh: Sải Khao, Mường Lát "vừa đọc lên đã thấy một gối, chùn chân" (Trần Lê Văn).

- Khắc họa con đường hành quân:

+ Gian khổ, nguy hiểm: với các từ ngữ gợi hình gợi cảm:

*sương lấp*: sương mù dày và kín  
*khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút*: con đường hành quân hoang vu, gập ghềnh, khó đi.

Và nghệ thuật hài thanh: sử dụng câu thơ nhiều thanh trắc tạo nên sự trắc trở.

+ Thơ mộng, trữ tình: với các từ ngữ độc đáo, ẩn tượng:

**Từ nỗi nhớ chơi vơi về dòng sông Mã, Quang Dũng đã làm sống dậy một thời kháng chiến gian khổ, hào hùng. Với nghệ thuật tương phản và cường điệu, cách sử dụng từ láy gợi hình, gợi cảm, đoạn thơ mở đầu đã khắc họa một bức tranh giàu màu sắc, đường nét được vẽ bằng bàn tay tài hoa của người nghệ sĩ, thi sĩ Quang Dũng. Bằng bút pháp hiện thực kết hợp cảm hứng lãng mạn; chất họa kết hợp với chất nhạc đoạn thơ đã dựng lại con đường hành quân giữa núi rừng Tây Bắc hiểm trở, khắc nghiệt, hùng vĩ, thơ mộng.**

# ĐỀ 1: Phân tích bài thơ "Đoàn quân Tây Tiến" của Quang Dũng

	<p>"<i>hoa về</i>" chứ không phải "<i>hoa nở</i>"  "<i>đêm hơi</i>" chứ không phải "<i>đêm sương</i>"</p> <p>→ gợi hình ảnh những ngọn đuốc soi sáng đường hành quân trong đêm như những bông hoa rực nở.</p> <p>Và nghệ thuật hai thanh: sử dụng câu thơ thanh bằng tạo nên sự thơ mộng</p> <p>⇒ Cuộc hành quân của người lính Tây Tiến giữa núi rừng vừa hùng vĩ, vừa thơ mộng trữ tình.</p>	<p>Ở đó đoàn quân Tây Tiến hào hùng đã trải qua cuộc hành quân đầy gian khổ, vất vả nhưng cũng ấm áp tình người.</p>
<p>Anh bạn dãi dẫu không bước nữa  Gục lên súng mũ bỏ quên đời  Chiều chiều oai linh thác gầm thét  Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người</p>	<p>- <b>Sự hi sinh bi tráng:</b>  + Từ ngữ:  <i>anh bạn</i>: tiếng gọi thân thương, tình cảm.  <i>không bước nữa, bỏ quên đời</i>: hi sinh.  + Nghệ thuật nói giảm nói tránh: giảm bớt sự đau thương.</p> <p>- <b>Bức tranh rừng núi hoang sơ, nguy hiểm:</b>  + Thời gian: <i>chiều chiều, đêm đêm</i> → thời gian khắc nghiệt  + Không gian: <i>thác gầm thét</i> (hoang sơ), <i>cọp trêu người</i> (nguy hiểm).</p> <p>→ <b>Sự hi sinh bi tráng của người lính Tây Tiến trên chặng đường hành quân khắc nghiệt, hiểm nguy.</b></p>	
<p>Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói  Mai Châu mùa em thơm nếp xôi</p>	<p>- Từ ngữ cảm thán "Nhớ ôi" mang tình cảm dạt dào, tha thiết.</p> <p>- Hình ảnh cơm nếp Mai Châu ủa về trong tâm trí khiến nỗi nhớ càng đông đầy hơn với những con người Tây Bắc hồn hậu, những tâm lòng thơm thảo...</p>	

## 2. Cảnh đêm liên hoan lửa trại và khung cảnh chia tay trên vùng sông nước Tây Bắc

Cảnh đêm liên hoan lửa trại  
và khung cảnh chia tay trên  
vùng sông nước Tây Bắc

Cảnh đêm liên  
hoan lửa trại

ánh sáng

bóng tối  
đèn hoa

Âm thanh

tiếng hát man mác  
nhạc và tiếng cười

Coi người

không có góc vụng vơ  
không người lính Tây Tiến

Cảnh chia tay

Không gian chia tay

Châu Mộc sương khói

Thời gian chia tay

tuổi trẻ

Từ ngữ

không thấy

không

Hình ảnh

con người

thiên nhiên

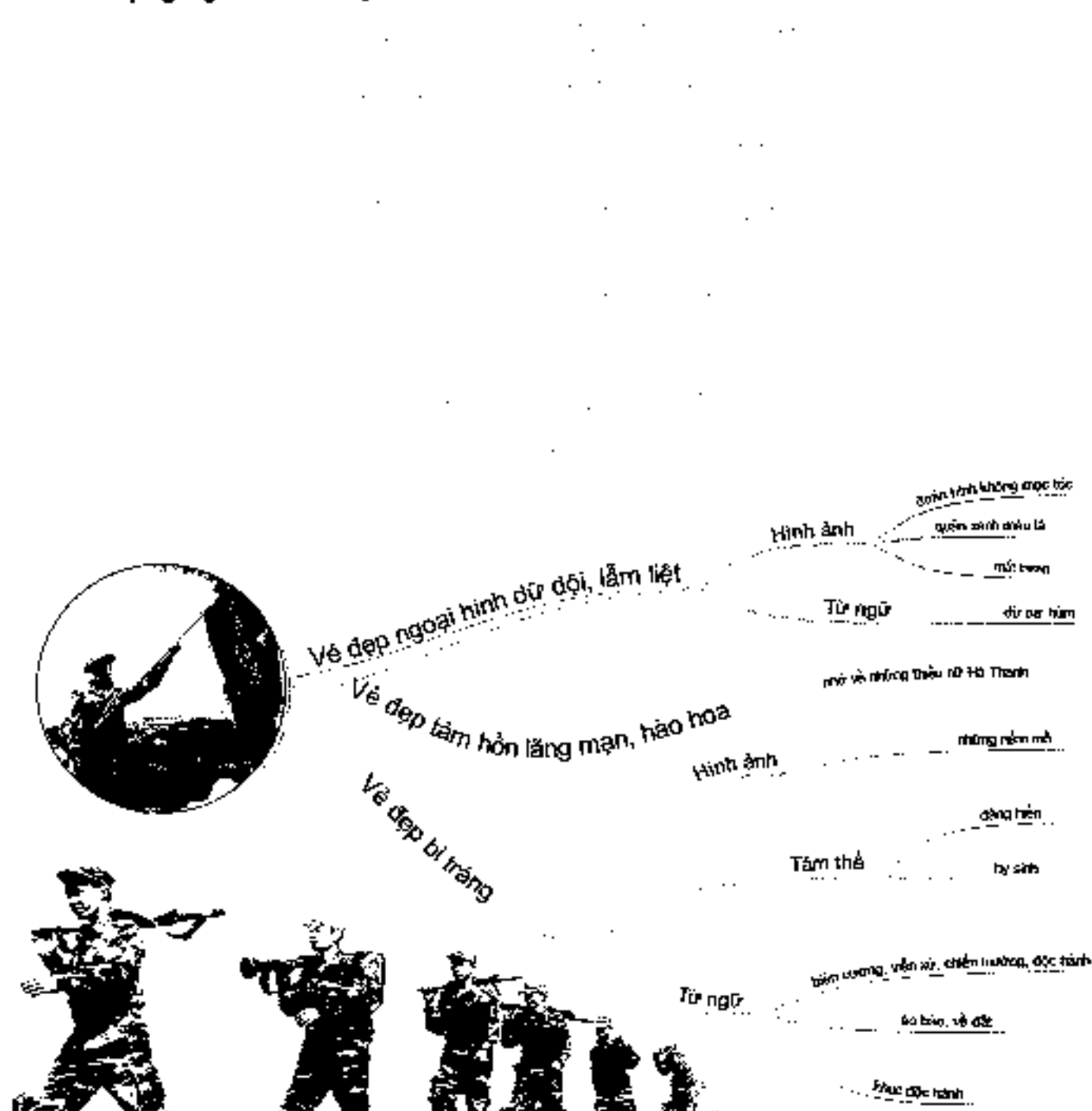
Nghệ thuật



<p><i>Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa Kìa em xiêm áo tự bao giờ Khèn lên man điệu nàng e ấp Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ</i></p>	<p><b>- Ánh sáng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>bừng lên</i>: đột ngột, lan tỏa</li> <li>+ <i>đuốc hoa</i>: cây đuốc thừng thấp trong đêm tàn hồn, ở đây để chỉ niềm hạnh phúc trong lòng những người chiến sĩ khi tham gia đêm hội lửa trại.</li> </ul> <p><b>- Âm thanh:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>khèn lên man điệu</i>: những điệu nhạc lạ vui tai, lôi cuốn.</li> <li>+ <i>nhạc về Viên Chăn...</i>: âm nhạc đêm hội đưa người lính Tây Tiến hòa vào sự lãng mạn để say, để mộng.</li> </ul> <p><b>- Con người:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Những cô gái vùng cao: duyên dáng, e ấp, điệu đà.</li> <li>+ Những người lính: hạnh phúc, vui tươi, mơ mộng.</li> </ul> <p>⇒ <b>Đêm liên hoan lửa trại đầy ắp tình quân dân.</b></p>	<p><i>Đoạn thơ thứ hai mở ra một thế giới lôi cuốn, hấp dẫn của Tây Bắc. Cảnh núi rừng, thiên nhiên khác nghiệt đã lùi lại phía sau để nhường chỗ cho không gian mê lệ của một vùng biên cương. Bằng những nét vẽ mềm mại, tinh tế, Quang Dũng đã vẽ nên bức tranh đêm lửa trại rực rỡ sắc màu, rộn rã âm thanh và ắp tình quân dân. Đồng thời, ghi tạc vào nỗi nhớ của người lính bằng khung cảnh chia tay chiều Châu Mộc trên sông nước Tây Bắc đầy bịn rịn.</i></p>
<p><i>Người đi Châu Mộc chiều sương ấy Có thấy hồn lau nẻo bến bờ Có thấy dáng người trên độc mộc Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa</i></p>	<p><b>- Không gian chia tay:</b> Châu Mộc sương khói.</p> <p><b>- Thời gian chia tay:</b> buổi chiều.</p> <p><b>- Từ ngữ:</b> <i>có thấy, có nhớ</i> =&gt; như một điệp khúc trong lòng người chiến sĩ ra đi.</p> <p><b>- Hình ảnh:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Con người: dáng hình mềm mại, khỏe khoắn, uyển chuyển của con người Tây Bắc trên con thuyền độc mộc.</li> <li>+ Thiên nhiên: <ul style="list-style-type: none"> <li>* <i>hồn lau</i>: cảnh vật trải rộng ra như có linh hồn khiến người chiến sĩ băng khuâng, nhớ tiếc.</li> <li>* <i>hoa đong đưa</i>: những bông hoa làm duyên, làm dáng, đong đưa theo gió như bịn rịn vẫy chào tạm biệt người chiến sĩ.</li> </ul> </li> </ul>	

	<p>- Nghệ thuật: nhân hóa, đối lập tương phản làm cho câu thơ giàu sức gợi hình, gợi cảm hơn.</p> <p>⇒ <i>Khung cánh chĩa tay trên sông nước Tây Bắc mênh mông, hoang vắng những chạn chứa tình hiện lên qua nỗi nhớ da diết của người lính.</i></p>	
--	--	--

### 3. Hình tượng người lính Tây Tiến



<p>Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc Quân xanh màu lá dữ oai hùm Mắt trừng gửi mộng qua biên giới Đêm mơ Hà Nội dáng Kiều thơm</p>	<p>- <b>Vẻ đẹp ngoại hình dữ dội, lẫm liệt:</b> + Hình ảnh đoàn binh không mọc tóc, quân xanh màu lá -&gt; vừa thực tả những gian khổ, nghiệt ngã nơi chiến trường mà người lính phải trải qua; vừa thể hiện sự chủ động, ngang tàng của họ. mắt trừng: lòng căm thù giặc; sự oai phong, lẫm liệt của anh hùng thời loạn. + Từ ngữ "dữ oai hùm": những người lính Tây Tiến hùng dũng, hiên ngang như vị chúa tể rừng xanh. - <b>Vẻ đẹp tâm hồn lãng mạn, hào hoa:</b> nhớ về những thiếu nữ Hà thành duyên dáng. ⇒ <b>Khổ thơ đã khắc họa hình tượng người lính Tây Tiến trong khắc nghiệt, gian khổ trên chặng đường hành quân. Sau những giờ hành quân nhọc nhằn, người lính Tây Tiến tìm về nét tính cách hào hoa, lãng mạn trong tâm hồn, tìm về vầng sáng lung linh trong kí ức - những thiếu nữ Hà Thành.</b></p>	<p><b>Từ trải nghiệm của cuộc đời chiến sĩ trong khói lửa, đạn bom, Quang Dũng đã dựng lên một bức tượng đài uy nghi, sừng sững về những chàng trai Hà Nội mang guom đi giữ nước: anh hùng, bất khuất trong chiến đấu, lãng mạn, yêu đời trong cuộc sống nhọc nhằn.</b> <b>Sống hào hoa và chết hào hùng. Đó là vẻ đẹp sáng mãi của đoàn quân Tây Tiến. Chính những vẻ đẹp, những nghĩa tình ấy khiến cho người lính dù về xuôi vẫn luôn khắc nhớ Tây Tiến như một kỉ niệm của một thời hi sinh nhưng hào sảng.</b></p>
<p>Rải rác biên cương mồ viễn xứ Chiến tranh đi chăng tiếc đời xanh Áo bào thay chiếu anh về đất Sông Mã gầm lên khúc độc hành Tây Tiến người đi không hẹn ước Đường lên thăm thẳm một chia phôi Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.</p>	<p>- <b>Vẻ đẹp bi tráng:</b> + Hình ảnh: những nấm mồ lạnh lẽo → hiện thực cuộc chiến và sự hi sinh. + Tâm thế: chẳng tiếc đời xanh → không né tránh cái chết, sẵn sàng dâng hiến tuổi thanh xuân đẹp nhất cho đất nước. + Từ ngữ: biên cương, viễn xứ, chiến trường, độc hành → những từ Hán Việt tạo âm điệu trang trọng khiến</p>	



	<p>cho những cái chết trở nên thiêng liêng.</p> <p>áo báo, về đất → trắng lệt hóa sự hi sinh, làm cho câu thơ bi mà không lụy, giảm bớt sắc thái đau buồn.</p> <p>khúc độc hành → khúc nhạc thiêng liêng mà con sông nhân chứng cất lên để tiễn đưa người lính về với đất mẹ.</p> <p>- <b>Tình cảm gắn bó với núi rừng Tây Tiến:</b> hồn về Sấm Núi chằng về xuôi.</p> <p>⇒ <b>Sự hi sinh bi tráng của những người lính Tây Tiến đã "làm cho lá cờ cách mạng thêm đỏ thắm". Chính những kỉ niệm ấy khiến cho những người lính sẽ không thể quên quên quãng thời gian đã từng gắn bó.</b></p>	
--	--	--

Có một nhà văn từng nhận ra rằng, "Nghệ thuật nằm ngoài định luật băng hoại, chỉ mình nó không thừa nhận cái chết". Thi phẩm "Tây Tiến" của nhà thơ Quang Dũng là một trong những tác phẩm nghệ thuật trường tồn như vậy. Bài thơ được sáng tác cuối năm 1948, khi nhà thơ đã chuyển sang đơn vị khác. Tại hội nghị toàn quân ở Phù Lưu Chanh tác giả bồi hồi nhớ lại những kỉ niệm kháng chiến cùng đồng đội ở đơn vị cũ trong những tháng năm ở miền biên cương Tây Bắc. Những ngày tháng gian khổ mà hào hùng ấy đã rung lên những dây tơ xúc cảm trong tâm hồn để nhà thơ viết nên bài thơ "Tây Tiến".

Nhan đề đầu tiên của thi phẩm là "Nhớ Tây Tiến" nhưng sau được đổi thành "Tây Tiến" bởi bao trùm toàn bài thơ, từng câu, từng chữ đều chất chứa nỗi nhớ da diết, khôn nguôi. Đó là nỗi nhớ về thiên nhiên, núi rừng Tây Bắc hoang sơ, khắc nghiệt mà không kém phần thơ mộng; là nỗi nhớ về con người Tây Bắc tình nghĩa, duyên dáng, tài hoa, khỏe khoắn và còn là nỗi nhớ sâu đậm về đoàn quân Tây Tiến hào hoa và hào hùng của tác giả.

Mở đầu bài thơ là hình ảnh Sông Mã anh hùng - dòng sông nhân chứng, người bạn tri kỉ dõi theo suốt bước đường hành quân của những người lính Tây Tiến. Dường như, nỗi nhớ đã âm ỉ cháy trong tâm khảm người nghệ sĩ - chiến sĩ để ngay khi được bộc lộ, nỗi nhớ ấy tràn ra đầu ngòi bút thành tiếng gọi thân thương:

"Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi"

Điệp từ "nhớ" lặp lại hai lần và tiếng gọi "ơi" đầy thần thương đã nhận mạnh chiều sâu của cảm xúc. Âm hưởng của vần "ơi" ngân dài như vọng ra những kỉ niệm của một thời xa vắng, nhớ thương. Núi cao, vực thẳm, sông sâu, thác cuộn... Tất cả ùa về trong tiềm thức người lính, kết đọng thành nỗi nhớ băng khuâng, miên man, da diết - "nhớ chơi vơi". Đó là một nỗi nhớ mơ hồ nhưng cũng rất cụ thể. Nó bồng bềnh trong không gian, trải dài trong thời gian và đi sâu vào kí ức như một kỉ niệm chẳng thể người quên. Từ nỗi nhớ ấy, bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, hoang sơ mà không kém phần trữ tình, lãng mạn cứ dần dần hiện lên:

"Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi

Mường Lát hoa về trong đêm hơi

Đốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm

Heo hút cồn mây súng ngửi trời

Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi"

Nỗi nhớ Tây Tiến như một thước phim trong tâm ảnh lần lượt quay về với những địa danh mà người lính đã từng đặt chân qua. Đó là Sài Khao, là Mường Lát, là Pha Luông, là Châu Mộc... Dù tên những địa danh Sài Khao, Mường Lát "vừa đọc lên đã thấy mới gỏi chùn chân" nhưng đúng như Chế Lan Viên từng nhận ra rằng, "Nơi nao qua lòng lại chẳng yêu thương". Bởi thế, câu thơ hiện lên như một hồi ức chân thực:

"Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi"

Trên đỉnh Sài Khao, sương mù đặc dày, phủ kín, che lấp những chiến sĩ Tây Tiến đang hành quân giữa trùng điệp núi cao, rừng thẳm, sương dày, mây lạnh. Sầu thanh âm trong câu thơ lần lượt vang lên như để diễn tả trạng thái của người lính sau chặng đường thăm thẳm ở tiếng thứ bảy - "đoàn quân mỏi". Thế nhưng nỗi nhớ không âm vọng để chỉ hồi ức đến những khó khăn, gian khổ mà còn là một điểm tựa để người lính làm nổi bật vẻ đẹp lạc quan của mình. Núi rừng, thiên nhiên Tây Bắc vốn được mệnh danh là "xứ ma thiêng nước độc" với biết bao khắc nghiệt, hiểm nguy. Song, bằng cái nhìn đầy thi vị, người lính cụ Hồ lại phát hiện ra những vẻ đẹp lung linh, đái vàng trong quặng đỏ hình dung nên hình ảnh đầy lãng mạn:

"Mường Lát hoa về trong đêm hơi"

Câu thơ có đến hai từ xuất hiện gọi liên tưởng độc đáo: "hoa về" chứ không phải "hoa nở", "đêm hơi" chứ chẳng phải "đêm sương". Phải chăng, đó là hình ảnh những ngọn đuốc trong đêm soi sáng đường hành quân như những bông hoa rừng nở rực rỡ trên sườn đèo, dốc núi thăm thẳm. Ta nghe đâu đây giữa núi rừng hiểm trở cheo leo có hơi thở mệt mỏi của những chàng trai đất Hà thành, nhọc nhằn trên những chặng đường chông chênh. Thế mà trái tim nhạy cảm, tình yêu tha thiết với đất và

người Tây Bắc, họ như nghe được hơi thở, nhịp đập trên đất Mường Lát khi màn đêm buông xuống. Quang Dũng như một phóng viên lia ống kính để mở ra trước mắt người đọc một thước phim núi non hùng vĩ, hiểm trở, cheo leo:

*"Đốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm  
Heo hút cồn máy súng ngồi trời  
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống"*

Giọng thơ bổng trở nên gân guốc, rắn rỏi, dồn dập, góp phần nhấn mạnh vào địa thế hiểm trở, đồng thời giúp người đọc cảm nhận bước chân chắc nịch của đoàn binh Tây Tiến in hằn trên sỏi đá. Một loạt những từ láy giàu chất tạo hình "khúc khuỷu", "thăm thẳm", "heo hút" mở ra trước mắt một bức tranh thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, hiểm trở, núi non trùng trùng điệp điệp. Điệp từ "dốc" lặp lại hai lần trong một câu thơ góp phần thể hiện đặc địa một địa thế cheo leo, chênh vênh, lắm thác, nhiều ghềnh. Thì ra Tây Bắc là nơi ngự trị của núi cao, dốc sâu, vực thẳm, rừng dày, dốc củ dốc, đèo củ đèo, núi cao chót vót, vực sâu thăm thẳm khôn xiết như ai đó từng viết:

*"Đầy cao với vọi dốc ông Mạnh  
Đầy ầm ầm đổ thác không tên"*

Khi miêu tả thiên nhiên, Quang Dũng sử dụng nhiều thanh trắc phối hợp với giọng thơ rắn rỏi hòa cùng những từ giàu chất tạo hình để đẩy Tây Bắc lên tới đỉnh cao của chênh vênh, cheo leo trở thành mối thử thách lớn đối với con người. Vậy nên đoàn binh Tây Tiến hành quân là chặng đường chinh phục thiên nhiên, chinh phục khó khăn và trên hết là chinh phục chính mình. Thật vậy, đối với con người không có đỉnh cao nào là không chinh phục được, để rồi lính Tây Tiến khi khúc xạ dưới lăng kính tâm hồn đầy lãng mạn của Quang Dũng, họ trở nên ki vĩ hơn: "súng ngồi trời" – đây là một cách cảm nhận rất ngộ nghĩnh, tên kỳ và mang đậm chất lính. Một chút tếu táo của người lính giữa chốn đèo cao càng làm cho họ trở nên đẹp đẽ hơn như mình chứng cho ý chí vượt trội, cho sức mạnh phi thường, cho khát khao chinh phục. Thật đúng là:

*"Đèo cao thì mặc đèo cao  
Trèo lên tới đỉnh ta cao hơn đèo"*

Đặc biệt câu thơ "Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống" như bẻ đôi bởi cách ngắt nhịp 4/3 tạo thành tiểu đối giữa "cao" và "sâu", giữa "lên" và "xuống", dường như câu thơ có sự chuyển động căng đầy ra hai phía: Núi cao chót vọt, vực sâu khôn cùng để lại khoảng trống về một Tây Bắc dữ dội, huyền bí như một ẩn số đối với con người. Con đường hành quân của người lính Tây Tiến khiến ta liên tưởng đến con đường chinh chiến của người chinh phu nơi chiến trận thuở nào:

*"Hình khe thế núi gần xa  
Đút thôi lại nói, thấp đà lại cao"*

Giữa những thanh điệu trắc trở, gồ ghề khi diễn tả con đường Tây Bắc, câu thơ tiếp theo lại được vẽ bằng nét bút mềm mại của những thanh bằng. Quang Dũng đã lấy lại cân bằng cảm xúc cho người

đọc bằng câu thơ toàn thanh bằng: "Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi". Nhịp thơ 2/2/3 vừa gợi cảm giác thoáng đãng, êm ả, nhẹ nhàng, vừa diễn tả không gian bao la, trải dài trước mắt người lính. Các anh nhìn trời để thấy chiều cao vợi vợi, nhìn vực để thấy thâm thẳm độ sâu. Đến câu thơ này, họ dừng chân bên dốc núi, họ phóng tầm mắt ra xa để thấy nhà ai ẩn hiện trong không gian mịt mù sương rừng mưa núi. Đang ở nơi rừng thiêng nước độc mà tác giả tưởng tượng ngôi nhà của đồng bào dân tộc bỗng bồng trôi giữa biển khơi. Đó quả là một sự liên tưởng độc đáo, sáng tạo.

Trên nền bức tranh con đường hành quân đầy gian khổ, hình ảnh người lính Tây Tiến trực tiếp xuất hiện đầy bí tráng trong hai câu thơ:

"Anh bạn dãi dầu không bước nữa  
Gục lên súng mũ bỏ quên đời"

Tác giả không hề né tránh hiện thực khốc liệt. Đó là sự hi sinh của những người lính trên chặng đường hành quân nhưng lại nhẹ nhàng hóa những cái chết bằng hai âm điệu trầm trong bản nhạc "Tây Tiến". "Anh bạn" chính là những người đồng chí, đồng đội, những người bạn đường trong tiểu đoàn mà thi sĩ gọi lên với hai tiếng thân thương, gần gũi. Cụm từ "dãi dầu không bước nữa" và "bỏ quên đời" kết hợp với nghệ thuật nói giảm, nói tránh đã khiến cho anh đi vào cõi vĩnh hằng như đi vào giấc ngủ nồng say. Dù hôm nay có thể một người, ngày mai có thể một người khác không thể bước tiếp nhưng đoàn quân vẫn hiên ngang bởi lí tưởng yêu nước sáng ngời của người lính hi sinh vẫn soi đường chỉ lối cho đồng đội nhịp bước quân hành. Hai câu thơ toát lên khí phách ngang tàng, cứng cỏi, rất đáng trân trọng của người chiến binh Hà thành.

Tây Bắc hoang sơ, huyền bí đã đi vào tiềm thức của người lính với biết bao hiểm nguy rình rập:

"Chiều chiều oai linh thác gầm thét  
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người"

"Chiều chiều", "Đêm đêm" là những từ láy chỉ thời gian có ý nghĩa chuyển giao liên tục cũng là liên tiếp những khó khăn mà lính Tây Tiến phải đối mặt. Ban ngày lội suối, treo đèo, băng rừng vượt núi; chiều về rừng mình ghê sợ trước sự trỗi dậy của thác nước, tiếng gầm thét của thác đổ như oai linh ngự trị, trùm phủ cả núi rừng; đêm đến phải đối mặt với chim kêu, vượn hú, thú dữ hoành hành. dường như trên đất Mường Hịch vẫn còn lờn vờn dấu dãi dầu chân cọp dữ. Xoa dịu đi cảm giác sợ hãi về một Tây Bắc dữ dằn là hai câu thơ nhiều thanh bằng lại âm tình quân dân:

"Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói  
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi"

Từ nỗi nhớ chơi vơi về dòng sông Mã, Quang Dũng đã làm sống dậy một thời kháng chiến gian khổ, hào hùng. Với nghệ thuật tương phản và cường điệu, cách sử dụng từ láy gợi hình, gợi cảm, đoạn thơ mở đầu đã khắc họa một bức tranh giàu màu sắc, đường nét được vẽ bằng bàn tay tài hoa của người nghệ sĩ, thi sĩ Quang Dũng. Bằng bút pháp hiện thực kết hợp cảm hứng lãng mạn; chất họa kết hợp với chất nhạc, đoạn thơ đã dựng lại con đường hành quân giữa núi rừng Tây Bắc hiểm trở, khắc nghiệt, hùng vĩ, thơ mộng. Ở đó đoàn quân Tây Tiến hào hùng đã trải qua cuộc hành quân đầy gian khổ, mất

mát nhưng cũng rất lãng mạn và ấm áp tình người.

Những nét vẽ gân guốc, mạnh bạo, giọng thơ rắn rỏi với nhiều thanh trắc đã lùi dần, nhường chỗ cho những nét vẽ tinh tế, mềm mại, uyển chuyển để mở ra một thế giới mới của Tây Bắc. Tây Bắc không chỉ cheo leo, hiểm trở, lắm thác, nhiều ghềnh mà Tây Bắc còn rất **điềm lệ**, có sức hấp dẫn lôi cuốn bởi cảnh thơ mộng, người duyên dáng. Vì thế mà làm nên giọng thơ ngọt ngào như chất men say, lại du dương chất nhạc hòa cùng cảm xúc lãng mạn:

*"Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ"*

Cả không gian đang im lìm, lòng người lắng lại trong sự chờ đợi để được hòa mình vào đêm văn nghệ ẩm tình quần dân. Với những chi tiết tả thực kết hợp với cái nhìn lãng mạn, nhà thơ đã tái hiện đêm sinh hoạt văn hóa nơi rẻo cao vùng núi đẹp như một câu chuyện cổ tích làm say sưa, ngả nghiêng lòng người. Đêm liên hoan văn nghệ được khắc họa rộn rã, vui tươi với ánh sáng, với âm thanh, với con người, với bao xúc cảm dâng trào, mê đắm. Động từ **"bùng"** diễn tả sự chuyển biến mau lẹ, đột ngột, một sự đổi thay kì diệu bừng lên ánh sáng, xua tan đi màn đêm tăm tối của một góc rừng, sưởi ấm không gian, xua tan sương sa lạnh giá của một miền sơn cước, đồng thời đổi thay tâm trạng của đoàn binh Tây Tiến. Bối sau một chặng đường dài, không có một lời than vãn, một hơi thở mệt mỏi mà là niềm vui, hồ hởi, phấn khởi. Quang Dũng thật khéo léo khi sử dụng từ **"bùng"** đem đến một luồng sinh khí mới, hơi thở, nhịp đập của sự sống, của niềm vui, của tình người chứa chan, của chất men say say người say cảnh. Trước đây, Tố Hữu cũng sử dụng từ **"bùng"** để đánh dấu bước ngoặt cuộc đời, khi có ánh sáng lí tưởng cách mạng chiếu rọi vào tâm hồn. Còn Quang Dũng sử dụng từ **"bùng"** diễn tả đêm văn nghệ thật giàu cảm xúc, giàu chất thơ. Đặc biệt, lửa đuốc bập bùng mang hơi thở văn hóa của đồng bào biên cương khi qua lăng kính tâm hồn nhà thơ đã trở thành **"hội đuốc hoa"**. **"Đuốc hoa"** vốn là từ cổ chỉ ngọn nến thấp sáng trong đêm tân hôn, lúc này trở thành ánh sáng của đêm hội, đêm văn nghệ, khung cảnh hiện lên vừa cổ kính, vừa hiện đại để lính Tây Tiến như được bước vào thế giới của huyền thoại để được hòa mình trong cái đẹp đầy bí ẩn của đất và người xứ lạ phương xa. **"Kìa"** là biểu hiện của sự ngạc nhiên đến ngỡ ngàng khi có sự xuất hiện của những cô gái người dân tộc Thái với xiêm y lộng lẫy. Họ đến đêm hội bằng niềm đam mê, bằng vẻ đẹp ban sơ của những con người sinh ra, lớn lên trên xứ sở đại ngàn. Giọng thơ êm đềm tha thiết đọng lại ở từ **"em"** nghe thật ân cần, chất chứa bao tình. Vậy là những thiếu nữ dân tộc Thái trở thành nơi ngưng đọng ánh mắt, tâm hồn của những chàng trai Hà thành lãng mạn hào hoa, nhạy cảm trước cái đẹp, khao khát kiếm tìm hạt ngọc trong tâm hồn Tây Bắc. Có lẽ núi rừng cũng thức trọn đêm để cùng người lính say sưa ngả nghiêng trong tiếng khèn, nhịp phách. Giữa ánh sáng lung linh của **"đuốc hoa"**, những thiếu nữ đẹp như Hằng Nga lạc giữa vườn cổ tích, như sơn nữ giữa rừng già trầm mặc, như thiên thần trong sử thi. Tây Bắc là thế, biết níu giữ chân ai đã một lần đến, biết đánh thức khát khao... Từ tình yêu dành cho đất và người



Tây Bắc nên những câu thơ của Quang Dũng có sự hòa thân của một tài năng, có sự hiện hình của chất họa; có giai điệu của chất nhạc, có vẻ đẹp e ấp, tình từ duyên dáng của con người, có cái kin đáo, e lệ của thiếu nữ miền sơn cước. Giữa "man điệu" – giai điệu xứ lạ phương xa con người càng trở nên đẹp đẽ hơn, thiếu nữ càng trở nên kin đáo, dịu dàng hơn trong từng nhịp bước của vũ điệu Lăm-vông đậm chất văn hóa của núi rừng. Khúc nhạc của nẻo cao vùng núi như lan ngấm thấm tràn, lan tỏa đến vùng miền đất bạn Lào xa xôi để xây đắp nên hồn thơ Quang Dũng lãng mạn, tài hoa, phóng khoáng. Ai đã một lần sống cùng Tây Tiến, được hòa mình vào đêm văn nghệ, tâm hồn đều hóa thành thi sĩ.

Chỉ với bốn câu thơ ngắn, Quang Dũng đã nói lên vẻ đẹp về phong tục sinh hoạt văn hóa của đồng bào dân tộc vùng cao. Đồng thời, thể hiện nét hào hoa, lãng mạn trong tâm hồn người lính Tây Tiến. Các anh bước vào trận chiến chống quân thù không chỉ có gươm đao, súng đạn mà còn có đời sống tinh thần phong phú, lãng mạn. Trong âm thanh rền rã của tiếng khèn, người lính Hà thành đã mơ về ngày mai tươi sáng: "Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ..."

Nếu cảnh liên hoan khi đêm tới vừa thực, vừa mộng thì cánh sông nước lúc chiều buông lại gợi cảm giác xa vắng, mênh mông. Không gian dòng sông giăng mắc trong làn sương lạnh tờ, hoang dại từ thời tiền sử xa xăm. Lời thơ bỗng âm mượt, mênh mang như gió thoảng giữa rừng. Chiều Châu Mộc bằng lăng sương khói khiến người đi, kẻ ở không khỏi bịn rịn, luyến lưu. Những từ ngữ "có thấy", "có nhớ" điệp đi điệp lại như một điệp khúc trong lòng người chiến sĩ ra đi bởi ấn tượng về Châu Mộc không chỉ là sương khói mà còn là ngàn lau trắng xóa, nở rộ làm nên đặc trưng của đất biên giới. Lúc này sương giăng, hồn lau cứ xôn xao trong nỗi niềm nhà thơ tạo cảm giác bằng khuâng xa vắng phất phất một nỗi buồn. Lau trắng chiếm lĩnh cả tâm hồn để rồi xao xáo, xáo xáo mãi trong tâm hồn những ai đã từng đến rồi đi. Đồng điệu với Quang Dũng, Chế Lan Viên từng viết:

*"Ai đi biên giới cho lòng ta theo với  
Thăm ngàn lau chỉ trắng có một mình  
Bạt ngàn lau trắng ở tận cùng bờ cõi  
Suốt một đời cùng với gió giao tranh"*

Trên dòng sông Tây Bắc đậm sắc vẽ cổ kính huyền thoại, nổi bật lên dáng hình mềm mại, uyển chuyển của những con người Tây Bắc trên con thuyền độc mộc. Hòa điệu cùng con người là những cánh hoa "đong đưa" làm duyên, làm dáng. Những bông hoa theo gió như bịn rịn, như vẫy chào tạm biệt người chiến sĩ lên đường.

Người lính cụ Hồ đã trở thành bến đò nghệ thuật, điểm dừng chân khơi nguồn cho sức sáng tạo không bao giờ vơi cạn trong trái tim người nghệ sĩ. Vẫn còn đó hình ảnh anh bộ đội áo vái chân không đi lũng giặc đánh trong thơ Tố Hữu hay người lính "miệng cười buốt giá chân không giày" trong thơ Chính Hữu. Và rồi Quang Dũng đã làm nên "Tây Tiến" – một bài ca không bao giờ quên, bài ca ấy đã thắp sáng lên ngọn lửa của li tưởng, bài ca soi sáng rạng ngời chân dung người lính cụ Hồ và cũng là bài ca neo đậu trong sâu thẳm trái tim người dân đất Việt mỗi khi tìm về lịch sử. Quang Dũng đã tinh lọc những nét khái quát nhất, tiêu biểu nhất để tạc dung một bức tượng đài nghệ thuật bất hủ về

hình tượng người lính Tây Tiến. Bức tượng đài ấy viết lên bằng cảm hứng lãng mạn nhuộm màu sắc bi hùng, bi tráng chứ không hề bi thương, bi lụy.

Quang Dũng không hề che giấu những khó khăn, gian khổ và hiện thực nghiệt ngã mà người lính phải chịu đựng. Tuy nhiên, sự thật ấy không được miêu tả trần trụi, khô cứng mà thông qua cái nhìn lãng mạn, thi vị:

*"Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc"*

*Quên xanh màu lá dữ oai hùm"*

Người lính Tây Tiến hiện lên với một vẻ đẹp ngoại hình dữ dội, lẫm liệt. Những chàng trai với cái đầu "*không mọc tóc*", với nước da ngăm ngát xanh đầu phải sản phẩm của trí tưởng tượng để tạo nên sự li kì. Đó là hiện thực của những năm tháng không thể nào quên. Có thể, do người lính chủ động cạo trọc để thuận tiện khi đánh nhau với giặc. Có thể do ốm đau, tật bệnh khiến các anh rụng tóc, trụi đầu. Cách dùng từ độc đáo đã đảo thế bị động thành chủ động như một nhà phê bình đã viết: "*Không phải là các anh không thể mọc tóc mà dường như không thêm mọc tóc*". Chắt ngang tàn, kiêu dũng, xem thường gian lao của người chiến binh đã được thể hiện từ những chi tiết đời thường như thế. Nét vẽ thứ hai về người lính Tây Tiến là hình ảnh "*Quên xanh màu lá dữ oai hùm*". Đó là màu xanh của bộ quần phục người chiến sĩ hay màu xanh của những vòm lá nguy trang hay màu xanh vì căn bệnh sốt rét rừng hằn in trên làn da đoàn quân Tây Tiến như một nhà thơ từng viết:

*"Khuôn mặt đã lên màu bệnh tật"*

*Đâu còn tươi nữa những ngày qua"*

Dù đầu rụng hết tóc, da dẻ xanh xao vàng vọt lên màu bệnh tật nhưng lính Tây Tiến vẫn giữ được vẻ uy nghi lẫm liệt như hùm hổ chốn rừng thiêng, như chúa tể sơn lâm "dữ oai hùm". Bao nhiêu sức mạnh nổi lực, vẻ can trường của người lính như dồn nén vào câu chữ để tôn lên sức mạnh kì diệu của con người bắt nguồn từ lòng yêu nước đang rần rạt cháy trong lòng đường gân, thớ thịt của những chàng trai Hà thành. Quang Dũng đã phát huy triệt để hiệu quả của biện pháp đối lập giữa vẻ bề ngoài và nội tâm, nhìn vẻ ngoài người lính vừa tiêu tụy, vừa can trường, vừa mang khí phách của một hiệp sĩ, vừa như những người không tỏ không có trái tim. Thế nhưng đó chỉ là lớp vỏ bao bọc hạt ngọc tâm hồn – tâm hồn hào hoa, lịch lãm, lãng mạn và giàu đức hi sinh:

*"Mắt trừng gửi mộng qua biên giới"*

*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm"*

Ảnh "*mắt trừng*" chứa đầy cảm xúc, đầy nội tâm. Phải chăng đó là ánh mắt căm phẫn, uất nghẹn như muốn nuốt chứng kẻ thù xâm lăng. Cũng có thể là ánh mắt đau đáu hướng về quê hương, ánh mắt bồn chồn, thao thức thăm thẳm suy tư nặng trĩu nỗi niềm. Đằng sau ánh mắt ấy là cả một niềm khao khát, mang theo giấc mộng chiến thắng, hứa hẹn ngày trở về, đôi khi giữa ánh mắt xa xăm, rạo rực, khắc khoải xen lẫn giấc mơ về Hà Nội, nhớ Hà Nội – dải đất thiêng ngàn năm văn hiến, nhớ Hà Nội bởi:

"Nhớ đêm ra đi đất trời bốc lửa  
Cả đồ thành nghị ngút chảy sau lưng  
Nhưng chàng trai chưa trắng nợ anh hùng  
Hồn mười phương phát phơ cờ đỏ thắm"

(Ngây về - Chính Hữu)

Những ai đã từng sống và gắn bó với Hà Nội khi đi xa đều vương vương một nỗi buồn, đều mang theo một nỗi nhớ; nhớ phố cổ thâm nghiêm, nhớ lá vàng rơi trên vai người thiếu nữ, lá vàng đậu trên rèm cửa. Ai đó lại xao xác trong tâm hồn bởi tiếng rao đêm hay Nguyễn Đình Thi nhớ nhiều và thật nhiều "mùi hương cốm mới" mỗi độ thu về. Còn người lính Tây Tiến xa Hà Nội mang theo "dáng kiêu thơm". Một cách cảm nhận thật nho nhã, lịch lãm, nỗi nhớ trở nên vơi vơi hơn, đậm thắm, ngọt ngào, da diết hơn. Dáng kiêu thơm – bóng dáng của những thiếu nữ Hà thành dịu dàng trong tà áo dài duyên dáng bên Tây Hồ. Phải chăng đó là bóng hồng, bóng liễu đã một thời để nhớ, để thương. Vì thế mà nỗi nhớ còn được mùi sách vở, tôn lên vẻ lịch lãm của người Hà Nội. Đây không phải là cái "mộng rơi mộng rớt" của những trí thức tiểu tư sản mà là vẻ đẹp tâm hồn rất hào hoa, lịch lãm, lãng mạn của những chàng trai "xếp bút nghiên lên đường báo vệ Tổ quốc". Khổ thơ đã khắc họa hình tượng người lính Tây Tiến trong khắc nghiệt, gian khổ trên chặng đường hành quân. Sau những giờ hành quân nhọc nhằn, người lính Tây Tiến tìm về nét tinh cách hào hoa, lãng mạn trong tâm hồn, tìm về vàng sáng lung linh trong kỉ ức - những thiếu nữ Hà thành.

Trong bài thơ "Tây Tiến", ngòi bút Quang Dũng không chỉ hướng về vẻ đẹp lãng mạn, hào hoa mà còn tập trung thể hiện chất hào hùng, bi tráng:

"Rải rác biên cương mồ viễn xứ  
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh  
Áo bào thay chiếu anh về đất  
Sông Mã gầm lên khúc độc hành"

Giọng thơ bỗng nhiên lắng xuống da diết hơn, đắm sâu vào cõi lòng người đọc, đẩy lên nỗi mắt mắt tang tóc đau thương được dồn nén trong từ "rải rác". Thật vậy! Trên những chặng đường hành quân bao đồng chí, đồng đội của Quang Dũng ngã xuống, gửi thân xác mình nơi khe suối sườn đèo, cứ thế nỗi đau triền miên, nỗi đau này chưa vơi, nước mắt này chưa ráo thì nỗi đau khác đã tới cọ của vào trái tim những người còn sống. Một loạt những từ Hán Việt: "biên cương", "mồ", "viễn xứ" được sử dụng để trang trọng hóa, cổ kính, vĩnh hằng và bất tử hóa đức hi sinh của lính Tây Tiến. Có biết đâu những nấm mồ xanh cỏ, nơi ái nước xa xôi, hoang vu, lạnh lẽo mãi trở thành mộ chí tồn tại nghiêm mà đời đời Tổ quốc ngợi ca, ngưỡng vọng. Người xưa có câu: "Cổ lai chinh chiến kỉ người hồi – Xưa nay chinh chiến mấy ai trở về". Đó là hiện thực tất yếu từ ngàn đời nay, đặc biệt trong thời đại Hồ Chí Minh nối tiếp trang sử truyền thống cha ông càng không thể làm ngơ trước họa xâm lăng. Lính Tây Tiến cũng vậy. Họ sẵn sàng dâng hiến tuổi thanh xuân để "Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân". Họ nằm xuống nhưng không mất đi mà hóa thành hồn thiêng sông núi để sống muôn đời với dân tộc Việt anh hùng. Người chiến



sĩ Tây Tiến đã "sống giản dị, chắt bình tâm", hiên ngang và cao thượng như lời thơ Thanh Thảo viết:

*"Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình"  
(Nhưng tuổi hai mươi làm sao không tiếc)  
Nhưng nếu ai cũng tiếc tuổi hai mươi  
Thì còn chi Tổ quốc"*

Hai câu thơ khép lại một lần nữa tô đậm đức hi sinh của những chàng trai đất Hà thành được Quang Dũng thể hiện qua âm hưởng thơ trầm hùng, bi tráng:

*"Áo bào thanh chiếu anh về đất  
Sông Mã gầm lên khúc độc hành"*

Quang Dũng đã có lần tâm sự: *"Linh Tây Tiến ngã xuống, manh chiếu không đủ che thân. đồng chí, đồng đội vào những bản làng xa xôi để xin chiếu, khi hiểu rõ mục đích của việc sử dụng chiếu, già làng không cảm được nước mắt. họ cũng nhau đan những phên nứa cho các anh bó gối thi hài đồng đội".* Vậy là "áo bào" được lý tưởng hóa – một hình ảnh tượng trưng để xua đi cái bi thương, bi lụy, lấy lại cái bi hùng, tráng lệ, đồng thời để trang trọng, vĩnh hằng, bất tử hóa. Áo bào vốn được dùng cho vua chúa xưa để khơi gợi con người mang trong mình lí tưởng đẹp. Trong những năm bom rơi đạn nổ, chất lãng mạn, bay bổng vượt lên trên hết thay trở thành nơi trú ngụ của những tâm hồn đẹp. Vậy nên hình ảnh "áo bào" trong câu thơ như một liều thuốc xoa dịu nỗi đớn đau, an ủi vong hồn người đã khuất. Linh Tây Tiến về với đất mẹ, đất mẹ sinh ra anh. đất cũng mở rộng vòng tay đón các anh về trong tình yêu thương, đùm bọc, nâng đỡ và sẻ chia. Cho dù khảm liệm bằng manh chiếu, phên nứa nhưng các anh sẽ được sưởi ấm bằng chính tình yêu của mảnh đất mà: *"Mẹ Âu Cơ đã đi một vòng Trái Đất – Và chọn hình tia chớp để sinh con"* (Trần Mạnh Hảo). Quang Dũng đã khơi gợi những tình cảm sâu xa đến tận đáy lòng người đọc để thấm thía hơn hình ảnh những người con đã hi sinh hóa hình Tổ quốc.

Bốn câu thơ cuối bài một lần nữa nhấn mạnh lời thề thiêng liêng vì tình thân sẵn sàng xả thân cho Tổ quốc. Dù khó khăn gian khổ nhưng không một người chiến sĩ nào thoái thác nhiệm vụ:

*"Tây Tiến người đi không hẹn ước  
Đường lên thăm thẳm một chia phôi  
Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy  
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi"*

"Tây Tiến" là bài thơ xuất sắc của Quang Dũng và thơ ca kháng chiến chống Pháp. Với cảm hứng lãng mạn bay bổng và tinh thần bi tráng, Quang Dũng đã khắc họa thành công hình ảnh những người lính yêu nước, yêu đời, hào hoa, anh dũng. Với tác phẩm "Tây Tiến", Quang Dũng đã góp vào viện bảo tàng người chiến sĩ Việt Nam một bức chân dung đẹp và độc đáo.

## Văn bản

# ĐẤT NƯỚC

Trích "Trường ca Mặt đường khát vọng"

**Nguyễn Khoa Điềm**

1. Tên - 99.000.000

### 1. Tác giả Nguyễn Khoa Điềm

- Nguyễn Khoa Điềm sinh năm 1943 trong một gia đình giàu truyền thống cách mạng và văn học nghệ thuật ở Thừa Thiên Huế.

- Là nhà thơ tiêu biểu cho thế hệ thơ trẻ chống Mỹ

- Thơ Nguyễn Khoa Điềm giàu chất suy tư với cảm xúc dồn nén, sâu lắng của người trí thức gần gũi với nhân dân, đất nước Việt Nam.

- Tác phẩm chính: *Đất ngoại ô* (thơ, 1972), *Mặt đường khát vọng* (trường ca, 1974), *Ngôi nhà có ngọn lửa ấm* (thơ, 1986), *Thơ Nguyễn Khoa Điềm* (tuyển chọn, 1990), *Cõi lặng* (thơ, 2007)...

### 2. Tác phẩm "Mặt đường khát vọng"

- Thể loại trường ca: là một thể thơ với dung lượng lớn, quy mô đồ sộ, thể hiện cái nhìn của tác giả ở nhiều chiều kích, nhiều phương diện.

- Năm sáng tác: sáng tác năm 1971, in lần đầu năm 1974 (thời điểm cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra vô cùng căng thẳng).

- Nội dung: bản trường ca ra đời nhằm mục đích thức tỉnh tuổi trẻ đô thị vùng tạm chiếm miền Nam về ý thức và trách nhiệm với vận mệnh non sông.

### 3. Đoạn trích "Đất Nước"

#### a. Xuất xứ

- Vị trí: thuộc chương V của trường ca "Mặt đường khát vọng".

- Đề tài: là đoạn thơ sâu sắc, mới mẻ về đề tài Đất Nước.

#### b. Nội dung

Phần 1: Từ đầu cho đến "... làm nên Đất Nước muôn đời": **Định nghĩa về Đất Nước**

Phần 2: Còn lại: **Đất Nước của Nhân dân**

#### c. Nghệ thuật

- Thể thơ tự do với giọng điệu tâm tình, trò chuyện.

- Giọng thơ triết lý và trữ tình, cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng.

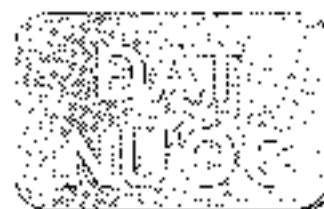
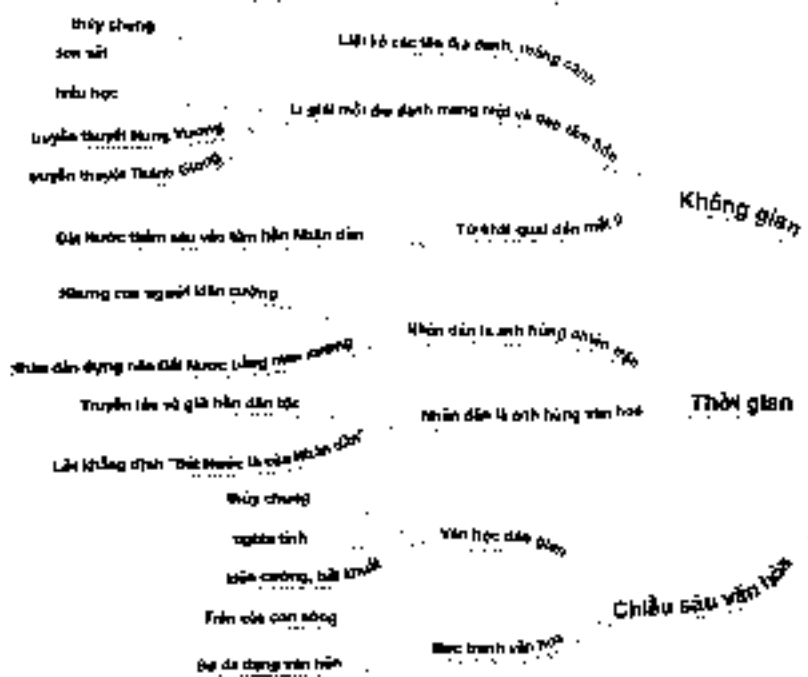
- Hình ảnh, ngôn ngữ gần gũi, quen thuộc, mang đậm màu sắc dân gian.



Ôi! Tổ quốc ta yêu như máu thịt  
Như mẹ cha ta, như vợ như chồng  
Ôi Tổ quốc nếu cần ta chết  
Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông

Chế Lan Viên

# ĐẤT NƯỚC CỦA NHÂN DÂN



## Đất Nước của Nhân Dân



# 1. Cảm nhận về quê hương, đất nước

Những cảm nhận mới mẻ về Đất Nước

Đất Nước có từ đâu

Trong đời sống đời của những câu chuyện cổ tích

Những câu chuyện cổ tích

... Miếng trầu

... Cây tre

... Rủi tóc con dâu

... Gừng cay, nghệ cay

... Mạ gạo

... Cối gạo, cối xay

... Gạo, ruộng, em, ruộng, anh

... Nước, dẻ, măng, măng, măng

... Chiều rộng, chiều dài

... Chiều dài, chiều rộng

... Chiều dài, chiều rộng

... Chiều dài, chiều rộng

... Chiều dài, chiều rộng

... Chiều dài, chiều rộng

... Chiều dài, chiều rộng

... Chiều dài, chiều rộng

Đất Nước là gì?

Không gian và sự sống

Định nghĩa trên nhiều định nghĩa

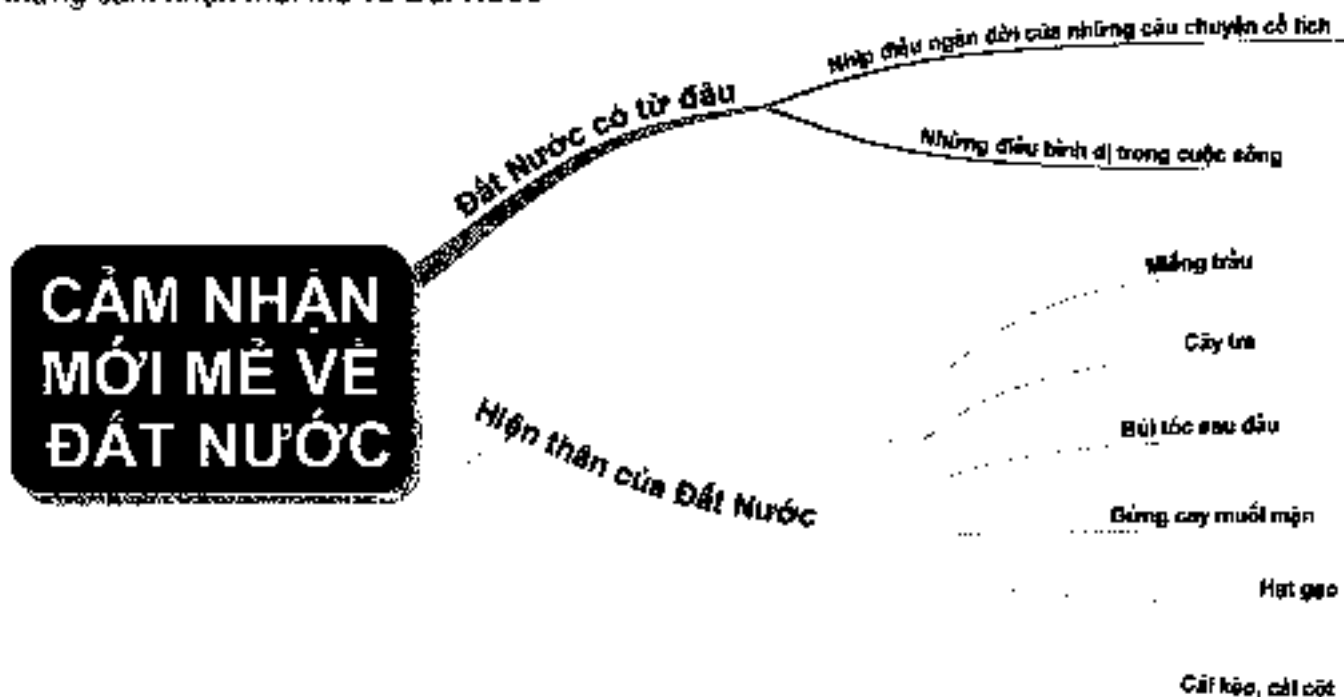
Sự nhận thức và ý thức trách nhiệm



# ĐẤT NƯỚC CÓ TỪ Đâu?

## 1. Định nghĩa về Đất Nước

### a. Những cảm nhận mọi mẹ về Đất Nước



<p>Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi Đất Nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa..." mẹ thường hay kể Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc Tóc mẹ thì bới sau đầu Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn Cải kẻo, cải cọt thành tên</p>	<p><b>* Đất Nước có từ đâu?</b></p> <p>- Đưa người đọc ngược thời gian trở về với cội nguồn Đất Nước: Đất Nước có trong những cái ngày xửa ngày xưa, từ nhịp điệu ngân dài của những câu chuyện cổ tích với lời kể của bà, của mẹ.</p> <p>- Đất Nước có trong những điều bình dị trong cuộc sống.</p> <p>&gt; Vừa gọi cái xa xăm của chiều dài lịch sử, vừa gọi sự gần gũi, thân quen trong kí ức tuổi thơ mỗi người.</p>	<p><b>Rất chân thực và khách quan, mới mẻ và sâu sắc, nhà thơ trẻ thời chống Mỹ đã đem tới cho độc giả một nhận thức đầy ý nghĩa về Đất Nước:</b></p> <p><b>Đất Nước có tự xa xưa, Đất Nước là của ông bà, cha mẹ chúng ta, của một cộng đồng cùng chung ngôn ngữ, chung phong tục</b></p>
--	---	--

<p>Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng</p> <p>Đất Nước cô từ ngày đó...</p>	<p><b>* Hiện thân của Đất Nước trong những điều bình dị, gần gũi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- miếng trầu: Đất Nước bắt đầu từ miếng trầu dồn tụ tình người nồng hậu, thủy chung; gợi nhắc đến phong tục tập quán của dân tộc.</li> <li>- trồng tre, đánh giặc: Cùng với thời gian, Đất Nước lớn lên trong lũy tre cha ông, cùng Nhân dân kiên cường đánh giặc.</li> <li>- tóc bới sau đầu, gừng cay muối mặn, ngôi nhà ẩm áp: Đất Nước hiện thân trong tập tục, thói quen, ngôn ngữ, lên gọi của đời sống con người. Đó là thói quen bới tóc sau đầu của mẹ, là tình cha nghĩa mẹ mặn nồng sắt son, là những cái kèo, cái cột trong ngôi nhà ẩm áp, là hạt gạo trắng ngần trong đời sống lao động người dân...</li> </ul> <p>⇒ <b>Đất Nước nhỏ bé, bình dị, thân thương.</b></p>	<p>tập quán, chung văn hóa cội nguồn. <b>Đất Nước</b> tường như xa lạ mà gần gũi, kì vĩ mà thân quen, hữu hình mà vô hình.</p>
--	---	--

b. Đất Nước là gì?

Đất Nước là gì?

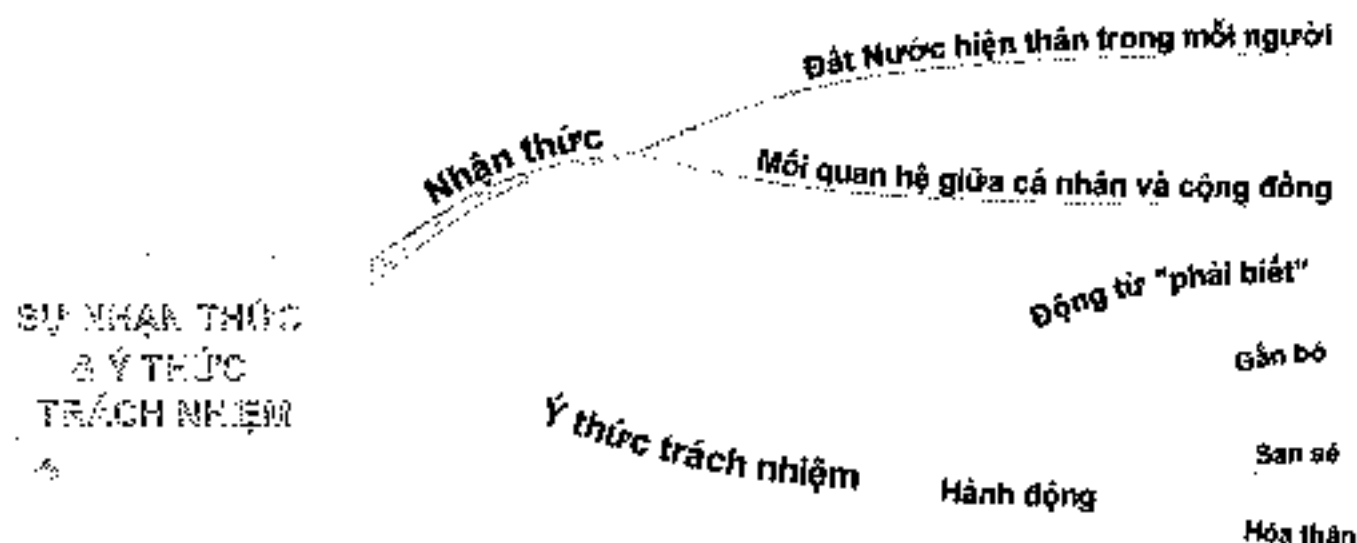


# ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI

<p>Đất là nơi anh đến trường Nước là nơi em tắm Đất Nước là nơi ta hò hẹn Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm</p>	<p><b>* Đất Nước là không gian hò hẹn riêng tư của lứa đôi</b></p> <p>- Đất mạnh mẽ, vững chãi, gắn với người con trai: là nơi đưa anh tới trường, tới những chân trời kiến thức bao la mới.</p> <p>- Nước dịu dàng, trong trẻo gắn với người con gái: đem tới cho em sự ngọt ngào, sáng trong.</p> <p>→ <b>Đất Nước là không gian hò hẹn riêng tư của lứa đôi, nơi "em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm".</b></p>	
<p>Đất là nơi "con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc" Nước là nơi "con cá ngư ông móng nước biển khơi" Thời gian đằng đẵng Không gian mênh mông Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ Đất là nơi Chim về Nước là nơi Rồng ở Lạc Long Quân và Âu Cơ Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng Những ai đã khuất Những ai bây giờ Yêu nhau và sinh con đẻ cái Gánh vác phần người đi trước để lại Dặn dò con cháu chuyện mai sau Hằng năm ăn đâu làm đâu Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ</p>	<p><b>* Định nghĩa Đất Nước trên bình diện địa lý, thời gian và nguồn cội:</b></p> <p>- <b>Chiều rộng của không gian:</b> Đất Nước là núi sông, bờ cõi, là Bắc – Trung – Nam một dải. Trong ấy, bao thế hệ nối tiếp nhau quản li đất nước từ dãy Trường Sơn hùng vĩ - "nơi con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc" cho đến bờ biển Đông vỗ sóng mênh mang - nơi "con cá ngư ông móng nước biển khơi".</p> <p>- <b>Chiều dài của thời gian:</b> Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ từ bốn nghìn năm lịch sử. Dù mỗi người một vùng quê, một giọng nói khác nhau nhưng chúng ta đều là con của mẹ Âu Cơ, đều sinh ra từ bọc trăm trứng trong truyền thuyết ngân đỏi.</p> <p>- <b>Chiều sâu của nguồn cội:</b></p> <p>+ Dù trong quá khứ, hiện tại hay tương lai thì con dân đất Việt đều chung ngày giỗ Tổ tiên.</p> <p>+ Đất Nước là nơi mà mỗi người đều hướng về ông bà, tổ tiên với lòng thành kính và ngưỡng vọng thiên liêng.</p>	<p>Nguyễn Khoa Điềm đã phân tách và nhập ghép sáng tạo hai yếu tố Đất và Nước để đưa ra một nhận xét toàn diện, mới mẽ. Định nghĩa về Đất Nước là những gì nhỏ bé, bình dị, thân thiết trong cuộc sống hằng ngày, là nơi truyền nối từ thế hệ này sang thế hệ khác, là không gian sinh tồn của con Rồng cháu Tiên. Đất Nước còn là tình cách, tâm hồn, phong tục, văn hóa, là quan hệ hài hòa giữa quá khứ, hiện tại và tương lai.</p>



c. Sự nhận thức và ý thức trách nhiệm



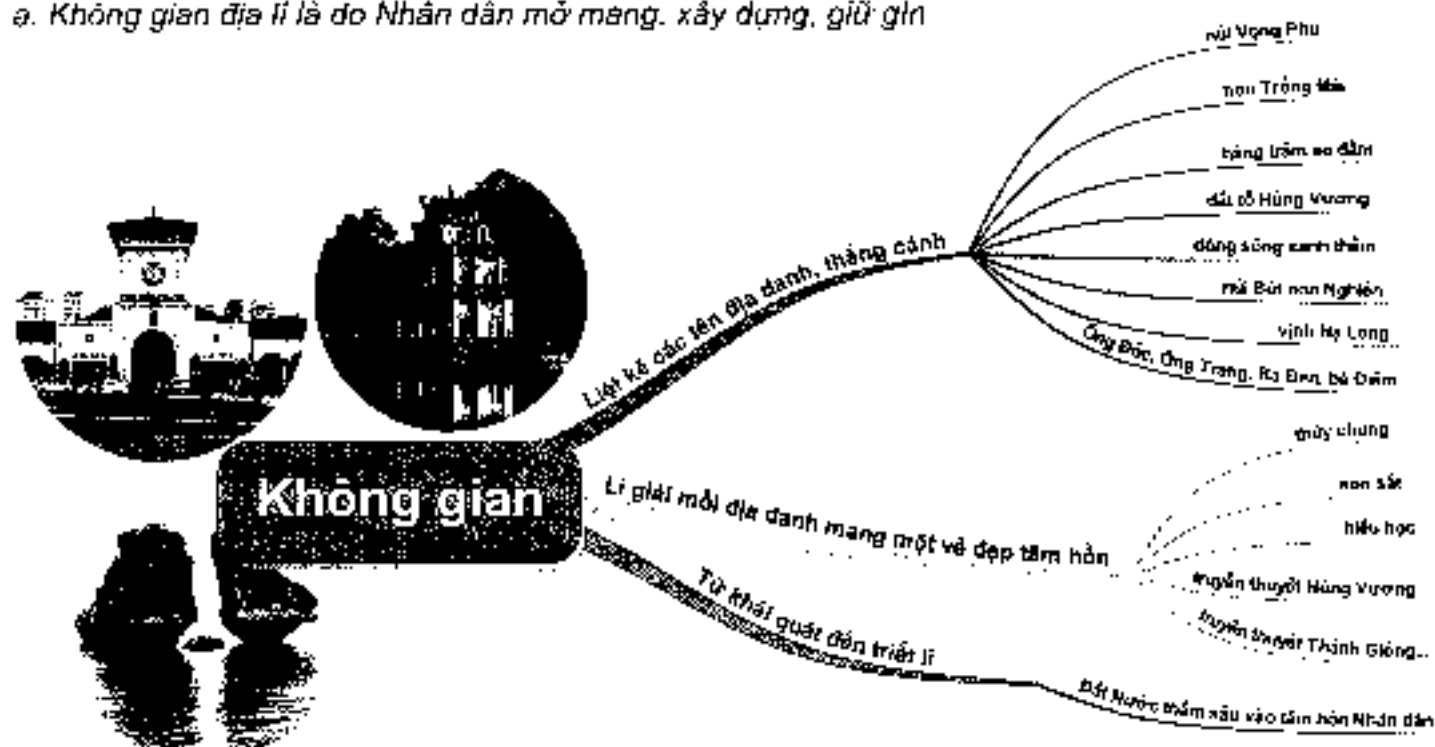
<p>Trong anh và em hôm nay Đều có một phần Đất Nước</p> <p>Khi hai đứa cầm tay Đất Nước trong chúng ta hài hoà nồng thắm</p> <p>Khi chúng ta cầm tay mọi người Đất Nước vẹn tròn, to lớn</p> <p>Mai này con ta lớn lên Con sẽ mang Đất Nước đi xa Đến những tháng ngày mơ mộng</p> <p>Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình</p> <p>Phải biết gắn bó san sẻ Phải biết hoá thân cho đáng hình xứ sở</p> <p>Làm nên Đất Nước muôn đời...</p>	<p><b>- Sự nhận thức và ý thức trách nhiệm với Đất Nước</b></p> <p><b>- Nhận thức:</b></p> <p>+ Đất Nước vừa kì vĩ, lớn lao, vừa nhỏ bé, thân thương khi hòa vào máu thịt, số phận mỗi con người. Chỉ "một phần" nhỏ bé thôi, nhưng xiết bao gần gũi, gắn bó, yêu thương và tự hào. Đất Nước có trong anh và em, có trong những bài học đạo lí mẹ cha răn dạy, có trong tiếng nói kết tinh hồn thiêng dân tộc... ⇒ <b>Đất Nước hiện thân trong mỗi người.</b></p> <p>+ Đất Nước hóa thân vào cái "cầm tay" chan chứa tình: với anh và em là biểu hiện của tình yêu gắn bó; với mọi người là biểu hiện của sự đoàn kết, đồng lòng để dựng xây một Đất Nước vẹn tròn, to lớn; để "mang Đất Nước đi xa" Đến những tháng ngày mơ mộng".</p>	<p><b>Từ những nhận thức về Đất Nước, tác giả hướng tới chiều sâu triết luận về mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, giữa cái chung và cái riêng, giữa nhận thức và trách nhiệm... Đất Nước tồn tại trong từng giọt máu, giọt hồn mỗi người. Bởi thế, gắn bó, san sẻ và hóa thân là truyền thống, là trách nhiệm và hạnh phúc của mỗi người để "làm nên Đất Nước muôn đời".</b></p>
---	---	---

# ĐẤT NƯỚC VÀ TÔI

	<p>⇒ <b>Từ nhận thức chung về Đất Nước, tác giả hướng tới mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung, cụ thể và trừu tượng, vật chất và tinh thần.</b></p> <p>- Lời nhắn nhủ thiết tha về trách nhiệm của cá nhân với cộng đồng:</p> <p>+ Đất Nước không phải chỉ ở bên ngoài ta như con đường, ngọn núi, dòng sông mà còn hiện hữu ở trong ta, trong từng giọt máu Việt Nam.</p> <p>+ Hai chữ "phái biết" vang lên hai lần như mệnh lệnh xuất phát từ trái tim có sức đồng vọng.</p> <p>+ "gần bố", "sân sè" và "hóa thân" là những động từ tăng tiến thể hiện ý thức, nghĩa vụ cao cả với Đất Nước của mỗi người.</p> <p>→ <b>Trong mỗi người "đều có một phần Đất Nước", chính bởi thế, trách nhiệm của chúng ta là phát triển Đất Nước giàu đẹp muôn đời.</b></p>	
--	--	--

## 2. Đất Nước của Nhân dân

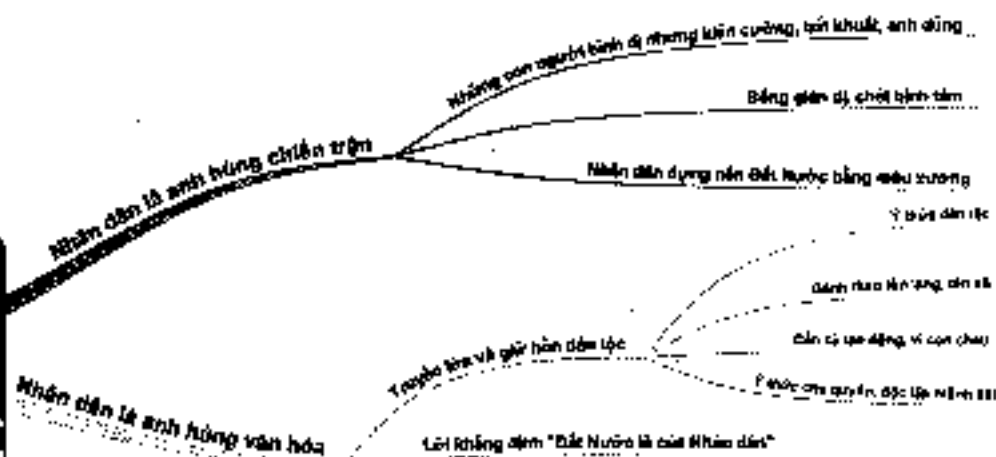
a. Không gian địa lí là do Nhân dân mở mang, xây dựng, giữ gìn



<p>Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu</p> <p>Cặp vợ chồng yêu nhau góp nên hòn Trống Mái</p> <p>Gót ngựa của Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại</p> <p>Chín mươi chín con voi góp mình dựng Đất tổ Hùng Vương</p> <p>Những con rồng nằm im góp dòng sông xanh thẳm</p> <p>Người học trò nghèo góp cho Đất Nước mình núi Bút, non Nghiên.</p> <p>Con cóc, con gà quê hương cùng góp cho Hạ Long thành thắng cảnh</p> <p>Những người dân nào đã góp tên Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm</p>	<p>• <b>Liệt kê những địa danh trên khắp Đất Nước:</b> núi Vọng Phu, hòn Trống Mái, hàng trăm ao đầm, Đất tổ Hùng Vương, dòng sông xanh thẳm, núi Bút, non Nghiên, thắng cảnh Hạ Long, Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm...</p> <p>• <b>Mỗi địa danh lại mang một vẻ đẹp tâm hồn của Nhân dân ta:</b></p> <p>+ Núi Vọng Phu: người vợ thủy chung mòn mỏi chờ chồng.</p> <p>+ Hòn Trống Mái: tình yêu son sắt lứa đôi.</p> <p>+ Đất tổ Hùng Vương: truyền thuyết Hùng Vương dựng nước.</p> <p>+ Trăm ao đầm: truyền thuyết về người thiếu nhi anh hùng Thánh Gióng.</p> <p>+ Núi Bút non Nghiên: tinh thần hiếu học.</p> <p>→ <b>Nhân dân đã mở mang, xây dựng và gìn giữ non sông, Đất Nước mình.</b></p>	<p><b>Người tạo dựng ra Đất Nước không phải ông bụt, bà tiên có sức mạnh kì diệu mà chính là những người dân nhỏ bé, tào tần, kiên cường, bất khuất. Họ đã làm nên những cánh đồng màu mỡ, những xóm làng trù phú. Không chỉ thế, Nhân dân còn tạo nên một đời sống tinh thần cao đẹp, một cốt cách văn hóa mang đậm bản sắc Việt Nam.</b></p>
<p>Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi</p> <p>Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha</p> <p>Ôi Đất Nước sau bốn ngàn năm đi đâu ta cũng thấy</p> <p>Những cuộc đời đã hoá núi sông ta...</p>	<p>• <b>Từ khái quát đến triết lí:</b></p> <p>+ Đất Nước không phải là vô tri, vô giác, không chỉ là thắng cảnh thiên nhiên mà trong đó là chiều sâu, số phận, mong ước, tâm hồn, lối sống của mỗi người dân đã đóng góp và hóa thân vào. Đất Nước thấm sâu vào tâm hồn, máu thịt của Nhân dân.</p> <p>+ Đúng như Nguyễn Khoa Điềm đã viết: "Những địa danh trôi từ thuở xa xôi, trôi bằng máu và trôi bằng nước mắt đã đọng lại thành tên người, tên đất."</p>	

## Thi 10/12/2021/ĐỀ THI HỌC KỲ I/PHẦN 2

b. Chiều dài của thời gian lịch sử là do Nhân dân xây dựng và bảo vệ



Em ơi em

Hãy nhìn rất xa

Vào bốn ngàn năm Đất Nước

Năm tháng nào cũng người người lớp lớp

Con gái, con trai bằng tuổi chúng ta

Cần cù làm lụng

Khi cô giặc người con trai ra trận

Người con gái trở về nuôi cái cùng con

Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh

Nhiều người đã trở thành anh hùng

Nhiều anh hùng cả anh và em đều nhớ

Nhưng em biết không

Có biết bao người con gái, con trai

Trong bốn ngàn lớp người giống ta lứa tuổi

Họ đã sống và chết

Gian dị và bệch tâm

Không ai nhớ mặt đặt tên

Nhưng họ đã làm ra Đất Nước

**\* Trân trọng, ngợi ca những con người bình dị trong bốn nghìn năm mở mang và gìn giữ Đất Nước:**

- Tác giả không nhắc tới những triều đại hùng mạnh, không vinh danh những anh hùng, vĩ nhân nổi tiếng mà trân trọng, ngợi ca Nhân dân. Suốt 40 thế kỉ họ lam lũ, tảo tần, thông minh, sáng tạo, bất khuất, anh hùng để duy trì sự sống Việt Nam.

- Khi có chiến tranh, những chàng trai ưu tú sẵn sàng "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Trong số đó biết bao người đã anh dũng hy sinh để "Tổ Quốc bay lên bát ngát mùa xuân". Và hơn thế nữa, khi cần thiết, những người phụ nữ tường chừng yếu đuối, mảnh mai cũng luôn sẵn sàng xung trận.

**Nguyễn Khoa Điềm hướng người đọc về chiều dài 4000 năm lịch sử dựng nước và giữ nước của Nhân dân. Bằng lao động, sáng tạo, Nhân dân còn xây dựng và truyền lại cho thế hệ cháu con mọi giá trị vật chất và tinh thần. Từ ngọn lửa đến những tiếng nói của cha ông đều mang hình bóng Nhân dân.**

Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng  
Họ truyền lửa cho mỗi nhà từ hòn than  
qua con cúi

Họ truyền giọng điệu mình cho con  
tập nói

Họ gánh theo tên xã, tên làng trong  
mỗi chuyến di dân

Họ đắp đập be bờ cho người sau trông  
cây hái trái

Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm

Có nội thù thì vùng lên đánh bại

Để Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân.

- Nhân dân trong thơ Nguyễn Khoa  
Điềm là một tập thể anh hùng sống  
giản dị, chết bình tâm. Bằng máu  
xương của mình, họ đã làm ra  
Đất Nước

⇒ Nhân dân là anh hùng chiến trận.

\* Trần Trọng, ngợi ca những con  
người bình dị trong bốn nghìn năm  
dựng xây, phát triển Đất Nước:

- Truyền lửa và giữ hồn dân tộc:

+ Ý thức dân tộc: Truyền giọng điệu  
cho thế hệ sau.

+ "Gánh" theo hồn Đất Nước sau  
mỗi chuyến di dân.

+ Can củ lao động với tâm lòng yêu  
thương, vì con cháu

+ Ý thức chủ quyền, độc lập  
mãnh liệt.

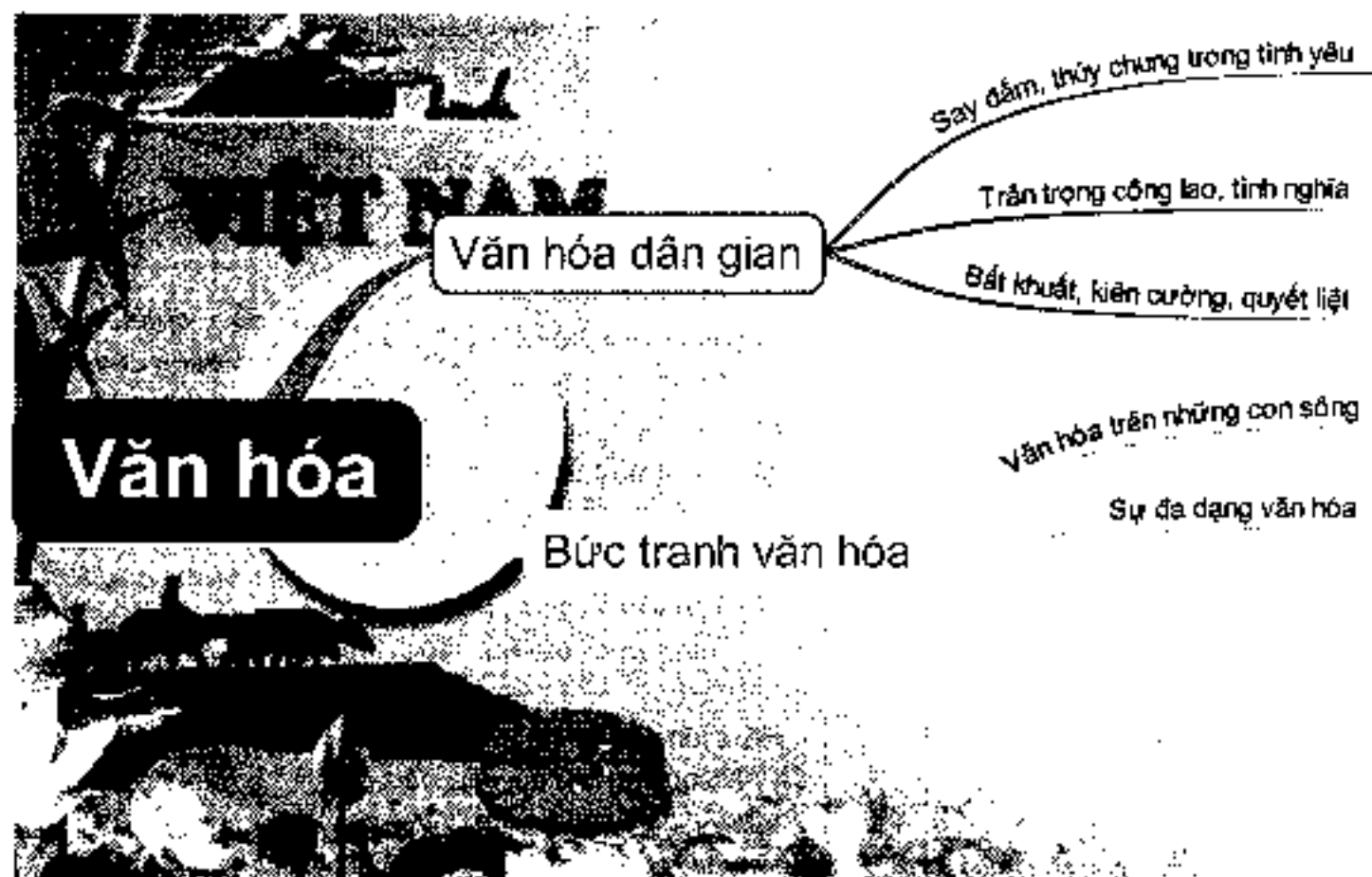
- Hệ thống động từ: họ đã làm,  
đã giữ, họ truyền, họ đắp đập be  
bờ, họ chống ngoại xâm, vùng lên  
đánh bại nội thù... → Nhân dân đã  
làm nên tất cả.

- Tư tưởng "Đất Nước của Nhân  
dân" được dồn tụ vào lời khẳng  
định: Để Đất Nước này là Đất Nước  
Nhân dân.

⇒ Nhân dân là anh hùng văn hóa.

**Theo chiều dài  
đằng đẳng của thời  
gian, Nhân dân đã  
cầm trong tay ngọn  
đuốc của sự sống  
để làm nên bản  
sắc Việt Nam. Như  
vậy, chiều dài lịch  
sử của Đất Nước  
thuộc về Nhân dân  
vô danh, bình dị.**

c. Chiều sâu văn hóa, phong tục, lối sống là của Nhân dân



<p><i>Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại</i>  <i>Dạy anh biết "yêu em từ thuở trong nôi"</i>  <i>Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội</i>  <i>Biết trồng tre đợi ngày thành gậy</i>  <i>Đi trả thù mà không sợ dài lâu</i></p>	<p>- Cụm từ Đất Nước của Nhân dân được lặp lại như nhân mệnh: ngọn nguồn của dân tộc là văn học dân gian bởi đó là tiếng nói của đời sống lao động và đời sống tâm hồn Nhân dân</p> <p>+ Yêu em từ thuở trong nôi/ Em nằm em khóc, anh ngồi anh ru; say đắm, thủy chung trong tình yêu.</p> <p>+ Cầm vàng mà lội qua sông/ Vàng rơi không tiếc tiếc công cầm vàng; trân trọng công lao tình nghĩa.</p> <p>+ Thù này ắt hẳn còn lâu/ Trồng tre thành gậy gập đều đặn quê; bất khuất, kiên cường và quyết liệt.</p>	<p><b>Văn học dân gian trong chương thơ này đã trở thành bầu khí quyển bao bọc cả nội dung và nghệ thuật. Từ những câu chuyện cổ tích với khát vọng về lẽ công bình, những câu ca mản nông, tình nghĩa, những truyền thống đánh giặc tới phong tục, tập quán, lối sống đều mang tâm hồn và hơi thở của Nhân dân.</b></p>
--	---	--

<p> <i>Ồi những dòng sông bắt nước từ đâu Mà khi về Đất Nước mình thì bắt lên câu hát Người đến hát khi chéo đò, kéo thuyền vượt thác Gọi trăm màu trên trăm dáng sông xuôi</i> </p>	<p> <b>* Bức tranh văn hóa đa dạng được Nhân dân dồn tụ, bồi đắp</b>          - Những dòng sông không biết đến từ miền đất nào nhưng khi hòa vào tâm hồn Việt Nam lại mang bao câu hát, điệu hò. Đó là điệu hò hùng tráng trên sông Mã, điệu ca Huế ngọt ngào trên sông Hương, điệu hò kéo lưới mạnh mẽ ở miền Trung, hay đờn ca tài tử tha thiết trên sông Tiền, sông Hậu ở miền Nam...       </p>	<p> <b>Những giá trị văn hóa, lịch sử ấy đã cùng Nhân dân trải qua mọi sự bồi tụ, dồn đắp, hình thành nên một nền văn hóa "trăm dáng, trăm màu" mà Nhân dân là chủ nhân chân chính.</b> </p>
--	---	--

Đất nước luôn là tiếng gọi thiêng liêng muôn thuở, muôn nơi và của bao triệu trái tim con người. Đất nước đi vào đời ta qua những lời ru ngọt ngào êm dịu, qua những làn điệu dân ca mượt mà và những vần thơ sâu lắng, thiết tha và rất đỗi tự hào của bao lớp thi nhân. Ta bắt gặp một hình tượng đất nước đau thương nhưng vẫn ngời lên ý chí đấu tranh trong trang thơ Nguyễn Đình Thi, đồng thời cũng rất dịu dàng ý tứ trong thơ Hoàng Cầm. Nhưng với Nguyễn Khoa Điềm, ta bắt gặp một cái nhìn toàn vẹn, tổng hợp từ nhiều bình diện khác nhau về một Đất Nước của Nhân dân. Tư tưởng ấy đã quy tụ mọi cách nhìn và cảm nhận của Nguyễn Khoa Điềm về Đất Nước. Thông qua những vần thơ kết hợp giữa cảm xúc và suy nghĩ, trữ tình và chính luận, nhà thơ muốn thức tỉnh ý thức, tinh thần dân tộc, tình cảm với nhân dân. đất nước của thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm chống Mỹ cứu nước.

Với giọng điệu tâm tình, thủ thỉ, Nguyễn Khoa Điềm đã dẫn người đọc ngược thời gian trở về với cội nguồn Đất Nước:

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi  
 Đất Nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa..." mẹ thường hay kể  
 Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn  
 Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc  
 Tóc mẹ thì bới sau đầu  
 Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn  
 Cái kèo, cái cột thành tên  
 Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng  
 Đất Nước có từ ngày đó...

Đất Nước bắt đầu từ cái "ngày xửa ngày xưa", từ cái nhịp điệu ngàn đời của những câu truyện cổ tích với lời kể của bà, của mẹ bên cánh võng. Nhịp điệu ấy vừa gợi cái xa xăm của chiều dài lịch sử, vừa gợi sự gần gũi, thân quen trong kí ức tuổi thơ mỗi người bởi ai mà chẳng lớn lên từ những lời ru, lời kể trăm bông, ngàn nga. Nếu trong Nam quốc sơn hà, Lý Thường Kiệt (?) phải dùng đến "đế cư

và "thiên thư" để thiêng liêng hóa thì Nguyễn Khoa Điềm lại bình dị hóa Đất Nước một cách bất ngờ để đem tới cảm nhận mới mẻ qua những điều nhỏ bé, thân thương như miếng trầu đồn tụ tình người nồng hậu, thùy chung. Hai chữ *miếng trầu* là khởi nguồn của sự ra đời Đất Nước, nó gọi về phong tục tập quán ngàn đời của dân tộc: "Miếng trầu là đầu câu chuyện". Miếng trầu trong truyện Cổ tích Trầu cau thể hiện truyền thống nhân văn cao đẹp của tâm hồn dân tộc. Như vậy, Đất Nước không chỉ lớn lao kì vĩ mà còn nhỏ bé, bình dị, thân thương.

Cùng với thời gian, Đất Nước lớn lên trong lũy tre cha ông kiên cường đánh giặc, trong truyền thuyết về người anh hùng Thánh Gióng có sức mạnh kì diệu bảo vệ non sông. Đất Nước còn có trong nếp tục, thói quen, ngôn ngữ, tên gọi ở trong đời sống con người. Đó là thói quen búi tóc sau đầu của mẹ, là tình cha nghĩa mẹ mặn nồng son sắc hay từ trong ngôi nhà ấm áp, trong hạt gạo trắng ngần, trái qua quả trình xay, giã, dần, sàng vất vả, lam lũ của Nhân dân. Đất Nước còn được cảm nhận từ cái kèo, cái cột đơn sơ... Rất chân thực và khách quan, mới mẻ và sâu sắc, nhà thơ trẻ thời chống Mỹ đã đem tới cho độc giả một nhận thức đầy ý nghĩa về Đất Nước. Đất Nước có tự xa xưa, Đất Nước là của ông bà, cha mẹ chúng ta, của một cộng đồng cùng chung ngôn ngữ, chung phong tục tập quán, chung văn hóa cội nguồn. Đất Nước tưởng như xa lạ mà gần gũi, kì vĩ mà thân quen, hữu hình mà vô hình. Hai nguồn mạch chính luận và trữ tình đã tạo nên chất tư duy độc đáo về Đất Nước.

Với tư duy nghệ thuật sắc sảo, sáng tạo, Nguyễn Khoa Điềm đã tách hai yếu tố Đất và Nước để đặt trong không gian và thời gian vừa hiện thực, vừa lãng mạn.

*Đất là nơi anh đến trường*

*Nước là nơi em tắm*

*Đất Nước là nơi ta hò hẹn*

*Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm*

Đất Nước gắn liền với những kỉ niệm riêng tư, thầm kín của lứa đôi, của tuổi thơ và cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Đất manh mẽ, vững chãi, là con đường đưa anh tới trường, tới những chân trời tri thức bao la. Nước dịu dàng, mát trong đêm tới cho em sự ngọt ngào để một ngày nào đó, em có thể cất lên những lời ca đong đầy yêu thương, nhưng nhớ:

*Hỡi con sông đã tắm cả đời tôi*

*Tôi giữ mãi mối tình quê mới mẻ*

**(Tế Hanh)**

Mảnh đất ta sinh ra và lớn lên còn là quê hương của tinh thần, của tình yêu đôi lứa. Đất Nước là địa chỉ của anh và em hò hẹn, tâm tình, là nơi em "Đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm". Hình ảnh chiếc khăn trong thơ Nguyễn Khoa Điềm gọi về nỗi nhớ khắc khoải của người con gái trong câu ca dao:

*Khăn thương nhớ ai*

*Khăn chùi nước mắt*

hay chiếc khăn e ấp một tình yêu chưa ngỏ trong thơ Phan Thị Thanh Nhàn:

*Giấu một chùm hoa trong chiếc khăn tay*

*Cô gái ngập ngừng sang nhà hàng xóm*

Như vậy, chiếc khăn là nơi kí thác, gửi gắm tâm tình, ước nguyện và kỉ niệm. Vì thế, Nguyễn Khoa Điềm



đã cụ thể hóa hình ảnh Đất Nước qua chiếc khăn bé nhỏ để đem tới một cảm giác thật nồng ấm, thân thương.

Bên cạnh những kỉ niệm giản dị mà ấm áp tình người, tác giả còn mở rộng liên tưởng để cho ta cảm nhận về Đất Nước theo chiều dài đằng đẳng của thời gian, chiều rộng mênh mông của không gian và chiều sâu của nguồn cội.

*Đất là nơi "con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc"*

*Nước là nơi "con cá ngư ông móng nước biển khơi"*

*Thời gian đằng đẳng*

*Không gian mênh mông*

*Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ*

*Đất là nơi Chim về*

*Nước là nơi Rồng ở*

*Lạc Long Quân và Âu Cơ*

*Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng*

Đất Nước là không gian rộng lớn của núi, rừng, trời, biển, là nơi cộng đồng sinh sống, là nơi dân mình đoàn tụ. Trong ấy, bao thế hệ nối tiếp nhau quên lí đất nước từ đây Trường Sơn hùng vĩ - "nơi con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc" cho đến bờ biển Đông vỗ sóng mênh mang - nơi "con cá ngư ông móng nước biển khơi". Dù mỗi người một vùng quê, một giọng nói khác nhau nhưng chúng ta đều là con của mẹ Âu Cơ, đều được sinh ra từ bọc trăm trứng. Hai chữ "đồng bào" cất lên sao mà thiết tha, ruột thịt, gần bó. Như vậy, Đất Nước là nơi Nhân dân mình có thể quây quần, đoàn tụ trong tình cảm gia đình, làng xóm, quê hương.

Dù trong quá khứ, hiện tại hay tương lai thì con dân đất Việt đều chung ngày giỗ tổ tiên.

*Những ai đã khuất*

*Những ai bây giờ*

*Yêu nhau và sinh con đẻ cái*

*Gánh vác phần người đi trước để lại*

*Dặn dò con cháu chuyện mai sau*

*Hằng năm ăn đâu làm đâu*

*Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ*

Hai chữ "cúi đầu" trĩu nặng sự thành kính và ngưỡng vọng thiêng liêng đối với ông bà, tổ tiên. Tổ tiên là giống nòi, dòng họ, gia đình, là dân tộc, là Đất Nước – nơi che chở, cứu mang, sinh dưỡng con người. Vì thế, câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm không chỉ làm sáng lên nét đẹp đạo lí truyền thống mà còn thể hiện mong ước đoàn tụ trong một gia đình lớn như ca dao viết:

*"Dù ai đi ngược về xuôi*

*Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba"*

Có thể thấy, thời gian Đất Nước trong thơ Nguyễn Khoa Điềm thấm đẫm tình cội nguồn; không gian Đất Nước đầy ắp nghĩa tình gần bó.

# *Đất Nước*

Từ nhận thức chung về Đất Nước, tác giả hướng tới mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung, cụ thể và trừu tượng, vật chất và tinh thần, vô hình và hữu hình. Quan hệ đó đã có từ trong lịch sử xa xưa và vẫn được tiếp nối với hiện tại cũng như tương lai.

*Trong anh và em hôm nay  
Đều có một phần Đất Nước  
Khi hai đứa cầm tay  
Đất Nước trong chúng ta hài hoà nồng thắm  
Khi chúng ta cầm tay mọi người  
Đất nước vẹn tròn, to lớn*

*Mai này con ta lớn lên  
Con sẽ mang đất nước đi xa  
Đến những tháng ngày mơ mộng*

Trong em và anh hôm nay đều có một phần của Đất Nước. Đất Nước vừa mang tầm khái quát, kì vĩ, lớn lao, vừa nhỏ bé, thân thương khi hóa thân vào máu thịt, số phận của mỗi con người. Đất Nước hài hòa, nồng thắm, to lớn, vẹn tròn, có thể đi rất xa, "tới những tháng ngày mơ mộng" bởi hai chữ "cầm tay" đã biểu tượng cho tinh thần đoàn kết trong tình yêu đôi lứa, trong mỗi gia đình và cộng đồng. Vì vậy, trách nhiệm của mỗi chúng ta là phát triển Đất Nước giàu đẹp muôn đời.

Những câu thơ kết thúc đoạn trích là lời nhắn nhủ thiết tha:

*Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình  
Phải biết gắn bó san sẻ  
Phải biết hoá thân cho dáng hình xứ sở  
Làm nên Đất Nước muôn đời...*

Đất Nước không phải chỉ ở bên ngoài ta như con đường, ngọn núi, dòng sông mà còn ở trong ta. Đất Nước có trong anh và em, có trong những bài học đạo lí mẹ cha dạy răn, có trong tiếng nói kết tinh hồn thiêng Đất Nước... Mỗi cá nhân đều được thừa hưởng từ di sản văn hóa tinh thần và vật chất của dân tộc. Bởi vậy, mỗi người cần có ý thức, trách nhiệm dựng xây, gìn giữ và phát triển Đất Nước muôn đời. Hai chữ "phải biết" vang lên hai lần như mệnh lệnh xuất phát từ trái tim. Bởi thế, nó có sức ngân vọng, lan tỏa tới trái tim của mọi người. Cùng đồng điệu với Nguyễn Khoa Điềm về mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, tình yêu đôi lứa và tình yêu Đất Nước, Chế Lan Viên từng cất lên lời thơ sâu lắng:

*Ôi Tổ quốc ta yêu như máu thịt  
Như mẹ cha ta, như vợ như chồng  
Ôi Tổ quốc nếu cần ta chết  
Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông*

Vì Tổ quốc là máu thịt, là thân thương gắn gũi nên xây dựng Đất Nước không đơn thuần là nghĩa vụ mà còn là hạnh phúc của mỗi người. Thơ Nguyễn Khoa Điềm đã đi từ màu sắc triết luận để trở thành trữ tình tha thiết như thế đó.

Trong chương thơ *Đất Nước*, Nguyễn Khoa Điềm đã phân tách và nhập ghép sáng tạo hai yếu tố Đất và Nước để đưa ra một cảm nhận thật gần gũi, thân thương về Đất Nước. Đất Nước đâu chỉ là con sông, ngọn núi bao la mà còn là không gian nghĩa tình của Nhân dân, chính Nhân dân đã hằn in dấu chân mình lên từng dãy núi, hình sông. Từ tư tưởng "*Đất Nước của Nhân dân*", nhà thơ đã đi tới một phát hiện sâu sắc về non sông, gấm vóc:

*Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu  
Cặp vợ chồng yêu nhau góp nên hòn Trống Mái  
Gót ngựa của Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại  
Chín mươi chín con voi góp mình dựng Đất tổ Hùng Vương  
Nhưng con rồng nằm im góp dòng sông xanh thẳm  
Người học trò nghèo góp cho Đất Nước mình núi Bút, non Nghiên.  
Con cóc, con gà quê hương cùng góp cho Hạ Long thành thắng cảnh  
Những người dân nào đã góp tên Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm...*

Một đoạn thơ ngắn nhưng đã khái quát khá toàn diện những địa danh tiêu biểu trên Đất Nước ta từ Bắc vào Nam, từ miền xuôi đến miền ngược, từ đồng bằng tới biển cả. Núi Vọng Phu ở phía Bắc, hòn Trống Mái ở miền Trung, dòng Cửu Long xanh thẳm ở Nam Bộ. Đó không phải chỉ là tạo vật của thiên nhiên, tạo hóa mà còn là tình cảm, tâm hồn Nhân dân gắn với văn hóa, lịch sử dân tộc qua những câu ca dao, truyền thuyết, cổ tích và những cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Nếu không có người vợ mòn mỏi chờ chồng thì làm sao có được cảm nhận về đá Vọng Phu? Nếu không có truyền thuyết về người anh hùng Thánh Gióng nhổ tre đánh giặc thì làm sao gót ngựa in dấu thành những ao đầm? Nếu không có truyền thuyết Hùng Vương dựng nước thì làm sao có vẻ đẹp hùng vĩ của núi non như 99 con voi châu về đất Tổ?...

Nét đặc sắc ở đây là cái nhìn của tác giả thấm sâu ý thức về Nhân dân. Nhân dân hóa thân vào Đất Nước. Người vợ mòn mỏi chờ chồng hóa đá Vọng Phu; đôi trai gái yêu nhau thành hòn Trống Mái; người học trò nghèo hiếu học, cần cù làm nên núi Bút, non Nghiên... Không phải ngẫu nhiên những con vật bình thường, quen thuộc như con cóc, con gà, những cái tên bình dị như Ông Đốc, Ông Trang... trở thành tên núi, tên sông. Phái chăng, Nguyễn Khoa Điềm đã nhìn vào thiên nhiên Đất Nước để nhận ra vai trò to lớn của Nhân dân. Hay chính những người dân đã ý thức được trách nhiệm của mình khi đặt tên cho từng ngọn núi, dòng sông? Tên của họ đại diện cho phẩm chất, tâm hồn, chiến công của Nhân dân. Vì thế đã hằn in trên mọi nẻo đường Đất Nước. Chính Nguyễn Khoa Điềm đã li giải ý nghĩa các địa danh này. "*Ở đoạn thơ này, tôi muốn nhấn mạnh Đất Nước chính là thành quả của lao động, chiến đấu, của mồ hôi, nước mắt và khát vọng của nhiều thế hệ nhân dân. mỗi người một chút góp phần làm nên non sông gấm vóc hôm nay.*" Như vậy, Nhân dân đã mở mang, xây dựng và gìn giữ non sông, Đất Nước mình. Theo Nguyễn Khoa Điềm, người tạo dựng ra Đất Nước không phải là ông bụt, bà tiên hay một vị thần có sức mạnh diệu kì mà chính là những người dân nhỏ bé, táo tợn, kiên cường, bất khuất. Họ đã làm nên những cánh đồng màu mỡ, những xóm làng trù phú. Không chỉ thế, nhân dân còn tạo nên một đời sống tinh thần cao đẹp, một cốt cách văn hóa mang đậm bản sắc Việt Nam.

Khái quát lại không gian địa lí, nhà thơ đã nâng lên thành triết lí:

# *Đất Nước*

*Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi  
Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha  
Ôi Đất Nước sau bốn ngàn năm đi đâu ta cũng thấy  
Những cuộc đời đã hoá núi sông ta...*

Đất Nước không phải là vô tri, vô giác, không chỉ là cảnh thiên nhiên mà trong đó là chiều sâu, số phận, mong ước, lối sống, tâm hồn của mỗi người dân đã đóng góp và hòa thân vào Đất Nước. Đất Nước thấm sâu vào tâm hồn, máu thịt của Nhân dân. Đúng như Nguyễn Khoa Điềm đã viết: "*Những địa danh trôi từ thuở xa xôi, trôi bằng máu và trôi bằng nước mắt đã đọng lại thành tên người, tên đất*". Phải chăng vì thế mà đi đến bất cứ nơi đâu trên Đất Nước mình, ta như lắng nghe được trong thăm thẳm thì của dòng sông, tắc đất, ngọn cỏ, lá cây một tiếng "*Đất Nước này là Đất Nước nhân dân*". Chính tiếng nói ấy đã xóa nhòa mọi khoảng cách, không gian, kết nối trái tim người cho người biết yêu thương, chia sẻ.

Vẫn là giọng điệu tâm tình với tiếng gọi tha thiết "*Em ơi em...*", Nguyễn Khoa Điềm đã hướng người đọc về chiều dài 4000 năm lịch sử dựng nước và giữ nước của Nhân dân:

*Em ơi em  
Hãy nhìn rất xa  
Vào bốn ngàn năm Đất Nước  
Năm tháng nào cũng người người lớp lớp  
Con gái, con trai bằng tuổi chúng ta  
Cần cù làm lụng  
Khi có giặc người con trai ra trận  
Người con gái trở về nuôi cái cùng con  
Ngáy giấc đến nhà thi đàn bà cũng đánh  
Nhiều người đã trở thành anh hùng  
Nhiều anh hùng cả anh và em đều nhớ  
Nhưng em biết không  
Cò biết bao người con gái, con trai  
Trong bốn ngàn lớp người giống ta lứa tuổi  
Họ đã sống và chết  
Giản dị và bình tâm  
Không ai nhớ mặt đặt tên  
Nhưng họ đã làm ra Đất Nước*

Điều đặc biệt ở đây là tác giả không nhắc tới những triều đại hùng mạnh, không vinh danh những anh hùng, vĩ nhân nổi tiếng mà trân trọng, ngợi ca Nhân dân. Suốt 40 thế kỉ họ lam lũ, lao tần, thông minh, sáng tạo, bất khuất, anh hùng để duy trì sự sống Việt Nam. Khi có chiến tranh, những chàng trai ưu tú sẵn sàng "*Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh*". "*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*". Trong số đó, đã có bao người anh dũng hi sinh để "*Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân*". Dù vẫn biết việc đánh giặc chủ yếu của những người đàn ông mạnh mẽ nhưng khi cần, những người phụ nữ tướng cũng

yếu đuối, mệnh mai vẫn sẵn sàng: *"Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh"*, quyết liệt trong ý chí và lòng căm thù như một người mẹ miền Nam tuyên bố: *"còn cái tai quân cũng đánh"*. Trải qua cuộc chiến tranh giữ nước, biết bao chàng trai, cô gái không quần vắt vẻo, hiểm nguy, không ngại hy sinh mất mát, hiến dâng tuổi trẻ và cuộc đời cho Đất Nước, viết nên những trang sử chói ngời chiến công. Nhân dân trong quan niệm của Nguyễn Khoa Điềm là một tập thể anh hùng *sống giản dị, chết bình tâm*. Bằng máu xương của mình, họ đã làm ra Đất Nước. Với ý nghĩa này, Nhân dân là anh hùng chiến trận.

Bằng lao động, sáng tạo, Nhân dân còn dựng xây và truyền lại cho thế hệ cháu con mọi giá trị vật chất và tinh thần:

*Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng  
Họ truyền lửa cho mỗi nhà từ hòn than qua con cúi  
Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói  
Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân  
Họ đắp đập be bờ cho người sau trồng cây hái trái  
Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm  
Có nội thù thì vùng lên đánh bại  
Để Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân*

Từ ngọn lửa đến tiếng nói ông cha đều mang hình bóng Nhân dân đem lại cảm giác thân thương như Lưu Quang Vũ viết:

*Mỗi sớm dậy nghe bốn bề thân thiết  
Người qua đường chung Tiếng Việt cùng tôi  
Như vị muối chung lòng biển mặn  
Như dòng sông thương mến chảy muôn đời*

Theo chiều dài dằng dặc của thời gian, Nhân dân đã cầm trong tay ngọn đuốc sự sống để làm nên bản sắc Việt Nam. Với ý nghĩa này, Nhân dân còn là anh hùng văn hóa. Như vậy, chiều dài lịch sử của Đất Nước thuộc về Nhân dân vô danh, bình dị.

Một điều dễ nhận thấy trong chương thơ Đất Nước là văn học dân gian đã trở thành bầu khí quyển bao bọc cả nội dung và nghệ thuật. Từ những câu chuyện cổ tích với khát vọng về lẽ sống công bằng, những câu ca dao mặn nồng, tình nghĩa, sắt son, những truyền thống đánh giặc tới phong tục, tập quán, lối sống đều mang tâm hồn và hơi thở Nhân dân. Họ là chủ nhân chân chính của Đất Nước.

Điểm hội tụ và đỉnh cao của cảm xúc trữ tình được nhà thơ khái quát trong hai câu vừa giản dị, vừa giàu chất nhân văn:

*Để Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân  
Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại*

Cụm từ *"Đất Nước của Nhân dân"* lặp đi lặp lại như nhấn mạnh và khắc sâu vào tâm trí người đọc ngọn nguồn của dân tộc là văn học dân gian bởi đó là tiếng nói *lắm tình, mơ ước, là khát vọng, niềm vui, nỗi buồn*, là cây đàn muôn điệu của tâm hồn Nhân dân. Nguyễn Khoa Điềm đã có quan niệm hết sức đúng đắn về văn học dân gian lưu giữ giá trị tâm hồn của Nhân dân. Tư tưởng *"Đất Nước của Nhân dân"* vang lên lời tuyên ngôn tâm huyết và có sức đồng vọng sâu xa.

Trong kho tàng đa dạng, phong phú của ca dao, dân ca, nhà thơ chỉ chọn ba câu ca đặc sắc để nói về ba phương diện quan trọng của vẻ đẹp tâm hồn, tinh cách và truyền thống dân tộc. Đó là sự say đắm, thủy chung trong tình yêu được gợi lên từ câu ca dao: "Yêu em từ thuở trong nôi/ Em nằm em khóc, anh ngồi anh ru". Đó là sự trân trọng công lao tinh nghĩa: "Cắm vàng mã lội qua sông/ Vắng rồi không tiếc, tiếc công cắm vàng". Đó là ý chí bất khuất, kiên cường và quyết liệt trong căm thù cũng như trong chiến đấu: "Thù này ắt hẳn còn lâu/ Trồng tre thành gậy gộc đầu đánh què". Điều độc đáo ở đây là Nguyễn Khoa Điềm không lặp lại nguyên văn những câu ca dân gian mà chỉ sử dụng ý và hình ảnh để gợi nhớ về ca dao, để nói lên phẩm chất đẹp đẽ, anh hùng của Nhân dân.

Bốn câu thơ cuối, hình ảnh người chèo đò, kéo thuyền vượt thác cất cao tiếng hát là một biểu tượng nói lên sức mạnh Nhân dân chiến thắng mọi thử thách, lạc quan tin tưởng đưa Đất Nước đi tới một ngày mai vô cùng tươi sáng:

Ôi những dòng sông bắt nước từ đâu  
Mà khi về Đất Nước mình thì bắt lên câu hát  
Người đến hát khi chèo đò, kéo thuyền vượt thác  
Gọi trăm màu trên trăm dáng sông xuôi

Đất Nước Việt Nam có trăm núi nghìn sông điểm lẹ. Mỗi con sông chảy qua một vùng châu thổ bao giờ cũng tạo nên một bản sắc văn hóa riêng. Sông chảy vào tâm hồn Nhân dân như biểu tượng của sự đắp bồi, xây dựng, biểu tượng của cuộc sống cần cù, bất diệt. Đúng như tác giả tâm sự: "Sông mang ý nghĩa của sự sống, của tình yêu và khát vọng". Đoạn thơ kết gọi cho ta hình ảnh của những dòng sông, những dòng sông không biết đến từ bên bờ nào nhưng khi hòa vào đất Việt lại vang lên biết bao câu hát, điệu hò. Câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm làm ta nhớ đến những điệu hò hùng tráng trên sông Mã, điệu ca Huế ngọt ngào trên sông Hương và điệu hò kéo lưới mạnh mẽ ở miền Trung, hay đờn ca tài tử tha thiết trên sông Tiền, sông Hậu ở miền Nam. Và "dòng sông" ấy vừa có ý nghĩa là dòng sông của quê hương đất nước nhưng vừa có ý nghĩa là dòng sông Văn hóa, dòng sông Lịch sử "trăm màu, trăm dáng". Đó chính là sự đa dạng và phong phú của văn hóa Việt Nam đã vun đắp phù sa qua bao năm tháng tháng trăm để làm nên một đất nước đậm đà bản sắc dân tộc. Câu thơ kết gọi trăm màu trên trăm dáng sông xuôi như lời nhắn nhủ của Nguyễn Khoa Điềm, mỗi người Việt Nam yêu nước cần có trách nhiệm và bổn phận giữ gìn sự phong phú của dòng chảy văn hóa dân tộc.

Trước Nguyễn Khoa Điềm, Nguyễn Trãi cũng nhận ra sức mạnh to lớn của Nhân dân: "Lam lại thuyền mới biết sức dân như sức nước". Hay Phan Bội Châu cũng quan niệm: "Dân là dân nước, nước là nước dân". Tuy nhiên, phải đến các nhà thơ trẻ chống Mỹ, tư tưởng ấy mới được nâng lên thành cảm hứng nghệ thuật mãnh liệt và sâu sắc. Cùng đồng vọng với tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân" trong thơ Nguyễn Khoa Điềm, một cây bút trẻ thời chống Mỹ đã bày tỏ lòng biết ơn, thành kính đối với Nhân dân:

Và cứ thế nhân dân thường đi nói  
Như mẹ tôi lặng lẽ suốt đời  
Và cứ thế nhân dân cao với vọi  
Hơn cả những ngôi sao cò độc giữa trời

(Không phải truyền thuyết - Thanh Thảo)

Nhân dân lam lũ và bình dị, anh hùng và sáng tạo đã xây dựng, bảo vệ Đất Nước muôn đời. Vì thế, họ xứng đáng trở thành tên núi, tên sông đi cùng năm tháng.

Đất Nước là đoạn thơ trữ tình - chính luận nằm trong trường ca *Mặt đường khát vọng*. Đoạn thơ kết hợp được cảm xúc và suy nghĩ, chính luận và trữ tình. Tuy có lúc còn dằn trái, trùng lặp, thiếu cô đọng hoặc chính luận có khi còn lẫn ạt cảm xúc, nhưng những nét thành công đặc sắc của đoạn thơ này là rất rõ, không chỉ ở nội dung tư tưởng mà còn cả ở những sáng tạo trong nghệ thuật thơ, trong việc sử dụng thi liệu, sáng tạo hình ảnh. Tác giả đã sử dụng rộng rãi và sáng tạo các chất liệu của văn hoá dân gian - từ ca dao, tục ngữ, truyền thuyết, truyện cổ tích đến phong tục và sinh hoạt hằng ngày. Điều đó tạo cho đoạn trích Đất Nước một không gian nghệ thuật riêng, mở ra một thế giới nghệ thuật hết sức quen thuộc, gần gũi mà mỹ lệ, bay bổng của văn hoá dân gian, kết tinh tâm hồn, trí tuệ Nhân dân. Việc vận dụng văn hoá dân gian ở đây không chỉ là một thủ pháp nghệ thuật, mà là sự thấm sâu quan niệm "Đất Nước của Nhân dân" vào trong tư duy nghệ thuật và cảm hứng sáng tạo của nhà thơ.

# ... và những bài thơ khác

## SÔNG

### **Văn bản**

## SÔNG

**Xuân Quỳnh**

### **I. THÔNG TIN CHUNG**

#### **1. Tác giả Xuân Quỳnh**

- Sinh ra ở Hà Tây nhưng lớn lên Hà Nội.
- Trước khi hoạt động văn học, Xuân Quỳnh từng là diễn viên của Đoàn Ca múa Trung ương Việt Nam.
- Đặc điểm nổi bật nhất trong cuộc đời Xuân Quỳnh là sự thành thật, vừa hồn nhiên, vừa đắm thắm, chân thành và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc bình dị, đời thường.
- Xuân Quỳnh là một trong những nhà thơ trẻ nhất của thế hệ nhà thơ trẻ chống Mỹ. Mảng thơ đặc sắc của chị là viết về tình yêu và viết cho trẻ thơ.

#### **2. Bài thơ Sông**

##### **a. Xuất xứ**

- "Sông" được sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình), in trong tập "Hoa dọc chiến hào" năm 1968.
- "Sông" là một trong những bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh.

##### **b. Nội dung**

- Phần một (2 khổ thơ đầu): Sông gợi nhận thức về khát vọng tình yêu.
- Phần hai (7 khổ thơ còn lại): "Em" bộc lộ các cung bậc tình yêu bằng những liên tưởng về "Sông".

##### **c. Nghệ thuật**

- Thể thơ năm chữ với dấu chấm duy nhất ở câu kết gợi liên tưởng tới những con sông miên man, vô tận của đại dương và của lòng người.
- Hai hình tượng "sông" và "em" luôn song hành để diễn tả sâu sắc, tinh tế tâm trạng người phụ nữ khi yêu.
- Giọng thơ da diết, lắng sâu có ít nhiều sự phóng khoáng lo âu của trái tim phụ nữ.





.....

XUÂN QUỲNH



# Sóng

Sóng gọi nhận  
thức về khát  
vọng tình yêu

"Em" bộc lộ các  
cung bậc tình yêu  
bằng những liên  
tưởng về sóng





## ĐỀ CƯƠNG NỘI DUNG CHÍNH

### 0. GỢI Ý CHẤM ĐO:

#### 1. Sóng gọi nhận thức về khát vọng tình yêu

Dữ dội và dịu êm  
Ôn ào và lặng lẽ  
Sông không hiểu nổi mình  
Sóng tìm ra tận bể

Ôi con sóng ngày xưa  
Và ngày sau vẫn thế  
Nỗi khát vọng tình yêu  
Bồi hồi trong ngực trẻ

<p>Dữ dội và dịu êm Ôn ào và lặng lẽ Sông không hiểu nổi mình Sóng tìm ra tận bể</p>	<p><b>* Hình tượng "Sóng"</b></p> <p>- Tính từ chỉ trạng thái tương phản với sự luân phiên bằng - trắc.</p> <p>→ Gọi tả trạng thái đối cực, nhiều cung bậc tự nhiên nhưng thống nhất trong đời sống thường nhật của con sóng.</p> <p>- Nghệ thuật nhân hóa: "không hiểu nổi mình", "sóng tìm ra tận bể"</p> <p>→ "Sóng" như có ý thức vẫy vùng khơi nơi sông chật hẹp, thể hiện khát vọng khám phá chính mình.</p>	<p>Hai khổ thơ đầu tiên khắc họa hình tượng "sóng" với rất nhiều những trạng thái tương phản nhưng thống nhất. Sóng tự ngàn xưa vẫn vậy, luôn khao khát vươn ra biển khơi rộng lớn để khám phá chính mình. Sóng là hình ảnh ẩn dụ cho khát vọng tình yêu. Tình yêu cũng có nhiều cung bậc, khi đắm thắm thiết tha, lúc giận hờn vô cớ như con sóng giữa lòng biển khơi, khi lặng lẽ êm đềm, lúc cồn cào, bão tố.</p>
<p>Ôi con sóng ngày xưa Và ngày sau vẫn thế Nỗi khát vọng tình yêu Bồi hồi trong ngực trẻ</p>	<p><b>* Sự chuyển biến sang khát vọng tình yêu:</b></p> <p>- Từ ngữ</p> <p>+ "ngày xưa, ngày sau" -&gt; "Sóng" không thay đổi, mà mãi vĩnh hằng.</p> <p>+ "Bồi hồi" -&gt; trạng thái cảm xúc trở đi, trở lại, thương trực, xao xuyến không yên của khát vọng tình yêu.</p> <p>⇒ <b>Cảm nhận về con sóng, nhà thơ đã liên tưởng đến khát vọng tình yêu trong trái tim tuổi trẻ.</b></p>	

## 2. “Em” bộc lộ các cung bậc tình yêu bằng những liên tưởng về “Sóng”

Trước muôn trùng sóng bể  
Em nghĩ về anh, em  
Em nghĩ về biển lớn  
Từ nơi nào sóng lên?

Sóng bắt đầu từ gió  
Gió bắt đầu từ đâu?  
Em cũng không biết nữa  
Khi nào ta yêu nhau

Con sóng dưới lòng sâu  
Con sóng trên mặt nước  
Ôi con sóng nhớ bờ  
Ngày đêm không ngủ được  
Lòng em nhớ đến anh  
Cả trong mơ còn thức

Dẫu xuôi về phương Bắc  
Dẫu ngược về phương Nam  
Nơi nào em cũng nghĩ  
Hướng về anh - một phương

Ở ngoài kia đại dương  
Trăm nghìn con sóng đó  
Con nào chẳng tới bờ  
Dù muôn vời cách trở

Cuộc đời tuy dài thế  
Năm tháng vẫn đi qua  
Như biển kia dẫu rộng  
Mây vẫn bay về xa

Làm sao được tan ra  
Thành trăm con sóng nhỏ  
Giữa biển lớn tình yêu  
Để ngàn năm còn vỗ.

Trước muôn trùng sóng bể  
Em nghĩ về anh, em  
Em nghĩ về biển lớn  
Từ nơi nào sóng lên?

Sóng bắt đầu từ gió  
Gió bắt đầu từ đâu?  
Em cũng không biết nữa  
Khi nào ta yêu nhau

### \* Hình tượng “em”

#### - Những băn khoăn, trăn trở về tình yêu

+ Điệp từ: “em nghĩ”

→ Nhấn mạnh trạng thái tâm lý suy tư, ngẫm nghĩ thường trực trong tâm trí ở buổi ban đầu khi yêu.

+ Câu hỏi tu từ: sử dụng ba câu liên tiếp.

→ Tâm trạng băn khoăn, trăn trở về cội nguồn của tình yêu.

⇒ Thuở ban đầu khi yêu, trái tim người con gái luôn băn khoăn, đi tìm lời giải đáp những bí ẩn muôn đời của tình yêu.

**Hình tượng “Sóng” và “Em”**  
sóng đôi, hòa quyện, lúc ẩn lúc hiện, soi chiếu vào nhau cùng diễn tả các cung bậc tình yêu. Mạch cảm xúc đi từ những băn khoăn, trăn trở trong tình yêu của người con gái ở buổi ban đầu đến ước muốn hòa nhập tuyệt đối, dâng hiến trọn vẹn cho tình yêu và cuộc đời.

<p>Con sóng dưới lòng sâu Con sóng trên mặt nước Ôi con sóng nhớ bờ Ngày đêm không ngủ được Lòng em nhớ đến anh Cả trong mơ còn thức</p>	<p><b>- Nỗi nhớ</b> + Tả gián tiếp: • Điệp cấu trúc • Điệp ngữ: "con sóng" di chuyển từ đầu vào giữa câu thơ, âm hưởng dồn dập -&gt; Nỗi nhớ mãnh liệt, nồng nàn. • Nhân hóa: "sóng" nhớ "bờ" triền miên trong không gian "lòng sâu, mặt nước", da diết với thời gian "ngày đêm không ngủ được". → Mượn "Sóng" nhớ "bờ" để nói hộ nỗi nhớ của em. + Tả trực tiếp: em nhớ anh "cả trong mơ còn thức". → Nỗi nhớ thường trực trong tâm thức, trong nhịp thở của trái tim em. → <b>Nỗi nhớ làm nên bản chất của tình yêu, tạo nên vẻ đẹp của người phụ nữ hiện đại.</b></p>	<p><b>"Sóng" và "Em" đã cùng nhau trải qua nỗi nhớ khắc khoải, thồn thức, cùng cất lên tiếng lòng thủy chung trong tình yêu, cùng vượt qua những khó khăn, thử thách để cập bến hạnh phúc. Đồng thời, đoạn thơ còn thể hiện nỗi lo âu của "em" khi nhận ra được sự cháy trôi của thời gian. Cũng giống như những con sóng hòa vào biển lớn, em muốn "tan ra" với tình yêu, với cuộc đời để vĩnh hằng trong khao khát cháy bỏng của mình. Bài thơ thể hiện sâu sắc tình yêu của một trái tim phụ nữ.</b></p>
<p>Dấu xuôi về phương Bắc Dấu ngược về phương Nam Nơi nào em cũng nghĩ Hướng về anh - một phương</p>	<p><b>- Sự thủy chung</b> + Danh từ chỉ hướng: "phương Bắc, phương Nam". + Cách diễn đạt độc đáo: "xuôi Bắc, ngược Nam" → nhấn mạnh những khó khăn, cách trở trong cuộc đời, trong tình yêu. + Điệp từ "Dấu" → khẳng định lòng quyết tâm vượt qua gian khó để hướng về phương anh - phương của lòng chung thủy. ⇒ <b>Bằng cách thể hiện độc đáo, Xuân Quỳnh đã diễn tả sâu sắc lòng chung thủy son sắt trong tình yêu</b></p>	

<p>Ở ngoài kia đại dương Trăm nghìn con sóng đó Con nào chẳng tới bờ Dù muôn vời cách trở</p>	<p>- <b>Niềm tin</b> + Hình ảnh: trăm ngàn con sóng, sóng dù gió xô, bão dạt vẫn trở về chung thủy với bờ → Sóng là ẩn dụ của em, em vượt qua bao sóng gió để trở về bên đầu tình yêu. → <b>Hình ảnh thơ sinh động, ẩn chứa hàm ý sâu xa về một niềm tin mãnh liệt vào tình yêu.</b></p>	
<p>Cuộc đời tuy dài thế Năm tháng vẫn đi qua Như biển kia dẫu rộng Mây vẫn bay về xa</p>	<p>- <b>Nỗi lo âu về thời gian</b> + Thời gian chảy trôi tuyền linh. + Đời người và tình yêu hữu hạn. ⇒ <b>Những dòng thơ bộc lộ niềm lo âu, trân trọng tình yêu, trước cuộc đời khi nhận ra sự chảy trôi của thời gian.</b></p>	
<p>Làm sao được tan ra Thành trăm con sóng nhỏ Giữa biển lớn tình yêu Để ngàn năm còn vỗ.</p>	<p>- <b>Khao khát được hòa nhập</b> + Mong muốn được "tan ra" thành "trăm con sóng nhỏ" để hòa vào biển lớn của tình yêu, của hạnh phúc vĩnh hằng, sống hết mình, hi sinh cho tình yêu. → Đó còn là ước nguyện được hóa thân tình yêu của mình vào tình cảm gia đình, tình mẫu tử, phụ tử thiêng liêng và lớn lao hơn là tình quê hương đất nước. → <b>Những câu thơ kết đã thể hiện khát vọng dâng hiến, hi sinh hết mình vì tình yêu.</b></p>	

# ĐỀ 1: PHÂN TÍCH VÀ BÌNH LUẬN

## 1. PHÂN TÍCH VÀ BÌNH LUẬN

Xuân Quỳnh là nhà thơ của hạnh phúc đời thường. Thơ bà là tiếng lòng của một tâm hồn luôn luôn khao khát tình yêu, gắn bó hết mình với cuộc sống hằng ngày, trân trọng, nâng niu và chăm chút cho hạnh phúc. Trong các nhà thơ nữ Việt Nam, Xuân Quỳnh xứng đáng được gọi là nhà thơ của tình yêu. Bà viết nhiều, viết hay về tình yêu nhưng có lẽ *Sóng* là bài thơ đặc sắc hơn cả bởi nó nói lên được một tâm hồn khao khát yêu đương, một tình yêu vừa hồn nhiên chân thật, vừa mãnh liệt, sôi nổi của một trái tim phụ nữ.

Mở đầu bài thơ là những trạng thái cảm xúc phong phú, phức tạp của "sóng":

*Dữ dội và dịu êm*

*Ồn ào và lặng lẽ*

*Sông không hiểu nổi mình*

*Sóng tìm ra tận bể*

Những con sóng biển muôn đời vẫn thế, khi dữ dội, ồn ào, trào dâng, có thể làm lật thuyền, đắm tàu, có thể xô bờ, phá phách, cuốn trôi đi tất cả những gì nó muốn nhưng có lúc, con sóng lại lắng xuống dịu êm, hiền hòa. Tâm trạng bất thường của sóng cũng chính là sự ẩn dụ cho tình yêu mà cụ thể ở đây là tính khí của người con gái đang yêu. Có khi họ nổi giông tố ồn ào, mạnh mẽ. Có lúc họ dịu dàng, dằm thắm, thiết tha. Sự mâu thuẫn và thống nhất đó phải chăng là một quy luật của tự nhiên và trái tim? Ở hai câu thơ đầu, Xuân Quỳnh tinh tế nhận ra bên trong cái dữ dội, ồn ào, giông bão của tình yêu là chiều sâu thăm thẳm của dịu êm, hiền hòa. Đó là căn cốt, là điểm về của vẻ đẹp người phụ nữ. Mỗi con sóng nhỏ lại chất chứa trong mình khát vọng lớn lao nên nó không cam chịu gò bó trong khuôn khổ chật hẹp, tù túng. Nếu dòng sông không hiểu sóng, nó quyết tung mình ra biển lớn bao la để khám phá và nhận thức. Xuân Quỳnh đã tìm ra quy luật của cuộc sống, tình yêu là sự vận động để hoàn thiện mình:

*Bởi tình yêu muốn thử*

*Có bao giờ đứng yên*

Vì thế, nữ sĩ mong muốn tìm ra đại dương để được sống thành thật là mình. Đứng trước biển, người ta hay nghĩ tới không gian rộng lớn và thời gian vĩnh hằng. Còn Xuân Quỳnh hướng tới những khao khát, ước vọng lớn lao, cao đẹp và trong sạch như chị từng viết:

*Suốt cuộc đời biển gọi ước mơ*

*Nỗi khát vọng những phương trời chưa đến*

*Đứng trước biển quên những điều nhỏ hẹp*

*Lại thấy lòng trong sạch thêm ra*

Hành trình ra biển rộng của con sóng nhỏ cũng chính là quá trình tự khám phá của người phụ nữ về một tình yêu đích thực, lớn lao. Ở khổ thơ mở đầu, ta nhận ra một quan niệm táo bạo, mới mẻ và hiện đại của Xuân Quỳnh: Nhất quyết không cam chịu, nhần nhục, thụ động để cuộc đời đầy dẫy, phiêu dạt như "trái bần trôi", như "tắm lụa đào" mà chủ động, quyết liệt đi tìm tiếng nói đồng điệu, đồng cảm của tình yêu cao đẹp.

Hình tượng "sóng" đã gợi nhận thức về khát vọng tình yêu trong "em". Ở những khổ thơ tiếp theo, hai hình tượng này sóng đôi, hòa quyện, lúc ẩn lúc hiện, soi chiếu vào nhau cùng diễn tả các cung bậc



cảm xúc của một trái tim đang yêu:

*Ôi con sóng ngày xưa  
Và ngày sau vẫn thế  
Nỗi khát vọng tình yêu  
Bồi hồi trong ngực trẻ*

Sóng là vĩnh hằng với thời gian. Từ ngày xưa cho tới ngày sau, từ quá khứ cho tới hiện tại và tương lai, nếu quy luật của những con sóng là vẫn mãi miết vỗ bờ suốt đêm ngày không nghỉ thì quy luật của tình yêu là luôn cháy lên những đam mê, rạo rực, khao khát trong trái tim tuổi trẻ muôn đời. Không phải ngẫu nhiên Xuân Diệu cho rằng: "*Hãy để cho trẻ con nói cái ngon của kẹo/ Hãy để tuổi trẻ nói hộ tình yêu*". Dẫu biết tình yêu không có tuổi nhưng chỉ có tuổi trẻ vô tư, trong sáng, đầy sinh lực mới thể hiện đủ đầy và ý nghĩa nhất những khát vọng nồng cháy của tình yêu.

Hai khổ thơ đầu tiên khắc họa hình tượng "sóng" với rất nhiều những trạng thái tương phản nhưng thống nhất. Sóng là hình ảnh ẩn dụ cho khát vọng tình yêu. Tình yêu cũng có nhiều cung bậc, khi đắm thắm thiết tha, lúc giận hờn vô cớ, khi lặng lẽ êm đềm, lúc lại cồn cào, bão tố như con sóng giữa lòng biển khơi.

Mạch cảm xúc của những khổ thơ tiếp theo đi từ những băn khoăn, trăn trở trong tình yêu của người con gái ở buổi ban đầu:

*Trước muốn tròng sóng bể  
Em nghĩ về anh, em  
Em nghĩ về biển lớn  
Từ nơi nào sóng lên*

*Sóng bắt đầu từ gió  
Gió bắt đầu từ đâu  
Em cũng không biết nữa  
Khi nào ta yêu nhau*

Khi nói tới tình yêu, người ta thường có nhu cầu truy tìm về cội nguồn của nó. Tình yêu là gì? Tình yêu có từ khi nào? Vì sao chúng ta yêu nhau? Tuy nhiên, những câu hỏi đủ chính đáng ấy lại không dễ trả lời bởi như một nhà thơ viết:

*Nơi tình yêu bắt đầu  
Cũng là nơi khô nhất  
Trái tim dù biết hát  
Nhưng tình đời dễ đau*

Còn Cô gái Ấn Độ trong bài thơ số 28 của Ta-go cũng băn khoăn buồn, muốn nhìn vào tâm tưởng người yêu để hiểu biết anh trọn vẹn nhưng chàng trai đã trả lời thẳng thắn:

*Nhưng em ơi đời anh lại là một trái tim  
Nào ai biết chiều sâu và bến bờ của nó*

# TRAI TÌM TÌNH YÊU

*Em là nữ hoàng trong vương quốc đó*

*Ày thế mà em có biết gì biên giới của nó đâu*

Chính vì không thể biết trái tim tình yêu nông, sâu, rộng, hẹp nên người ta càng khao khát tìm hiểu, khám phá để có tiếng nói đồng điệu, cảm thông. Xuân Quỳnh cũng bộc bạch những băn khoăn, trăn trở với câu hỏi ngàn xưa. Thiên nhiên bí ẩn còn có thể cắt nghĩa: “Sóng bắt đầu từ gió” nhưng tình yêu thì ai có thể hiểu hết được ngọn nguồn. Chính ông hoàng thơ tình Xuân Diệu cũng từng viết:

*Đố ai định nghĩa được tình yêu*

*Làm sao cắt nghĩa được tình yêu*

Tình yêu là câu chuyện của trái tim, là những xúc cảm mong manh, tinh tế, không thể dùng lí trí tình táo để xác định thời điểm bắt đầu của mỗi tình. Chính điều đó đã góp phần thi vị và thơ mộng hóa tình yêu. Trước không gian rộng lớn, người ta thường nghĩ đến sự nhỏ bé, cô đơn, hữu hạn của kiếp người nhưng Xuân Quỳnh lại nghĩ về anh và em, nghĩ về biển sóng, nơi bắt đầu của tình yêu. Và chị lắc đầu thừa nhận một cách hồn nhiên, chân thực:

*Em cũng không biết nữa*

*Khi nào ta yêu nhau*

Tình yêu luôn đồng hành với nỗi nhớ như một nhà phê bình đã viết: “Nếu sóng là sự sống của biển thì nỗi nhớ là sự sống của tình yêu. Nếu yêu say đắm thì nhớ thiết tha. Nếu yêu sôi nổi, cuồng nhiệt thì có khi tan nát cả cõi lòng”. Phải chăng vì thế, ca dao đã ghi lại những cảm xúc chân thành, nóng bỏng khi yêu:

*Nhờ ai bồi hồi bồi hồi*

*Như đứng đống lửa như ngồi đống than*

*Đêm nằm lưng chẳng tới giường*

*Mong sang trời sáng ra đường gặp em*

Hay trong thơ hiện đại, Xuân Diệu cũng nhớ thương mãnh liệt, nồng nàn:

*Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh.*

*Anh nhớ em. Anh nhớ lắm! Em ơi!*

Ở bài thơ Sóng, Xuân Quỳnh có cách diễn tả nỗi nhớ rất riêng. Dồn dập với đại dương, nữ sĩ khám phá ra điều giản dị và sâu xa: Con sóng ngoài biển khơi đâu chỉ là những gì ta nhìn thấy trên mặt nước mà nó còn chìm sâu thẳm trong lòng đại dương. Dù có sự tương phản giữa hai vị trí dưới lòng sâu hay trên mặt nước nhưng sóng vẫn chung một nỗi nhớ bờ để thao thức suốt ngày đêm không ngủ. Từ hình tượng “sóng”, nhà thơ liên tưởng tới trái tim người con gái đang yêu. Nếu sóng thức trong lòng biển đã cồn cào thì sóng thức trong lòng em còn muôn vạn lần tha thiết, xôn xao hơn. Không ngủ ở cõi thực, thao thức ở cõi mơ, nỗi nhớ như vắt qua hai bờ thực - ảo chiếm đầy cả không gian và thời gian, âm ảnh trong tiềm thức của con người. Nỗi nhớ khắc khoải, sâu sắc, mãnh liệt đến nhường ấy chỉ có ở trái tim yêu chân thành cao đẹp mà thôi. Nỗi nhớ này không chỉ xuất hiện một lần trong thơ Xuân Quỳnh mà ở bài thơ “Thuyền và Biển”, chị cũng từng viết:

*Những ngày không gặp nhau*

*Biển bạc đầu thương nhớ*

*Những ngày không gặp nhau  
Lòng thuyền đau rạn vỡ  
Nếu từ già thuyền rời  
Biển chỉ còn sóng gió  
Nếu phải cách xa anh  
Em chỉ còn bão tố*

Thế mới biết, chẳng ai có thể đo đếm được nỗi nhớ đang đầy trong những trái tim yêu. Khổ thơ viết về nỗi nhớ như không đủ diễn tả xúc cảm mãnh liệt nên tràn ra hai câu. Hoài Thanh đánh giá: "Động cảm xúc quá chừng sôi nổi khiến cho câu chữ không thể đi theo những đường viền có sẵn, ý thơ xô đẩy làm cho khuôn khổ câu thơ cũng phải lung lay". Nếu phải chọn một khổ thơ hay nhất trong bài thơ "Sông" thì có lẽ nhiều người sẽ chọn khổ thơ biểu đạt nỗi nhớ dào dạt, dâng đầy.

Thơ Xuân Quỳnh nồng cháy, đam mê, táo bạo nhưng vẫn vẹn nguyên lòng thủy chung son sắt.

*Dẫu xuôi về phương Bắc  
Dẫu ngược về phương Nam  
Nơi nào em cũng nghĩ  
Hướng về anh - một phương*

Các cặp từ tương phản: *xuôi, ngược, Bắc, Nam* như tượng trưng cho thử thách, chông gai, trắc trở của tình yêu. Dù không gian có xa xôi đến mấy nhưng tâm lòng thủy chung đã xóa nhòa mọi khoảng cách. Nếu không gian đất trời có bốn phương Đông – Tây – Nam – Bắc thì không gian tình yêu trong lòng em chỉ có một *phương – phương anh*. Ở khổ thơ mở đầu, Xuân Quỳnh chủ động theo hành trình của con sông, từ sông ra biển một cách quyết liệt để tìm tình yêu đích thực. Đến khổ thơ này, chị lại trở về cội nguồn đạo lý truyền thống đó là tình yêu chung thủy, duy nhất, không đổi thay.

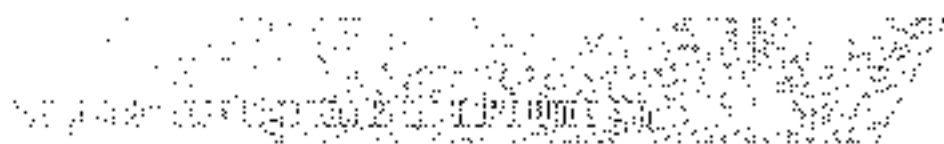
*Trái tim nhỏ nằm trong lồng ngực  
Giây phút nào chẳng đập vì anh*

Đây là gốc rễ, là cội nguồn của một tình yêu đẹp như Xuân Quỳnh từng tin tưởng về tình yêu:

*Đó tình yêu em muốn nói cùng anh  
Nguồn gốc của muôn ngàn khát vọng  
Lòng tốt để duy trì sự sống  
Cho con người thực sự người hơn*

Xuân Quỳnh là một người phụ nữ thông minh và tinh tế. Chính vì thế, chị đã ý thức được những nhọc nhằn, vất vả trên hành trình đến với trái ngọt của tình yêu. Con sông muốn tới bờ phải vượt qua bao giống tổ. Em muốn tới với anh phải trải qua nhiều thử thách, gian lao. Nhưng dù thế nào, em cũng sẽ vượt qua tất cả. Đó chính là nghị lực trong tình yêu. Đọc thơ Xuân Quỳnh, ta như nghe thấy âm điệu rần rần của câu ca dao thuở trước:

*Yêu nhau mấy núi cũng trèo  
Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua*



Khi người ta yêu nhau thì không một trở lực nào cản trở nổi và Xuân Quỳnh đã nhận ra sức mạnh diệu kì ấy:

*Tay ta nắm lấy tay người*

*Dẫu qua trăm tuổi nghìn đèo cũng qua*

Có thể nói, tình yêu ở Xuân Quỳnh chưa bao giờ vơi người, niềm tin của Xuân Quỳnh không mai một nhưng chị còn có một trái tim đầy lo âu, dự cảm trước sự chảy trôi vô hạn của thời gian và cái hữu hạn của đời người.

*Cuộc đời tuy dài thế*

*Năm tháng vẫn đi qua*

*Như biển kia dẫu rộng*

*Mây vẫn bay về xa*

Tình yêu tuy đẹp nhưng mong manh, dễ vỡ như chính Xuân Quỳnh cũng nhận ra "Lời yêu mỏng mảnh như màu khói/ Ai biết tình anh có đổi thay". Biển vẫn rộng dài, mây vẫn bay về phía trời xa, thiên nhiên vận động theo quy luật vĩnh hằng nhưng có ai trên đời này dám chắc chắn tình yêu bền vững. Dẫu bản khoán là thế nhưng điều đáng quý trong thơ Xuân Quỳnh vẫn là niềm tin son sắt về tình yêu cao đẹp ở đời.

Đi dọc bài thơ *Sóng*, ta thấy hiện lên hình ảnh sóng và em, khi song hành, khi cộng hưởng để diễn tả sâu sắc và tinh tế tâm trạng, cảm xúc trong tình yêu. Đến khổ thơ cuối cùng, khát vọng ấy cháy bùng lên cùng trái tim yêu thương, rộng mở:

*Làm sao được tan ra*

*Thành trăm con sóng nhỏ*

*Giữa biển lớn tình yêu*

*Để ngàn năm còn vỗ.*

Khi nhận ra được sự hữu hạn của đời người và sự vô hạn chảy trôi của thời gian tuyến tính, Xuân Quỳnh, một trái tim yêu say đắm, nồng nhiệt đã tìm cho mình một cách để được sống mãi với tình yêu, đó là "tan ra" như những con sóng vỡ òa vào đại dương. Khổ thơ gợi nhớ những vần thơ nồng nàn, mãnh liệt của Xuân Diệu trong bài thơ *Biển*:

*"Anh xin làm sóng biếc*

*Hôn mãi cát vàng em*

*Hôn thật khẽ, thật êm*

*Hôn êm đềm mãi mãi*

*Đã hôn rồi, hôn lại*

*Cho đến mãi muôn đời*

*Đến tận cá đất trời*

*Anh mới thôi dào dạt...*

Nếu như đàn ông trong tình yêu thường tham lam, muốn chiếm lĩnh trọn vẹn như Xuân Diệu thì người phụ nữ Xuân Quỳnh lại tự nguyện hi sinh, dâng hiến cho tình yêu. Đó là vẻ đẹp thánh thiện rất đáng được trân trọng ở những người phụ nữ Việt Nam. Vẻ đẹp đó cũng được nhà thơ thể hiện trong bài thơ "Tự hát":

*Em trở về dùng nghĩa trái tim em  
Là máu thịt đời thường ai chẳng có  
Sẽ ngừng đập khi cuộc đời không còn nữa  
Nhưng biết yêu anh cả khi chết đi rồi*

Cuộc đời là biển lớn tình yêu, là kết tinh vị mặn ân tình, được tạo nên bởi trăm con sóng nhỏ. Bởi thế, nữ sĩ khao khát hòa nhập tình yêu nhỏ bé riêng tư vào biển lớn tình yêu của cuộc đời để vỗ nhịp mãi với thời gian, một tình yêu cao đẹp, vĩnh hằng.

Sóng là một trong số những bài thơ hay nhất của Xuân Quỳnh và của thơ ca hiện đại Việt Nam. Ở đó có sự kết hợp hài hòa giữa xôn xao và lặng động, thiết tha và rộng mở. Sóng dẫn dắt con người ta đi qua nhiều xúc cảm về lo âu, nhớ thương, chờ đợi, dài như năm tháng, rộng như biển khơi... Cuối cùng quy gom về một mối là tình yêu mãnh liệt, say đắm, thủy chung. Bởi thế, con sóng trong lòng đại dương và con sóng trong lòng nữ sĩ cứ miện man vỗ mãi trong tâm hồn đôi lứa đã yêu, đang yêu và sẽ yêu.

## Văn bản

# THƠ MỚI VÀ NGHỆ SỐNG ĐÀ

Nguyễn Tuân

1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10.

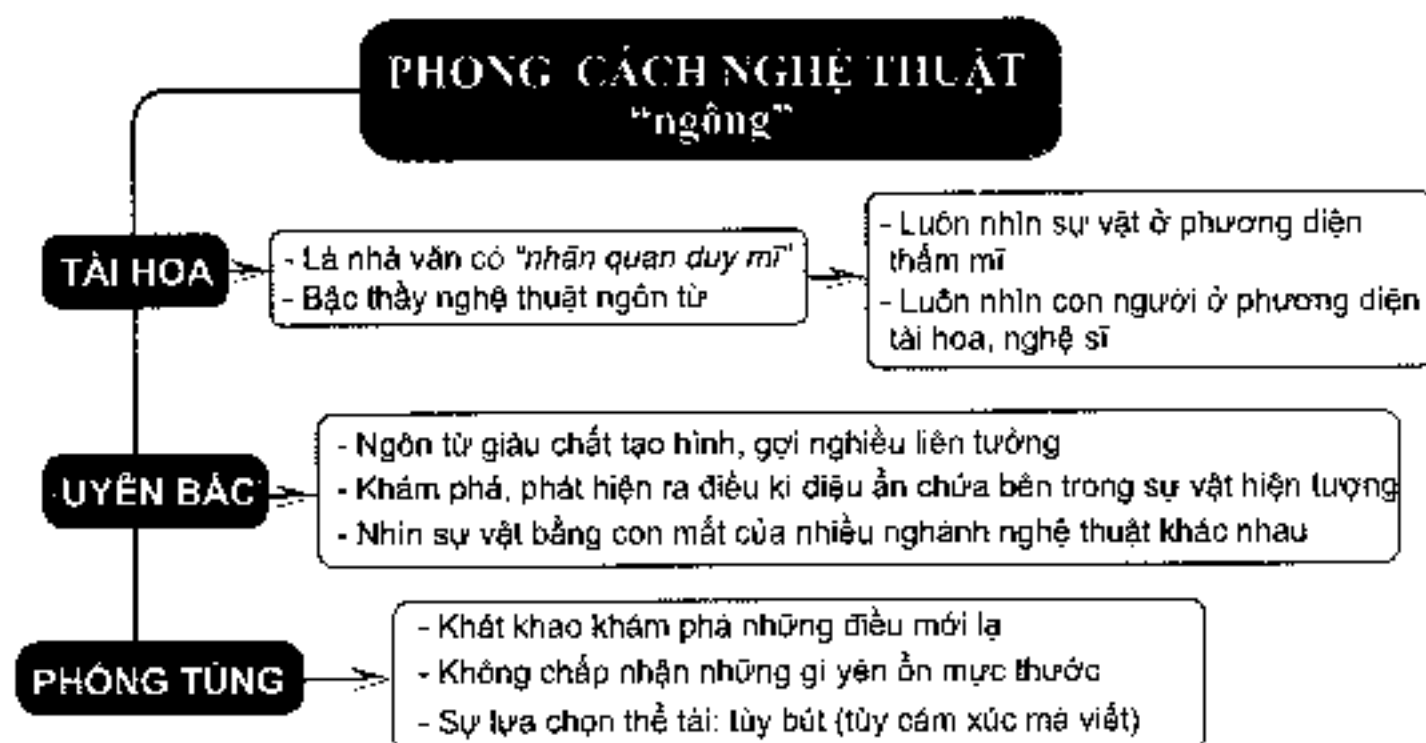
### 1. Tác giả

- Nguyễn Tuân (1910 - 1987) là một nhà văn lớn trong nền văn học hiện đại Việt Nam.
- Ông là một người nghệ sĩ có cá tính độc đáo và giàu ý thức về bản ngã.
- Là nhà văn rất mực tài hoa, uyên bác.
- Nguyễn Tuân là người có trách nhiệm cao với nghề văn. Các sáng tác của ông giàu lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc.

- Nhận định:

+ "Là một cái định nghĩa về người nghệ sĩ". (Nguyễn Minh Châu)

+ "Nguyễn Tuân là người suốt đời đi tìm cái đẹp, cái thật". (Nguyễn Đình Thi)



## 2. Tác phẩm

### a. Xuất xứ, mục đích sáng tác

- Xuất xứ: trích từ tùy bút "Sông Đà" (1960).
- Mục đích: Khám phá, phát hiện **chất vàng** của núi sông Tây Bắc và "**chất vàng mười trong tâm hồn con người đã qua thử lửa**".

### b. Nhan đề

- Thể hiện **nội dung** chính của thiên tùy bút gồm hai hình tượng: người lái đò và con Sông Đà.
- Hai chữ "Sông Đà" viết **hoa** khiến cho dòng sông hiện lên như một sinh thể có **tính cách**, có **tâm hồn**.

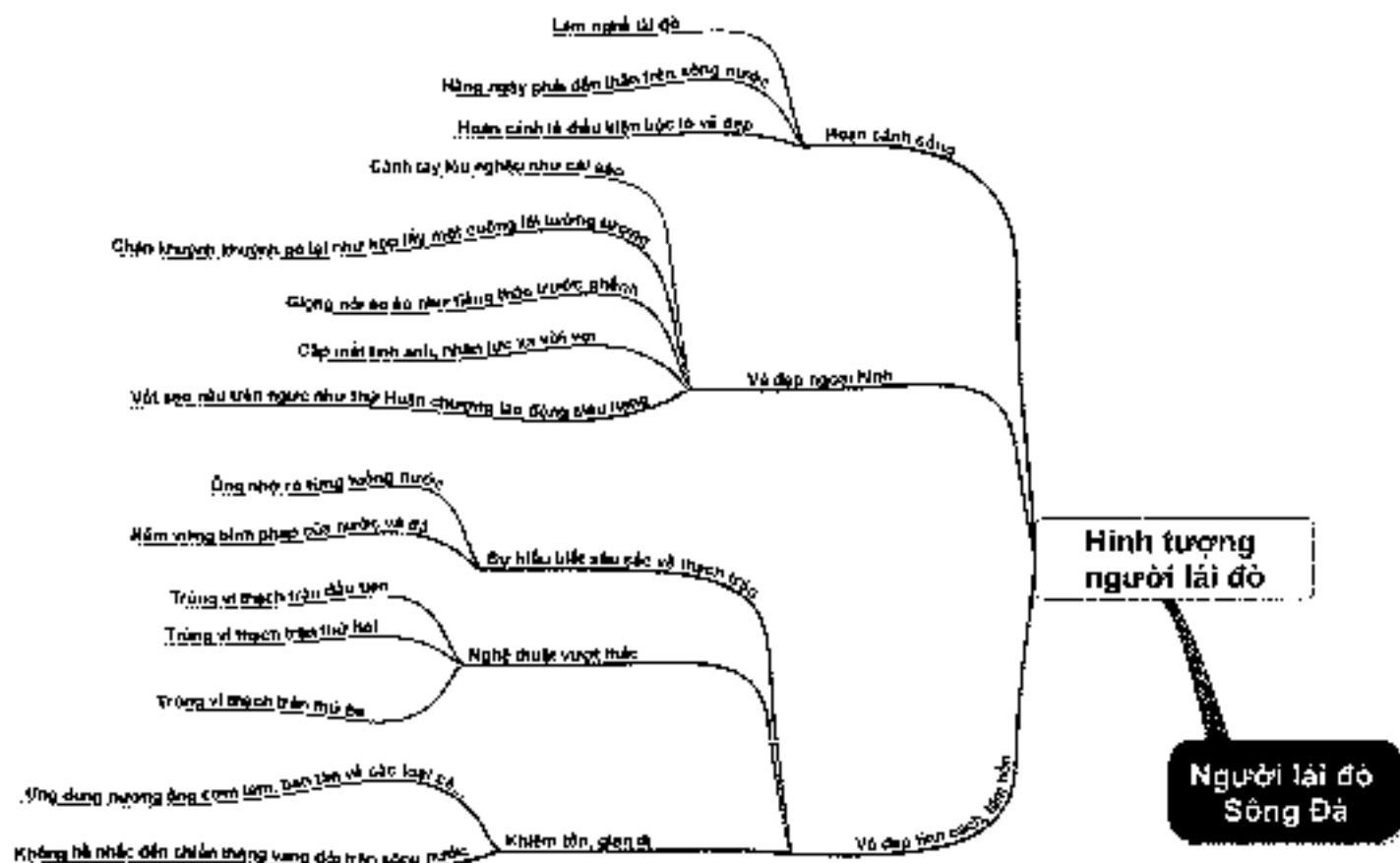
### c. Lời đề từ

- Thể **hiện hai** nét tính cách của con Sông Đà: **hung bạo** và **trữ tình**.
- Lời giới thiệu về phong cách, tính cách của nhà văn: vừa **ngang tàng**, **ngạo nghễ**, vừa **phóng khoáng**, **ưa tư do**.

### d. Hình tượng nhân vật

- Hình tượng Sông Đà với **hai** nét tính cách: **hung bạo** và **trữ tình**.
- Hình tượng người lái đò: **trí dũng** và **tài hoa**.

# PHÂN TÍCH TÁC PHẨM

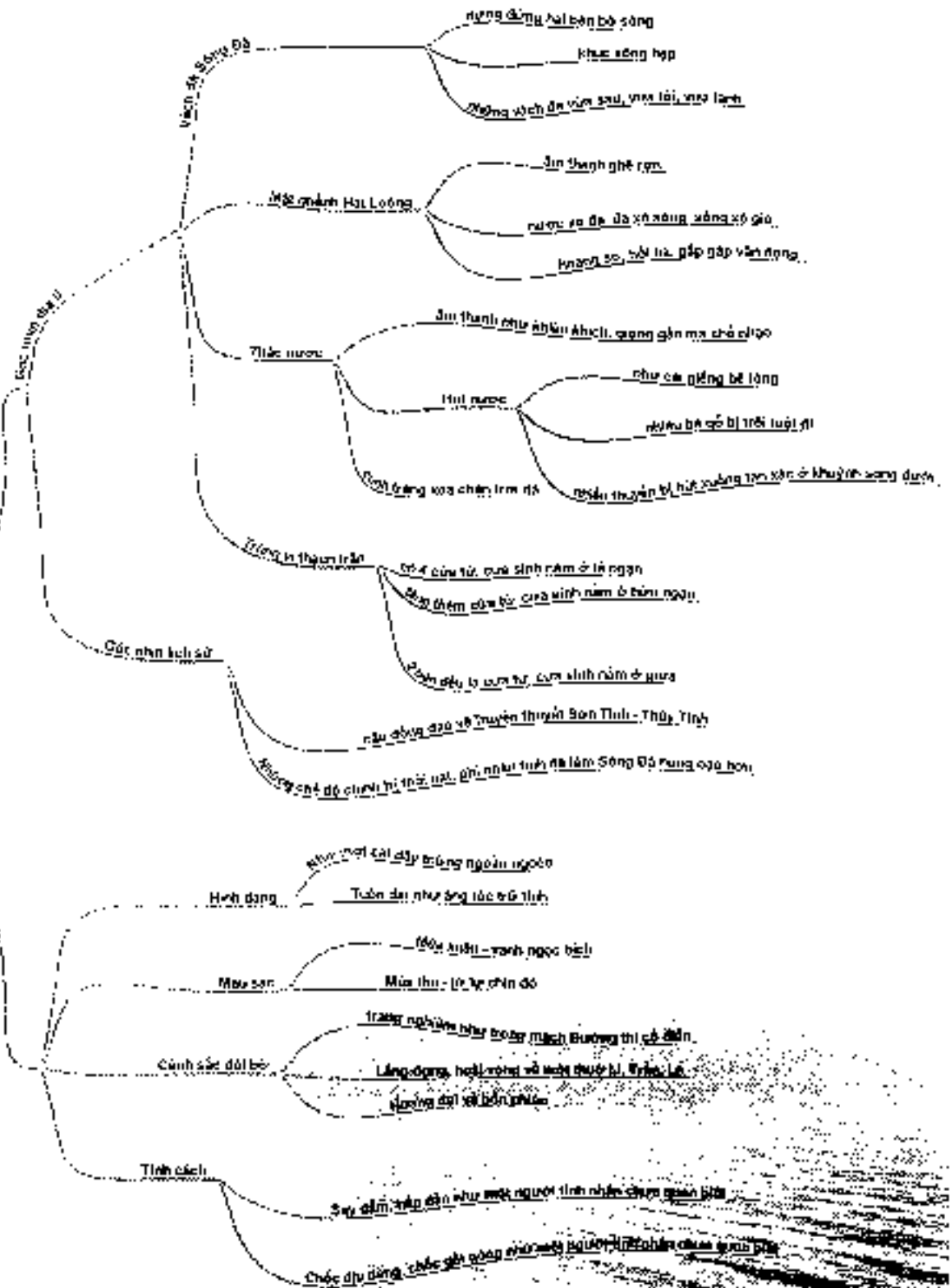


Người lái đò  
Sông Đà





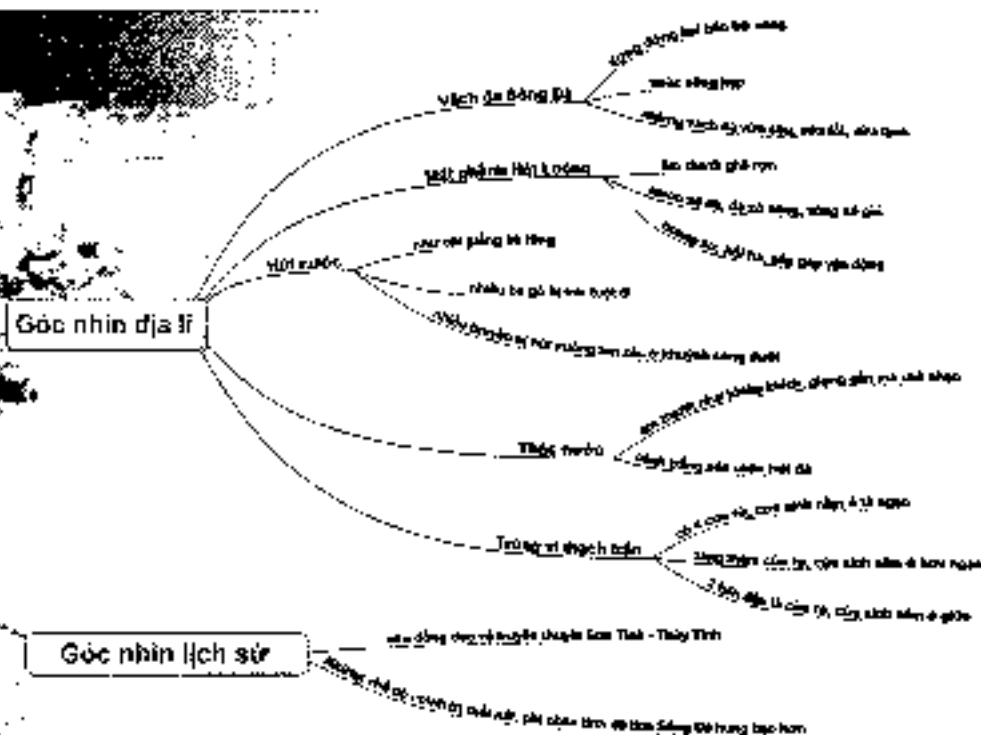
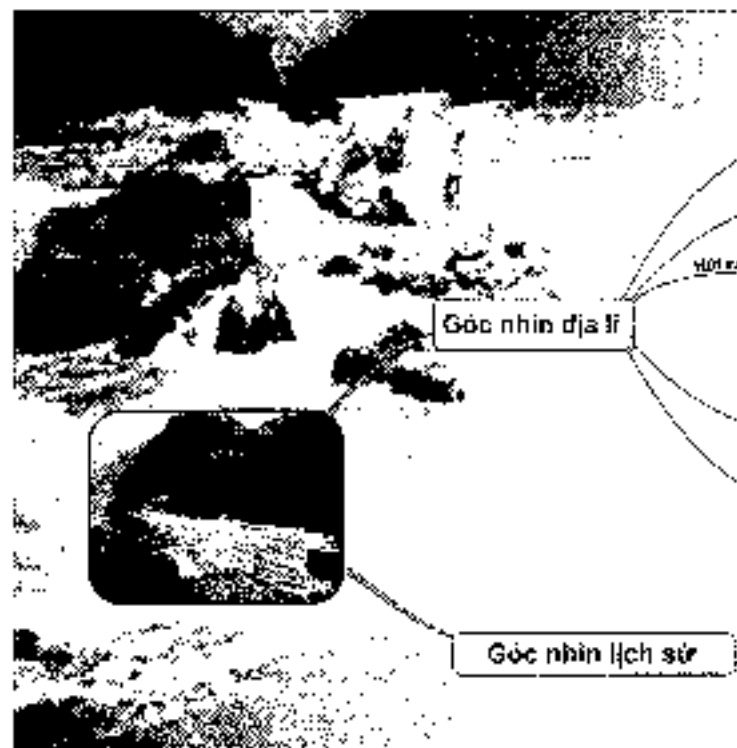
# Chân tướng Sông Đà



## I. Góc nhìn địa lý

### 1. Hình tượng Sông Đà

#### a. Sông Đà hung bạo



#### a.1. Góc nhìn địa lý

##### \* **Vách Sông Đà:**

- Đá bờ sông dựng vách thành, đứng giờ Ngõ mới thấy mặt trời.
- Lòng sông hẹp lại như cái yết hầu thật giữa hai vách đá dựng đứng hiểm trở > lòng sông rất hẹp.
- "Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng cảm thấy lạnh... vừa tắt phụt đèn điện" → những vách đá vừa sâu, vừa tối, vừa lạnh.

##### \* **Mặt ghềnh Hát Loóng:**

- Âm thanh gào thét, man dại đầy ghê rợn "như đòi nợ xuýt".
- "Nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió": trùng điệp, tăng tiến, phối hợp với nhau để đe dọa tinh thần con người.
- Mặt ghềnh dữ dội với mọi cảnh vật hoang sơ đang hồi hả, gấp gáp vận động.

##### \* **Hút nước:**

- Như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu:
- + Nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc
- + Lúc lại rờn rợn như tiếng rót dầu sôi
- Nhiều bè gỗ đoạn này bị lật tuột đi.
- Nhiều thuyền bị hút xuống rồi tan xác ở khuỷu sông dưới.
- Sông Đà không khác gì một loài thủy quái.

Với trí tưởng tượng phong phú và ngòi bút tài hoa, uyên bác, Nguyễn Tuân đã vận dụng kiến thức của nhiều ngành văn hóa nhằm khắc họa diện mạo con Sông Đà như "kẻ thù số một của con người".



→ Sống đã như một người con gái trong tình yêu với những nét tính cách phức tạp.

Bên cạnh nét tính cách hung bạo, Sông Đà còn hiện lên rất trữ tình, thơ mộng, gợi bao cảm xúc làm say mê lòng người. Sông Đà vừa mang vẻ đẹp cổ điển, vừa mang vẻ đẹp thi ca lãng mạn, vừa mang vẻ đẹp từ đời sống với những nét tính cách dễ mến, dễ thương, dễ nhớ.

[illegible]

**a. Hoàn cảnh sống**

- Công việc của nhân vật chính là lái đò chờ khách, chèo hàng trên sông.
- Hàng ngày, hàng giờ ông phải vật lộn trên sông nước hiểm nguy.
- Hoàn cảnh sống là điều kiện để bộc lộ vẻ đẹp của ông đò.

**b. Vẻ đẹp ngoại hình**

- Cánh tay lêu nhều như cái sào.
- Chân khuỳnh khuỳnh gò lại như kẹp lấy một cuống lái tưởng tượng.
- Giọng nói ào ào như tiếng thác trước ghềnh.
- Cặp mắt tinh anh, nhãn lực nhìn xa với vợi.
- Vết sẹo nâu trên ngực như thừ Huân chương lao động siêu hạng.
- Ngoại hình ông lái đò mang đậm dấu ấn nghề nghiệp của con người vùng sông nước đầy khốc khổ, rắn rỏi, anh dũng.

**c. Vẻ đẹp tinh cách, tâm hồn**

**\* Sự hiểu biết sâu sắc về thạch trận trên sông**

- Ông đò nắm vững đặc điểm của thân sông, thân đá. Ông lấy mắt mà nhớ tí míc như đánh đống vào lòng tất cả các luồng nước của những con thác hiểm trở.
- Ông đò hiểu rõ mọi binh pháp của đá và nước Sông Đà.

**\* Nghệ thuật vượt thác**

- Trùng vi thạch trận thứ nhất:
  - + Mặt nước hồ la vang dậy, ủa vào đá trái, thúc gối, bẻ gãy cán chèo, đội cá thuyền lên, bám lấy thắt lưng ông đò đội lật ngửa thuyền ra ⇒ Ông đò giữ chặt lấy mái chèo để làm chủ con thuyền trên sông dữ, đá độc.
  - + Sóng thác dùng đến món đòn hiểm độc nhất là bóp chặt lấy hạ bộ người lái đò ⇒ Ông đò nén đau đớn, hai chân kẹp lấy cuống lái để bình tĩnh chỉ huy con đò thoát hiểm.
- Trùng vi thạch trận thứ hai: Dòng thác hùm beo hồng hộc té mạnh trên sông đá ⇒ Ông đò nắm chặt bờm sóng, phóng nhanh vào cửa sinh, lái miết một đường chéo về phía cửa đá, đề sẵn lên đá má chại đôi ra để mở đường tiến...
- Trùng vi thạch trận thứ ba: Bên phải, bên trái đều là cửa tử, bọn đá hậu vệ canh cửa hòng bắt chết cái thuyền ⇒ Ông đò nhanh trí chọc thủng trùng vây, vút qua cổng đá.

**\* Vẻ đẹp khiêm tốn, giản dị**

- Sau trận chiến, ông đò và bạn bè ung dung ngồi đốt lửa nướng ống cơm lam, bàn tán về cá anh vũ, cá dầm xanh.
- Họ không hề nói về chiến thắng trên thác dữ.
- Cuộc hỗn chiến trên những dòng thác là một phần cuộc sống của con người nơi đây. Vẻ đẹp của họ thật phi thường nhưng cũng rất đời bình thường, giản dị.

*Hình tượng người lái đò vừa có tư thế của một người lao động trí dũng song toàn, vừa có phong thái của một người nghệ sĩ tài hoa. Đồng thời, với hình tượng người lái đò, Nguyễn Tuân cũng thể hiện sự đổi mới trong phong cách nghệ thuật của mình sau Cách mạng. Ông hướng tới tìm kiếm vẻ đẹp, "chất vàng mười đã qua thử lửa" của những con người lao động bình dị.*

# THIÊN TÙY BÚT VÀ NHẠC SĨ NGUYỄN TUẤN

## III. BÀI VIẾT "SÔNG ĐÀ"

"Người lái đò Sông Đà" là thiên tùy bút rút trong tập "Sông Đà" (1960) của Nguyễn Tuân. Đây là thành quả nghệ thuật đẹp để mà Nguyễn Tuân đã thu hoạch được trong chuyến đi thực tế đến Tây Bắc năm 1958. Trong chuyến đi này, tác giả đã có cơ hội sống với những khoảnh khắc thân thuộc nhất, hào hứng nhất của người nghệ sĩ trong ông. Nguyễn Tuân cảm nhận được "thứ vàng mười đã qua thử lửa" của những người lao động bình dị trên miền sông nước hùng vĩ và thơ mộng. Đồng thời, phát hiện ra "chất vàng mười" của thiên nhiên, núi rừng, sông nước Tây Bắc.

Dưới ngòi bút của Nguyễn Tuân, Sông Đà không còn là dòng sông vô tri vô giác mà là một sinh thể sống động có tâm hồn. Hai câu thơ đề từ đã thu tóm được hai nét tính cách cơ bản của con sông. Với câu thơ của Nguyễn Quang Bích:

*"Chùng thùy giai Đông tẩu  
Đá giang độc Bắc lưu"*

Sông Đà hiện lên với nét tính cách ngổ nghịch, hung bạo, ngang tàng. Mọi dòng sông đều chảy về hướng Đông, chỉ có Sông Đà chọn cho mình hướng chảy ngược đời, như chính tâm tính của nó. Thế nhưng, bỏ lại sau lưng sự dữ dội, ồn ào, Nguyễn Tuân lại cân bằng xúc cảm của độc giả khi đưa thêm một lời đề từ đầy thơ mộng, êm đềm như một lời giới thiệu về nét tính cách thứ hai của Sông Đà:

*"Đẹp vậy thay tiếng hát trên dòng sông"*

Có thể thấy, Sông Đà có sức lôi cuốn thật diệu kì, được khắc họa với hai phương diện đối lập nhau. Đó là dòng sông hiểm trở, độc dữ đã từng gây biết bao tai họa cho con người nhưng đồng thời, nó cũng ẩn chứa một vẻ đẹp thật thơ mộng, trữ tình. Hai lời đề từ không chỉ là lời giới thiệu về con sông lạ kì mà còn là hai nét tính cách của Nguyễn Tuân – vừa ngang tàng, ngạo nghễ, vừa phóng khoáng, ưa tự do. Thiên tùy bút là cuộc kì ngộ giữa những điều độc đáo, ấn tượng. Người nghệ sĩ với phong cách độc đáo đã tìm thấy sự đồng điệu với vẻ đẹp của con sông.

Người nghệ sĩ ngôn từ này không ưa những gì phảng lảng, yên ổn mà có đam mê mãnh liệt với những điều tuyệt mỹ, với rừng thiêng, nước độc, với thác dữ, hùm beo... Chính bởi thế, nét tính cách hung bạo, dữ dội đã dội vào những trang viết đầu tiên của Nguyễn Tuân. Sông Đà hung bạo được nhìn dưới góc nhìn địa lí và lịch sử khiến trang tùy bút trở nên hấp dẫn, sâu sắc.

Sự hiểm ác của con sông trước hết thể hiện ở cảnh "bờ sông dựng đứng vách thành, đứng ngọ mới có mặt trời. Có chỗ vách đá thành chẹt lấy lòng Sông Đà như một cái yết hầu. Đứng bên này sông nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách. Có quãng, con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia". Những câu văn cho thấy sự vận hành khó khăn, nguy hiểm của Sông Đà giữa những vách đá dựng đứng cheo leo. Có thể thấy, tác giả không chỉ miêu tả Sông Đà bằng những cảm nhận bên ngoài mà còn huy động tất cả mọi giác quan để chuyển đến cho người đọc cảm giác ớn lạnh về một khúc sông hẹp với những vách đá vừa sâu, vừa tối, vừa lạnh.

Thuyền trôi đến đâu, cảnh vật lại khắc sâu nét hung dữ đến đâu. Mặt ghềnh Hát Loóng là điểm đến tiếp theo trong chuyến du hành trên Sông Đà của người nghệ sĩ. Đây là vương quốc của đá, của sóng, của nước. Tất cả hiện lên mãnh mẽ với âm thanh gáo thét man dại "nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió", "cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như đòi nợ xui" bất cứ người lái đò nào tóm được qua đây. Cách tả sóng gió Sông Đà khiến ta liên tưởng đến ngọn gió Than Uyên cũng được Nguyễn Tuân khắc họa với sức mạnh bạo tố có thể làm đổ nhà, đổ người, chém vào móng ngựa khiến chúng

xiêu vẹo, ngả nghiêng. Bên cạnh đó, kiểu cầu trúc trùng điệp còn mở ra một cảnh tượng mặt ghềnh dữ dội, hoang sơ đang hồi há, gấp gáp vận động.

Đọc văn Nguyễn Tuân, một nhà phê bình đã nhận xét rất xác đáng rằng: "Văn Nguyễn Tuân nồng rẫy sự sống. Và sự sống ấy tỏa ra từ mọi hướng". Đến với các hút nước trên Sông Đà ta sẽ hiểu rõ hơn sức nồng từ những trang văn ấy. "Trên sông bỗng nhiên xuất hiện những cái hút nước như những cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu. Nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc... Chèo nhanh và tay lái cho vũng mà phóng qua cái giếng sâu nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào." Hút nước quả là những cái bẫy nguy hiểm chết người. nó sẵn sàng đánh tan nhiều bè gỗ vô ý qua lại. Nó hãi hùng, ghê sợ "như vừa rót dầu sôi vào". Với kiến thức phong phú của điện ảnh, tác giả tưởng tượng ra một anh bạn quay phim táo tợn muốn truyền cảm giác lạ cho khán giả nên ngồi vào cái thuyền thúng để xuống tận đáy cái hút nước rồi cứ lia ngược cái ống kính lên ghi lại. Có thể nói, đoạn văn miêu tả những hút nước hiểm ác đã đem đến cho người đọc cảm giác mới lạ, bất ngờ để dễ dàng hình dung Sông Đà như một loài thú quái đang bị bóp chặt yết hầu, đang giãy giụa quằn quại và sẵn sàng trả thù bất cứ một chiếc thuyền nào qua sông.

Nói đến sự hung bạo của con sông Tây Bắc không thể không kể đến thác nước. Người nghệ sĩ ngôn từ đã buộc sự dữ dội của sông nước phải hiện nguyên hình trong muôn vạn âm thanh và hình khối. "Còn xa lắm mới đến cái thác dưới nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại, réo to mãi lên. Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như van lơn, rồi lại như khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo. Thế rồi, nó rống lên như tiếng của một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu, rừng tre nứa nổ lửa". Nghệ thuật nhân hóa, đối lập và so sánh đã làm hiện lên diện mạo và tâm địa của những thác nước ác hiểm đang lồng lộn đưa con người vào cạm bẫy. Hãy hình dung hàng ngàn con trâu mộng to khỏe đang lồng lộn giữa rừng tre nứa nổ lửa thì sức mạnh cuồng dại của nó sẽ ghê gớm đến mức nào. Tả thác nước mà liên tưởng đến lửa quả là bất ngờ và tài hoa.

Tiếp theo thác nước là cảnh trắng xóa cả một chân trời đá: đá to, đá nhỏ, đá nổi, đá chìm, đá tướng, đá quân... Hòn nào cũng được giao nhiệm vụ, chúng mai phục khắp dòng sông từ ngàn năm nay để dụ dỗ, lừa gạt, thách thức những con thuyền qua lại. Có hòn ngổ ngược, nhẵn nhùm, có hòn nổi dậy vỗ lấy thuyền và đùng, ngồi, nằm tùy theo sở thích. Mỗi hòn đá Sông Đà đều được giao nhiệm vụ cụ thể, sẵn sàng ăn chết những con thuyền qua đây. Như vậy, Sông Đà đâu có calm lặng, vô tri mà đã được tác giả thổi hồn sống động khiến chúng giống như loài quái vật gây chiến với con người.

Nói đến sự hung bạo của Sông Đà cần kể đến sự hung bạo của đá và nước đè bẩy thạch trận. Đá và thác không chỉ kết hợp để đá trái, thúc gối vào bụng, vào hông thuyền mà còn tung ra miếng đòn hiểm độc uy hiếp ông lái đò. Ba trùng vi thạch trận là ba cuộc hỗn chiến, phải cực kì nhanh nhạy, tính táo và thao lược mới có thể giành lấy sự sống. Trùng vi đầu tiên chỉ có một cửa sinh nằm ở phía tả ngạn, có tới 4 cửa tử. Trùng vi thứ hai, cửa tử từ phía tả bị bố trí lệch hẳn sang phía hữu ngạn. số cửa tử tăng thêm để cơ hội chiến thắng của con người thuyền giảm đáng kể. Trùng vi thứ ba thì hai bên đều là cửa tử, cửa sinh nằm ở chính giữa nhưng phải đề sẵn lên, phóng thật nhanh như mũi tên mới qua được đám đá hậu vệ mai phục. Thế mới biết con sông nham hiểm đã bày binh bố trận để quật vũ hời, để sẵn sàng đè bẹp con người nếu họ không vượt qua được chúng.

Sông Đà hung bạo không chỉ là sản phẩm kiệt xuất của thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, hoang dại mà còn được tác giả lí giải dưới điểm nhìn lịch sử với chiều sâu thăm thẳm của thời gian. Toàn cảnh hùng vĩ và hung bạo nói trên của Sông Đà được nhân dân Việt Nam đúc lại trong câu đồng dao thần thoại

về Truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh:

*"Núi cao sông hãy còn dài*

*Trăm năm bão oán, đời đời đánh ghen"*

Và Sông Đà cũng như tích tụ những ám ức của con người qua bao đời song hành, phải gánh chịu những hậu quả, những tàn dư của chế độ chính trị thời nát, phi nhân tính để rồi găm lên hung bạo hơn, độc dữ hơn. Với trí tưởng tượng phong phú, ngòi bút tài hoa, uyên bác, Nguyễn Tuân đã vận dụng kiến thức của nhiều ngành văn hóa nhằm khắc họa diện mạo của Sông Đà như kẻ thù số một của con người.

Vượt qua ba trùng vi thạch trận, Sông Đà lại hiển hóa xuôi chảy êm đềm. Quan sát Sông Đà từ trên tàu bay, tác giả thấy con sông như một cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân. Hàng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc nhưng có lúc, nhà văn lại thấy con sông "luôn dài tuôn dài như áng tóc trữ tình mà đầu tóc, chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân". Nguyễn Tuân dùng từ "áng tóc" bởi trong áng tóc Đà Giang vừa có màu trời xanh biếc, có màu đỏ rực của hoa gạo, màu trắng tinh khôi của hoa ban lại vừa gợi lên sức sống thanh xuân, tươi trẻ. Áng tóc ấy quện vào làn khói sương của núi rừng Tây Bắc khiến ta liên tưởng đến người thiếu nữ kiều diễm, duyên dáng, thướt tha, thần thiết.

Nếu trong bút kí "Ai đã đặt tên cho dòng sông" của Hoàng Phủ Ngọc Tường, dòng sông Hương thay đổi màu theo thời khắc trong ngày: sớm xanh, trưa vàng, chiều tím thì Nguyễn Tuân lại phát hiện nước Sông Đà thay đổi theo mùa: mùa xuân – xanh ngọc bích, mùa thu – lừ lừ chín đỏ. Bằng sự quan sát kĩ lưỡng và tinh tế, Nguyễn Tuân còn nhận ra rằng: "Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng Sông Đà là Đen như thực dân Pháp đã đè ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phết vào bản đồ lại chữ".

Dịu dàng, êm ái còn ở đời bờ Sông Đà. Cảnh vật nơi đây hiện lên dịu dàng và trong sáng vô ngần. Nhà văn nhìn thấy lóe lên từ hình ảnh con sông màu nắng tháng ba Đường thi, "Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu" để rồi cảm nhận có những quãng, Sông Đà đem lại cảm giác thật thân thương, gần gũi và một nét hoài niệm về một thời Lí, Trần, Lê lắng đọng. Đoạn văn đặc sắc nhất thể hiện nét tính cách trữ tình của Đà Giang với nhiều thanh bằng mệnh mang, êm dịu: "Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người. Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa...". Những câu văn êm ả, nhẹ nhàng như dẫn hồn ta đắm mình vào cái hoang sơ, linh mịch của Đà Giang. Lối điệp cấu trúc và nghệ thuật so sánh cái cụ thể, hữu hình với cái trừu tượng, vô hình khiến sông nước mang đậm sắc màu huyền thoại.

Sông Đà trữ tình khi nhà văn tài hoa phát hiện ra ẩn trong nó là những nét tính cách phức tạp. Có khi, Sông Đà như một người cổ nhân "chốc gắt gồng, chốc dịu dàng" nhưng khi lại say đắm, hấp dẫn như một người tình chưa hề quen biết. Cảm xúc về Sông Đà là tình cảm của người tri kỉ. Đang đắm say với cảnh thiên nhiên hoang sơ, tĩnh lặng bỗng cả đầm xanh quẫy vọt lên mặt sóng khiến nhà văn bừng tỉnh và nhận ra: "Dòng sông quãng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc". Sông Đà là như thế! Khi hung dữ, ác hiểm, làm mình làm mẩy với con



người nhưng cũng có khi lại rất mực dịu dàng, đầm thắm, biết thủy chung, chờ đợi, biết thương nhớ những hòn đá thác xa xôi trên thượng nguồn.

Bên cạnh việc khắc họa hình tượng dòng Đà Giang với hai nét tính cách đối nghịch, tác giả còn mượn phong nền thiên nhiên để làm nổi bật hình tượng con người lao động bình thường nhưng rất dũng trí dũng, tài hoa, nghệ sĩ của vùng núi Tây Bắc. Đó là hình tượng người lái đò. Ông đò được nhà văn đưa vào trang tùy bút với sự ngưỡng phục trong vẻ đẹp rắn rỏi, khỏe chắc ở ngoại hình và mưu lược, trí dũng, giản dị ở tính cách, tâm hồn.

Trên con sông hung bạo, ác hiểm hiện lên sừng sững người lái đò Sông Đà. Tác giả không nêu tên ông đò như bao con người một thời vang bóng trong các sáng tác trước Cách mạng bởi ngòi bút của ông đã hướng về những người lao động của cuộc đời thường. Công việc của ông đò được nhà văn giới thiệu qua cách xưng gọi trong thiên tùy bút. Hoàn cảnh sống của ông là hàng ngày, hàng giờ phải dẫn thân vào vùng sông nước hiểm nguy với đá dựng vách thành ở bờ sông, với những hút nước xoáy tít để đặt bẫy con người và sự kết hợp của thác, của đá... Chính trong điều kiện sống dữ dội, nghiệt ngã, vẻ đẹp của ông được nâng cao. Ở đây, ông không có phép màu nhiệm thần thánh như Sơn Tinh, Thủy Tinh mà chỉ có lòng dũng cảm và đôi tay khéo léo, tài năng cùng trí thông minh để chiến đấu và chiến thắng thiên nhiên hung bạo.

Đó là một ông già đã gần 70 tuổi mà vẫn trẻ tráng, khỏe mạnh với cánh tay lêu nghêu như cái sào, chân khuỳnh khuỳnh gò tại như kẹp lấy một cuống lái tưởng tượng, giọng nói ào ào như tiếng thác trước ghềnh, cặp mắt tinh anh, nhãn lực nhìn xa vọi vọi, vết sẹo nâu trên ngực như thừ Huân chương lao động siêu hạng. Ngoại hình ông đò mang đậm dấu ấn nghề nghiệp của con người vùng sông nước đầy khỏe khoắn, rắn rỏi, anh dũng. Ông là điển hình cho biết bao người lao động đang lặng lẽ, vô danh, cần cù, dũng cảm đối mặt với thiên nhiên dữ dội để duy trì sự sống.

Vẻ đẹp của ông lái đò không chỉ dừng lại ở đó. Song hành với việc miêu tả con sông hiểm ác, dường như tác giả sử dụng nghệ thuật đòn bẩy để tô tạo nên hình tượng ông đò trí dũng, tài hoa, nghệ sĩ. Thiên nhiên càng hùng vĩ, càng dữ dội bao nhiêu thì con người càng nổi bật bấy nhiêu. Vẻ đẹp trí tuệ của ông đò trước hết thể hiện qua sự hiểu biết sâu rộng về quy luật của dòng nước Sông Đà. Ông đò nắm vững đặc điểm của thân sông, thân đá. Ông lấy mắt mà ghi nhớ từ mĩ như đánh đống vào tất cả các luồng nước của những con thác hiểm trở. Ông hiểu rõ binh pháp và quĩ kế của lũ đá, nước trên sông.

Là nhà văn ưa thích những cảm giác mới lạ, mãnh liệt, phi thường nên Nguyễn Tuân đã đặt nhân vật ông đò vào những cuộc vượt thác đầy cam go, ác liệt để tính cách nhân vật hiện lên sắc nét, góc cạnh hơn. Ở trùng vi thạch trận thứ nhất, nhà văn như một trinh sát tinh tường đã vẽ lại thành công sơ đồ thạch trận của thác nước và đá, quân và tướng. Nghệ thuật nhân hóa đặc sắc đã khiến con sông của thiên nhiên trở nên quỷ quyệt, ranh ma, sẵn sàng "ăn tươi nuốt sống" những con thuyền qua lại. Đối lập với quân hùng tướng mạnh của Đà Giang, người lái đò xuất hiện trên con thuyền nhỏ bé, mong manh nhưng bình tĩnh, kiên cường, quyết tâm xung trận với khí thế quyết chiến quyết thắng. Một cuộc hỗn chiến ác liệt diễn ra. Những hòn đá bệ vệ, oai phong, lẫm liệt được thác nước reo hò làm thanh viện. Trong thạch trận ấy, người lái đò hai tay giữ mái chèo khỏi bị hất lên khỏi sóng trận địa phóng thẳng vào mình. Khi Sông Đà tung ra miếng đòn hiểm độc nhất là nước bám lấy thuyền như dò vật túm thắt lưng đặng lật ngửa mình ra giữa trận nước vang trời thanh la náo bạt, ông lão vẫn không hề nao núng mà bình tĩnh, đầy mưu trí như một vị chỉ huy, lái con thuyền vượt qua ghềnh thác. Ngay cả khi bị

thương, người lái đò vẫn cố nén vết thương, hai chân vẫn kẹp chặt lấy cuống lái, mặt méo bệch như cái luồng sóng đánh hồi lùng, đánh đòn từa, đánh đòn âm vào chỗ hiểm. "Phá xong cái trùng vi thạch trận thứ nhất", người lái đò "phá luôn vòng vây thứ hai". Ông lái đò đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá, nắm lấy bờm sóng, phóng nhanh vào cửa sinh, lái miết một đường chéo về phía cửa đá. Đẻ sấn lên đá mà chặt đôi ra để mở đường tiến... Đến vòng thứ ba, ít cửa hơn, bên phải bên trái đều là luồng chết cả, nhưng người lái đò chủ động "tấn công": Cứ phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa đó. Thuyền vọt qua cổng đá cánh mở khép. Vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được lượn được. Ở chặng chiến đấu thứ ba, trình độ chèo thuyền của ông đò đã đạt tới mức điêu luyện mà tác giả mệnh danh là "những tay lái ra hoa". Đây là hình ảnh vừa hiện thực, vừa lãng mạn. Bọt nước trắng xóa sau tay lái ông đò như bùng nở thành những đóa hoa trên sông nước và người lao động vô danh, bình dị trở thành người nghệ sĩ tài hoa trong công việc chèo đò của mình.

Nói về vẻ đẹp của ông đò, không thể không nói tới sự khiêm tốn, bình dị trong cuộc sống đời thường bởi khi vượt qua thác dữ, ông và các bạn chèo của mình lại ung dung đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam và kể chuyện cá anh vũ, cá dầm xanh, không ai nói thêm lời nào về những chiến thắng vừa qua nơi thiên nhiên bạo hùng. Hình ảnh sông nước tan xèo xèo trong trí nhớ ông bởi vì đối với người lao động trên sông nước, cuộc sống của họ là hàng ngày, hàng giờ phải vật lộn với thiên nhiên hung bạo để giành lấy sự sống. Điều đó cho thấy, ông đò vừa có vẻ đẹp phi thường, vừa có vẻ đẹp bình thường, giản dị. Đây chính là một trong những nét đổi mới trong phong cách nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Tuân sau Cách mạng tháng Tám.

Với ngôn từ phong phú, uyển chuyển, đậm chất tạo hình với những hình ảnh so sánh, nhân hóa vừa bất ngờ, táo bạo, vừa tài hoa, độc đáo, bài tùy bút "Người lái đò Sông Đà" đã khắc họa thành công con sông Tây Bắc vừa hung bạo, vừa trữ tình. Đó là chất "váng mười" của núi sông. Trên nền con sông ấy là vẻ đẹp của người lái đò tỏa sáng với hai phẩm chất: anh hùng và nghệ sĩ. Bài tùy bút đã chứng tỏ cái tâm và cái tài của người nghệ sĩ lớn luôn thiết tha hướng về cái đẹp của thiên nhiên, đất nước và con người.

## Văn bản

### Tô Hoài

#### 1. Tác giả

- Tô Hoài (1920 - 2014), tên khai sinh là Nguyễn Sen.

- Quê hương: Quê nội ở Thanh Oai, Hà Đông (nay là Hà Tây) nhưng ông sinh ra và lớn lên ở quê ngoại: làng Nghĩa Đô, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay là phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy – Hà Nội).

- Sau hơn 70 năm lao động nghệ thuật, Tô Hoài có gần 200 đầu sách thuộc nhiều thể loại khác nhau: hồi kí, bút kí, truyện ngắn, tiểu thuyết.

=> Tô Hoài là cây bút tiêu biểu của văn xuôi Việt Nam hiện đại.

• Phong cách nghệ thuật của Tô Hoài:

+ Thiên về diễn tả những sự thật đời thường.

+ Có vốn hiểu biết phong phú về nhiều vùng văn hóa.

+ Trữ thuật hóm hỉnh, sử dụng từ ngữ tài tình.

#### 2. Tác phẩm

##### a. Hoàn cảnh sáng tác

- Tác phẩm ra đời sau chuyến đi cùng bộ đội giải phóng Tây Bắc (1952).

- Trích trong tập "Truyện Tây Bắc" gồm 3 truyện ngắn: "Cứu đất cứu muôn", "Mường Giôn" và "Vợ chồng A Phủ".

=> "Truyện Tây Bắc" là kết tinh quá trình tích lũy sự hiểu biết của nhà văn và cuộc sống vùng miền núi Tây Bắc, kết tinh những tình cảm nồng nàn mà nhà văn vẫn dành cho con người vùng cao Tây Bắc.

##### b. Nội dung

- Viết về chặng đời của Mị và A Phủ ở Hồng Ngài trong thân phận người con dâu gạt nợ và người ở trư nợ cho nhà Pá Tra; ở Phiêng Sa với hoạt động du kích, đấu tranh, giải phóng quê hương.

- Qua tác phẩm, nhà văn phản ánh quá trình vùng lên đấu tranh của đồng bào dân tộc miền núi với sức sống ngoan cường và khát vọng tự do, mãnh liệt.

##### c. Nghệ thuật

- Tinh hướng truyện tự nhiên, độc đáo.

- Miêu tả **lâm li** nhân vật sâu sắc, tinh tế...



## Đặc điểm

**Không gian** : diện tích địa lý mà một quốc gia chiếm đóng, hoặc tuyên bố

**Thế giới** : ra mắt quốc gia mới

**Thế giới** : ra mắt quốc gia mới

quốc gia mới

quốc gia mới, quốc gia mới, quốc gia mới

quốc gia mới, quốc gia mới, quốc gia mới

quốc gia mới

quốc gia mới, quốc gia mới, quốc gia mới

quốc gia mới, quốc gia mới

quốc gia mới, quốc gia mới, quốc gia mới

quốc gia mới, quốc gia mới, quốc gia mới

quốc gia mới, quốc gia mới, quốc gia mới

## Đặc điểm

quốc gia mới, quốc gia mới, quốc gia mới

quốc gia mới, quốc gia mới, quốc gia mới

quốc gia mới, quốc gia mới, quốc gia mới

quốc gia mới, quốc gia mới, quốc gia mới

quốc gia mới, quốc gia mới, quốc gia mới

quốc gia mới, quốc gia mới, quốc gia mới

quốc gia mới, quốc gia mới, quốc gia mới

quốc gia mới, quốc gia mới, quốc gia mới

quốc gia mới, quốc gia mới, quốc gia mới

## 2. Phân tích nhân vật Tào Hoai 2.1. Phân tích nhân vật Tào Hoai

<p>a. Hoán cảnh xuất hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không gian: bên tầng đá trước cửa, cạnh lầu ngựa hồi hám.</li> <li>- Dáng vẻ: cúi mặt, buồn rười rượi.</li> <li>→ Thân phận buồn tủi, khổ đau.</li> </ul> <p>b. Quảng đời đau khổ</p> <p>* <b>Trước khi về làm dâu nhà thống lí</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xinh đẹp, tài năng.</li> <li>- Cẩn cù, chăm chỉ, yêu đời.</li> <li>- Là niềm ao ước của biết bao chàng trai.</li> <li>- Khi bị gán làm con dâu gạt nợ             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không chấp nhận.</li> <li>+ Sẵn sàng làm nương, lao động để trả nợ.</li> <li>+ Có ý thức về tự trọng và nhân phẩm.</li> </ul> </li> <li>- Bị A Sử lợi dụng hủ tục bắt về làm vợ.</li> </ul> <p>* <b>Khi về làm dâu nhà thống lí:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lúc đầu:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phản kháng số phận: đêm nào cũng khóc, định ăn lá ngón tự tử.</li> <li>+ Vì thương cha nên nếm nếm lá ngón đi và tiếp tục sống.</li> </ul> </li> <li>- Về sau:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không còn ý định tự tử nữa vì đã quen với đau khổ, cực nhọc.</li> <li>+ Chỉ biết làm việc quần quật, khổ hơn trâu ngựa.</li> <li>+ Sống lụi lụi như con rùa nuôi trong xó cửa.</li> </ul> </li> </ul> <p>⇒ <b>Số phận đau khổ, đáng thương.</b></p> <p>c. Sức sống tiềm tàng</p> <p>* <b>Đêm tình mùa xuân trên núi Hồng Ngài</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên nhân thức tỉnh:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không khí ngày xuân.</li> <li>+ Men rượu ngày Tết.</li> <li>+ Tiếng sáo gọi bạn.</li> </ul> </li> <li>- Diễn biến tâm trạng và hành động:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mị nhẩm thầm bài hát.</li> <li>+ Mị uống rượu, uống ực từng bát.</li> <li>+ Ý thức về thực tại dẫn đến hai ước muốn: muốn đi chơi và muốn tự tử.</li> <li>+ Xấn một miếng mỡ bỏ vào đèn cho sáng.</li> <li>+ Sửa soạn quần áo đi chơi.</li> <li>+ Bị A Phủ trói lại nhưng tâm hồn vẫn bay theo tiếng sáo và Mị vùng bước đi.</li> </ul> </li> </ul>	<p>Tào Hoai đã chứng tỏ tài năng phân tích tâm lí nhân vật sâu sắc và thể hiện nỗi đau xót đến tận đáy tâm hồn cho những kiếp đời bị vùi dập, khổ đau. Đồng thời, nhà văn cũng cất lời ca ngợi sức sống tiềm tàng, mãnh liệt của Mị nói riêng và người dân miền núi nói chung. Bên cạnh đó, qua việc miêu tả diễn biến tâm lí và hành động của nhân vật, nhà văn đã khẳng định một chân lí muôn đời: chỉ cần sự đồng cảm, yêu thương và sức sống mãnh liệt trong tâm hồn thì những người dân nô lệ miền núi có đủ sức mạnh để cùng một lúc thoát khỏi hai nhà tù ớn lạnh: cường quyền và thần quyền.</p>
--	--

⇒ Mị đã sống dậy những tình cảm, những mong ước nhân bản của một con người. Đây là bước ngoặt trong sự thức tỉnh của cuộc đời Mị bởi cô đã lại biết yêu thương, biết căm ghét, biết tự trọng.

**\* Đêm mùa đông trên núi cao**

- Hoàn cảnh thức tỉnh;

+ Mị dậy sớm thổi lửa, hơ tay như một thói quen

+ Mị trông thấy A Phủ bị trói đứng.

- Diễn biến tâm trạng và hành động

+ Ban đầu, Mị cảm thấy bình thường, A Phủ có lẽ cái xác ở đó cũng thế thôi.

+ Khi nhìn thấy giọt nước mắt của A Phủ, Mị nhớ lại quá khứ và tình thương trong Mị trỗi dậy:

Mị thương mình cũng bị trói đứng như thế:

Mị thương người đàn bà chết vì bị trói đứng ở cây cột đó:

Mị thương A Phủ, nhận thức được sự bất công, nghịch lí.

→ Mị cởi dây trói cho A Phủ.

→ Mị chạy theo A Phủ, tự giải thoát cho đời mình

Mảnh đất Tây Bắc với phong cảnh đẹp thơ mộng và hùng vĩ, với những con người thật thà, chất phác đã phải chịu sự đè nén, áp bức nặng nề của bọn thực dân Pháp và chúa đất trong những năm tháng kháng chiến chống Pháp. Mảnh đất và con người nơi đây đã trở thành nguồn cảm hứng mãnh liệt cho rất nhiều nhà văn, nhà thơ nổi tiếng của Việt Nam. Dù không sinh ra ở miền núi nhưng những năm tháng sống, trải nghiệm cùng đồng bào dân tộc ở vùng cao Tây Bắc khiến cho Tô Hoài có một tình cảm đặc biệt với con người và mảnh đất nơi đây. Chính nhà văn đã phải thốt lên "Đất nước và con người Miền Tây để nhớ để thương cho tôi nhiều quá". Tình cảm đặc biệt ấy đã giúp tác giả viết thành công truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ*. Nổi bật trong truyện ngắn là hình tượng nhân vật Mị.

Giữa khung cảnh tập nập, giàu sang của nhà thống lí. Mị xuất hiện bên tảng đá trước cửa, cạnh cái tàu ngựa hơi hám, lúc nào cũng cúi mặt buồn rười rượi. Để nhân vật của mình hòa lẫn vào những sự vật vô tri, vô giác, nhà văn ngầm nói với chúng ta về một cuộc đời cay cực, tối tăm, căm lạng của Mị. Hoàn cảnh xuất hiện của Mị gợi ám ảnh về một thân phận tủi buồn, đau khổ.

Quãng đời đau khổ của cô gái Mèo bắt đầu từ khi về nhà thống lí Pá Tra làm kiếp con dâu gạt nợ. Trước khi về nhà thống lí, Mị là một cô gái Mèo xinh đẹp như bông hoa ban thanh sạch giữa núi rừng Tây Bắc. Mị có tài thổi sáo và thổi kèn lá, là cô gái cần cù, chăm chỉ, yêu đời và yêu cuộc sống. Bởi thế, Mị là niềm ao ước của biết bao chàng trai vùng núi. ngày đêm thổi sáo đi theo Mị, đến đứng nhận chân vách đầu buồng của Mị. Tưởng rằng, người con gái xinh đẹp, tài năng ấy có thể tìm được cho mình một chàng trai, một hạnh phúc xứng đáng. Nhưng không, chỉ vì nhà Mị nghèo, vì món nợ truyền kiếp của gia đình khi bố mẹ lấy nhau, vay tiền nhà thống lí chưa trả hết dù quần quật cả đời, Pá Tra đã tuyên bố bắt Mị về làm dâu thì sẽ xóa hết nợ. Vốn là cô gái yêu tự do, có ý thức về nhân phẩm và

tự trọng nên Mị kiên quyết nói với cha: "Con phải làm nương ngô để trả nợ cho nhà giàu". Đây là thái độ phản đối những tập tục cổ hủ tồn tại trong xã hội cũ, dùng con người thế mạng cho món nợ vật chất. Đây cũng là biểu hiện cho khát vọng tự do mãnh liệt của cô gái vùng cao. Tuy nhiên, dưới chế độ phong kiến hà khắc, Mị làm sao có thể chống lại số phận! A Sử lợi dụng tập tục cướp vợ của người Mông bắt Mị về làm dâu trừ nợ và như thế, cuộc đời cô gái tài sắc đã bước sang một trang mới thẫm đầy nước mắt như lời thơ Nguyễn Du từng cất lên ai oán:

*"Đau đớn thay phận đàn bà  
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung"*

Về làm dâu nhà thống lí Pá Tra cũng là lúc Mị đắm mình vào quãng đời đầy khổ đau, tủi hổ. Lúc đầu, Mị phản kháng chống lại số phận người con dâu trừ nợ bằng cách cất lên tiếng khóc. "Có đến mấy tháng liền, đêm nào Mị cũng khóc". Mị khóc vì đau đớn, vì tủi nhục, vì khát vọng tự do, hạnh phúc bị tước đoạt. Vốn là người yêu tự do nên Mị không dễ dàng chấp nhận kiếp nô lệ trong nhà thống lí Pá Tra. Vì vậy, cô định ăn lá ngón tự tử để giải thoát cho chính bản thân mình bởi nếu chết đi, Mị sẽ không còn biết đau xót, tủi buồn, không còn biết tiếc nuối một thời thiếu nữ khao khát yêu thương và được yêu thương. Tuy nhiên, sợi dây cuộc đời, trách nhiệm đã kéo Mị trở về với sự ràng buộc khổ đau. Khi nghe bố nói: "Mày chết nhưng nợ tao vẫn còn, quan lại bắt tao trả nợ, tao thì ốm yếu quá rồi. Không được, con ơi", tình hiếu thảo, thương cha khiến Mị không đành lòng chết. Cô nếm nếm lá ngón đi như nếm cái khát vọng tự do, giải phóng cho mình. Sau đó, cô làm lùi trở về nhà thống lí chấp nhận kiếp đời cay cực, nhọc nhằn của người con dâu gạt nợ.

Ách nặng của cường quyền, thần quyền và hủ tục phong kiến miền núi đã đè dập cuộc đời Mị xuống bóng đen của khổ đau, cảm lạnh để rồi từ một cô gái yêu đời, yêu người, đầy khao khát, ước mơ. Mị trở nên chai sạn, vô cảm, không còn biết khóc than đau khổ, không còn phản kháng chống lại số phận: "Ở lâu trong cái khổ, Mị cũng quen khổ rồi". Daha hơn một lần, Mị thôn thức nghĩ mình không bằng con trâu, con ngựa, thế rồi, Mị lầm lũi cúi mặt, không nghĩ ngợi gì nữa và nhắm mắt thả trôi mình vào bóng đêm của cuộc đời.

Căn buồng Mị nằm lúc nào cũng âm u, chạng vạng với cái cửa sổ "một lỗ vuông bằng bàn tay" là một biểu tượng gắn với cuộc đời nhân vật. Cái cửa sổ "Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trăng trắng, không biết là sương hay nắng". Mị nghĩ rằng mình đánh ngồi trong cái lỗ vuông ấy mà trông ra, đến bao giờ chết thì thôi". Thậm chí Mị cũng không có ý nghĩ về cái chết nữa: "Lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố Mị chết. Nhưng Mị cũng không còn tưởng đến Mị có thể ăn lá ngón tự tử nữa". Mị sống như một cái bóng vật vờ, sống mà như đã chết, không còn cá ý thức về thời gian nữa. Mị không còn nhớ mình về làm dâu nhà Pá Tra đã bao nhiêu năm. Với Mị sự chuyển đổi của thời gian, trong một ngày hay trong một năm, cũng chẳng gọi cho cô một ấn tượng, cảm xúc gì. Vẫn chỉ là một cái màu nhòe nhòe trắng trắng "không biết là sương hay là nắng", cái sắc màu mờ mờ đùng đục của những hoàng hôn đặng đặng buồn tẻ và tẻ tái. Trong đoạn đầu của truyện, cuộc sống của Mị bị giam hãm trong cái không gian chật hẹp và tù đọng của nhà Pá Tra, với một nhịp điệu buồn tẻ, nặng nề của những công việc khổ sai lặp đi lặp lại, trong một thời gian ngưng đọng như không dĩ vãng và không tương lai. Lời trần thuật với nhịp chậm, trầm lắng tạo ra giọng điệu có chiều sâu thắm đượm nỗi xót xa và thương cảm.

Với tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, giàu lòng yêu thương, nhà văn Tô Hoài đã phát hiện ra một điều kì diệu. Bên trong hình ảnh con rùa lùi lũi còn có một con người đầy khao khát đam mê, bên trong tâm hồn tưởng như đã chai sạn, tê liệt vẫn âm ỉ một ngọn lửa thanh xuân đẹp đẽ, vẫn tiềm tàng một sức



sống mãnh liệt. Tô Hoài đầu chỉ hướng ngòi bút vào số phận đau thương của nhân vật Mị để đồng cảm, xót xa hay ghen ngạo rồi lẽ mà ông còn thiết tha hướng về phía ánh sáng và sự sống để trân trọng, ngợi ca sức sống trong lòng Mị giống như những đốm than hồng bị vùi nén, chỉ cần một ngọn gió là nó có thể cháy bùng lên thành một ngọn lửa đẹp đẽ và ngọn gió ấy đã đến với Mị vào đêm tình mùa xuân trên đất Hồng Ngài. Sự thức tỉnh đời sống ý thức của Mị trước hết là nhờ tác động của hoàn cảnh, một hoàn cảnh khá "điển hình" – đây là mùa xuân về trên miền núi cao Tây Bắc. Mùa xuân gọi dậy ở con người và thiên nhiên sức sống tiềm tàng và những khát vọng. Người Mông ăn Tết khi ngô lúa đã gặt xong, mùa xuân có thêm niềm vui thu hoạch mùa màng. Cái Tết năm ấy đến vào lúc gió và rét dữ dội, nhưng vẫn không ngăn được những sắc màu của mùa xuân trong thiên nhiên và cả ở con người. Sự sống của tạo vật và con người như được mùa xuân khơi dậy, làm bừng tỉnh. Và thời điểm để ngọn lửa sống trong lòng Mị bùng lên đã đến. Đây là một "đêm tình mùa xuân". Tiếng sáo gọi bạn tình cứ thiết tha, bồi hồi "tại Mị vắng vắng tiếng sáo gọi bạn đầu làng". Với Mị, tiếng sáo gọi bạn là biểu tượng lõi cuốn nhất của mùa xuân, của khát vọng hạnh phúc: "Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị". Cái nồng nàn của đêm xuân lại được tăng thêm bởi bữa rượu ngày Tết, trong tiếng chiêng đánh âm ỉ và những người lên đồng, người hát: "Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lên lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say...". Chính trong một trạng thái đã được kích thích bởi men rượu, bởi những âm thanh náo động của bữa cơm cúng ma trong nhà Pá Tra và sự lôi cuốn của tiếng sáo gọi bạn ngoài đường. Mị đã vượt ra khỏi sự thờ ơ, nguội lạnh bấy lâu nay. Thả rồi, trong men say, trái tim Mị ngân lên những nhịp đập vang rung của một thời thiếu nữ. Khi biết nhớ nhưng, tiếc nuối là Mị đã có ý thức, nhận thức. Mị đang sống dậy những đam mê tuổi trẻ, cô muốn đi chơi, muốn được hòa mình vào cảnh và người đang căng tràn niềm vui, căng tràn sự sống ngoài kia.

Tưởng rằng, kí ức dào dạt sống dậy, Mị sẽ đủ sức mạnh bước ra khỏi căn phòng tăm tối để đến với đêm hội mùa xuân nhưng ngay lập tức, Mị lại trở về với hiện tại trái ngang của mình. A Sử và Mị không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau. Vì thế, Mị nảy ra ý muốn, "Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa". Ý nghĩ về cái chết lúc này là sự phản kháng với hoàn cảnh, nó chứng tỏ rằng Mị đã ý thức lại được tình cảnh đau xót dai dẳng của mình. Trong khi ấy thì tiếng sáo - biểu tượng của khát vọng tình yêu và tự do cứ theo sát diễn biến tâm trạng của Mị. Nó là ngọn gió thổi bùng lên đốm lửa trong lòng Mị. Tiếng sáo từ chỗ là một hiện tượng ngoại cảnh đã xâm nhập thể giới nội tâm của Mị, trở thành một hiện hữu ở trong tâm linh nhân vật: "Trong đầu Mị đang rộn rọc tiếng sáo".

Đến đây, tính cách nhân vật có bước phát triển quyết định: từ những sôi sục trong tâm tư, Mị đã hành động. Đầu tiên là một hành động bất ngờ: "Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng". Đây là hành động của sự thức tỉnh. Mị thắp sáng ngọn đèn trong căn phòng vốn âm u, mờ mịt của mình, cũng tức là Mị thắp lên một ánh sáng trong cuộc đời tăm tối triền miên của mình trong nhà Pá Tra. Và hành động này thúc đẩy hành động tiếp theo như những đợt sóng tiếp nhau. Dường như không đếm xỉa gì đến những trói buộc khắt khe của nhà Pá Tra, đến A Sử, Mị tự mình hành động như một con người tự do, theo tiếng gọi của lòng mình: quấn lại tóc, rút lấy cái váy hoa, sửa soạn đi chơi Tết.

Lúc sự sống và tính thần phản kháng mãnh liệt của Mị trỗi dậy mãnh liệt nhất cũng là lúc nó bị dập tắt phủ phàng nhất. A Sử đi chơi xuân về, ngạc nhiên trước sự thay đổi của vợ, hằn lạnh lùng cất lên

câu hỏi: "Mày muốn đi chơi à?" Rồi không để Mị trả lời, hắn trói đứng Mị vào cột nhà, cuốn tóc Mị lên cột rồi tắt đèn, đi ra, khép cửa buồng lại. Cách liệt kê từng hành động dứt khoát đã bóc trần bản chất độc ác, dã man của gã trai nhà giàu. Ngọn nến trong tâm hồn Mị vừa le lói cháy sáng thì bị A Sử dội xuống một gáo nước lạnh. Trong con mắt của hắn, Mị đâu phải là người bạn đời để chia sẻ vui buồn, sướng khổ mà chỉ là một kẻ nô lệ cùng khốn đến nhà để trừ nợ. Trong đêm bị trói đứng ấy, tâm hồn Mị vẫn theo tiếng sáo để đến với những cuộc chơi và Mị vùng bước đi bởi trong lòng cô đâu có quan tâm tới dây trói mà chỉ đau đầu hướng theo tiếng sáo gọi bạn tình. Tuy vậy, những sợi dây thắt quanh người đã khiến Mị bừng tỉnh để nhận ra tình cảnh đầy đau thương của mình.

Khi sức sống trong tâm hồn trời dậy thì không có một thế lực nào có thể dập tắt nổi. Nó cứ âm thầm, tồn tại mạnh mẽ hơn vào một thời điểm khác. Đó chính là đêm đông trên núi cao, nơi Mị và A Phủ, hai con người đồng cảnh ngộ gặp nhau. Mị và A Phủ cùng cánh nô lệ trong nhà Pá Tra, nhưng không phải họ đã gặp gỡ nhau ngay được, cho đến lúc một tình huống xảy đến với A Phủ, A Phủ đi chăn bò để hổ bắt mất một con. Pá Tra trói đứng A Phủ vào cọc ở giữa nhà, một tình cảnh bị trói chờ chết như năm nào Mị đã phải chịu. Lúc đầu, nhìn A Phủ bị trói, Mị vẫn chưa có một suy nghĩ gì. Nào phải đâu Mị là người nhẫn tâm, chỉ vì những hành động tội ác trong nhà Pá Tra là chuyện diễn ra hằng ngày và Mị cũng chỉ là một nạn nhân bất lực mà thôi. Hơn nữa, Mị vẫn đang chìm trong trạng thái sống gần như vô cảm. Nhưng đến một đêm, khi Mị trở dậy thổi lửa sưởi: "Ngọn lửa bập bùng sáng lên, Mị lê mắt trông sang, thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại". Chính dòng nước mắt ấy của A Phủ, dòng nước mắt tuyệt vọng, đau đớn của người trai Mông gan góc quả cảm đã đánh thức đời sống ý thức và tình cảm ở Mị. Mị bừng tỉnh, thoát khỏi tình trạng vô cảm, mà dấu hiệu đầu tiên của sự thức tỉnh ấy cũng lại là sự hồi tưởng. Ký ức sống dậy, Mị nhớ lại những nỗi đau đớn khi bị trói đứng vào cột. "Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được", "Mị nhớ đến một người đàn bà khác đã từng bị trói đến chết". Từ sự xót thương người đồng cảnh ngộ, ở Mị đã hình thành mối đồng cảm giai cấp tự nhiên. Ý nghĩ cứu A Phủ đã mạnh hơn cả nỗi lo sợ cho chính mình. Tình cảm và ý nghĩ ấy dẫn tới hành động quyết định của Mị: cắt dây trói cứu A Phủ và thi thào nói "Đi ngay". Một cô gái đã từng muốn chết khi nhận ra cuộc sống đầy khổ đau, một cô gái sẵn sàng chịu chết để cứu người đồng cảnh ngộ. Đó là điều rất yếu trong tính cách và sức sống của Mị. Thế nhưng khi nhìn thấy A Phủ chạy vụt đi để rời xa cái chết thì Mị cũng vội chạy theo và nói trong hơi gió lạnh buốt: "A Phủ cho tôi đi... Ở đây thì chết mất". Câu nói rõ ràng, dứt khoát hướng về sự sống, hướng về tự do. Đây là vẻ đẹp tâm hồn rất đáng trân trọng của cô gái vùng cao.

Với hình tượng nhân vật Mị, Tô Hoài đã chứng tỏ tài năng phân tích tâm lí nhân vật sâu sắc và thể hiện nỗi đau xót đến tận đáy tâm hồn cho những kiếp đời bị vùi dập, khổ đau. Đồng thời, nhà văn cũng cất lời ca ngợi sức sống tiềm tàng, mãnh liệt của Mị nói riêng và người dân miền núi nói chung. Bên cạnh đó, qua việc miêu tả diễn biến tâm lí và hành động của nhân vật, nhà văn đã khẳng định một chân lí muôn đời: chỉ cần sự đồng cảm, yêu thương và sức sống mãnh liệt trong tâm hồn thì những người dân nô lệ miền núi sẽ có đủ sức mạnh để cùng một lúc thoát khỏi hai nhà tù ớn lạnh: cường quyền và thần quyền.

## **Văn bản**

### **Kim Lân**

#### **1. Tác giả**

- Kim Lân (1920 - 2007) tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài. quê ở Từ Sơn. Bắc Ninh.
- Là nhà văn gắn bó máu thịt với đất, với người và cuộc sống nông thôn ngày trước.
- Có sở trường về truyện ngắn, mỗi truyện ngắn của Kim Lân như được xắn ra từ mảnh đời thắm đẫm mồ hôi, nước mắt, lời than thở và khát vọng đổi đời của người dân nghèo.
- Tác phẩm chính: *Nên vợ nên chồng* (1955), *Con chó xấu xí* (1962)...

#### **2. Tác phẩm**

##### **a. Hoàn cảnh sáng tác**

- Bối cảnh của truyện ngắn là nạn đói năm 1945.
- Do mất bản thảo nên đến năm 1954, Kim Lân dựa vào một phần cốt truyện cũ của tiểu thuyết "Xóm ngụ cư" để viết thành truyện ngắn "Vợ nhặt" in trong tập "Con chó xấu xí".

##### **b. Nhan đề**

- Theo phong tục của người Việt Nam, dựng vợ gả chồng là việc trọng đại trong cuộc đời của mỗi con người. "Nhặt" là nhặt nhạnh những cái nhỏ bé, ít giá trị. Vậy mà trong năm đói khát, một hiện tượng oái oăm, đầy nghịch lý xảy ra: Vợ cũng có thể nhặt nhạnh vu vơ ngoài đường như cọng rơm, cọng rác. Nhan đề này gợi sự cảm thương trước thân phận bèo bọt, rẻ rúng của con người và bày tỏ sự bất bình, căm giận xã hội phong kiến thực dân tàn bạo đã đẩy con người vào bước đường cùng, vừa thể hiện được giá trị hiện thực lại vừa mang giá trị nhân đạo.

- Nhan đề còn là biểu hiện của khát vọng yêu thương, hạnh phúc, đùm bọc của những người nông dân trước Cách mạng.

##### **c. Tình huống truyện**

- Tráng là một nhân vật có ngoại hình xấu. Đã thế còn dờ dĩnh. Gia cảnh của Tráng cũng rất ảm đạm. Nguy cơ "ế vợ" đã rõ. Đã vậy lại gặp năm đói khủng khiếp, cái chết luôn luôn đeo bám. Trong lúc không một ai (kể cả Tráng) nghĩ đến chuyện vợ con của anh ta thì đột nhiên Tráng có vợ. Trong hoàn cảnh đó, Tráng "nhặt" được vợ là nhặt thêm một miếng ăn cũng đồng thời là nhặt thêm tai họa cho mình, đẩy mình đến gần hơn với cái chết. Vì vậy, việc Tráng có vợ là một nghịch cảnh éo le, vui buồn lẫn lộn, cười ra nước mắt. Tình huống truyện mà Kim Lân xây dựng vừa bất ngờ lại vừa hợp lý. Qua đó, tác phẩm thể hiện rõ giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo và giá trị nghệ thuật.

Nhà nghèo, mất chồng, mất con, sống với thằng con trai không ai thêm lấy  
Là dân ngụ cư

Hoàn cảnh

Sức khỏe: già yếu, đang đi lụng khố

Phép phóng không yên khi thấy Trạng có biểu hiện khác thường

Bằng hoàng với sự xuất hiện của người con đầu mày

Xét xà, tài hồ

Diễn biến tâm lý

Thương xót vợ chồng Trạng

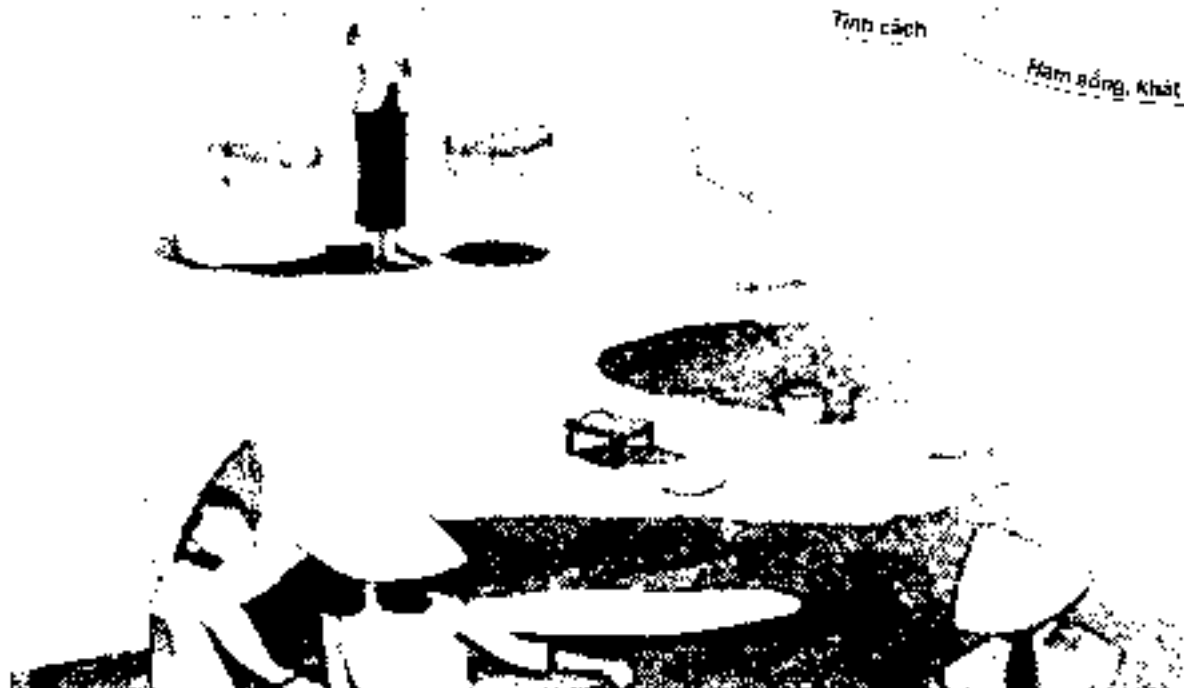
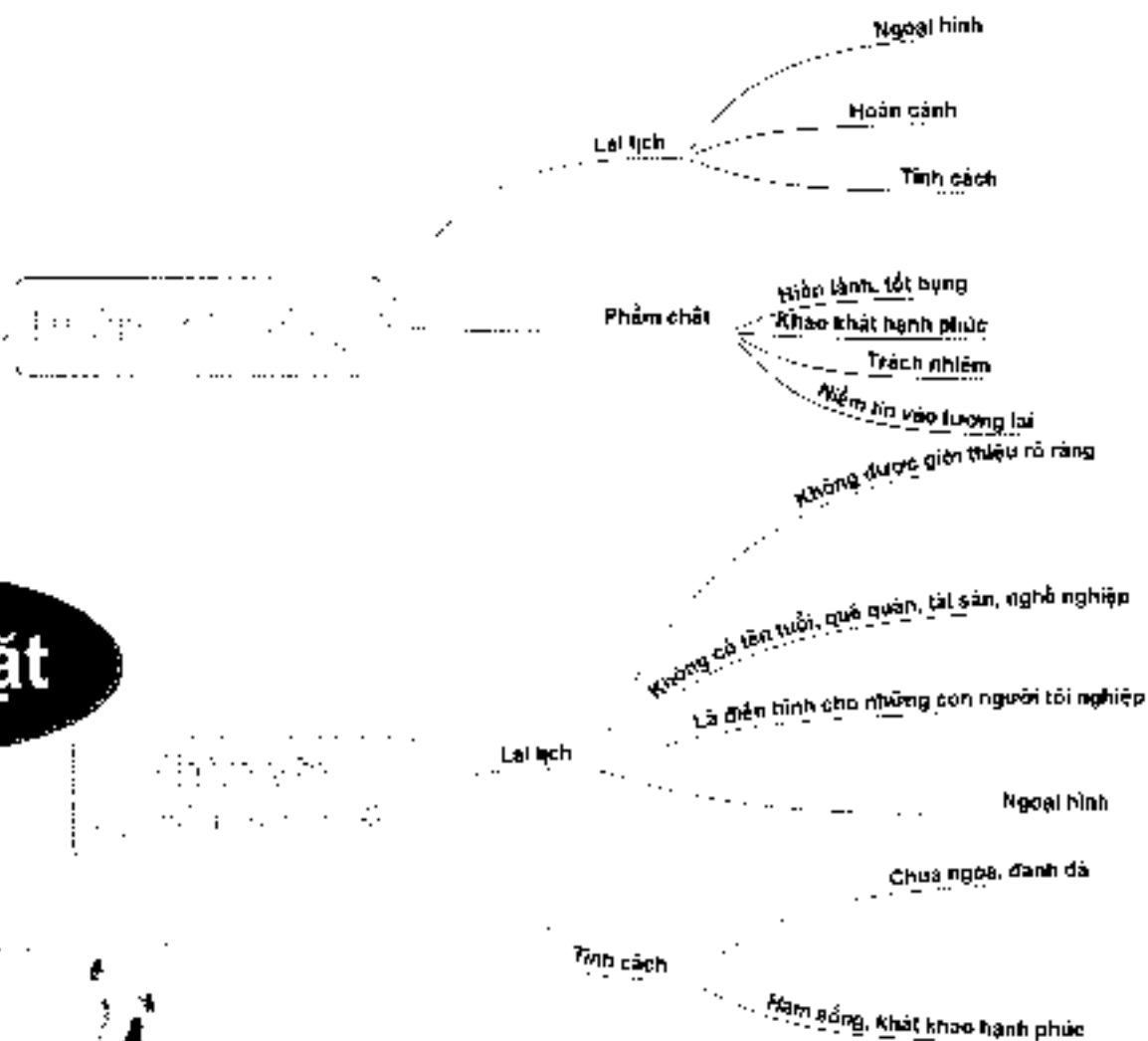
Mừng lòng

Niềm tin vào tương lai

Nhân vật  
bò cụ Túp

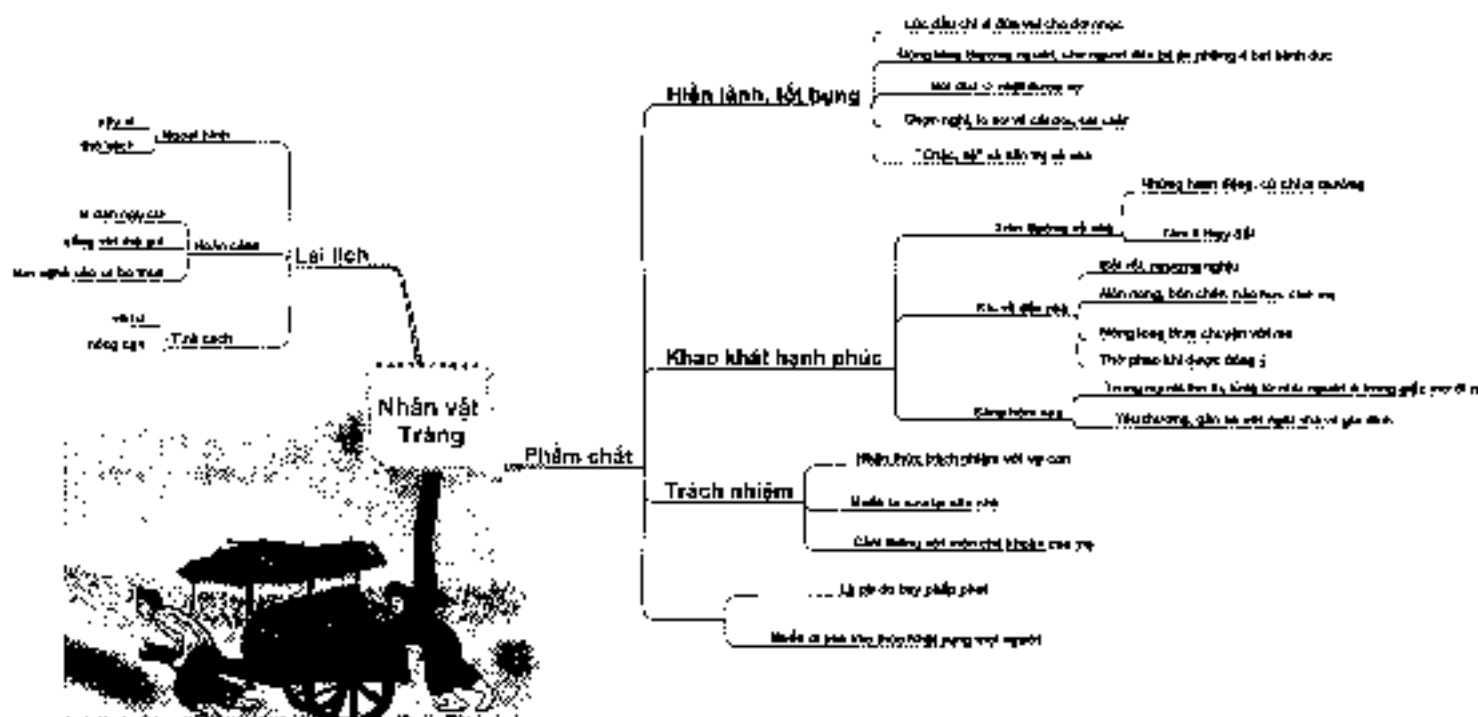


# Vợ nhặt



# 

## 1. Nhân vật Tráng



### a. Lai lịch

- Tráng là một chàng trai với ngoại hình xấu xí, thô kệch: lưng như lưng con gấu, hai mắt nhỏ tí gà gà, quai hàm bạnh...
- Anh là dân ngụ cư nghèo khổ, làm nghề đẩy xe bò thuê, sống với một người mẹ già là bà cụ Từ.
- Tráng là một con người vô tư, nông cạn. Anh hay chơi đùa với lũ trẻ con trong xóm. Đến chuyện lấy vợ Tráng cũng chỉ quyết định trong chốc lát và qua vài lần suy nghĩ nhanh lẹ.
- Chẳng mấy ai thêm nói chuyện cùng, trừ lũ trẻ con hay chọc ghẹo khi anh ta đi làm về.

### b. Phẩm chất

#### \* Tráng là một người hiện lành, tốt bụng

- Lúc đầu, anh chỉ đưa vui cho đỡ nhọc, ai ngờ có người đẩy xe giúp thật.
- Anh động lòng thương khi gặp lại người đàn bà bị cái đời tàn phá cả nhân hình lẫn nhân cách. Vì thế, anh cho thị ăn những bốn bát bánh đúc.
- Tráng hỏi đùa "có về với tớ thì khuôn hàng lên xe rồi cùng về", vậy mà "nhật" được vợ thật.
- Anh chọn nghĩ đến cái đời, cái chết khi trôi "đào bòng".
- Thế rồi Tráng "Chặc, kệ" và dẫn thị về nhà.

*Tráng là hình ảnh tiêu biểu của người nông dân nghèo khổ mà nhân hậu, tình nghĩa, biết nâng niu, trân trọng hạnh phúc, có ý thức, trách nhiệm với gia đình, có niềm tin, hi vọng đối đời.*



**\* Tràng là một người có khao khát mãnh liệt về hạnh phúc**

**- Trên đường về nhà:**

- + Tràng có những hành động, cử chỉ lạ thường: mặt phớn phơ, vênh lên tự đắc; miệng cười tủm tỉm, mắt sáng lên lấp lánh.
- + Sự thay đổi tâm lý của Tràng: ngượng ngập, lúng túng, định nói với thị một vài câu thật tình tứ nhưng chẳng biết nói thế nào.

**- Khi về đến nhà:**

- + Bối rối, ngượng nghịu
- + Nồn nong, háo hức chờ mẹ về để thưa chuyện.
- + Nóng lòng, hồi hộp khi thưa chuyện với mẹ.
- + Thở phào vui mừng khi mẹ đồng ý.

**- Sáng hôm sau:**

- + Trong người êm ái, lâng lâng như người ở trong giấc mơ đã ra.
- + Yêu thương, gắn bó với ngôi nhà và gia đình.

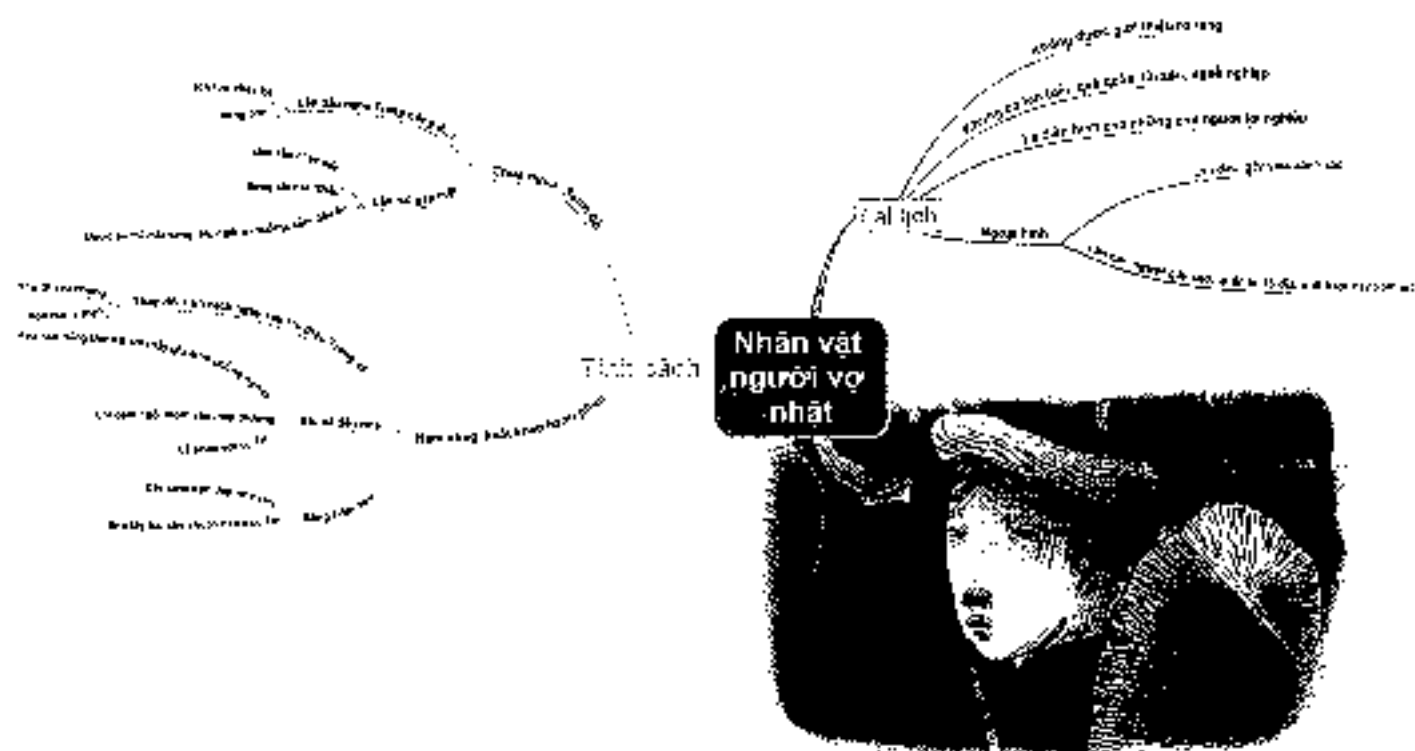
**\* Tràng là một người sống có trách nhiệm**

- Anh nhận thức và ý thức được trách nhiệm của mình với vợ con
- Anh muốn làm gì đó để tu sửa lại căn nhà.
- Anh cảm thông với nỗi chèo khoán của mẹ, ý từ không nhìn mặt nhau và cố gắng nuốt miếng chè cam dù ghen bực cổ.

**\* Tràng là người luôn có niềm tin vào tương lai**

- Hình ảnh lá cờ đỏ bay phấp phới xuất hiện trong đầu Tràng ở cuối truyện thể hiện niềm tin của anh vào Cách mạng, vào tương lai tươi sáng.
- Anh muốn đi phá kho thóc Nhật cùng mọi người.
- Chi tiết này thể hiện sự thức tỉnh của người nông dân về nỗi khổ của mình và ý thức đấu tranh nhưng vẫn còn mờ nhạt.

## 2. Nhân vật người vợ nhất



a. Las sich

- Người đàn bà không được giới thiệu rõ ràng: không tên tuổi, không quê quán, không tài sản, không nghề nghiệp...

- Ngoại hình thì trong mắt Tráng là điều duy nhất được miêu tả nhưng thấm hai đến đáng thương:

- + Lần đầu gặp: gầy yếu, xanh xao
- + Lần hai: áo quần lã toi như tổ diạ, người gầy sọp, mặt lưỡi cày xám xịt lại.

→ Chị là điển hình cho những con người tội nghiệp, đói nghèo của xã hội trong nạn đói năm 1945.

## b. Tính cách

<sup>4</sup> Trước khi trở thành vợ Trùng, thị là một người chưa ngoa, danh đã

- Lần đầu nghe Trạng cất tiếng hò bồng đùa, thị đã cong cớn, ton ton chạy lại.

- Lần thứ hai gặp lại Trảng, thị sầm sập chạy đến, sung sủa nói "Điều, người thế mà điều". Được Trảng mời ăn thì mắt sáng lên, ngồi sà xuống và cầm đầu ăn một chập bốn bát bánh đúc.

→ Chao chắt, chông lòn, chus ngoa, có phần vô ý tứ.

Người vợ nhặt là điển hình cho con người trong năm đói. Cái đói đã tàn phá cả ngoại hình lẫn nhân phẩm của con người. Nhưng với khao khát hạnh phúc và khao khát sống mãnh liệt, người vợ nhặt đã thay đổi hoàn toàn. Từ một con người chao chát, chòng lòn, vô ý, thị đã biết ý tứ, thận trọng, biết vun vén và chăm sóc mái ấm bằng bàn tay một người vợ hiền, dâu thảo.



**\* Khi trở thành vợ Tràng, thị đã thay đổi, là một người khao khát hạnh phúc**

- Khi theo Tràng về nhà, người vợ nhặt rộn rên, ý tứ đi sau chồng, lấy cái nón che nửa mặt.

- Khi về đến nhà:

+ Thị đảo mắt nhìn quanh nhà và ý tứ nhen một tiếng thở dài khi chứng kiến hoàn cảnh gia đình chồng bần túng.

+ Thị chỉ dám ngồi mớm xuống mép giường chứ không dám thoải mái.

+ Thị lễ phép chào khi gặp bà cụ Tứ.

- Sáng hôm sau:

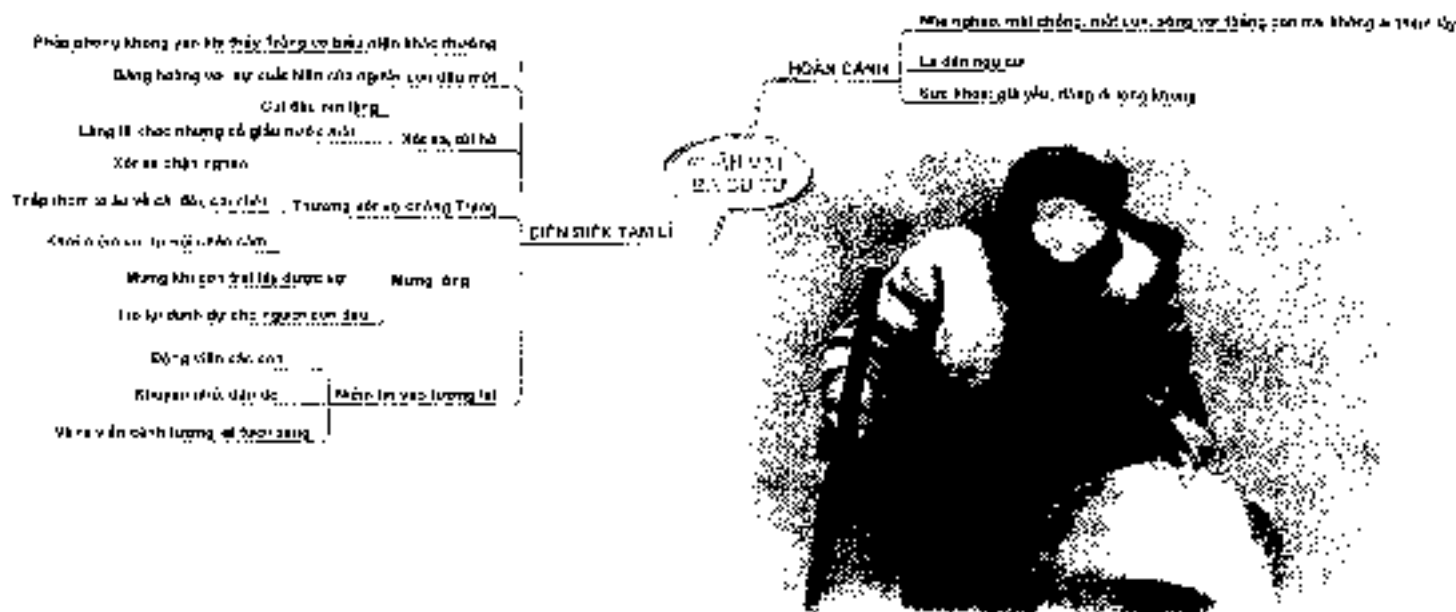
+ Người vợ nhặt dậy từ sớm để dọn dẹp sân vườn, nhà cửa.

+ Đón lấy bát chè khoán từ bà cụ Tứ, điềm nhiên cho vào miệng chứ không hề tỏ thái độ dù đó là phần ứng rất tự nhiên.

→ Người vợ nhặt đã biết khao khát và gìn giữ tình yêu, hạnh phúc và sự sống.

**Sự xuất hiện của người vợ nhặt vô danh nhưng không hề vô nghĩa đã đem tới cho xóm ngụ cư và gia đình Tràng một luồng gió mới để xua đi những u ám mùa vầy. Nhân vật người vợ nhặt đã thể hiện sâu sắc tấm lòng đồng cảm, xót thương, trân trọng của nhà văn.**

### 3. Nhân vật bà cụ Tứ



## PHÂN TÍCH NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT

<p><b>a. Hoàn cảnh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bà cụ Tứ là một người dân ngụ cư.</li> <li>- Gia đình nghèo khổ, mất chồng, mất con, sống cùng thằng con trai không ai thêm lấy.</li> <li>- Sức khỏe: già yếu, dáng đi lọng khọng, húng hắng ho, miệng lẩm bẩm.</li> </ul> <p><b>b. Diễn biến tâm lí</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bà phấp phồng không yên khi thấy thằng con có biểu hiện khác thường: ra đón từ ngoài ngõ, reo lên như một đứa trẻ khi thấy mẹ về.</li> <li>- Bà bàng hoàng, ngỡ ngàng trước sự xuất hiện của người con đầu mới.</li> <li>- Sau khi tường tận mọi chuyện, tâm lí đầu tiên của bà cụ Tứ là tủi hổ, xót xa nên bà cúi đầu cảm lặng và lặng lẽ giấu đi những giọt nước mắt đớn đau.</li> <li>- Bà xót thương cho con dâu, con trai mình.             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xót thương phận nghèo: người ta gặp bước khó khăn mới lấy con mình.</li> <li>+ Thấp thóm lo âu về cái đói và cái chết: chúng nó có nuôi nổi nhau qua được cơn đói này không.</li> <li>+ Khơi lên niềm vui bằng nỗi chèo càm.</li> </ul> </li> <li>- Chuyển từ tủi hổ, xót thương, bà mẹ thấy <i>mừng lòng</i> khi con trai lấy được vợ. Hai chữ "<i>mừng lòng</i>" đã dang rộng vòng tay đón người con dâu vào trong tình yêu thương và trả lại danh dự cho thị.</li> <li>- Bà tin tưởng vào tương lai, dùng niềm tin ấy để khích lệ các con             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Động viên các con: Ai giàu ba họ, ai khó ba đời.</li> <li>+ Khuyên nhủ, dặn dò: Cốt sao chúng mày hòa thuận là u mừng rồi.</li> <li>+ Vẽ ra viễn cảnh tương lai tươi sáng để <i>lan</i> truyền niềm tin và niềm vui.</li> </ul> </li> </ul> <p>→ Bà cụ Tứ là một người mẹ nhẩn hâu.</p>	<p><b>Bà cụ Tứ là một người mẹ nông thôn nghèo khổ mà hiểu biết, yêu thương con và yêu thương cả những cảnh đời oái oăm, tội nghiệp bằng một tấm lòng nhân ái cảm động.</b></p>
---	---

## PHÂN VIẾT THAM KHẢO

Nạn đói khủng khiếp và dữ dội năm 1945 đã hằn in trong tâm trí Kim Lân - một nhà văn hiện thực có thể xem là con đẻ của đồng ruộng, một con người một lòng đi về với "thuận hậu nguyên thủy" ấy. Ngay sau Cách mạng, ông đã bắt tay viết ngay tiểu thuyết "Xóm ngụ cư" khi hòa bình lập lại (1954), nổi trăn trở tiếp tục thúc thúc ông viết tiếp thiên truyện ấy. Và cuối cùng, truyện ngắn "Vợ nhặt" đã ra đời. Trong lần này, Kim Lân đã thật sự đem vào thiên truyện của mình một khám phá mới, một điểm sáng soi chiếu toàn tác phẩm. Đó là vẻ đẹp của tình người và niềm hi vọng vào cuộc sống của những người nông dân nghèo tiêu biểu như Tràng, người vợ nhặt và bà cụ Tứ. Thiên truyện thể hiện rất thành công khả năng dựng truyện, dẫn truyện và đặc sắc nhất là Kim Lân đã có những khám phá diễn biến tâm lý thật bất ngờ.

Trong một lần phát biểu, Kim Lân từng nói "Khi viết về nạn đói người ta thường viết về sự khốn cùng và bi thảm. Khi viết về con người nắm đói người ta hay nghĩ đến những con người chỉ nghĩ đến cái chết. Tôi muốn viết một truyện ngắn với ý khác. Trong hoàn cảnh khốn cùng, dù cận kề bên cái chết nhưng những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn hướng tới sự sống, vẫn hi vọng, tin tưởng ở tương lai. Họ vẫn muốn sống, sống cho ra con người". Và điểm sáng mà nhà văn muốn đem vào tác phẩm chính là ở chỗ đó. Đó chính là tình người và niềm hi vọng về cuộc sống, về tương lai của những con người đang kề cận với cái chết. Bằng cách dẫn truyện, xây dựng lên tình huống "nhật vợ" tài tình kết hợp với khả năng phân tích diễn biến tâm lý nhân vật thật tinh tế và sử dụng thành công ngôn ngữ nông dân, ngôn ngữ dung dị, đời thường nhưng có sự chọn lọc kỹ lưỡng ấy, nhà văn đã tái hiện lại trước mắt ta một không gian năm đói thật thảm hại, thê lương. Trong đó ngôn ngữ những kẻ sống người chết, những bóng ma vật vờ, lặng lẽ giữa tiếng hò khóc và tiếng gào thét kinh hoàng của đám quạ. Bằng tấm lòng đồn hậu chân thành, nhà văn đã gửi gắm vào trong không gian tối đen như mực ấy những mầm sống đang cố vươn đến tương lai, những tình cảm chân thành, yêu thương bình dị nhưng rất đỗi cao quý ấy và nhà văn đã để những số phận như anh Tráng, người vợ nhật và bà cụ Tứ được thăng hoa trước ngon cơm đồ pháp phở cùng đám người đói phá kho thóc Nhật ở cuối thiên truyện.

Có thể nói rằng, Kim Lân đã thật sự xuất sắc khi dựng lên tình huống "nhật vợ" của anh cu Tráng. Tình huống ấy là cánh cửa khép mở để nhân vật bộc lộ nét đẹp trong tâm hồn mình. Dường như trong đói khổ người ta dễ đối xử tàn nhẫn với nhau khi miếng ăn của một người chưa đủ thì làm sao có thể đèo bồng thêm người này người kia. Trong tình huống ấy, con người dễ cấu xé nhau, dễ ích kỷ hơn là vị tha và người ta rất dễ đối xử tàn nhẫn, làm cho nhau đau khổ. Nhưng nhà văn Kim Lân lại khám phá ra một điều ngược lại như ở các nhân vật anh cu Tráng, người vợ nhật và bà cụ Tứ. Chúng ta từng kinh hãi trước "xác người chết đói ngổn đầy đường", "người lớn xanh xám như những bóng ma", trước "không khí vẩn lên mùi hôi của rác rưởi và mùi gây của xác người", từng ớn lạnh trước "tiếng quạ kêu từng hồi thê thiết" ấy nhưng lạ thay chúng ta thật không thể cảm lòng xúc động trước nghĩa cử cao đẹp mà bình thường, dung dị ấy của Tráng, bà cụ Tứ và cả người vợ của Tráng nữa. Một anh thanh niên của cái xóm ngụ cư ấy như Tráng, một con người - một thân xác vạm vỡ, lực lưỡng mà dường như ngờ nghệch thô kệch và xấu xí ấy lại chứa đựng biết bao nghĩa tình cao đẹp. "Cái đói đã tràn đến xóm này từ lúc nào", vậy mà Tráng vẫn đèo bồng thêm một cô vợ trong khi anh không biết cuộc đời phía trước mình ra sao. Tráng đã thật liêu lĩnh. Và ngay cô vợ Tráng cũng thế. Hai cái liều ấy gặp nhau kết tụ lại thành một gia đình. Điều ấy thật éo le và xót thương vô cùng. Và dường như lúc ấy trong con người của Tráng kia đã bật lên niềm sống, một khát vọng yêu thương chân thành. Và dường như hẳn đang ngấm chứa một ao ước thiết thực về sự đầm ấm của tình cảm vợ chồng, của hạnh phúc lứa đôi. Hành động của Tráng dù vô tình, không có chủ đích, chỉ làm phớt tầm phào cho vui nhưng điều ấy cũng hé mở cho ta thấy tình cảm của một con người brết yêu thương, cứu mang, đùm bọc những người đồng cảnh ngộ. Như một lẽ đương nhiên, Tráng đã rất ngờ ngàng, hẳn đã "sợ sợ", "ngờ ngờ", "ngờ ngàng" như không phải nhưng chính tình cảm của vợ chồng ấy lại củng cố và nhen nhóm ngọn lửa yêu thương và sống có trách nhiệm với gia đình trong hẳn. Tình nghĩa vợ chồng ấm áp ấy dường như làm cho Tráng thay đổi hẳn tâm tính. Từ một anh chàng ngờ nghệch, thô lỗ, cục cằn, Tráng đã sớm trở thành một người chồng thật sự khi đón nhận hạnh phúc của gia đình. Hạnh phúc ấy như một cái gì đó cứ "ôm ấp, mơn man khắp da thịt Tráng tựa hồ như có bàn tay vuốt nhẹ sống lưng". Tình yêu, hạnh phúc ấy khiến "trong một lúc Tráng dường như quên đi tất cả, quên cả đói rét đang đeo

# Thị xuất hiện đã làm thay đổi cuộc sống của xóm ngụ cư nghèo nàn, tâm tối ấy. Đã làm cho những khuôn mặt hốc hác, u tối của mọi người rạng rỡ hẳn lên. Từ con người chao chát chóng lờn đến cô vợ hiền thực, đảm đang là một quá trình biến đổi. Điều gì làm thị biến đổi như thế? Đó chính là tình người, là tình thương yêu. Thị tuy theo không Tráng về chỉ qua bốn bát bánh đúc và hai câu nói tâm phơ tâm phảo của Tráng nhưng chúng ta không khinh miệt thị. Nếu có trách thì chỉ có thể hướng vào xã hội thực dân phong kiến kia bóp nghẹt quyền sống con người. Thị xuất hiện không tên tuổi, quê quán, trong tư thế "vân vê tà áo đã rách bợt", điệu bộ trông thật thảm hại nhưng chính con người lại gieo mầm sống cho Tráng, làm biến đổi tất cả, từ không khí xóm ngụ cư đến không khí gia đình. Thị đã đem đến một luồng sinh khí mới, sinh khí ấy chỉ có được khi trong con người thị dung chứa một niềm tin, một ước vọng cao cả vào sự sống, vào tương lai. Thị được miêu tả khá ít song đó lại là nhân vật không thể thiếu đi trong tác phẩm. Thiếu thị, Tráng vẫn chỉ là anh Tráng của ngày xưa, bà cụ Tứ vẫn lặng thầm trong đau khổ, cùng cực. Kim Lân cũng thật thánh công khi xây dựng nhân vật này để góp thêm tiếng lòng ca ngợi sức sống của vẻ đẹp tình người, niềm tin ở cuộc đời phía trước trong những con người đời khổ ấy. Và thật ngạc nhiên, khi nói về ước vọng ở tương lai, niềm tin vào hạnh phúc, vào cuộc đời người ta dễ nghĩ đến tuổi trẻ như Tráng và người vợ nhưng Kim Lân lại khám phá ra một nét độc đáo vô cùng: tình cảm, ước vọng ở cuộc đời ấy lại được tập trung miêu tả khá kỹ ở nhân vật bà cụ Tứ. Dén nhân vật này, Kim Lân tỏ rõ ngòi bút vững vàng, già dặn của mình trong bút pháp miêu tả tâm lý nhân vật. Bà cụ Tứ dến giữa câu chuyện mới xuất hiện nhưng nếu thiếu đi nhân vật này, tác phẩm sẽ không có chiều sâu nhân bản. Đặt nhân vật bà cụ Tứ vào trong tác phẩm, Kim Lân đã cho chúng ta thấy rõ hơn ánh sáng của tình người trong nạn đói. Bao giờ cũng thế, các nhà văn muốn nhân vật nổi bật cá tính của mình thường đặt nhân vật vào một tình thế thật căng thẳng. Ở đó dĩ nhiên phải có sự đấu tranh không ngừng không ngừng giữa các nhân vật mà đóc đáo hơn là ngay chính trong nội tâm của nhân vật ấy. Bà cụ Tứ là một điển hình. Việc Tráng lấy vợ đã gây một chấn động lớn trong tâm thức người mẹ nghèo vốn thương con ấy. Bà ngạc nhiên ngỡ ngàng trước sự xuất hiện của một người đàn bà trong nhà mình mà lâu nay và có lẽ chưa bao giờ bà nghĩ đến. Hết ngỡ ngàng, ngạc nhiên bà cụ đã "cúi đầu nín lặng". Cúi chỉ, hành động ấy chắt chứa bao

tâm trạng. Đó là sự đan xen lẫn lộn giữa nỗi tủi cực, nỗi lo và niềm vui nỗi buồn cứ hòa lẫn vào nhau khiến bà thật căng thẳng. Sau khi thấu hiểu mọi điều, bà nhìn cô con dâu đang "vân vê tà áo đã rách bợt" mà lòng đầy thương xót. Bà thiết nghĩ "người ta có gặp bước khó khăn này, người ta mới lấy đến con mình, mà con mình mới có được vợ". Và thật xúc động bà cụ đã nói, chỉ một câu thôi nhưng sâu xa và có ý nghĩa vô cùng: "Thôi, chúng mày phải duyên phải kiếp với nhau u cũng mừng lòng".

Đời khổ đang vây lấy gia đình bà, cuộc sống của bà sẽ ra sao khi mình đang ngập ngụa trước vực thẳm của cái chết. Nhưng trong tâm thức người mẹ nghèo ấy, đời khổ không phải là vật cản lớn nữa. Đời rét thật nhưng trong lòng má cu vẫn sáng lên tâm lòng yêu thương chân thành. Bà thương con, thương dâu và thương cho chính bản thân mình. Bà cụ Tứ từ những nỗi lo, nỗi tủi cực về gia cảnh vẫn không ngừng bùng cháy lên ngọn lửa của tình người. Bà đã giang tay đón nhận đứa con dâu lòng đầy thương xót, trong tủi cực nhưng vẫn ngấm chứa một sức sống thật mãnh liệt. Chính ở người mẹ nghèo khổ ấy, ngọn lửa của tình người, tình thương yêu nhân loại ấy bùng cháy mạnh mẽ nhất. Trong bóng tối của đời nghèo đang hùng hổ vây quanh, bà lão vẫn gieo vào lòng những con mình niềm tin về cuộc sống. Bà nhắc đến việc Tràng nên chuẩn bị một cái phen nuôi gà, rồi việc sinh con đẻ cái, bà lão nói toàn truyện vui trong bữa cơm ngày đói thật thấm thía. Bà đã đón nhận hạnh phúc của các con để tự sưởi ấm lòng mình. Đặc biệt chi tiết nỗi cảm ở cuối thiên truyện thể hiện khá rõ ánh sáng của tình người. Nỗi chề cảm ghen bực cổ và đắng chát ấy lại là món quà của một tâm lòng đôn hậu chứa yêu thương. Bà lão "lễ mễ" bụng nỗi chề và vui vẻ giới thiệu: "Chè khoán đây. Ngon đáo để cơ". Ở đây nụ cười đã xen lẫn nước mắt. Bữa cơm gia đình ngày đói ở cuối thiên truyện không khỏi làm chạnh lòng chúng ta, một nỗi xót thương cay đắng cho số phận của họ song cũng dung chứa một sự cảm phục lớn ở những con người bình thường và đáng quý ấy.

Kim Lân bằng nghệ thuật viết văn già dặn, vững vàng đã đem đến một chủ đề mới trong đề tài về nạn đói. Nhà văn đã khẳng định ánh sáng của tình người thật thành công ở ba nhân vật. Điều làm chúng ta trân trọng nhất chính là vẻ đẹp của tình người và niềm hi vọng vào cuộc sống một cách mạnh mẽ nhất ở những thân phận nghèo đói, thảm hại kia. Ba nhân vật: Tràng, vợ Tràng và bà cụ Tứ cùng những tình cảm, lẽ sống cao đẹp của họ chính là những điểm sáng mà Kim Lân từng trần trụi trong thời gian dài để thể hiện sao cho độc đáo một đề tài không mới. Tác phẩm đã thể hiện thành công nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật, khả năng dựng truyện và dẫn truyện của Kim Lân - một nhà văn được đánh giá là viết ít nhưng tác phẩm nào cũng có giá trị là vì lẽ đó.

"Cái đẹp cứu vớt con người" (Đỗ Laipekki). Vâng, "Vợ nhặt" của nhà văn Kim Lân thể hiện rõ sức mạnh kì diệu ấy. Ánh sáng của tình người, lòng tin yêu vào cuộc sống là nguồn mạch giúp Kim Lân hoá thành tác phẩm. Ông đã đóng góp cho văn học Việt Nam nói chung, về đề tài nạn đói nói riêng một quan niệm mới về lòng người và tình người. Đọc xong thiên truyện, dấu ấn mạnh mẽ nhất trong tâm hồn bạn đọc chính là ở điểm sáng tuyệt vời ấy.

***(Tham khảo bài viết của em Nguyễn Thị Thu Trang, lớp 12/1 Trường THPT Quốc học Huế)***

## Văn bản

# RỪNG XÀ NU

Nguyễn Trung Thành

## I. TÀI LIỆU CHUNG

### 1. Tác giả (1923)

- Tên khai sinh là Nguyễn Văn Báu.
- Bút danh: Nguyễn Ngọc, Nguyễn Trung Thành.
- 1950: Gia nhập quân đội khi đang học trung học chuyên khoa.
- Gần bó mật thiết với chiến trường Tây Nguyên.
- Tác phẩm chính: *Đất nước đứng lên*, *Rẻo cao*, *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc*, *Đường chúng ta đi*, *Đất Quảng*, *Rừng xà nu*. Có một đường mòn trên biển Đông, *Cát cháy*...

### 2. Tác phẩm

#### a. Hoàn cảnh sáng tác

Năm 1962, trên đường hành quân từ Bắc vào Nam, Nguyễn Trung Thành bắt gặp những cánh rừng xà nu til tấp và ông lập tức "yêu say mê cây rừng xà nu từ ngày ấy. Ấy là một cây hùng vĩ và cao thượng, man dại và trong sạch, mỗi cây cao vút, vạm vỡ, ừ nhựa, tán lá vừa thanh nhã vừa rắn rỏi mệnh mông, tưởng như đã sống tư ngàn đời, còn sống đến ngàn đời sau, từng cây, hàng vạn, hàng triệu cây vô tận". Phẩm chất đặc biệt của cây xà nu đã gây ấn tượng và khơi nguồn cảm hứng cho Nguyễn Trung Thành.

Năm 1965, đế quốc Mỹ ồ ạt đổ quân để chuẩn bị tổng tiến công miền Nam. Quân và dân ta bước vào cuộc chiến đấu căng thẳng, quyết liệt trong không khí sôi sục, nghiêm trang của thời đại đó, Nguyễn Trung Thành đã sáng tác bài *Hịch đánh Mỹ*, đó là truyện ngắn *Rừng xà nu*.

Ban đầu, tác phẩm được in trên *Tạp chí Văn nghệ quân giải phóng Trung Trung Bộ*. Sau đó được tuyển in trong tập *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc*.

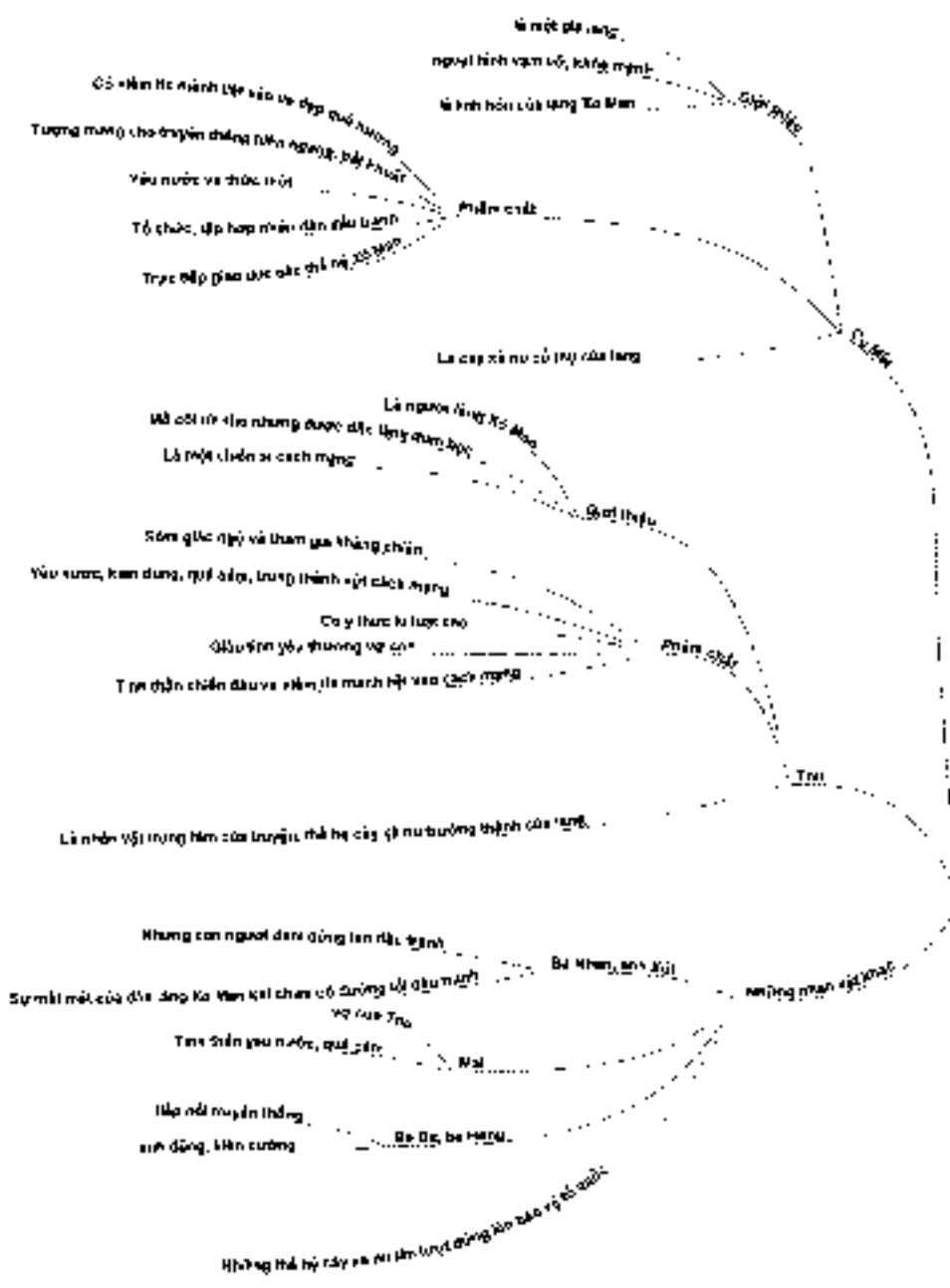
#### b. Nhan đề

Nhan đề "Rừng xà nu" là một sáng tạo nghệ thuật, là một hình tượng bao trùm toàn tác phẩm, biểu trưng cho số phận và phẩm chất của nhân dân Tây Nguyên. Xà nu không chỉ gắn bó mật thiết với đời sống thường nhật mà còn tham dự vào các sự kiện trọng đại của làng Xô Man. Xà nu vừa là nạn nhân, vừa là nhân chứng cho cuộc chiến tranh khốc liệt mà hào hùng của dân tộc Tây Nguyên.

Với hình tượng rừng xà nu, tác giả đã gợi được không khí của đất rừng Tây Nguyên, chất thơ, chất nhạc, chất họa, chất sử thi. Đây quả là một nhan đề độc đáo và ý nghĩa.

*“Rừng Xà nu” là bản anh hùng ca  
về cuộc chiến đấu của nhân dân Tây Nguyên  
trong chiến tranh chống Mỹ cứu nước.*  
Khuyết danh

# 



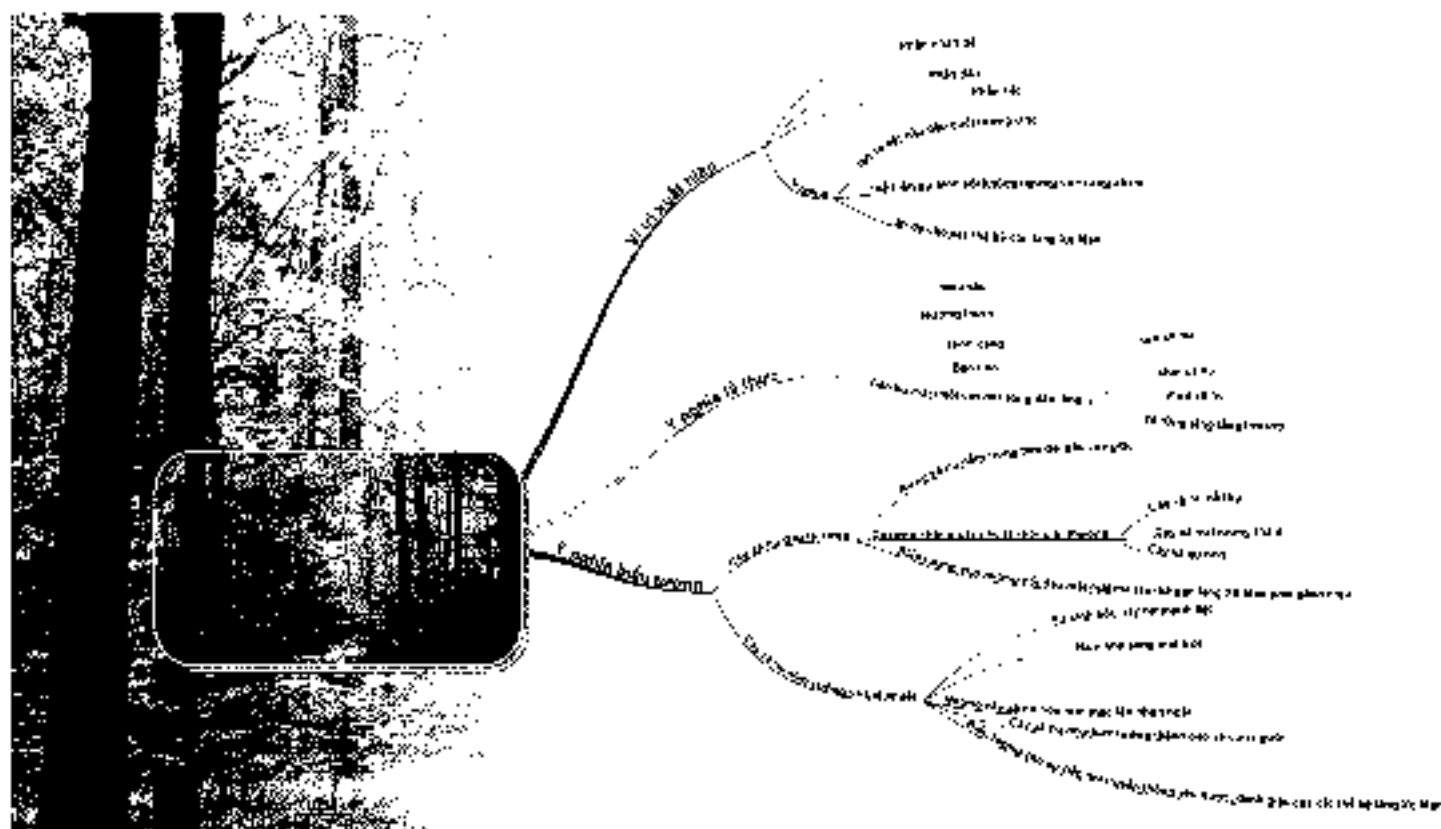
**Rừng  
xà nu**

Hình tượng  
con người





## 2. Hình tượng cây xà nu



### a. Vị trí xuất hiện:

- Ở phần nhan đề, phần đầu và phần kết của truyện ngắn. Cây xà nu xuất hiện trong sự đối sánh với tập thể dân làng Xô Man anh hùng.

### b. Ý nghĩa tả thực

- Màu sắc: bạt ngàn xanh thẳm.
- Hương thơm: thơm ngào ngạt, thơm mỡ màng.
- Hình dáng: hình nhọn mũi tên, nhọn hoắt như những mũi lê.
- Bản tính: ham ánh sáng mặt trời.
- Phát triển rất nhanh, sống thành rừng chứ không sống đơn lẻ, riêng rẽ.
- Cây xà nu gần bó mật thiết với đời sống thường nhật của dân làng Xô Man:

- + Lửa xà nu cháy giàn giụa trong nếp nhà
- + Lửa xà nu cháy trong bếp lửa nhà ưng
- + Khói xà nu xông đen bóng nửa đêm Mai và Trù học chữ
- + Nhựa xà nu làm đuốc soi sáng, là nhân chứng cho tội ác của giặc khi chúng đốt 10 ngón tay Trù.

**Hình tượng rừng xà nu là một sáng tạo nghệ thuật đặc sắc của Nguyễn Trung Thành. Đó là hình ảnh tả thực vừa mang nét đặc trưng của núi rừng Tây Nguyên nồng nàn, khỏe khoắn, vừa là hình ảnh mang tính biểu tượng cho tâm hồn và cuộc sống của con người Tây Nguyên. Nhờ hình tượng này mà chất sử thi hào hùng và cảm hứng lãng mạn thể hiện rõ nét.**

c. Ý nghĩa biểu tượng:

- Cây xà nu là biểu tượng cho số phận và phẩm chất của dân làng Xô Man.

\* **Cây xà nu đau thương:**

- Rừng xà nu nằm trong tầm đại bác của giặc.

- Cả rừng xà nu không cây nào không bị thương:

+ Những cây xà nu có thân hình cường tráng, vết thương của chúng chóng lành, đạn đại bác không thể giết nổi.

+ Những cây xà nu bị chặt đứt ngang thân mình đổ ào ào như một trận bão.

+ Những cây xà nu non vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đạn đại bác chặt đứt làm đôi, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được, vài hôm là cây chết.

→ Thương tích mà cây xà nu phải gánh chịu tượng trưng cho những đau thương, mất mát mà người dân làng Xô Man nói riêng và đồng bào Tây Nguyên nói chung phải trải qua.

\* **Cây xà nu kiên cường và bất khuất:**

- Sự sinh sôi nảy nở mãnh liệt: Không cây gì mạnh bằng cây xà nu đất ta. Cây mẹ ngã, cây con mọc lên. Đố nó giết hết rừng xà nu này.

- Cây xà nu là loại cây ham ánh sáng mặt trời.

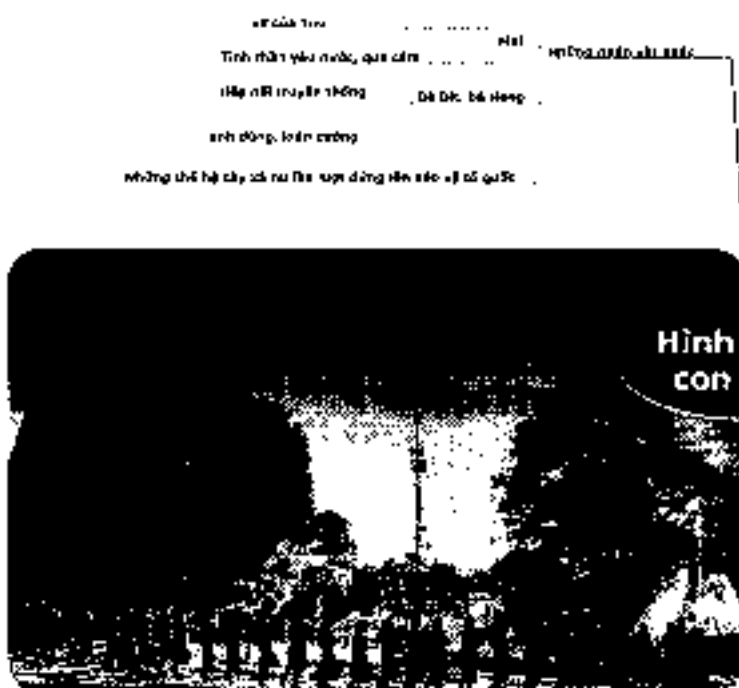
- Những cây xà nu non, dù mới mọc lên, mới nhú khỏi mặt đất đã nhọn hoắt như những mũi lê, lao thẳng lên bầu trời.

- Cây xà nu như bức tường thành vững chắc bảo vệ con người: Cụ thể, mấy năm nay, rừng xà nu ưỡn tấm thân lớn ra che chở cho làng.

→ Rừng xà nu là hiện thân cho các thế hệ dân làng Xô Man nối tiếp nhau đứng lên chiến đấu chống lại kẻ thù. Đồng thời, là hiện thân cho ý chí chiến đấu bền vững, quyết cường và khi phách cứng cỏi của thiên nhiên và con người Tây Nguyên.

## 2. Hình tượng con người

những con người đang đứng trên đất nước  
 ở một góc của nếp gấp tờ giấy khi chưa có những lời đầu tiên... đã nhân, anh/chị...



Hình tượng con người

là một già làng  
 Già Mết... ngoại hình vạm vỡ, khỏe mạnh  
 là định hồn của làng Xô Man  
 Có niềm tin mãnh liệt vào và dựa quê hương  
 Trưởng thành của truyền thống dân mạng, bất khuất  
 Yêu nước và thức thời  
 Phẩm chất  
 Tô phớt, tạo hóa nhân dân đấu tranh  
 Trục tiếp gieo rắc các mối hiềm hờn  
 Là cây xà nu cổ thụ của làng  
 ... Là người làng Xô Man  
 Tuổi tác... đã già từ khi những giọt máu long đong lạc  
 Là một chiến sĩ cách mạng  
 ... xưa gác gươm và trở về quê hương chiến  
 Phẩm chất... Yêu nước, kiên định, quả cảm, trung thành với dân mạng  
 ... Cậy thế là tự cao  
 ... Đau lòng yêu thương vợ con  
 ... Hèn nhát chiến đấu và nhút nhát nhận tội vào cuộc mạng  
 Là chiến sĩ trung tâm của truyện. Thế hệ cây xà nu trưởng thành của Mìn

### a. Cụ Mết

#### - Giới thiệu:

- + Cụ Mết là một vị già làng, là thế hệ cây xà nu cổ thụ của làng Xô Man.
- + Ngoại hình vạm vỡ, khỏe mạnh: dù đã 60 tuổi nhưng tiếng nói vẫn ồ ồ dội vang lồng ngực, ngực căng như cây xà nu lớn, đôi bàn tay cứng như kim sắt, bộ râu đen bóng và dài tới ngực, đôi mắt sáng và xéch ngược...

#### - Phẩm chất:

- + Cụ Mết có niềm tin mãnh liệt vào vẻ đẹp của quê hương khi cho rằng, không gì mạnh bằng cây xà nu đất ta và thứ gạo của người Strá là thứ gạo ngon nhất của núi rừng.
- + Cụ Mết tượng trưng cho truyền thống kiên gan, bất khuất và sức sống dẻo dai, bền bỉ của dân làng.
- + Cụ Mết là một già làng yêu nước, thức thời: *Đáng còn, núi nước này còn; Chúng nó cảm sủng thì mình phải cảm giáo...*

*Các nhân vật trong truyện  
 gần được xây dựng theo  
 nhiều lớp, nhiều thế hệ.  
 Các thế hệ này được biểu  
 tượng bằng những thế hệ  
 xà nu khác nhau. Nhưng  
 dù là lớp xà nu cổ thụ như  
 cụ Mết, lớp xà nu trưởng  
 thành như Tnú và Mai, lớp  
 xà nu non như Heng và  
 Dít thì họ đều mang trong  
 mình dòng máu yêu nước,  
 bất khuất, kiên trung.*

<p>+ Cự là người tổ chức, tập hợp nhân dân đấu tranh và trực tiếp giáo dục các thế hệ làng Xô Man về truyền thống tốt đẹp của cha anh.</p> <p>→ <i>Cự Mết là thế hệ cây xà nu cổ thụ của làng, là linh hồn và sức sống Tây Nguyên.</i></p> <p><b>b. Tnú</b></p> <p>- Giới thiệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tnú là người làng Xô Man.</li> <li>+ Tnú mồ côi từ nhỏ nhưng được dân làng cứu mang, đùm bọc.</li> <li>+ Tnú là một chiến sĩ cách mạng.</li> </ul> <p>- Phẩm chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sớm giác ngộ và tham gia kháng chiến với tinh yêu nước và tinh thần kiên dũng, quả cảm, trung thành với cách mạng.</li> <li>+ Tnú là người có ý thức và tinh thần kỉ luật cao: học chữ thua Mai lấy đá đập đầu để thể hiện lòng quyết tâm...</li> <li>+ Tnú giàu tình yêu thương vợ con: không đành lòng đứng nhìn vợ con bị tra tấn, xông ra giữa vòng vây kẻ thù đầy súng đạn dù không có vũ khí.</li> <li>+ Tinh thần chiến đấu và niềm tin vào Cách mạng của Tnú: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sẵn sàng tiếp tế cho cán bộ mà không sợ bị chặt đầu hay treo cổ</li> <li>• Chọn đường nguy hiểm để giao liên.</li> <li>• Gan góc, dũng cảm nuốt thư khi bị giặc bắt.</li> <li>• Bị tra tấn nhưng không kêu, không van xin.</li> </ul> </li> </ul> <p>→ <i>Là nhân vật trung tâm biểu tượng cho số phận và sự trưởng thành của dân làng Xô man.</i></p> <p><b>c. Những nhân vật khác</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bà Nhan, anh Xút: là những con người dám đứng lên đấu tranh và hi sinh để truyền nối ngọn lửa yêu nước cho thế hệ sau.</li> <li>- Bè Dít, bè Heng: là thế hệ những cây xà nu non, tiếp nối truyền thống anh hùng, bất khuất của dân làng Xô man.</li> <li>- Mai: là vợ của Tnú, đã cùng Tnú trải qua những tháng ngày tuổi thơ đầy niềm tin và cố gắng để làm cách mạng và là nhân chứng cho tội ác của bọn giặc.</li> <li>↳ <i>Những thế hệ lần lượt tiếp nối truyền thống cha anh.</i></li> </ul>	<p><i>Đó là hình ảnh của một Xô man đau thương và anh hùng hay cũng chính là biểu tượng của cả dân tộc thời đất nước đứng lên.</i></p>
---	--

Nguyễn Trung Thành là một nhà văn có sự hiểu biết và gắn bó sâu sắc với đất rừng và con người Tây Nguyên. Năm 1962, trên đường hành quân từ Bắc vào Nam, Nguyễn Trung Thành bắt gặp những cánh rừng xà nu tit tấp và ông lập tức "yêu say mê cây rừng xà nu từ ngày ấy. Ấy là một cây hùng vĩ và cao thượng, man dại và trong sạch, mỗi cây cao vút, vạm vỡ, ứ nhựa, tán lá vừa thanh nhã vừa rần rori mãnh mẽ, tường như đã sống tự ngàn đời, còn sống đến ngàn đời sau, từng cây, hàng vạn,



hàng triệu cây vô tận". Phẩm chất đặc biệt của cây xà nu đã gây ấn tượng và khơi nguồn cảm hứng cho Nguyễn Trung Thành viết nên tác phẩm *Rừng xà nu* (1965). Xuyên suốt trong truyện ngắn là hai hình tượng nghệ thuật: rừng xà nu và tập thể dân làng Xô Man.

Nhan đề "Rừng xà nu" là một sáng tạo nghệ thuật, là một hình tượng bao trùm toàn tác phẩm. Là biểu trưng cho số phận và phẩm chất của nhân dân Tây Nguyên. Xà nu không chỉ gắn bó mật thiết với đời sống thường nhật mà còn tham dự vào các sự kiện trọng đại của làng Xô Man. Xà nu vừa là nạn nhân, vừa là nhân chứng cho cuộc chiến tranh khốc liệt mà hào hùng của dân tộc Tây Nguyên. Với hình tượng rừng xà nu, tác giả đã gợi được không khí của đất rừng Tây Nguyên, chất thơ, chất nhạc, chất họa, chất sử thi. Đây quả là một nhan đề độc đáo và ý nghĩa.

Hình tượng rừng xà nu trước hết được khắc họa với những nét vẽ miêu tả chân thực. Đó là những rừng xà nu hiện ra ở phần mở đầu và kết thúc truyện ngắn với màu sắc bạt ngàn xanh thẫm, cảnh là sum sê, ngọn xanh rờn... Không giống như những loài cây khác, xà nu có trong mình một thứ hương thơm đặc trưng mà tác giả phải thốt lên, đó là thứ mùi thơm ngào ngạt, thơm mỡ màng. Thế rồi như một sự sắp đặt của tạo hóa hay tính cách và phẩm chất của con người Tây Nguyên đã làm nên dáng đứng hiên ngang, thẳng tắp của loài cây đặc biệt này? Cây mọc lên hình nhọn mũi tên, có cây nhọn hoắt như những lưỡi lê vươn thẳng lên bầu trời cao rộng. Xà nu không sống đơn độc, lẻ loi mà mọc thành tầng tầng, lớp lớp nối tiếp nhau.

Xà nu không chỉ là một loài cây chung sống với đồng bào Tây Nguyên mà còn là một nhân vật gắn bó với đời sống sinh hoạt thường nhật, chứng kiến mọi tâm tình, mơ ước và từng bước trưởng thành của dân làng. Ngọn lửa xà nu bập bùng cháy trong gác bếp mỗi gia đình, khói xà nu xông đen tấm bảng cho Thù và Mai học chữ... Cây xà nu còn thấm sâu vào nếp nghĩ và cảm xúc của con người. Thù thấy ngực cụ Mết căng như một cây xà nu lớn còn cụ Mết lại tự hào khẳng định: "Không có loài cây nào mạnh bằng cây xà nu đất ta". Như vậy, xà nu là một phần sự sống của Tây Nguyên, gắn bó khăng khít với con người.

Nếu chỉ dừng lại ở đó thì có lẽ, rừng xà nu chưa thể trở thành một hình tượng nghệ thuật của truyện ngắn. Xà nu song hành với đời sống con người và còn là biểu tượng của sức sống, phẩm chất và số phận người dân Xô Man. Trong chiến tranh, cây xà nu chịu biết bao đau đớn. Nằm đúng trong tầm đại bác của địch nên "cả rừng xà nu hàng vạn cây, không cây nào là không bị thương. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, bám lại và đặc lại thành từng cục máu lớn". Từng cục máu của cây xà nu gợi liên tưởng đến những mất mát, đau thương của làng Xô Man. Từ khi thằng Dục kéo về, súng đạn, roi vọt của chúng không từ bất cứ một ai. Những cây xà nu có thân hình cường tráng, vết thương của chúng chóng lành, đạn đại bác không thể giết nổi. Có những cây xà nu bị chặt đứt ngang thân mình đổ ào ào như một trận bão. Những cây xà nu non vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đạn đại bác chặt đứt làm đôi, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được, vài hôm là cây chết. Đó là ẩn dụ cho cái chết thảm thương của làng: bà Nhan bị chặt đầu, anh Xút bị treo cổ trên cây vả đầu làng, Mai và đứa con nhỏ bị đánh đập dã man đến chết bằng cây gậy sắt của thằng ác ôn, anh Quyết đã hi sinh... Những con người ấy chính là hiện thân của những cây xà nu bị cắt lìa khỏi quê hương. Hình ảnh dòng nhựa ứa ra đọng như cục máu là ẩn dụ cho lòng căm hờn đang được hun đúc, chỉ chờ dịp bùng lên để thiêu cháy quân thù.

Nếu lịch sử dân tộc là lịch sử của những con người bất khuất, kiên cường, không biết cúi đầu trước cường quyền bạo lực thì cây xà nu vượt lên trên sự tàn phá, hủy diệt, sức sống mãnh liệt của con

người trong chiến tranh khi bên cạnh một cây xà nu ngã gục đã có bốn, năm cây con mọc lên nhón hoắt như lưỡi lê đâm thẳng lên trời. Không chỉ thế, rừng xà nu trùng điệp còn hóa thành chiến lũy bảo vệ con người. Cây xà nu đâu chỉ là của thiên nhiên tạo vật mà còn mang vóc dáng những chàng trai đứng sĩ oai phong, lẫm liệt, che chắn cho con người trong khói lửa, đạn bom. Vẻ đẹp của rừng xà nu khiến ta liên tưởng đến câu thơ của Tố Hữu về đất nước, con người Việt Nam:

*Ôi Việt Nam từ trong biển máu*

*Người vươn lên như một thiên thần*

Những "thiên thần" của làng Xô Man đã đứng dậy để tỏa sáng truyền thống anh hùng. Người này ngã xuống, người khác đứng lên. Xà nu tượng trưng cho thế hệ con người nối tiếp nhau trưởng thành trong khói lửa, chiến tranh. Hình tượng rừng xà nu là một sáng tạo nghệ thuật đặc sắc của Nguyễn Trung Thành. Đó là hình ảnh tả thực mang nét đặc trưng của núi rừng Tây Nguyên nồng nàn, khỏe khoắn, vừa là hình ảnh mang tính biểu tượng cho tâm hồn và cuộc sống của con người Tây Nguyên. Nhờ hình tượng này mà chất sử thi hào hùng và cảm hứng lãng mạn thể hiện rõ nét.

Bên cạnh việc khắc họa hình tượng rừng xà nu, truyện ngắn còn là một bức tranh về cộng đồng những con người anh hùng của dân làng Xô Man. Con người Tây Nguyên hiện lên trong tác phẩm của Nguyễn Trung Thành không phải chỉ là một cá nhân, một anh hùng mà là một tập thể anh hùng, nhiều thế hệ: từ cụ Mết, bà Nhan, anh Xút đến Tnú, Mai, Dít và bé Heng... Họ đã cùng nhau xây dựng làng bản, xây dựng lịch sử của một thời đất nước đứng lên chống giặc. Nguyễn Trung Thành đã đến với đất rừng Tây Nguyên khét nồng lửa cháy để khám phá ra vẻ đẹp mộc mạc, giản dị, cao quý của những con người nơi đây trong truyền thống yêu nước và cách mạng. Giương mắt chung của người dân Xô Man được thể hiện rõ nét ở tinh thần quả cảm, hiên ngang, ở ý chí quyết tâm đánh đuổi quân thù, ở nỗi đau thương và niềm uất hận cùng tấm lòng chan chứa yêu thương gia đình, quê hương, đất nước.

Mỗi nhân vật, mỗi hình tượng đều gắn với các thế hệ của rừng xà nu. Thế hệ những cây xà nu cổ thụ hiện thân trong nhân vật cụ Mết. Cụ là già làng có thân hình vạm vỡ, khỏe mạnh, vững chãi. Dù đã 60 tuổi nhưng tiếng nói vẫn ồ ồ dội vang lồng ngực, tiếng nói ấy như tiếng cồng, tiếng chiêng âm vang núi rừng Tây Nguyên. Trong nét vẽ chân dung cụ Mết, người đọc còn ấn tượng với bộ râu bông dài đến ngực, cặp mắt sáng và xéch ngược. Nó thể hiện vẻ đẹp mạnh mẽ, cứng cỏi của người Tây Nguyên. Nhà văn so sánh "Cụ Mết ở trần ngực sáng như một cây xà nu lớn, bàn tay sần sùi như vỏ cây xà nu" nhằm khẳng định mối quan hệ gắn bó khăng khít giữa thiên nhiên với con người. Cụ là già làng của quê hương khi cho rằng, không gì mạnh bằng cây xà nu đất ta và thứ gạo của người Strá làm ra là thứ gạo ngon nhất của núi rừng. Đây chẳng phải là biểu hiện của tình yêu buôn làng mộc mạc mà sâu sắc đó sao?

Cụ Mết tượng trưng cho truyền thống hiên ngang, bất khuất và sức sống dẻo dai, bền bỉ của người dân Tây Nguyên. Cụ có nét gần gũi với nhân vật tù trưởng hùng mạnh trong những trang sử thi ngày trước, thể hiện khát vọng của cả cộng đồng. Cụ là người tổ chức và tập hợp dân làng đứng lên đánh giặc. Mỗi lời nói đầy uy lực của cụ không chỉ là sự trải nghiệm của một đời người mà còn là hiện thực dân tộc qua những thăng trầm lịch sử. Từ trong những đau thương, mất mát, cụ đã nêu cao chân lý: "Chúng nó đã cầm súng thì mình phải cầm giáo"; "Đảng còn, núi nước này còn"... Âm hưởng hùng tráng trong giọng nói của cụ Mết âm vang giữa núi rừng Tây Nguyên như lời phán truyền thiêng liêng. Ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh; phải dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng, dùng sức mạnh chính nghĩa để tiêu diệt kẻ phi nghĩa... Đây là con đường sống duy nhất của

nhân dân ta trong chiến tranh khói lửa. Thực tế ở làng Xô Man đã minh chứng cho quy luật này. Bà Nhan, anh Xút đã chết khi chúng ta chưa cầm vũ khí. Trnú lao vào bọn giặc với hai bàn tay trắng để cứu vợ con nhưng anh không thể chiến thắng quân khát máu. Mai và đứa con trai nhỏ bị kẻ thù cướp đi mạng sống, bản thân Trnú bị đốt 10 đầu ngón tay... Với tầm nhìn xa trông rộng và bản lĩnh của người chỉ huy, cụ Mết không lao ra cứu Trnú vì chỉ có hai bàn tay không vũ khí. Vì thế, cụ đi vào rừng tập hợp thanh niên lấy giáo mác để quay trở lại giết chết 10 thằng ác ôn, mở ra một trang sử quật khởi, anh hùng.

Không chỉ là người tập hợp nhân dân đấu tranh mà cụ Mết còn rất ý thức giáo dục các thế hệ làng Xô Man về truyền thống tốt đẹp của cha anh. Bên bếp lửa bập bùng, lời cụ vang lên thiết tha, sâu sắc. Từng lời răn dạy của già làng Tây Nguyên đều sáng ngời đạo lý, tư tưởng của dân tộc Việt Nam. Theo lời tác giả, cụ Mết chính là cội nguồn, là Tây Nguyên của một thời đất nước đứng lên còn trường tồn cho đến hôm nay. Cụ là người lãnh đạo dân làng khởi nghĩa, là người thắp lửa, truyền lửa, ngọn lửa yêu nước, căm thù giặc cho các thế hệ Tây Nguyên. Cụ như lịch sử bao trùm nhưng không che lấp sự tiếp nối mãnh liệt của các thế hệ sau. Cụ là thế hệ cây xà nu cổ thụ của làng, là linh hồn và sức sống Tây Nguyên.

Trong thế hệ dân làng Xô Man, Trnú là nhân vật trung tâm, tiêu biểu cho số phận và sự trưởng thành của dân làng Xô Man. Trnú là con của dân làng Xô Man. Dân làng Xô Man nuôi dưỡng, đùm bọc anh, cứu mạng anh. "Nó là người Sa Trá mình, cha mẹ nó chết sớm, làng Xô Man này nuôi nó. Đời nó khổ nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta". Chính tình thương yêu của đồng bào đã đem lại cho anh niềm tin yêu cuộc sống, tin vào chính mình, gắn bó sâu sắc với bản làng quê hương, với những gì thân thuộc như tiếng chày giã gạo của những cô gái, con nước mát lạnh đầu bản, những cụ già, những em nhỏ,... sau ba năm đi lực lượng, được về thăm làng, Trnú thấy bồi hồi, xúc động trước cảnh vật thân thuộc quê hương.

Ngay từ nhỏ anh đã là người gan dạ, dám đi tiếp tế lương thực cho cán bộ, làm liên lạc cho cán bộ từ xã lên huyện. Và cũng từ đây Trnú bộc lộ một trí tuệ hơn người. "Nó không thích lội nước chỗ êm cứ lựa chỗ thác mạnh mà bơi, vượt lên mặt nước, cuội lên thác bâng bâng như con cá kình" bởi theo Trnú "Qua chỗ nước êm thằng Mĩ – Diêm hay phục, qua chỗ nước mạnh nó không ngờ". Giặc vây các ngả đường thì Trnú leo lên một cây cao, nhìn quanh một lượt rồi xé rừng mà đi, lọt qua tất cả các vòng vây. Trnú nghe theo anh Quyết, cố học chữ để sau này thay anh lãnh đạo cách mạng. Quyết tâm học chữ của Trnú thể hiện dứt khoát trong hành động tự đập hòn đá vào đầu, máu chảy ròng ròng khi cậu thua Mai trong việc nhớ những con chữ. Trnú từ nhỏ đã tâm niệm trong đầu câu nói của cụ Mết: "Cán bộ là Đảng. Đảng còn, núi nước này còn".

Trnú là hiện thân của sự trung thành tuyệt đối với cách mạng, với Đảng, là hiện thân của sự khỏe mạnh với bộ ngực rộng rãi, hai cánh tay khỏe chắc như lim, là sự bất khuất kiên cường đã được thử thách qua tra tấn dã man và sự tù đầy của kẻ thù. Trnú cường tráng như một cây xà nu lớn. Trnú không hề biết sợ hãi, không hề biết khuất phục dù tàn bạo có hiện hình trong mũi súng hay lưỡi dao chém ngang dọc trên lưng. Trong một lần chuyển thư của anh Quyết gửi về huyện, Trnú bị giặc bắt. Họng súng chứa vào tai lạnh ngắt, Trnú kịp nuốt luôn cái thư. Giặc giam cầm, tra khảo Trnú dã man, lưng Trnú dọc ngang vết dao chém nhưng anh quyết không khai một lời. Anh tìm cách vượt ngục về làng



và tiếp tục sự nghiệp lãnh đạo dân làng chuẩn bị chiến đấu. Sức mạnh của anh dường như tăng thêm bởi sự hun đúc của một tình yêu lớn với một người con gái luôn luôn hiền dịu, nhường nhịn, của một gia đình hạnh phúc cùng Mai và đứa con nhỏ.

Vậy mà bằng ấy cái cô, Tnú đã không cứu được mẹ con Mai khỏi bị kẻ thù giết hại. Cuộc đời Tnú gắn liền với những đau thương mà không chỉ riêng anh gánh chịu. Cái đau đớn mang trên thân xác Tnú là hiện hữu cái đau thương của dân làng Xô Man trong chiến tranh. Máu ấm gia đình từng là mơ ước của biết bao đời thanh niên ấy bỗng chốc tan nát bởi sự tàn ác của kẻ thù. Mai và con anh bị kẻ thù giết chết ngay trước mắt anh. Tnú không cứu được vợ, được con, đau đớn hơn chính bản thân anh cũng trở thành nạn nhân của sự bạo tàn mà kẻ thù đang sử dụng. Vì Tnú cũng chỉ có tay không giữa quân thù đầy vũ khí. Hình ảnh mười đầu ngón tay rừng rực cháy bởi nhựa xà nu như mười ngón đuốc không chỉ có ý nghĩa tố cáo tội ác quân thù hay nói lên lòng dũng cảm của người chiến sĩ cách mạng mà còn nói lên một chân lí sâu sắc và tàn nhẫn: khi một Tnú có ý chí mà tay không thì ngay thứ nhựa xà nu thần thiết - cái khối chất thơm ngào ngạt và như đọng nắng quê hương kia - cũng có thể trở thành ngọn lửa hủy diệt chính những bàn tay vẫn hằng ngày chăm sóc, vun trồng cho nương rẫy.

Tnú không cứu được mẹ con Mai. Không thể chiến đấu với quân thù bằng tay không và lòng căm thù mù quáng. Nhưng Tnú không chìm đắm trong đau thương mất mát, anh biết vượt qua nỗi đau ấy, biến đau thương thành căm hờn và tôi luyện ý chí chiến đấu. Bị giặc bắt sau khi Mai chết, Tnú không nghĩ đến bản thân mà chỉ lo lắng đến việc ai sẽ tiếp tục lãnh đạo dân làng kháng chiến khi Đảng phát lệnh. Chỉ còn cách cầm vũ khí, lúc đó lửa xà nu sẽ tắt trên bàn tay của Tnú. Lửa xà nu chỉ còn soi sáng giác ngộ ngang. Núi rừng Xô Man sẽ ào ào rung động. "Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo ...". Đó là một chân lí lớn của cách mạng miền Nam: phất dưng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng.

Sau khi được cụ Mết và thanh niên giải thoát bằng chính giáo mác anh và buồn lắng mãi, Tnú gia nhập lực lượng chính quy. Và có lẽ việc Tnú đi lực lượng cũng bắt nguồn từ lí tưởng đó. Anh đi lực lượng để hiện thực hóa việc "cầm giáo" mà cụ Mết truyền dạy và cũng để có điều kiện chiến đấu chống lại kẻ thù xâm lược. Ra đi để trả thù nước, rửa thù nhà. Dù bàn tay anh mỗi ngón chỉ còn hai đốt, nhưng cử động được có nghĩa là cầm súng được. Anh đi bộ đội, trở thành tám gương lớn soi sáng cả một thế hệ ở làng Xô Man. Đối với dân làng, Tnú là một biểu tượng cho sức mạnh, niềm tin và ý chí. Bên cạnh cụ Mết, người cha tinh thần, Tnú là hiện thân của những khát vọng vươn lên. Mỗi một việc làm của anh đều đem lại sự nhận thức cho mọi lứa tuổi. Anh về thăm quê, cấp trên cho chỉ có một đêm, mặc dù nhớ làng bản, nhớ người thân nhưng anh vẫn vui vẻ bởi có chấp hành nghiêm túc nội qui quân đội mới là Tnú. Chính những lúc vui vẻ nhất, anh định đùa nhưng nhìn những ánh mắt chờ đợi của mọi người anh lại thôi. Bởi ở anh một lời nói, một hành động đều có thể để lại một tâm ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và tinh thần của người dân Xô Man.

Khi xây dựng nhân vật Tnú, Nguyễn Trung Thành đặc biệt dụng công miêu tả đôi bàn tay của anh. Từ đôi bàn tay này, người đọc có thể thấy hiện lên không những cả cuộc đời mà cả những tính cách của nhân vật. Khi còn lãnh lặn, bàn tay Tnú là bàn tay nghĩa tình, thẳng thắn. Đây là bàn tay cầm phấn học chữ do cán bộ dạy, bàn tay cầm đá ghè vào đầu để trừng phạt cái tội không nhớ mặt chữ, bàn tay đặt lên bụng để chỉ "cộng sản ở đây". Tuy vậy ấn tượng mạnh nhất về đôi bàn tay của Tnú chính là

## ĐOẠN CAO TRÁO CỦA TRUYỆN VÀ ĐOẠN ĐỜI BI TRÁNG NHẤT CỦA NHÂN VẬT

### ĐOẠN CAO TRÁO CỦA TRUYỆN

Đoạn cao trào của truyện, cũng là đoạn đời bi tráng nhất của nhân vật. Giặc quân giề tẩm dầu xà nu vào mười đầu ngón tay và đốt. "Mười ngón tay anh đã trở thành mười ngọn đuốc", thiếu chảy cả ruột gan Thù, anh "nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy ở trong bụng. Máu anh mặn chát ở đầu lưỡi". Chứng kiến cảnh kẻ thù dã man đốt hai bàn tay của Thù, dân làng Xô Man không thể kiềm chế được, đã vùng lên tiêu diệt lũ giặc, mở ra trang sử đấu tranh mới của dân làng. Từ đây bàn tay của Thù thành tật nguyên, mỗi ngón chỉ còn hai đốt và như một chứng tích về tội ác của kẻ thù mà Thù mang theo suốt đời. Đến cuối tác phẩm, bàn tay tật nguyên đây vẫn tiếp tục cảm hứng giết giặc, vẫn có thể giết chết tên chỉ huy đồn địch dù nó cố thủ trong hầm. Như vậy, có thể nói bàn tay Thù được miêu tả trải dài theo suốt cả câu chuyện. Đường như mọi nét tính cách cũng như số phận và chiến công của Thù đều gắn liền với hình ảnh hai bàn tay ấy.

Thù và câu chuyện về cuộc đời anh chính là hiện thân của lớp những cây xà nu trưởng thành của dân làng Xô Man. Không dừng lại ở đó, thế hệ xà nu non cũng được tác giả gửi gắm bao yêu thương, hi vọng qua hình tượng nhân vật bé Heng, bé Dít. Đó là những con người tiếp nối truyền thống của cụ Mết, của anh Quyết, của Thù, của Mai và biết bao con người kiên dũng, bất khuất khác. Đó là "sự đi tới nối tiếp và mãnh liệt, ngày càng mãnh liệt hơn, sừng sỏ và tự giác hơn của các thế hệ sau". Nhờ có sự nối tiếp này, cộng đồng Xô Man và cộng đồng xà nu mới có thể vững vàng vượt lên sự tàn phá, hủy diệt của kẻ thù để tồn tại và trưởng thành.

Với cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn và nghệ thuật xây dựng hình tượng mang tính khái quát cao, *Rừng xà nu* đã tái hiện lại một thời đầy đau thương nhưng hào sảng của đất nước và con người Việt Nam. Thật đúng như lời thơ Nguyễn Đình Thi đã viết: "Nước chúng ta/ Nước những người chưa bao giờ khuất" sẽ luôn gìn giữ và tiếp nối truyền thống cha anh như những rừng xà nu tit tắp chặn trời.

## **Văn bản**

## **Tố Hữu**

### **1. Tác giả Tố Hữu**

- Tố Hữu (1920 – 2002) tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành.
- Quê: làng Phú Lai, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế.
- Năm 1936: giác ngộ lý tưởng cách mạng.
- Năm 1938: được kết nạp vào Đảng Cộng sản → Sự nghiệp thơ ca gắn liền với sự nghiệp cách mạng.
- Là nhà thơ trữ tình chính trị.
- Có 7 tập thơ tiêu biểu.
- Năm 1994: Huân chương Sao vàng.
- Năm 1996: Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật. Giải thưởng Văn học ASEAN.
- Là nhà thơ lớn của dân tộc, “Lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam hiện đại”.

### **2. Tác phẩm**

#### **a. Hoàn cảnh sáng tác**

- Bài thơ ra đời trong một hoàn cảnh trọng đại, thiêng liêng của đất nước. Tháng 7 năm 1954, sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết, hòa bình lập lại, miền Bắc được giải phóng. Tháng 10 năm 1954, cơ quan Trung ương của Đảng và Chính phủ rời Việt Bắc về Hà Nội.
- Trong cuộc chia tay với mảnh đất chiến khu đầy ắp ân tình và kỉ niệm, Tố Hữu đã sáng tác bài thơ Việt Bắc để cất lên tiếng ca đậm thắm về đạo lí thủy chung, nghĩa tình của dân tộc.

#### **b. Bố cục**

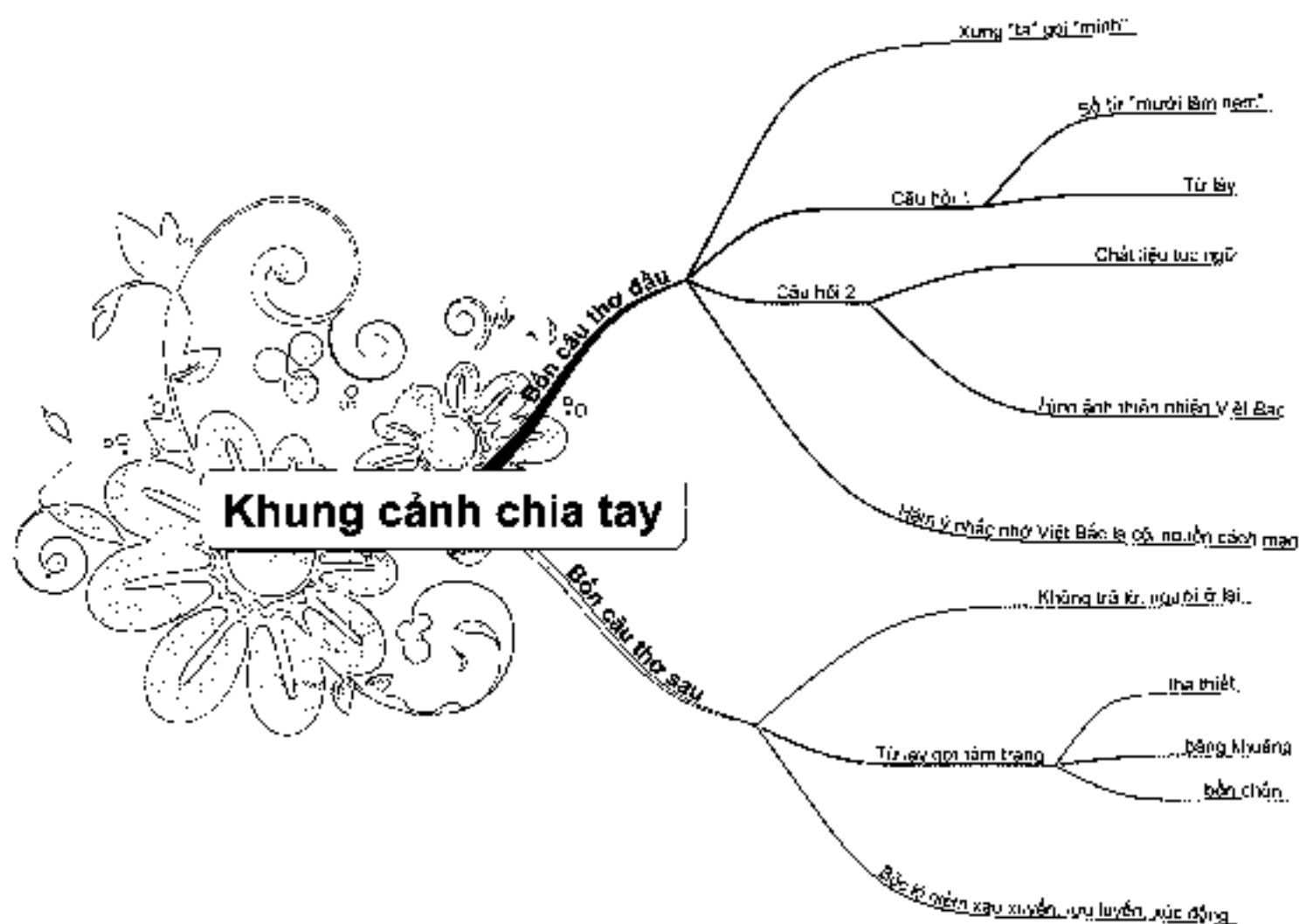
- Phần 1 (8 câu đầu): Khung cảnh chia tay giữa cán bộ cách mạng và đồng bào Việt Bắc.
- Phần 2 (12 câu tiếp): Nỗi lo âu của người dân Việt Bắc.
- Phần 3 (20 câu tiếp): Nỗi niềm của người ra đi.
- Phần 4 (10 câu tiếp): Bức tranh thiên nhiên và con người Việt Bắc bốn mùa.
- Phần 5 (38 câu cuối): Khung cảnh của cuộc kháng chiến gian khổ, hào hùng và lời khẳng định ý nghĩa của Việt Bắc.

#



## 1. Khung cảnh chia tay giữa cán bộ cách mạng và đồng bào Việt Bắc

Đành rằng anh có nhờ ta ở  
Đành rằng anh có lấy đi của anh nên  
Đành rằng anh có phải phân ly  
Đành rằng anh có đi với bộ đội nay



<p>Mình về mình có nhớ ta?  Mình lào: năm ấy thiết tha mặn nồng  Mình về mình có nhớ không?  Nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn</p>	<p>a. Bốn câu thơ đầu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xưng "ta", gọi "mình" → gần bó, thương yêu.</li> <li>- Câu hỏi 1: dùng từ sâu sắc → tình cảm Việt Bắc với cách mạng sâu nặng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Số từ "mười lăm năm" chỉ thời gian Việt Bắc thành chiến khu cách mạng, kết hợp từ láy "thiết tha", từ "mặn nồng" diễn tả tình cảm tha thiết, sâu nặng ân tình giữa Việt Bắc với cách mạng.</li> <li>+ "Mười lăm năm" thời gian không dài với một đời người nhưng quá đủ để có một tình cảm sâu nặng (Một ngày là nghĩa, chuyển đồ nên quen).</li> </ul> </li> <li>- Câu hỏi 2: Câu thơ "Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn" gợi lên tưởng câu tục ngữ "Uống nước nhớ nguồn" → Câu thơ hàm ý sâu sắc, nhắc nhở Việt Bắc là cội nguồn cách mạng.</li> </ul>	<p>Như nhạy cảm với hoàn cảnh đổi thay, người ở lại lên tiếng trước, căn dặn người ra đi về tâm lòng chung thủy.</p>
<p>Tiếng ai tha thiết bên cồn  Ràng khuôn trăng đợi bên chôn được đi  Áo chàm đưa buổi phân ly  Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay</p>	<p>b. Bốn câu thơ tiếp theo</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộc lộ tâm trạng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người về không trả lời câu hỏi của người ở lại mà bộc lộ tâm trạng.</li> <li>+ Ba từ láy liên tiếp "tha thiết", "bâng khuâng", "bồn chồn" cùng hình ảnh "Áo chàm đưa buổi phân ly", "Cầm tay nhau biết nói gì" không phải không biết nói mà là xúc động, không nói lên lời.</li> </ul> </li> <li>→ Xao xuyến, lưu luyến, xúc động</li> </ul>	

## 2. Nỗi lo âu của người dân Việt Bắc



phương địa danh gắn với không gian

Là nhờ thơ Việt Bắc chính là vị nguồn cách mạng

### Nỗi lo âu của người dân Việt Bắc

Bốn câu đầu

Mưa nguồn suối lũ  
thời tiết cũng trôi  
mây cùng mù –  
mầm mủn muối  
Mình ảnh  
Chiến khu cách mạng gian khổ, thiếu thốn  
Hoàn dụ

Bốn câu tiếp theo

Câu hỏi 1  
Mình ảnh của nước  
Đến ta một phần của người Việt Bắc  
Cầu hỏi 2  
Lên du  
Hiện ảnh tương phản  
Tháng độc ngựa linh sâu nặng

Chỉ bằng vài hình ảnh đơn sơ, tiêu biểu cho phong cảnh, núi sông Việt Bắc, tác giả đã khẳng định một điều chắc chắn rằng: Dù trong cuộc sống còn nhiều nhọc nhằn, nhiều khó khăn, gian khổ nhưng tâm lòng yêu thương cách mạng của người dân Việt Bắc vẫn chân thành, rộng mở.

#### a. Bốn câu đầu

- Tái hiện chiến khu cách mạng gian khổ, thiếu thốn:

+ “Mưa nguồn suối lũ – mây cùng mù –  
cơm chấm muối” vừa tả thực, vừa ẩn dụ có ý nghĩa sâu sắc.

→ Hình ảnh chiến khu Việt Bắc đầy gian khổ, thiếu thốn, nhiệm vụ kháng chiến nặng nề.

#### b. Bốn câu tiếp theo

- Nỗi buồn, tình cảm sâu nặng, thủy chung của người Việt Bắc:

+ Câu hỏi 1: Dùng nghệ thuật hoán dụ, hình ảnh sâu sắc diễn tả nỗi buồn, nhớ của người Việt Bắc: trăm bề rụng không nhặt, máng để già không hái.

Mình đi và nhớ những ngày  
Mưa nguồn suối lũ những mây cùng mù  
Mình về có nhớ chiến khu  
Miếng cơm chấm muối nhỏ thò nặng nề

Chỉ bằng một vài hình ảnh đơn sơ, tiêu biểu cho phong cảnh, núi sông Việt Bắc, tác giả đã khẳng định một điều chắc chắn rằng: Dù trong cuộc sống còn nhiều nhọc nhằn, nhiều khó khăn, gian khổ nhưng tâm lòng yêu thương cách mạng của người dân Việt Bắc vẫn chân thành, rộng mở.

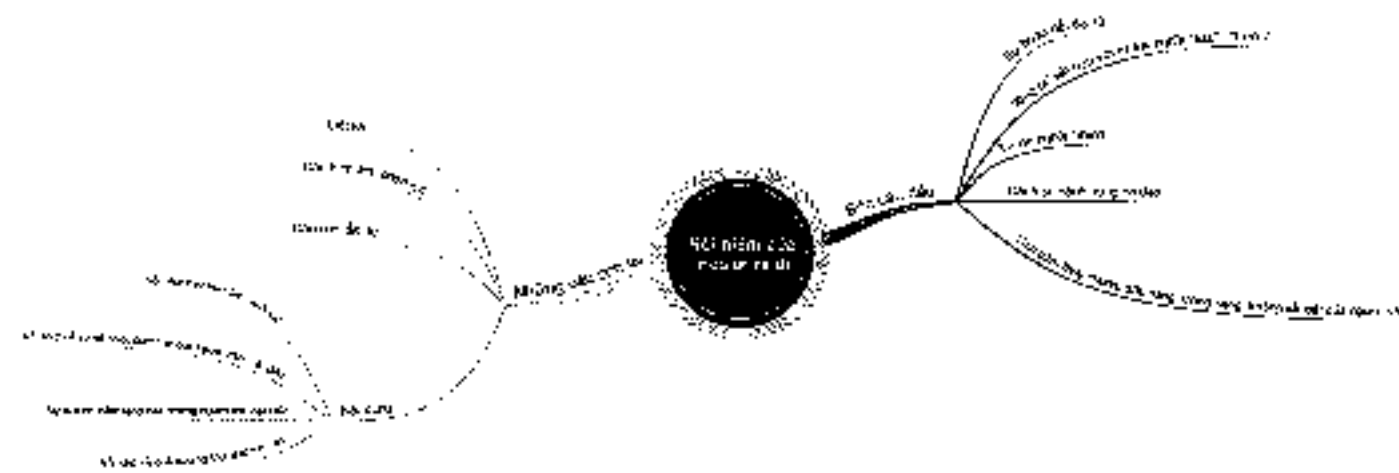


<p>Mình về rừng núi như ai  Trên núi để rừng, xuống núi để giã  Mình đi có nhớ những nhà  Hết lau lau quên đi đến đâu làng xóm</p>	<p>+ Câu hỏi 2: Dùng hình ảnh ẩn dụ, tương phản → người Việt Bắc tuy cuộc sống buồn tẻ, nghèo nhưng luôn có tình cảm sâu nặng thủy chung với cách mạng.</p>	
<p>Mình về căn cứ nơi nao  Nhớ khi kháng Nhật thuở còn Việt Minh  Mình đi mình có nhớ mình  Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa</p>	<p>c. Bốn câu cuối</p> <p>- Khẳng định Việt Bắc là Chiến khu cách mạng, khởi nguồn dẫn tới Cách mạng tháng 8/1945</p> <p>Kể thời gian “kháng Nhật, thuở còn Việt Minh” cùng những địa danh gắn liền với sự kiện lịch sử (Tân Trào: thành lập quân đội, mái đình Hồng Thái: Đại hội Quốc dân).</p> <p>→ Lời hồi nhắc lại Việt Bắc chính là khởi nguồn để tiến tới Cách mạng tháng Tám 1945.</p>	

3. Nỗi niềm của người ra đi

...

# Phân tích bài thơ "Mặt nước" của Nguyễn Bính



<p>- Ta với mình, mình với ta Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh Mình đi, mình lại nhớ mình Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu...</p>	<p>a. Bốn câu đầu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tình cảm của người về với Việt Bắc:</li> <li>+ Câu thơ đầu, hai từ "ta – mình" lặp lại, hoán đổi vị trí như một sự quán quýt, hòa quyện.</li> <li>+ Câu thơ hai, "lòng ta" kết hợp hai từ trái nghĩa "sau – trước" cùng hai từ láy "mặn mà", "đinh ninh" diễn tả tình cảm người về với Việt Bắc: thủy chung, sâu nặng.</li> <li>+ Từ "mình" trong câu thơ ba đa nghĩa gọi ra sự hòa quyện tuy hai mà một, hô ứng với câu thơ "Mình đi, mình có nhớ mình" trong lời hỏi của người ở lại.</li> <li>+ Câu thơ cuối có cách so sánh quen thuộc trong ca dao ("Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra") cùng hình ảnh so sánh sâu sắc thể hiện nỗi nhớ, nghĩa tình dạt dào như nước trong nguồn...</li> <li>› Sự thủy chung, sâu nặng, trong sáng, không thể kể xiết.</li> </ul>	<p><b>Đoạn thơ bộc lộ nỗi nhớ của người cách mạng về xuôi với quê hương Việt Bắc. Không chỉ nhớ thiên nhiên, nhớ những ngày kháng chiến gian khổ mà nhớ người Việt Bắc ân tình, thủy chung. Ngôn ngữ thơ bình dị, giọng điệu ngọt ngào tha thiết mang đậm chất trữ tình, chính trị, tính dân tộc.</b></p>
--	---	---

Nhớ gì như nhớ người yêu  
 Trăng lên đầu núi, nắng chiều lung nường  
 Nhớ lòng bản khói cùng sương  
 Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.  
 Nhớ từng rừng nứa bờ tre  
 Ngòi Thia sông Đáy, suối Lê vơi đầy  
 Ta đi, ta nhớ những ngày  
 Minh đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...

Thương nhau, chia củ sắn lùi  
 Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng  
 Nhớ người mẹ nắng cháy lưng  
 Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô  
 Nhớ sao lớp học i tờ  
 Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan  
 Nhớ sao ngày tháng cơ quan  
 Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.  
 Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều  
 Chày đêm nện cối đều đều suối xa...

#### b. Những câu thơ còn lại

- Liệt kê, các hình ảnh chọn lọc:  
 "Trăng lên đầu núi", "nắng chiều lung nường", "bản khói cùng sương", "rừng nứa", "bờ tre", "ngòi Thia", "sông Đáy", "suối Lê", "tiếng mõ rừng chiều", "chày đêm nện cối", "suối xa", cách dùng từ "rừng – bờ – ngòi – sông – suối".

→ Nỗi nhớ bao trùm, rộng khắp, thiên nhiên Việt Bắc thơ mộng với những nét đặc trưng.

- Các các hình ảnh chọn lọc, cách nói ẩn dụ trong các câu thơ: "Sớm khuya bếp lửa người thương đi về", "Minh đây ta đó, đắng cay ngọt bùi... chăn sui đắp cùng"

→ Con người Việt Bắc thân thiết, yêu thương, gần bó, chia sẻ thiếu thốn với người kháng chiến.

- Hình ảnh "người mẹ nắng cháy lưng - Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô" diễn tả hình ảnh người Việt Bắc vất vả, cần cù, giàu tình yêu thương.

- Nhớ về một quê hương Việt Bắc thật mờ mịt có "lớp học i tờ", có "những giờ liên hoan" - hoạt động tiêu biểu của các cơ quan kháng chiến.

→ Trong nỗi nhớ về quê hương Việt Bắc ấy, cái chung và cái riêng như không còn ranh giới, cái cũ và cái mới như lồng vào nhau.

#### 4. Bức tranh thiên nhiên và con người Việt Bắc bốn mùa

"Tổ chim rừng có phé to  
 Tổ gà to như chồn, heo rừng vắt  
 Trong rừng heo chôn ở dưới đất  
 Heo con nhón đất dọc gài thối lầy  
 Ngựa xưa mư ở dưới rừng cùng  
 Đất rừng đàn còn chười lười vị giương  
 Và heo rừng phách đi rừng  
 Hết và hết hết rừng mọi mình  
 Bên bờ sông, rừng và bờ thành  
 Ngựa và rừng hết và rừng heo chồn"

#### Bức tranh thiên nhiên và con người Việt Bắc bốn mùa

##### Hai câu thơ đầu

Tổ chim rừng đẹp yên lặng  
 Tổ gà to như và đặc to  
 Đẻ đẻ đẻ đẻ đẻ đẻ và người

Vừa cười vừa khóc, sung sướng

##### Tám câu sau

Con người lao động khỏe khoắn làm chủ rừng  
 Rừng mở thành phố chủ rừng  
 Con người lao động tại hoa, sản phẩm, sản phẩm  
 Tươi cười và  
 Rừng phách nở rừng  
 Con người lao động thân thương, gần gũi  
 Anh tráng hòa bình  
 Tổng hợp lại được, ăn rừng của con người

<p>Ta về mình có nhớ ta Ta về ta nhớ những hoa cùng người</p>	<p>a. Hai câu đầu tiên</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giọng thơ êm ái nhẹ nhàng, tiếp nối mạch đối đáp giao duyên già bạn, nhân vật trữ tình "ta" đã đối thoại với "mình".</li> <li>- Câu hỏi tu từ kết hợp với điệp từ làm cho lời thơ vừa là lời đối thoại nhưng cũng là một gạch nối để "ta" bày tỏ nỗi lòng.</li> <li>- Không đợi cho "mình" trả lời, nhân vật "ta" tiếp tục xác định nỗi nhớ của mình: "Ta về ta nhớ những hoa cùng người".</li> <li>- Nhớ hoa và người là nhớ tới thiên nhiên tươi đẹp của Việt Bắc, nhớ tới những con người Việt Bắc cần cù đã từng cưu mang gắn bó với kháng chiến.</li> </ul>	<p>"Không phải là một cây bút trong tay Tố Hữu nữa mà là nhiều ngọn bút nở ra cùng một lúc. Bút tả tình, bút tả cảnh, bút tả người" (Xuân Diệu). Ngọn bút tài hoa trong tay người họa sĩ - thi sĩ đã tạo nên bức tranh từ bình đặc sắc và tự nhiên, gần gũi như chính cuộc sống của thiên nhiên và con người nơi núi rừng.</p>
<p>Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng Ngày xuân mơ nở trắng rừng Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang Ve kêu rưng rức chốn đồi vắng Nơi có em gái hái măng một mình Rừng thu trăng rọi hòa bình Nhớ ai nắng hết ánh tình thủy chung</p>	<p>b. Tám câu thơ cuối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mùa đông: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hoa chuối đỏ tươi ảm áp bung nở như những đốm lửa sưởi ấm giữa đại ngàn xanh thẫm</li> <li>+ Con người lao động hiện lên với vẻ đẹp khỏe khoắn, vững chãi, làm chủ núi rừng.</li> </ul> </li> <li>- Mùa xuân: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hoa mơ tinh khiết, dịu dàng đang bung nở phủ trắng những sườn đồi.</li> <li>+ Con người lao động hái hoa, tỉ mỉ, cần cù.</li> </ul> </li> <li>- Mùa hè: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tiếng nhạc ve đã gọi mùa hè tới làm rung chuyển núi rừng khiến những bông hoa phách đồng loạt đổ sang màu vàng.</li> <li>+ Con người lao động xuất hiện một mình nhưng không gợi cảm giác cô đơn mà trái lại, rất đỗi gần gũi, thân thương.</li> </ul> </li> <li>- Mùa thu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thiên nhiên như được đắm chìm trong ánh trăng hòa bình mát lạnh, thanh khiết.</li> <li>+ Con người hiện lên với âm thanh tiếng hát vừa thể hiện niềm lạc quan, lãng mạn, vừa gợi nhắc về tình nghĩa thủy chung của người dân Việt Bắc.</li> </ul> </li> </ul>	<p>Có thể nói, nỗi nhớ của người ra đi giống như những sợi nhớ, sợi thương giăng mắc khắp đoạn thơ và dệt nên bức tranh bốn mùa với vẻ đẹp hài hòa của cảnh, tươi thắm của tình. Cách xưng hô "mình - ta" tha thiết với nhạc điệu trầm bổng du dương khiến đoạn thơ mang âm hưởng sâu lắng, êm ái như một khúc hát ru, hát về những kỉ niệm không thể nào quên.</p>

# ĐỀ THI VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN

## 5. Khung cánh cửa cuộc kháng chiến gian khổ, hào hùng và lời khẳng định ý nghĩa của Việt Bắc

"Hè khi gục đến giặc hung  
Rừng cây với đá ta cùng đánh  
Hết giặc thành lũy sắt dày  
Rừng che bộ đội rừng vây quân thù

Mười lăm năm ấy ai quên  
Quê hương cách mạng dựng nên Cộng hòa  
Mình về mình lại nhớ ta  
Mình đi - Kìa mình ở  
Thái cây đa Tân Trào".

Đề thi tuyển sinh

Trường THPT

Đề thi tuyển sinh

Đề thi tuyển sinh THPT Chuyên

Mười sáu câu thơ cuối

Khung cảnh cuộc kháng chiến  
gian khổ, hào hùng và lời khẳng định ý  
nghĩa Việt Bắc

Mười câu thơ đầu

Mười hai câu thơ tiếp

- Mười câu thơ đầu
  - "Hè khi gục đến giặc hung"
  - "Rừng cây với đá ta cùng đánh"
- Mười câu tiếp
  - "Hết giặc thành lũy sắt dày"
  - "Rừng che bộ đội rừng vây quân thù"
- Mười hai câu thơ tiếp
  - "Mười lăm năm ấy ai quên"
  - "Quê hương cách mạng dựng nên Cộng hòa"
  - "Mình về mình lại nhớ ta"
  - "Mình đi - Kìa mình ở"
  - "Thái cây đa Tân Trào"

<p><i>Nhờ khi giặc đến giặc lòng Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây Núi giăng thành lũy sắt dày Rừng che bộ đội rừng vây quân thù Mênh mông bốn mặt sương mù Đất trời ta cả chiến khu một lòng.</i></p> <p><i>Ai về ai có nhớ không? Ta về ta nhớ Phú Thông, đèo Giăng Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng Nhớ từ Cao - Lạng nhớ sang Nhị Hà...</i></p>	<p><i>a. Mười câu thơ đầu</i></p> <p>+ Bốn câu đầu: Hình ảnh nhân hóa, ca ngợi thiên nhiên Việt Bắc gắn bó cùng con người đánh giặc.</p> <p>+ Hai câu tiếp: Tương phản “bốn mặt sương mù” với “chiến khu một lòng” -&gt; Tinh đoàn kết nhất trí cao của nhân dân, đồng bào Việt Bắc.</p> <p>+ Bốn câu cuối: Liệt kê địa danh, ca ngợi Việt Bắc gắn liền với những chiến công vang dội trong kháng chiến chống Pháp.</p>	<p><i>Khác với những giai điệu tình nghĩa, mượt mà ở đoạn trên, đoạn thơ này đã khái quát một bức tranh sử thi hoành tráng, ngợi ca sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và nhân dân anh hùng. Thể thơ lục bát được thể hiện linh hoạt, giọng điệu sôi nổi, dào dạt đã tạo nên một khúc tráng ca anh hùng tràn đầy cảm hứng tự hào về cuộc kháng chiến của dân tộc. Kết thúc đoạn thơ là lời ngợi ca Đảng, ngợi ca Bác Hồ và lời khẳng định Việt Bắc chính là quê hương, là chiếc nôi của cách mạng Việt Nam.</i></p>
<p><i>Những đường Việt Bắc của ta Đêm đêm rầm rập như là đất rung Quân đi điệp điệp trùng trùng Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan Dân công đỏ đuốc từng đoàn Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay. Nghìn đêm thăm thẳm sương dày Đèn pha bật sáng như ngày mai lên. Tin vui chiến thắng trăm miền Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về Vui từ Đồng Tháp, An Khê Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.</i></p>	<p><i>b. Mười hai câu thơ tiếp theo</i></p> <p>+ Tám câu đầu, với những hình ảnh chọn lọc, điệp từ (đêm đêm, điệp điệp, trùng trùng), từ láy (rầm rập), so sánh (như là đất rung), thậm xưng (bước chân nát đá) đã tái hiện hình ảnh quân dân ta mở chiến dịch ở Việt Bắc với khí thế, sức mạnh hào hùng.</p> <p>+ Bốn câu sau: Liệt kê địa danh với những chiến thắng vang dội (Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên, Đồng Tháp, An Khê, ...), điệp từ “vui”, cách viết “vui về – vui từ – vui lên” đã diễn tả niềm vui chiến thắng lan rộng cả nước, tất cả đều hướng về Việt Bắc, ca ngợi Việt Bắc là trung tâm đầu não kháng chiến.</p>	

<p> <i>Ai về ai có nhớ không?</i>  <i>Ngọn cờ đỏ thắm gió lồng cửa hàng.</i>  <i>Nắng trưa rực rỡ sao vàng</i>  <i>Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công</i>  <i>Điều quân chiến dịch thu đông</i>  <i>Nông thôn phát động, giao thông mở đường</i>  <i>Giữ đê, phòng hạn, thu lương</i>  <i>Gửi đao miền ngược thêm trường các khu...</i>  <i>Ở đâu u ám quân thù</i>  <i>Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi</i>  <i>Ở đâu đau đớn giống nòi</i>  <i>Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền.</i>  <i>Mười lăm năm ấy ai quên</i>  <i>Quê hương cách mạng dựng nên Cộng hòa</i>  <i>Mình về mình lại nhớ ta</i>  <i>Mãi đỉnh Hồng Thái cây đa Tân Trào.</i> </p>	<p> <i>c. Mười sáu câu thơ cuối</i>            - Liệt kê công việc (điều quân chiến dịch, phát động giao thông, giữ đê, phòng hạn...), ca ngợi Đảng dù bận rộn nhưng vẫn chăm lo toàn diện mọi mặt cuộc sống của nhân dân.            - Ca ngợi <b>Việt Bắc</b>, Việt Bắc là niềm tin, ý chí của toàn dân tộc. Đồng thời, khẳng định Việt Bắc là "quê hương cách mạng".         </p>	
---	--	--

## III. BÀI THƠ "VIỆT BẮC"

Xuân Diệu đã từng nhận xét "Thơ của chàng thanh niên Tố Hữu khi ấy từ trái tim vọt ra cũng như thơ của chúng tôi, cũng lãng mạn như thể chúng tôi, nhưng là thứ lãng mạn khác, có nhiều máu huyết hơn; thơ chúng tôi chỉ đập cho mở cửa trời, nhưng thơ Tố Hữu thì mới có chìa khóa: Cách mạng, giải phóng dân tộc, giải phóng cho người lao khổ". Thật vậy! Thơ Tố Hữu là tiếng lòng ngân vang của một lí tưởng cộng sản, của cách mạng, của non sông gấm vóc. Bởi thế, các sáng tác của Tố Hữu như một "cuốn biên niên sử bằng thơ" song hành với những biến cố lịch sử của dân tộc. *Việt Bắc* là một trong những bài thơ như thế.

Bài thơ ra đời trong một hoàn cảnh trọng đại, thiêng liêng của đất nước. Tháng 7 năm 1954, sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết, hòa bình lập lại, miền Bắc được giải phóng. Tháng 10 năm 1954, cơ quan Trung ương của Đảng và Chính phủ rời Việt Bắc về Hà Nội. Trong cuộc chia tay với mảnh đất chiến khu đầy ấp ân tình và kỉ niệm, Tố Hữu đã sáng tác bài thơ *Việt Bắc* để cất lên tiếng ca đậm thắm về đạo lí thủy chung, nghĩa tình của dân tộc.

Mở đầu bài thơ là cuộc chia tay của những người kháng chiến và những người dân nơi đây:



*"Mình về mình có nhớ ta  
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.  
Mình về mình có nhớ không  
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?  
Tiếng ai tha thiết bên cồn  
Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi  
Áo chàm đưa buổi phân ly  
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay. . ."*

Câu thơ mở đầu mới đọc lên, ta như nghe thấy tâm tình của lời ca dao yêu thương, tình tứ:

*"Mình về có nhớ ta chăng  
Ta về ta nhớ hàm răng mình cười"*

Sau bao nhiêu năm chung sống ở mảnh đất Việt Bắc, sống trong tình quân dân chan hòa nồng thắm ấy thế mà nay những người chiến sĩ đánh phải cất bước ra đi. Mảnh đất gắn bó như thế bây giờ cũng phải chia tay. Cặp xưng hô "mình - ta" thể hiện sự gần gũi thân thiết của cán bộ và người dân. Cái tình cảm ấy giống như những người thân trong gia đình mình vậy.

Tuy nhiên, đọc kĩ ta lại nhận ra tình nghĩa cách mạng dạt dào trong thơ Tố Hữu. Việt Bắc là quê hương, là cội nguồn kháng chiến, là nơi che chở cứu mạng cho Đảng và chính phủ trong suốt những năm dài chiến đấu gian khổ. Vì vậy, xin đừng ai lãng quên. Bốn câu thơ đầu vang lên với hai câu hỏi dồn dập như nỗi niềm trăn trở khôn nguôi của người ở lại. Một câu hỏi về thời gian kháng chiến gian lao mà anh dũng, một câu hỏi về không gian xa xôi mà đầy ấp ân tình. Người ở lại cất lên câu hỏi "thiết tha", người ra đi lắng nghe tha thiết, sự đồng vọng về ngôn từ đã tạo nên một mạch ngầm tri âm sâu sắc. Như vậy, câu hỏi của trái tim đã được trái tim trả lời. Các từ láy "bâng khuâng", "bồn chồn" góp phần diễn tả thắm thía và chân thực tâm trạng của người đi, kẻ ở. Hình ảnh chiếc áo chàm bắt ngời hiện ra để chỉ tình cảm đơn sơ mà ấm áp của đồng bào dân tộc miền núi. Ca dao từng có câu:

*"Chàng về để áo lại đây  
Phòng khi em nhớ cầm tay đỡ buồn"*

Học tập cách nói của ca dao dân gian nhưng Tố Hữu đã thay nội dung: tình yêu đôi lứa bằng tình nghĩa cách mạng sâu sắc, mặn nồng. Những cái bắt tay không lời của người đi, kẻ ở ấy chất chứa bao ghen ngạo, lưu luyến, xúc động. Phải chăng, người ở lại muốn xiết chặt đôi tay để nhắc nhở người đi đừng bao giờ quên kỉ niệm và ân tình kháng chiến?

Mười hai dòng lục bát tạo thành sáu câu hỏi như khơi sâu vào những kỉ niệm kháng chiến. Hình ảnh mưa nguồn, suối lũ, mây mù gợi về một thiên nhiên dữ dội, khắc nghiệt của Việt Bắc trong những năm tháng cá nước chung sức, chung lòng đấu tranh giành độc lập. Biết bao ân tình của nhân dân Việt Bắc đã dành cho cán bộ cách mạng, vì thế, người ở lại cất lên những câu hỏi da diết dành cho người ra đi:

*"Mình đi, có nhớ những ngày  
Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù  
Mình về, có nhớ chiến khu  
Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?"*

## “Rừng núi nhớ ai”

*Minh về, rừng núi nhớ ai  
Trám bụi để rụng, măng mai để già  
Minh đi, có nhớ những nhà  
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son  
Minh về, còn nhớ núi non  
Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh  
Minh đi, mình có nhớ mình  
Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa?”*

Câu thơ của Tố Hữu sử dụng hai hình ảnh đối xứng “miếng cơm chấm muối” và “môi thù nặng vai” để hình dung niềm căm thù quân cướp nước như có hình, có khối đè trĩu trên vai. Hình ảnh nhân hóa “rừng núi nhớ ai” và hai đại từ phiếm chỉ “ai” khiến cho câu thơ trở nên tinh tế, thiết tha. Minh về miền xuôi, núi rừng cũng trở nên trống vắng, băng khuâng. Những sản vật quen thuộc của Việt Bắc như trám bụi, măng mai hòa cùng tâm trạng con người để diễn tả thâm thúy nỗi cô đơn, hẫng hụt của người ở lại, đồng thời gợi về những kỉ niệm khó quên trong gian lao, thiếu thốn mà đầy ắp nghĩa tình quân dân. Không chỉ nhắc lại quá khứ mà tác giả còn khẳng định lòng thủy chung, son sắt. Dùng hình ảnh ẩn dụ, tương phản đối lập giữa cái bên ngoài là “lau xám” và cái bên trong “lòng son” khiến tấm lòng của nhân dân Việt Bắc cứ ngấm lên xao xuyến và ảm áp lạ thường. Tiền người về sau chiến thắng và chính trên cái nền của sự chiến thắng đó đã làm cho nỗi buồn nhớ trở nên trong sáng. Nếu Việt Bắc vẫn “một dạ kháng kháng đợi thuyền”, thì các cán bộ kháng chiến về xuôi có còn nhớ những kỷ niệm của một thời kháng chiến:

*“Minh về còn nhớ núi non  
Nhớ khi kháng Nhật thuở còn Việt Minh”*

Câu thơ như nhắc nhở người đi hãy nhớ về núi rừng Việt Bắc nơi căn cứ địa kháng chiến cùng với hai sự kiện lịch sử “khi kháng Nhật thuở còn Việt Minh”. Năm 1940 khi Nhật vào xâm lược nước ta, núi non Việt Bắc bắt đầu vào cuộc chiến đấu. Năm 1941, Việt Nam độc lập Đồng minh (còn gọi là Việt Minh) được thành lập. Đây là phong trào lớn mạnh đã tạo thành một mặt trận vũ trang góp phần làm nên chiến thắng của Cách mạng tháng Tám và tiền đề cho những thắng lợi kháng Pháp sau này.

*“Minh đi mình lại nhớ mình  
Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa”*

Chỉ với hai câu thơ nhưng tác giả đã gửi gắm rất nhiều tình cảm. Câu thơ sáu chữ có đến ba từ “mình” quện vào nhau nghe thật tha thiết và chân thành. Từ “mình” thứ nhất và thứ hai được dùng để chỉ người cán bộ về xuôi, còn từ “mình” thứ ba ta có thể hiểu theo nhiều cách. Nếu hiểu theo nghĩa rộng, “mình” là Việt Bắc, đại từ nhân xưng ngôi thứ hai, thì câu thơ mang hàm ý: Cán bộ về xuôi, có còn nhớ đến nhân dân Việt Bắc, nhớ đến người ở lại không? Thay “ta” bằng “mình” để chỉ người Việt Bắc là Tố Hữu muốn nhấn mạnh: “ta” và “mình” đã hòa vào nhau. Dù kẻ ở, hay người đi đều cùng một tâm trạng buồn nhớ như nhau. Ở nghĩa hẹp hơn, “mình” chính là cán bộ về xuôi – đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất – khiến cho câu thơ được hiểu theo nghĩa: Cán bộ về xuôi, có còn nhớ chính mình – nhớ những năm tháng chiến đấu gian khổ vì lí tưởng cao đẹp, vì độc lập tự do của dân tộc hay không? Với cách hiểu thứ hai này, người ở lại đã đặt ra một vấn đề có tính thời sự, sợ rằng mọi người sẽ ngủ quên

trên chiến thắng, quên đi quá khứ hào hùng của mình, thậm chí sẽ phản bội lại lí tưởng cao đẹp của bản thân. Nhà thơ Tố Hữu đã hình dung trước được diễn biến tâm lý của con người sau chiến thắng, đây quả là câu thơ mang tính triết luận và triết lý sâu sắc.

Đoạn thơ được khép lại bằng hình ảnh: Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa. Cây đa Tân Trào gợi nhắc sự kiện lịch sử ngày 22/12/1944 đồng chí Võ Nguyên Giáp làm lễ xuất quân cho đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân (sau này là Quân đội Nhân dân Việt Nam); Mái đình Hồng Thái gợi nhắc những cuộc họp quan trọng mang tầm chiến lược đi đến sự thắng lợi của Cách mạng. Tố Hữu lồng hai địa danh lịch sử vào trong câu thơ nhằm nhấn mạnh câu hỏi của người ở lại, đồng thời còn là lời nhắc nhở nhẹ nhàng: Không biết rằng cán bộ về xuôi có còn nhớ rằng chính là cái nôi của Cách mạng, là nguồn nuôi dưỡng Cách mạng hay không? Và liệu rằng cán bộ về xuôi có còn thủy chung, gắn bó với Việt Bắc như xưa không hay là đã thay lòng đổi dạ. Khởi đầu một quá vãng đầy kỷ niệm: cay đắng ngọt bùi, gian nan vất vả, người ở lại muốn khẳng định với người ra đi một điều: Nét đẹp cao quý của Việt Bắc chính là ở chỗ nghèo khổ mà chân tình rộng mở, sát son thủy chung với cách mạng, người cũng vậy mà thiên nhiên cũng vậy. Và cũng chỉ với 12 câu thơ, Tố Hữu đã đưa ta vào thế giới của hoài niệm và kỉ niệm, vào một thế giới êm ái, ngọt ngào, du dương của tình nghĩa Cách mạng. Cái hay nhất trong khổ thơ chính là Tố Hữu đã sử dụng rất khéo léo hai cụm từ đối lập "mình đi – mình về". Thông thường, đi và về là chỉ hai hướng trái ngược nhau, nhưng ở trong khổ thơ này thì "mình đi – mình về" đều chỉ một hướng là về xuôi, về Hà Nội. Với lối điệp cấu trúc kết hợp nhịp thơ 2/2/2 – 4/4, khiến cho âm điệu thơ trở nên nhịp nhàng, cân xứng giống như nhịp chèo của vông dong đưa, rất phù hợp với phong cách thơ trữ tình – chính trị của Tố Hữu. Thêm vào đó là một loạt câu hỏi tu từ kết hợp với điệp từ "nhớ" gợi cho ta cảm nhận được những cung bậc, những sắc thái khác nhau trong tâm trạng của người ở lại.

Trước những lời chia tay thương nhớ thiết tha ấy, người chiến sĩ cách mạng cũng như trái lòng mình nói lên những tâm tư tình cảm gắn bó:

*"Ta với mình, mình với ta*

*Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh*

*Mình đi, mình lại nhớ mình*

*Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu..."*

Lời thề nguyện vang lên rắn rỏi, cương quyết mà đầy ấp nghĩa tình. Nếu nước trong nguồn không bao giờ vơi cạn thì ân nghĩa của nhân dân Việt Bắc luôn được người đi khắc cốt ghi tâm. Dù ta có trở về nơi phố phường hoa lệ nhưng một mảnh đời ta đã để lại nơi núi rừng Việt Bắc. Vì thế, Việt Bắc chính là một phần tâm hồn, một phần máu thịt của ta. Câu thơ thứ ba cất lên như một lời hô đáp với nỗi băn khoăn của người ở lại, khẳng định tâm lòng thủy chung, trong sáng, sâu nặng, không kể xiết của người cán bộ về xuôi.

Tiếp theo là nỗi nhớ của người ra đi với một loạt những hình ảnh về thiên nhiên Việt Bắc thơ mộng:

*"Nhớ gì như nhớ người yêu*

*Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương*

*Nhớ từng bản khói cùng sương*

*Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.*

*Nhớ từng rừng nứa bờ tre*

*Ngòi Thia sông Đáy, suối Lê vơi đầy"*

## Thiên nhiên Việt Bắc vừa đơn sơ, vừa thơ mộng với ánh trăng trên đầu núi, nắng chiều trên nương rẫy. Có thể thấy rằng, nỗi nhớ của người ra đi cứ trải dài mênh mông trong không gian, trải dài triền miên theo thời gian và đi sâu vào tiềm thức của con người. Nỗi nhớ ấy gọi bao yêu thương, chia sẻ:

Thiên nhiên Việt Bắc vừa đơn sơ, vừa thơ mộng với ánh trăng trên đầu núi, nắng chiều trên nương rẫy. Có thể thấy rằng, nỗi nhớ của người ra đi cứ trải dài mênh mông trong không gian, trải dài triền miên theo thời gian và đi sâu vào tiềm thức của con người. Nỗi nhớ ấy gọi bao yêu thương, chia sẻ:

*"Ta đi, ta nhớ những ngày  
Minh đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...  
Thương nhau, chia củ sắn lùi  
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng"*

Sắn bùi, chăn sui là những hình ảnh quen thuộc, bình dị của cuộc sống chiến khu, đi liền với sự sẻ chia, đùm bọc. Dù sau này người đi có thưởng thức những cao lương mỹ vị chốn thị thành nhưng chắc hẳn chẳng thể nào quên củ sắn chia đôi, bát cơm sẻ nửa trong những ngày tháng gian nan, thiếu thốn. Trong những kỉ niệm về Việt Bắc, cán bộ cách mạng đã dành cho người mẹ nơi đây một tình cảm thật đậm sâu, tha thiết:

*"Nhớ người mẹ nắng cháy lưng  
Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô"*

Hình ảnh người mẹ tảo tần, lam lũ, không quản nắng cháy, mưa sa, mẹ vẫn cặm cụi địu con lên rẫy bẻ ngô nuôi cán bộ. Mẹ chất chiu, gom góp công sức nhỏ bé của mình vào cuộc kháng chiến lớn lao của dân tộc. Bà mẹ Việt Bắc gọi liên tưởng đến bà mẹ Tà Ôi trong thơ Nguyễn Khoa Điềm: "Mẹ già gạo mẹ nuôi bộ đội/ Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng".

Theo dòng hoài niệm về những năm tháng kháng chiến ở Việt Bắc, tác giả đã dành cho cảnh và người nơi đây một nỗi nhớ rất riêng:

*"Ta về, mình có nhớ ta  
Ta về ta nhớ những hoa cùng người  
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi  
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.  
Ngày xuân mơ nở trắng rừng  
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang  
Ve kêu rừng phách đổ vàng  
Nhớ cô em gái hái măng một mình  
Rừng thu trăng rọi hòa bình  
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung"*

Đoạn thơ gồm mười câu chia làm hai phần. Hai câu thơ đầu tiên như một lời nói đưa đẩy, giao duyên trong ca dao. Giọng thơ êm ái nhẹ nhàng, tiếp nối mạch đối đáp giao duyên già bạn, nhân vật trữ tình "ta" đã đối thoại với "mình". Câu hỏi tu từ kết hợp với điệp từ làm cho lời thơ vừa là lời đối thoại nhưng cũng là một gạch nối để "ta" bày tỏ nỗi lòng. Không đợi cho "mình" trả lời, nhân vật "ta" tiếp tục xác định nỗi nhớ của mình: "Ta về ta nhớ những hoa cùng người". Nhớ hoa và người là nhớ tới thiên nhiên tươi đẹp của Việt Bắc, nhớ tới những con người Việt Bắc cần cù đã từng cưu mang giấu bó với kháng chiến. Tám câu thơ tiếp theo miêu tả cảnh vật và con người lao động trong sự luân chuyển bốn mùa:

*"Ta về mình có nhớ ta  
 Ta về ta nhớ những hoa cùng người  
 Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi  
 Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng  
 Ngày xuân mơ nở trắng rừng  
 Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang  
 Ve kêu rừng phách đổ vàng  
 Nhớ cô em gái hái măng một mình  
 Rừng thu trăng rọi hòa bình  
 Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung"*

Bức tranh tứ bình hiện ra với màu xanh bát ngát của rừng già. Trên không gian lạnh lẽo, bạt ngàn thăm thẳm ấy là những đốm lửa đỏ lên ấm áp của sắc hoa chuối rừng. Cảnh vật Việt Bắc không còn hoang lạnh mà đẹp như một bức tranh. Sắc đỏ của hoa chuối rừng như thắp lên niềm tin yêu và trở thành điểm nhớ lung linh trong lòng người về xuôi. Giữa vẻ đẹp của sắc màu, hoa lá, hiện lên con người lao động làm chủ núi rừng. Con người đứng hiên ngang trên đỉnh đèo cao, ánh nắng chiếu vào dao gài thắt lưng tạo nên một sự phản quang lấp lánh. Câu thơ cho thấy sự khỏe khắn, vững chãi của người dân Việt Bắc.

Đồng qua, xuân đến, núi rừng Việt Bắc như phủ trắng một màu hoa mơ tình khiết, dịu dàng. Sắc trắng của hoa mơ đã đi vào thơ Tố Hữu bình dị, tự nhiên:

*" Ôi sáng xuân nay, xuân 41  
 Trắng rừng biên giới nở hoa mơ"*

Màu trắng ấy tạo nên một cảm giác thơ mộng, trong lành. Động từ "nở" khiến cho màu sắc như đang vận động. Đất trời phơi phơi tràn đầy sắc xuân. Sức xuân nổi lên trên nền không gian thanh sạch đó là hình ảnh của con người cần cù, chịu khó "chuốt từng sợi giang". Động từ "chuốt" gợi lên sự khéo léo, tài hoa, nhẫn nại của con người Việt Bắc. Trong nỗi nhớ đầy vui về Việt Bắc không chỉ có màu đỏ của hoa chuối, sắc trắng của hoa mơ mà còn có cả màu vàng óng của những cây phách rừng. Tiếng nhạc ve đã gọi mùa hè tới làm rung chuyển núi rừng khiến những bông hoa phách đồng loạt đổ sang màu vàng. Từ "đổ" được dùng hết sức tinh tế. Nó diễn tả sự chuyển đổi sắc màu một cách nhanh chóng, rộng khắp, lượng như âm thanh tiếng ve cũng óng ánh vàng. Hiện lên trên nền bức tranh sôi động ấy là dáng hình cô sơn nữ. Cách gieo vần "ai" và điệp phụ âm "máng một mình" khiến nhịp điệu câu thơ trở nên quyến luyến, dịu dặt. Dẫu chỉ có một mình giữa núi rừng bao la nhưng hình ảnh thơ không gợi sự cô đơn, hiu hắt mà trái lại rất đỗi gần gũi, thân thương. Hai chữ "một mình" gợi biết bao yêu mến như chàng trai trong ca dao từng thủ thỉ: "Chin thương em ở một mình..."

Tron vẹn và hoàn thiện bức tranh tứ bình Việt Bắc là nét vẽ về mùa thu nơi đây. Bức tranh mùa thu được soi chiếu trong ánh trăng êm dịu, thanh bình. Câu thơ sáu chữ miêu tả vẻ đẹp Việt Bắc trong không gian đêm khuya với vàng trăng vừa thơ mộng, vừa mang ý nghĩa biểu tượng sâu xa. Trăng là vẻ đẹp cao khiết, là khát vọng hòa bình, là độc lập tự do. Để có được ánh trăng ấy, dân tộc ta đã trải qua biết bao hi sinh, gian khổ. Vì vậy, sau câu thơ tả cảnh trăng rừng, ta còn nhận ra biết bao ân tình, ân nghĩa, bao đóng góp, hi sinh. Câu thơ tám chữ khắc họa hình ảnh con người không phải bằng dáng

hình, đường nét mà bằng âm thanh. Tiếng hát "ân tình, thủy chung" vang lên vừa gợi nhắc tâm hồn lạc quan, lãng mạn, vừa nhắc về tình người của người dân Việt Bắc son sắt. Tiếng hát đặt ở cuối đoạn thơ giống như khúc vĩ thanh vang vọng về nghĩa tình của nhân dân, đồng bào Việt Bắc. "Không phải là một cây bút trong tay Tố Hữu nữa mà là nhiều ngọn bút nở ra cùng một lúc. Bút tả tình, bút tả cảnh, bút tả người" (Xuân Diệu). Ngon bút tài hoa trong tay người họa sĩ - thi sĩ đã tạo nên bức tranh tứ bình đặc sắc và tự nhiên, gần gũi như chính cuộc sống của thiên nhiên và con người nơi núi rừng. Có thể nói, nỗi nhớ của người ra đi giống như những sợi nhớ, sợi thương giăng mắc khắp đoạn thơ và dệt nên bức tranh bốn mùa với vẻ đẹp hài hòa của cảnh, tươi thắm của tình. Cách xưng hô mình - ta tha thiết với nhạc điệu trầm bổng du dương khiến đoạn thơ mang âm hưởng sâu lắng, êm ái như một khúc hát ru, hát về những kỉ niệm không thể nào quên.

Trong nỗi nhớ của người cán bộ về xuôi hiện về hình ảnh những ngày tháng gian khổ kháng chiến, cùng với thiên nhiên Việt Bắc cánh vật nơi đây đã tạo ra một trận địa phức tạp, đồng thời thể hiện niềm tự hào thầm kín của nhà thơ với chiến khu Việt Bắc với cuộc kháng chiến hào hùng:

*"Nhớ khi giặc đến giặc lùng  
Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây  
Núi giăng thành lũy sắt dày  
Rừng che bộ đội rừng vây quân thù"*

Trong những ngày đầu kháng chiến gian khổ của giai đoạn cầm cự, phòng ngự, bộ đội phải dựa vào dân, dựa vào núi rừng Việt Bắc hiểm trở để đánh địch. Trước giờ khắc quyết định của lịch sử, không chỉ nhân dân mà cả núi rừng cùng đồng vùng lên, chung sức đánh Tây. Với cuộc kháng chiến đầy gian lao của quân và dân Việt Bắc, núi rừng cũng trở nên có chí, có tình người, đã trở thành những người bạn, những người đồng đội, những chiến sĩ anh hùng của toàn quân. Chỉ với bốn câu thơ, chữ "rừng" và "núi" được lặp đi lặp lại đến năm lần, nó rói kín câu thơ, rói kín đất Việt Bắc tạo lên thế hiểm của trường thành của lũy thép vây bọc quân thù. Nhớ về lúc kháng chiến, khi giặc đánh giặc lùng, cũng là khi quân ta đang khó khăn xoay sở tình thế, ta biết địch mạnh hơn ta rất nhiều, nhưng trên trận địa quen thuộc nói là thua địch cũng không phải là dễ. "*Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây*", bằng phép nhân hóa rừng bạt ngàn cây với bao la núi đá để rồi trên dưới một lòng cùng con người đánh đuổi quân xâm lược, nhà thơ đã thể hiện tình cảm giữa con người kháng chiến và thiên nhiên núi rừng Việt Bắc rất tha thiết, bao la. Ở cấp lục bát thứ hai ta sẽ thấy rõ hơn công việc của thiên nhiên núi rừng Việt Bắc. Núi thì giăng thành lũy, rừng thì đảm nhận hai công việc. Như một người mẹ che chở cho con mình, rừng bao bọc cho bộ đội trước mặt kẻ thù cướp nước. Rừng trở nên kiên quyết đến dữ dằn cùng với việc vây quân thù để tiêu diệt, cái trùng trùng điệp điệp của rừng, cái khi thể hiện ngang kiêu hùng của những vách núi đã làm cho biết bao kẻ thù khiếp sợ và bắt lụy. Quả thật Việt Bắc đã trở thành "Địa linh nhân kiệt" kể từ đó. Qua đó càng làm sáng tỏ thêm nhận định: Việt Bắc là cái nôi của cách mạng dân tộc ta.

Chiến khu Việt Bắc với thiên nhiên khắc nghiệt, vừa hùng tráng vừa thơ mộng ở cấp lục bát tiếp theo là hình ảnh thiên nhiên, đất trời Việt Bắc trong giai đoạn kháng chiến.

*"Mênh mông bốn mặt sương mù  
Đất trời ta cả chiến khu một lòng"*

Trời đất bị chìm lấp trong cả màn sương giăng khắp nơi, khiến cho khung cảnh chiến đấu trở nên uy linh và không kém phần lãng mạn. Những dù giữa một biển sương mù khó khăn, con người vẫn không mất đi vẻ đẹp lãng mạn của lòng mình. Với hình ảnh chọn lọc "mệnh mỏng bốn mặt sương mù", chiến khu mang nét đặc trưng rộng lớn, đồng thời thể hiện sự phát triển của kháng chiến, chiến khu giải phóng được mở rộng hơn. Cùng với cụm từ "Đất trời ta cả" khẳng định quyền làm chủ vùng giải phóng, và sự tương phản "Mệnh mỏng bốn mặt" và "chiến khu một lòng", nhà thơ muốn nói lên cả vũ trụ, núi rừng Việt Bắc giờ đây đang cùng nhìn về một hướng, đang hướng về cuộc chiến đấu, hướng về sứ mệnh bảo vệ quê hương đất nước yêu dấu của mình. Sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc đã làm nên những chiến công vang dội, hàng loạt những địa danh vang lên, mỗi nơi đều gắn với một thắng lợi vinh quang.

*"Ai về ai có nhớ không?  
Ta về ta nhớ Phú Thông, đèo Giàng  
Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng  
Nhớ từ Cao - Lạng nhớ sang Nhị Hà "*

Bằng câu hỏi tu từ, hỏi nhưng không cần trả lời, nhà thơ đã thể hiện niềm vui to lớn trước chiến thắng vẻ vang của dân tộc. Sau đó là câu trả lời: "Ta về ta nhớ" vừa là câu trả lời, đồng thời cũng là câu nói khẳng định ẩn chứa biết bao niềm tự hào không nhỏ. Phép liệt kê các địa danh ở Việt Bắc gắn liền với những sự kiện quan trọng như Phú Thông, đèo Giàng, là nơi đã diễn ra các trận hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Sông Lô phố Ràng: Trận sông Lô đánh tàu chiến Pháp trong Chiến dịch Việt Bắc và trận đánh đồn phố Ràng. Cao - Lạng : Cao Bằng và Lạng Sơn, năm 1950 ta mở chiến dịch giải phóng biên giới Việt - Trung. Đó là những chiến công tiêu biểu góp phần quan trọng, mang tính quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến. Những bước đầu quan trọng ấy đã làm thay đổi cục diện chiến trường, tạo thế và lực cho cuộc kháng chiến, củng cố niềm tin vào thắng lợi cuối cùng. Cùng với điệp từ "nhớ" - nhớ đến những trận đánh, những chiến công oanh liệt như thế là niềm tự hào của cá nhân những người tham gia kháng chiến. Chiến thắng nào mà chẳng phải trả giá. Có lẽ họ không những nhớ đến những chiến công oanh liệt như thế mà còn nhớ về những kỉ niệm buồn bên đồng đội của mình, họ đã ra đi vĩnh viễn trong nước mắt và sự xót thương của cả dân tộc. Qua đó nhà thơ như cũng muốn nhắc nhở nên làm hương để tưởng nhớ những người đã ngã xuống vì nghĩa lớn, vì sự nghiệp của dân tộc, của đất nước. Điệp từ "nhớ" cùng với thể thơ lục bát âm điệu nhẹ nhàng, ngọt ngào, sâu lắng, diễn tả nỗi nhớ với đầy dào dạt trong kí ức của nhà thơ. Giọng thơ thay đổi linh hoạt, lúc trầm lắng, lúc mạnh mẽ mãnh liệt trong niềm vui, khiến độc giả cảm thấy như đang hòa mình vào niềm vui lớn của dân tộc, niềm vui trọn vẹn khi đất nước hoàn toàn tự do.

Và thế rồi không ai bảo ai, cá kè ở người đi đều nhớ đến những ngày rào riết chuẩn bị hành quân cho cuộc chiến đấu chống lại chiến dịch của thực dân Pháp. Khi ấy chính là lúc tinh quân dân thể hiện rõ nhất:

*"Những đường Việt Bắc của ta  
Đêm đêm rầm rập như là đất rung  
Quân đi điệp điệp trùng trùng  
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan  
Dân công đỏ đuốc từng đoàn  
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.*

*Nghìn đêm thăm thẳm sương dày  
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.  
Tin vui chiến thắng trăm miền  
Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về  
Vui từ Đồng Tháp, An Khê  
Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng. "*

Đó là cảnh hành quân của những người chiến sĩ và nhân dân Việt Bắc. Tất cả đồng lòng như một. "Ánh sao" để chỉ người chiến sĩ còn "mũ nan" chính là những người dân quân Việt Bắc. Cả hai cùng đồng lòng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ. Những đoàn dân quân với những ngọn đuốc trên tay như soi sáng cả bầu trời Việt Bắc. Ngọn đuốc ấy như một lý tưởng quyết tâm chiến đấu để bảo vệ đất nước đánh đuổi kẻ thù. Khí thế của tất thấy với sức mạnh giống như là "nát đá". Bằng biện pháp nghệ thuật phóng đại sức mạnh của nhân dân ta như được thể hiện rõ hơn. Nghìn đêm nhân dân ta phải sống trong cảnh khó khăn vất vả. Thế rồi hình ảnh "đèn pha" bật sáng như thể hiện một niềm tin vào tương lai tươi sáng của dân tộc. Họ đã sống trong khổ khổ để bật phá rũ bùn đứng dậy đấu tranh vì một niềm tin vào tự do hạnh phúc. Bọn giặc kia sẽ phải cút ra khỏi đất nước ta, trả lại cho nhân dân ta một cuộc sống tự do và toàn vẹn lãnh thổ. Vậy là sau bao nhiêu khổ cực khó khăn, nhân dân ta đã dành được chiến thắng. Tin vui ấy lan rộng ra khắp không gian, từ Hòa Bình, đến Tây Bắc và Điện Biên... Khác với những giai điệu tình nghĩa, mượt mà ở đoạn trên, đoạn thơ này đã khái quát một bức tranh sử thi hoành tráng, ngợi ca sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và nhân dân anh hùng. Thể thơ lục bát được thể hiện linh hoạt, giọng điệu sôi nổi, dào dạt đã tạo nên một khúc ca anh hùng tràn đầy cảm hứng tự hào về cuộc kháng chiến của dân tộc.

Kết thúc đoạn thơ, một lần nữa nhà thơ khẳng định ý nghĩa của Việt Bắc, chiếc nôi của cách mạng trong suốt chặng đường kháng chiến gian lao. Việt Bắc là nơi chờ che, cứu mạng, là nơi thăm thiết nghĩa tình. Đúng như tác giả từng tâm sự: "Việt Bắc trở thành quê hương tinh thần của chính tôi và của mọi người. Cho nên nỗi niềm riêng của tôi cho Việt Bắc đã trở thành nỗi niềm chung của cán bộ chiến sĩ và nhân dân".

Với thể thơ lục bát uyển chuyển, linh hoạt, giọng điệu tâm tình, sâu lắng, thiết tha, kết cấu đối đáp "mình – ta" ngọt ngào, ngôn ngữ giản dị, mộc mạc, bài thơ Việt Bắc đã tái hiện những năm tháng gian lao và anh hùng của dân tộc qua sự đậm thắm, yêu thương. Xuyên suốt những câu thơ của Tố Hữu là câu hỏi hướng về cội nguồn đạo lý. Việt Bắc xứng đáng là đỉnh cao của thơ Tố Hữu và của thơ ca kháng chiến chống Pháp.



# BÀI 6: HƯỚNG DẪN ĐỌC HIỂU MỘT SỐ TÁC PHẨM VĂN HỌC VIỆT NAM SAU 1975

## Văn bản

*Hoàng Phủ Ngọc Tường*

### 1. Tác giả

- Sinh ra, nhiều năm sống và hoạt động cách mạng, công tác tại Huế ⇒ Gắn bó với đất và người nơi đây, am hiểu sâu sắc cội nguồn và linh hồn văn hóa xứ sở.

- Là một tri thức yêu nước.

- Ông có vốn hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực.

- Các sáng tác:

+ Sờ trường: bút kí, tùy bút.

+ Phong cách nghệ thuật: Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất tri tuệ và chất trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với suy tư đa chiều trên nền tảng hiểu biết sâu rộng về triết học, văn hoá, lịch sử...

### 2. Tác phẩm

#### a. Xuất xứ:

Bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông* được sáng tác tại Huế năm 1981. Bài kí gồm 3 phần trích trong tập kí cùng tên.

#### b. Nhan đề

Cách đặt nhan đề bằng câu hỏi "Ai đã đặt tên cho dòng sông?" bằng câu hỏi vừa gợi sự lôi cuốn, hấp dẫn, vừa thôi thúc người đọc tìm lời giải đáp. Thiên nhiên đã đặt tên cho dòng sông Hương, văn hóa, lịch sử đã gọi tên dòng sông thơ mộng hay bởi tình yêu, sự gắn bó của nhân dân xứ Huế đối với sông nước quê hương nên họ đã nắn nót hàng trăm loại hoa thơm đổ xuống lòng sông để làm nước tỏa hương mãi mãi? Câu hỏi trong nhan đề đã khai phá, xây dựng, bồi đắp để làm nên vẻ đẹp rất thơ mộng, tinh tú cho đất Huế.

#### c. Bố cục

- Phần 1: Vẻ đẹp sông Hương dưới góc nhìn địa lý.

- Phần 2: Vẻ đẹp sông Hương dưới góc nhìn lịch sử, cuộc đời và thi ca.

.....

Nguồn cảm hứng của biết bao thi sĩ

Câu hát "Ai đã đặt tên cho dòng sông?"

Góc nhìn thi ca

Thế kỉ XV ở "Tư địa chí"

Thế kỉ XVIII với triều đình của Nguyễn Huệ

Thế kỉ XIX với những chiến thắng của Cách mạng tháng Tám

Nhân vật

Góc nhìn lịch sử  
và thi ca

Góc nhìn lịch sử





Góc nhìn địa lý

Ở trong nguồn

Vẻ đẹp hoang sơ, dữ dội, hùng tráng

Vẻ đẹp đì dỏm say đắm, nên thơ, trữ tình

Ở ngoài vs thành phố

Lịch sử ngàn năm

Rừng xanh

Chùa Vàng Cát Tiên Trục, Long Sơn

Quê hương cây đời Tây Nam thành phố

Chùa những làng xưa, đền đài

Góp tiếng chuông chùa Thiên Mụ

Khi đến thành phố

Trên Sa lùn bãi ở ngoài ở Kim Long

Chùa một thành phố ở chùa Cổ Trấn

Đầu và cuối ngàn thành phố

Đến hương của chùa xưa

Sông Hương trong khuôn khổ trung tâm sông Hương

Khi rời khỏi lịch sử

Chùa và hương chùa ở Bắc

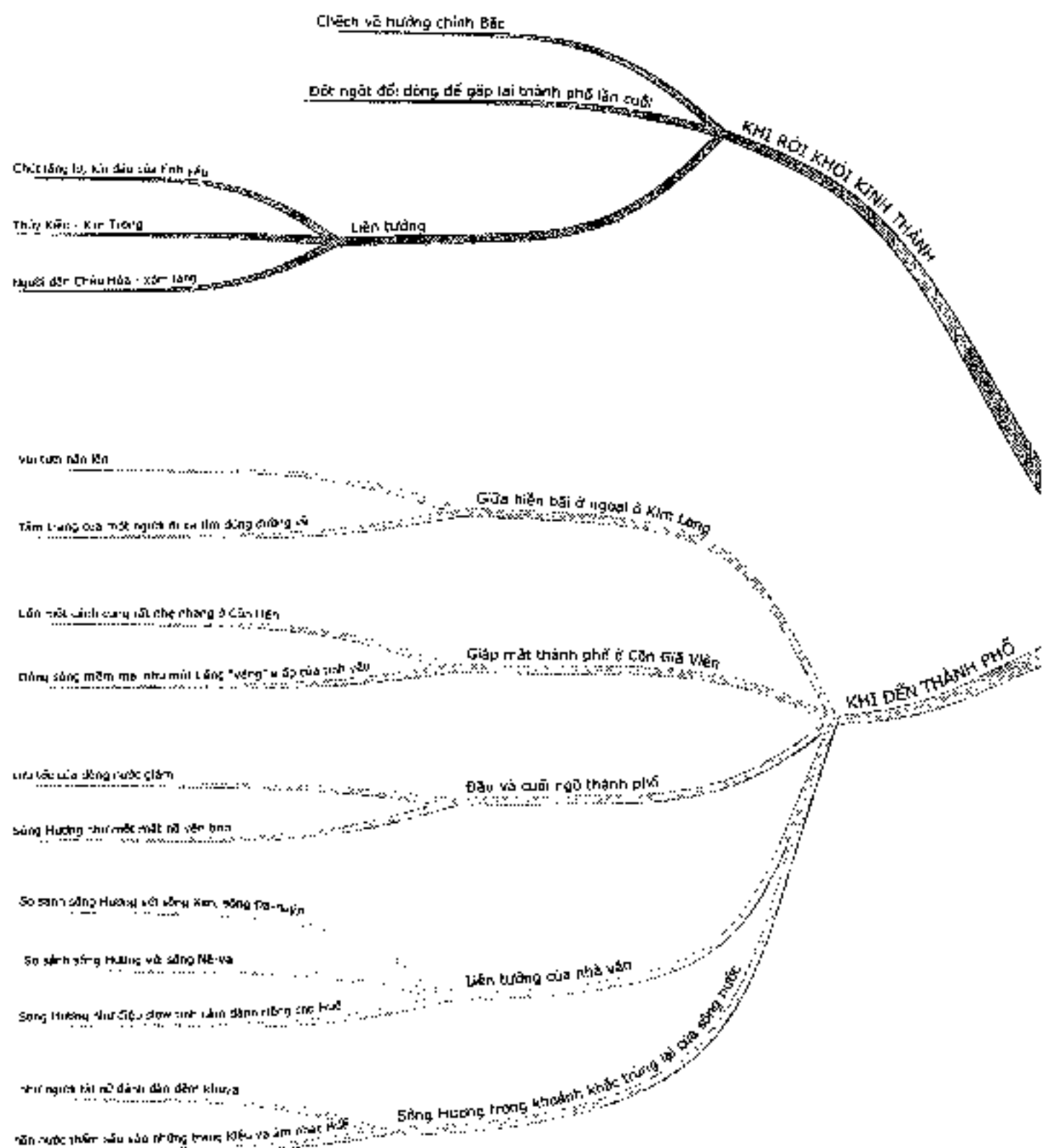
Đến ngôi đền dòng để gặp lại dòng phố cổ xưa

Lưu hương

# CHUYÊN ĐỀ: SÔNG HƯƠNG

## QUY TRÌNH PHÂN TÍCH

### 1. Sông Hương dưới góc nhìn địa lý



88-1107-4 2000 1 20 10

Hàm số liên tục trên  $\mathbb{R}$  và  $\mathbb{R}^n$

Mānuka Health Group Ltd. 0800 678 999

Chuyện xảy ra những lúc trời vào đông, gió.

**KHÔNG PHẢI**, như là ông M.-van der Linden đang nói.

பேரக. தீர்மானம் 1987-88

<sup>52</sup> C đẹp là luật chơi người ta phải có một vùng văn hóa

Đặc biệt là luật chống rửa tiền phải có một ứng dụng hóa  
lồng thu năng suất còn rất bất cập và đang bị động khi phải hướng đi.

*How do you see your role among other artists here, both past and present?*

Và đây là những câu chuyện cuối cùng:

စာအုပ်အမျိုးအစား: လမ်းညွှန်

ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐĂNG QUẢN

၆၈၂ နှစ် ၂ နှစ်၊ ငယ်စုကွယ်လွန်သည့်အခါက ရှိခဲ့သည်။

hệ cấp tính có 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 183, 184, 185, 186, 187, 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 197, 198, 199, 200, 201, 202, 203, 204, 205, 206, 207, 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 218, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 225, 226, 227, 228, 229, 230, 231, 232, 233, 234, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 258, 259, 260, 261, 262, 263, 264, 265, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276, 277, 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 302, 303, 304, 305, 306, 307, 308, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332, 333, 334, 335, 336, 337, 338, 339, 340, 341, 342, 343, 344, 345, 346, 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 354, 355, 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 372, 373, 374, 375, 376, 377, 378, 379, 380, 381, 382, 383, 384, 385, 386, 387, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 394, 395, 396, 397, 398, 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 406, 407, 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 420, 421, 422, 423, 424, 425, 426, 427, 428, 429, 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 437, 438, 439, 440, 441, 442, 443, 444, 445, 446, 447, 448, 449, 450, 451, 452, 453, 454, 455, 456, 457, 458, 459, 460, 461, 462, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 469, 470, 471, 472, 473, 474, 475, 476, 477, 478, 479, 480, 481, 482, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 491, 492, 493, 494, 495, 496, 497, 498, 499, 500, 501, 502, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 509, 510, 511, 512, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524, 525, 526, 527, 528, 529, 530, 531, 532, 533, 534, 535, 536, 537, 538, 539, 540, 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 551, 552, 553, 554, 555, 556, 557, 558, 559, 560, 561, 562, 563, 564, 565, 566, 567, 568, 569, 570, 571, 572, 573, 574, 575, 576, 577, 578, 579, 580, 581, 582, 583, 584, 585, 586, 587, 588, 589, 590, 591, 592, 593, 594, 595, 596, 597, 598, 599, 600, 601, 602, 603, 604, 605, 606, 607, 608, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 615, 616, 617, 618, 619, 620, 621, 622, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 629, 630, 631, 632, 633, 634, 635, 636, 637, 638, 639, 640, 641, 642, 643, 644, 645, 646, 647, 648, 649, 650, 651, 652, 653, 654, 655, 656, 657, 658, 659, 660, 661, 662, 663, 664, 665, 666, 667, 668, 669, 670, 671, 672, 673, 674, 675, 676, 677, 678, 679, 680, 681, 682, 683, 684, 685, 686, 687, 688, 689, 690, 691, 692, 693, 694, 695, 696, 697, 698, 699, 700, 701, 702, 703, 704, 705, 706, 707, 708, 709, 710, 711, 712, 713, 714, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721, 722, 723, 724, 725, 726, 727, 728, 729, 730, 731, 732, 733, 734, 735, 736, 737, 738, 739, 740, 741, 742, 743, 744, 745, 746, 747, 748, 749, 750, 751, 752, 753, 754, 755, 756, 757, 758, 759, 760, 761, 762, 763, 764, 765, 766, 767, 768, 769, 770, 771, 772, 773, 774, 775, 776, 777, 778, 779, 780, 781, 782, 783, 784, 785, 786, 787, 788, 789, 790, 791, 792, 793, 794, 795, 796, 797, 798, 799, 800, 801, 802, 803, 804, 805, 806, 807, 808, 809, 810, 811, 812, 813, 814, 815, 816, 817, 818, 819, 820, 821, 822, 823, 824, 825, 826, 827, 828, 829, 830, 831, 832, 833, 834, 835, 836, 837, 838, 839, 8

~Eun ulstam lun

ឯកសារ ១២២ របស់ ៣

சுர பதன வ்யாசன மஹா மஹி

và đẹp lung linh, rực rỡ

209 頁

26. **Answer: A**

... và đạo hạnh, dẫu đời, hừng sáng

Hệ đẹp đẽ dàng, say đắm, yên tho, trữ tình

ĐI THƯỜNG NGUỒN

Song

*Strong dust*

Good night

*John Ly*

C. NGOẠI VI THÀNH PHỐ

Cảnh Giang Châu Họa

အ.အ. ကြော်ငြာ လုပ်ငန်း

Đuơng Văn Cẩn, Tam Thai, Lưu Báo

Quê hương này đổi Tây Nam thành phò

Qua hàng lạng tám, đến đây

Đầy tiếng chuông chùa Thiên Mụ

**a. Sông Hương ở thượng nguồn**

- Vẻ đẹp hoang sơ, dữ dội, hùng tráng:

- + Bản trường ca của rừng già.
- + Rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn.
- + Mạnh liệt vượt qua ghềnh thác.
- + Cuộn xoáy như những cơn lốc vào đáy vực sâu.
- + Nhân hóa: sông Hương như cô gái Di-gan man dại, phóng khoáng.

- Vẻ đẹp dịu dàng, say đắm, nên thơ, tinh tú:

- + Dịu dàng, say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng.
- + Mang trong mình sắc đẹp tri tuệ để che chở, yêu thương con như người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở.
- + Vẻ đẹp lắng sâu của người con gái biết cách lự sửa mình để đóng kín cái phần hoang dại ở cửa rừng...

**b. Sông Hương ở ngoại vi thành phố**

- Khi đến cánh đồng Châu Hóa:

+ Sông Hương như một cô gái đẹp ngủ mơ màng chờ người tình đến đánh thức.

- + Mang vẻ đẹp lãng mạn của câu chuyện cổ tích.

- Khi ra khỏi rừng:

- + Sông Hương chuyển động liên tục.
- + Ôm lấy chân đồi Thiên Mụ.
- + Trôi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách.
- + Mang vẻ đẹp linh hoạt, khao khát, rạo rực sức trẻ.

- Qua Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo: sông Hương mềm như tấm lụa.

- Qua những dãy đồi phía Tây Nam thành phố:

+ Sông Hương ánh lên những mảng phản quang nhiều màu sắc "sớm xanh, trưa vàng, chiều tím".

- + Mang vẻ đẹp rực rỡ, lung linh.

- Qua những làng tắm, đền đài:

- + Mặt nước phẳng lặng.

Với cái nhìn đa tình, Hoàng Phủ Ngọc Tường luôn quan sát sông Hương qua tâm hồn người thiếu nữ: từ cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại ở thượng nguồn đến tiếng nói "văn" dịu dàng đầy e ấp của tình yêu, từ bà mẹ phù sa với tấm lòng chất chiu, hi sinh cao cả tới tâm trạng vương vấn, khao khát của người thiếu nữ đợi người tình đến đánh thức. Tất cả những liên tưởng đó đã vẽ nên một bức tranh phong cảnh thiên nhiên giàu màu sắc, tươi tắn nhưng rất mực thanh thoát, nhẹ nhàng. Đằng sau mỗi câu văn miêu tả thiên nhiên luôn hiện lên bóng hình người con gái Huế phóng khoáng, mạnh liệt mà dịu dàng, sâu lắng.

- + Không gian bờ bãi u tịch.
- + Liên tưởng đến triết học, thơ cổ.
- + Mang vẻ đẹp trầm mặc "như triết lí, như cổ thi".
- Khi gặp chùa Thiên Mụ: sông Hương tươi tắn hẳn lên.

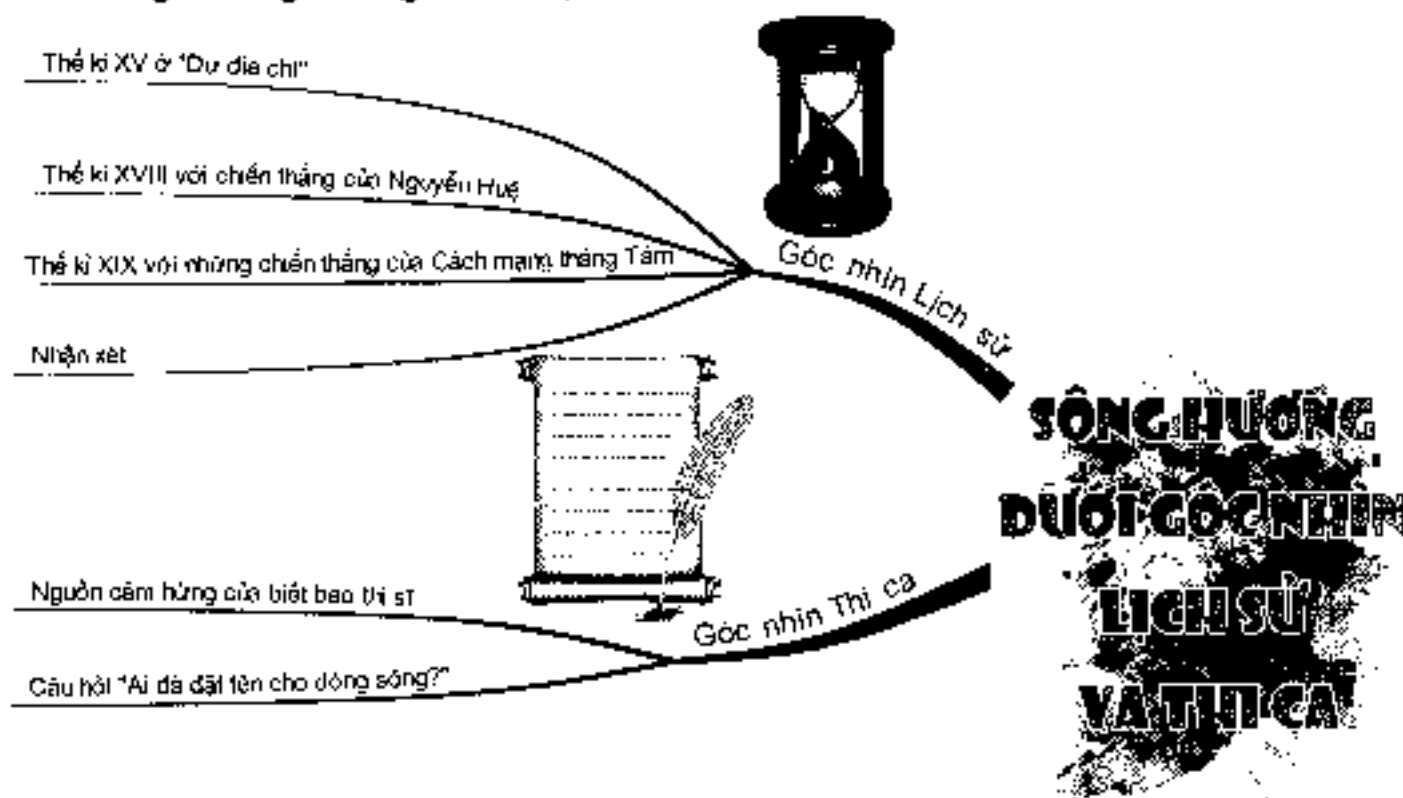
*c. Khi sông Hương đến thành phố*

- Giữa những biển bãi xanh biếc của ngoại ô Kim Long:
  - + Sông Hương vui tươi hẳn lên.
  - + Tâm trạng của một người đi xa tìm đường về.
- Khi giáp mặt thành phố ở Cồn Giã Viên:
  - + Sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ sang Cồn Hến.
  - + Dòng sông mềm mại như một tiếng "văng" e ấp của tình yêu.
- Ở đầu và cuối ngõ thành phố:
  - + Lưu tốc của dòng nước giảm.
  - + Sông Hương như một mặt hồ yên tĩnh.
- Liên tưởng của nhà văn:
  - + So sánh sông Hương với sông Xen, sông Đa-nyúp → niềm tự hào về dòng sông quê hương.
  - + So sánh sông Hương với sông Nê-va ⇒ sông Hương như điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế.
- Sông Hương trong khoảnh khắc chùng lại của sông nước:
  - + Sông Hương như người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya.
  - + Hồn nước thấm sâu vào những trang Kiều và âm nhạc Huế.

*d. Sông Hương khi rời khỏi kinh thành Huế*

- Chênh vè hướng chính Bắc
- Đột ngột đổi dòng để gặp lại thành phố lần cuối
  - Liên tưởng:
    - + Chút lẳng lơ, kín đáo của tình yêu
    - + Sông Hương chia tay Huế như cuộc chia tay của Thúy Kiều và Kim Trọng.
    - + Sông Hương đối với Huế như tấm lòng người dân Châu Hóa xưa thủy chung, nghĩa tình với xóm làng.

## 2. Sông Hương dưới góc nhìn lịch sử và thi ca



### a. Trong mối quan hệ với lịch sử:

- Thế kỉ XV ở "Đur địa chí" của Nguyễn Trãi.
- Thế kỉ XVIII qua chiến thắng của anh hùng Nguyễn Huệ.
- Thế kỉ XIX với máu của các cuộc khởi nghĩa, đi vào thời đại của Cách mạng tháng Tám bằng những chiến công rung chuyển.

→ Sông Hương song hành cùng những bước thăng trầm của lịch sử dân tộc. Sông Hương là dòng sông của thời gian ngàn vàng, của sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc.

### b. Trong mối quan hệ với thi ca:

- Có một dòng sông thi ca về sông Hương mà nước luôn đổi màu: thơ Tản Đà, Cao Bá Quát, Bà Huyện Thanh Quan, Tố Hữu...

- Câu hỏi: "Ai đã đặt tên cho dòng sông?"

+ Không phải để hỏi nguồn gốc của một danh xưng địa lý thông thường mà là một sự nhấn mạnh, ẩn chứa niềm tự hào sâu sắc về dòng sông quê hương.

+ Gợi mở cho người đọc những hướng trả lời khác nhau bằng trải nghiệm văn hóa của bản thân.

**Sông Hương là dòng sông của cái đẹp chảy trôi vĩnh hằng.**



"Ồi những dòng sông bắt nước từ đâu  
Mà khi về Đất Nước mình thì cất lên câu hát  
Người đến hát khi chèo đò, kéo thuyền vượt thác  
Gọi trăm màu trên trăm dáng sông xuôi"

(Đất Nước - Nguyễn Khoa Điềm)

Đất nước Việt Nam có trăm núi nghìn sông điểm lẹ. Mỗi con sông chảy qua một vùng châu thổ bao giờ cũng tạo nên một bản sắc văn hóa riêng. Sông chảy vào tâm hồn nhân dân như biểu tượng của sự đắp bồi, xây dựng, biểu tượng của cuộc sống cần cù, bất diệt. Đúng như Nguyễn Khoa Điềm từng tâm sự: "Sông mang ý nghĩa của sự sống, của tình yêu và khát vọng". Đoạn thơ gọi cho ta hình ảnh của những dòng sông không biết đến từ bến bờ nào nhưng khi hòa vào đất Việt lại vang lên biết bao câu hát, điệu hò. Đó là dòng Sông Đà hùng vĩ, mệnh mang nhưng cũng rất đời trử tình trong tùy bút của Nguyễn Tuân, là dòng sông Hồng "đồ nặng phù sa" mà Nguyễn Đình Thi đau đáu trong từng dòng hồi ức, là dòng sông kháng chiến trong những trang tiểu thuyết của tác giả *Những đứa con trong gia đình*, là dòng sông Mã anh hùng trong cái nhìn của người chiến sĩ Tây Tiến Quang Dũng... Và với Hoàng Phủ Ngọc Tường, người gắn bó máu thịt với xứ Huế mộng mơ, cổ kính, sông Hương đã trở thành một biểu tượng về cái đẹp vĩnh hằng, tha thiết. Bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* chính là tiếng lòng thốn thức của người nghệ sĩ xứ Huế dành cho dòng sông thơ mộng này.

Trong tác phẩm *Sử thi buồn*, Hoàng Phủ Ngọc Tường từng ngưỡng mộ: "*Sông Hồng là nỗi nhớ về phù sa của đời người, sông Cửu Long là sức mạnh đi tới hiện và sông Hương như nỗi hoài vọng về một cái đẹp nào đó chưa đạt tới*". Phải chăng, vì vẻ đẹp bí ẩn không dễ nắm bắt của Hương giang nên ngòi bút trong tay nhà văn biến hóa tài tình để làm nổi bật tính cách và diện mạo của con sông. Trước hết, tác giả dẫn ta trở về với khúc sông thượng nguồn để khám phá. "Hình như chỉ có sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất". Đây chẳng phải là vẻ đẹp chung tình, sắt son của sông nước với thành phố Huế hay sao? Nghĩ về Huế là nghĩ về sông Hương nên điểm nhìn nghệ thuật của nhà văn đều bắt đầu từ con sông này. Trước khi về vùng châu thổ êm đềm, sông Hương hiện lên với vẻ đẹp hoang sơ, dữ dội, hùng tráng. Nó là "bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa rừng cây đại ngàn, mãnh liệt giữa những ghềnh thác, cuộn cuộn như cơn lốc vào đáy vực sâu". Với cái nhìn bất ngờ và ngòi bút nhân hóa tài tình, Hoàng Phủ Ngọc Tường liên tưởng sông Hương như một cô gái Di-gan "phóng khoáng và man dại" bởi rừng già đã hun đúc cho sông Hương một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do, trong sáng. Đó chính là phần hồn thắm thắm sâu của dòng sông.

Có lúc, nhà văn nhìn sông Hương dịu dàng, say đắm giữa "những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng". Tới khi ra khỏi rừng già, dòng sông nhanh chóng mang sắc đẹp dịu dàng, trí tuệ để che chở, yêu thương con như "bà mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở". Từng ngày, từng giờ, con sông cần mẫn bồi đắp sự sống cho quê hương. Hoàng Phủ Ngọc Tường nhận ra hành trình sông Hương từ thượng nguồn ra biển còn có vẻ đẹp kín đáo, lặng sâu của người con gái biết cách tự sửa mình để đóng kín cái phần hoang dại ở cửa rừng rồi ném chìa khóa trong những hang đá dưới chân núi Kim Phụng. Hành động này phải chăng là cách bày tỏ ước nguyện được hòa nhập vào nét văn hóa

trầm mặc, cổ kính của kinh thành Huế. Ở đoạn văn mở đầu, tác giả đã khắc họa vẻ đẹp sông Hương với hai nét tính cách: vừa phóng khoáng, man dại, vừa dịu dàng, thơ mộng, đắm say.

Khi về đến cánh đồng Châu Hóa đầy hoang dại, sông Hương giống như người con gái đẹp ngủ mơ màng chờ đợi người tình đến đánh thức. Với sự liên tưởng này, tác giả đã gợi nhắc tới một câu chuyện tình yêu lãng mạn, mang sắc màu cổ tích. Ra khỏi rừng, sông Hương như bừng tỉnh sau một giấc ngủ dài để hiện lên vóc dáng và sức sống mới. Nó "chuyển động liên tục", "uốn mình theo những đường cong thật mềm". Hành trình đến với người tình mong đợi của con sông Hương phải trải qua nhiều thử thách, đi qua ngã ba Tuần, điện Hòn Chén, vấp Ngọc Trán, bãi đất Nguyệt Biều, Lương Quán rồi chuyển hướng về phía Đông Bắc, ôm lấy chân chùa Thiên Mụ và xuôi dần về Huế. Như vậy, sông Hương đã đi qua những làng xóm, đền đài, qua rừng thông u tịch để hiện lên với vẻ đẹp "trầm mặc như triết lý, như cổ thi" và kéo dài mãi cho đến khi reo vui lên khi nghe thấy tiếng chuông chùa Thiên Mụ vang ngân.

Ở tùy bút *Người lái đò Sông Đà*, Nguyễn Tuân nhận ra màu nước gợi cảm của con sông Tây Bắc thay đổi theo mùa còn trong bút kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường, tác giả phát hiện ra sự biến ảo, vẻ đẹp lộng lẫy, lung linh của màu sắc Hương giang thay đổi theo từng thời điểm trong ngày: "sớm xanh, trưa vàng, chiều tím". Nếu không nặng lòng với sông nước quê hương, không có tâm hồn tinh tế, nhạy cảm thì làm sao Hoàng Phủ Ngọc Tường có thể nhận ra sự thi vị đó của màu nước sông Hương? Như vậy, trước khi về thành phố Huế thân yêu, sông Hương đã bắt đầu khoe những đường cong mềm mại, những uốn lượn duyên dáng và vẻ đẹp đầy sức gợi cảm của Huế.

Đến thành phố Huế, sông Hương như tìm thấy chính mình. Nó "vui tươi hẳn lên giữa những bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long". Ở đoạn văn này, tác giả liên tưởng sông Hương như người con xa xứ hào hức được trở lại mảnh đất quê hương để ngắm nhìn Huế từ xa và nhìn thấy chiếc cầu trắng của thành phố in trên bầu trời nhỏ nhắn như vầng trăng non. Cách so sánh này vừa thể hiện hình dáng độc đáo của cầu Trường Tiền, vừa gợi nét trong sáng, thanh mảnh của người con gái Huế. Nhà văn còn ngắm nhìn sông Hương một cách đắm say ở Cồn Giã Viên để khám phá ra, sông Hương "uốn một cánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hến". Đường cong ấy làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như tiếng nói "Vâng" e ấp, ngọt ngào, kín đáo trong tình yêu. Trong khoảnh khắc chùng lại giữa lòng thành phố, sông Hương trở thành "người tài nữ đánh đàn giữa đêm khuya" mà cái hồn của nó đã thấm vào những trang Kiều và âm nhạc Huế. Trong dòng suy tưởng, tác giả so sánh sông Hương với sông Xen của Paris, sông Đa-nyup của Bu-đa-pét, những tên sông đã trở thành linh hồn của thủ đô các nước, thành biểu tượng văn hóa của quốc gia để ngầm thể hiện lòng tự hào về sông Hương và kinh thành Huế. Những liên tưởng dẫn đến hoài ức của nhà văn khi từ khói lửa miền Nam tới Lê-nin-grát, đứng nhìn sông Nê-va. Bởi lâu năm xa Huế, Hoàng Phủ Ngọc Tường như sống dậy giấc mơ lộng lẫy của tuổi đại: "muốn hóa làm một con chim nhỏ đứng co một chân trên con tàu thủy tinh để đi ra biển, cuống quýt vỗ tay, nhưng sông Nê-va đã chảy nhanh quá, không kịp cho lũ hải âu nói một điều gì với người bạn của chúng đang ngẩn ngơ trông theo". Tác giả nhớ lại con sông Hương và "quý điều chảy lững lờ của nó khi đi ngang thành phố", đó là "điều slow tình cảm dành riêng cho Huế". Sông Hương nguyên sơ, trăm năm không đổi thay, như mang thần thái, quan niệm vũ trụ tuần hoàn của Phương Đông, như điệu chảy thời gian bất di bất dịch trong thơ ca cổ điển Việt Nam và Trung Hoa.

Trước khi hòa vào biển cả, ở cửa biển Thuận An, sông Hương lại đẹp đến nao lòng trong dáng vẻ lãng lờ, kín đáo khi ngoặt một khúc quanh rồi vươn tay lưu luyến ôm lấy lần cuối thành phố Huế thân yêu. Những so sánh tài hoa của tác giả giúp ta nhận ra vẻ đẹp độc đáo, sâu sắc của Hương giang

giống như nàng Kiều trong đêm tình tự quyết chí đi tìm Kim Trọng để rời một lời thề chung thủy, sắt son. Tác giả sử dụng liên tiếp những hình ảnh so sánh: Thúy Kiều trong đêm tình tự gửi lời nguyện thề cùng Kim Trọng, người Châu Hóa mãi thủy chung với xóm làng để lí giải cho dòng chảy khác lạ của dòng sông. Ông đã mượn tình cảm riêng để khai quát mối tình chung, làm cho tình yêu đất, yêu nước không chung chung, to tát mà mềm mại, ý vị, tinh tế, đậm thắm, thiêng liêng.

Với cái nhìn đa tình, Hoàng Phú Ngọc Tường luôn quan sát sông Hương qua tâm hồn người thiếu nữ từ cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại ở thượng nguồn đến tiếng nói "vâng" dịu dàng đầy e ấp của tình yêu, từ bà mẹ phù sa với tấm lòng chắt chiu, hi sinh cao cả tới tâm trạng vương vấn, khao khát của người thiếu nữ đợi người tình đến đánh thức. Tất cả những liên tưởng đó đã vẽ nên một bức tranh phong cảnh thiên nhiên giàu màu sắc, tươi tắn nhưng rất mực thanh thoát, nhẹ nhàng. Đằng sau mỗi câu văn miêu tả thiên nhiên luôn hiện lên bóng hình người con gái Huế phóng khoáng, mãnh liệt mà dịu dàng, sâu lắng.

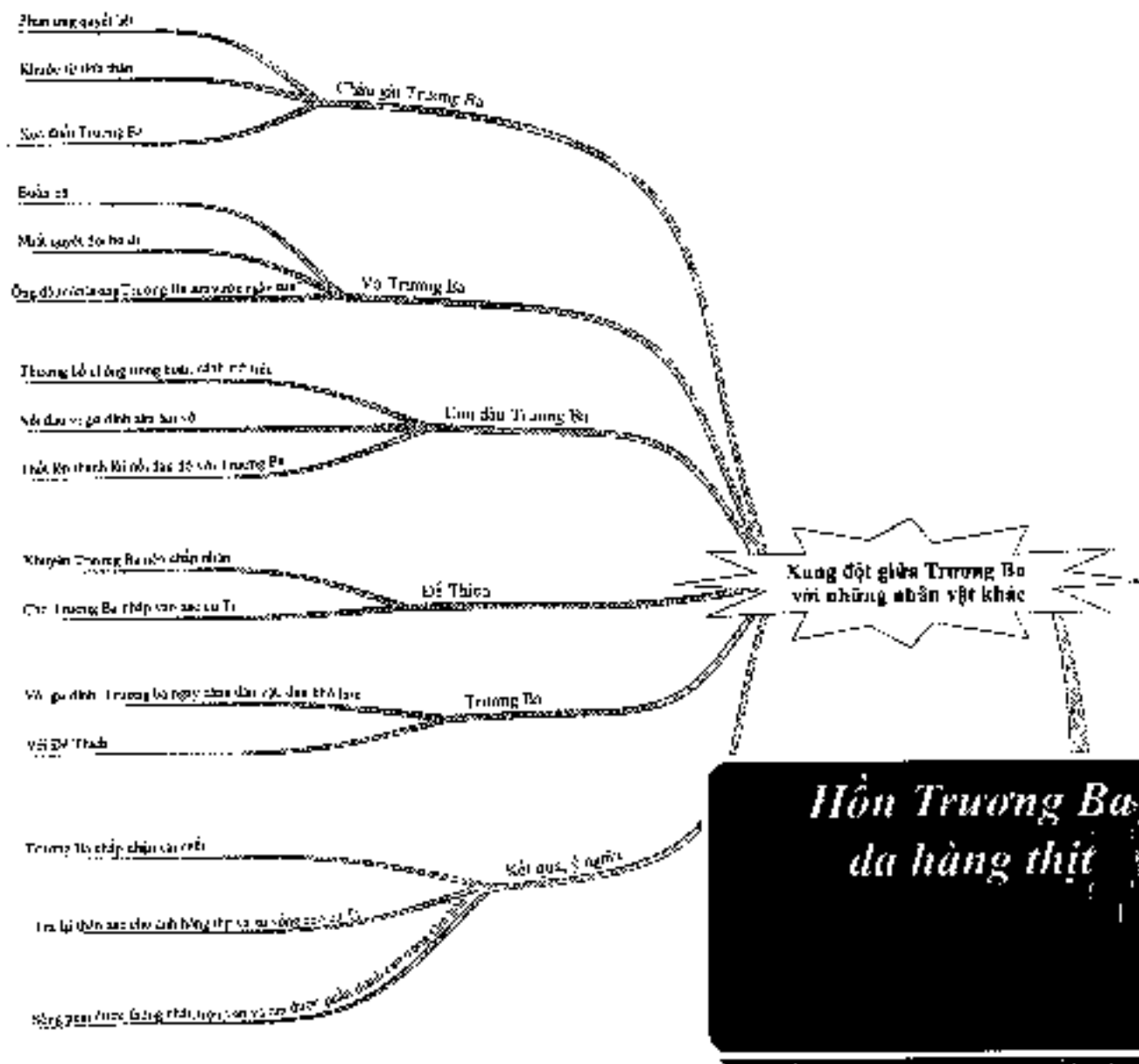
Trong hành trình khám phá vẻ đẹp sông Hương từ thượng nguồn đến vùng hạ lưu, Hoàng Phú Ngọc Tường còn khám phá ra sông Hương mang vẻ đẹp của một vùng văn hóa truyền thống. Từ góc nhìn lịch sử, tác giả điểm lại dấu ấn dòng sông trong lịch sử dân tộc: thế kỉ XV ở *Đur địa chí* của Nguyễn Trãi, thế kỉ XVIII qua chiến thắng của anh hùng Nguyễn Huệ, thế kỉ XIX với máu của các cuộc khởi nghĩa, đi vào thời đại của Cách mạng tháng Tám bằng những chiến công rung chuyển. Với cái nhìn xuyên suốt ấy, dòng Hương giang thơ mộng đã tham gia, trải nghiệm cùng những bước thăng trầm của lịch sử dân tộc. Sông Hương là vậy, là dòng sông của thời gian ngàn vàng, của sự thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc. Khi nghe lời gọi, nó biết cách tự hiến đời mình làm một chiến công, rồi nó trở về với cuộc sống bình thường, làm một người con gái dịu dàng của đất nước. Nếu như ở đoạn một và hai, sông Hương được cảm nhận chủ yếu trên bề rộng của không gian địa lí với những liên tưởng độc đáo thì ở đoạn này, sông Hương được bố cục theo chiều sâu của lịch sử. Nó ghi dấu những chiến công, lặng khóc cho những hi sinh âm thầm, vùng lên quật khởi... Nó giống như một tấm gương soi vào lịch sử. Sông Hương như biết bao chiến sĩ vô danh trên dải đất hình chữ S, sinh ra không phải cảm sung, cảm mặc nhưng kẻ thù buộc ta phải đấu tranh. Khi bình yên, họ lại trở về với cuộc sống bình thường, trở về bản tính tự nhiên muôn thuở, như sông Hương "làm một người con gái dịu dàng của đất nước".

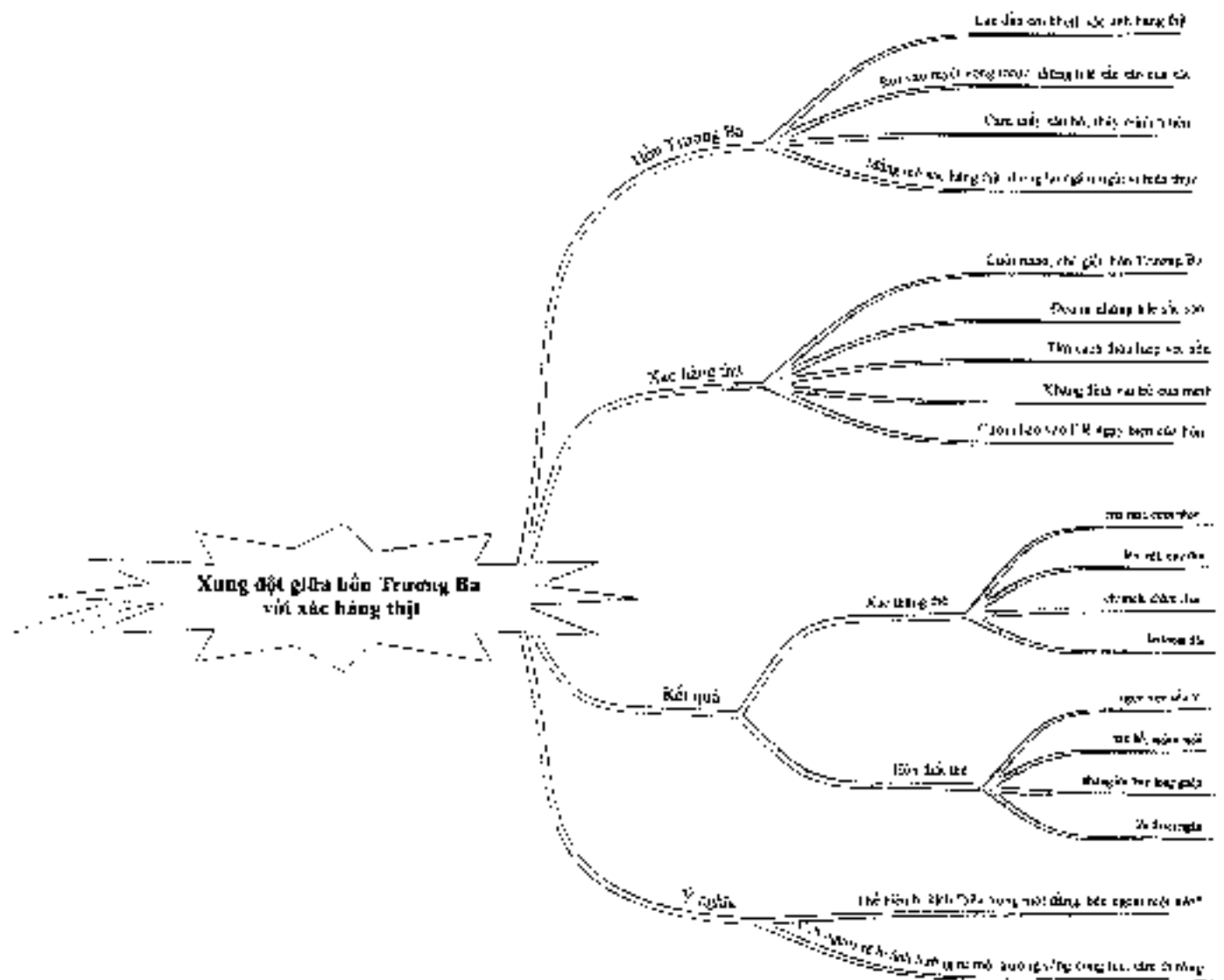
Trong mối quan hệ với thi ca, sông Hương không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ. Có bao nhiêu người đến với sông Hương thì có bấy nhiêu lời thơ đặt vào, lai láng về dòng sông này. Đó là dòng sông mơ màng với nỗi quan hoài vạn cổ trong bóng chiều bảng lảng của thơ Bà Huyện Thanh Quan, là "dòng sông trắng - lá cây xanh" trong cái nhìn tinh tế của Tản Đà, là dòng sông hùng tráng "như kiếm dựng trời xanh" trong khi phách của Cao Bá Quát, là sức mạnh phục sinh của tâm hồn, trong thơ Tố Hữu...

Kết thúc phần một của bài kí, tác giả cất lên câu hỏi không phải để hỏi nguồn gốc của một danh xưng địa lý thông thường mà là một sự nhấn mạnh, ẩn chứa niềm tự hào sâu sắc về dòng sông quê hương. Đồng thời, gợi mở cho người đọc những hướng trả lời khác nhau bằng trải nghiệm văn hóa của bản thân.

Bài tùy bút đã thể hiện một bút pháp nghệ thuật độc đáo, tài hoa và phong tình của Hoàng Phú Ngọc Tường. Tác giả đã tạo nên chất thơ quyến rũ làm say lòng người. Những tri thức về địa lí, văn hóa, thi ca, âm nhạc của ông đã chung đúc thành trang văn tuyệt bút.

# 





## Văn bản

# HỒN TRƯƠNG BA, DA HÀNG THỊT (Trích)

**Lưu Quang Vũ**

### 1. Tác giả

- Lưu Quang Vũ (1948 - 1988) là một hiện tượng nổi bật trong đời sống văn học Việt Nam những năm 80 của thế kỉ XX.
- Ông có tài năng ở nhiều ngành nghệ thuật khác nhau nhưng nổi tiếng và thành công hơn cả là những vở kịch tài hoa, sắc sảo.
- Ông đã sáng tác khoảng năm mươi kịch bản và hầu hết được các nhà hát trong toàn quốc dàn dựng qua nhiều loại hình sân khấu từ kịch nói, chèo, cải lương đến kịch dân ca.
- Là một nghệ sĩ nhạy cảm trước hiện thực, ông đã hướng ngòi bút của mình vào tất cả mọi ngõ ngách của cuộc đời cũng như tâm hồn của con người và cuộc sống, góp một tiếng nói thiết thực vào công cuộc đổi mới nước nhà.
- Lưu Quang Vũ được đánh giá là "cây bút vàng" của sân khấu kịch Việt Nam hiện đại.

### 2. Tác phẩm

#### a. Vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*

- Viết năm 1981, công diễn năm 1984.
- Nội dung: Dựa vào cốt truyện cổ tích cùng tên, Lưu Quang Vũ đã sáng tác vở kịch này để phê phán một số hiện tượng tiêu cực như thói đạo đức giả (bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo), qua đó nêu lên triết lí nhân sinh sâu sắc.

#### b. Đoạn trích

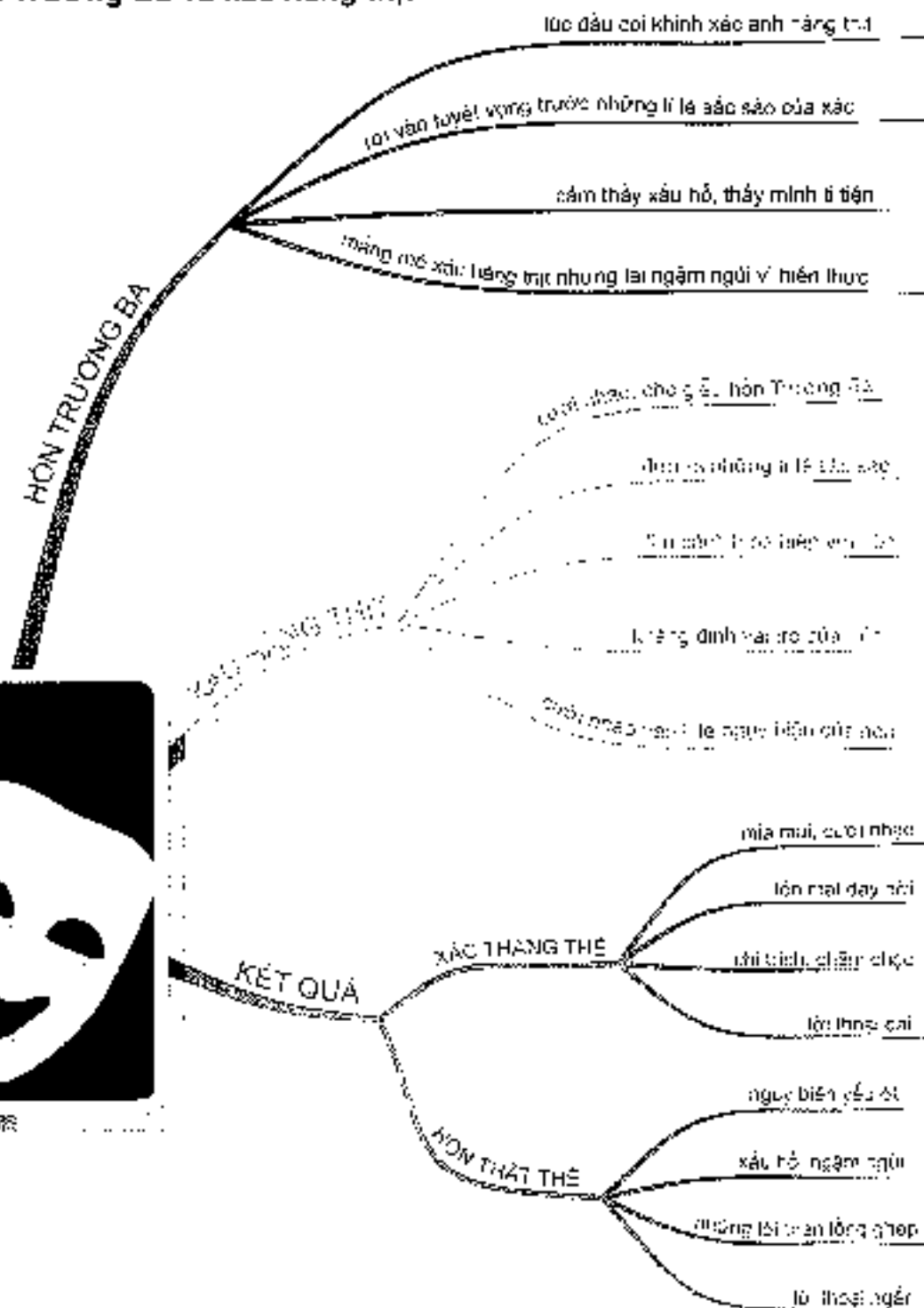
- Đoạn trích này thuộc phần đầu cánh 7 và đoạn kết của vở kịch.
- Đoạn trích diễn tả những đau khổ, dằn vặt, mâu thuẫn khi hồn người này sống trong thân xác người khác và cuối cùng là quyết định dứt cảm, cao thượng của hồn Trương Ba.

#### c. Ý nghĩa nhan đề

Nhan đề "*Hồn Trương Ba, da hàng thịt*" đã khái quát nỗi đau khổ, dằn vặt, day dứt của nhân vật hồn Trương Ba phải sống nhờ trong thân xác hàng thịt. Nếu phần hồn là trong sạch, thanh cao, trùu tượng thì phần xác là phàm tục, cụ thể. Đây là nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn và xung đột kịch. Qua đó, Lưu Quang Vũ nêu lên một bài học tư tưởng sâu sắc: Cuộc sống thật đáng quý nhưng không phải sống thế nào cũng được mà cần có sự hài hòa, thống nhất giữa mọi yếu tố để vươn tới sự hoàn thiện trong nhân cách.



## 1. Xung đột giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt



Trương Ba

lúc đầu coi khinh xác hàng thịt

lúc đầu coi khinh xác hàng thịt

Trương Ba bị chết một cách oan uổng do sự vô tâm, tắc trách của Nam Tào, lại được Bắc Đẩu "sửa sai" ↑ cách vô li, cho hồn Trương Ba nhập vào xác anh hàng thịt. Trương Ba đã không sai khiến được còn bị xác hàng thịt điều khiển, dẫn đến linh hồn bị "nhiễm độc" bởi cái tầm thường. Ý thức được điều đó, hồn Trương Ba dần vật, đau khổ và quyết định bằng cách tách ra để sống độc lập, hướng tới sự hoàn thiện về nhân cách. Đây là tình huống dẫn đến mâu thuẫn giữa hồn và xác.

#### - Hồn Trương Ba:

+ Lúc đầu hồn Trương Ba tỏ vẻ coi khinh xác anh hàng thịt: "Mày không có tiếng nói mà chỉ là cái xác thịt âm u, đui mù".

+ Trong cuộc đối thoại với xác hàng thịt, Hồn Trương Ba ở vào thế yếu, đuối lí bởi xác nói những điều mà dù muốn hay không muốn, hồn vẫn phải thừa nhận (cái đêm khi ông đứng cạnh vợ anh hàng thịt với "tay chân run rẩy", "hơi thở nóng rực", "cổ nghẹn lại" và "suýt nữa thì...". Đó là cảm giác "xao xuyến" trước những món ăn mà trước đây hồn cho là "phạm". Đó là cái lần ông tát thẳng con ông "lóc máu mồm máu mũi"...) )

+ Cảm thấy xấu hổ, thấy mình ti tiện.

+ Trước lí lẽ ti tiện của xác thịt, hồn Trương Ba nổi giận mắng mỏ, khinh bỉ xác thịt hèn hạ và cố chống lại nhưng phần nào cũng ngậm ngùi vì hấn có lí.

#### - Xác hàng thịt:

+ Xác thịt đã cười nhạo, chế giễu, phản bác lại hồn Trương Ba, khẳng định sức mạnh âm u, đui mù của mình sẽ chiến thắng: "Lắm khi át cả cái linh hồn cao khiết của ông đấy".

+ Xác thịt tìm cách thỏa hiệp bằng cách nêu cụ thể những nhu cầu tự nhiên mang tính bản năng của con người (các món tiết canh, cỗ hũ...), khẳng định vai trò của mình: "Nhờ tôi mà ông có thể làm lụng, cuộc xói, nhìn ngắm trời đất, cây cối, người thân..."

+ Xác hàng thịt gọi lại tất cả những sự thật ấy khiến hồn càng cảm thấy xấu hổ, cảm thấy mình ti tiện.

+ Xác hàng thịt còn cười nhạo vào cái lí lẽ mà ông đưa ra để ngụy biện: "Ta vẫn có một đời sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn,...".

*Qua màn hội thoại của hồn và xác cho thấy, Trương Ba được Bắc Đẩu trả lại cuộc sống nhưng là một cuộc sống không đáng sống vì cái thanh cao phải dung hòa với cái thấp hèn, dung tục, thì đó chẳng phải là bị kịch hay sao? Thể xác và linh hồn con người là 2 thực thể có mối quan hệ hữu cơ, không thể vĩnh lệch, tách rời. Xác thịt có nhu cầu sự sống, nhu cầu mang tính bản năng. Hồn mang tính chất thanh cao góp phần điều chỉnh thể xác hòa hợp, vươn tới sự hoàn thiện nhân cách. Cuộc tranh cãi giữa hồn và xác là bi kịch thứ nhất của Trương Ba vì xác đã thắng. Tác giả cảnh báo, khi con người phải sống trong cái tầm thường, dung tục thì tất yếu sẽ bị nhiễm độc bởi cái xấu, cái đẹp sẽ bị lấn át, tàn phá.*



**- Kết quả:**

+ Trong cuộc đối thoại này, xác thắng thế nên rất dễ hạ tuôn ra những lời thoại dài với chất giọng khi thì mỉa mai cười nhạo khi thì lên mặt dạy đời, chỉ trích, châm chọc. Hơn chỉ buông những lời thoại ngắn với giọng nhất gừng kèm theo những tiếng than, tiếng kêu.

+ Thấm thía nghịch cảnh, Trương Ba trở lại xác thịt trong tuyệt vọng.

# TRƯỜNG BA VÀ CHÂU GÁI TRƯỜNG BA

## 2. Xung đột giữa hồn Trương Ba với những người khác

Trương Ba chấp nhận cái chết

Trả lại thân xác cho anh hàng thịt và sự sống cho cụ Ti

Sống phải được thống nhất, trọn vẹn và tìm được phần thanh tao trong tâm hồn

KẾT QUẢ, Ý NGHĨA

Khuyến Trương Ba nên chấp nhận

ĐỂ THÍCH

Cho Trương Ba nháp vào xác cụ Ti

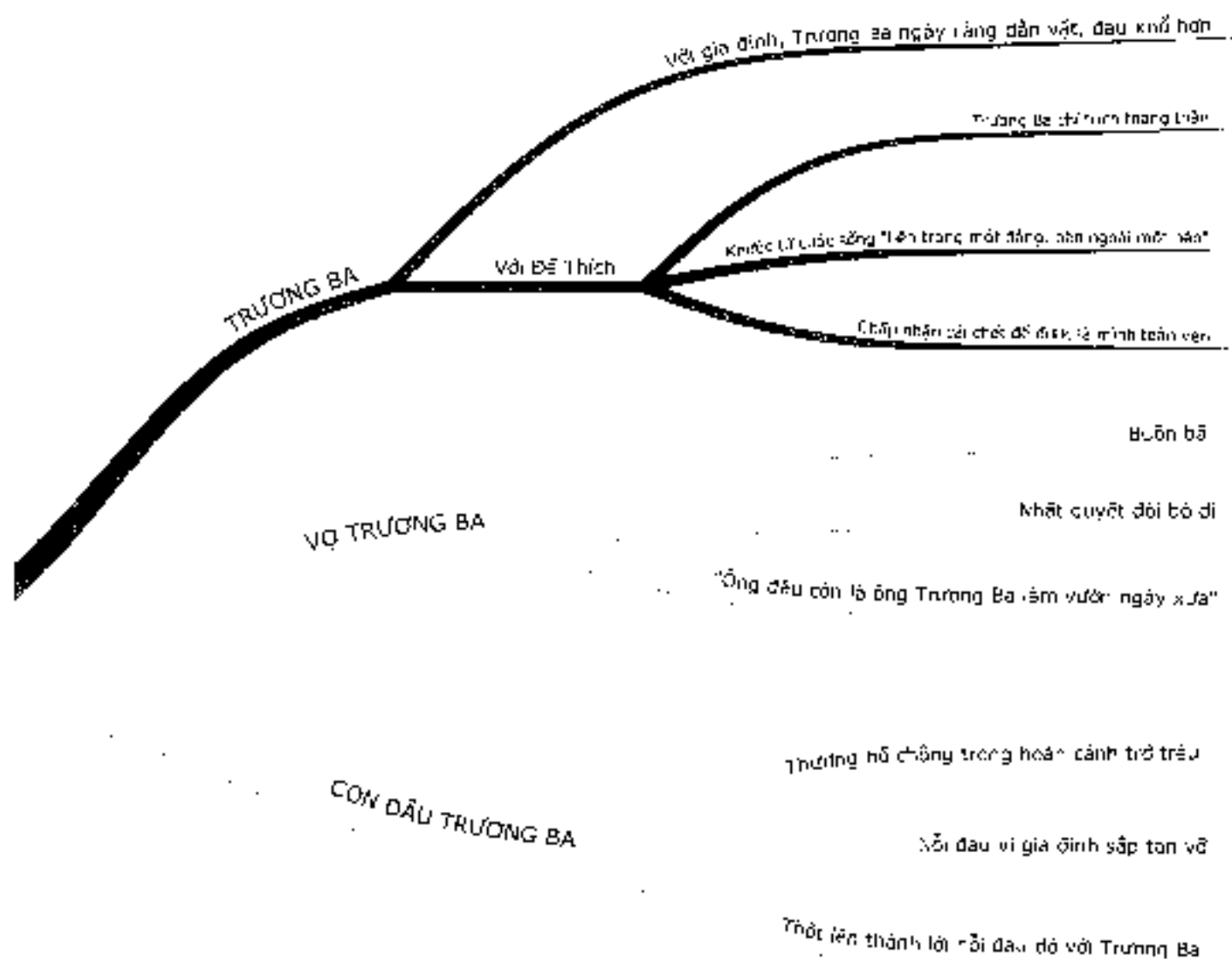
Phản ứng quyết liệt

Khước từ tình thân

Xua đuổi Trương Ba

CHÂU GÁI TRƯƠNG BA





- Người vợ mà ông rất mực yêu thương giờ đây buồn bã và cực nhất quyết đòi bỏ đi. Với bà "đi đâu cũng được... còn hơn là thế này". Bà đã nói ra cái điều mà chính ông cũng đã cảm nhận được: "Ông đâu còn là ông, đâu còn là ông Trương Ba làm vườn ngày xưa".

- Chị con dâu là người sâu sắc, chín chắn, hiểu điều hơn lẽ thiệt. Chị cảm thấy thương bố chồng trong tình cảnh trở trêu. Chị biết ông khổ lắm, "khổ hơn xưa nhiều lắm". Nhưng nỗi buồn đau trước tình cảnh gia đình "như sắp tan hoang ra cả" khiến chị không thể bém bụng mà đau, chị đã thốt thành lời cái nỗi đau đó: "Thầy bảo con: Cái bên ngoài là không đáng kể, chỉ có cái bên trong, nhưng thầy ơi, con sợ lắm, bởi con cảm thấy, đau đớn thấy... mỗi ngày thầy một đổi khác dần, mất mát dần, tất cả cứ như lệch lạc, nhòa mờ dần đi, dần nổi có lúc chính con cũng không nhận ra thầy nữa"

- Châu gái thì phản ứng quyết liệt, không nhận Trương Ba là ông. Nó một mực khước từ tình thân: "Tôi không phải cháu nội của ông... ông nội tôi chết rồi...". Nó không thể chấp nhận cái con người có "bàn tay giết lợn", bàn chân "to bẻ như cái xèng" đã làm "gãy tiết cái chồi non", "giẫm lên nát cả cây sấm quý mới ươm" trong mảnh vườn của ông nội nó. Nó hận ông vì ông chữa cái điều cho cu Tị mà làm gãy nát khiến cu Tị trong cơn sốt mê man cứ khóc, cứ tiếc, cứ bất đều. Với nó, "Ông nội đời nào thô lỗ, phũ phàng như vậy". Nỗi giận dữ của cái Gái đã biến thành sự xua đuổi quyết liệt: "Ông xấu lắm, ác lắm! Cút đi! Lão đồ tể, cút đi!".

#### - Đề Thích:

+ Lúc đầu không hiểu, sau khi hiểu ra, Đề Thích khuyên Trương Ba nên chấp nhận vì thế giới vốn không toàn vẹn: "Dưới đất trên trời đều thế cả".

+ Tiếp tục, Đề Thích sửa sai bằng cách cho hồn Trương Ba nhập vào xác cu Tị.

#### - Trương Ba:

+ Với gia đình, Trương Ba ngày càng dần vật hơn khi ông hiểu những điều tệ hại mình đã, đang và sẽ gây ra cho gia đình, mặc dù ông không hề muốn. Ngược lại, những người thân: vợ, con dâu, cháu gái cũng đau khổ trước sự tha hóa này

*Qua những bi kịch và quyết định của nhân vật Trương Ba, Lưu Quang Vũ muốn gửi tới người đọc thông điệp vừa trực tiếp, vừa gián tiếp, vừa mạnh mẽ, quyết liệt, vừa kín đáo, sâu sắc về thời đại của ông. Được sống làm người thật quý giá, nhưng được sống đúng là mình, sống trọn vẹn những giá trị mình vốn có và theo đuổi còn quý giá hơn. Sự sống chỉ thật sự có ý nghĩa khi con người được sống tự nhiên, hài hòa giữa thể xác và tâm hồn. Con người phải luôn biết đấu tranh với những nghịch cảnh, với chính bản thân mình. Chống lại sự dưng tục để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị tinh thần cao quý. Sống cuộc sống có ý nghĩa, xứng đáng với con người. Đoạn trích vừa có ý nghĩa hiện thực, vừa có ý nghĩa nhân văn.*

+ Với Đề Thích, Trương Ba thắng thân chỉ trích và chỉ ra sai lầm của **Đề Thích**: "Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống thế nào ông chẳng cần biết". Trương Ba còn cho Đề Thích biết: "Lòng tốt hời hợt thì chẳng đem lại điều gì thực sự có ý nghĩa cho ai cả, mà sự vô tâm còn tệ hại hơn, nó đẩy người ta vào nghịch cảnh, bị kịch". Bởi vậy, ông kiên quyết khước từ cuộc sống "bên trong một đấng, bên ngoài một nẻo". Kể cả khi Đề Thích cho hồn ông nhập vào xác xác trong trắng của cụ Tị

## 2.2. Hồn Trương Ba, da hàng thịt

"Hồn Trương Ba, da hàng thịt" là một trong những vở kịch xuất sắc nhất của Lưu Quang Vũ. Vở kịch được hình thành dựa trên một cốt truyện dân gian. Từ hư cấu sáng tạo, ông đã đặt ra nhiều vấn đề mới có ý nghĩa tư tưởng, triết lý nhân văn sâu sắc. Đoạn trích là cuộc đấu tranh giữa thể xác và tâm hồn. Qua nghịch cảnh ấy, người đọc cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn của người dân lao động trong cuộc đấu tranh chống lại sự giả tạo và dung tục, bảo vệ được sự sống đích thực cùng khát vọng hoàn thiện nhân cách, xứng đáng với con người.

Trương Ba bị chết một cách oan uổng do sự vô tâm, tắc trách của Nam Tào. Trương Ba lại được Bắc Đẩu "sửa sai" một cách vô lí, cho hồn Trương Ba nhập vào một xác anh hàng thịt. Hồn Trương Ba đã không sai khiến được còn bị xác thịt điều khiển, dẫn đến linh hồn bị nhiễm độc bởi cái tâm thương. Ý thức được điều đó, hồn Trương Ba dần vật, đau khổ và quyết định bằng cách tách ra để sống độc lập, hướng tới sự hoàn thiện về nhân cách.

Trong cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt, lúc đầu hồn tố về coi khinh xác anh hàng thịt: "Mày không có tiếng nói mà chỉ là cái xác thịt âm u, đui mù". Xác thịt đã cười nhạo, chế giễu, bác lại hồn Trương Ba, khẳng định sức mạnh âm u, đui mù của mình sẽ chiến thắng "lắm khi át cả cái linh hồn cao khiết của ông đấy". Trong cuộc đối thoại này, hồn ở vào thế yếu, đuối lí bởi xác nói những điều mà dù muốn hay không muốn hồn vẫn phải thừa nhận. Đó là cái đêm khi ông đứng cạnh vợ anh hàng thịt với "tay chân run rẩy", "hơi thở nóng rực", "cổ nghẹn lại" và "suýt nữa thì...". Đó là cảm giác "xao xuyến" trước những món ăn mà trước đây hồn cho là "phàm". Đó là cái lần ông tát thẳng con ông "tóa máu mồm máu mũi" .. Xác thịt tìm cách thỏa hiệp bằng cách nêu cụ thể những nhu cầu tự nhiên mang tính bản năng của con người như các món tiết canh, cỗ hũ, đồng thời, khẳng định vai trò của mình: "Nhờ tôi mà ông có thể làm lụng, cuộc xơi, nhìn ngắm trời đất, cây cối, người thân...". Xác hàng thịt gọi lại tất cả những sự thật ấy khiến hồn càng cảm thấy xấu hổ, cảm thấy mình tủ tiện. Không chỉ có vậy, trong cuộc thắng thế, xác anh hàng thịt còn cười nhạo vào cái lí lẽ mà Trương Ba đưa ra để ngụy biện: "Ta vẫn có một đời sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thắng thân...". Trong cuộc đối thoại này, xác đã giành phần chiến thắng nên rất há hẩu ra những lời thoại dài với chất giọng khi thì mỉa mai cười nhạo khi thì lên mặt dạy đời, chỉ trích, châm chọc. Hồn chỉ buông những lời thoại ngắn với giọng nhất gừng kèm theo những tiếng than, tiếng kêu. Trước lí lẽ tủ tiện của xác thịt, hồn Trương Ba nổi giận mắng mỏ, khinh bỉ xác thịt hèn hạ và cố chống lại nhưng phần nào cũng ngậm ngùi vì hẳn có lí, hồn Trương Ba bị dồn vào thế yếu. Thậm chí nghịch cảnh, Trương Ba trở lại

xác thịt trong tuyệt vọng. Qua màn hội thoại của hồn và xác cho thấy, Trương Ba được Bắc Đẩu trả lại cuộc sống nhưng là một cuộc sống không đáng sống vì cái thanh cao phải dung hòa với cái thấp hèn, dung tục, thì đó chẳng phải là bị kịch hay sao? Thể xác và linh hồn con người là hai thực thể có mối quan hệ hữu cơ, không thể vĩnh viễn, tách rời. Xác thịt có nhu cầu sự sống, nhu cầu mang tính bản năng. Hồn mang tính chất thanh cao góp phần điều chỉnh thể xác hòa hợp, vươn tới sự hoàn thiện nhân cách. Cuộc tranh cãi giữa hồn và xác là bi kịch thứ nhất của Trương Ba vì xác đã thắng. Tác giả cảnh báo, khi con người phải sống trong cái tầm thường, dung tục thì tất yếu sẽ bị nhiễm độc bởi cái xấu, cái đẹp sẽ bị lấn át, tàn phá.

Bi kịch của Trương Ba bị đẩy lên đến đỉnh điểm khi ông phải chứng kiến nỗi buồn đau, thất vọng của những người thân yêu. Nếu trước đây, Trương Ba là người chồng ân cần, tình nghĩa, thủy chung thì khi mang thân xác hàng thịt, vợ Trương Ba nhận thấy ông lạnh lùng, phụ bạc, đổi thay. Vì vậy, bà buồn bã và cứ nhất quyết đòi bỏ đi. Với bà "đi đâu cũng được... còn hơn là thế này". Bà đã nói ra cái điều mà chính ông cũng đã cảm nhận được: "Ông đâu còn là ông, đâu còn là ông Trương Ba làm vườn ngày xưa".

Trong gia đình Trương Ba, chỉ con dâu là người sâu sắc, chín chắn, hiểu điều hơn lẽ thiệt. Chị cảm thấy thương bố chồng trong tình cảnh trớ trêu. Chị biết ông khổ lắm, "khổ hơn xưa nhiều lắm". Nhưng nỗi buồn đau trước tình cảnh gia đình "như sắp tan hoang ra cá" khiến chị không thể bấm bụng mà đau, chị đã thổ lộ thành lời cái nỗi đau đó: "Thầy bảo con: Cái bên ngoài là không đáng kể, chỉ có cái bên trong, nhưng thầy ơi, con sợ lắm, bởi con cảm thấy, đau đớn thấy... mỗi ngày thầy một đổi khác dần, mất mát dần, tất cả cứ như lệch lạc, nhòa mờ dần đi, đến nỗi có lúc chính con cũng không nhận ra thầy nữa". Những lời đau đớn đầy bất lực của người con dâu thấu tình vẹn lý đã khiến cho Trương Ba càng đau khổ, dần vật hơn.

Không dừng lại ở đó, Trương Ba còn tiếp tục gánh thêm một nỗi đau khác. Trước đây, ông yêu quý cây vườn, nâng niu từng nhánh non, trái quả thì giờ đây, bàn tay thô vụng của ông làm gãy chồi cây non, bàn chân to bệ như cái xèng dẫm lên nát cây sâm quý mới ươm. Trước đây, Trương Ba khéo léo, tinh tế nhưng bây giờ ông đã làm rách cà giấy, hỏng mất đi cái điều đẹp mà cụ Tị rất quý. Ngày trước, đứa cháu nội là cái Gái rất mực yêu thương ông nội thì giờ đây, nó tỏ thái độ kì thị, khinh鄙 lão đồ tể thô lỗ. Nó phản ứng quyết liệt, không nhận Trương Ba là ông. Nó một mực khước từ tình thân: "Tôi không phải cháu nội của ông... ông nội tôi chết rồi...". Nó không thể chấp nhận cái con người có "bàn tay giết lợn", bàn chân "to bệ như cái xèng"... Với nó, "Ông nội đời nào thô lỗ, phũ phàng như vậy". Nỗi giận dữ của cái Gái đã biến thành sự xua đuổi quyết liệt: "Ông xấu lắm, ác lắm! Cút đi! Lão đồ tể, cút đi!".

Qua màn đối thoại, tất cả mọi người thân yêu đã xa dần Trương Ba vì hồn ông dần mờ nhạt, chỉ còn cái xác hàng thịt thô lỗ, hiện hữu trong nhà gây biết bao phiền toái, chương tai gai mắt. Trương Ba bị đẩy vào bi kịch đau đớn thứ hai khiến ông phải đau đớn thốt lên "Mày đã thắng rồi đấy, cái thân xác không phải của ta ạ". Con người vốn nhân hậu, tài ba, yếu vợ, quý thương con cháu bị đẩy vào cảnh ngộ đau đớn, cô đơn. Xung đột kịch đến cao trào, đẩy Trương Ba đi đến lựa chọn còn - mất. Hồn Trương Ba thách thức với xác hàng thịt một cách gay gắt quyết liệt: "Không cần đến cái đời sống do mày mang lại, không cần".

Tuy nhiên, phải đến cuộc đối thoại của Trương Ba với tiên Đế Thích thì ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm mới thực sự được bộc lộ rõ nét. Khi gặp Đế Thích, Trương Ba thể hiện thái độ kiên quyết chối từ, không

chấp nhận cuộc sống "hồn một nơi, xác một nẻo", khẳng định muốn được sống độc lập một mình. Lúc đầu Đế Thích không hiểu, sau hiểu ra, Đế Thích khuyên Trương Ba nên chấp nhận vì thế giới vốn không toàn vẹn: "Dưới đất trên trời đều thế cả". Trương Ba không chấp nhận, ông thẳng thắn chỉ trích, vạch ra sai lầm của Đế Thích: "Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống thế nào ông chẳng cần biết". Trương Ba chỉ ra cho Đế Thích thấy: "Lòng tốt hời hợt thì chẳng đem lại điều gì thực sự có ý nghĩa cho ai cả, mà sự vô tâm còn tệ hại hơn, nó đẩy người ta vào nghịch cảnh, bị kịch". Khi Đế Thích tiếp tục sửa sai bằng cách cho hồn Trương Ba nhập vào xác cu Tị, nhưng Trương Ba vẫn kiên quyết từ chối bởi điều đó vẫn là cuộc sống giả tạo, nực cười. Theo ông, việc đó chỉ có lợi cho đám chức sắc, kiêu trưởng, trượng phu, như thế còn "khổ hơn là chết", "Chấp và, gượng ép chỉ càng làm sai thêm", "Không thể sống với bất cứ giả nào được... cứ để tôi chết hẳn... sống thế này khổ hơn cái chết".

Với quan niệm đúng đắn ấy, Trương Ba đi đến một quyết định dũng cảm và cao thượng. Ông chấp nhận cái chết để trả lại thân xác cho anh hàng thịt, sự sống cho cu Tị và như vậy, sẽ không còn nữa cái vật quái gở mang tên "Hồn Trương Ba, da hàng thịt". Qua màn đối thoại này, ta có thể thấy, nếu quan niệm của vị tiên trời đơn giản, nông nổi về lẽ sống chết thì quan niệm của Trương Ba rất sâu sắc và đầy tính nhân văn: Sống là phải thống nhất, trọn vẹn giữa bên ngoài và bên trong chứ không phải giả tạo, vô nghĩa, chấp và. Sống là phải tìm được sự thanh thản, trong sáng trong tâm hồn, có ý nghĩa với mình và với mọi người xung quanh. Hồn Trương Ba đã thoát khỏi thân xác anh hàng thịt để trả lại sự sống cho anh ta nhưng ông không vĩnh viễn mất đi như lời tiên Đế Thích nói mà trở về nguyên vẹn trong tình thương, nỗi nhớ và sự kính trọng, yêu mến của gia đình. Ông hòa thân vào cây xanh, vườn tược, vào vị ngọt trái cây, quán quýt trong tình cảm vợ chồng, cha con, ông cháu, gần gũi nơi bậc cửa, cầu ao, nơi ánh lửa, cơi trầu. Và như thế, dầu thân xác Trương Ba có trở về cát bụi nhưng tâm hồn cao khiết của ông vẫn là bất tử giữa cõi trần. Cái chết của Trương Ba gieo mầm sự sống khiến vở kịch thấm đẫm chất nhân văn cao đẹp.

Qua những bi kịch và quyết định của nhân vật Trương Ba, Lưu Quang Vũ muốn gửi tới người đọc thông điệp vừa trực tiếp, vừa gián tiếp, vừa mạnh mẽ, quyết liệt, vừa kín đáo, sâu sắc về thời đại của ông. Được sống làm người thật quý giá, nhưng được sống đúng là mình, sống trọn vẹn những giá trị mình vốn có và theo đuổi còn quý giá hơn. Sự sống chỉ thật sự có ý nghĩa khi con người được sống tự nhiên, hài hòa giữa thể xác và tâm hồn. Con người phải luôn luôn biết đấu tranh với những nghịch cảnh, với chính bản thân mình, chống lại sự dung tục để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị tinh thần cao quý. Sống cuộc sống có ý nghĩa, xứng đáng với con người. Đoạn trích vừa có ý nghĩa hiện thực, vừa có ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

## Văn bản

# CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA

**Nguyễn Minh Châu**

## I. TÌM KIẾM CHUNG

### 1. Tác giả

– Nguyễn Minh Châu (1930 - 1989).

– Quê : Quỳnh Lưu - Nghệ An.

– Là nhà văn chiến sỹ cho nên ông có những hiểu biết sâu sắc về đời sống, tâm hồn của người lính

– Những tác phẩm chính: "Cửa sông", "Những vùng trời khác nhau", "Dấu chân người lính". "Miền cháy"...

– Quá trình sáng tác:

+ Trước 1975, với quan niệm "cái đẹp là cái anh hùng, cao cả", ông đã sáng tác những tác phẩm "văn xuôi sử thi".

+ Sau 1975 (đặc biệt là sau 1980) ông lại quan niệm "cái đẹp là cái thường ngày, là cuộc sống" từ đó những sáng tác của ông lại là những tác phẩm "văn xuôi đời thường".

– Đặc điểm phong cách: Tự sự triết lý.

→ Ông được đánh giá là người tiên phong trên con đường đổi mới văn học đương thời, là "**người mở đường tinh anh và tài năng nhất của văn học ta hiện nay**" (Nguyễn Ngọc).

### 2. Tác phẩm

#### a. Xuất xứ

– Tác phẩm được in trong tập truyện ngắn "Chiếc thuyền ngoài xa" (1987) của Nguyễn Minh Châu.

#### b. Nhan đề

"Chiếc thuyền ngoài xa" là biểu tượng cho bức tranh thiên nhiên ngoài biển cả lung linh, toàn bích, là nghệ thuật đã đạt tới sự toàn mỹ. Chiếm ngưỡng bức tranh nghệ thuật ấy, tâm hồn con người như được thanh lọc đến mức trong ngần. Hình ảnh "chiếc thuyền" là đối tượng của sự quan sát, "ngoài xa" là góc độ và khoảng cách để ngắm nhìn. Nếu nhìn từ phía xa, người nghệ sĩ thấy chiếc thuyền là biểu tượng của nghệ thuật. Nhưng khi tới gần bờ, con thuyền đó lại phơi bày bức tranh hiện thực nghiệt ngã về thân phận con người, về nạn bạo hành gia đình mà nạn nhân đau khổ là người phụ nữ. Vì vậy, hình ảnh con thuyền còn là biểu tượng cho cuộc sống tam lữ, nhọc nhằn, cay đắng của người dân chài lưới.

Từ ý nghĩa trên, hình ảnh "chiếc thuyền ngoài xa" được nâng lên thành biểu tượng cho mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời. Nghệ thuật phải bắt nguồn từ cuộc sống nhưng không phải bao giờ cuộc sống cũng là nghệ thuật. Nhiệm vụ của người nghệ sĩ không phải đứng từ phía xa quan sát mà cần đi sâu vào cuộc đời để phản ánh nó một cách trung thực nhất.



### c. Hoàn cảnh sáng tác

- Hoàn cảnh hẹp:

+ Viết vào năm 1983.

+ Là truyện ngắn in đậm phong cách tự sự, triết lí của nhà văn Nguyễn Minh Châu.

+ Truyện kể lại chuyện đi thực tế một nghệ sĩ nhiếp ảnh và những chiêm nghiệm sâu sắc của ông về cuộc đời và con người.

- Hoàn cảnh rộng:

+ Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước kết thúc. Cuộc sống với "muôn mặt đời thường" đã trở lại sau chiến tranh.

+ Nhiều vấn đề của đời sống văn hóa, nhân sinh, đạo đức... phải được nhìn nhận lại trong tình hình mới.

> Như một tất yếu khách quan, văn học cũng phải đổi mới do những tác động của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

### d. Tính hướng nhận thức

\* Nhận thức qua hai phát hiện về chiếc thuyền ngoài xa:

- Phát hiện thứ nhất: là "một cảnh đắt trời cho".

- Phát hiện thứ hai là một sự thật kinh ngạc.

⇒ Nhận thức mới:

- Cuộc đời không đơn giản, xuôi chiều mà chứa đựng nhiều nghịch lí; cuộc sống luôn tồn tại những mặt đối lập, những mâu thuẫn đẹp - xấu, thiện - ác...

- Vì vậy, đừng nhầm lẫn hiện tượng với bản chất, giữa hình thức bên ngoài với nội dung bên trong không phải bao giờ cũng thống nhất; đừng vội đánh giá con người, sự vật ở vẻ bên ngoài, phải phát hiện ra bản chất thực sau vẻ ngoài đẹp đẽ của hiện tượng.

\* Nhận thức qua câu chuyện của người đàn bà hàng chài:

- Người đàn bà hàng chài đã từ chối lời đề nghị và sự giúp đỡ của chánh án Đẩu và nghệ sĩ Phùng. Chị sẵn sàng đánh đổi bằng mọi giá để không phải bỏ lão chồng vũ phu.

- Chị đã kể câu chuyện về cuộc đời mình, qua đó gián tiếp đưa ra các lí do để giải thích lí do không thể bỏ chồng.

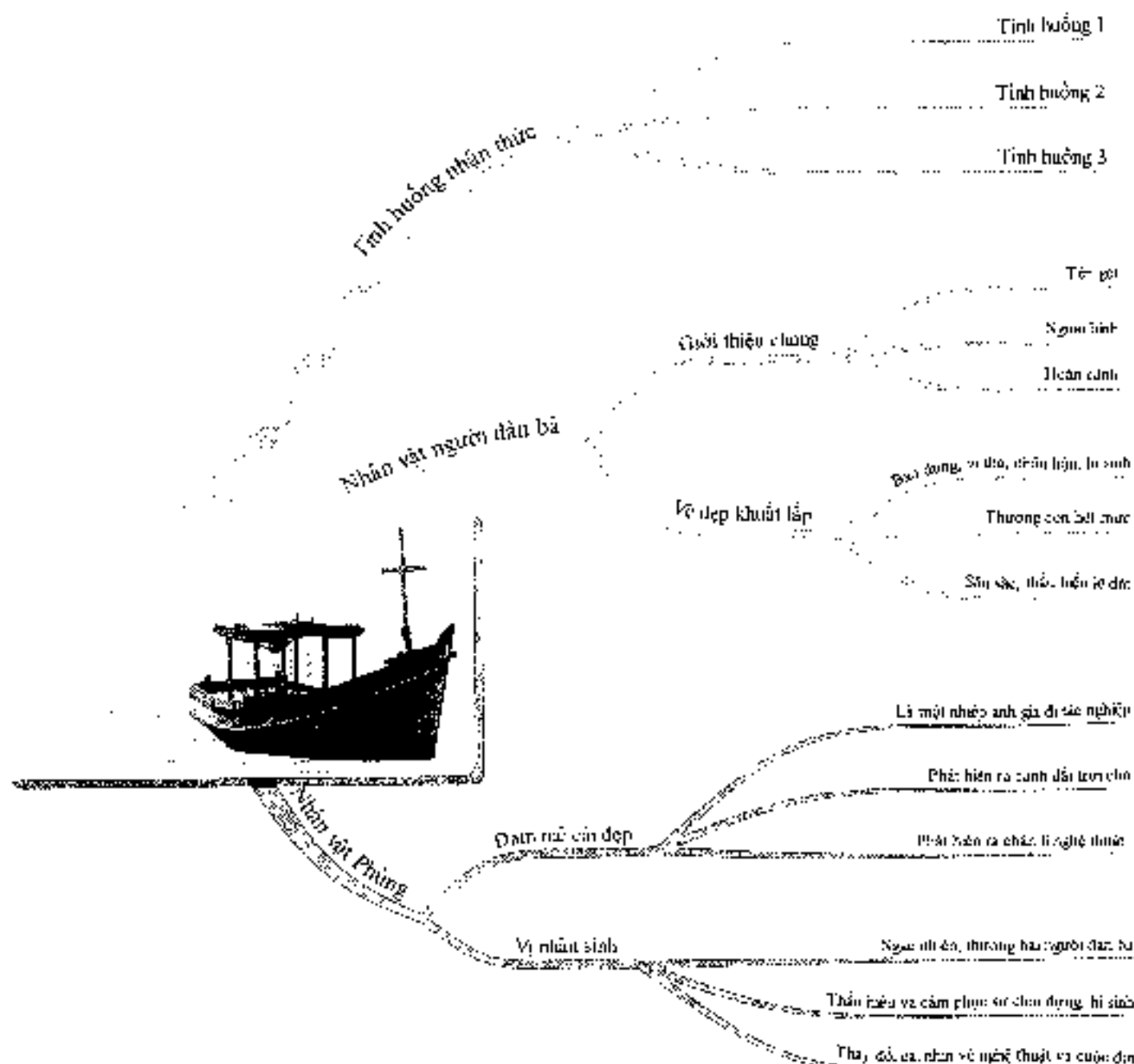
⇒ Nhận thức mới: không thể dễ dãi và đơn giản trong việc nhìn nhận mọi sự việc, hiện tượng của cuộc sống.

\* Nhận thức về tấm ảnh được chọn trong "bộ lịch năm ấy":

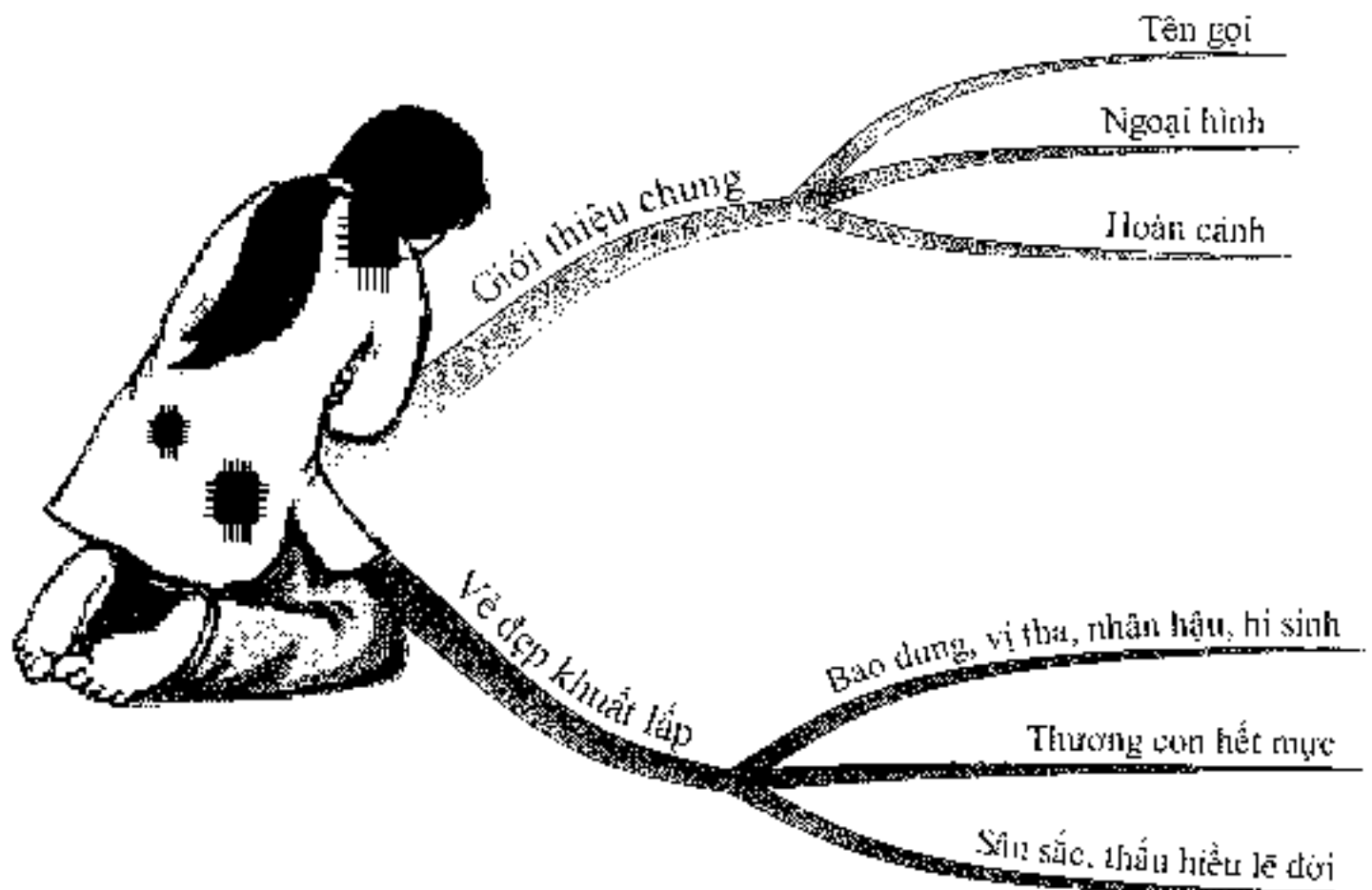
Mỗi khi nhìn kĩ vào bức ảnh đen trắng, người nghệ sĩ đều thấy "hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai". Và nếu nhìn lâu hơn, bao giờ anh cũng thấy "người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh..."

⇒ Nhận thức mới: nghệ thuật chân chính không bao giờ rời xa cuộc đời. Nghệ thuật chính là cuộc đời và phải luôn luôn vì cuộc đời.

# 



## 1. Nhân vật người đàn bà hàng chài



### - Giới thiệu chung:

+ Nhà văn không đặt cho nhân vật một cái tên cụ thể mà chỉ gọi là "người đàn bà" để khái quát cho biết bao người phụ nữ vô danh, khổ khổ trên mọi vùng biển khác của đất nước.

+ Ngoại hình: thân hình cao lớn, đường nét thô kệch, khuôn mặt mệt mỏi, bờ phờ vì thiếu ngủ. quần áo rách rưới. tấm lưng áo bạc phết, nửa thân dưới ướt sũng...

### + Hoàn cảnh:

- Đồng con, cuộc sống đời nghèo, vất vả.
- Thường xuyên phải hứng chịu những trận đòn tàn bạo

*Từ vẻ đẹp khuất lấp sau những lo toan của đời thường, Nguyễn Minh Châu khẳng định người đàn bà hàng chài là biểu tượng đẹp và thuyết phục cho lòng vị tha, nhân hậu đến quên mình. Qua cuộc đời và thân phận của người đàn bà hàng chài, nhà văn đặt ra*

# ĐÀN BÀ HÀNG CHÀI

của chồng từ chiếc thắt lưng to bản nhưng không hề chạy trốn hay chống trả mà tự nguyện cam chịu.

## - Về đẹp khuất lấp:

+ Người đàn bà hàng chài là một người **bao dung, vị tha, giàu đức hi sinh**. Chị tình nguyện chấp nhận những trận đòn roi của chồng vì thấu hiểu nguyên do của sự tha hóa, đồng thời, là biểu hiện của sự sẻ chia đến quên mình trong đau đớn của người vợ đối với những uẩn ức của chồng. Trong lời nói với chánh án Đẩu, người đàn bà hàng chài vẫn nhận tội về mình và nâng niu những giây phút hạnh phúc của gia đình.

+ Chị là người mẹ **thương con hết mực**. Chị hi sinh, chấp nhận tất cả để nuôi con bởi "Đàn bà ở trên thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình như ở trên đất được". Chị vui khi "nhìn đàn con được ăn no". Chị sợ con phải chứng kiến cảnh bố đánh mẹ, chị đau xót khi nhìn thẳng Phác phản ứng lại với bố...

+ Người đàn bà hàng chài là một người **từng trải và sâu sắc**. Chị chấp nhận những trận đòn roi của người chồng bởi cuộc sống trên thuyền lúc nào cũng cần một người đàn ông. Chị đã giúp chánh án Đẩu và nghệ sĩ Phùng có được cách nhìn nhận sâu sắc về con người và cuộc đời.

**câu hỏi lo âu, khắc khoải:**

**Làm sao để người dân chài được sống hạnh phúc, yên bình? Đây chính là chiều sâu nhân văn của tác phẩm.**

## 2. Nhân vật nghệ sĩ Phùng

Là một nhiếp ảnh gia đi tác nghiệp

Phát hiện ra cảnh đất trời cho

Phát hiện ra chân lí nghệ thuật

Ngạc nhiên, thương hại người đàn bà

Thấu hiểu và cảm phục sự chịu đựng, hi sinh

Thay đổi cái nhìn về nghệ thuật và cuộc đời

Đam mê cái đẹp

Vị nhân sinh



- Phùng là một người nghệ sĩ đam mê cái đẹp:

- + Là một nhiếp ảnh gia đi tìm cảnh đẹp cho bộ lịch năm sau.
- + Phát hiện ra "cảnh đất trời cho"  $\Rightarrow$  anh xúc động, ngỡ ngàng.
- + Phát hiện ra chân lí nghệ thuật: cái đẹp chính là đạo đức.

- Phùng là một nghệ sĩ vị nhân sinh:

+ Khi phát hiện ra đằng sau bức tranh toàn bích là cuộc sống đầy nghịch lí, ngang trái khiến cho Phùng thay đổi nhận thức.

+ Ban đầu, anh ngạc nhiên, thương hại sự u mê, cam chịu đến khó hiểu của người phụ nữ. Sau đó, anh thấu hiểu và cảm phục sự chịu đựng, hi sinh vô bờ của người đàn bà hàng chài.

+ Phùng thay đổi cái nhìn về nghệ thuật và cuộc đời: đa diện, nhiều chiều.

*Người nghệ sĩ Phùng là nhân vật tư tưởng của tác phẩm. Qua hình tượng nhân vật này, Nguyễn Minh Châu đã gửi gắm những quan niệm nhân sinh về mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống, về cách nhìn nhận con người và cuộc đời.*

Con người từ khi tồn tại và trải qua biết bao lịch sử thăng trầm – đã, đang và sẽ vẫn là thực thể hoàn mĩ nhất và cũng phức tạp nhất. Ấu đó cũng là quy luật cái đẹp là cái có sức “thôi miên” con người ta mãi mãi. Bởi lẽ đó, sẽ không có gì là đáng ngạc nhiên khi con người luôn hiện diện trong mọi bề mặt của không gian cuộc sống ở vị trí trung tâm, và cũng sẽ là dễ hiểu khi ai đó cho rằng: Tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng là sự tồn vinh con người qua những hình thức nghệ thuật độc đáo. Đến với *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu, ta sẽ tìm thấy “sự tồn vinh” đó, không hiện hình ngay mà “mơ hồ, loè nhoè” sau màn sương hồng, ẩn hiện...

Trong tập thơ *Khối vuông Rubic*, Thanh Thảo đã viết như một quan điểm có tính tranh luận cho bản thân và có lẽ cũng là cho tất cả những thế hệ cầm bút: “Người ta đã nhìn trái đất từ nhiều hướng nhưng trái đất vẫn chưa được khám phá hết. Người ta đã thám dò con người bằng nhiều cách nhưng con người vẫn là một khối bí mật. Làm sao anh nhìn thơ đang chết?”. Phái chăng, đây cũng là lý do chính đáng nhất cho lời phát biểu có phần mạnh mẽ của Xamturkóp Sêđrin: “Văn học nằm ngoài những định luật của bảng hoai. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết”. Có thể nói, chừng nào con người còn sống, còn biết yêu thương cảm hờn, chừng nào cuộc sống vẫn là một khối rubic với những mảnh ghép cuộc đời đầy những gam màu sáng tối quay quanh một trục chính không bao giờ thay đổi là con người, thì chừng ấy, văn học vẫn tồn tại và phát triển. Bởi xét đến cùng, “Nghệ thuật là chiếc kính hiển vi để nhà văn soi vào những bí ẩn chung của mọi người” (Pautốpxki). Cái bí ẩn đó chính là “bản chất nghệ sĩ”, là cái đẹp viên mãn trong mỗi con người mà văn học nghệ thuật phải khám phá và tìm kiếm.

*Chiếc thuyền ngoài xa* mở đầu là một cái cơ, phóng viên Phùng – theo ý cấp trên về một vùng duyên hải để tìm kiếm, phát hiện và chụp những bức ảnh thật độc đáo và đặc sắc. Cái cơ này thực chất là để bắt đầu một câu chuyện, đầy nghịch lý và cả những nhận thức, vỡ lẽ. Trong suốt thời gian công tác đó, anh đã có nhiều phát hiện bất ngờ, đi từ ngạc nhiên này sang ngạc nhiên khác, những phát hiện này đã dần làm thay đổi nhận thức, cách nhìn của anh về cuộc sống và con người. Sau bao ngày “phục kích” để có thể “chộp” được một cảnh thật ưng ý về thuyền và biển, giây phút ấy đã tới, đôi mắt nhà nghề của người nghệ sĩ đã phát hiện ra “một cảnh đất trời cho” trên mặt biển mờ sương, vẻ đẹp mà cả đời bấm máy có lẽ anh chỉ có điểm phúc bất gặp được một lần - cảnh “chiếc thuyền ngoài xa”. Hình ảnh “chiếc thuyền ngoài xa” được nhà văn khắc họa rất ấn tượng: “Mũi thuyền in một nét mơ hồ lòe nhoè vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào. Vài bóng người lớn lẫn trẻ con ngồi im phăng phắc như tượng trên chiếc mũi khum khum, đang hướng mặt vào bờ”. Hình ảnh đó mang một “vẻ đẹp thực sự đơn giản và toàn bích” – vẻ đẹp của “một bức tranh bằng mực Tàu của một danh họa thời cổ”, và tất cả vẻ đẹp đó đã được nhà nghệ sĩ nhiếp ảnh thu vào một tấm ảnh mà nó “được treo ở rất nhiều nơi, nhất là trong các gia đình sành nghệ thuật”. Hình ảnh “chiếc thuyền ngoài xa” giờ đã hóa thân thành một tác phẩm nghệ thuật để mọi người ngắm nhìn, chiêm ngưỡng với tất cả vẻ đẹp về màu sắc, đường nét và bố cục,... và khi thường thức bức ảnh đó, những người sành nghệ thuật có thể có cảm giác “bối rối” và “trong tim như có cái gì bóp thắt vào” và còn “khám phá thấy cái chân lí của sự toàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn”... Bức ảnh ấy đã khiến cho tâm hồn người thường thức rung động thực sự và một cảm xúc thẩm mĩ đang dấy lên trong lòng và tâm hồn như được gột rửa, trở nên thật trong trẻo, tinh khôi. Điều này có nghĩa là cái đẹp đã có tác dụng thanh lọc tâm hồn con người.

Thế nhưng, đằng sau cái cảnh đẹp vĩnh hằng, đằng sau cái "nhoè nhoét", "mơ hồ" ấy là gì? Đó là một cảnh tượng hãi hùng mà ngay sau đấy, Phùng được chứng kiến một cảnh tượng rõ nét, đập thẳng vào mắt Phùng chứ không "mơ hồ" như cánh chiếc thuyền ngoài xa. Cái khoảnh khắc ngắn ngủi ấy đã mở ra cả một chân trời cho người phóng viên khám phá, đó gọi là "một khoảnh khắc mà khi ấy, cuộc sống đậm đặc nhất, có ý nghĩa nhất, khoảnh khắc đáng giá một đời người, một đời nhân loại" (Nguyễn Minh Châu). Tình huống nhận thức này đã mở ra biết bao suy tư và vỡ lẽ. Đằng sau khung cảnh lãng mạn, nên thơ ấy là một bức tranh màu xám về cuộc sống con người. Phùng đang đắm chìm trong cảnh sắc tuyệt mỹ bỗng bị đánh thức bởi hình ảnh đau thương, đầy xót xa – bạo lực gia đình. Khi con thuyền lại gần, bước ra từ con thuyền đẹp như tranh vẽ ấy là một người đàn bà xấu xí, thô kệch, đáng vẻ lam lũ, vất vả; theo sau là một người đàn ông vạm vỡ, dữ dằn, với những tiếng quát tháo chửi bới. Phùng sững sờ, ngỡ ngàng khi chứng kiến cảnh tượng người đàn ông to cao ấy dùng chiếc thắt lưng của mình quật tới tấp xuống lưng người đàn bà, chỉ ta chỉ biết oán người chồng dờn những trận đòn roi của chồng, nhẫn nhục cam chịu, không bỏ chạy, không kêu la, không chống cự. Trong khi Phùng vẫn chưa hết bàng hoàng thì lại phải chứng kiến thêm một cảnh tượng kinh khủng nữa: thằng Phác – con trai người đàn bà, lao vào đánh trả cha vì thương mẹ. Nó ghét cha nó bao nhiêu thì nó lại càng thương mẹ nó bấy nhiêu, nó giáng chiếc dũa lưng trên tay cha nó quật ngược lại người ông, rồi nó quay ra an ủi mẹ, nó lặng lẽ sờ tay lên mặt mẹ như muốn lau đi những giọt nước mắt. Hành động của thằng Phác là bất hiểu? Phác thực sự vừa đáng trách vừa đáng thương, sống trong cảnh trái ngang như vậy, nhìn thấy mẹ bị đòn roi hàng ngày, là con sao cảm lòng nổi?

Với chi tiết này, câu chuyện dường như đã mở ra hai hình ảnh, hai thế giới khác hẳn: chiếc thuyền ngoài xa mang lại vẻ đẹp hoàn mĩ cho một tấm ảnh, còn chiếc thuyền khi đến gần lại làm vỡ ra một hiện thực nghiệt ngã đến mức xót xa của số phận con người. Qua đây, nhà văn như muốn gửi gắm đến bạn đọc thông điệp: cuộc đời vốn dĩ là nơi sản sinh ra cái đẹp của nghệ thuật nhưng không phải bao giờ cuộc đời cũng là nghệ thuật, và rằng con người ta cần có một khoảng cách để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nghệ thuật nhưng nếu muốn khám phá những bí ẩn bên trong thân phận con người và cuộc đời thì phải tiếp cận cuộc đời, đi vào bên trong cuộc đời và sống cùng cuộc đời.

Chứng kiến sự việc ngang trái đó, Phùng quá xót xa và muốn giúp người phụ nữ đó thoát khỏi cuộc sống khổ đau này. anh đã nhờ Đẩu mời chị ta đến tòa án huyện để khuyên chị li hôn. Ở tòa án, chứng kiến cuộc gặp gỡ giữa người đàn bà ấy với chánh án Đẩu, nghe những lời trái lòng và biết được câu chuyện cuộc đời người đàn bà, Phùng đã có sự thay đổi trong nhận thức, anh hiểu rõ hơn về Đẩu, về người đàn bà và ngay cả chính mình. Người đàn bà ấy không hề cam chịu một cách vô li, không hề nể nang nổi một cách ngờ nghệch mà trái lại, chị ta là người rất sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời. Người phụ nữ này có một cuộc đời nhọc nhằn, lam lũ nhưng biết chất chiu những hạnh phúc đời thường. Sống cam chịu và kín đáo, hiểu sâu sắc lẽ đời nhưng chị không để lộ điều đó ra bên ngoài. Đây là một người phụ nữ có ngoại hình xấu xí, thô kệch nhưng tâm hồn vô cùng đẹp đẽ. Khi được Đẩu khuyên li hôn với người chồng tàn nhẫn, vũ phu, chị đã hết lời van xin: "Quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được nhưng đừng bắt con bỏ nó". Chị thương chồng, dùng lí lẽ để biện minh cho hành động tàn nhẫn đó là ngày xưa chồng mình cũng là một người hiền lành, chỉ vì cơn áo gạo tiền mà có những bức dọc trong người cần trút bỏ. Hết biện minh cho chồng, chị lại nhận hết lỗi về mình, lỗi cũng là do mình đẻ nhiều, gánh nặng chồng chất nên chồng mới thế. Qua câu chuyện chị kể nơi tòa án, ta còn thấy đây là một người mẹ giàu đức hi sinh và tình yêu thương con vô bờ bến: chị lo sợ thằng Phác sẽ có những hành động nông nổi với bố, chị đã gửi con cho bố ruột mình nuôi. Không muốn con nhìn thấy cảnh cha đánh mẹ, chị xin với chồng mỗi lần đánh chị thì lên bờ mà đánh khi

không có mặt con. Chị nhận nhúc chịu đựng đòn roi của chồng vì nghĩ đến đàn con "Đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình như ở trên đất được". Hóa ra chị không thể bỏ chồng vì cuộc sống trên thuyền không thể thiếu một người đàn ông lúc phong ba, bão táp, các con chị phải được nuôi nấng, phải được lớn lên... Không chỉ có vậy, điều làm Phùng và Đầu ngạc nhiên hơn bao giờ hết chính là sự thấu hiểu lẽ đời, tuy ít học mà sáng suốt của chị: "Lòng các chú tốt nhưng các chú đâu phải người làm ăn, cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của những người làm lữ, khó nhọc...". Chị hiểu được tấm lòng của những người phụ nữ hàng chài, biết mình đau khổ nhưng vẫn nhẫn nại, hi sinh để cho đàn con được nuôi dưỡng, khôn lớn. Bởi những người phụ nữ hàng chài không thể sống như những người phụ nữ khác, do hoàn cảnh rất riêng của họ. Lúc nào cũng sống trên sóng nước, gia đình nào cũng trên dưới chục đứa con. Chị yêu thương gia đình và cuộc sống đạm bạc của gia đình, niềm vui của chị chỉ đơn giản là được nhìn thấy các con ăn no. Chị là một người phụ nữ bao dung, vị tha, giàu lòng yêu thương và được hi sinh, chị quên đi bản thân mình và chỉ nghĩ cho người khác. Câu chuyện của người đàn bà hàng chài ở tòa án huyện đã làm cho Phùng và Đầu vỡ lẽ nhiều điều: Phùng thấy Đầu có lòng tốt, sẵn sàng bảo vệ công lý nhưng anh chưa thực sự đi sâu vào đời sống nhân dân. Lòng tốt là đáng quý nhưng chưa đủ, luật pháp là cần thiết nhưng cần phải đi sâu vào đời sống. Cả lòng tốt và luật pháp đều phải được đặt vào những hoàn cảnh cụ thể, không thể áp dụng với mọi đối tượng. Nghĩ về bạn là như thế, còn với chính bản thân mình, Phùng cũng nhận thấy mình đã quá đơn giản khi nhìn nhận cuộc đời và con người. Qua đây, Nguyễn Minh Châu muốn chuyển đến người đọc, nhất là người nghệ sĩ thông điệp: đừng bao giờ nhìn nhận cuộc đời và con người một cách dễ dãi, một chiều, cần phải nhìn nhận vấn đề trong hoàn cảnh cụ thể của nó và trong quan hệ với nhiều yếu tố khác nữa.

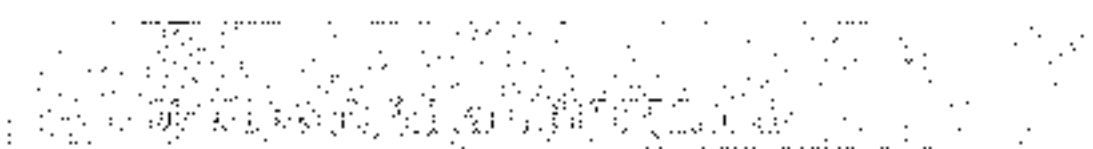
Kết thúc truyện là chi tiết bức ảnh do Phùng chụp trong chuyến đi công tác đã được trưởng phòng chọn in trong bộ lịch năm ấy. Bức ảnh đẹp đến mức làm say đắm lòng người, nhưng mỗi khi ngắm nhìn nó, Phùng không chỉ thấy sự hào nhoáng bên ngoài mà còn nhìn thấy cái hiện thực phũ phàng bên trong, hình ảnh người đàn bà bước ra từ con thuyền vốn đáng vẻ lam lũ, khổ cực và những trận đòn roi ám ảnh. Bức ảnh vừa là hiện thân của chất thơ cuộc sống, vừa mang vẻ đẹp thơ mộng, lãng mạn nhưng cũng vừa là hiện thân của sự lam lũ đời thường. Người nghệ sĩ phải biết dùng cảm nhìn thẳng vào sự thật, đi sâu khám phá những khía cạnh khác nhau, phải gần nghệ thuật với thực tế cuộc sống, không được xa rời hiện thực thì mới đúng là nghệ thuật chân chính.

*Chiếc thuyền ngoài xa* ra đời vào năm 1983, là thời kỳ mà văn học đã bước sang một chặng đường mới. Đại thắng mùa xuân 1975 đã mang lại độc lập, tự do và thống nhất cho Tổ quốc, những khó khăn của thời kỳ hậu chiến. Di chứng chiến tranh vẫn còn hiển hiện trong mỗi cuộc đời hồ bóm chiến tranh đã được lấp bằng nhưng mảnh đất chiến tranh vẫn chưa thôi rỉ máu đau đớn trong tâm hồn, con người phải quay quắt kiếm tiền, đối mặt với cơ chế thị trường. Đối mặt với tất cả và với chính mình. Cuộc sống hiện tại bao ngồn ngộn bề bộn đã kéo văn học từ khuynh hướng "sử thi" (thời kỳ 1945 – 1975) xuống gần hơn với đời sống, "thể sự", con người, để nhìn kĩ hơn vào con người thật từ những tầng diện phong phú nhất. Sự khám phá và tìm kiếm những hạt bụi vàng còn sót lại đằng sau cái bề ngoài dị nghịch trong nhân vật người đàn bà của Nguyễn Minh Châu xuất phát từ môi trường đó. Với tôi, một tác phẩm văn học chân chính không thể chỉ đơn giản là tôn vinh con người bằng những hình thức nghệ thuật độc đáo, ở những vẻ đẹp hiển hiện rõ ràng mà đó phải là sự tôn vinh cái đẹp tiềm tàng và ẩn khuất giữa những xấu xa, cặn bã, là sự tôn vinh hàm chứa niềm thương và lòng tin. Đó là sự tôn vinh chân chính và cao cả nhất.



"Nguyễn Minh Châu là người kể tục xuất sắc là một trong những bậc thầy của nền văn xuôi Việt Nam và cũng là người mở đường rực rỡ cho những cây bút trẻ tài năng sau này."

Nguyễn Khải



## **CHƯƠNG 2:**

# CHUYÊN ĐỀ LÀM QUEN VỚI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC DẠNG ĐỀ LIÊN KẾT

## **Phần 1 DẠNG BÀI SO SÁNH VĂN HỌC**

### **1. Thế nào là dạng bài so sánh văn học?**

Thao tác so sánh xuất hiện khi tồn tại từ hai đối tượng trở lên, đặt trong mối tương quan giữa những đặc điểm chung và riêng. Với thao tác này, người viết sẽ phải chỉ ra những điểm tương đồng và dị biệt để từ đó thấy được giá trị của từng đối tượng. Hai đối tượng so sánh có vị trí và chức năng ngang bằng nhau.

Trong văn học, thao tác so sánh được sử dụng với tần suất lớn. Người viết thường vận dụng thao tác này nhằm cụ thể hóa hay trừu tượng hóa đối tượng, đồng thời phát hiện và khơi gợi ở độc giả những liên tưởng thú vị. Nguyễn Tuân khi miêu tả vẻ đẹp của dòng Sông Đà nhìn từ trên cao xuống có viết: "Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chần tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân". Có thể thấy, với thao tác so sánh Sông Đà với "áng tóc trữ tình" Tây Bắc, người nghệ sĩ ngôn từ đã khiến cho hình dáng con sông trở nên gần gũi, tình tứ, duyên dáng hơn. Trong một bài bút kí khác, Hoàng Phủ Ngọc Tường viết: "Từ đây, như đã tìm đúng đường về, sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những bãi bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long, kéo một nét thẳng thực yên tâm theo hướng tây nam - đông bắc, phía đó, nơi cuối đường, nó đã nhìn thấy chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non". Cách so sánh này vừa thể hiện hình dáng độc đáo của cầu Trường Tiền, vừa gợi nét trong sáng, thanh mảnh của người con gái Huế. Như vậy, thao tác so sánh không chỉ khiến cho đối tượng trở nên rõ nét, gợi hình, gợi cảm hơn mà còn tạo ra sức hấp dẫn cho những câu văn.

Bản chất của thao tác so sánh là tìm ra những điểm tương đồng giữa hai đối tượng, dùng đặc điểm của đối tượng A để gọi ra những đặc điểm của đối tượng B. Hoặc ngược lại, xuất phát từ những điểm đối nghịch, dùng đặc điểm của đối tượng C để làm nổi bật đối tượng D. Dạng đề so sánh văn học cũng vậy. Tuy nhiên, nhiệm vụ của các em không phải là đi tìm đối tượng bất kì để so sánh với đối tượng đã cho mà từ hai (hay nhiều) đối tượng đã được cung cấp, chỉ ra những điểm giống và khác nhau để tìm ra những giá trị riêng biệt của từng đối tượng.

Đối tượng của dạng đề so sánh văn học rất đa dạng. Các em có thể bắt gặp yêu cầu so sánh các tác phẩm văn học, các trích đoạn tác phẩm, các nhân vật văn học, các tình huống truyện, các cốt truyện, cái tôi trữ tình, các chi tiết nghệ thuật... với nhau. Dấu hiệu nhận biết của đề bài thường là những cụm từ khóa: "Cảm nhận của anh chị về... và...": "So sánh hình tượng nhân vật... với...", "Bình giảng hai đoạn thơ sau"...

#### **Ví dụ:**

- Cảm nhận của anh chị về chi tiết bát cháo hành của Thị Nở trong truyện ngắn "Chí Phèo" và chi tiết "nồi chè khoán" của Từ trong truyện ngắn "Vợ nhặt" của Kim Lân.

- Cảm nhận của anh chị về hai đoạn thơ sau:

"Con sông dưới lòng sâu  
Con sông trên mặt nước  
Ồi con sông nhớ bờ  
Ngày đêm không ngủ được  
Lòng em nghĩ đến anh  
Cá trong mơ còn thức"

(Sông – Xuân Quỳnh)

"Nhớ gì như nhớ người yêu  
Trăng lên đầu núi nắng chiều lưng nương  
Nhớ từng bản khói cùng sương  
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về  
Nhớ từng rừng nứa bờ tre  
Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy  
Ta đi ta nhớ những ngày  
Mình đây ta đó đắng cay ngọt bùi"

(Việt Bắc – Tố Hữu)

- So sánh nhân vật A Phủ trong tác phẩm Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài và Trú trong tác phẩm Rừng xê nư của Nguyễn Trung Thành.

- So sánh nhân vật Huân Cao trong tác phẩm Chữ người tử tù và nhân vật ông lái đò trong tác phẩm Người lái đò sông Đà để làm rõ sự khác biệt trong cách xây dựng hình tượng nhân vật của Nguyễn Tuân trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945.

## 2. Phương pháp làm dạng bài so sánh văn học

Về cơ bản, dạng bài so sánh văn học vẫn là một trong những bài nghị luận văn học nên khi giải quyết một đề thuộc dạng bài này, các em cần tuân thủ 4 bước:

### \* Bước 1: Tìm hiểu đề và tìm ý

Thao tác này được tiến hành trong khoảng 2 phút. Các em lấy bút gạch ra những từ khóa trong đề bài để xác định chính xác những đối tượng cần so sánh. Sau đó, nhanh chóng khoanh vùng kiến thức (đối tượng nằm ở phần nào của tác phẩm, nói về điều gì) để hình dung được ý đồ của người ra đề và tìm ý đúng và trúng. Đồng thời, xác định những yêu cầu cần thực hiện của đề bài.

### \* Bước 2: Lập dàn bài

Tùy theo đối tượng so sánh và ý tưởng sáng tạo để bố cục bài viết cho hợp lí. Thời gian để hoàn thành bước lập dàn bài là khoảng 5 phút. Dưới đây là gợi ý những luận điểm cần có của một bài nghị luận văn học dạng đề so sánh:

- Mở bài: Nêu vấn đề (dẫn dắt từ những đặc điểm chung của các đối tượng)

- **Thân bài:**

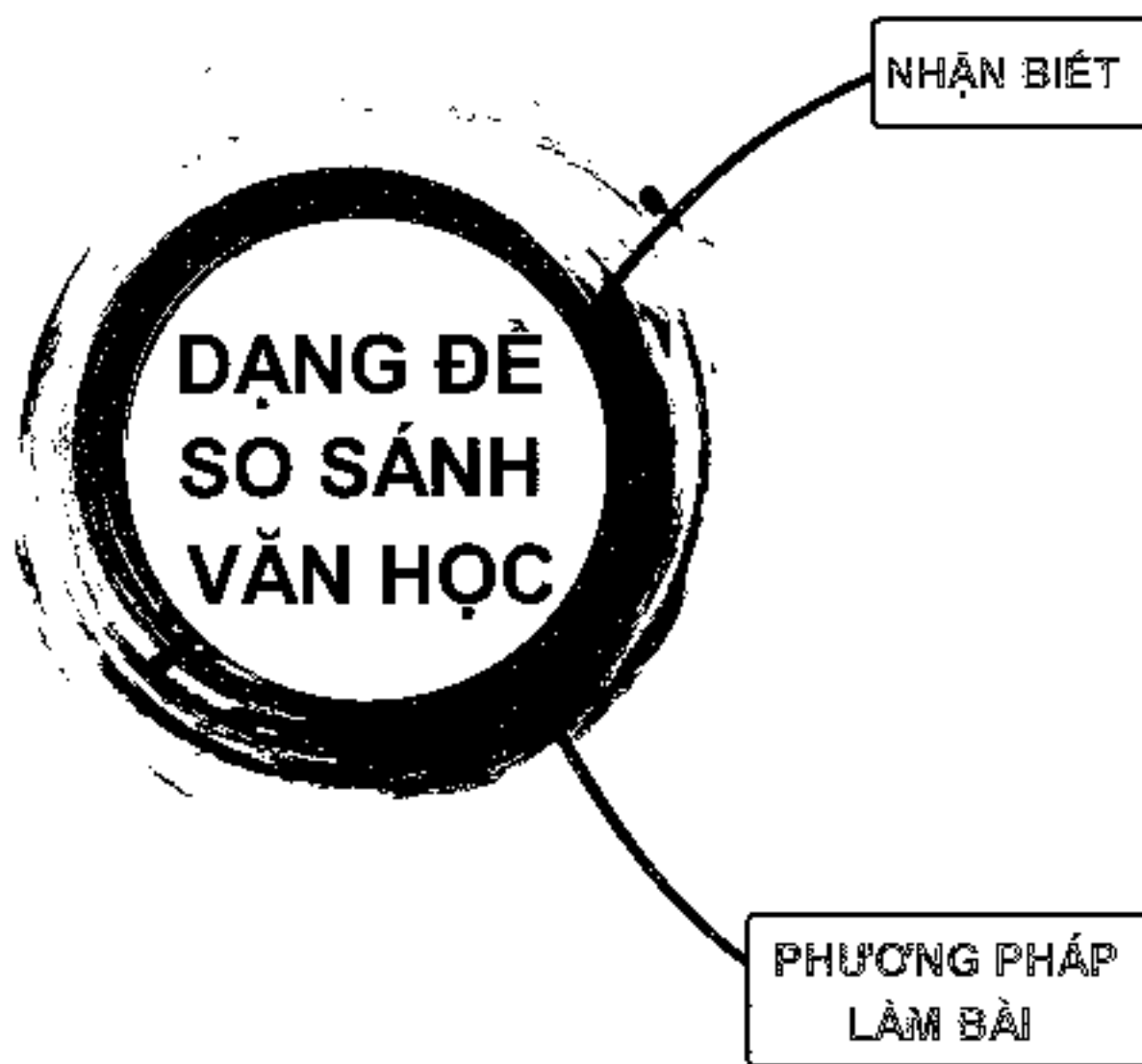
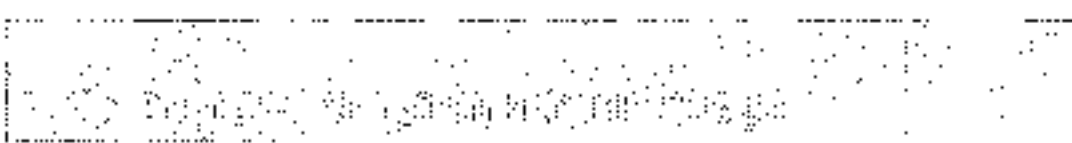
- + Giới thiệu tác giả, tác phẩm của hai đối tượng.
  - + Làm rõ từng đối tượng:
    - Phân tích, cảm nhận về đối tượng 1.
    - Phân tích, cảm nhận về đối tượng 2.
    - ...
  - + Chỉ ra điểm tương đồng giữa các đối tượng.
  - + Chỉ ra và lí giải sự khác biệt giữa các đối tượng (Các em có thể dựa vào bối cảnh lịch sử, xã hội, phong cách nghệ thuật, quan điểm sáng tác của tác giả, nội dung tư tưởng mà tác phẩm hướng đến... để lí giải).
- **Kết bài:** Đánh giá chung về nội dung và nghệ thuật.

\* **Bước 3: Viết bài**

3/4 thời gian của câu nghị luận văn học (khoảng 65 phút) dành cho thao tác này. Khi chấp bút viết bài, các em cần phân bổ thời gian phù hợp cho mỗi luận điểm để tránh liên hệ lan man, dài dòng hay trình bày quá sơ sài, câu văn không trau chuốt. Bài viết cần tuân thủ theo dàn ý đã chuẩn bị để tránh hiện tượng thiếu sót hay lập ý. Nếu có thể, hãy chấp cánh cho những câu văn mở bài và chuẩn bị sẵn sàng một vài lời bình giảng sắc sảo. Đó chính là những điểm cộng cho bài văn của các em.

\* **Bước 4: Đọc và kiểm tra, hoàn thiện bài viết**

Sau khi viết xong, các em hãy dành ra khoảng 3 đến 5 phút để đọc lại từ đầu đến cuối bài viết của mình, hoàn thiện những nội dung còn thiếu sót, chín chu lỗi chính tả... để có được một bài thi trọn vẹn nhất.



Đề bài đưa ra 2 hoặc nhiều đối tượng văn học

Nhiệm vụ

Chỉ ra những điểm giống nhau

Chỉ ra những điểm khác biệt

Lý giải những điểm khác biệt

Tìm ra những giá trị riêng biệt của đối tượng

Dấu hiệu nhận biết

Đề bài chứa 2 đối tượng

Những cụm từ khóa

Tìm hiểu đề và tìm ý

Gạch chân những từ khóa

Xác định nhiệm vụ trọng tâm

Khoanh vùng kiến thức

Giới thiệu chung

Lập dàn bài

Mở bài

Thân bài

Kết bài

Viết bài

Làm rõ từng đối tượng

Chỉ ra điểm tương đồng

Chỉ ra và lý giải sự khác biệt

Đọc và kiểm tra, hoàn thiện bài viết

### 3. Đề minh họa

**Đề bài:** Cảm nhận của anh chị về nhân vật Phùng trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu (*Ngữ văn 12*, Tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016) và nhân vật Vũ Như Tô trong trích đoạn kịch *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* của Nguyễn Huy Tưởng (*Ngữ văn 11*, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016). Từ đó, chỉ ra điểm gặp gỡ trong nhận thức của hai nhà văn về mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống qua hai văn bản trên.

#### GỢI Ý

##### a. Bước 1: Tìm hiểu đề và tìm ý

→ Ba yêu cầu:

- + Cảm nhận về nhân vật Phùng trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu.
- + Cảm nhận về nhân vật Vũ Như Tô trong đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* của Nguyễn Huy Tưởng.
- + Chỉ ra điểm gặp gỡ trong nhận thức của hai nhà văn về mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống qua hai văn bản

##### b. Bước 2: Lập dàn bài

b.1. Mở bài: giới thiệu về vấn đề nghị luận (có thể dẫn dắt từ điểm nhìn nghệ thuật của các nhà văn).

b.2. Thân bài:

\* Cảm nhận về nhân vật Phùng

- Giới thiệu về Phùng và chuyển công tác của anh:

+ Phùng là một nhiếp ảnh gia, theo lời đề nghị của trưởng phòng, anh phải chụp một bức ảnh để đăng cho bộ lịch cuối năm.

+ Sau nhiều ngày lao lực tìm kiếm, anh bắt gặp một hình ảnh chiếc thuyền đang từ từ ghé vào bờ trong "một buổi sáng sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng do ánh mặt trời chiếu vào". Quá thăng hoa trong cảm xúc khi khám phá ra được một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ, anh nhanh chóng bấm máy liên thanh và có những bức ảnh ấn ý không để gì có được trong một đời làm nghệ thuật.

- Tình huống nhận thức của Phùng:

+ Đứng sau cảnh đẹp toàn mĩ là hiện thực trần trụi về bạo lực gia đình.

+ Chứng kiến buổi làm việc giữa Đẩu, một người đồng đội cũ nay là chánh án toà án huyện với người phụ nữ khốn khổ kia, Phùng mới vỡ lẽ ra rằng, người phụ nữ phải cam chịu một bề, không chống trả những trận đòn của chồng và không chịu giải phóng là vì tình yêu vô bờ bến đối với những đứa con.

+ Phùng cay đắng nhận ra rằng, đằng sau cảnh đẹp như mơ kia là bao ngang trái, éo le của đời thường mà anh chưa hiểu hết.

- Quan điểm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu:

+ Tình huống được tạo nên từ ngòi bút của ông là sự tương phản giữa nghệ thuật và cuộc sống: nghệ thuật thì ở ngoài xa còn cuộc đời thì lại thật gần, nghệ thuật thì đẹp nhưng cuộc đời sao đầy rẫy bao ngang trái.

+ Ông cho người đọc thấy được cái nhìn đa diện, nhiều chiều về cuộc sống, từ đó ông gợi mở những vấn đề mới cho sáng tạo và nghệ thuật.



\* Cảm nhận về nhân vật Vũ Như Tô

- Giới thiệu về Vũ Như Tô:

+ Vũ Như Tô là một kiến trúc sư thiên tài và đam mê nghệ thuật, bị hôn quân Lê Tương Dực bắt xây dựng Cửu Trùng Đài để làm nơi hưởng lạc, vui chơi với các cung nữ.

+ Ông là một nghệ sĩ có nhân cách và có lý tưởng nghệ thuật hết sức cao đẹp, không phải là người ham sống sợ chết hay chỉ vì chút công danh mà phải bán thân mình cho nghệ thuật.

+ Lúc đầu, Vũ Như Tô thề chết chứ nhất định không xây dựng Cửu Trùng Đài cho tên vua bạo ngược, nhưng khi nhận ra giá trị nghệ thuật để lại cho đời thì ông lại quên mất một thực tế là dân chúng đang đói khổ.

- Bi kịch của Vũ Như Tô:

+ Cửu Trùng Đài càng xây cao bao nhiêu thì mồ hôi, nước mắt và cả máu xương của nhân dân ngày càng tăng lên bấy nhiêu, xung đột giữa người nông dân và con người nghệ thuật ngày càng tăng cao.

+ Đó là một khát vọng hết sức chân chính nhưng nó được đặt không đúng chỗ, không kịp thời. không tính đến giá trị cuộc sống thì nghiêm nhiên chính nó sẽ tự trở thành tai họa.

+ Trong việc xây dựng Cửu Trùng Đài, Vũ Như Tô vừa là phạm nhân và cũng vừa là nạn nhân. Vũ Như Tô bị giết mặc dù trong thâm tâm ông không hề có ý định hại dân, khi chết ông vẫn chưa nhận ra được sai lầm của mình.

- Quan điểm nghệ thuật của Nguyễn Huy Tưởng:

Qua tấn bi kịch của Vũ Như Tô, tác giả đã đặt ra những vấn đề sâu sắc và có ý nghĩa muôn thuở về mối quan hệ giữa nghệ thuật với cuộc sống, giữa lý tưởng nghệ thuật cao siêu thuần túy của muôn đời với lợi ích thiết thực và trực tiếp của nhân dân.

\* Điểm gặp gỡ trong nhận thức của hai nhà văn về mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống:

- Cả hai tác phẩm đều xây dựng nên hai nhân vật hết lòng đam mê nghệ thuật nhưng chỉ vì chưa thấy rõ sự đối lập mà dẫn đến những kết cục đáng buồn.

- Nghệ thuật phải gắn liền với cuộc sống, phục vụ cuộc sống, nếu nghệ thuật xa rời cuộc sống, xa rời quần chúng thì chỉ đem lại bi kịch thảm khốc như của Vũ Như Tô hay cái nhìn phiến diện về cuộc sống của nghệ sĩ Phùng.

- Ngoài ra, nghệ thuật chân chính là nghệ thuật vì cuộc sống, phục vụ cho cuộc sống, nghệ thuật xa rời cuộc sống chỉ là nghệ thuật suông, không xứng đáng là nghệ thuật chân chính, điều đó đòi hỏi người nghệ sĩ phải biết tìm tòi, khám phá cuộc sống, hiểu nó trên nhiều phương diện.

c. Viết bài

d. Đọc và kiểm tra, hoàn thiện bài viết

# NGHỆ SĨ PHÙNG VÀ VŨ NHƯ TÔ

TÌM HIỂU ĐỀ VÀ TÌM Ý

Mở bài

Thân bài

Kết bài

VIẾT BÀI

ĐỌC VÀ KIỂM TRA  
HOÀN THIỆN BÀI VIẾT

Cảm nhận về nhân vật Phùng

Cảm nhận về nhân vật Vũ Như Tô

Chỉ ra điểm gặp gỡ trong nhận thức về mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống

Giới thiệu về Phùng và chuyến công tác của anh

Cảm nhận về nhân vật Phùng

Tính hướng nhận thức của Phùng

Quan điểm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu

Giới thiệu về Vũ Như Tô

Cảm nhận về nhân vật Vũ Như Tô

Bí kịch của Vũ Như Tô

Quan điểm nghệ thuật của Nguyễn Huy Tưởng

Nhân vật hết lòng vì đam mê nghệ thuật

Điểm gặp gỡ

Nghệ thuật phải gắn liền với đời sống

Nghệ thuật cần chính phải phục vụ cuộc sống, hiểu nó trên nhiều phương diện

Nghệ sĩ chân chính luôn phải vì nhân sinh

## Phần 2 DẠNG ĐỀ LIÊN HỆ VĂN HỌC

### 1. Thế nào là dạng bài liên hệ văn học?

Liên hệ là thao tác dùng các đặc điểm một đối tượng để làm nổi bật đặc điểm của một đối tượng khác (có những nét tương đồng). Nếu trong dạng đề so sánh văn học, chúng ta bắt gặp hai đối tượng đặt trong mối tương quan ngang bằng, cả hai có chức năng như nhau thì ở dạng đề liên hệ, chúng ta phải xác định đâu là đối tượng chính, đâu là đối tượng phụ.

Trong văn học, khi đi phân tích, bình giảng những đoạn thơ, đoạn văn, chi tiết nghệ thuật, nhân vật, hành động kịch..., chúng ta đều có thể sử dụng thao tác liên hệ để tạo ra chiều sâu cho tác phẩm. Tỉ như, khi phân tích hai khổ thơ 3 và 4 của bài thơ "Sóng", chúng ta có thể có rất nhiều ngữ liệu để liên hệ.

Mạch cảm xúc của những khổ thơ tiếp theo đi từ những băn khoăn, trăn trở trong tình yêu của người con gái ở buổi ban đầu:

*Trước muốn trùng sóng bể  
Em nghĩ về anh, em  
Em nghĩ về biển lớn  
Từ nơi nào sóng lên*

*Sóng bắt đầu từ gió  
Gió bắt đầu từ đâu  
Em cũng không biết nữa  
Khi nào ta yêu nhau*

Khi nói tới tình yêu, người ta thường có nhu cầu truy tìm về cội nguồn của nó. Tình yêu là gì? Tình yêu có từ khi nào? Vì sao chúng ta yêu nhau? Tuy nhiên, những câu hỏi dù chính đáng ấy lại không dễ trả lời bởi như một nhà thơ viết:

*Nơi tình yêu bắt đầu  
Cũng là nơi khó nhất  
Trái tim dù biết hát  
Nhưng tình đời dễ đầu*

Còn cô gái Ân Độ trong bài thơ số 28 của Ta-go cũng băn khoăn buồn, muốn nhìn vào tâm tưởng người yêu để hiểu biết anh trọn vẹn nhưng chàng trai đã trả lời thẳng thắn:

*Nhưng em ơi đời anh lại là một trái tim  
Nào ai biết chiều sâu và bến bờ của nó  
Em là nữ hoàng trong vương quốc đó  
Ấy thế mà em có biết gì biên giới của nó đâu*



Chính vì không thể biết trái tim tình yêu nông, sâu, rộng, hẹp nên người ta càng khao khát tìm hiểu, khám phá để có tiếng nói đồng điệu, cảm thông. Xuân Quỳnh cũng bộc bạch những băn khoăn, trăn trở với câu hỏi ngàn xưa, Thiên nhiên bi ẩn còn có thể cất nghĩa. "Sóng bắt đầu từ gió" nhưng tình yêu thì ai có thể hiểu hết được ngọn nguồn. Chính ông hoàng thơ tình Xuân Diệu cũng từng viết: *"Đó ai định nghĩa được tình yêu"; "Làm sao cất nghĩa được tình yêu"*.

Tình yêu là câu chuyện của trái tim, là những xúc cảm mong manh, tinh tế, không thể dùng lí trí tình tảo để xác định thời điểm bắt đầu của mỗi tình. Chính điều đó đã góp phần thi vị và thơ mộng hóa tình yêu. Trước không gian rộng lớn, người ta thường nghĩ đến sự nhỏ bé, cô đơn, hữu hạn của kiếp người nhưng Xuân Quỳnh lại nghĩ về anh và em, nghĩ về biển sóng, nơi bắt đầu của tình yêu. Và chị lắc đầu thừa nhận một cách hồn nhiên, chân thực:

*Em cũng không biết nữa  
Khi nào ta yêu nhau*

Trong đoạn bình giảng trên, đối tượng chính được nhắc tới là khổ thơ 3 và 4 của bài thơ "Sóng". Để làm rõ cái hay, cái đẹp của những khổ thơ này, người viết đã liên hệ với rất nhiều những đoạn thơ khác có cùng nội dung

Dạng bài liên hệ văn học cũng vậy. Thao tác chính là dùng đặc điểm của một (hay nhiều) đối tượng văn học để làm rõ đặc điểm của một đối tượng khác. Tuy nhiên, khác với việc phân tích, bình giảng một đối tượng văn học, nhiệm vụ của các em không phải là tự đi tìm kiếm những đối tượng có chung đặc điểm để làm rõ đối tượng trung tâm mà đề bài sẽ giới hạn.

Đối tượng của dạng đề liên hệ có thể là một đoạn thơ, đoạn văn, chi tiết nghệ thuật, phong cách nghệ thuật, quan điểm sáng tác, hình tượng nhân vật, giá trị tư tưởng... nằm trong các tác phẩm văn học. Dấu hiệu nhận biết của dạng đề này là từ khóa "liên hệ" xuất hiện trong đề bài

**Ví dụ:**

- Phân tích hành động Mị cởi trói cho A Phú và tự giải thoát mình trong tác phẩm *Vợ chồng A Phú* – Tô Hoài. Từ đó liên hệ với hành động Chí Phèo đâm chết Bá Kiến và tự kết liễu cuộc đời mình trong tác phẩm *Chí Phèo* – Nam Cao để thấy được số phận của người nông dân trong văn học thời kì trước và sau cách mạng.

- Phân tích ý nghĩa của kết thúc truyện ngắn *Vợ nhặt* – Kim Lân. Từ đó liên hệ với cách kết thúc của truyện ngắn *Chí Phèo* – Nam Cao để thấy được chiều sâu trong tinh thần nhân đạo của mỗi nhà văn khi viết về đề tài người nông dân.

- Cảm nhận về sự hồi sinh của tâm hồn Mị trong đêm tình mùa xuân (*Vợ chồng A Phú* – Tô Hoài). Từ đó liên hệ đến sự hồi sinh của Chí Phèo vào buổi sáng hôm sau khi gặp Thị Nở (*Chí Phèo* – Nam Cao) để thấy được ngòi bút nhân đạo sâu sắc của mỗi nhà văn.

## ĐỀ BÀI VÀ CÁCH LÀM BÀI LIÊN HỆ VĂN HỌC

- Phân tích giá trị nhân đạo của tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* – Tô Hoài. Từ đó, hãy so sánh với tư tưởng nhân đạo của nhà văn Nam Cao thể hiện qua tác phẩm *Chí Phèo* để thấy nét mới trong tư tưởng nhân đạo của nhà văn Tô Hoài.

- Cảm nhận về vẻ đẹp của người lính Tây Tiến trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng. Từ đó liên hệ với vẻ đẹp của người chiến sĩ cách mạng trong bài *Chiếu tới* của Hồ Chí Minh.

- Cảm nhận về diễn biến của nhân vật Tráng (*Vợ nhặt* – Kim Lân). Từ đó liên hệ với tâm trạng của nhân vật Chí Phèo từ khi được Thị Nở chăm sóc (*Chí Phèo* – Nam Cao) để thấy được chiều sâu nhân đạo của hai nhà văn.

### **2. Phương pháp làm dạng bài liên hệ văn học**

Khi tiếp cận và xử lí bài văn thuộc dạng bài liên hệ văn học, các em cũng cần tuân thủ bốn bước như dạng đề so sánh đã đề cập.

\* **Bước 1:** Thao tác này được tiến hành trong khoảng 2 phút. Các em lấy bút gạch ra những từ khóa trong đề bài để xác định chính xác đối tượng chính và đối tượng liên hệ mà đề bài yêu cầu. Sau đó, nhanh chóng khoanh vùng kiến thức (đối tượng nằm ở phần nào của tác phẩm, nói về điều gì) để hình dung được ý đồ của người ra đề và tìm ý đúng và trúng. Đồng thời, xác định những yêu cầu cần thực hiện của đề bài.

\* **Bước 2:** *Lập dàn bài*

- *Mở bài:* Nêu vấn đề (có gắng tìm ra những điểm chung của các đối tượng để dẫn dắt), giới thiệu tập trung vào đối tượng chính.

- *Thân bài:*

+ Giới thiệu tác giả, tác phẩm của hai đối tượng.

+ Giới thiệu vấn đề được đặt ra từ các đối tượng văn học.

+ Làm rõ đối tượng chính.

+ Liên hệ với đối tượng phụ để làm nổi bật yêu cầu đề bài.

+ Chỉ ra và lí giải sự giống và khác giữa các đối tượng để làm nổi bật đối tượng chính (hoặc yêu cầu của đề bài).

+ Nếu có những vấn đề được đặt ra từ các đối tượng văn học thì cần làm sáng tỏ qua việc soi chiếu vấn đề ấy vào đối tượng.

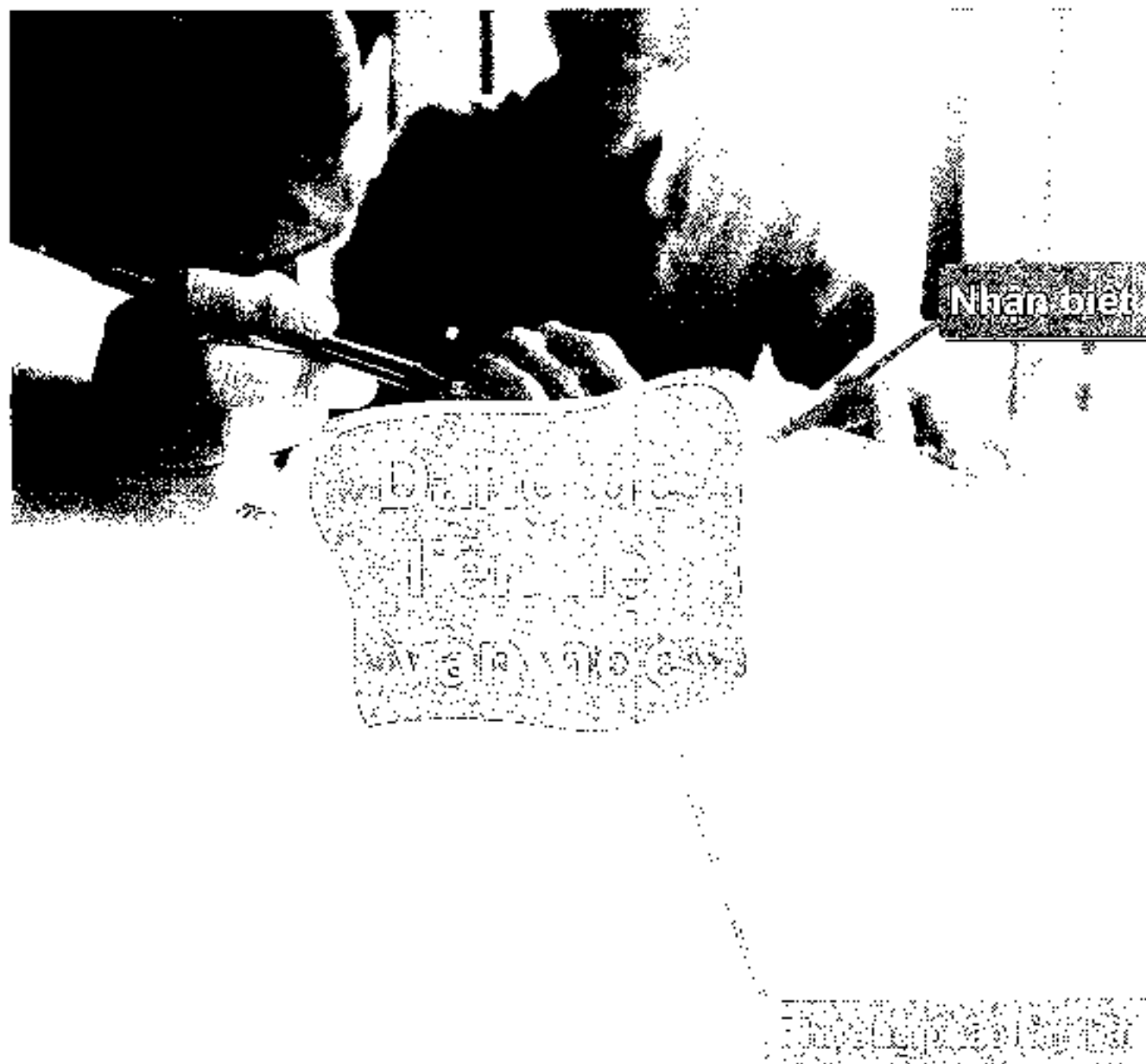
- *Kết bài:* Đánh giá chung về nội dung và nghệ thuật, khẳng định lại vấn đề.

\* **Bước 3 và Bước 4** tiến hành tương tự dạng đề *So sánh văn học*.

*Tuổi trẻ không có lý tưởng giống như buổi sáng  
không có mặt trời.*

**BELINSKY**

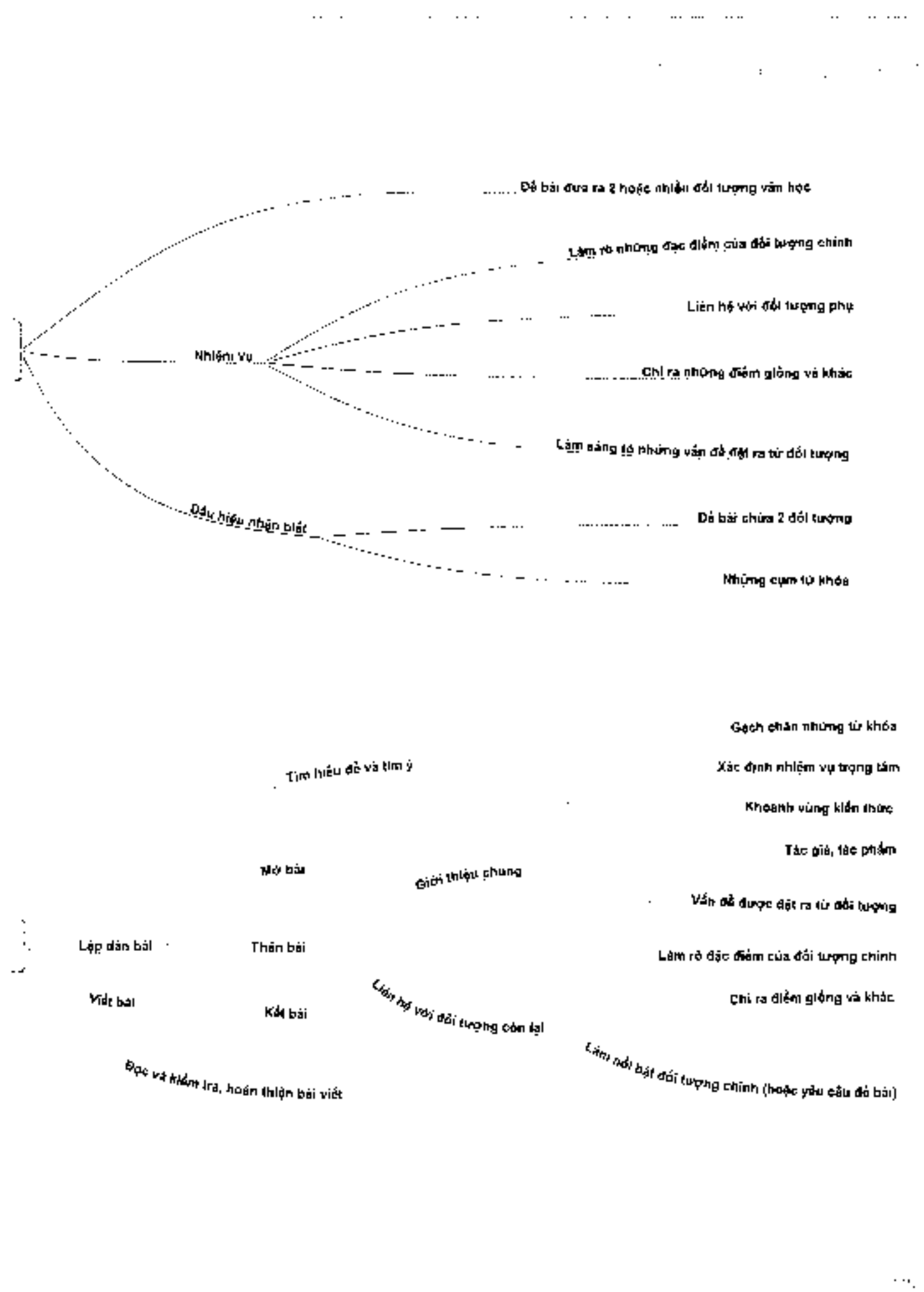
Đang chờ đợi để được khám



Nhận biết

ĐANG CHỜ ĐỢI ĐƯỢC KHÁM





### 3. Đề minh họa

**Đề bài:** Cảm nhận của anh/ chị về chi tiết nổi chề khoán trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân (*Ngữ văn 12*, Tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016). Từ đó liên hệ đến chi tiết bát cháo hành trong truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao (*Ngữ văn 11*, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016), để nhận xét về tư tưởng nhân đạo của hai nhà văn.

Ngày 2

#### a. **Bước 1:** Tìm hiểu đề và tìm ý

> Ba yêu cầu:

- + Cảm nhận về chi tiết nổi chề khoán trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân.
- + Liên hệ với chi tiết bát cháo hành trong truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao.
- + Nhận xét về tư tưởng nghệ thuật của hai nhà văn.

#### b. **Bước 2:** Lập dàn bài

b.1. *Mở bài:* giới thiệu về vấn đề nghị luận.

b.2. *Thân bài:*

\* *Cảm nhận về chi tiết nổi chề khoán*

- Vị trí xuất hiện: Chi tiết nổi chề khoán được nhắc đến trong tác phẩm chính là nổi cháo cám trong bữa ăn đón nàng dâu mới.

- Ý nghĩa:

- + Nói lên tình cảnh vô cùng thảm hại của người dân nghèo trong nạn đói.
- + Tố cáo tội ác của bọn thực dân, phát xít gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945.

+ Qua chi tiết nổi chề khoán, tính cách, phẩm chất của các nhân vật được bộc lộ: Bà cụ Tứ là người mẹ đảm đang, yêu thương con hết lòng; Tráng khéo léo trong cách cư xử, hiểu gia cảnh nhà mình; Người vợ nhặt: trở nên ý tứ và biết chấp nhận hoàn cảnh.

- Nghệ thuật:

- + Xây dựng chi tiết nghệ thuật độc đáo, giàu sức gợi.
- + Diễn tả tâm lí nhân vật tinh tế, cảm động.

\* *Liên hệ với chi tiết bát cháo hành:*

- Sự tương đồng:

+ Đó đều là những món ăn đơn sơ, dân dã của những người lao động nghèo nhưng lại chứa đựng tình người cao đẹp. Cũng giống như nổi chề khoán, bát cháo hành do Thị Nở mang đến cho Chí Phèo đúng lúc Chí Phèo sống trong hoàn cảnh ốm đau, cô độc là biểu hiện của tình thương đã làm thức tỉnh, hồi sinh nhân tính của Chí Phèo cũng niềm khao khát được hoàn lương, khao khát hạnh phúc gia đình,...

- + Khẳng định niềm tin vào tình yêu thương con người và mong muốn có sự thay đổi xã hội.
- + Cả hai chi tiết tiêu biểu góp phần thể hiện giá trị tư tưởng sâu sắc của tác phẩm.



- Sự khác biệt:

+ Chi tiết nồi chè khoán là biểu trưng cho tình yêu thương của bà cụ Tứ dành cho con, còn chi tiết bát cháo hành là biểu trưng cho tình yêu của Thị Nở dành cho Chí Phèo.

+ Nồi chè khoán của bà cụ Tứ góp phần tiếp sức cho cả gia đình vượt qua đói khát. Ở người mẹ nghèo, niềm tin về hạnh phúc của con đã biến hương vị đắng chát thành ngọt ngào. Bát cháo hành thể hiện tình thương mộc mạc của Thị Nở đã khiến Chí Phèo thức tỉnh tình người và tỉnh người. Từ đó, nhà văn khẳng định bản chất tốt đẹp của người nông dân không bao giờ mất đi.

+ Nồi chè khoán góp phần tô đậm giá trị hiện thực, tiếng nói tố cáo tội ác của bọn thực dân, phát xít còn chi tiết bát cháo hành góp phần làm nổi bật giá trị nhân đạo và sức mạnh của tình người.

\* Nhận xét về tư tưởng nhân đạo của hai nhà văn:

- Hai chi tiết đều là những phát hiện độc đáo, mới mẻ, thấm đượm tư tưởng nhân đạo sâu sắc của hai nhà văn: trong bất kì hoàn cảnh nào, tình nghĩa và hi vọng của con người vẫn luôn tỏa sáng.

- Qua hai chi tiết, người đọc thấy được tài năng và phong cách của hai nhà văn Kim Lân và Nam Cao.

c. Viết bài

d. Đọc và kiểm tra, hoàn thiện bài viết

**ĐỌC VÀ KIỂM TRA, HOÀN  
THIỆN BÀI VIẾT**

**TÌM HIỂU ĐỀ VÀ TÌM Ý**

**NỘI CHÈ KHOẢN  
VÀ BẮT CHÁO HÀNH**

**VIẾT BÀI**

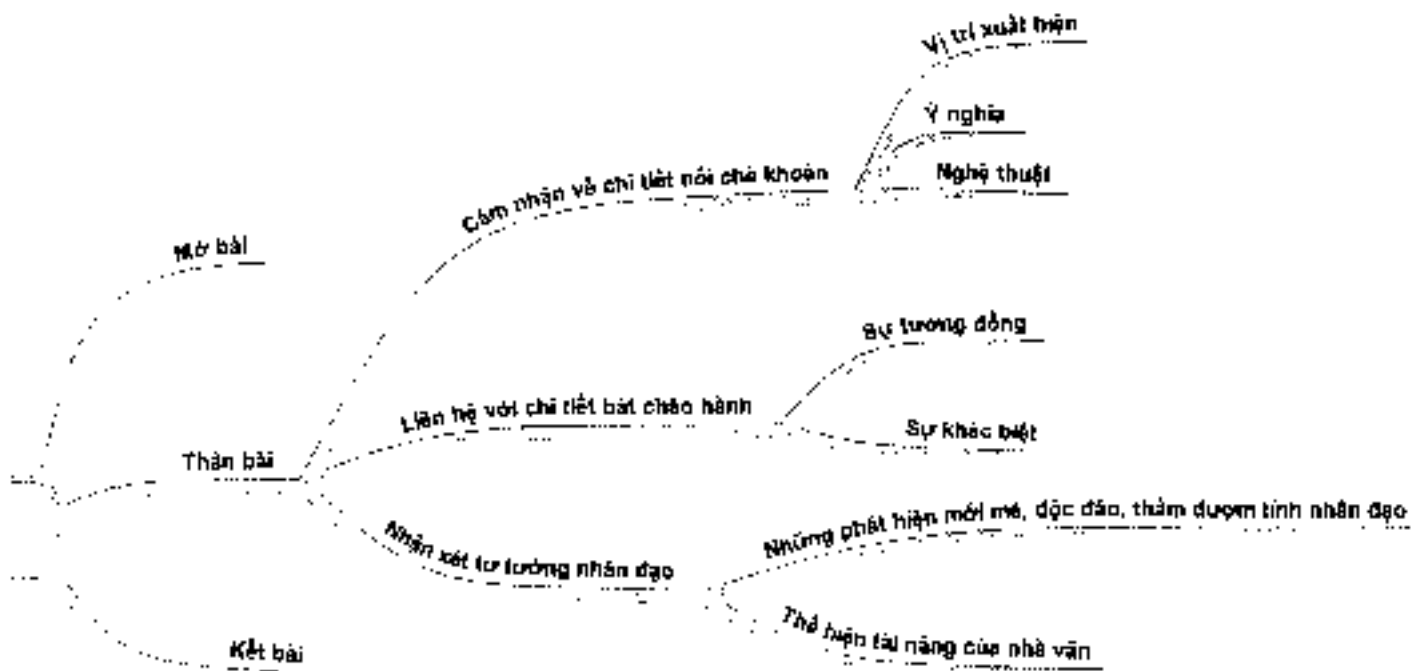
**LẬP DÀN BÀI**

.....  
.....  
.....

Cảm nhận về chi tiết nổi chấ khoan

Liên hệ với chi tiết bất chấp hành

Nhận xét tư tưởng nhân đạo của hai nhà văn



# CHƯƠNG 1:

## CHƯƠNG 3:

CHUYÊN ĐỀ ĐỌC - HIỂU  
VÀ NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

# BÀI 1: CHUYÊN ĐỀ ĐỌC HIỂU

## Phần 1 MỘT SỐ LƯU Ý KHI LÀM BÀI ĐỌC HIỂU

Đọc hiểu là một phần câu hỏi bắt buộc có trong cấu trúc đề thi THPT Quốc gia, chiếm 30% tổng số điểm. Đây là câu hỏi không chuyên biệt mức độ nhận thức mà tổng hợp các mức độ nhận thức từ nhận biết, thông hiểu đến vận dụng. Theo đó, phần Đọc hiểu sẽ cho trước một ngữ liệu (nằm trong chương trình học hoặc ngoài chương trình học) kèm theo bốn câu hỏi nhỏ lần lượt tương đương các mức độ: nhận biết, thông hiểu và vận dụng. Đây cũng là câu hỏi đánh giá được tổng quát, thể hiện tinh ý và chắc kiến thức của học sinh, bởi ngữ liệu thường nằm ngoài chương trình học.

### 1. Một số lỗi thường gặp khi làm bài

Thông thường, Đọc hiểu là câu dễ lấy điểm mà tốn ít thời gian nhất vì yêu cầu làm thường ngắn gọn, súc tích. Tuy nhiên cũng không ít học sinh bị mất điểm đáng tiếc vì một số lỗi sau:

Phân bố thời gian không hợp lí, dành quá nhiều thời gian, lấn chiếm thời gian làm bài của các câu sau nhiều điểm hơn.

Không chắc kiến thức, sai cơ bản trong việc nhận biết, gọi tên các đơn vị kiến thức Tiếng Việt (tên thể thơ, tên các biện pháp tu từ, các phép liên kết, ...).



Không đọc kĩ câu hỏi đến đến tình trạng câu trả lời "vừa thiếu vừa thừa". Phân trọng tâm thì chưa đề cập tới, phần thừa ra thì lại quá nhiều.

Về hình thức, trả lời quá dài dòng, không trọng tâm. Nhiều học sinh còn trình bày cu thể 3áp án, trọng ý để bài chỉ yếu câu nhận diện và xác định.

Trong quá trình làm bài thi phần Đọc hiểu, kiến thức là điều cơ bản nhất các em cần lưu ý để tránh được những lỗi sai không đáng có. Nếu nền tảng kiến thức không chắc chắn, việc nhận biết và gọi tên các đơn vị kiến thức Tiếng Việt sẽ trở nên khó khăn và sai lệch. Ngữ văn dù là môn học thiên về cảm xúc nhưng đáp án rất logic, rõ ràng, nhất là phần Đọc hiểu. Bởi vậy, cần trang bị cho mình một hành trang kiến thức thật vững chắc để xử lí mọi yêu cầu mà đề thi đặt ra.

Bên cạnh đó, các em cần linh hoạt trong tư duy và kĩ năng làm bài. "Hỏi gì, đáp nấy" là phương châm khi làm bài thi Đọc hiểu. Các em không cần phải diễn giải quá dài dòng, không trọng tâm nếu đề thi chỉ yêu cầu nhận diện hay xác định kiến thức.

Hệ quả của việc tư duy chưa mạch lạc và đọc câu hỏi không kĩ là câu trả lời "vừa thiếu, vừa thừa". Phân trọng tâm thì chưa đề cập đến mà phần thừa ra thì lại quá nhiều.

Các em cần dựa vào mức độ và phân bố điểm của các phần để chia thời gian cho hợp lí, tránh dành quá nhiều thời gian, lấn chiếm thời gian làm bài của các câu sau nhiều điểm hơn.

## 2. Những lưu ý khi làm bài Đọc hiểu

Phân bố thời gian



Câu hỏi thông hiểu

Câu hỏi nhận biết

### a. Phân bố thời gian hợp lý

Câu hỏi Đọc hiểu chiếm 30% số điểm toàn bài thi. Thông thường, chúng ta cần dành 40 phút để hoàn thành phần này. Tuy nhiên, theo mức độ của câu hỏi và dung lượng câu trả lời cần đạt, các em chỉ nên dành khoảng 15 phút cho phần này.

### b. Lưu ý khi làm câu hỏi nhận biết

Câu hỏi nhận biết của phần Đọc hiểu thường nằm ở câu đầu tiên. Đề có thể hỏi các em về thông tin xung quanh ngữ liệu đó như tên tác giả, tác phẩm (nếu như ngữ liệu nằm trong chương trình SGK), các kiến thức về Tiếng Việt như xác định từ loại, xác định phong cách ngôn ngữ văn bản, thể thơ, ... Các em bám sát vào đề bài, trả lời ngắn gọn, hỏi cái gì trả lời trực tiếp cái đó. Phương châm: "Hỏi gì, đáp nấy: ngắn gọn, trực tiếp". Ví dụ đề bài yêu cầu xác định thể thơ thì trả lời ngay đó là thể thơ gì, không cần thiết phải giải thích hay nêu biểu hiện.

### c. Lưu ý khi làm câu hỏi thông hiểu

Câu hỏi mức độ thông hiểu thường nằm ở câu 2 và câu 3. Phần này yêu cầu các em tìm ý ngay trong chính ngữ liệu, trình bày ý hiểu của bản thân về từ, cụm từ, một câu nào đó trong ngữ liệu. Các em cần phải tư duy và diễn giải một chút về yêu cầu đề hỏi. Phương châm: "Bám sát ngữ liệu; Diễn giải ngắn gọn". Ví dụ: Trích một phần trong đề thi THPT Quốc gia 2018

*Khoáng sản tiềm tàng trong ruột núi non  
châu báu vô biên dưới thềm lục địa  
rừng đại ngàn bạc trắng là thể  
phù sa muôn đời như sữa mẹ*



*sông giàu đẳng sông và bể giàu đẳng bể  
còn mặt đất hôm nay thì em nghĩ thế nào?  
lòng đất rất giàu, mặt đất cù nghèo sao?*

Câu 2: Trong đoạn trích tác giả đã nhắc đến những yếu tố nào thuộc về **tiềm lực** tự nhiên của đất nước?

Câu 3. Nêu hiệu quả của việc sử dụng câu hỏi tu từ.

Gợi ý trả lời: Hai câu mức độ thông hiểu yêu cầu như sau:

+ Câu 2: Tìm đáp án là các yếu tố thuộc về **tiềm ẩn** tự nhiên của đất nước ngay trong **chính** văn bản

=> tìm ý sát ngay trong văn bản. Một số chi tiết bề nguyên từ ngữ liệu nên để vào ngoặc kép.

+ Câu 3: Trình bày hiệu quả của việc sử dụng câu hỏi tu từ một cách rõ ràng, ngắn gọn:

Hiệu quả của câu hỏi tu từ "*còn mặt đất hôm nay thì em nghĩ thế nào?/ lòng đất rất giàu, mặt đất cù nghèo sao?*" là:

+ Cho thấy sự đối lập giữa sự giàu ở trong lòng đất với sự nghèo ở trên mặt đất.

+ Khơi gợi sự trăn trở của tác giả, đánh thức ý thức trách nhiệm của mọi người trong việc khai thác vốn tài nguyên thiên nhiên để làm giàu đất nước.

đ. Lưu ý khi làm câu hỏi vận dụng

Câu hỏi mức độ vận dụng thường nằm ở câu 4. Thông thường, đề sẽ yêu cầu chúng ta thể hiện quan điểm, suy nghĩ cá nhân về một câu văn chú đề, hoặc những câu thơ độc đáo, bao trùm được giá trị cốt lõi của ngữ liệu đưa ra. Câu hỏi số 4 này bắt đầu đánh giá khả năng tư duy, kĩ năng phản biện (đối với những câu hỏi đưa ra ý kiến đồng tình hay không đồng tình), khả năng lập luận của các em.

Muốn làm tốt phần này, vừa để thể hiện được khả năng vận dụng của bản thân, vừa để không tốn quá nhiều thời gian của các câu khác, các em sẽ phải diễn giải quan điểm của bản thân bằng cách viết một đoạn văn ngắn khoảng từ 5 - 7 dòng, trình bày hết sức khái quát, ngắn gọn về yêu cầu đề cho. Phương châm: khái quát, ngắn gọn, nêu được rõ ràng quan điểm bản thân.

# PHƯƠNG PHÁP TƯ TƯỞNG VÀ BIỆN PHÁP TƯ TƯỞNG

## Phần 2 MỘT SỐ KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

### I. NGHĨA VÀ BIỆN PHÁP TƯ TƯỞNG GỢI



#### 1. So sánh

##### a. Khái niệm

So sánh là đối chiếu 2 hay nhiều sự vật, sự việc mà giữa chúng có những nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho lời văn.

##### b. Cấu tạo của biện pháp so sánh

- A là B:

Người ta là hoa đất

(Tục ngữ)

Quê hương là chùm khế ngọt

(Đỗ Trung Quân)

- A như B:

Nước biếc trông như làn khói phủ

Song thưa để mặc bóng trăng vào

(Nguyễn Khuyến)

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét

Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng

(Chế Lan Viên)

- Bao nhiêu.... bấy nhiêu....

"Qua đình ngả nón trông đình  
Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu"  
(Ca dao)

### c. Phân loại

- **Phân loại theo mức độ:**

+ So sánh ngang bằng:

"Êm như lọt tiếng tơ tình  
Đẹp như Ngọc nữ uốn mình trên không"  
(Tiếng sáo Thiên Thai – Thế Lữ)

+ So sánh không ngang bằng:

"Con đi trăm núi ngàn khe  
Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm  
Con đi đánh giặc mười năm  
Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi"  
(Tố Hữu)

- **Phân loại theo đối tượng:**

+ So sánh các đối lượng cùng loại:

"Tiếng suối trong như tiếng hát xa"  
(Hồ Chí Minh)

+ So sánh khác loại:

"Ngôi nhà như tre nhỏ  
Lớn lên với trời xanh"  
(Đồng Xuân Lan)

## 2. Nhân hóa

### a. Khái niệm

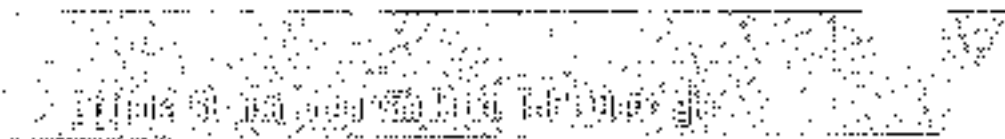
Nhân hóa là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động, tính cách, suy nghĩ, tên gọi... vốn chỉ dành cho con người để miêu tả đồ vật, sự vật, con vật, cây cối khiến cho chúng trở nên sinh động, gần gũi, có hồn hơn.

### b. Phân loại

- Dùng những từ vốn gọi người để gọi sự vật: Chị ong nâu, Ông mặt trời, Bác giun, Chị gió,...

- Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động tính chất của vật:

"Trời dòng nước lũ hoa dâng đưng"  
(Quang Dũng)



- Trò chuyện với vật như với người.

*Trâu ơi ta bảo trâu này...*

(Ca dao)

### 3. Ẩn dụ

#### a. Khái niệm

Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên của sự vật, hiện tượng khác bằng mà giữa chúng có nét tương đồng để tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

#### b. Phân loại

+ Ẩn dụ hình thức - tương đồng về hình thức

*Đầu tường lửa lựu lập lõe đơm bông*

(Nguyễn Du)

+ Ẩn dụ cách thức - tương đồng về cách thức

*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*

(Tục ngữ)

+ Ẩn dụ phẩm chất - tương đồng về phẩm chất

*Thuyền về có nhớ bến chăng*

*Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền*

(Ca dao)

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

*Ngoài thềm rơi chiếc lá đa*

*Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng*

(Trần Đăng Khoa)

### 4. Hoán dụ

#### a. Khái niệm

Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

#### b. Phân loại

+ Lấy một bộ phận để chỉ toàn thể

*Đầu xanh có tội tình gì*

*Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi*

(Nguyễn Du)

+ Lấy vật chứa đựng chỉ vật bị chứa đựng

*Vì sao trái đất nặng ân tình,*

*Nhắc mãi tên người Hồ Chí Minh*

(Tố Hữu)

+ Lấy dấu hiệu của sự vật để chỉ sự vật

Áo chàm đưa buổi phân li  
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay  
(Tố Hữu)

+ Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng

Một cây làm chẳng nên non  
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao  
(Ca dao)

## 5. Nói quá (cường điệu)

### a. Khái niệm

Nói quá là phép tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.

### b. Ví dụ

Dân công đó được từng đoàn  
Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay  
(Tố Hữu)

Độc ác thay, trúc Lam Sơn không ghi hết tội  
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi  
(Nguyễn Trãi)

Lỗ mũi mười tám gánh lông  
Chồng yêu chồng bâu rêu róng trời cho  
(Ca dao)

## 6. Nói giảm, nói tránh

### a. Khái niệm

Nói giảm nói tránh là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, nhằm tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.

### b. Ví dụ

Bác đã đi rồi sao Bác ơi!  
(Tố Hữu)

Bác Dương thôi đã thôi rồi  
Nước mây man mác, ngậm ngùi lòng ta  
(Nguyễn Khuyến)

# PHẦN 2

## PHÂN TÍCH VĂN BẢN

### 7. Điệp từ, điệp ngữ

#### a. Khái niệm

Điệp từ, điệp ngữ là biện pháp tu từ nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ, cụm từ có dụng ý làm tăng cường hiệu quả diễn đạt: nhấn mạnh, tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc... và tạo nhịp điệu cho câu/ đoạn văn bản

#### b. Phân loại

##### - Điệp ngữ cách quãng

Mình đi, có nhớ những ngày  
Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù?  
Mình về có nhớ chiến khu  
Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?  
Mình về rừng núi nhớ ai  
Trám bùi để rụng, măng mai để già  
Mình đi có nhớ những nhà  
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son  
(Tố Hữu)

##### - Điệp nối tiếp

Đất Nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa..." mẹ thường hay kể  
Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bà ản  
Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc  
(Nguyễn Khoa Điềm)

##### - Điệp vòng tròn

Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc  
Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng  
(Hồ Chí Minh)

### 8. Chơi chữ

#### a. Khái niệm

Chơi chữ là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước,... tạo cách diễn đạt hấp dẫn và thú vị.

#### b. Phân loại

##### - Dùng từ đồng âm

Bà già đi chợ Cầu Đông  
Bò què lấy chồng xem có lợi chăng  
Thấy bò giao què nói rằng  
Lợi thì có lợi nhưng răng không còn  
(Ca dao)

- Dùng từ gần âm

*Tiếng gà vàng vắng gáy trên bom,  
Oán hận trông ra khắp mọi chòm.  
Mồ thà không khua mà cũng cốc,  
Chuông sầu chẳng đánh cớ sao om.  
Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ,  
Sau giận vì duyên để mồm mòm.  
Tái tử vẫn nhân ai đồ tể?  
Thân này đâu đã chịu giá tom!*

(Hồ Xuân Hương)

- Dùng cách điệp âm

*Mênh mông nuôn mầu một màu mưa  
Mỗi mặt miên man mãi mặt mờ  
Mộng mị mỗi mòn mai một một  
Mĩ miều mai mắn mây mà mơ*

(Tú Mỡ)

- Dùng lối nói lái

*Tao kéo mây về Keo Táo* (Keo Táo: thuộc huyện Gia Lâm – Hà Nội)

## 9. Liệt kê

### a. Khái niệm

Là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả đầy đủ, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay tư tưởng, tình cảm.

### b. Ví dụ

*Điện giết, dùi đâm, dao cắt, lửa nung  
Không giết được em, người con gái anh hùng!*

(Tố Hữu)

*Người dạy ta nghèo ăn cháo ăn rau  
Biết ăn ớt để đánh lừa cái tươi  
Cái cuốc, con dao, đánh lừa cái tuổi  
Chén rượu đánh lừa con mồi, con đau*

(Nguyễn Khoa Điềm)

## 10. Đối lập, tương phản

### a. Khái niệm

Đối lập, tương phản là cách sử dụng từ ngữ đối lập, trái ngược nhau để tăng hiệu quả diễn đạt.

b. Ví dụ

O du kích nhỏ giường cao sung  
Thằng Mĩ lênh khênh bước cúi đầu  
Ra thế, to gan hơn bèo bụng  
Anh hùng đầu cừ phải mày râu

(Tố Hữu)

## I. TIẾP CẬN 6 PHƯƠNG THỨC RIÊU ĐẠT

Phương thức biểu đạt	Khái niệm	Ví dụ minh họa
Tự sự	Là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, dẫn đến một kết thúc để thể hiện một ý nghĩa; thường có cốt truyện, nhân vật, ngôi kể...	<p>Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sáo, Trăng mới trờ dấy. Trong người êm ái lũng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hấn có vợ đến hôm nay hấn vẫn còn ngỡ ngàng như không phải.</p> <p>Hấn chấp hai tay sau lưng lững thững bước ra sân. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng lóa xói vào hai con mắt còn cay xè của hấn. Hấn chớp chớp liên hồi mấy cái, và bỗng vừa chợt nhận ra, xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt khươm mươi niên ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước vẫn để khô cong ở dưới gốc ổi đã kín nước đầy ăm ắp. Đống rác mùn tung hoành ngay lối đi đã hót sạch.</p> <p>(Vợ nhặt – Kim Lân)</p>
Miêu tả	Là phương thức làm cho người đọc, người nghe hình dung ra các sự vật, hiện tượng, con người, thế giới nội tâm mà tác giả đang nói đến.	<p>Đầu lòng hai á tố nga Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân Mai cốt cách tuyết tinh thần Mỗi người một vẻ mười phần vẹn mười Vân xem trang trọng khác vời Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang Hoa cười ngọt thốt đoan trang Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da</p> <p>(Trích Truyện Kiều – Nguyễn Du)</p>

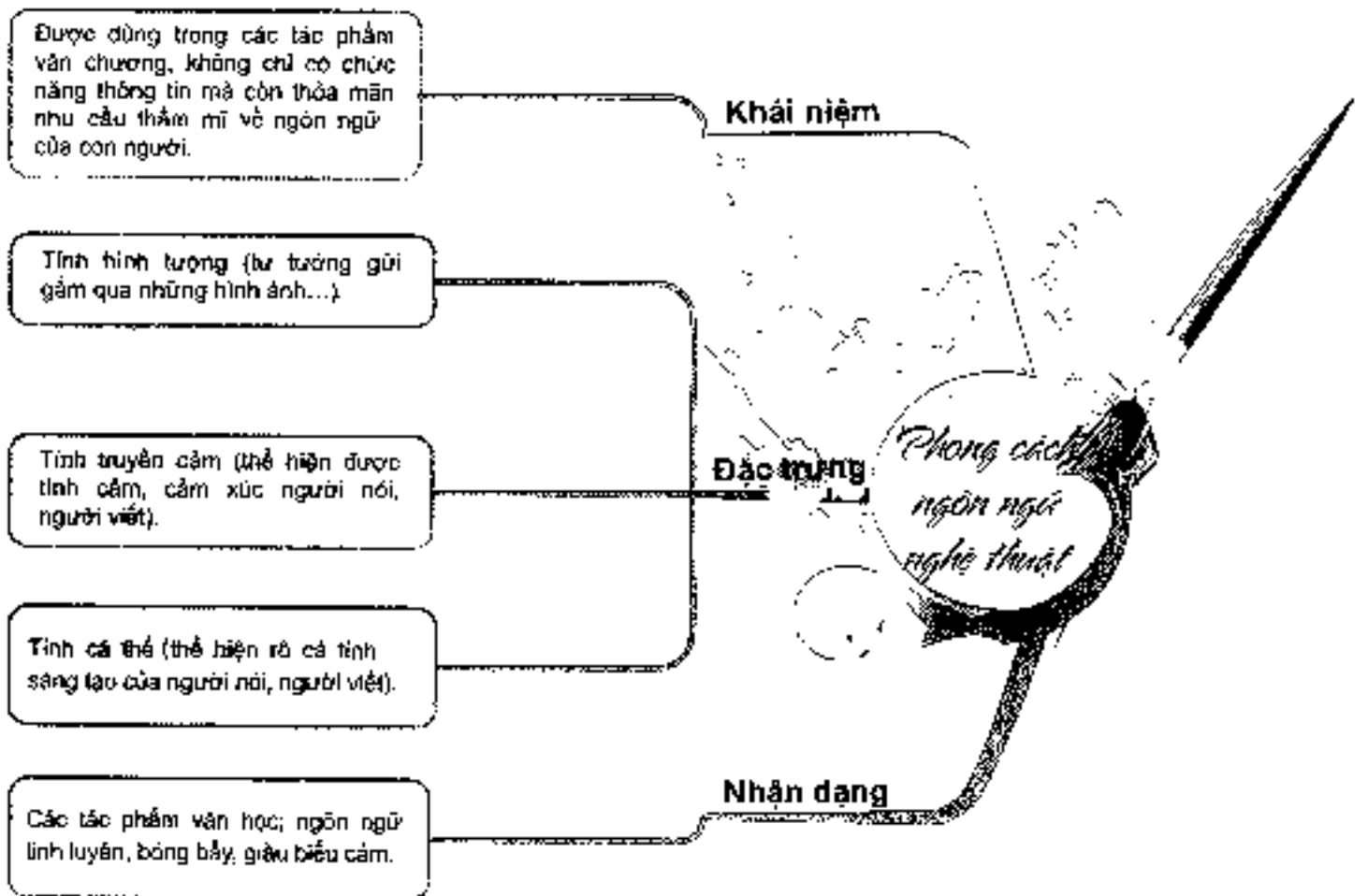
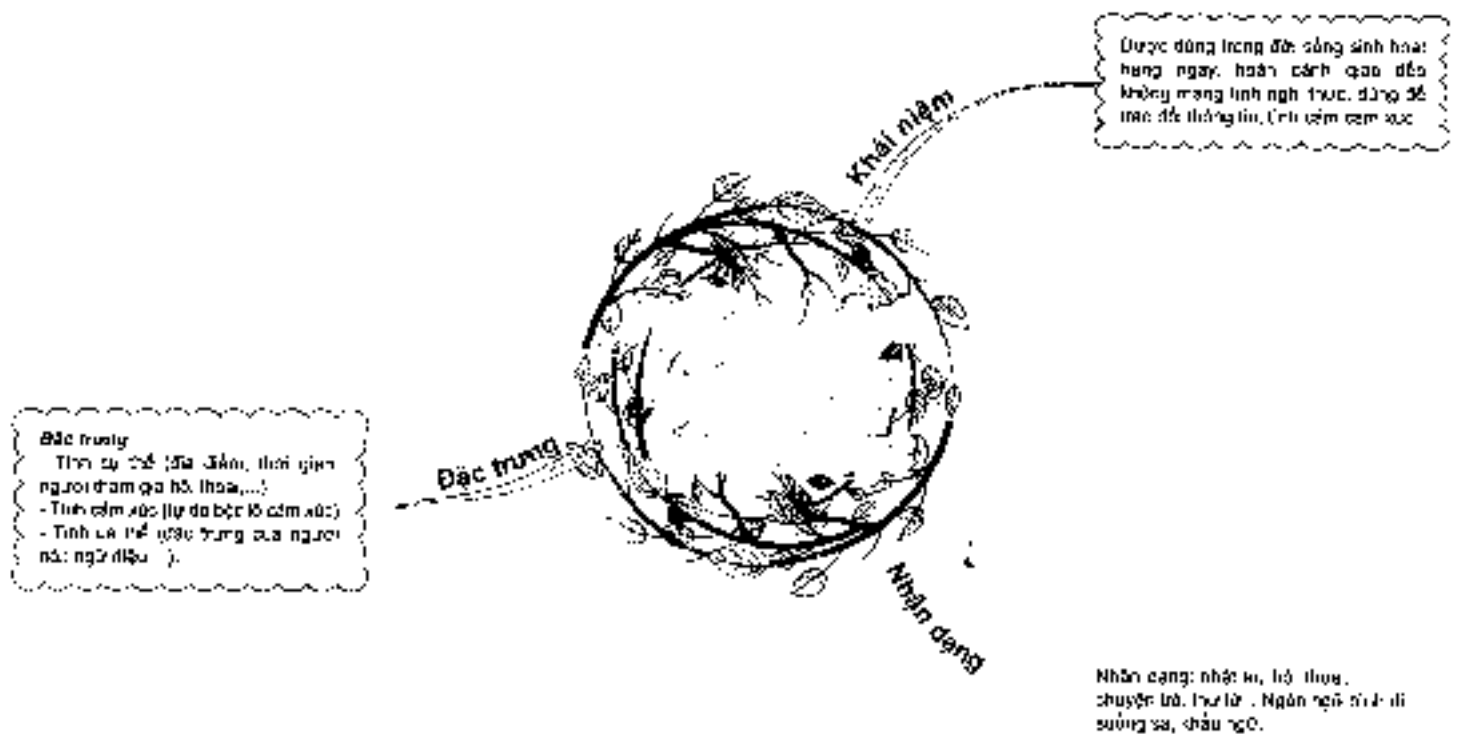


<b>Biểu cảm</b>	Là phương thức dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc.	<p> <i>Trước muôn trùng sông bể  Em nghĩ về anh, em  Em nghĩ về biển lớn  Từ nơi nào sóng lên?</i>  (Sóng – Xuân Quỳnh) </p>
<b>Nghị luận</b>	Là phương thức dùng lí lẽ, lập luận, dẫn chứng để bàn bạc một vấn đề nào đó theo quan điểm của người nói/viết.	<p> Cái mạnh của con người Việt Nam không chỉ chúng ta nhận biết mà cả thế giới đều thừa nhận là sự thông minh, nhạy bén với cái mới. Bản chất trời phú ấy rất có ích trong xã hội ngày mai mà sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu. Nhưng bên cạnh cái mạnh đó cũng còn tồn tại không ít cái yếu. Ấy là những lỗ hổng về kiến thức cơ bản do thiên hướng chạy theo những món đồ "thời thượng", nhất là khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề. Không nhanh chóng lấp những lỗ hổng này thì thật khó bề phát huy trí thông minh vốn có và không thể thích ứng với nền kinh tế mới chưa dừng đầy tri thức cơ bản và biến đổi không ngừng...  (Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới – Vũ Khoan) </p>
<b>Thuyết minh</b>	Là phương thức dùng để cung cấp, giới thiệu, giảng giải những tri thức về một sự vật, hiện tượng cho người đọc, người nghe.	<p> Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn của hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải...  (Thông tin về ngày Trái đất năm 2000) </p>
		<p> Điều 2. Đối tượng bị xử phạt  1. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo quy định của Nghị định này gồm các đối tượng dưới đây có hành vi vi phạm </p>

<p><b>Hành chính - công vụ</b></p>	<p>Là phương thức dùng để giao tiếp giữa nhà nước với nhân dân và ngược lại trên cơ sở pháp lí (thông tư, hợp đồng, báo cáo, đơn từ,...)</p>	<p><i>hành chính trong sử dụng đất đai hoặc trong việc thực hiện các hoạt động dịch vụ về đất đai, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này:</i></p> <p>a) Hộ gia đình, cộng đồng dân cư; cá nhân trong nước, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (sau đây gọi chung là cá nhân);</p> <p>b) Tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức);</p> <p>c) Cơ sở tôn giáo.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân được áp dụng quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam theo quy định của pháp luật không thuộc đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này."</p> <p>(Trích Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai)</p>
------------------------------------	--	--

## 1. TIẾP CẬN CÁC PHÉP LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN

Liên kết chủ đề (Nội dung)	Liên kết logic (Hình thức)
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các câu và các đoạn văn cùng hướng tới một chủ đề, làm sáng tỏ chủ đề cần viết.</li> <li>- Nếu không có sự liên kết về mặt chủ đề thì bị gọi là lạc đề.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các biện pháp tạo nên liên kết logic là:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <b>Phép lặp từ ngữ:</b> lặp lại câu đứng sau từ ngữ đã xuất hiện ở câu trước.</li> <li>+ <b>Phép lặp cấu trúc:</b> lặp lại dạng cấu trúc câu đã xuất hiện trước đó trong cùng một đoạn văn hay khác đoạn văn nhưng cùng một chủ đề.</li> <li>+ <b>Phép đồng nghĩa, trái nghĩa, liên tưởng:</b> Sử dụng ở câu đứng sau các từ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước.</li> <li>+ <b>Phép thế:</b> Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước</li> <li>+ <b>Phép nối:</b> Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước.</li> </ul> </li> </ul>



# Phong cách ngôn ngữ khóa học

Khái niệm

Dùng trong lĩnh vực nghiên cứu,  
trong các văn bản khoa học.

Đặc trưng

Tính khái quát, trừu tượng (người  
đọc phải cố trí thức liên quan mới  
hiểu được).

Tính lí trí, logic  
(đòi hỏi sự chính xác).

Tính khách quan, phi cá thể (không  
lộ cảm xúc, dấu ấn cá nhân; mang  
tính trung hòa).

Nhân dạng

Luận văn, luận án, sách khoa học  
chuyên sâu, sách giáo khoa,...

Văn bản tuyên truyền,  
cổ động, giáo dục...

Nhân dạng

## Phong cách ngôn ngữ chính luận

Khái niệm

Là phong cách ngôn ngữ dùng trong các văn bản  
bày tỏ quan điểm, tư tưởng chính trị thiết thực,  
nóng bỏng của đời sống.

Đặc trưng

Tính công khai quan điểm  
chính trị; thể hiện được quan  
điểm cá nhân.

Tính chặt chẽ trong biểu đạt  
và suy luận: lí lẽ, lập luận,  
dẫn chứng hợp lí.

Tính truyền cảm, thuyết  
phục: lời kéo dự đồng tình  
của người đọc, người nghe.

# Phong cách ngôn ngữ báo chí



Khái niệm

Dùng trong văn bản thông báo  
thời sự trong nước và quốc tế,  
phản ánh chính kiến của tờ báo

Nhận dạng

Bản tin, phóng sự, tiểu phẩm,  
tập san, tạp chí...

Đặc trưng

Tính thời sự: cập nhật kịp thời  
sự kiện nóng hổi

Tính chiến đấu, thuyết phục,  
giáo dục: đấu tranh cho công  
li, tiếp cận tư tưởng tích cực  
cho người đọc, người nghe.

Tính hấp dẫn, kích thích, gọn trí  
lô mô, tiếp nhận của người  
đọc, người nghe.

## Phong cách ngôn ngữ hành chính công vụ

Khái niệm

Là phong cách ngôn ngữ  
dùng trong giao tiếp thuộc  
lĩnh vực hành chính.

Đặc trưng

Tính khuôn mẫu: trình bày,  
kết cấu theo quy định có  
sẵn, từ ngữ toàn dân...

Tính minh xác: câu văn  
tương minh, đơn nghĩa.

Tính công vụ: hạn chế tối  
đa tình cảm cá nhân, từ  
ngữ biểu cảm nếu có thì  
cũng được dùng mang  
tính ước lệ, khuôn mẫu.

Nhận dạng

Đơn xin việc, đơn khiếu nại,  
đơn nghỉ việc,...

# PHÂN LOẠI CÂU TRONG TIẾNG VIỆT

## 1. Phân loại câu tiếng Việt

Câu trần thuật

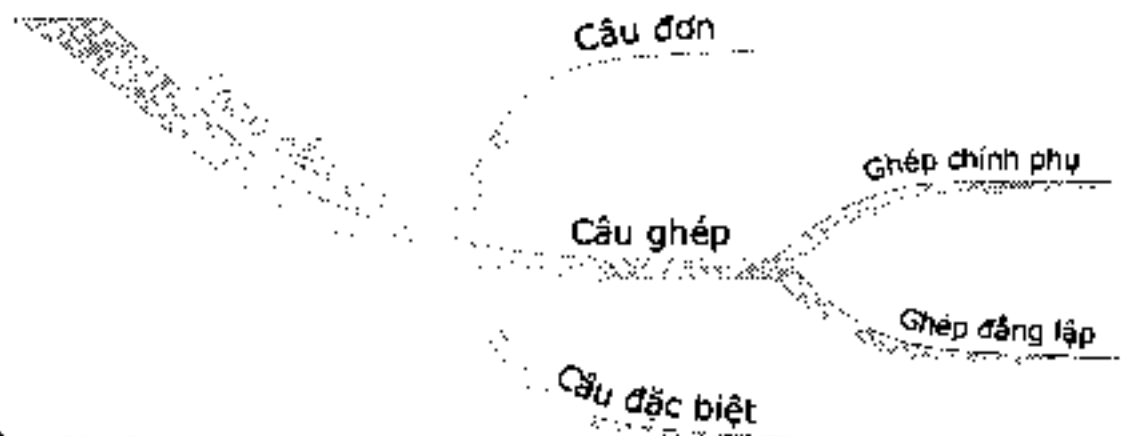
Câu nghi vấn

Câu cầu khiến

Câu cảm thán




## PHÂN LOẠI CÂU



## 2. Các thành phần biệt lập

STT	Thành phần biệt lập	Khái niệm	Công dụng	Dấu hiệu	Ví dụ
1	Tình thái	Thành phần tình thái được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.	Đánh giá sự vật, sự việc của người nói (viết) về nội dung được nói đến trong câu.	Những từ chỉ mức độ.	chắc chắn, có lẽ, ắt hẳn...

2	<b>Cảm thán</b>	Thành phần cảm thán được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn, mừng, giận...)	Bộc lộ cảm xúc	Các từ ngữ cảm thán	Ô, trời ơi, ôi...
3	<b>Gọi đáp</b>	Thành phần gọi - đáp được dùng để tạo lập hoặc để duy trì quan hệ giao tiếp. Qua đó cũng thể hiện được thái độ của người nói (viết) với người nghe (người đọc)	+ Duy trì cuộc giao tiếp + Thể hiện được thái độ của người nói (người viết) đối với người người nghe (người đọc)	Từ ngữ gọi đáp	Này, ơi, thưa ông, thưa bà...
4	<b>Phụ chú</b>	Thành phần phụ chú được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu	Bổ sung chi tiết cho nội dung chính của câu	Thường được đặt giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hai dấu ngoặc đơn, giữa một dấu gạch ngang với một dấu phẩy, sau dấu hai chấm	Lúc đi, đưa con gái đầu lòng của anh - và cũng là đứa con duy nhất của anh, chưa đầy một tuổi.



*Khát vọng vươn lên phía trước,  
đó chính là mục đích cuộc sống.*

M. GOOC - KI



# BÀI 2: CHUYÊN ĐỀ NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

## Phần 1 MỘT SỐ LƯU Ý KHI LÀM BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

### 1. Một số lỗi thường gặp khi làm bài

Liên hệ quá máy móc, khuôn mẫu

Phân bố thời gian làm bài không hợp lí



Dẫn chứng quá ít, chung chung, không thuyết phục

Câu văn không đúng phong cách

- Phân bố thời gian làm bài không hợp lí.
- Viết câu rườm rà, quá nhiều yếu tố biểu cảm làm mất đi tính rõ ràng, xác thực mà một bài nghị luận xã hội cần có.
- Dẫn chứng đưa ra không hợp lí, quá ít hoặc quá nhiều; dẫn chứng chung chung và mang tính chủ quan; thiếu dẫn chứng thực tế.
- Liên hệ quá máy móc, khuôn mẫu, chưa định hướng được hành động cụ thể của bản thân.

### 2. Những lưu ý khi làm bài Nghị luận xã hội

- Câu Nghị luận xã hội thường chiếm 2 điểm trong tổng số toàn bài thi. Đồng thời, giới hạn dung lượng (thường gặp) là khoảng 200 chữ nên cần biết phân bố thời gian làm bài cho hợp lí (khoảng 15 phút).
- Đọc kĩ yêu cầu của đề là viết đoạn hay bài văn để tránh những sai sót không đáng có về cách trình bày (thường là đoạn văn có giới hạn số chữ).
- Phải xác định xem đây là dạng nghị luận gì (tư tưởng đạo lí hay hiện tượng đời sống) để có cách triển khai phù hợp.
- Phải đảm bảo đủ cấu trúc của một bài nghị luận xã hội hoàn chỉnh để tránh bị mất điểm:
- + Có đủ 3 phần: Mở bài, Thân bài và Kết bài (trong trường hợp chưa làm xong bài mà đã hết thời gian

đã gần hết thì cần kết bài ngay để đảm bảo được cấu trúc bài viết).

- + Phải đảm bảo tính cân đối giữa ba phần.
- + Xác định trọng tâm của bài viết là ở đâu và chú trọng vào đó.
- + Biết vận dụng đa dạng các biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, nhân hóa,...) kết hợp với các thao tác lập luận trong văn bản (giải thích, phân tích, chứng minh,...) để bài viết có sức thuyết phục và sống động hơn.
- + Biết sử dụng các yếu tố biểu cảm và nêu cảm nghĩ riêng.
- Đặc biệt chú ý đến việc sử dụng và phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.
- Để làm tốt kiểu bài này, các em cần trang bị cho mình một vốn kiến thức sâu rộng về đời sống xã hội thông qua việc nghiên cứu, tìm hiểu, ghi nhớ các thông tin trên báo đài, mạng xã hội, những vấn đề xảy ra quanh cuộc sống chúng ta.

## Phần 2 MỘT SỐ KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

### 1. Nghị luận về tư tưởng đạo lí

Nghị luận về tư tưởng đạo lí là sử dụng các thao tác lập luận để làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến đạo đức, tư tưởng, lối sống, cách sống... của con người trong xã hội.

Ví dụ:

- Suy nghĩ của anh chị về câu nói: "Lao động bao giờ cũng là cơ sở cho cuộc sống con người và cho văn hóa" (A. Makarenko).
- Suy nghĩ của anh chị về lòng nhân ái trong cuộc sống hiện đại.
- Suy nghĩ của anh chị về truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc.

Cách ứng xử


Lí tưởng, lẽ sống

NGHỊ LUẬN  
VỀ MỘT TƯ  
TƯỞNG, ĐẠO LÍ

Đạo đức, tâm hồn, tính cách

Quan hệ xã hội

Quan hệ gia đình



*Một người vĩ đại có hai quả tim:*

*một quả tim chảy máu,*

*một quả tim khoan dung.*

GIBRAN



a. Cách thức triển khai đề nghị luận về một tư tưởng, đạo lí

Rút ra bài học cho bản thân

Suy tôn, ca ngợi những biểu hiện tốt

Thể hiện quan điểm cá nhân

Bước 4

Phê phán, bác bỏ những biểu hiện xấu

## NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ

Mở rộng bằng cách giải thích, chứng minh

Bước 3

Mở rộng bằng cách đào sâu thêm vấn đề

Mở rộng bằng cách lật ngược vấn đề

Bước 1

Giải thích từ ngữ trọng tâm

Khái niệm

Nghĩa đen

Nghĩa bóng (Nếu có)

Câu nói

Giải thích ý nghĩa tổng quát

Nhận định

Câu chuyện

Bước 2

Phân tích các mặt đúng

Biểu hiện

Tác dụng/ hiệu quả

Chỉ ra tầm quan trọng của tư tưởng, đạo lí

Dẫn chứng minh họa

Bác bỏ, phê phán các mặt sai

Thực trạng

Tác hại

Thực trạng

# ĐỀ CƯƠNG CHỖ ĐỂ VIẾT

b. Một số lưu ý khi làm bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí

- Đọc kĩ đề, gạch chân các từ then chốt, xác định yêu cầu của đề (nội dung đề cập là gì? Hình thức trình bày ra sao? Phạm vi tư liệu cần sử dụng?).

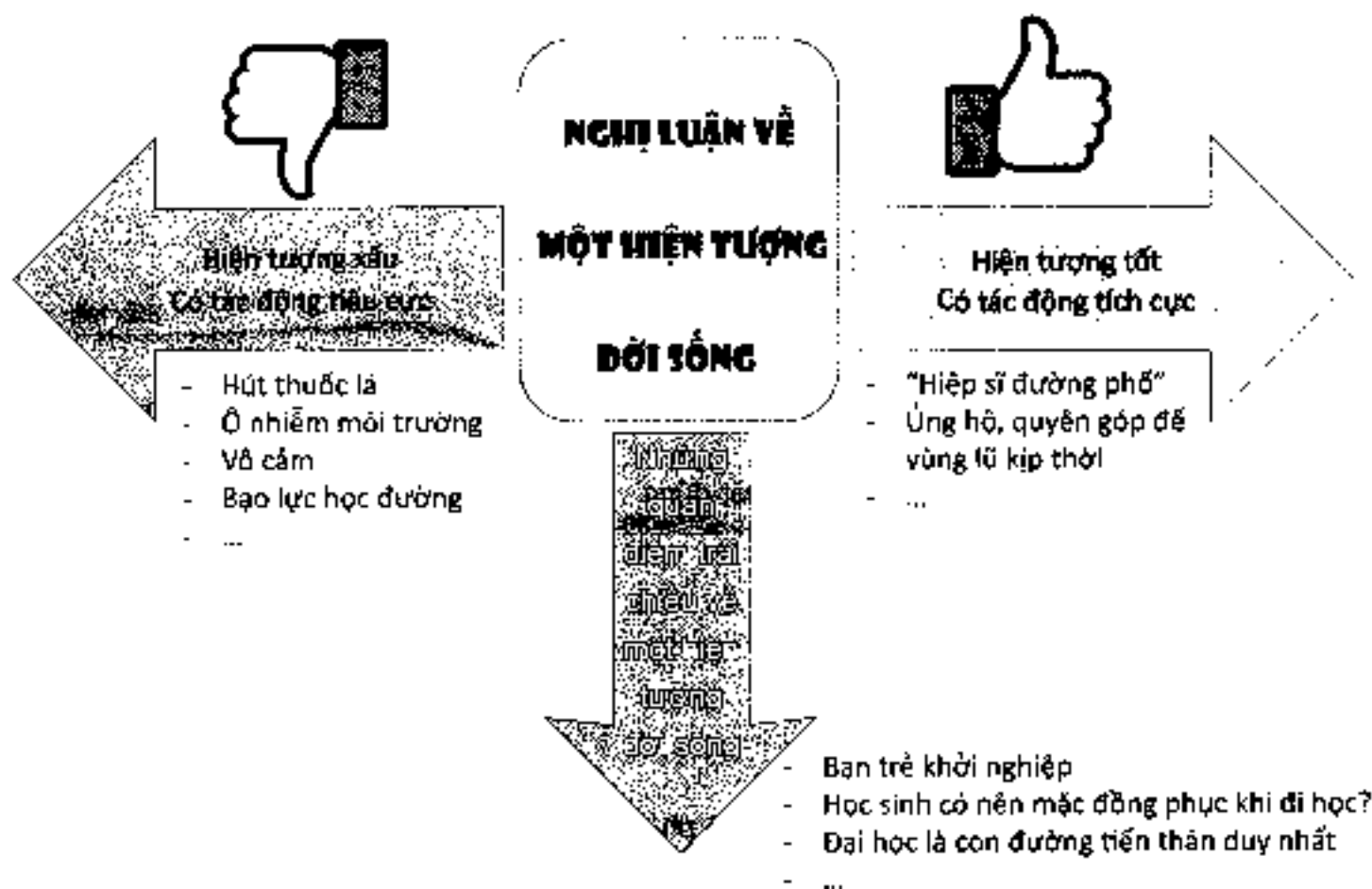
- Xác định xem đây là dạng đề nào để có những cách triển khai cho phù hợp:

+ Dạng đề trực tiếp: Học sinh dễ dàng nhận ra và gạch dưới luận đề trong đề bài.

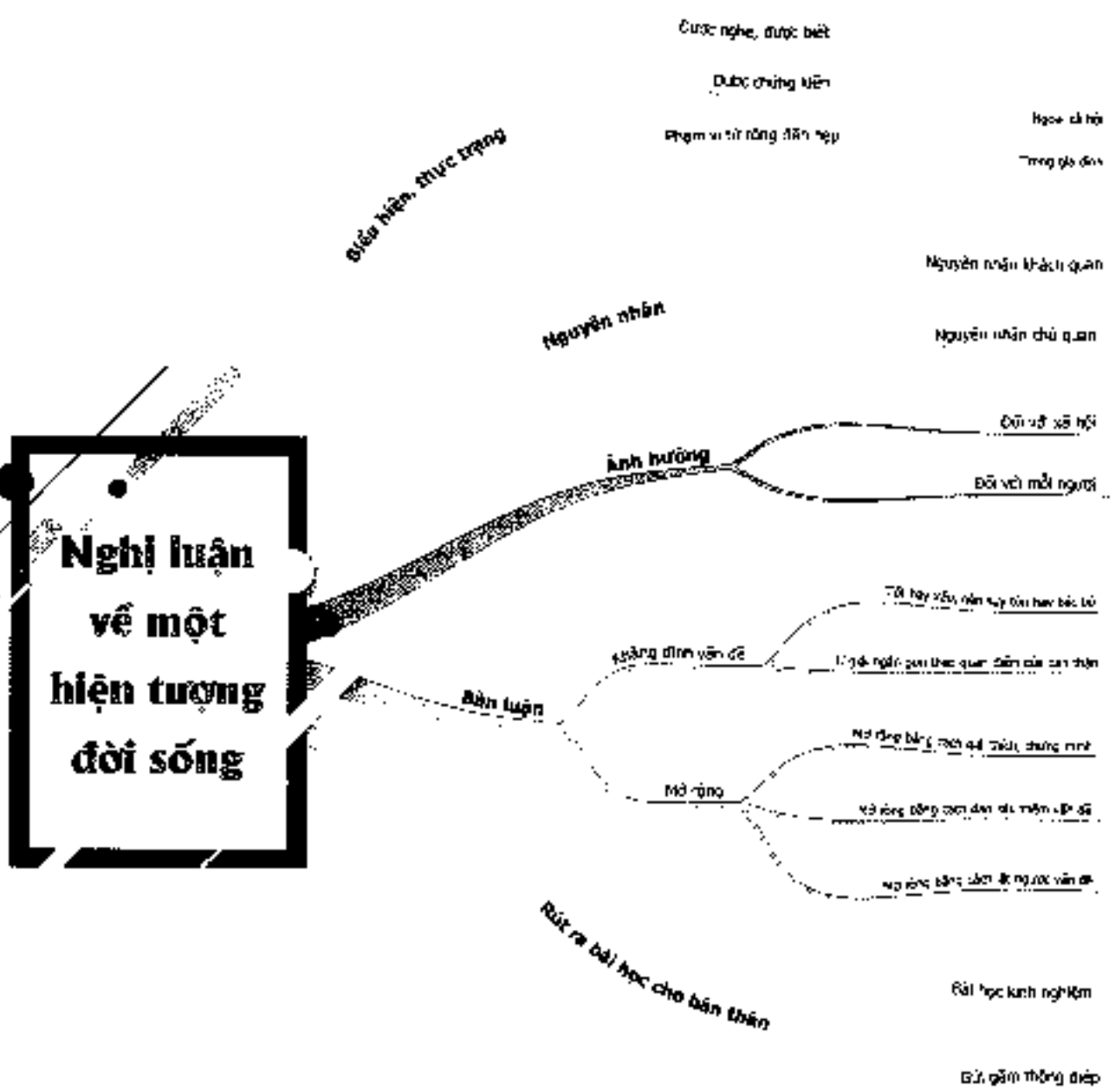
+ Dạng đề gián tiếp: Học sinh cần đọc kĩ đề bài, dựa vào ý nghĩa câu chuyện, câu nói, văn bản được trích dẫn mà xác định luận đề.

## 2. Nghị luận về một hiện tượng đời sống

Nghị luận về một hiện tượng đời sống là bàn bạc về một hiện tượng đang diễn ra trong thực tế đời sống xã hội mang tính chất thời sự, thu hút sự quan tâm của nhiều người như ô nhiễm môi trường, nếp sống văn minh đô thị, tai nạn giao thông, bạo hành gia đình, lối sống thờ ơ vô cảm, đồng cảm và sẻ chia sẻ... Đó có thể là một hiện tượng tốt hoặc xấu, đáng khen hoặc đáng chê. Nghị luận về một hiện tượng đời sống không chỉ có ý nghĩa xã hội, tác động đến đời sống xã hội mà còn có tác dụng giáo dục tư tưởng, đạo lí, cách sống đúng đắn, tích cực đối với học sinh, thanh niên.



a. Cách thức triển khai đề nghị luận về một vấn đề xã hội được đặt ra trong tác phẩm văn học



## **2. Yêu cầu đối với bài nghị luận về một hiện tượng đời sống**

### **b. Một số lưu ý khi làm bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống**

- Đọc kĩ đề để hiểu đúng, sâu, nắm được bản chất vấn đề.
- Học sinh phải thể hiện rõ quan điểm, thái độ của mình trước hiện tượng nghị luận, phải giữ lập trường vững vàng trước mọi hiện tượng và có những lí lẽ rõ ràng, thuyết phục để bảo vệ quan điểm của mình.
- Đưa ra số lượng dẫn chứng phù hợp để bài làm có sức thuyết phục (cả bài không thể chỉ có một dẫn chứng nhưng cũng không đưa ra quá nhiều, tràn lan mà phải biết chắt lọc). Thông thường cứ đưa ra một lí lẽ, luận điểm thì cần có một dẫn chứng để chứng minh.
- Học sinh cần trang bị cho mình vốn hiểu biết về kiến thức đời sống xã hội để có thể chứng minh, lí giải vấn đề một cách rõ ràng hơn.

### **3. Nghị luận về một vấn đề xã hội được đặt ra trong tác phẩm văn học**

Nghị luận về một vấn đề xã hội được đặt ra trong tác phẩm văn học là dạng đề tổng hợp giữa làm văn và đọc văn. Chính vì thế, để giải quyết được đề bài này, các em vừa phải có kiến thức chắc chắn về tác phẩm văn học, vừa phải am hiểu sâu rộng tri thức đời sống xã hội.

Bản chất của đề văn là nghị luận về một hiện tượng đời sống. Bởi thế, cách thức triển khai đề văn này tương tự với cách thức triển khai đã đề cập ở mục 2, chỉ cần bổ sung ngắn gọn kiến thức tác phẩm được đặt ra. Đó như là một cái "cớ" để người ra đề khơi gợi các hiện tượng và yêu cầu người viết bày tỏ quan điểm.





*Học vấn do người siêng năng đạt được,  
tài sản do người tỉnh táo sở hữu,  
quyền lợi do người dũng cảm nắm giữ,  
thiên đường do người lương thiện xây dựng.*

FRANKLIN



# Trình bày luận điểm và luận cứ

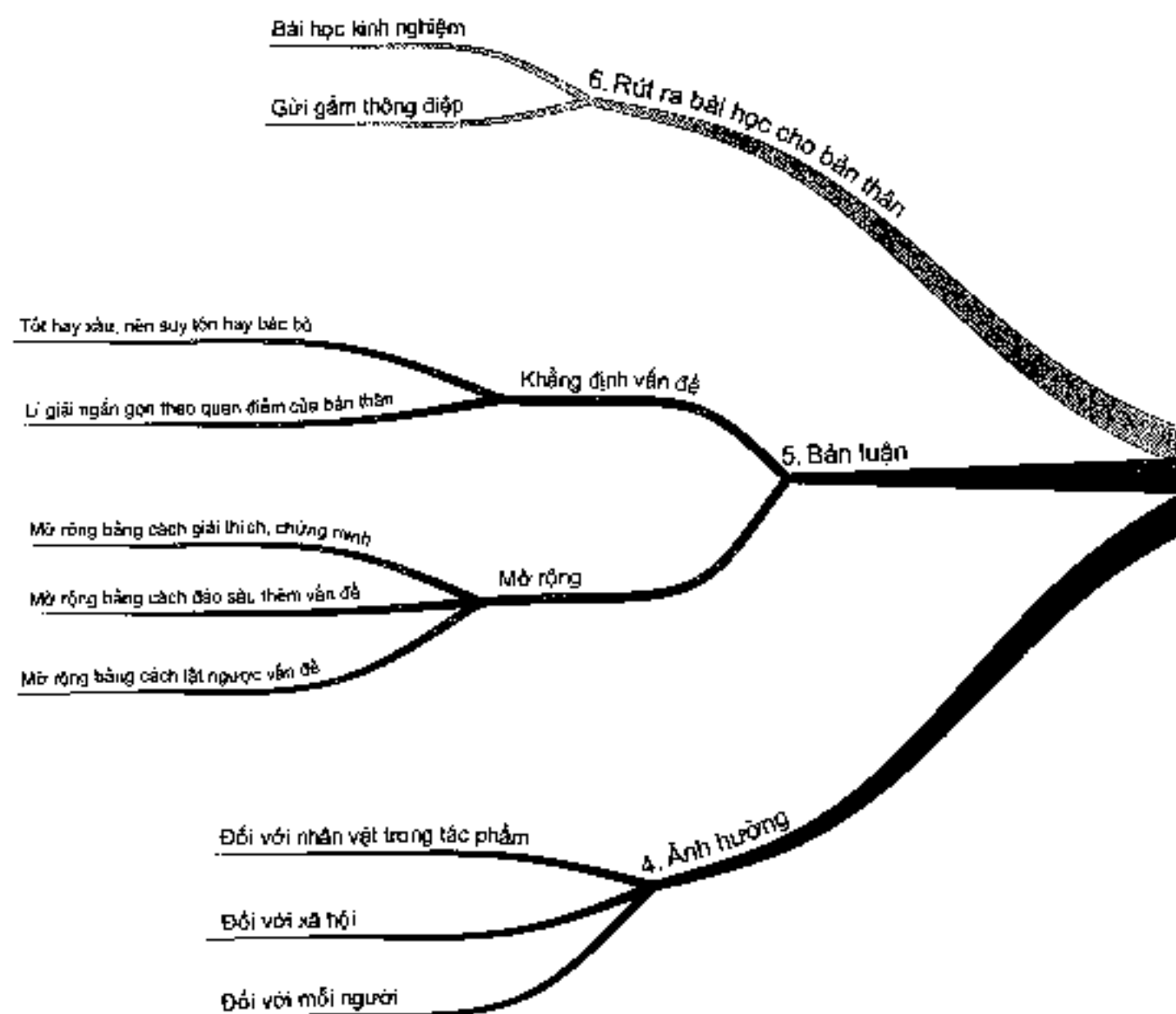
## trong tác phẩm văn học

a. Cách thức triển khai đề nghị luận về một vấn đề xã hội được đặt ra trong tác phẩm văn học

Ngữ luận

về một **vấn đề xã hội**

được đặt ra trong **tác phẩm văn học**



# 1. Phân tích sơ lược vấn đề văn học

Giới thiệu tác phẩm văn học

Giới thiệu, phân tích vấn đề được đặt ra trong tác phẩm

Thể hiện trong tác phẩm

Được nghe, được biết

Được chứng kiến

Phạm vi từ rộng đến hẹp

Ngoài xã hội

Trong gia đình

# 3. Nguyên nhân

Nguyên nhân khách quan

Nguyên nhân chủ quan

## ĐỀ NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

b. Một số lưu ý khi làm bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội được đặt ra trong tác phẩm văn học

### **\* Một số lỗi thường gặp**

- Học sinh nhầm lẫn đề nghị luận vấn đề xã hội đặt ra từ một tác phẩm văn học với đề nghị luận văn học.

- Quá chú trọng vào cốt nghĩa cái hay, vẻ đẹp của yếu tố ngôn ngữ, hình tượng nghệ thuật trong văn bản,... Phần nghị luận vấn đề xã hội (phần trọng tâm) làm rất sơ sài, dẫn đến sai lệch yêu cầu của đề.

- Suy diễn, áp đặt ý kiến chủ quan, hiểu không chính xác nội dung tư tưởng cũng như vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm.

### **\* Một số lưu ý**

- Nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học là kiểu bài nghị luận xã hội, không phải kiểu bài nghị luận văn học. Cần tránh tình trạng làm lạc đề sang nghị luận văn học.

- Học sinh cần đọc kĩ đề để hiểu rõ yêu cầu của đề. Xác định đúng yêu cầu của đề thì sẽ có hướng viết đúng.

- Học sinh phải nêu và phân tích được ý nghĩa của vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học và phát triển bày được suy nghĩ của mình về vấn đề xã hội đó.

- Học sinh phải đọc kĩ để có thể nhận dạng được đúng đề, tránh lạc đề. Vấn đề xã hội đặt ra cho dạng đề nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học có thể lấy từ hai nguồn:

+ Tác phẩm văn học đã học trong chương trình.

+ Một câu chuyện nhỏ, một văn bản văn học ngắn gọn bất kì mà học sinh chưa được học.